



TRẦN QUANG ĐỨC



NGÀN NĂM ÁO MŨ



LỊCH SỬ TRANG PHỤC VIỆT NAM
GIẢI ĐOẠN 1009-1945



nhà nam



nhà nữ



NGÀN NĂM ẢO MŨ

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC VIỆT NAM
QUYỂN 1000-1045

TRẦN QUANG ĐỨC

Ngàn Năm Áo Mũ
Bản quyền tác phẩm © Trần Quang Đức, 2013

Ảnh và tranh minh họa do tác giả chụp, vẽ và sưu tập.

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng tác phẩm giữa Công ty Văn hóa và Truyền thông
Nhà Nam và tác giả Trần Quang Đức, 2013

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng
in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho
phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của
nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.
Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

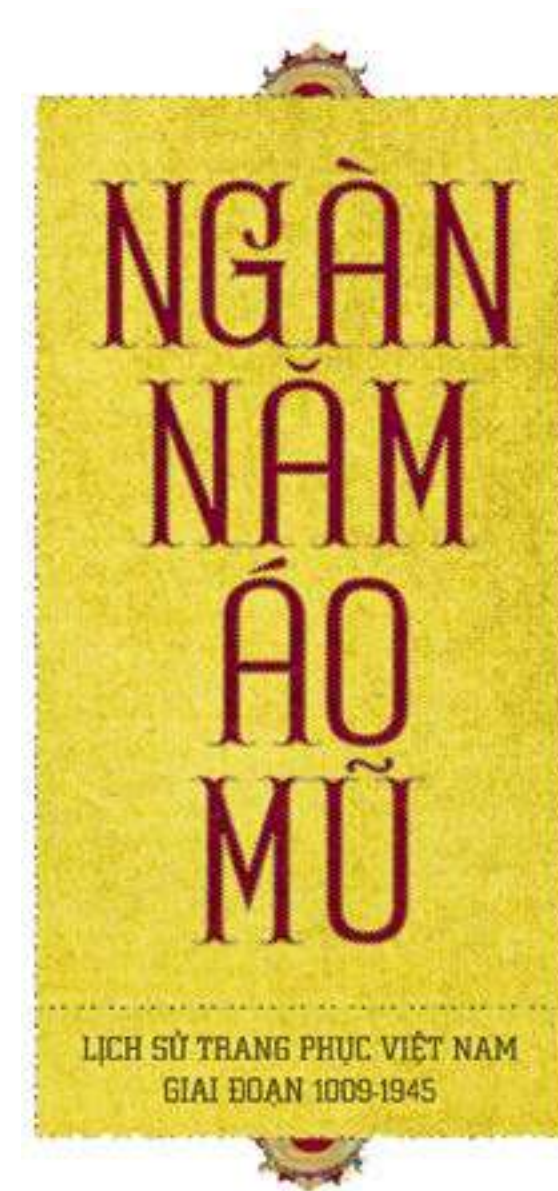
Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trần Quang Đức

Ngàn năm áo mũ / Trần Quang Đức. - H. : Thế giới ; Công ty Văn hoá và Truyền thông
Nhà Nam, 2013. - 397tr. : ảnh, tranh ; 25cm

1. Trang phục truyền thống 2. Việt Nam
391.009597 - dc14

TGH0007p-CIP



LỜI CẢM ƠN

Ngàn năm áo mũ chắc chắn không thể hoàn thành sớm nếu không có sự giúp đỡ nhiệt tình từ phía những người bạn, người đồng nghiệp của chúng tôi.

Nay nhân dịp cuốn sách được ra mắt bạn đọc, chúng tôi xin cảm ơn các anh chị Trịnh Bách, Lý Tiệp, Philippe Trương, Nguyễn Lâm Cường, Nguyễn Như Đan Huyền, Nomura Chosho, Nguyễn Quang Duy, Nguyễn Nhật Anh, Nguyễn Thành Đạt, Đỗ Thận Tuấn, Nguyễn Thế Bách, Nguyễn Thị Dung, Tô Lan, Trần Văn Quyến, Nguyễn Phát Hà Giang, Chihiro Motohiro, Hồ Như Ý, là những người đã sao chụp, cung cấp tư liệu cho chúng tôi. Đặc biệt, Lý Tiệp còn là người giúp chúng tôi thực hiện một số tranh vẽ phục dựng.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn anh Đinh Thanh Hiếu, Trịnh Bách, Đoàn Ánh Dương, những người đã tận tình hiệu đính bản thảo, bác Đỗ Lai Thúy, bác Dương Trung Quốc, anh Nguyễn Mạnh Tiến, chị Quách Hiền, anh Đặng Hải Quang những người đã có nhiều sự quan tâm và giúp đỡ chúng tôi trong việc tìm kiếm các nguồn tài trợ.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các anh Nguyễn Hữu Chiến, Nguyễn Hồng Minh, Nguyễn Quang Huy cùng công ty PMC, công ty BFS đã tài trợ cho công trình nghiên cứu này.

Chúng tôi xin gửi lời tri ân tới ban lãnh đạo cùng các anh chị phòng Tu thư, phòng Chế bản thuộc Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, những người đã tạo nhiều điều kiện cho sự ra đời cuốn sách này. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn chị Nguyễn Hoàng Diệu Thủy, biên tập viên chính của cuốn sách, chị Mai Thị Mai, người trực tiếp trình bày cuốn sách, và anh Tạ Quốc Kỳ Nam, họa sĩ thiết kế bìa sách.

Hà Nội, cuối xuân năm Quý Ty 2013

Trần Quang Đức

LỜI TỰA 1

Ở nước ta, trước nay khi muốn tìm hiểu văn hóa cổ của dân tộc, nhất là về cách ăn mặc, người ta không biết phải trông vào đâu. Các sách cổ như *Lịch triều hiến chương* hay các sách *Khâm định*, *Hội điển* đôi khi có nhắc đến một vài kiểu y phục, mũ mào, nhưng cũng chỉ sơ lược, và thường không có hình ảnh dẫn chứng.

Các tác phẩm trên được viết với mục đích áp dụng cho người đương thời, chứ không phải là sử liệu hay tài liệu văn hóa cho đời sau. Hơn nữa, trong thời đại của các cổ tác gia đó, khi những kiểu loại trang phục được nhắc đến trong sách của họ vẫn còn thông dụng, tên gọi họ liệt kê vẫn là các vật dụng đời thường, thì việc giải thích về chúng là không cần thiết. Tỉ dụ như ngày nay có mấy ai cần phải được giảng giải mới biết thế nào là cái áo dài hay chiếc nón lá. Nhưng tương tự, vài năm nữa đây phần đông giới trẻ sẽ không muốn tưởng nổi cái áo đại cán như thế nào.

Văn hóa trang phục truyền thống Việt Nam bị mất dấu tích sâu đậm nhất khi nền văn hóa Tây phương do người Pháp đưa vào được áp đặt triệt để lên xã hội Việt Nam. Tiếp theo đó là sự đổi thay của lịch sử và ý thức hệ. Những biến động xã hội ấy khiến cho ngày nay không ai còn biết ông bà ta ngày xưa ăn mặc, sinh sống như thế nào. Và khi cần tái hiện lối ăn mặc của người Việt trong quá khứ, người ta “sáng tác” một cách tùy tiện.

Phim ảnh là phương tiện truyền bá văn hóa cho giới trẻ hữu hiệu và trực tiếp, nhưng hiện nay nhiều bộ phim hay vở kịch tái hiện lịch sử lại có phục trang truyền thống khác nhau. Rồi gần đây khi sự giao lưu văn hóa trở nên dễ dàng thì trang phục truyền thống Việt Nam trong phim ảnh và trên sân khấu lại mang đậm dấu ấn của phim ảnh Trung Quốc. Đây là đợt hủy diệt nguy hiểm hơn hết cho kiến thức về lịch sử văn hóa áo mũ truyền thống của giới trẻ Việt Nam.

LỜI TỰA 2

Vì thế việc ra đời của quyển sách *Ngàn năm áo mũ* là một sự cứu rỗi may mắn. Có lẽ đây là một trong những tập tài liệu văn hóa, lịch sử trang phục được nghiên cứu sâu và được biên soạn kỹ nhất ở Việt Nam, nếu không nói là quốc tế, cho đến nay. Tác giả với vốn liếng ngoại ngữ và cổ văn rất cao đã bỏ ra nhiều năm lăn lộn, tìm tòi ở các thư viện cũng như dân gian ở Việt Nam và các nước, nhất là Trung Quốc, để có được những tài liệu quý giá và chính xác đúc kết nên tác phẩm này.

Khi đọc *Đại Việt sử ký toàn thư* hay *Lịch triều hiến chương loại chí* chẳng hạn, cái “Đình tự cân”, hay mũ chữ “đình” phổ biến suốt mấy thế kỷ trong xã hội Việt Nam xưa đã làm điên đầu độc giả ngày nay. Hay thắc mắc về kiểu cắt tóc mười phân của các đời Lý, Trần, Lê, hoặc hồng bào của các hoàng đế Việt trước “thiên triều”. Và rất nhiều những loại áo, mũ nữa. Tất cả được tác giả giải thích với minh chứng khoa học và minh họa chính xác trong tập nghiên cứu *Ngàn năm áo mũ* này.

Xin chân thành cảm ơn tác giả Trần Quang Đức vì đã bỏ công sức khổ nhọc và thì giờ quý báu nhưng xứng đáng của anh trong việc biên soạn quyển sách đầy giá trị này.

Hà Nội, ngày 19.2.2013

Trịnh Bách

Thiên *Quan nghĩa* trong *Kinh Lễ* có câu: “*Phàm người mà có thể là người cho đúng nghĩa là nhờ lễ nghĩa, mà mở đầu của lễ nghĩa là ở dung thể được đoan chính, nhan sắc được trang nghiêm, lời nói được cung thuận. Dung thể đoan chính, nhan sắc trang nghiêm, lời nói cung thuận thì sau lễ nghĩa mới đầy đủ, để chính đạo vua tôi, thân đạo cha con, hòa đạo lớn nhỏ. Đạo vua tôi chính, đạo cha con thân, đạo lớn nhỏ hòa rồi sau lễ nghĩa mới lập. Cho nên đội mũ rồi sau trang phục mới đầy đủ, trang phục đầy đủ rồi sau dung thể mới đoan chính, nhan sắc mới trang nghiêm, lời nói mới cung thuận. Cho nên nói rằng lễ đội mũ là mở đầu của lễ, vì thế thánh vương thời cổ rất coi trọng lễ đội mũ*”.

Cổ nhân cho rằng trang phục là một phần quan trọng, thậm chí là mở đầu của lễ, cũng tức là văn minh, để con người đúng nghĩa là con người, khác với cầm thú.

Nước ta vốn xưng là nước văn hiến, các chính thể quân chủ lịch triều đều có khát vọng muốn xây dựng ở cõi Nam một hệ thống điển chương chế độ “không kém” (vô tổn) Hoa Hạ (Trung Quốc), và hầu cũng tự hào đã từng là chốn “*lễ nhạc y quan sở tụy, thanh danh văn vật sở đồ*” (nơi tụ hội mũ áo lễ nhạc, văn vật thanh danh). Vật đổi sao dời, ngày nay nhìn lại, sinh sau nghìn năm mà muốn nói chuyện nghìn năm trước, cũng không phải dễ dàng. Giờ đây muốn khảo lại y quan của cổ nhân, ngõ hầu không thẹn như Tịch Đàm vong tổ, thì văn hiến không đủ, văn vật cũng thưa, chỉ biết trông vào những ghi chép của các bậc tiền nhân như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Phạm Đình Hổ v.v. hay chính sử, hội điển các vương triều, nhưng chữ nghĩa kỳ khu, danh vật xa cách, cũng thật khó mà hình dung tưởng tượng ra được.

Trần Quang Đức tiên sinh dành tâm huyết mấy năm để truy khảo mũ áo nghìn năm. Ông có nhã ý đưa tôi xem bản thảo. Là người có học chút ít chữ nho, thích truy tìm cổ điển, được cuốn sách của ông đưa vào

MỤC LỤC

thế giới y quan văn vật của cổ nhân, với tôi có sức hấp dẫn lạ thường. Với một tư duy mạch lạc, lập luận chặt chẽ, tư liệu phong phú, kết hợp thư tịch với đồ hình, ảnh tượng, sách vở với thực tế, tham chiếu cả trục thời gian, không gian, cuốn sách có thể xem là đã góp phần “minh trung” cho điển chương văn vật của nước Việt ta, và chắc hẳn sẽ là tư liệu cần thiết cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

Trần quân thông minh vốn sẵn tính trời, được đào tạo căn cơ, trong điều kiện mới có nhiều thuận lợi, kết hợp với tâm huyết của một người hiếu cổ nên đã làm được điều người trước muốn mà chưa làm được.

Đó là điều mà tôi thành tâm tán thán và chia vui cùng tác giả, còn nói là viết Tựa thì tôi đâu dám!

Hà Nội, tháng Mạnh xuân năm Quý Ty 2013
Đinh Thanh Hiếu

PHÀM LỆ.....	13
TỰ LUẬN.....	15



TỔNG QUAN.....	19
I. TỔNG QUAN TRANG PHỤC CUNG ĐÌNH VIỆT NAM	19
1. Những tư tưởng ảnh hưởng đến văn hóa trang phục cung đình Việt Nam....	19
1.1. Tư tưởng Đế vương	19
1.2. Quan niệm Hoa di	23
2. Lược sử trang phục cung đình Việt Nam	34
II. TỔNG QUAN TRANG PHỤC DÂN GIAN VIỆT NAM	40
Phụ lục. Biện di luận	45

CHÍNH VĂN.....	49
Chương I. TRANG PHỤC THỜI LÝ.....	49
I. Trang phục hoàng đế	53
1. Lễ phục	53
2. Thường phục.....	60
3. Tiện phục	66
II. Trang phục bá quan.....	71
1. Lễ phục	71
2. Triều phục	72

3. Thường phục.....	75
III. Trang phục quân đội.....	82
IV. Trang phục dân gian.....	87
1. Y phục	87
2. Kiểu tóc.....	91
Phụ lục 1. Một số ghi chép liên quan tới trang phục Chiêm Thành từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV.....	96
Phụ lục 2. Một số ghi chép và hình ảnh liên quan tới vũ nhạc Việt Nam thời Lý Trần.	99

Chương II. TRANG PHỤC THỜI TRẦN....	101
I. Trang phục hoàng đế	106
1. Triều phục	106
2. Thường phục	107
3. Tiện phục	110
II. Trang phục bá quan.....	112
1. Lễ phục	112
2. Thường phục	118
*Đôi nét về bức họa <i>Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ</i>	128
III. Trang phục quân đội.....	133
IV. Trang phục dân gian.....	135
1. Y phục	135
2. Kiểu tóc.....	137
Phụ khảo. Cải cách quan phục năm 1396 và trang phục thời Hồ	141
Phụ lục 1. Trang phục cư tang và quan	

niệm về hai màu đen trắng	147
Phụ lục 2. Số lượng thốt lụa và quạt cống sang nhà Minh từ năm 1416 đến 1423	149
Phụ lục 3. Bản hiệu chính phần Chương phục trong sách <i>An Nam chí lược</i>	150



Chương III. TRANG PHỤC THỜI LÊ	153
Trang phục thời Lê sơ	160
I. Trang phục hoàng đế	161
1. Lễ phục - Triều phục	161
2. Thường phục	165
II. Trang phục bá quan	169
1. Công phục - Triều phục	171
2. Thường phục	175
3. Trang phục quân đội	181
Phụ khảo. Trang phục nhà Mạc	183



Trang phục thời Lê Trung Hưng	187
I. Trang phục vua chúa	188
1. Triều phục	189
2. Tế phục	192
3. Thường phục	195
4. Tiệm phục	198

II. Trang phục bá quan	200
1. Triều phục	202
2. Thường phục - Thị phục	211
3. Tiệm phục	224
III. Trang phục hậu cung	228
1. Lễ phục	229
2. Tiệm phục	232
IV. Trang phục quân đội	234
V. Trang phục dân gian	240
1. Y phục	240
2. Kiểu tóc	246
Phụ khảo 1. Cải cách y phục Đàng Trong năm 1744 – Sự ra đời và quá trình phổ cập của áo dài năm thân	258



Chương IV. TRANG PHỤC THỜI TÂY SƠN	267
I. Trang phục cung đình	267
II. Trang phục dân gian	272



Chương V. TRANG PHỤC THỜI NGUYỄN	275
I. Trang phục hoàng đế	278
1. Lễ phục	278
2. Triều phục	288
3. Thường phục	293

4. Quân phục	295
II. Trang phục bá quan	297
1. Lễ phục	297
2. Triều phục	307
3. Thường phục	322
III. Trang phục hậu cung	335
1. Triều phục	335
2. Thường phục	342
IV. Trang phục quân đội	345
V. Trang phục dân gian	348
1. Y phục	348
2. Kiểu tóc	351
LỜI KẾT	355



PHỤ LỤC	357
Bảng quy chế Triều phục của bá quan triều Lê Trung Hưng năm 1661	
Bảng quy chế Triều phục của bá quan triều Lê Trung Hưng năm 1721	
Bảng quy chế Triều phục của bá quan triều Lê	



Trung Hưng năm 1725
Bảng quy chế Thị phục châu chúa của bá quan triều Lê Trung Hưng năm 1721
Bảng quy chế Triều phục của bá quan triều Nguyễn năm 1804
Bảng quy chế Triều phục của bá quan triều Nguyễn năm 1845
Bảng quy chế Triều phục của một số vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất triều Nguyễn năm 1845
Bảng quy chế Thường phục của bá quan triều Nguyễn năm 1804

TIỂU TỪ ĐIỂN TRANG PHỤC VIỆT NAM
THƯ MỤC SÁCH TRÍCH DẪN



Trong cuốn sách này, tên các sách trích dẫn được in nghiêng, không viết tắt, ngoại trừ *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* lần lượt được gọi tắt là *Toàn thư*, *Cương mục*, *Loại chí* và *Hội điển*. *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (Những người bạn cố đô Huế) chúng tôi vẫn sử dụng tên viết tắt thông dụng là BAVH. Các thông tin trong *Toàn thư*, *Cương mục*, chúng tôi chỉ dẫn năm. Tại phần cước chú chúng tôi nhất loạt chỉ đề tên sách và vị trí thông tin trích dẫn. Bạn đọc có thể tra các thông tin đầy đủ liên quan đến tên tác giả, nhà xuất bản và năm xuất bản tại phần thư mục trích dẫn ở cuối sách.

Với các tư liệu Hán văn cổ, chúng tôi trực tiếp dịch ra quốc văn, không chú kèm âm Hán Việt trong nội dung chính, nguyên văn sẽ được chú dẫn đầy đủ tại phần cước chú để bạn đọc quan tâm tiện tham khảo. Quy cách chú dẫn như sau: (Tên nước) *Tên sách - Phân mục*. Ví dụ: (Triều) *Chi Phong tiên sinh tập - Q.8 - An Nam quốc sử thần xướng họa vấn đáp lục - Hậu*, tức là phần *Hậu* trong mục *An Nam quốc sử thần xướng họa vấn đáp lục* nằm trong Quyển 8 sách *Chi Phong tiên sinh tập* của Triều Tiên - Hàn Quốc.

Một số bản tư liệu cổ sao chụp được chúng tôi khai thác tại các trang web như cadal.zju.edu.cn (Trung Mỹ bách vạn đồ thư), archive.org, record.museum.kyushu-u.ac.jp (Bảo tàng Đại học Kyushu, Nhật Bản), yoksa.aks.ac.kr/main.jsp (Trung tâm Thông tin Nghiên cứu Hàn Quốc, Học viện Nghiên cứu Hàn Quốc) v.v. Bạn đọc quan tâm có thể tham khảo trực tiếp trên các trang web này.



Sự thiếu khuyết sử liệu - hiện vật là một trong những trở ngại lớn, gây nhiều khó khăn cho các nhà nghiên cứu khi lần tìm diện mạo trang phục cổ của người Việt Nam. Ngay Phan Huy Chú (1782-1840) trong *Loại chí* cũng phải thừa nhận có nhiều kiểu mũ ông không thể khảo được. Tuy thiên về khảo quy chế trang phục vua quan triều Hậu Lê, *Loại chí* vẫn được coi là tập chuyên khảo trang phục các triều đại đầu tiên tại Việt Nam.

Tham khảo *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, Trương Quốc Dụng (1797 - 1864) hoàn thành phần khảo quy chế áo mào cung đình từ triều Tiền Lê cho tới triều Nguyễn, ghi lại trong *Công hạ ký văn*. Năm 1915, Phan Kế Bính với *Việt Nam phong tục*, năm 1938, Đào Duy Anh với *Việt Nam văn hóa sử cương*, bước đầu vạch ra những nét phác họa chung cho trang phục dân gian Việt Nam. Năm 1970, Nhất Thanh với *Đất lề quê thói*, Toan Ánh với *Nếp cũ con người Việt Nam* tiếp tục đặt bút khắc tả lối ăn vận dân gian theo tập quán thời Nguyễn v.v. Hơn hai chục năm trở lại đây xuất hiện thêm một số nhà nghiên cứu trang phục như Đoàn Thị Tình (*Tìm hiểu trang phục Việt Nam* - 1988, *Trang phục Việt Nam* - 2006, *Trang phục Thăng Long Hà Nội* - 2010), Ngô Đức Thịnh (*Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam* - 1994), Trịnh Quang Vũ (*Lịch sử trang phục các triều đại phong kiến Việt Nam* - 2005, *Trang phục triều Lê Trịnh* - 2008) v.v. với sự tiếp cận rộng hơn tới lịch sử trang phục Việt.

Thiết nghĩ, để hiểu được lịch sử tư tưởng, văn hóa và mỹ thuật Việt Nam, nghiên cứu trang phục cổ chính là một ngành vô cùng quan trọng, cần tới sự tiếp cận mang tính khoa học, liên ngành, gắn với những chứng lý đầy đủ, xác thực. Những cuốn sách khảo cứu gần đây tuy có những đóng góp nhất định, nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế, như thường xuyên sử dụng cách dẫn chứng hàm hồ kiểu “*sử cũ ghi*”, “*sử xưa chép lại rằng*”, “*tương truyền rằng*” mà không chú rõ nguồn dẫn, xuất xứ; việc nghiên cứu nhiều khi chỉ dừng lại ở việc công bố một số tư liệu liên quan, thiếu thao tác khảo cứu, phân tích cụ thể; việc xác định, định danh các

dạng áo mũ hầu hết mang nặng tính tư biện, ước đoán. Mặt khác, tư liệu Hán Nôm được trích dẫn phần lớn là từ các bản dịch tiếng Việt sẵn có, trong khi chính những bản dịch này rất hạn chế về mặt số lượng, đồng thời tồn tại nhiều chỗ dịch không chuẩn xác, nhất là trong các phần đề cập tới trang phục.

Trong cuốn sách này, chúng tôi không đi sâu khảo cứu phương thức chế tác vải vóc, thêu thùa mà chủ yếu làm rõ kiểu dáng, quy chế của các loại áo mũ từng được sử dụng phổ biến trong cung đình và dân gian Việt Nam từ thời Lý đến thời Nguyễn. Đối với văn hóa cung đình, sự phân chia giai tầng xã hội được quy định nghiêm ngặt, chế độ áo mũ do đó cũng có luật lệ riêng, như Phan Huy Chú khẳng định: *“Đạo trị nước không gì lớn bằng Lễ, Lễ là để làm rõ tôn ti [...] Quy chế áo mũ, nghi vệ là để phân biệt trên dưới.”* (Loại chí – Lễ nghi chí) Lâu nay, trong đại chúng và trong một bộ phận giới nghiên cứu tồn tại một cảm quan rằng triều đình Việt Nam đậm chất dân gian, tôn ti lỏng lẻo, khác với triều đình Trung Quốc. Dĩ nhiên, văn hóa cung đình Việt Nam không quá mức phức tạp, nhiều khe, và ở từng triều đại khác nhau, tính tôn ti, bảo thủ cũng được thể hiện không đồng đều, song rõ ràng cung đình luôn là nơi duy trì một lễ lối văn hóa nghiêm cẩn, không đại khái, linh hoạt như văn hóa dân gian. Nhìn nhận rõ sự khu biệt giai cấp này, những quy chế phân biệt cao thấp, sang hèn trong trang phục thời phong kiến - quân chủ cũng sẽ được soi tỏ.

Cũng ở đây, đối với tư liệu tranh tượng, chúng tôi tiến hành khảo sát thận trọng dựa trên tính đồng đại của hiện vật, kết hợp hiện vật với những mô tả trong thư tịch tương quan. Lấy ví dụ, sau những biến động to lớn diễn ra vào cuối thời Trần - Hồ, đặc biệt là sau 20 năm thuộc Minh, tuyệt đại đa số tượng thờ vua quan thời Lý - Trần đều đã bị phá hủy. Các pho tượng có thể thấy hiện nay phần lớn được tạo dựng vào thế kỷ XVIII, XIX, với mô típ đội mũ Phốc Đầu hoặc mũ Xung Thiên, mặc áo cổ tròn đính Bửu Tử. Trong khi quy chế Bửu Tử lần đầu tiên được áp dụng vào triều đình Đại Việt vào năm 1471, thời vua Lê Thánh Tông; hơn nữa một trong những quy định tạc tượng thời Cảnh Hưng (1767) cũng được Lê Quý Đôn ghi rõ: *“Vị thần nào dự vào hạng tối linh thì vẫn để như cũ, còn bầy tôi các triều đại trước được dự phong phúc thần, đều theo lệ mới [...] Mũ các vị thần đội, đều dùng mũ Phốc Đầu [...] cấm dùng hình dạng mũ Xung Thiên chập cánh [...] Bửu tử, trung đẳng thần dùng hình kỳ lân,*

thượng đẳng thần dùng hình long mã.” (Kiến văn tiểu lục). Đại Nam thực lục còn cho biết vào thời Minh Mạng, Văn miếu tỉnh Ninh Bình có tượng Khổng Tử và bốn vị thánh của đạo Nho đều đội mũ Miện, mặc áo Cổn; vua Minh Mạng và các quan đều cho rằng Cổn Miện là trang phục của bậc vương giả, cách ăn mặc thể hiện trên tượng như vậy là thất lễ, nên hạ lệnh đem chôn. Những dẫn chứng này khiến chúng tôi muốn lưu ý rằng, không thể khinh suất dựa vào các pho tượng được tạc dựng vào triều đại sau này để ước đoán trang phục của triều đại trước đây, như trường hợp một số người nghiên cứu khi khảo trang phục của vua Lý Thái Tổ (974-1028) đã dựa vào pho tượng chùa Kiến Sơ mang đậm thủ pháp dân gian cuối thời Hậu Lê thế kỷ XVIII.

Các dữ liệu mô tả trang phục của vua quan Việt Nam thời phong kiến hầu hết là tư liệu Hán văn, nếu không có kiến thức nhất định trong lĩnh vực cổ trang, khi phiên dịch người dịch dễ để lại nhiều sai lạc. Không thể phủ nhận, bản dịch của tiền nhân cũng có những sai sót khiến nhiều người nghiên cứu về sau bị sai theo. Như bản dịch *Toàn thư* lưu hành hiện nay dịch áo Xưởng Hạc là áo lông hạc, mũ Thất Lương Quan là mũ bảy cầu, mũ trụ đính cánh phượng bằng vàng (kim phượng xỉ) là cánh mũ *thêu* phượng vàng v.v. Bản dịch *An Nam chí lược* dịch phương tâm khúc lĩnh là tim vuông tràng áo cong, mũ Đường Cân là khăn tầu v.v. Trên thực tế, Xưởng Hạc, Lương Quan, phương tâm khúc lĩnh, phượng xỉ, Đường Cân đều là tên riêng của các loại áo, mũ, phục sức. Vậy nên khi khảo cứu, chúng tôi cố gắng truy nguyên về nguồn, tìm ra tư liệu gốc làm cơ sở, diễn dịch những tư liệu đó một cách chuẩn xác, nhằm đưa ra những kết quả nghiên cứu đáng tin cậy.

Do tư liệu khan hiếm, trong cuốn sách này, chúng tôi chỉ có thể bước đầu khảo cứu trang phục cung đình Việt Nam từ triều Lý tới triều Nguyễn (1009 - 1945), những thông tin liên quan đến trang phục cung đình trước thời Lý sẽ được trình bày tại phần Tổng quan. Chúng tôi biết việc nghiên cứu chưa thể dừng lại ở đây, những hạn chế về mặt chuyên môn, về tư liệu luôn cần được bổ khuyết. Trong tương lai có thể có những ý kiến mới, những phát hiện mới giúp củng cố hoặc bác bỏ kết luận nào đó của chúng tôi, dù theo hướng nào chúng tôi vẫn trân trọng coi đó là sự đóng góp tích cực cho nghiên cứu này.



Đầu hồ: 1. Đầu hồ trong cung đình triều Nguyễn Việt Nam; 2. Minh Tuyên Tông hành lạc đồ - Trung Quốc; 3. Lâm hạ Đầu hồ - Triều Tiên. 4. Ngày xuân chơi Đầu hồ tại chùa Sensoji Nhật Bản.

Để tiện khảo cứu và trình bày, chúng tôi phân trang phục thời phong kiến - quân chủ thành hai loại hình: cung đình và dân gian. Trong đó, trang phục cung đình, ở giai đoạn phong kiến - quân chủ, với tư cách là văn hiến áo mũ của một quốc gia độc lập, đã trải qua những vận động đặc thù, để mang một diện mạo vừa có nét tương đồng, vừa có điểm dị biệt so với trang phục của triều đình các nước Trung Quốc, Triều Tiên⁽¹⁾, Nhật Bản.

I. TỔNG QUAN TRANG PHỤC CUNG ĐÌNH VIỆT NAM



Nghiên cứu văn hóa cung đình Việt Nam, không thể không xét đến hai luồng tư tưởng gây ảnh hưởng sâu đậm và mang tính quyết định, đó là *tư tưởng Đế vương* và *quan niệm Hoa di*. Diện mạo văn hóa trang phục của cung đình Việt Nam cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng này.

1. Những tư tưởng ảnh hưởng đến văn hóa trang phục cung đình Việt Nam

1.1. Tư tưởng Đế vương

Bất nguồn từ ý thức độc lập, tự chủ, chống chọi đến cùng trước những chính sách cai trị bạo tàn, người Việt vùng đồng bằng sông Hồng có thể coi là một trong những cộng đồng “làm loạn” nhiều nhất trong thời còn nội thuộc

1. Chúng tôi dùng tên này để chỉ nước Triều Tiên thời kỳ phong kiến thống nhất từ năm 1910 trở về trước, khi chưa bị Nhật Bản chiếm đóng và chưa bị chia tách thành CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc như hiện nay.

ách thống trị của Trung Quốc⁽¹⁾. Bất kể quan niệm của người phương Bắc cho rằng, trời chỉ có một thiên tử, thiên hạ chỉ có một hoàng đế, song không ít thủ lĩnh nước Việt mỗi khi giành được độc lập, giành quyền làm chủ cõi đất phương Nam đều xưng đế, dù khi chạm trán thiên triều vẫn nhún mình xưng là bề tôi: Lý Bí xưng đế năm 544, Mai Thúc Loan xưng đế năm 713, và năm 968, Đinh Bộ Lĩnh tự xưng Đại Thắng Minh hoàng đế... Phan Huy Chú sử dĩ coi nước Việt từ thời Đinh Lê mở nước đối chọi với Trung Hoa⁽²⁾, bởi tính từ thời điểm này trở đi, vị thế của một đất nước độc lập đã được khẳng định, tư tưởng bá chủ trời Nam đã hết sức sáng rõ như chính lời chúc của Nam Việt Vương Đinh Liễn nhắn gửi trên cột kinh tràng: “Chúc Đại Thắng Minh hoàng đế mãi làm bá chủ trời Nam, giữ yên ngôi báu”, “mãi trấn vững trời Nam, thứ là khuông phù đế nghiệp.”⁽³⁾ Việc ấy cũng như lời nhận xét của quan Trung Quốc thời Minh là Lý Văn Phụng: “Nhật Tôn tự làm đế nước ấy [...] lấy quốc hiệu Đại Việt. Từ ấy về sau, con cháu họ Lý cho tới họ Trần, Lê, Mạc đều giảm theo vết cũ, tiếm xưng đế hiệu.”⁽⁴⁾

Việc vua nước Việt xưng đế, đồng nghĩa với việc ông vua Việt được hưởng mọi đặc quyền, nghi lễ dành cho thiên tử, không kém vua Trung Hoa. Thái độ của triều đình phương Bắc đối với việc lấn vượt, “không kiêng dè”⁽⁵⁾ của triều đình Đại Việt là nhiều khi đành phải khuất mắt trông coi như ghi nhận



Rồng thời Lý khai quật tại hoàng thành Thăng Long.

1. Sự “lâm loạn” này được không ít quan lại phương Bắc “đưa tin” về thiên triều như Thái thú Giao Chỉ, Hợp Phố thời Ngô là Tiết Tông (?-243) dâng sớ viết: “(Giao Chỉ) núi rừng hiểm trở, dễ lâm loạn, khó trị” (*An Nam chí lược*. Tr.118. Nguyên văn: 險阻山林, 易以爲亂, 難使從); Thử sử Giao Châu thời Tây Tấn là Đào Hoàng cũng viết: “Dân ở châu này thích gây họa loạn. (*An Nam chí lược*. Tr.121. Nguyên văn: 此州之民好爲禍亂); đến tận thời Ngũ Đại, vua Nam Hán là Lưu Nghiễm vẫn phàn nàn: “Dân Giao Chỉ ưa làm loạn”. (*An Nam chí lược*. Tr.279. Nguyên văn: 交趾民好乱)

2. (Việt) *Loại chí - Văn tịch chí - Tự*. Nguyên văn: 自丁黎肇國, 抗衡中華

3. *Văn khố Hán Nôm*. Tập 1. Tr.64, 66. Nguyên văn: 祝大勝明王皇帝永霸天南, 恆安寶位[...]先祝大勝明王皇帝永鎮天南, 次爲匡佐帝圖

4. (Trung) *Việt kiều thư - Tổng tự - Sử 162*. Tr.666. Nguyên văn: 日尊自帝其國...自是以後, 其子孫及陳、黎、莫氏皆踵其故事, 僭帝號焉

5. Từ dùng của Chữ Nhân Hoạch, người thời Thanh. (Trung) *Kiên hồ dư tập - Q.1 - An Nam thí lục*. Nguyên văn: 安南國去中國數千里, 雖名秉聲教, 實自帝其國, 建元制無忌也 (*Nước An Nam cách Trung Quốc mấy ngàn dặm, mang tiếng giữ gìn thanh giáo, nhưng kỳ thực tự làm hoàng đế một nước. Đặt niên hiệu, định quy chế đều không kiêng dè*)

của quan nhà Tống, Trịnh Tùng: “Họ Lý từ sau Công Uẩn truyền đến thời Hạo Sảm ngày nay, thấy tám đời. Tên các đời là Nhật, là Càn, là Dương, là Thiên, là Long đều có ý lấn vượt bề trên. Triều đình coi nước ấy xa nơi góc bể, không thêm lần lửa so đo”⁽¹⁾; cũng có khi lại trở thành một trong những cái cớ để san bằng nước Việt, mà đỉnh điểm là cuộc xâm lược của nhà Minh trong những năm đầu thế kỷ XV. Việc “không tuân theo chính sách của triều đình (lịch nhà Minh), tiếm vượt đối quốc hiệu thành Đại Ngu, xưng lão tôn hiệu, đổi niên hiệu Nguyên Thánh”⁽²⁾, một trong hai mươi tội ác nhà Minh gán cho cha con họ Hồ, trên thực tế cũng chính là quán lệ của triều đình Đại Việt. Nhưng sau bao công sức đổ vào công cuộc giáo hóa hồng răn dạy An Nam phải ngoan ngoãn nghe lời, ý đồ của nhà Minh vẫn hoàn toàn sụp đổ, bởi với chiến thắng của Lê Lợi hai mươi năm sau, “đất cát lại là đất cát An Nam, nhân dân lại là nhân dân An Nam, phong tục áo mũ lại được đúng như xưa, nền nếp mối giềng lại được sáng như cũ”⁽³⁾, đặc biệt, theo Lý Văn Phụng, Lê Lợi đã “không nghĩ đến việc thành thật hối lỗi, bề ngoài thần phục, nhưng bên trong lại rắp tâm lấn vượt, tiếm hiệu, cải nguyên để đối chọi ngang hàng với Trung Quốc.”⁽⁴⁾

Chính vì vậy, cũng dễ hiểu khi vua chúa Việt Nam luôn muốn mình ngang hàng, thậm chí vượt trội so với các vị vua tài đức của Trung Hoa, mà không phải vua chúa của một quốc gia nào khác. Sự so sánh này khi là sự so bì về tài năng như Lý Chiêu Hoàng khen chồng, Trần Cảnh: “Văn chất đủ vẻ, thực thể cách quân tử hiền nhân, uy nghi đường hoàng, có tư chất thánh thần văn võ, dù Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông cũng



Giá đỡ chậu rửa thời Nguyễn (BAVH).

1. (Trung) *Trịnh Khai Dương tạp trí - Q.6 - An Nam kỷ lược*. Tr.45. Nguyên văn: 李氏自公蘊而後歷傳至今 吳岳凡八世, 名字曰日曰乾曰陽曰天曰龍皆有僭上之意。朝廷以其僻在海隅, 不復與較也

2. (Trung) *Minh thực lục - Thái Tông thực lục - Q.60* - Mục ngày Ất Mùi tháng 10 năm Vĩnh Lạc thứ tư. Nguyên văn: 不奉朝廷正朔, 僭改國名大虞, 妄稱尊號, 紀元元聖, 罪三也 *Toàn thư* chép niên hiệu thời Hồ Quý Ly là Thánh Nguyên

3. (Việt) *Lam Sơn thực lục - Phụ lục lời bình*. Nguyên văn: 土地復安南土地, 人民復安南人民。凡俗衣冠得以復正, 綱疇統紀得以復明矣

4. (Trung) *Việt kiều thư - Tự*. Tr.664. Nguyên văn: 爲利者不思輸誠悔罪, 乃外臣服衷懷不軌, 僭號改元以與中國抗衡

không hơn được”⁽¹⁾, hay sử thần Vũ Quỳnh khen vua Lê Thánh Tông: “Quy mô xếp đặt, công nghiệp trung hưng, có thể sánh vai với Hạ Thiệu Khang, nối gót được Chu Tuyên Vương, mà khinh hãn Hán Quang Vũ, Đường Hiến Tông là hạng dưới vậy”⁽²⁾; khi là sự so sánh về đức độ như vua Trần Dụ Tông khen vua Trần Thái Tông: “Sáng nghiệp Việt - Đường, hai Thái Tông/ Kia xưng Trinh Quán, ta Nguyên Phong/ Kiến Thành bị giết An Sinh sống/ Miếu hiệu như nhau, đức chẳng đồng”⁽³⁾; cũng có khi chỉ đơn giản là sự so sánh về dáng vẻ của đôi tai, con mắt như trường hợp Thượng thư Nguyễn Công Bật ca ngợi vua Lý Nhân Tông: “Mắt trong mà đen trắng rõ ràng, khác con mắt hai người Thuấn đế; tai đẹp mà vành tai dài rộng, chề cái tai ba lỗ Hạ vương”⁽⁴⁾ v.v. Việc so bì tài năng đức độ với vua chúa Trung Hoa trên thực tế đã không còn là việc “lưu hành nội bộ” trong triều đình Đại Việt. Triều Tiên vương triều thực lục cho biết, vào ngày mùng 1 tháng 5 năm Triều Tiên Thái Tông thứ 7 (năm 1407), quan Nội sử nhà Minh là Trịnh Thăng, hành nhân Phùng Cẩn, mang tờ chiếu bình định An Nam đến Triều Tiên. Tại cung Kyeongbok, sử thần tuyên chiếu, sai Jeong Gu (鄭矩) dùng tiếng địa phương, Jo Jeong (曹正)



Chuông. Chuông Trung Quốc thời Đường (618-907. Bảo tàng Giang Tây); Chuông Việt Nam thời Lý (1009-1225. BTL SVN); Chuông Hàn Quốc thời Cao Ly (918-1392. Chùa Đại Phúc Daeboksa). Chuông Nhật Bản thời Bình An (794-1192. Chùa Quán Thế Âm Kanzeonji).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 文質彬彬, 誠賢人君子之體; 威儀抑抑, 有聖神文武之資, 雖漢高唐太末之能過. Những lời khen này vốn được viết bởi tay văn thần do Trần Thủ Độ sắp đặt.

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 其規模之略, 中興之功, 可比肩夏少康, 蹈迹周宣王, 薄漢光、唐憲於下風矣.

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 唐越開基兩太宗, 彼稱貞觀我元豐, 建成誅死安生在, 廟號雖同德不同.

4. (Việt) *Thơ văn Lý Trần*. Tập 1. Tr.392. Nguyên văn: 眸澄而青白分明, 異重瞳於舜帝; 耳壽而輪郭修廣, 嗤三漏於夏王.

dùng tiếng Hán đọc chiếu. Tờ chiếu có đoạn kể tội “Tự cho thánh triết hơn Tam hoàng, đức cao hơn Ngũ đế; coi Văn vương, Võ vương không đủ làm phép tắc, khinh Chu công, Khổng tử không đủ làm bậc thầy; hủy báng Mạnh Tử là đạo nho (tay nhà nho ăn trộm - TQĐ chú), Trình – Chu thạo cốp nhặt. Đối thánh đối trời, không ngôi không thứ. Tiếm quốc hiệu gọi là Đại Ngu, trộm kỷ nguyên gọi là Thiệu Thánh. Xưng là Lương cung hoàng đế, dám dùng nghi lễ triều đình. Chẳng phải chỉ ngang tàng ở cõi xa, mà kỳ thực muốn chống chọi ngang hàng cùng Trung Quốc.”⁽¹⁾

Về mặt lễ nghi trang phục, bởi vậy, cũng không thể thua kém. Do có sự nhận đồng về điển chương, văn hiến của Trung Quốc, trong suốt một thời gian dài, cũng giống như Triều Tiên, triều đình Việt Nam đã coi thể chế, văn hiến Trung Hoa là nguồn tham khảo chính thống. Chế độ trang phục cung đình Việt Nam đã mô phỏng chế độ của Trung Quốc để có được sự uy nghiêm, chuẩn mực tương tự. Tuy nhiên, theo quy luật sáng tạo văn hóa, lại trên tinh thần tự chủ, chủ động xây dựng đất nước theo mô hình Trung Hoa, triều đình Việt Nam trong hơn một ngàn năm phong kiến - quân chủ dù nhiều lần mô phỏng chế độ áo mũ, lễ nhạc, khoa cử của các triều đại Trung Quốc, vẫn luôn tạo nên những nét biến dị độc đáo, làm tôn thêm vẻ uy nghi, sang trọng của vua quan nước Việt.

1.2. Quan niệm Hoa di

Ngoài tư tưởng Đế vương, triều đình Việt Nam còn chịu ảnh hưởng từ một quan niệm, vốn tràn ngập trong các kinh điển của Trung Quốc, đó là quan niệm Hoa di. Trước thế kỷ XIX, khi chưa trở thành danh từ riêng đặc chỉ một chủng tộc hay một quốc gia cụ thể, các khái niệm “Hoa”, “Hạ”, “Trung quốc”, “Trung Hạ”, “Trung châu” v.v. xuất hiện trong kinh điển thời Xuân Thu (770-476 tr.CN) được dùng để chỉ vùng đất, cũng có khi chỉ những người văn minh ở trung tâm, có lễ giáo, khu biệt với các sắc dân man, di, nhưng, địch ở bốn phía xung quanh. Chiến quốc sách giải thích: “*Trung quốc* là nơi bậc trí tuệ thông minh cư trú, nơi vạn vật tài nguyên hội tụ, nơi thánh hiền triển khai giáo hóa, nơi nhân nghĩa được ban bố thi hành, nơi thi thư, lễ nhạc được sử dụng, nơi tài nghệ kỳ

1. (Triều) *Triều Tiên vương triều thực lục* – Thái Tông thực lục. Mục ngày 1 tháng 5 năm Thái Tông thứ 7. Nguyên văn: 甲寅朔, 內史鄭昇、行人馮謹、齋平安南詔來, 結山棚, 陳百戲, 上率百官具朝服, 迎于盤松亭。前導至景福宮, 使臣宣詔, 命鄭矩以鄉音, 曹正以漢音讀之。詔曰[……]自以為聖優於三皇, 德高於五帝; 以文、武為不足法, 下周、孔為不足師; 毀孟子為盜儒, 謗程、朱為剽竊。欺聖欺天, 無倫無理。僭國號曰大虞, 竊紀年曰紹聖。稱為兩宮皇帝, 冒用朝廷禮儀。非惟恣橫於偏方, 實欲抗衡於中國. *Toàn thư* chép niên hiệu thời Hồ Hán Thương là Thiệu Thành.



Mạnh Tử (Thánh miếu tự điển đồ khảo).
(Việt) Đại Nam Quốc âm tự vị dịch cụm từ “Dùng Hạ biến Di” là: “Dùng phép Kẻ Chợ mà đổi thói mọi” (Tr.230), đồng thời giải thích từ Hoa di nghĩa là “Kẻ Chợ, mọi nói chung”. (Việt) Mạnh Tử Quốc văn giải thích giải thích: “Hạ là nơi văn minh, có lễ nghĩa giáo hóa.” (Quyển hạ. Tr. 306).

ra những kẻ sùng bái đọc sách Đường (phiếm chỉ sách vở Trung Quốc), đứng từ góc độ nhà Đường trông sang để soi chiếu Nhật Bản thì luôn xiêm nịnh nhà Đường và riêng dùng khái niệm di rợ để lý giải Nhật Bản, hoàn toàn đi ngược lại tôn chỉ Xuân Thu của Khổng Tử. Khổng Tử mà sinh ra ở Nhật Bản thì sẽ từ Nhật Bản lập ra tôn chỉ Xuân Thu. Hiểu như vậy mới là người giỏi học sách Xuân Thu. Nay đọc Xuân Thu mà gọi Nhật Bản là di rợ thì không phải do sách Xuân Thu hại đến đạo Nho, mà do kẻ không giỏi đọc Xuân Thu hại sách Xuân Thu vậy.”⁽²⁾ Như vậy, Keisai quan niệm

tuyệt được triển thi, nơi phương xa đến quan ngưỡng, nơi *man di* phỏng noi theo.”⁽¹⁾

Từ quan niệm “trung tâm văn minh”, Á thánh của đạo Nho, Mạnh Tử chủ trương “dùng Hạ biến di”, đem văn minh tiên tiến của trung nguyên truyền bá ra xung quanh như một công cuộc khai hóa. Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận một phần văn hóa Hán, hấp thu tư tưởng Xuân Thu, vua tôi các nước Việt, Triều, Nhật đều tự nhận là Trung quốc, Trung Hạ, tức **chủ thể của một nền văn minh có đầy đủ lễ giáo, văn hiến không thua kém các triều đại Hán Đường**. Asami Keisai (淺見 炯齋), học giả Nhật Bản thời trung đại từng bàn luận về khái niệm *Trung quốc* cho biết: “Nước tôi (chỉ Nhật Bản) biết đạo Xuân Thu thì nước tôi là chủ thể. Nếu coi nước tôi là chủ thể thì thiên hạ đại nhất thống là đứng ở góc độ nước tôi nhìn sang các nước khác, đó cũng chính là tôn chỉ của Khổng Tử. Không nắm được điều này mà đọc sách Đường thì thành

những người đã học theo kinh điển của Trung Quốc thì không thể bị coi là man di, và bản thân những quốc gia có lễ giáo tương tự các triều Hán Đường cũng đều có thể được coi là Hoa Hạ, là Trung quốc. Hay có thể hiểu một cách đơn giản hơn như học giả người Mỹ, Alexander Barton Woodside về chính khái niệm “Trung quốc” được sử dụng tại Việt Nam vào thời Nguyễn: “Năm 1805, vua Gia Long coi Việt Nam là “*vuong quốc trung tâm*” hay *Trung quốc*. Thuật ngữ tiếng Hán thông thường được dùng để chỉ Trung Hoa, nhưng trong tay người Việt, nó lại trở thành một **khái niệm trừu tượng không có sự tham khảo địa lý nào**. Nó biến đổi thành một cụm từ có khả năng được dùng để chỉ bất kỳ vương quốc nào được lập nên trên cơ sở những nguyên tắc kinh điển Trung Hoa, khi nhận thấy xung quanh mình bị bao bọc bởi những kẻ man di không được giáo hóa.”⁽¹⁾

Lý giải quan niệm của vua tôi người Việt tự nhận đất Việt là quốc gia văn minh ở trung tâm mới có thể lý giải được việc vua tôi Việt Nam không ít lần sử dụng khái niệm *Trung quốc*, *Trung Hạ*, *Khu Hạ*, *Hoa Hạ* để chỉ nước mình. Tỉ như:

- Toàn thư viết: “Trước đây, Lý Giác trốn sang Chiêm Thành, nói tình hình hư thực của **Trung quốc** (1104)”; “Đối với những người hào kiệt **Trung quốc**, chúng (chỉ nhà Minh) phần nhiều vờ trao cho quan tước rồi đem về an trí ở phương Bắc (1417)”; Tháng 8, năm 1426, vua Lê Thái Tổ ban dụ cho cả nước viết: “Giặc còn ở **Trung quốc**, dân chúng còn chưa yên.”⁽²⁾ v.v.

- Thiên Tông khóa hư ngữ lục của Trần Thái Tông khi bàn về sự quý báu của thân người có đoạn viết: “Người nay chẳng biết, lại quý vật mà rẻ thân, chẳng hay thân mình có ba điều khó gặp [...] Một là, trong lục đạo chỉ có người là quý [...] có kẻ bị đọa xuống đạo Địa ngục, A tu la, Ngạ quỷ, Súc sinh, không được làm người [...] Hai là, đã được sinh ra làm người nhưng lại có kẻ sinh ra ở nơi *man di*, tắm thì chung sông, nằm thì rợ chân, sang hèn ở lẫn, trai gái sống chung, chẳng đượm gió nhân, chẳng nhuần giáo hóa [...] Ba là, đã được sinh ra ở **Trung quốc**, nhưng sáu căn không đủ, bốn thể chẳng toàn, mù điếc ngọng câm [...] tuy ở trong **Hoa**

1. (Trung) *Chiến quốc sách - Triệu sách*. Nguyên văn: 中國者，聰明叡智之所居也，萬物財用之所聚也，賢聖之所教也，仁義之所施也，詩書禮樂之所用也，異敏技藝之所試也，遠方之所觀赴也，蠻夷之所義行也

2. (Nhật) *Trung Quốc biện*. Dẫn theo Đài Loan Đông Á văn minh nghiên cứu học khan. Q.3. Kỳ 2. Tr.96. Nguyên văn: 吾國知春秋之道，則吾國即主也。若以吾國為主，成天下大一統，由吾國見他國，則是孔子之旨也。不知此而讀唐書，成崇拜讀唐書者，此特由唐來眺望以映照日本，總是諂媚彼方，唯以夷狄理解之，全違背孔子春秋之旨也。孔子若亦生日本，從日本以立春秋之旨也，是則所謂善學春秋者也。今讀春秋而曰日本為夷狄，非春秋害儒者，係不能善讀春秋者害春秋也

1. *Vietnam and the Chinese model*. Tr.18-19.

2. (Việt) *Toàn thư*. Tập IV. Tr.135. Từ 14b. Nguyên văn: 初覺亡占城，言中國虛實; Tr.289. Từ 1b. Nguyên văn: 凡中國豪傑之士陽假以官，安插于北; Tr.307. Từ 37b. Nguyên văn: 賊在中國，民猶未定 bản dịch Việt văn hiện nay chỉ dịch là *nước ta, trong nước*.



“Trung quốc thịnh cường, ngoại di chán điệp” (Đại Việt Lam sơn Dụ lăng bi (soạn năm 1504) đặt tại lăng vua Lê Hiến Tông (di tích Lam Kinh) có đoạn viết: “Trung quốc vững mạnh, ngoại di khiếp hãi.”

chú) kết giao với ta. Trên danh nghĩa chân chính, hai nước đùm bọc thương yêu, mãi đến muôn đời. Vậy cắt cử hoặc hai ba tàu, hoặc hai trăm lính thiện xạ đến Trung quốc ta, lấy đó làm tin.”⁽³⁾ v.v.

Phải công tâm nhìn nhận rằng, vua tôi nước Việt trong giai đoạn phong kiến tự chủ đã xây dựng đế chế theo mô thức Trung Hoa, lấy trật tự Hoa Di làm nền tảng. Mô thức này coi cõi đất hoàng đế ngự trị là trung tâm thiên hạ, tức Trung quốc, Trung Hạ, Hoa Hạ. Hoàng đế thi hành *on đức*, đồng thời bảo ban, dạy dỗ bốn cõi xung quanh, gọi là vương hóa, hoàng hóa. Các vùng biên viễn, man di ngưỡng mộ *on đức* của thiên triều phải thần phục và đến triều cống; những kẻ chống đối, ương ngạnh

Hạ cũng hết như ở ngoài hoang dã. Nay đã làm người, được sinh ra ở Trung quốc, lại có đủ sáu căn, há chẳng quý lắm sao?”⁽¹⁾

- Đại Việt Lam sơn Dụ lăng bi (soạn năm 1504) đặt tại lăng vua Lê Hiến Tông (di tích Lam Kinh) có đoạn viết: “Trung quốc vững mạnh, ngoại di khiếp hãi.”

- Tờ sớ Mạc Đăng Dung tâu lên vua Lê vào tháng 12 năm 1517 xin giết Lê Quảng Độ, đại ý nói: “Tam cương ngũ thường là rường cột chống đỡ trời đất, là trụ đá đặt yên sinh dân. Nước mà không có cương thường thì tuy là Trung Hạ cũng có khác nào di địch. Người mà không có cương thường thì tuy mặc xiêm áo, cũng có khác nào cầm thú.”⁽²⁾

- Bức thư chúa Trịnh Tráng gửi cho Toàn quyền Đông Ấn Hà Lan tại Batavia (nay là Jakarta) năm 1637, có đoạn viết: “Nay ta có ý mong quý quan tiết chế của quý quốc Ô Lan (tức Hà Lan - TQĐ

1. (Việt) *Thiên Tông khóa hư ngữ lục* - Quyền thượng - *Phổ khuyến Bồ Đề tâm*. Nguyên văn: 今者不識，反貴其物而賤其身，不知其身有難逢者三，何者為三？一者六道之中，惟人為貴[...]或入地獄、阿修羅、餓鬼、畜生之道，不得為人[...]二者既得為人，或生蠻夷之處，浴則同川，臥則同僦，尊卑混處，男女雜居，不被仁風，不調聖教[...]三者既得生於中國，六根不具，四體非全，盲聾啞啞[...]雖居華夏之中若處窮荒之外[...]今既為人得生中國，又以六根全具，豈為不貴乎！

2. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 三綱五常，扶植天地之棟幹，奠安生民之柱石，國而無此則中夏而夷狄，人而無此則衣裳而禽犢

3. (Nhật) Iwao Seiichi 岩生成一. “Về bức thư An Nam gửi cho Hà Lan xin Hải quân Hà Lan giúp đỡ”. Dẫn theo 東方学 東洋學. Kỳ 23. Tr.109-118. Nguyên văn: 茲我至意欲求烏蘭貴國節制貴官，有欲結我。真正義名，兩國悖憐，永垂萬世。顧割或二三艘，或善射放二百人，到我中國，以為手信

phải bị thảo phạt. Việt Nam vừa nằm trong hệ thống những nước triều cống của triều đình Trung Hoa, vừa thiết lập riêng một hệ thống tông chủ - phiên thuộc đối với các vùng đất và quốc gia phương Nam. Quan niệm này được thể hiện hết sức rõ rệt qua các tờ chiếu, hịch, văn khắc ghi công của vua tôi nước Việt trước hoặc sau khi thảo phạt các tộc người thiểu số và các nước phương Nam, như:

- Bài hịch đánh động Ma Sa của vua Lý Nhân Tông có đoạn viết: “Trẫm coi triệu họ trong bốn bể đều như con đỏ. Đến cõi xa cũng mến lòng nhân mà quy phục, phương khác cũng mộ nghĩa mà lại châu. Nay tên tù trưởng hèn nhà nguoi ngu xuẩn, phụ ước ông cha, quên việc tuế cống.”⁽¹⁾

- Thái úy Đỗ Anh Vũ nhà Lý nói: “Để bọn man di quấy Hạ là tội của thần [...] Nay cấm chỉ thói mọi, chấp tay mà chịu mặc hình; trộm cắp dân ven, mất mật mà theo hoàng hóa.”⁽²⁾

- Văn khắc Chinh Ai Lao kỷ công ma nhai của Nguyễn Trung Ngạn trên sườn núi Trầm Hương (Nghệ An) năm 1335 có đoạn viết: “Vào thời



Thân chinh Phục Lễ châu Đèo Cát Hãn bi văn. Đình Nam Hương, Hà Nội.

hoàng đế thứ sáu triều Trần nước Hoàng Việt, Thái thượng hoàng đế Chương Nghiêu Văn Triết được trời ban mệnh, giữ đất Trung Hạ, khắp trong bốn bể, đâu cũng thần phục, Ai Lao cón con, dám chống vương hóa. Năm Ất Hợi, mùa thu, để thân chinh soái lĩnh sáu quân, đi tuần miền Tây, thế tử nước Chiêm Thành, Chân Lạp, Xiêm

La cùng tù trưởng man di Đạo Thần, Quỳ Cầm [...] đều dâng phương vật, tranh nhau nghênh đón. Mùa Đông, để đóng quân ở cánh đồng Cự Đồn Mật châu, lệnh cho các tướng và quân lính man di tiến vào nước ấy.”⁽³⁾

1. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 朕[...]視四海兆姓之民均如赤子。致異域懷仁而款附，殊方慕義以來賓。蠢爾庸酋，忽負先臣之約，忘其歲貢

2. (Việt) *Cự Việt Quốc Thái úy Lý công thạch bi minh tự*. Dẫn theo *Thơ văn Lý Trần*. Tập 1. Tr.464. Nguyên văn: 蠻夷猾夏，臣之罪也[...]禁止夷俗，拱手而受墨刑；盜賊邊民，喪膽而歸皇化

3. Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 2. Tr.287. Nguyên văn: 皇越陳朝第六帝、章堯文哲太上皇帝，受天眷命，奄有中夏，薄海內外，罔不臣服，蕞爾哀牢，猶梗王化。歲在乙亥，秋，帝親帥六師巡于西鄙，占城國世子，真腊國，暹國及蠻酋道臣、葵禽[...]各奉方物，爭先迎見。冬，帝駐蹕于密州巨屯之原，乃命諸將及蠻夷之兵入于其國

- Văn khắc trên vách đá vùng Tây Bắc *Thân chinh Phục Lễ châu Đèo Cát Hãn* do vua Lê Thái Tổ ngự chế cũng có đoạn với đại ý tương tự: “*Bọn di địch là mối họa ở vùng biên cương, từ xưa đã có. Bọn Hung Nô thời Hán, bọn Đột Quyết thời Đường, bọn man mọi Muồng Lễ ở phía Tây nước Việt ta cũng vậy. Vừa rồi chính trị Trần Hồ suy vi, bọn phiên thần ngang nhiên cát cứ, Cát Hãn giữ nguyên thói cũ, ý địa thế hiểm trở không chịu hối cải. Nay ta đem quân tiến đánh, hai quân thủy bộ cùng tiến, cát một trận là dẹp yên. Nhân viết một bài thơ Đường luật, khắc lên trên đá, để răn những tên tù trưởng man di chống lại vương hóa đời sau.*”⁽¹⁾

- Tờ chiếu đi đánh Ai Lao của vua Lê Thánh Tông tháng 7 năm 1479 cũng viết: “*Bậc đế vương đời xưa chế ngự di địch, phục tùng thì cứu mang bằng đức, phản lại thì sấm sét ra oai [...] Trẫm nay nối công tổ tông, giữ cơ nghiệp lớn, ở đất Trung Hạ, vô yên ngoại di [...] Huống chi, đám dân chốn man rợ này, từ lâu nhiễm mùi hôi tanh của loài chó Lã Qua, muốn khôi phục cương thường cho tục mọi [...]*”⁽²⁾. Trong tờ chiếu đánh Bồn Man, ông còn viết: “*Nước nhà ta tóm thâu bờ cõi, thống ngự Hoa di*”⁽³⁾.

Quan niệm Hoa di được đẩy lên cao độ tại Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản sau khi triều đình phong kiến Trung Hoa do người Hán trị vì bị thay thế bởi người Hồ phương Bắc, đặc biệt sau khi người Mãn làm chủ Trung Quốc, lập nên nhà Thanh. Lúc này, ba nước đều tự nhận là quốc gia trung tâm, chủ thể lưu giữ nền văn minh cổ phác và miệt thị gốc gác du mục vốn không có lễ giáo của tộc người Mãn Mông. Đó cũng chính là tư tưởng ẩn chứa trong câu phản vấn của Hưng Đạo Vương trong *Dụ chư tỳ tướng hịch văn*, sau khi ông kể cho tướng lĩnh những câu chuyện đầy nghĩa khí thời Xuân Thu: “*Các người là tướng của Trung quốc, phụng sự tù trưởng di rợ mà không thấy căm phẫn?*”⁽⁴⁾ Về phía Triều Tiên, Tư gián Jo Kyeong (趙綱) bày tỏ: “*Nước ta xưa nay nổi danh thiên hạ bởi có lễ nghĩa, được gọi với tên Tiểu Trung Hoa, kế thừa liệt thánh, thờ nước lớn một lòng, cung kính cẩn thận, nay phụng sự giặc Hồ, trộm yên tạm*

1. Nguyên văn: 夷狄之為邊患，自古有之。漢之匈奴、唐之突厥、我西越之忙禮諸蠻是也。頃由陳胡衰政，藩臣跋扈，吉罕狃於舊習，負固弗悛。予今率師往征，水陸並進，一舉就平，因寫一律刻之于石，以戒後世蠻酋之梗化者。

2. (Việt) *Toàn thư*. Tập IV. Tr.425, tờ 20a, 21a. Nguyên văn: 古先帝王制禦夷狄，服則依之以德，叛則震之以威 [...] 朕丕繩祖武，光御洪圖，蒞中夏撫外夷 [...] 矧此蠻方之生聚久汚撓狗之腥膻，欲還夷俗之綱常。

3. (Việt) *Toàn thư*. Tập IV. Tr.424. Tờ 17b. Nguyên văn: 我國家混一區宇，統御華夷。

4. (Việt) *Toàn thư*. Tập IV. Tr.206. Tờ 13a. Nguyên văn: 爾等為中國之將侍立夷酋而無忿心。

bợ, kéo dài chốc lát, làm như vậy đối với tổ tiên thế nào, đối với thiên hạ thế nào, đối với hậu thế thế nào?”⁽¹⁾ Còn Matsumiya Kanzan (松宮 観山), binh pháp gia Nhật Bản thì nói: “*Trộm nghĩ, nước ta từ xưa vẫn hiển đã đủ đầy, tự xưng là Trung châu, gọi nước kia (chỉ Trung Quốc - TQĐ chú) là Tây phiên (phên giậu phía Tây - TQĐ chú). Sự phân biệt trong ngoài, thể chế rất là nghiêm ngặt.*”⁽²⁾ Đến thời Nguyễn, Đại Nam thực lục cũng như không ít sách vở triều Nguyễn gọi người Việt là “Hán nhân”, “Hán dân”⁽³⁾, gọi người Trung Quốc là “Thanh nhân”, mà “Thanh” như vua Minh Mạng từng nói, “*Tổ tiên là người Mãn [...] Mãn là di rợ.*”⁽⁴⁾ Thậm chí, những người phương Tây như người Pháp, người Anh cũng đều từng bị vua quan nhà Nguyễn gọi thẳng thừng là *Dương di*.

Quan niệm Hoa di, đúc kết lại có thể thấy rõ nhất qua sự việc Lang trung Lý Văn Phúc sang Thanh, thấy người Thanh viết bốn chữ lớn “*Việt di hội quán*” lên vách tường, ông đã rất tức giận, trách mắng quan Quán bạn, nét mặt và giọng nói đều rất dữ, không chịu vào quán, sau đó lệnh hành nhân xé nát chữ “di” đi rồi mới vào, đoạn viết *Biện di luận* để trần bày. Đại lược nói: “*Việt Nam vốn hậu duệ của Thánh đế Thần Nông, là Hoa, chẳng phải di vậy, đạo học noi theo Khổng Mạnh Trình Chu, pháp độ tuân theo Chu Hán Đường Tống, không vấn tét tóc, để vạt trái như người di. Đến như vua Thuấn sinh ra ở Chư Phùng, Văn Vương sinh ra ở Kỳ Châu, người đời còn chẳng dám coi vua Thuấn, Văn Vương là di, huống hồ dám coi ta là di ư?*”⁽⁵⁾



Dụ chư tỳ tướng hịch văn (Toàn thư. Tập IV. Tr.206. Tờ 13a) “Vi Trung quốc chi tướng, thị lập Di tù nhi vô phần tâm?”

1. (Hàn) *Triều Tiên Nhân Tổ thực lục* - Q.32 - Mục Tháng 2 năm Bình Tý. Tr.8. Nguyên văn: 我國素以禮義聞天下，稱之以小中華，而列聖相承，事大一心，恪且勤矣。今乃服事胡虜，偷安僅存，縱延晷刻，其於祖宗何，其於天下何，其於後世何？

2. (Nhật) *Tùng Cung Quan Sơn tập*. Dẫn theo *Tòng chu biên khản Trung Quốc*. Tr.137. Nguyên văn: 竊為本邦之古，文獻大備，自稱中州，指彼西藩。內外之分，體制尤嚴矣。

3. Nội dung chi tiết của cách gọi này, bạn đọc có thể tham khảo cuốn *Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng* của Gs.Ts Choi Byung Wook. Tr.216-219.

4. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Tr.270. Nguyên văn: 大清，其先滿人 [...] 夫滿，夷也。

5. (Việt) *Quốc sử di biên* – Tập hạ. Mục ngày 10 tháng 2 năm Thiệu Trị thứ 1 (1841). Nguyên văn: 越南



Áo Cồn 12 chương, mũ Miện 12 lưu, ngọc khuê. Vua Khải Định nhà Nguyễn; Vua Long Hi Đại Hân đế quốc.

Đường thể hiện qua việc lấy màu sắc trang phục làm tiêu chí phân biệt phẩm trật của bá quan. Tiếp đến, thời Tiền Lê tới thời Lý đều lần lượt mô phỏng quy chế áo mũ của nhà Tống, đánh dấu bởi các sự kiện áp dụng chế độ Triều phục năm 1006 và chế độ Công phục năm 1059. Riêng với triều đình nhà Hồ, từ sau cải cách thời Trần Thuận Tông năm 1396 mà thực chất do Hồ Quý Ly thao túng, triều phục của văn võ bá quan lại quay về mô phỏng theo chế độ trang phục của nhà Hán. Các triều Lê, Nguyễn về sau chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ trang phục của nhà Minh, bắt nguồn từ cải cách trang phục thời vua Lê Thái Tông năm 1437, được đẩy mạnh vào khoảng những năm 1471 thời vua Lê Thánh Tông, và hoàn bị vào năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông. Đối với với trang phục của các triều đại Nguyên, Thanh, vua quan nước Việt thường tỏ ra bài bác, khinh thị. Như với trang phục của nhà Nguyên, vua Trần Minh Tông từng nói rõ: “Ngôn ngữ (chỉ ngôn ngữ Hán quan phương) không khác nhau nhiều, nhưng áo mũ không thể giống nhau được.”⁽¹⁾ Nguyễn Trãi nhận xét và khuyến cáo: “Người Ngô (chỉ người Minh) lâu ngày nhiễm thói tục của người Nguyên, tóc xỏa, răng trắng, áo ngắn mà tay áo dài, mũ xiêm lờ loét, lớp lớp như lá vậy [...] không nên noi theo để làm loạn quốc tục.”⁽²⁾ Còn trang phục của triều đình Mãn Thanh, năm 1696, sử thần nhà Lê cho biết “người Thanh

原聖帝神農氏之後，華也，非夷也。道學則師孔孟程朱，法度則遵周漢唐宋，未始編髮左衽為夷行者。且舜生於諸馮，文王生於岐周，世人不欲以夷視舜、文也。況敢以夷視我乎？ Lý Văn Phức làm chánh sứ đi sứ sang Yên Kinh năm 1841, toàn bộ bài *Biện Di luận* được chép trong *Chu nguyên tập vịnh thảo* mang ký hiệu VHV.1146 Thư viện Hán Nôm, chúng tôi cung cấp tại phần phụ lục sau chương này.

1. (Việt) *Thơ văn Lý Trần*. Tập 2. Tr.740. Nguyên văn: 言語無多別，衣冠不可同

2. (Việt) *Úc Trai di tập* - Q.6 - *Dư địa chí*. Nguyên văn: 吳人久淪元俗，被髮白齒，短衣長袖，冠裳燦爛，如葉之重者[...]皆不當因襲以亂風也

Xuất phát từ tư tưởng Hoa di, quy chế trang phục trong cung đình Việt Nam phần lớn được tham khảo từ điển chương, chế độ của triều đình Trung Quốc, một trong những thước đo văn minh đặt trong bối cảnh xã hội đương thời. Kể từ năm 939, Ngô Quyền sau khi xưng vương đã lần đầu tiên cho mô phỏng quy chế áo mũ của nhà

làm chủ Trung Quốc, gióc tóc, mặc áo ngắn, noi theo thói cũ Mãn Châu. Áo mũ lễ tục Tống Minh vì vậy mất sạch.”⁽¹⁾ Bùi Văn Dị nhận định: “Triều Thanh hưởng thái bình lâu ngày [...] riêng chế độ áo mũ không đổi. Tục Mãn suy cho cùng thiếu trang nhã [...] Từ khi triều Thanh làm chủ Trung Quốc, bốn phương phải cạo tóc, đổi y phục. Hai trăm năm trở lại đây, tai mắt người ta đã quen cả [...] không còn nhận ra kiểu

dáng Hoa Hạ ngày xưa nữa. Sứ nước ta tới Yên Kinh, đội mặc phẩm phục, có kẻ nhận ra trộm ngưỡng mộ Hoa phong. Nhưng bọn không có trí tuệ, phần nhiều túm tụm cười đùa, thấy mũ Phốc Đầu, Vồng cân, đai áo bèn chỉ trỏ cho là kiểu cách tuồng chèo. Tục rợ Hồ thay đổi con người ta đến mức phải ta thán như vậy đấy”⁽²⁾. Tác giả *Nam sử tư ký* đầu thời Nguyễn cũng chép: “Thanh Thế tổ lên ngôi, đặt niên hiệu Thuận Trị, thống nhất thiên hạ, thay đổi y phục Trung Quốc [...] Nước Nam ta y phục vẫn như xưa. Sau này sứ nước ta đến Yên Kinh, phụ lão Trung Quốc thấy y phục của sứ ta đều rơi nước mắt.”⁽³⁾ Năm 1830, chính vua Minh Mạng nói rõ: “Trẫm xem sách Hội điển của nước Thanh [...] áo mũ triều phục đều theo thói tục **man di**, không phải chế độ phục sức của cổ nhân, như thế lại càng sai trái, không thể làm khuôn phép.”⁽⁴⁾

Đối với trang phục dân gian, trong mắt sĩ phu người Việt, trang



Mao tiết, một trong những nghi trượng của vua quan phong kiến. 1. Mao tiết của nhà Minh (*Tam tài đồ hội*); 2. Mao tiết của Triều Tiên (*Triều Tiên ngũ lễ đồ*); 3. Mao tiết của quan nhà Nguyễn Việt Nam (*Kỹ thuật người An Nam* “Cầm cờ tuyết mao”); 4. Mao tiết trong cung đình triều Nguyễn (*Báu vật triều Nguyễn*).

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 自清入帝中國薙髮短衣，一守滿洲故習。宋明衣冠禮俗為之蕩然

2. (Việt) *Du hiền tùng bút*. Nguyên văn: 清朝承平日久[...]唯衣服之製度不改，滿俗終乏雅觀[...]自清朝入帝中國，四方薙髮變服，二百年來，人已慣耳目[...]不曾又識初來華夏樣矣。我國使部來京，穿戴品服，識者亦有竊羨華風，然其不智者，多群然笑異，見襍頭網巾衣帶，便皆指為倡優樣格，胡俗之移人，一至浩歎如此

3. (Việt) *Nam sử tư ký - Lê Trung Hưng - Chân Tông Thuận hoàng đế*. Nguyên văn: 世祖即位，紀元順治，天下一統，改易中國衣服[...]我南國衣服依舊。後我使至燕京，父老見其衣服皆流涕

4. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Q.70. Nguyên văn: 衣冠遵循蠻夷之風，與古人相異，切勿貿然模仿



1. Nguyễn Trãi (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam); 2. Nguyễn Quý Kính (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

cách ăn vận như Trung Hoa thì được coi là không có gì lạ thường⁽¹⁾. Ngô Thì Nhậm từng có lời thơ thể hiện niềm tự hào là bậc kỳ lão đất Việt, vận áo mào chỉnh tề, thắt dây thao, đeo ngọc bội, rất văn minh, rất “Hoa”. Ông viết:

“Mở mang có trước sau,
Đâu riêng Trung Quốc có...
May sinh ở nước Nam,
Đường hoàng thân áo mào,
Chớ bảo ta chẳng Hoa,
Việt Thường có kỳ lão.”⁽²⁾

Đặc biệt, khác với các triều đại Lý - Trần coi Tam giáo đồng tôn mà trong đó đạo Phật có vị thế áp đảo, các triều đại Lê - Nguyễn về sau với các chính sách độc tôn Nho thuật đã có những cái nhìn khắt khe, khinh thị đối với phong tục của các sắc dân phương Nam. Quan niệm Hoa Di lúc này trở nên tiêu cực, và là một trong những nguyên nhân chính thúc đẩy triều đình Lê, Nguyễn thực thi các chính sách “dùng Hạ biến di”. Kể từ việc vua Lê Thánh Tông đánh Bồn Man, Chiêm Thành được mô tả: “Bồn Man bướng nghe giáo hóa thì hạ lệnh cày xới gốc rễ của chúng, Sơn Man quấy rối vùng biên thì cất quân quét sạch sào huyệt của chúng [...] bắt dân chúng mặc áo xiêm của ta, khiến đất chúng thành quận huyện

1. (Việt) *Ô châu cận lục*. Tr.252. Nguyên văn: 烏州人衣服較中華無異常[...] 思榮或化語占裳, 俗尤鄙俚

2. (Việt) *Tuyển tập Ngô gia văn phái*. Tập 1. Tr.614. *Hoàn Nhĩ ngâm*. Nguyên văn: 堂堂朱夫子, 賢言甚推透, 盛稱西南番, 文字多高手, 必有開其先, 不獨中國有[...] 幸哉生南邦, 儼然佩紳綬, 勿謂我不華, 越裳有黃耆

phục của người dân các nước phương Nam và các sắc dân thiểu số đều bị coi là quê kệch, thô thiển. Như quan nhà Mạc là Dương Văn An (1514 - 1591) nhận xét vùng Tur Vinh (Huế): “Có người nói tiếng Huế, mặc váy Chàm, thói ấy rất quê và thô thiển”, trong khi dân vùng Ô châu có

của ta”⁽¹⁾; đến những sắc lệnh cải đổi thói tục của dân man theo thuần phong của người Việt diễn ra liên tiếp dưới thời vua Minh Mạng, mà một trong những nội dung quan trọng chính là việc hướng người man đổi mặc quần áo của người Kinh Việt. Như năm 1829, vua Minh Mạng xuống dụ ban tên họ cho các thủ lĩnh người man có đoạn viết: “*Ôi sửa đổi phong tục ắt phải dần dần, mà đấng vương giả dạy bảo nào có phân biệt. Lần này bọn thổ ty ấy đã theo về phong hóa, mặc xiêm áo của ta, nhưng nếu cứ để cho có tên mà không có họ, há phải là ý của trẫm coi mọi người như nhau? [...] đòi đòi tuân phụng, để phân rõ họ hàng, theo luân thường, đều đi đến đạo lớn, khiến ngày càng nhuốm gọi Hoa phong.*”⁽²⁾. Năm 1834 người Thủy Xá sai sứ đến cống, vua Minh Mạng có lời dụ rằng: “*Thánh nhân dùng Hạ biến di, nên lấy lễ nghĩa dạy bảo, khiến dần dần đổi thành thói Hoa Hạ. Bèn thưởng cho sứ thần ấy cả bộ áo mũ trước kỳ hạn. Hôm trẫm ngự ở điện, đã chuẩn cho sứ thần ấy vào triều cống, tận mắt thấy bọn họ áo mũ chỉnh tề, quỳ lạy thung dung, đều hợp lễ tiết, trẫm rất lấy làm khen ngợi [...] Lại thưởng cho chánh sứ lấy họ là Linh, vẫn dùng tên cũ là Duyên, phó sứ họ là Kiệu vẫn dùng tên cũ là Tài, ngô hầu biết được họ tên, ngày một nhuốm gọi Hoa phong.*”⁽³⁾ Ông đồng thời còn nói: “*Thánh nhân dùng Hạ biến di, có thể đem lễ nghĩa ra dạy bảo thì loài có mai vẩy cũng có thể thay đổi mà biết mặc xiêm áo.*”⁽⁴⁾ Tháng 12 năm 1835, ông tiếp tục có lời dụ: “*Đất man đã lệ thuộc bản đồ của ta từ lâu, dân man cũng là con đồ của ta, phải nên bảo ban điều dặt, để ngày một nhiễm theo Hán phong [...] Phàm những thứ cần dùng đều phải học tập Hán dân, chăm việc làm lụng. Đến như ngôn ngữ thì bảo họ dần dần tập nói Hán âm. Ăn uống và áo quần cũng dạy cho dần dần theo Hán tục. Ngoài ra, hễ có điều gì phải đổi bỏ thói hủ lậu mà làm cho giản tiện dễ dàng thì cũng tùy cơ chỉ bảo. Thông cảm họ dẫu là man mọi, nhưng cũng*

1. (Việt) *Đại Việt Lam Sơn Chiêu Lăng bi*. Dẫn theo *Các thể văn chữ Hán Việt Nam*. Tr.305. Nguyên văn: 盆蠻硬化則命將勦其根州, 山蠻擾邊則興師掃其巢穴. 占城豬犬之種, 罪惡冠盈, 則駕龍舟, 統六師繫茶全之頸, 夷茶盤之城, 衣裳其人, 郡縣其地

2. (Việt) *Hội điển* – Q.134 – Nhu viễn – Ban cấp sắc mệnh. Nguyên văn: 夫正俗必以其漸而王者有教無類. 此次該土司等既經服我衣裳之化. 若聽其有名無姓, 豈朕一視同仁之意者乎[...] 世世遵奉以辨族敦倫, 偕之大道, 俾知日染華風

3. (Việt) *Hội điển* – Q.133 – Nhu viễn – Tử dữ thuộc quốc. Nguyên văn: 聖人以夏變夷, 宜以禮義導之, 使日漸華俗. 爰先期賞給該使臣冠服全副. 本日朕御殿準該使臣朝貢, 親見伊等冠服齊整, 跪拜從容, 盡合禮節, 朕心殊深嘉[...] 賞正使姓嶺仍舊名緣, 副使姓嶠仍舊名才, 俾知姓名, 日染華風

4. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đế nhị kỷ - Q.132. Tr.36 (A.2772/ 27). Nguyên văn: 聖人用夏變夷能以禮儀導之則鱗介可變而衣裳矣



Long ý triều Nguyễn (Bảo tàng cổ vật cung đình Huế).

có lương tri và lương năng [...] Hun đức thấm nhuần, dùng Hạ biến di, đấy cũng là một đường lối thay đổi phong tục.”⁽¹⁾

Như vậy có thể thấy, tư tưởng Đế vương và quan niệm Hoa di đã có những ảnh hưởng mang tính quyết định đến việc lựa chọn trang phục cung đình Việt Nam. Sau khi văn hiến, phong tục Trung Hoa đã thâm nhập và hòa quyện với các yếu tố bản địa trở thành một phần của văn hóa bản địa thì từ việc sử dụng ngôn ngữ Hán trong quan phương đến việc áp dụng lễ lối, lễ nghi

cổ điển của Trung Quốc vào cuộc sống

cung đình, triều đình Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản đều không còn khái niệm “vay mượn” hay “bắt chước”. Đối với các quốc gia này, văn minh Trung Hoa đã sớm trở thành một sản phẩm chung, một kho dữ liệu mà họ có quyền sử dụng, và có quyền từ đó tạo cho mình một nền văn hiến, điển chương không thua kém Trung Quốc⁽²⁾.

2. Lược sử trang phục cung đình Việt Nam

Trang phục quan phương của Việt Nam từ thời Đinh trở về trước hiện khó có thể truy khảo. Chỉ biết khoảng từ năm 86 “*Uất Lâm, Nhật Nam, Liêu Đông, Lạc Lãng, thời Chu hoặc xõa tóc, hoặc búi tóc chuy kế, nay đội mũ Bì Biền.*”⁽³⁾ Năm 808, An Nam đô hộ kinh lược sứ là Trương Châu trong khi cai trị ở An Nam đã “*đổi Bì Biền thành Đại-Mũ*”⁽⁴⁾ theo lối trang phục của nhà Đường; thông tin này nằm trong văn bia ca ngợi công tích của họ Trương, cho nên có thể lời người soạn có phần khoa trương. Song vào năm 939, Ngô Quyền xưng

vuơng, đặt ra bá quan và nghi lễ trong triều, đồng thời quy định lấy màu sắc trang phục để phân biệt phẩm trật của bá quan⁽¹⁾, đánh dấu sự áp dụng lần đầu tiên và chính thức quy chế phục sắc của nhà Đường vào cung đình nước Việt. Bởi trang phục của bá quan Trung Quốc đến thời Đường mới bắt đầu được phân biệt dựa trên màu sắc áo⁽²⁾. Sau khi xưng đế năm 968, năm 975, vua Đinh cũng định ra áo mũ cho văn võ bá quan.⁽³⁾



Lễ phục Bì Biền thời Hán. (Tam lễ đồ thời Tống).

Những quy định cụ thể của trang phục cung đình thời Ngô - Đinh, hầu như không thể truy khảo, song qua ghi chép của sứ thần nhà Tống là Tống Cảo về cuộc sống của vua quan Đại Cồ Việt thời Tiền Lê “*khi có yến hội, người vào dự tiệc đều phải cỡi đai, mũ*”⁽⁴⁾, và mô tả của người Nguyên về quan Đại Việt triều Trần “*mặt trắng răng đen, thắt đai, đội mũ, mặc áo Đường*”⁽⁵⁾, có thể thấy lối trang phục đai - mũ kiểu Đường nhiều khả năng được định hình từ thời Ngô vương và kéo dài đến thời Trần. Ngoài ra, vào thời vua Lê Hoàn, qua những ghi chép ngắn gọn của Tống Cảo, ta còn được biết trang phục của vua tôi Đại Cồ Việt thời kỳ này có vẻ khá “sặc sỡ”. Tống Cảo mô tả: “*(Bình lính) mặc những chiếc áo tạp sắc... đều trở lên trán ba chữ Thiên tử quân*”, lại cho biết “*Lê Hoàn hay mặc áo có hoa văn và màu đỏ, mũ lấy trăn châu trang sức.*”⁽⁶⁾ Cuối thời Tiền Lê, năm 1006, vua Lê Long Đĩnh đổi quan chế, Triều phục nhất nhất noi theo chế độ nhà Tống⁽⁷⁾. Triều phục (trang phục mặc trong các buổi lễ) của nhà Tống có ba loại mũ Lương Quan với ba kiểu: Tiến Hiến, Điều Thiên, Giải Trãi, còn Công phục (trang phục dùng

1. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đế nhị kỷ - Q.163. Tr.11 (A.2772/ 32). Nguyên văn: 蠻地久隸版章, 蠻民亦吾赤子, 必須開誘引掖, 使之日染漢風[...]. 凡一切常需均要學習漢民, 勤於生理. 以至言語則使之漸學習漢音. 飲食衣服亦使之漸從漢俗. 此外尚有應革其陋而簡便易行者亦隨宜開導. 諒他雖蠻貊亦有知能[...]. 薰陶浸染, 用夏變夷, 此亦移風易俗之一道也.

2. Dẫn lời Lê Quý Đôn. (Việt) *Toàn Việt thi lục* - *Lệ ngôn*. Nguyên văn: 文明無遜中國 (Văn minh không kém Trung Quốc); (Việt) *Đại Việt thông sử* - *Tự*. Nguyên văn: 文物章程之懿不遜中國 (Văn vật điển chương rất đẹp, không kém Trung Quốc).

3. (Trung) *Lược hảng* - Q.19 - *Khôi quốc*. Nguyên văn: 郁林、日南、遼東、樂浪, 周時被髮椎髻今戴皮弁.

4. (Trung) *Liễu Hà Đông tập* - Q.10. Nguyên văn: 易皮弁以冠帶.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 春王始稱王, 立楊氏為后, 置百官, 制朝儀, 定服色.

2. *Trung Quốc y quan phục sắc đại từ điển*. Tr.193.

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 定文武冠服.

4. (Trung) *Tống sử* - *Giao Chỉ truyện*. Nguyên văn: 凡有宴會, 預坐之人悉令解帶冠以帽子.

5. (Trung) *Đào di chí lược*. Nguyên văn: 面白而黑齒, 帶冠, 穿唐衣.

6. (Trung) *Tống sử* - *Giao Chỉ truyện*. Nguyên văn: 廣率其民, 混為軍旅, 衣以雜色之衣[...]. 悉黥其額曰天子軍[...]. 凡有宴會, 預坐之人悉令解帶, 冠以帽子. 恒多衣花纈及紅色之衣, 帽以真珠為飾.

7. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 改文武臣僚僧道官制及朝服, 一遵于宋.



Đại - Mũ. Quan thời Đường cầm hốt trong Bộ liễn đồ.

khi xử lý công vụ, thời này đồng nghĩa với Thường phục) duy có mũ Phốc Đầu⁽¹⁾. *Toàn thư* cũng ghi nhận sự tồn tại của loại mũ Lương Quan vào thời Lý, đồng thời cho biết năm 1059, nhà Lý “*lệnh cho bá quan phải đội mũ Phốc Đầu, đi hia mới được vào triều, việc đội mũ Phốc Đầu, đi hia bắt đầu từ đó.*”⁽²⁾ Như vậy, chế độ Triều phục và Công phục của bá quan nhà Tống lần lượt được áp dụng vào triều đình Đại Việt với mốc năm 1006 và năm 1059.

Chế độ trang phục của nhà Trần về cơ bản kế thừa chế độ của nhà Lý. Tuy nhiên, tính đến trước thời điểm năm 1396, nhà Trần có hai đợt cải cách trang phục Thường triều cho bá quan, lần thứ nhất diễn ra vào năm 1254, lần thứ hai sau đó 46 năm. Từ năm 1301, kiểu dáng áo mũ Thường triều của bá quan đều được chế mới. Lúc này, mũ Phốc Đầu của thời Lý bị phế bỏ, thay vào đó là mũ Đinh Tỵ. Riêng Tụng quan được quy định đội mũ Toàn Hoa màu xanh. Vương hầu hoặc đội mũ Triều Thiên, hoặc đội mũ Bao Càn tùy xem họ để tóc dài hay cắt ngắn. Ngoài ra, trong chế độ quan phục Lý Trần còn có sự xuất hiện của quy chế Ngự đại, thứ trang sức có hình con cá, mắc vào đai để tỏ sự sang trọng, vinh hiển, phỏng theo chế độ quan phục nhà Tống, mà xa hơn là nhà Đường. Trang phục nhà Hồ kế thừa chế độ áo mũ nhà Trần sau cải cách năm 1396 với những chiếc mũ Khước Phi, Viễn Du, Thái Cổ, Cao Sơn v.v. vốn là các loại mũ mào của bá quan nhà Hán, thể hiện rõ tâm lý sùng cổ và muốn có sự khu biệt về văn vật của nhà Hồ. Với nhiều lý do, nhà Hồ chỉ giữ ngôi được 7 năm, để một lần nữa sau 1000 năm Bắc thuộc, đất nước lại rơi vào ách thống trị của Trung Hoa.

Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa Lam Sơn, sau 10 năm thu lại được toàn vẹn lãnh thổ, tái thiết triều đình Đại Việt. Sau khi kỷ cương được lập lại, quan chế và trang phục triều đình Lê sơ đều tuân theo chế độ Trần - Hồ, thể hiện ở việc sử dụng rộng rãi mũ Cao Sơn cho văn võ bá quan.

1. *Trung Quốc phục sức thông sử*. Tr.110.

2. Những thông tin liên quan đến trang phục cung đình từ thời Lý tới thời Nguyễn trong phần tổng quan này chúng tôi không tiếp tục sử dụng cước chú.

Song đến tháng 5 năm 1437 thời vua Lê Thái Tông, một cuộc tranh cãi nảy lửa giữa phe bảo thủ muốn gìn giữ chế độ cổ Trần - Hồ và phe cấp tiến muốn du nhập chế độ áo mũ triều nghi mới của nhà Minh đã diễn ra, mà đứng đầu hai phe là Nguyễn Trãi và Lương Đăng. Do sự thiếu khuyết sử liệu và sự chần chừ của Nguyễn Trãi, vua Lê Thái Tông đã chuẩn theo tấu nghị của Lương Đăng du nhập một phần chế độ phẩm phục của nhà Minh, theo đó “*vào dịp đại lễ vua mặc áo Cổn, đội mũ Miện, Thường triều đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào; mồng một, ngày rằm, bá quan mặc Công phục, đội Phốc Đầu; Thường triều đội mũ Ô Sa, áo cổ tròn.*” Năm 1437, vua Lê Thái Tông đồng thuận việc du nhập dạng áo mũ Công phục và Thường phục mới của nhà Minh (lúc này khái niệm Công phục đã không còn đồng nhất với khái niệm Thường phục), làm tiền đề cho năm 1471, vua Lê Thánh Tông tiếp tục du nhập chế độ phẩm phục Bồi tử, và năm 1486 quy định bá quan vào triều phải đội mũ Ô Sa với hai cánh nhất loạt hướng về phía trước. Chế độ Ô Sa - Bồi phục là chế



Bồ từ (vuông vải thêu hình chim thú đỉnh trước ngực bá quan văn võ để phân biệt phẩm cấp). 1. Bồ từ Tiên hạc của nhà Minh (*Chức tước trên phẩm*); 2. Bồ từ Tiên hạc của Triều Tiên (BTCCQLSU); 3. Bồ từ Tiên hạc của nhà Nguyễn (*A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*).

độ áo mũ có thể khu biệt khá kỹ chức tước, phẩm trật của bá quan, vậy nên nhà Thanh, nhà Triều Tiên, Lưu Cầu (nay là tỉnh Okinawa, Nhật Bản) và nhà Nguyễn sau này đều tham chiếu mô phỏng. Đến thời vua Lê Hiến Tông, năm 1500, triều đình Đại Việt đã thực hiện cải cách đối với chiếc mũ Phốc Đầu, trong đó bao gồm việc sửa đổi kiểu dáng cánh chuồn và quy định trang sức vàng bạc trên mũ để tiếp tục phân biệt phẩm cấp một cách kỹ lưỡng hơn. Các triều vua Lê về sau cho đến thời nhà Mạc cũng có một số lần thay đổi quy chế mũ mào phẩm phục, song nhìn chung vẫn dựa trên chế độ cơ bản được xác lập từ thời vua Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông.



Bộ phục. Thường phục của quan Đại Việt thời Lê (mũ Ô Sa, áo cổ tròn đính Bô từ) và quan Việt Nam thời Nguyễn (mũ Đông Pha, áo giao lĩnh đính Bô từ) trong *Hoàng Thanh chúc công đồ* (Q.1 và Q.9).

Sau những động loạn cuối thời Lê sơ, bước vào thời Lê Trung Hưng, vua Lê dần dần chỉ còn hư vị, cán cân quyền lực ngã sang chúa Trịnh, khiến một phần quy chế áo mũ dành cho thiên tử nhà Lê bị lược bỏ. Trước đây, bá quan có Triều phục, Thường phục mặc vào chầu vua, thì nay còn có thêm bộ trang phục để mặc riêng vào vương phủ hầu chúa. Với những biến cố cung đình liên tiếp diễn ra trong giai đoạn này, cùng sự công kênh của bộ máy quan liêu kể từ nửa cuối giai đoạn Lê Trung Hưng, quy chế trang phục của bá quan cũng hết sức hỗn loạn, buộc Tham tụng Nguyễn Công Hãng năm 1721 sau khi đi sứ sang nhà Thanh phải tìm kiếm điển chương cũ của nhà Minh về đặt định lại chế độ phẩm phục cho được đúng đắn. Trang phục cung đình nhà Lê lúc này tiếp tục thu nhận các kiểu dáng hoa văn, trang trí của Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh. Cũng kể từ đây, trang phục bá quan vào hầu chúa tiếp tục được phân làm hai bộ: một bộ mặc khi chúa coi chính sự ở phủ và một bộ mặc khi chúa tiếp khách ở các.

Mặt khác, chúa Nguyễn từ khi vào phương Nam mở cõi dần dần có ý định độc lập với triều đình chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Đến thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, năm 1744, chúa tự ý xưng vương, quyết thay đổi nghi lễ, trang phục từ cung đình cho đến dân gian Đàng Trong đều nhất loạt theo phong khí mới. Từ việc kế thừa một phần trang phục của nhà Lê, tham khảo hình dạng áo mũ trong *Tam tài đồ hội* của nhà Minh, đặc biệt phổ biến kiểu áo cổ đứng cài khuy, vua chúa triều Nguyễn quả nhiên đã tạo nên “một cõi y quan văn hiến” khác hẳn với các triều đại trước đây. Những chiếc mũ Cửu Long Thông



Triều phục của quan triều Nguyễn: mũ Phốc Đầu, Măng bào Tứ linh. (Ảnh: Alber Kahn).

Thiên, Cửu Long Đường Cầm của hoàng đế, mũ Phốc Đầu, Hổ Đầu, Xuân Thu của bá quan với không ít trang sức vàng bạc như Bấc sơn, khóa giản, giao long cùng những tấm Long bào, Măng bào thêu dày đặc hoa văn rồng mây, sóng nước mang lại cảm giác “ngợp mắt” chính là đặc trưng của trang phục cung đình triều Nguyễn.

Như vậy có thể thấy chế độ áo mũ của triều đình nước Việt thường xuyên diễn ra các đợt cải cách, sửa đổi, xuất phát từ tâm lý muốn khẳng định sự tiến bộ và khác biệt về văn vật trong sự đối sánh giữa các vương triều nội bộ nước Việt và trong sự đối sánh giữa vương triều Việt Nam với vương triều Trung Quốc. Bên cạnh đó, hậu quả của những đợt phá hủy kinh thành, sách vở của quân Chiêm và quân Minh trong thế kỷ XIII, XIV cùng những động loạn của nội chính nhà Lê trong suốt những thế kỷ XVII, XVIII cũng là những nguyên nhân chính khiến việc tái thiết chế độ triều nghi, phẩm phục của triều đình trở nên bức thiết.



Biên khánh của nhà Nguyễn (*Báu vật triều Nguyễn*), nhà Tống (*Tam lễ đồ*) và nhà Triều Tiên (*Bảo tàng cổ cung quốc lập Seoul*. Ảnh: TQĐ).

II. TRANG PHỤC DÂN GIAN VIỆT NAM



Bình đựng vôi đỏ và coi trà của người Thái. (Bảo tàng quốc gia Thái. Dẫn theo *Triển lãm văn vật folklore Đông Nam Á Phi-Thái-Việt-An*).

Thời kỳ Bắc thuộc kéo dài suốt một thiên niên kỷ trên nước Việt, nhưng chưa lúc nào người Việt nguôi ngoai khát vọng độc lập, mà minh chứng là các cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng, Bà Triệu, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ v.v. chống lại sự cai trị của triều đình phương Bắc. Không thể phủ nhận, trong thời kỳ bị đô hộ kéo dài, người Việt đã tiếp nhận khá nhiều thành tố của văn minh Trung Hoa, nhưng các tập tục truyền thống trong

lối sống, trong sinh hoạt, trong lời ăn tiếng nói hàng ngày vẫn được người Việt lưu giữ bền chắc.

Sau khi nhà nước phong kiến - quân chủ của người Việt được tạo lập, mỗi triều đại mới dựng lên luôn quan tâm đến việc tái thiết triều nghi, phẩm phục, song riêng với trang phục dân gian, triều đình Việt Nam nhìn chung đều muốn dân chúng giữ nguyên phong tục vốn có. Ví như tháng 5 năm 1437, vua Lê Thái Tông đã chuẩn tấu đề nghị của Lương Đăng, áp dụng một phần chế độ trang phục của nhà Minh vào trang phục cung đình, trong khi đó đến tháng 12 lại ra lệnh cho người Minh ở Đại Việt phải nhất loạt mặc áo và cắt tóc ngắn theo phong tục của người Kinh bản địa.⁽¹⁾ Điều này tiếp tục được minh chứng qua chính sách khoan hòa của vua Quang Trung trong chiếu lên ngôi, khi ông cho phép “*y phục dân gian Nam Hà, Bắc Hà đều được theo tục cũ, chỉ có mũ áo trong triều thì nhất loạt tuân theo quy định mới*” Nhìn chung, triều đình Việt Nam từ thời Lý đến thời Lê đều không có chính sách bắt ép thay đổi trang phục dân gian trong toàn quốc, ngoại trừ triều Nguyễn sau này. Dĩ nhiên, trang

TỤC NHUỘM RĂNG ĐEN

(Trung) Lĩnh ngoại đại đáp mô tả người thời Lý: “Người nước ấy áo thâm, răng đen.” (Trung) Đào di chỉ lược mô tả người thời Trần: “Nam nữ mặt trắng răng đen.” (Hàn) Triều Tiên vương triều thực lục (Túc Tông. Q.23. Năm 1691) mô tả sứ thần thời Lê: “Thường xuyên nhai trầu cau, gặp khách miêng vẫn nhai, răng đều đen như sơn.” (Việt) An Nam phong tục sách miêu tả tục nhuộm răng thời Nguyễn: “Trai gái hơn 10 tuổi, răng sữa đã thay hết, răng mới mọc đều thì ai nấy bắt đầu nhuộm răng. Cách làm là lấy cánh kiến tán nhỏ hòa với nước chua thành thuốc, quét lên lá cau, buổi đêm dán lên răng, làm hơn mười lần nhuộm thành màu đỏ. Lại lấy phèn đen hòa lẫn với thuốc trên dán vào răng độ dăm ba lần thì nhuộm thành màu đen. Đàn ông nhuộm một lần, đàn bà nhuộm làm nhiều lần, răng phải đen nhánh mới cho là đẹp.”

được may bằng bốn khổ vải, hai vạt song song buông dài xuống phía trước đã xuất hiện, đây cũng là một trong những kiểu áo phổ biến của phụ nữ Việt Nam được kế thừa qua suốt thời Trần, Lê. Bước sang thời Lê, kiểu áo chung của đàn ông và đàn bà là áo giao lĩnh (cổ áo vắt chéo, còn gọi là áo tràng vạt). Đàn ông lao động, lính tráng vẫn lưu giữ tục đóng khố như người thời Lý - Trần; đàn bà tiếp tục duy trì bộ trang phục yếm - váy, áo tứ thân. Từ khi chúa Nguyễn cát cứ phương Nam, nước Việt phân làm vương quốc Đàng Trong và Đàng Ngoài, năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát hạ lệnh thay đổi toàn bộ trang phục dân gian Đàng Trong. Tại thời điểm này, kiểu dáng áo dài cổ đứng cài khuy được phổ biến, trong suốt thời Nguyễn về sau, loại áo này không ngừng thay đổi về độ dài rộng của ống tay, vạt áo, cổ áo, dần dần thay thế trang phục áo cổ tròn và áo giao lĩnh của các triều đại trước đây.

Một mặt khác, có thể nói sự chống đối “làm loạn” của người Giao Chỉ trong khoảng 1000 năm Bắc thuộc chắc hẳn đã dấy lên bởi chính sách tham tàn của các thái thú và những ràng buộc gò bó của lễ lối Trung Hoa, nhưng đồng thời nó cũng phần nào thể hiện bản tính ưa tự do của người Việt. Có điều, về sau, tính thoải mái trong thói quen sinh hoạt

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 十二月，令明人著京人衣服，斷髮



Áo vàng. Kỹ nữ thời Nguyễn, năm 1915, mặc áo năm thân màu vàng (Ảnh: Albert Kahn); Người Tonkin năm 1714, mệnh phụ mặc áo giao lĩnh màu vàng. (*Thế giới nhân vật đồ quý*); Đàn ông thời Lê Trung Hưng xõa tóc đội nón, mặc áo giao lĩnh màu vàng (*Hoàng Thanh chúc cống đồ*).

nhiều khi lên tới độ “vô phép tắc” dẫn đến việc thời nào cũng có người dân “cả gan” vận quần áo màu vàng, sắc phục luôn được triều đình Việt Nam quy định dành riêng cho thiên tử. Sự “lấn vượt tày đình” này chẳng biết bắt đầu từ khi nào, chỉ biết năm 1182, vua Lý Cao Tông đã “*cấm thiên hạ không được mặc trang phục màu vàng*”⁽¹⁾, sau khi nhà Minh đô hộ nước ta cũng nhiều lần ra lệnh cấm dân gian mặc áo màu vàng⁽²⁾. Năm 1448, vua Lê Nhân Tông vẫn “*ra lệnh cho bộ Lễ tuyên bố lại lệnh cấm dân gian mặc màu vàng vì bấy giờ thói tục chuộng sự xa hoa, lấn vượt*.”⁽³⁾ Đến tận năm 1916, vua Khải Định cũng phải phê rằng: “*Ngày trước khi trăm còn là hoàng tử luôn thấy dân chúng có nhiều người ăn mặc quần áo màu vàng, như thế là phạm luật. Nên đồng thời sức cho Phủ Thừa Thiên yết bảng nghiêm cấm từ nay trở đi nhân dân không được ăn mặc quần áo có màu vàng và những màu sắc gần với màu vàng để có sự phân biệt*.”⁽⁴⁾

Trong khi đó ở triều đình nề nếp vẫn nghiêm ngặt và gò bó hơn nhiều so với chốn dân gian, cho nên được lúc thế lực lấn át vua, tể thần Nguyễn Công Hãng đề nghị chúa Trịnh Cương vận áo màu vàng tiếp kiến quần thần, nhưng ông vẫn một mực từ chối: “*Ta...lúc nào cũng coi sự tôn kính làm lòng. Màu vàng là sắc phục của thiên tử, ta đâu dám làm*

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 禁天下不得着黄色服

2. (Trung) *An Nam chí nguyên*. Tr.253. Nguyên văn: 僭用玄黄紫色以為禁令

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 辰習尚奢僭，乃令禮部申禁民間毋得服黄色

4. (Việt) *Đồng Khánh Khải Định chính yếu*. Tr.431.

như vậy?”⁽¹⁾ Tuy thế, thi thoảng ta vẫn thấy một vài hành vi “thoải mái” của các quan chốn cung đình, như việc các quan nhà Lê thoải mái nhổ nước cốt trầu, nhả bã ra cửa và sân Đan Trì dẫn đến lệnh cấm của triều đình vào tháng 11 năm 1473⁽²⁾ v.v.

Bản tính bảo thủ, giữ gìn bản sắc chỉ thực sự được đẩy mạnh và trở nên quyết liệt vào những thời kỳ người Việt nhận thấy có nguy cơ bị đồng hóa văn hóa, còn trong thời bình, họ lại tỏ ra khá linh hoạt trong việc tiếp thu các nền văn hóa xung quanh. Lúc này, chính những người trị vì đất nước lại ý thức về việc bảo tồn truyền thống. Không ít lần người dân phổng theo lối ăn mặc, thậm chí nói pha tiếng người Minh, Thanh, Chiêm, Lào khiến triều đình phải ban lệnh cấm, như năm 1375, nhà Trần - Hồ “*cấm quân dân mặc kiểu áo của người phương Bắc và phổng tiếng nói của người Chiêm, Lào*” (*Toàn thư*). Nguyễn Trãi bình xét: “*Người trong nước không được bắt chước tiếng nói và trang phục của các nước Ngô, Chăm, Lào, Xiêm, Chân Lạp để làm loạn quốc tục*.”

Lời cấm chỉ nói rằng: Tiếng Ngô toàn âm lưỡi, phải chuyển ngữ sau mới hiểu được. Tiếng Lào toàn âm họng. Tiếng Xiêm, Chăm, Chân Lạp toàn âm hầu, nghe như tiếng chim bồ lao. Người Ngô lâu ngày nhiễm thói tục của người Nguyên, tóc xõa, răng trắng, áo ngắn mà tay áo dài, mũ xiêm lòe loẹt, lớp lớp như lá vậy. Người Minh tuy khôi phục áo mũ Hán Đường xưa, nhưng thói tục không đổi. Người Lào dùng vải len quần người trông như áo Thủy điền của nhà Phật. Người Chăm dùng khăn che vế đùi, để lộ hình thể. Xiêm La, Chân Lạp dùng vải bọc liền từ tay đến đầu gối như bọc xác chết, đều không nên noi theo để làm loạn quốc tục.”⁽³⁾ Ngoài ra, tháng



Khăn xếp, áo the, bộ trang phục điển hình của nam giới triều Nguyễn, là ấn tượng mặc định của nhiều người Việt về trang phục của ông cha. Tuy nhiên, dạng áo cổ đứng cài khuy định hình và phổ biến từ thế kỷ XVIII. Trước đó, nam giới người Việt phần lớn mặc áo giao lĩnh - trắng vạt. (Chân dung Chu Văn An, vẽ năm 1995).

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 每以尊敬為心。黃天子服也，我何敢當

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 繼今百官進朝不得唾放芙蓉殘汁於丹墀門庭

3. (Việt) *Ức Trai di tập* - Q.6 - *Dư địa chí*. Nguyên văn: 國人毋得效吳、占、牢、暹、真臘諸國語及服裝以亂國俗。毋者禁止之辭言：吳語從舌必譯而後知。牢語從咽，暹、占、真臘國語從喉如駛聲。然



1. Phụ nữ thời Lê mặc áo giao lĩnh (Hoàng Thanh chúc cống đồ); 2. Phụ nữ thời Lê mặc áo cổ tròn bốn vạt (Văn quan vinh quy đồ. Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); 3. Phụ nữ thời Nguyễn mặc áo tứ thân (Việt Nam từ điển); 4. Phụ nữ thời Nguyễn mặc áo dài cài khuy, vắn khắn (Tranh Tổ nữ).

thân được đặt định năm 1744 mà đến thời Nguyễn trở thành quốc phục - tiền thân của chiếc Áo dài như ta thấy ngày nay - các loại áo cổ tròn, tràng vạt, tứ thân còn hiện diện đến đầu thế kỷ XX đều là những dạng thức trang phục dân gian lưu hành phổ biến qua các thời kỳ trước đó.

8 năm 1499, vua Lê Hiến Tông xuống chiếu cấm “trên từ thân vương, dưới đến dân chúng, đều không được lấy đàn bà con gái Chiêm Thành làm vợ, để cho phong tục được thuần hậu”⁽¹⁾; năm 1696, 1717, 1727 nhà Lê liên tục cấm người trong nước không được mô phỏng trang phục, tiếng nói và đầu tóc của người Thanh; những người Thanh cư ngụ tại nước Việt đều phải nhất nhất tuân theo phong tục bản quốc, ai vi phạm sẽ bị trục xuất⁽²⁾.

Tóm lại, một phần do sự bảo thủ của người Việt, một phần do quy định của triều đình mà lối ăn vận trong dân gian qua các triều đại không biến đổi nhiều. Chỉ đến thời Nguyễn, đặc biệt dưới thời vua Minh Mạng, người dân Việt Nam mới lần đầu tiên bị ép phải thay đổi trang phục thường ngày, bị cấm sử dụng các loại áo tứ thân, váy đụp, khăn vuông, khố v.v. bắt kể nam nữ nhất nhất đều phải mặc áo dài năm thân cài khuy. Tuy nhiên, ngoài chiếc áo dài năm

皆不可效以亂國音者。吳人久淪元俗，被髮白齒，短衣長袖，冠裳燦爛，如葉之重者。明人雖復漢唐衣冠之舊而其俗未變。牢人罽布纏身如伏家之水田。占人以巾蔽腿而露其形。暹羅、真臘以布連包手膝如屍之裹。皆不當因襲以亂風也

1. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 八月初九日詔繼今上自親王下及百姓並不得娶占城人為妻以厚風俗

2. (Việt) Lịch triều tạp kỷ. Tr.143-145.

PHỤ LỤC

BIỆN DI LUẬN

Khắc Trai Lý Văn Phức

(Chép trong *Chu nguyên tạp vịnh thảo*)

Nguyên văn:

自古有中華，有夷狄，乃天地自然之限也，而華自為華，夷自為夷，亦聖賢辨別之嚴也。華之所以為華，無論已乃有華而不夷，不夷而乃夷之者，此則不容以不辨。夫夷之所以為夷，聖經人之，賢傳彼之，而周公之所必膺之也。何哉？或專於暴行而不知有道禮名分，如古之荊楚是已。又或舉其國而異端之而於吾人之綱常道義一棄而不顧，如今之東西洋黠夷是已，稱之曰夷，因其所也。



Quan nhà Nguyễn năm 1915 (Ảnh: Albert Kahn).

我越若是班乎？我越非他。古中國聖人炎帝神農氏之後也，方其遐僻自畫，顛蒙未開，此辰而夷之，狄之可也。而於周為越裳則氏之，於歷代為交趾則郡之，未有稱為夷者。況自陳黎安南以還土地日闢，至今而倍蓰焉。北接中州廣東廣西雲南三省，西控諸蠻接於南掌緬甸諸國，東臨大海包諸島嶼，南亦抵于海，遶而西南隣于暹羅，其餘屬國附蠻不一而足，真哀然為天地間一大國矣。氏之且不可，郡之且不可，而可以夷之乎哉？然此姑淺言之耳。

以言乎治法則本之二帝三王，以言乎道統則本之六經四子，家孔孟而戶朱程。其學也源左國而流班馬。其文也詩賦則昭明文選而以李杜為依歸，字畫則周禮六書而以鍾王為楷式。賓賢取士，漢唐之科目也。博帶絳冠，宋明之衣服也。推而舉之，其大者如是。夫是而謂之夷則吾正不知其何以為華也。或為高論者曰：舜東夷之人也，文王西夷之人也，傳有之，於夷乎何損？不知此蓋就其所生之地言耳。舜文之所以為舜文，自載籍以來有稱舜為夷帝者乎？有稱文王為夷王者乎？或為卑論者曰：蓋因其異言異服而夷之耳。是尤不然。且就目前言之，如福建一省，考亭朱夫子之遺教也，而所屬泉漳，人往往以巾代帽，此豈非異服，今將從而夷之乎？又如十八省言語各各不同而土語與官語又各不同，此豈非異言，亦將胥而夷之乎？其必不然也。

明甚通乎華夷之義，但當於文章禮義中求之，余之辨可無作也而余豈好辨哉，余不得已也。此辨既出逮入見孫總督當堂宣示云：貴使此來本督自以使臣之禮待之，不敢以外夷視也。既而中州士夫抄者相繼，其中亦多有評閱稱賞者有儒學訓導李振仁者為人極慷慨，睹我衣冠乃自擲其帽曰：我是夷而反夷人乎哉？

Dịch nghĩa:

Từ xưa, có Trung Hoa thì có di dịch, ấy là sự ngăn cách tự nhiên của trời đất. Hoa là Hoa mà di là di, cũng là sự phân biệt nghiêm minh của thánh hiền. Hoa là Hoa, bất kể bản thân văn minh không man mọi, hay không man mọi nhưng lại bị coi là man mọi, đều không thể không

biện luận cho rõ ràng được. Xét, di được gọi là di, kinh truyện thánh hiền coi là kẻ khác (không phải giống nòi ta - TQĐ chú) nên Chu công phải thảo phạt. Có sao vậy? Có bọn chuyên làm việc bạo ngược không biết lễ nghĩa danh phận, như Kinh Sở thời xưa; cũng lại có bọn đem cả nước ra làm trò dị hợm, bất chấp cương thường đạo nghĩa của người ta, như bọn man di giáo quyết Đông Tây Dương thời nay vậy; gọi chúng là di là vì cách làm của chúng.

Nước Việt ta là phường ấy chẳng? Nước Việt ta không phải chúng vậy, mà là hậu duệ của Viêm Đế, họ Thần Nông, bậc thánh Trung quốc thời cổ vậy. Thời cổ là vùng hoang viễn, chưa khai hóa, bấy giờ coi là di thì được. Nhưng đến thời Chu đã là Việt Thường, coi là thị tộc, các đời sau là Giao Chỉ, coi là quận huyện, chưa bao giờ gọi là di cả. Huống hồ, từ thời Trần, Lê, quốc thổ An Nam ngày càng mở rộng, đến nay đã gấp bội lần, phía Bắc giáp ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam của Trung châu; phía Tây khống chế các tộc man di, tiếp với các nước Nam Chưởng, Miến Điện; phía Đông trông ra bể lớn, ôm bọc các đảo; phía Nam cũng chạm tới biển, vòng qua phía



Tại Việt Nam, quy chế áo Cồn mũ Miện bị phế bỏ vào thời Lê Trung Hưng và được khôi phục vào thời Nguyễn. Tại Trung Quốc, quy chế này bị phế bỏ vào thời Thanh. Trong ảnh là quan nhà Nguyễn mặc Cồn Miện dẫn theo BAVH.

Tây Nam sát vách Xiêm La, các thuộc quốc còn lại và tộc man di khác nhau nội phụ đều đủ cả, thật là một đại quốc sừng sững giữa trời đất. (Lúc này) coi là thị tộc cũng không được, coi là quận huyện càng không được, huống hồ có thể coi là di sao? Song ở đây tạm có vài lời nông cạn như vậy đã.

Bàn về phép trị nước thì noi nhệ đế tam vương, bàn về đạo thống thì noi lục kinh tứ tử, coi Khổng Mạnh là nhà, coi Chu Trình là cửa. Về học vấn thì coi Tả, Quốc là nguồn, coi Ban, Mã là nhánh. Về văn chương thì thơ phú noi Chiêu Minh, Văn Tuyền, xem Lý, Đỗ là tấm gương; thư họa theo Chu lễ, Lục thư, coi Chung, Vương là mô phạm. Chiêu hiền đãi sĩ, ấy khoa cử Hán Đường vậy. Đại rộng mũ cao, ấy y phục Tống Minh vậy. Cứ vậy mà suy, đại để như thế. Xét, đến vậy mà vẫn gọi là di thì ta cũng chẳng biết thế nào mới là Hoa vậy. Có kẻ nghị luận cao minh nói rằng: Thuấn là người Đông di, Văn vương là người Tây di, trong kinh truyện có nói đến, nhưng di ấy tổn hại gì? Há không biết đó chỉ là lời nói chỉ nơi các ngài sinh ra thôi. Thuấn vẫn là Thuấn, Văn vương vẫn là Văn vương, từ khi có thư tịch đến giờ có thư tịch nào gọi Thuấn là di để chẳng, gọi Văn vương là di vương chẳng? Cũng có kẻ luận bàn thô thiển rằng: Chắc là do tiếng nói, trang phục khác lạ nên coi là di đó thôi. Như vậy càng không đúng. Cứ nói chuyện trước mắt, như một tỉnh Phúc Kiến, là nơi còn di giáo của thầy Chu Khảo Đình, riêng ở vùng Tuyên Chương, người ở đây thường đội khăn thay mũ, vậy là trang phục khác lạ chẳng, có thể vì thế mà coi là di chẳng? Lại như mười tám tỉnh ngôn ngữ khác nhau, tiếng nhà quê và tiếng nhà quan cũng khác nhau, vậy là tiếng nói khác lạ chẳng, có thể vì thế mà coi là di chẳng?

Để thấu hiểu cái nghĩa Hoa di, nên tìm trong văn chương lễ nghĩa, vậy thì lời luận biện của tôi cũng chẳng cần viết ra, tôi đâu có ưa biện luận, là do tôi bất đắc dĩ mà thôi.

Lời bàn luận này sau khi viết ra, đến tay Tôn tổng đốc, ông tuyên bố tại chỗ: Quý sứ lần này đến đây, bản đốc tự dùng lễ sứ thần để đối đãi, không dám coi là ngoại di nữa. Sau đó sĩ phu Trung châu nối nhau sao chép, có nhiều người viết thêm lời bình phẩm ngợi ca. Có ông Lý Chấn Nhân là Nho học Huấn đạo, tính cực khăng khái, sau khi thấy áo mũ nước ta liền ném mũ của mình xuống đất nói rằng: Ta là di rồi, sao lại coi người ta là di đây?





CHƯƠNG I. TRANG PHỤC THỜI LÝ



Năm 984 vua Lê Hoàn cho dựng điện Bách Bảo Thiên Tuế có cột dát vàng dát bạc tại núi Hỏa Vân để làm nơi coi châu, lại cho dựng điện Long Lộc lợp mái bằng ngói bạc⁽¹⁾. Các vật phẩm vua Lê Hoàn và vua Lê Long Đinh cống sang nhà Tống phần lớn là đồ khảm vàng bạc châu báu, như trong ba đợt triều cống năm 990, 997, 998 là những chiếc ghế rồng phượng khảm vàng bạc cùng bảy loại đá quý; năm 1001 lại cống thêm chiếc bình khảm vàng bạc thất bảo⁽²⁾. Với tính cách xa xỉ này, vua Lê Hoàn chuộng mặc áo màu đỏ có hoa văn sắc sỡ, mũ trang sức bằng ngọc châu. Bước sang thời Lý, phong khí vương giả của triều đình Đại Việt tiếp tục được mô tả gián tiếp qua những cống vật “rất thịnh” đem biểu nhà Tống như năm 1156, “các chữ viết trong tấu biểu đưa lên đều bằng vàng, cống phẩm quá bán là đồ trang sức bằng châu báu; cống trên châu thì có 3 viên to như quả cà, 6 viên to cỡ hạt mít, 24 viên như hạt đào, 17 viên như hạt mận, 50 viên như hạt táo, cả thảy 100 viên, đều đựng trong bình vàng”⁽³⁾; năm 1173 tiến dâng một tráp biểu chương mừng vua Tống lên ngôi tương đương 330 lạng

1. (Việt) *Đại Việt sử lược*. Nguyên văn: 造百寶千歲殿於火雲山，其柱裹以金銀[...]其側起龍祿殿，盖以銀瓦

2. (Trung) *Tổng hội yếu tập cáo* - Phiên Di - Giao Chi và *Tống sử* - Giao Chi truyền đều ghi chép rõ các cống phẩm này. Loại ghế chúng tôi đề cập, nguyên văn gọi là 七寶裝龍鳳椅子 *Thất bảo trang long phượng ý tử*, hoặc 金銀七寶椅 *Kim ngân thất bảo ý*, hoặc 以金銀七寶裝交椅 *Đĩ kim ngân thất bảo trang giao ý* (ghế *Giao ý trang sức bằng vàng bạc thất bảo*)

3. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Tr.58. Nguyên văn: 所獻方物甚盛，表章皆金字。貢金器凡一千二百余兩，以珠寶飾之者居半。貢珍珠，大者三顆如茄子，次六顆如波羅蜜核，次二十四顆如桃核，次十七顆如李核，次五十顆如枣核，凡一百顆，以金瓶盛之 Khác với con số 1.200 lạng vàng trong sách *Lĩnh ngoại đại đáp*, sách *Tổng hội yếu tập cáo* chép số vàng cống sang là 1.136 lạng. Số lượng trên châu đều chép giống nhau.



Đĩa vàng thời Lý xuất thổ tại Kim Động, Hưng Yên. (BTL SVN).

vàng, một cỗ bành voi tương đương 40 lạng vàng, một chiếc vỏ trang sức cho ngà voi tương đương 50 lạng vàng, một chiếc trang sức trán voi tương đương 120 lạng vàng, hai mặt sa la, năm chiếc móc voi nối với dải đồng tâm bọc vàng bạc, một chiếc trang sức trán voi bằng vàng bạc đan xen, một dây mây dắt voi trang sức bằng vàng bạc tương đương 402 lạng bạc⁽¹⁾. Ngoài ra, Chu Khứ Phi còn cho biết: “*Khe động Ung Châu cho tới đất An Nam đều có mỏ vàng, vàng ở những nơi này nhiều hơn các quận khác. Châu Vĩnh An ở Ung Quân chỉ cách Giao Chỉ một con sông thôi, vịt ngan bơi đến bến nước Giao Chỉ tìm ăn rồi quay về, trong phân có lẫn vàng, ở bến nước trong địa phận nước ta thì không có. Vàng không ở trong mỏ mà ở ngoài tự nhiên, lẫn trong đất cát, nhỏ thì bằng hạt mạch, lớn thì như hạt đậu, lớn hơn to cỡ ngón tay, đều gọi là vàng sống [...] Cũng có hột to bằng quả trứng gà, gọi là kim mẫu. Có được vàng này, giàu có hẳn phải biết. Giao Chỉ có mối lợi là các mỏ vàng, mua dân ta về làm nô lệ.*”⁽²⁾

Cũng chính tình hình buôn bán nô lệ diễn ra hết sức sôi động trong thời kỳ đầu tự chủ này đã gián tiếp minh chứng cho trữ lượng vàng dồi dào và cuộc sống cung đình xa hoa của Đại Việt⁽³⁾. Tuyên dụ Quảng Nam Minh Thác cũng tâu vua Tống về tình trạng này: “*Vùng Ung Châu, phía Nam giáp Giao Chỉ, năm trấn trại, châu động quanh*

1. (Trung) *Tổng hội yếu tập cáo*. Nguyên văn: 進呈稱賀登極綱運表章一函，金三百三十兩數，禦乘象羅我一副，金四十兩數，裝象牙鞘一副，金五十兩數，裝象額一副，金一百二十兩數，沙鑪二面，金銀裹象鉤連同心帶五副，金間銀裝象額一副，金銀裝纏象藤條一副，銀四百兩數

2. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp* - Q.7 - Kim thạch môn - Sinh kim. Tr.269. Nguyên văn: 邕州溪峒及安南境內皆有金坑，其所產多於諸郡。邕管安州與交趾一水之隔爾，鵝鴨之屬至交趾水濱遊食而歸者，遺糞類得金，在吾境水濱則無矣。凡金不自礦出，自然融結於沙土之中，小者如麥粒，大者如豆，更大者如指面，皆謂之生金[...]亦有大如雞子者，謂之金母。得是者，富固可知。交趾金坑之利，遂買吾民為奴

3. Cao Hùng Trưng cho biết, đến cuối thời Trần, theo báo cáo của các phủ huyện tại Việt Nam, phủ Thái Nguyên có 17 mỏ vàng, huyện Phú Lăng không có, phủ Lạng Sơn có 4 mỏ, châu Quảng Nguyên không có, châu Quảng Oai 59 mỏ, châu Gia Hưng 5 mỏ, châu Ninh Hóa 3 mỏ, châu Quỳ 1 mỏ, châu Ngọc Ma 6 mỏ, châu Trà Long 3 mỏ. (Trung) *An Nam chí nguyên* - Q.1 - Thổ sản. Nguyên văn: 黃金：今考各府縣所報，太原府屬絲金穴十七處，富良縣則無，諒山府金穴四處，廣源州則無，廣威州五十九處，嘉興州五，寧化州三，葵州一，玉麻州六，茶龍州三

vùng Tả Giang, Hữu Giang có nhiều mỏ vàng, lắm kẻ vô lại đã cướp bóc, buôn bán dân chúng vào Giao Chỉ.”⁽¹⁾ Triều Tán đại phu nhà Tống là Trịnh Tùng cho biết cụ thể: “*Bọn du khách miền Nam thường dụ dỗ người ta làm tôi ở, phu cáng. Đưa đến châu động liền trói đem bán, cứ một người lấy hai lạng vàng, châu động lại chuyển bán vào Giao Chỉ lấy ba lạng vàng. Một năm không dưới hàng trăm nghìn người. Ai có tài nghệ thì trả vàng gấp đôi, ai biết văn chương chữ nghĩa lại trả gấp đôi nữa.*”⁽²⁾ Bấy giờ, trong quan lại địa phương vùng Ung Châu Trung Quốc có nhiều kẻ ăn hối lộ, để tình trạng bắt cóc người Tống bán vào Đại Việt thực sự trở thành một vấn nạn đối với triều đình phương Bắc. Quần thần nhà Tống chỉ rõ: “*Quan lại Ung Châu ăn hối lộ, lưu giữ những kẻ buôn bán nô lệ, dụ dỗ lừa bịp lương dân, bán vào nơi khe động. Vùng Tả Giang và các châu Thất Nguyên gần Giao Chỉ. Những thứ như vàng, tạp hương, chu sa xuất ở nước man di rất nhiều, dễ buôn bán. Dân thường một khi vào động mọi, đâu chỉ bị dùng làm nô lệ, mà còn bị giết để cúng ma. Trong việc buôn bán giao dịch ấy, mỗi nô lệ cũng phải được năm bảy lạng vàng, vì vậy mà lương dân phải chết, thật là đáng xót thương.*”⁽³⁾

Được hưởng nhiều nguồn lợi từ mỏ vàng sẵn có, tâm lý chuộng sự xa hoa, khôi vĩ được khuếch trương, khiến văn vật thời Lý hầu hết toát lên vẻ uy vũ, bề thế, song cũng hết sức tinh xảo, khác biệt với vẻ nhỏ gọn của văn vật triều Nguyễn sau này. Trang phục cung đình và dân gian thời Lý cũng có những tính chất tương tự như vậy.

Năm 1156, đoàn sứ thần nhà Lý do Lý Bang Chính làm Chánh sứ sang triều cống nhà Tống không ít vàng bạc châu báu và gấm vóc Đại Việt. Cùng năm, người Việt tìm mua loại đoạn xe sợi vàng (*Đoạn: một dạng lụa tơ tằm nhẵn bóng*) của nhà Tống với số lượng lớn, việc trước đó

1. (Trung) *Tổng hội yếu tập cáo* - *Hình pháp nhị* - *Cấm ước tứ* - Mục ngày 17 tháng 10 năm Thiệu Hưng thứ 3. Nguyên văn: 邕州之地，南鄰交趾，其左右江洲峒五鎮寨諸坑場多，有無賴之徒略賣人口，販入交趾

2. (Trung) *Văn hiến thông khảo* - Q.330 - *Giao Chỉ*. Tr.2594. Nguyên văn: 南州客旅誘人作婢僕擔夫，至州洞則縛而賣之，一人取黃金二兩，州洞轉賣入交趾取黃金三兩，歲不下數百千人。有藝能者金倍之。知文書者又倍之。 Phần này vốn được tham khảo từ cuốn *Trịnh Thiệu châu kỷ lược* của Trịnh Tùng thời Tống, phụ chép trong *Trịnh Khai Dương tạp trí*.

3. (Trung) *Tổng hội yếu tập cáo* - *Hình pháp nhị* - *Cấm ước tứ* - Mục ngày 6 tháng 12 năm Thiệu Hưng thứ 32. Nguyên văn: 邕州管下官吏受賄停留販生口之人，誘略良口，賣入深溪洞。左江一帶，七元等州竊近交趾，諸夷國所產生金、雜香、朱砂等物繁多，易博買。平民一入蠻洞，非惟用為奴婢，又且殺以祭鬼。其販賣交易，每名致有得生金五七兩者，以是良民橫死，實可憐惻

đã tái diễn nhiều lần, khiến vua Tống phải ra lệnh nghiêm cấm bán loại đoạn xa xỉ này cho người An Nam. *Tống hội yếu tập cảo* cho biết: “Năm Thiệu Hưng thứ 26 (1156), bọn Thẩm Cai tâu: Người An Nam muốn mua đoạn xe sợi vàng. Loại trang phục này xa hoa, không phải thứ đem trưng cho bốn phương. Vua nói: Trang phục xa hoa như loại xe vàng không thể không cấm. Gần đây vàng cực khan hiếm, bọn tiểu nhân háms lợi nấu ra thành bùn, không thể dùng lại được, thật là tiếc [...] Tuy đã nhiều lần chỉ bảo, nhưng cái thói xa xỉ vẫn không dứt hẳn được, cần phải nói lại lệnh nghiêm cấm.”⁽¹⁾ Thói xa hoa này không chỉ phổ biến trong tầng lớp trung thượng lưu thời Lý, mà ngay dân thường cũng chuộng lấy chỉ vàng may vào quần áo, khiến vua Lý Cao Tông phải ra lệnh cấm năm 1182⁽²⁾.

Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, trang phục dân gian thời Lý phần lớn tối màu tương tự trang phục dân gian thời Nguyễn như mô tả của Chu Khứ Phi “người nước ấy áo thâm răng đen”. Những loại trang phục sắc sỡ, xe sợi vàng hẳn là những loại trang phục trong cung, trang phục của quan lại và tầng lớp trung thượng lưu. Riêng với trang phục của bá quan, *Văn hiến thông khảo* cho biết mũ Phốc Đầu, ủng, hốt, hài đỏ, đai vàng, đai sừng tê của đoàn sứ thần nhà Lý, thứ nào cũng được dát vàng⁽³⁾; phục sức Ngự đại được sử dụng ở các nước đồng văn cùng thời, riêng Ngự đại vàng của Đại Việt được miêu tả là “rất dài và lớn”⁽⁴⁾. Bên cạnh vẽ hào hoa, diện mạo trang phục của bá quan triều Lý cũng trang nghiêm, nhã nhặn. Vậy nên năm 1163, các quan nhà Lý mang văn thư sang Tống “mặc áo bào tía, cầm hốt ngà, đi lại lễ bái ung dung”⁽⁵⁾, vua Tống Hiếu Tông khi “thấy người nước Việt ôn hòa, áo mũ nhã nhặn, đã rất vui mừng khen ngợi”⁽⁶⁾.

1. (Trung) *Tống hội yếu tập cảo* - Hình pháp nhị - Cẩm ước nhị - Mục ngày 2 tháng 9 năm Thiệu Hưng thứ 26. Nguyên văn: 沈該等奏: 安南人慾買捻金綫緞。此服華奢, 非所以示四方。上曰: 華侈之服如銷金之類不可不禁。近時金絕少, 由小人貪利銷而為泥, 不復可用, 甚可惜[...] 雖屢降指揮, 而奢侈之風終未能絕, 須申嚴行之

2. (Việt) *Đại Việt sử lược*. Tr.158. Nguyên văn: 不得以黃線縫衣裳 衾 không được may sợi chỉ màu vàng vào quần áo. Tuy nhiên *Toàn Thư* cho hay nội dung của lệnh cấm này là cấm mặc y phục màu vàng. Không loại trừ khả năng cả hai thông tin này đều nằm trong cùng một lệnh cấm của vua Lý Cao Tông.

3. (Trung) *Văn hiến thông khảo* - Q.330. Nguyên văn: 使者幘頭, 靴, 笏, 紅鞋, 金帶, 犀帶, 每夸以金箱之

4. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 金魚甚長大

5. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其來投文書也, 紫袍象笏, 趨拜雍容

6. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 宋帝[...] 以其人物溫文, 衣冠雍雅, 甚嘉慰悅

I. TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ

1. Lễ phục

Kết hợp mô tả của Tống Cảo với những sự kiện *Toàn thư* ghi nhận về triều đình Đại Cồ Việt thời Đinh Lê, có thể thấy *Giao Chỉ di biên* có lý khi nhận xét: “An Nam lúc mới dựng nước, mọi việc còn giản lược, đến thời Lý [...] văn vật xem ra mới đủ đầy.”⁽¹⁾ Tuy nhiên, dù văn vật của hai triều đại Đinh Lê chưa hoàn bị như triều Lý thì những quy chế về trang phục đế vương hẳn vẫn là những quy chế ưu tiên hàng đầu khi thiết lập triều nghi. *Toàn thư* và *Đại Việt sử lược* cùng ghi nhận năm 980, Thái hậu Dương Vân Nga đã đem áo Long Cổn của vua Đinh Tiên Hoàng khoác lên mình tướng quân Lê Hoàn, mời ông lên ngôi hoàng đế⁽²⁾. *Đại Việt sử lược* chép năm 1213, Trần Tự Khánh xâm phạm cung khuyết, thả quân lính đi cướp tài vật trong cung vua, vua Lý Huệ Tông bấy giờ lánh lên Lạng Châu. Hơn một năm sau, năm 1215, trong kế hoạch đón vua trở về triều, Trần Tự Khánh mới trả lại cho vua chiếc mũ Bình Thiên⁽³⁾. *An Nam chí lược* ghi nhận vua nhà Trần trong dịp đại lễ đội mũ Bình Thiên, mặc áo Cổn⁽⁴⁾. Như vậy, có thể thấy trong các dịp đại lễ, các vị vua Đại Cồ Việt - Đại Việt đều mặc áo Cổn, đội mũ Bình Thiên tương tự các hoàng đế Trung Quốc.

Có điều, đến thời Nguyễn, Phan Huy Chú nhận xét: “*Trang phục áo Cổn mũ Miện của các triều đại nước ta không còn dấu tích, đến thời vua Lê Thái Tông mới bắt đầu chế ra mũ Miện, về sau cũng không sử dụng.*”⁽⁵⁾ Năm 1834, sau khi vua Minh Mạng đặt định quy chế Cổn Miện lại ban dụ cho bá quan nói rằng ông xem sử sách nước ta, không thấy có áo Cổn mũ Miện, đồng thời cho rằng nhà Nguyễn là triều đại đầu tiên đặt định



Lưu Bị đội mũ Miện 12 Lưu, mặc áo Cổn. (Bản vẽ thời Minh).

1. Dẫn theo (Việt) *Cương mục* - Chính biên - Q.3 - Mục tháng 8 mùa thu năm 1059. Nguyên văn: 初安南立國, 凡事簡略, 至李氏[...] 文物蓋彬彬矣

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 秋七月, 太后見眾心悅服, 命以龍袞加桓身, 請即帝位

3. (Việt) *Đại Việt sử lược*. Nguyên văn: 建嘉五年, 冬十一月, 送還平天冠

4. (Trung) *An Nam chí lược*. Nguyên văn: 國主之冠曰平天冠[...] 服袞衣

5. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chi chế. Nguyên văn: 我國歷代冕服無微, 至太宗始制冕, 其後竟不復行

ra quy chế Lễ phục này⁽¹⁾. Qua đây có thể thấy sách vở ghi chép điển chương của nước ta sau sự sụp đổ của mỗi triều đại lại đối diện với nguy cơ “xóa sổ”. Dù vậy, quy chế Lễ phục của các triều đại phong kiến luôn được tham khảo từ quy chế cổ điển của Trung Quốc, mà những quy chế này thường có những thành phần tương đối ổn định. Từ đó, các triều đại phong kiến Việt Nam, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản sao phỏng, chế biến với những phương thức khác nhau, tạo nên hiện tượng “đại đồng tiểu dị” về văn vật trong khối các nước “đồng văn”. Lễ phục Cống Miện cũng không ngoại lệ. Do nhà Trần kế thừa phần lớn các quy chế triều nghi phẩm phục của nhà Lý, lại do sự khan hiếm về mặt tư liệu, cho nên ở đây chúng tôi khảo chung quy chế Cống Miện của các vị hoàng đế triều Lý và triều Trần.

a. Mũ Bình Thiên 平天冠

Ngoại trừ giai đoạn 1816-1832, khái niệm mũ Bình Thiên được dùng để chỉ loại mũ Triều phục của một số vị hoàng tử, vương thân triều Nguyễn, còn thông thường khái niệm này được hiểu là “*thứ mũ ở trên phẳng của vua đội lúc đi tế*” như cách giải thích của *Việt Nam tự điển* (1931). Nói cách khác, mũ Bình Thiên là biệt danh của mũ Miện. Tuy nhiên, ngay ở thời Nguyễn, mũ Miện không chỉ là loại mũ tế của riêng vua, mà còn là mũ tế của hoàng tử, vương công và các quan nhất, nhị, tam phẩm.

Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển định nghĩa: “*Mũ Bình Thiên còn được gọi là Bình Miện 平冕, Lưu Miện 旒冕, là tên nôm na của mũ Miện, loại mũ đế vương, chư hầu và khanh đại phu dùng trong các dịp đại lễ [...] Phần đỉnh mũ úp một ván gỗ, gọi là diên, còn gọi miện bản. Hai đầu miện bản rủ các chuỗi ngọc châu, gọi là lưu. Số lưu được quy định dựa vào thân phận của người đội mũ. 12 lưu là cao quý, chuyên dùng cho đế vương. Hai bên thân mũ có hai lỗ, gọi là nữ, là nơi cài trâm ngọc xuyên qua để cố định búi tóc. Đầu trâm ngọc buộc dây mũ,*



Mũ Bình Thiên (Minh Hội diên) và mũ Thông Thiên (Trung Đông cung quan phục).

1. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập III. Q.12. Tr.CCLXV. Nguyên văn: 袞冕肇自軒轅[...]朕今取法而損益之[...]朕歷觀前史不惟我國所無

gọi là hoàng, lúc dùng vòng qua cầm vắt lên trên, cố định ở đầu kia của trâm [...] Các triều đại Trung Quốc kế thừa, song hình dạng, quy chế đều có biến dị.”⁽¹⁾

Phan Huy Chú viện dẫn quy chế mũ Miện dành cho đế vương trong *Chu Lễ* cho biết, “*trên mũ này có ván chụp, đằng trước tròn, đằng sau vuông, đằng trước sa xuống, đằng sau nghếch lên, dài 1 thước 6 tấc, rộng 8 tấc, đằng trước sa xuống 4 tấc, đằng sau sa xuống 3 tấc. Mũ Miện kết hợp với áo Cống, phía trước và sau đều có 12 dây lưu, mỗi lưu có 12 viên ngọc, lấy dây tảo (dây tơ nhiều sắc) để khâu ngọc.*”⁽²⁾

Vào thời Trần, Lê Tắc miêu tả “*Miện lưu khá giống Trung châu*”⁽³⁾, tức mũ Miện, dây lưu có quy chế đại để tương tự mũ Miện của Trung Quốc. Đồng thời ông cho biết, mũ Miện áp dụng cho các quan từ tước Đại liêu ban trở xuống có các đường viền làm bằng vàng bạc đan xen, Lệnh thư xá cho đến Hiệu thư lang đều đội mũ Miện bạc (tức viền bằng bạc).

Theo tư liệu của Trung Quốc ghi nhận, mũ Bình Thiên của các vị vua Đường - Tống là loại mũ Thông Thiên gắn thêm miện bản. “*Đến thời Minh mới khôi phục quy chế cổ, dưới miện bản giữ lại ‘ống mũ’, bỏ mũ Thông Thiên.*”⁽⁴⁾ Trong khi đó, đặc điểm nổi bật của mũ Thông Thiên chính là các viền lương được dát vàng. Qua vài nét miêu tả chấm phá của Lê Tắc, có thể thấy quy chế mũ Miện của vua quan Đại Việt thời Trần về đại thể được tham khảo từ quy chế mũ Miện của Trung Quốc thời Đường - Tống. Như vậy có thể đặt giả thiết, mũ Bình Thiên của các vị vua Lý - Trần cũng là loại mũ dạng Thông Thiên gắn miện bản,



Tượng chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang đội mũ Bình Thiên đính 4 dây thao, là mô típ mũ Lễ phục thể hiện trên các pho tượng Diêm Vương tại Việt Nam; Tượng Đế Thích chùa Vua, Hà Nội đội mũ Miện 9 lưu, mặc áo bào gắn Bô tử, vốn là phẩm phục của bá quan thời Lê Nguyễn, trên thực tế không tồn tại cách kết hợp như vậy.

1. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.35

2. (Việt) *Loạt chí - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chí* chế. Nguyên văn: 冕之制，其上有覆，前圓後方，前俯後仰。長尺六寸，廣八寸，前垂四寸，後垂三寸。袞冕前後各十二旒，旒各十二玉，以藻穿玉，以玉飭藻。

3. (Trung) *An Nam chí lược - Chương phục*. Nguyên văn: 冕旒稍類中州。

4. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.35.

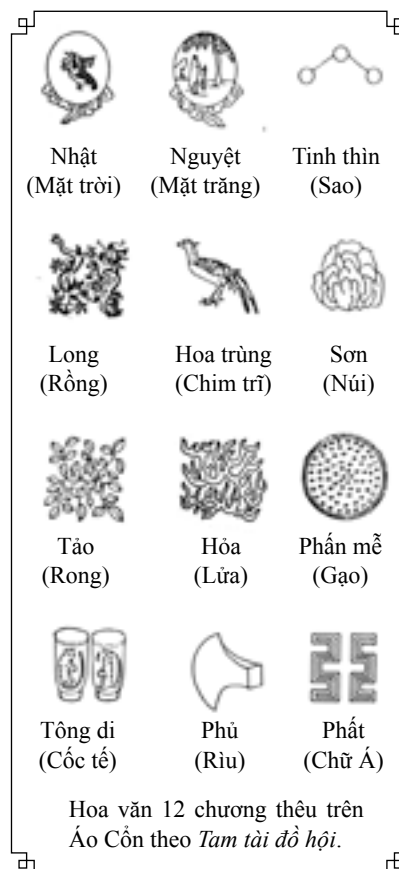
được trang sức toàn bằng vàng. Loại mũ này có quy chế dây lưu tương tự Trung Quốc, riêng hình dáng và quy chế trang sức mũ có sự khác biệt.

Ở đây, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, mũ Miện của đế vương nước Việt luôn là loại mũ có dây lưu, không phải dạng mũ có bốn dải thao đỉnh ở bốn góc mũ hay dạng mũ chỉ có miện bản mà không có dây lưu như một số pho tượng thời Lê - Nguyễn thể hiện. Nhận định của Lê Tắc chính là một thiết chứng. Ngoài ra, tấm bia *Đại Việt quốc Lý gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi* (niên đại 1106) với nội dung ca ngợi vua Lý Nhân Tông đã nhắc tới Miện lưu của vua Lý qua hình ảnh con ngao vàng nổi lên mặt nước “*liếc mắt nhìn bờ, há miệng phun mưa; ngưỡng trông dải lưu trên mũ Miện*”⁽¹⁾; hay bài thơ của Hồ Quý Ly tặng Tuyên phủ sứ Nguyễn Ngạn Quang sau khi soán ngôi nhà Trần cũng nhắc tới dải mũ này: “*Cần cù chó tướng không ai biết/ Mắt này há bị Miện lưu che?*”⁽²⁾

Tuy là những lời văn thơ mang tính ước lệ, song hình ảnh Miện lưu được nhắc đến ở đây đích thực tồn tại trên thực tế, đủ để ta hình dung về chiếc mũ Lễ phục tôn quý nhất của đế vương nước Việt với những dải ngọc rủ xuống trước mắt.

b. Áo Cỗn 袞服

Như chúng tôi đã trình bày, *Toàn thư* ghi nhận việc vua Lê Hoàn lên ngôi mặc áo Long Cỗn của vua Đinh, *An Nam chí lược* miêu tả vua Trần trong dịp đại lễ đội mũ Bình Thiên, mặc áo Cỗn. Ngoài ra, trong một bài thơ tặng Chu Văn An, Trần Nguyên Đán đã dùng hình tượng lòng ngội lạnh với áo Cỗn thêu hình Phũ, mũ Miện và ngọc khuê, để ví việc chán bỏ quan trường của vị danh nho bậc nhất Việt Nam này⁽³⁾. Dữ liệu trên



cho thấy, nhiều khả năng trong những dịp đại lễ, hoàng đế và các vương công, đại thần nhà Đinh – Lê – Lý – Trần đều vận Lễ phục Cỗn Miện. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển* cũng cho biết, các vua Trung Quốc khi cúng tế tiên vương, đón tiếp triều kiến, gặp gỡ quốc tân, cử hành hôn lễ, cũng đều mặc Cỗn Miện⁽¹⁾.

Long Cỗn, còn gọi là Cỗn phục, hoặc gọi tắt là Cỗn, là Lễ phục của đế vương và vương công đại thần. Như Phạm Đình Hổ ghi nhận, một bộ Cỗn Miện dành cho đế vương “*Miện phải có 12 lưu, lưu có 12 ngọc, Cỗn phục thêu 12 chương*.”⁽²⁾ Trong đó, chương là các hoa văn thêu trên Lễ phục, tượng trưng cho trời đất, vạn vật, gồm 12 loại:

Nhật (mặt trời), Nguyệt (mặt trăng), Tinh thìn (sao), Sơn (núi), Long (rồng), Hoa trùng (chim trĩ), Tông di (cốc ở tông miếu, có hình hổ và khỉ), Tảo (thủy tảo), Hỏa (lửa), Phấn mễ (gạo), Phũ (rìu), Phất (chữ Á 亞).

Theo *Tống sử*, một bộ Cỗn phục của vua Tống bao gồm: “*Áo xanh tám chương, thêu Nhật, Nguyệt, Tinh thìn, Sơn, Long, Hoa trùng, Hỏa, Tông di; Huân thường (thường màu đỏ phớt) có bốn chương, thêu Tảo, Phấn mễ, Phũ, Phất. Màu của tế tất tùy theo màu sắc của thường, thêu hai con rồng bay lên. Áo Trung đơn (áo lót trong, cổ giao lĩnh) bằng là trắng. Viên áo màu đen, dải thắt bằng là đỏ; dây buộc tất bằng là xanh. Đại đới bằng là trắng; cách đới (dai da); hai dải bội bạch ngọc (dải ngọc bội đeo hai bên hông). Đại thụ sáu màu: đỏ, vàng, đen, trắng, xanh nhạt, lục. Tiểu thụ ba màu, như đại thụ, mặc ba miếng ngọc hoàn (Thụ, còn gọi là tổ thụ, là dải tết*



1. *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*. Tập 1. Tr.141. Nguyên văn: 轉眸瞥岸，呀口噴津，向冕旒而仰觀

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 勤勞莫謂無知者，四目原非蔽冕旒

3. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 3. Tr.161. 黼冕桓圭心已灰

1. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.133.

2. (Việt) *Bị khảo*. Nguyên văn: 按天子袞裳自日月以下十二章，冕十二旒，旒十二玉



▲ Cổ Miện thời Hán, áo Cổn 6 chương, thường 6 chương. (5000 năm trang phục Trung Quốc) 1. Nguyệt; 2. Nhật; 3. Tinh thìn; 4. Long; 5. Sơn; 6. Hoa trùng; 7. Tông di; 8. Tảo; 9. Hỏa; 10. Phấn mẽ; 11. Phù; 12. Phát; 13. Thường (còn gọi là xiêm, trang phục che phần hạ thể, quây bên ngoài quần); 14. Tế tất (tính chất như thường, thắt lên trên cách đối).



1. Thánh Võ thiên hoàng (701 – 756. Chùa Todaiji, Nhật Bản) đội mũ Miện 10 lưu; 2. Trang phục áo Cổn 12 chương kết hợp với mũ Miện 12 lưu theo quy chế nhà Hán (Tam lễ đồ); 3. Vua Cao Ly (Sa saek ei hyang ki) đội mũ Miện 9 lưu, cổ đeo phương tâm khúc lĩnh.

bằng các sợi tơ. Gồm: đai thụ, dải tết kín hình chữ nhật và tiểu thụ, dải tết thưa, nằm trên đai thụ, thắt ở sau lưng). Tất màu son, giày Tích đỏ, viền bằng lụa vàng.”⁽¹⁾

Chúng tôi cho rằng, Cổ Miện của các vị vua Lý - Trần về cơ bản khớp với những quy chế Cổ Miện của nhà Tống, bởi chính Lê Tắc cho

1. (Trung) *Tống sử - Dư phục chí* - Q.151. Nguyên văn: 袞服，青衣八章，繪日、月、星辰、山、龍、華蟲、火、宗彝；纁裳四章，繡藻、粉米、黼、黻。蔽膝隨裳色，繡升龍二。白羅中單，皂褙襖，紅羅勒帛，青羅襪帶。緋白羅大帶，革帶，白玉雙佩。大綬六采，赤、黃、黑、白、縹、綠，小綬三色，如大綬，間施玉環三。朱襪，赤舄，緣以黃羅

biết các chương Phủ, Phát, Phấn mẽ, Hoa trùng và các trang sức tổ thụ, ngọc bội, phương tâm khúc lĩnh, Miện lưu đều khá giống Trung Quốc.⁽¹⁾

Diện mạo trang phục Cổ Miện thể hiện trên phù điêu Ngô gia thị bi

Lê Tắc nhận xét các chương trên bộ Cổ phục của vua Trần như “*Phủ, Phát, Phấn mẽ, Hoa trùng cho đến các trang sức thùy bội, tổ thụ, phương tâm khúc lĩnh, Miện lưu đều khá giống Trung châu*”, đồng thời cho biết, vào đại lễ, vua Trần “*đội mũ Bình Thiên [...] mặc áo Cổn, đeo đai Kim Long (tức đai đính các miếng vàng khảm hình rồng), cổ đeo phương tâm khúc lĩnh bằng lụa trắng thêu bó gấm lên trên, đính vàng và ngọc châu, tay cầm ngọc khuê.*”⁽²⁾

Qua khảo sát tấm bia Ngô gia thị bi, chúng tôi nhận thấy, người đàn ông trên tấm bia này ngồi trên ngai rồng, đầu đội mũ Miện với dải Thiên Hà đối vắt ngang miện bản, cổ đeo phương tâm khúc lĩnh đính các hạt như ngọc châu ở xung quanh, tay cầm ngọc khuê, lưng thắt đai đối và tế tất, chân đi giày Tích. Trên áo Cổn có thể nhận ra hai chương Nhật, Nguyệt ở hai vai, chương Sơn ở hai ống tay áo phía sau, chương Hoa trùng ở hai bên gấu vạt áo. Đai đối có hai dải rủ xuống hai bên, tế tất nằm ở giữa. Trên tế tất còn có thể nhận ra chương Tảo và Phát 亞. Dải Thiên Hà đối vắt ngang miện bản là dải dây trang sức trên mũ Miện của đế vương, lần đầu tiên xuất hiện vào thời Đường, đến thời Tống chỉ còn thấy qua ghi chép⁽³⁾. Riêng phương tâm khúc lĩnh đính vàng và ngọc châu có thể coi là nét đặc sắc của riêng bộ Cổ phục thời Lý - Trần.

Mặc dù, bộ trang phục Cổ Miện thể hiện trên phù điêu Ngô gia thị bi ở một mức độ nào đó khớp với mô tả của *An Nam chí lược*, song các cứ

1. (Trung) *An Nam chí lược*. Nguyên văn: 黻、黼、粉米、華蟲、組綬、垂佩、方心曲領、冕旒、稍類中州

2. (Trung) *An Nam chí lược - Chương phục*. Nguyên văn: 黻、黼、粉米、華蟲、組綬、垂佩、方心曲領、冕旒、稍類中州。國主之冠曰平天冠[...]服袞衣，金龍帶，領掛白羅蹙錦嵌金珠方心曲領，手執圭。Cụm từ ‘領掛白羅蹙錦嵌金珠方心曲領’ ở một số dị bản xuất nhập chữ “cân” (khăn), khiến các bản dịch tiếng Việt đều dịch là *cổ đeo khăn bông [...] rồi lại đeo cổ vuông trang áo cong*. Cách hiểu và dịch như vậy không chính xác.

3. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.36-37.



Ngô gia thị bi (chùa Dầu, Hà Nam) “Bia không ghi niên đại, nhưng căn cứ vào ba loại chữ huy được khắc trên bia, có thể đoán định tấm bia được dựng từ thời Trần, khoảng từ năm 1366-1395. Mặt trước có hình người đàn ông đầu đội mũ Miện, ngồi trên ngai rồng, có thể là chân dung một người hưng công xây dựng ngôi chùa. Nội dung bia ghi lại việc một nhà sư họ Ngô tâu xin dâng đất vườn làm chùa, và những người công đức ruộng vào chùa.” (Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 2. Tr.265).

liệu hiện có vẫn chưa cho phép chúng tôi khẳng định hình tượng người đàn ông trên tấm bia này cụ thể là vị vua nào của nhà Trần. Tuy nhiên, với sự trùng hợp không phải ngẫu nhiên kể trên, chúng tôi cho rằng, bộ trang phục Cổ Miện thể hiện trên bia phần nào được tham khảo từ nguyên mẫu Cổ Miện dành cho đế vương thời Trần.

2. Thường phục

Bên cạnh bộ Lễ phục được sử dụng trong các dịp lễ tiết quan trọng, còn có bộ Thường phục sử dụng trong những buổi thiết triều thông

thường. Tại Trung Quốc, bắt đầu từ thời Đường Thái Tông, Hoàng bào mới chính thức trở thành Thường phục của đế vương; phẩm cấp của bá quan được khu biệt dựa trên sắc áo⁽¹⁾. Lê Quý Đôn cũng cho biết: “Đầu thời Đường, các quan chuộng mặc ba màu đỏ, vàng và tía. Vua Thái Tông mới lần đầu định ra phẩm phục, lấy màu tía, đỏ, lục, xanh làm thứ tự. Từ buổi ấy không có ai mặc màu vàng nữa, vì kiêng bề trên vậy”⁽²⁾. Tại Việt Nam, Toàn thư ghi nhận năm 939, Ngô Quyền xưng vương, thiết lập bá quan, quy định màu sắc quan phục. Bước sang thời Lý, ta được biết các chánh sứ Đại Việt sang triều cống nhà Tống được mô tả mặc áo bào tía. Phan Huy Chú nhận xét chế độ phục sắc của các quan Lý - Trần coi “màu tía là quý nhất, thứ đến là màu đỏ, màu lục, màu biếc, sau cùng là màu xanh”⁽³⁾, tức là không khác chế độ phục sắc của nhà Tống.

Chu Khứ Phi ghi nhận, trong những cống phẩm triều đình Đại Việt cống sang nhà Tống năm 1156 có 850 thốt đoạn màu vàng sẫm theo hình bàn long (tức hoa văn rồng ổ, cuộn tròn)⁽⁴⁾. Trước đó, năm 1040, vua Lý Thái Tông đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc⁽⁵⁾, ông muốn từ đây về



Áo bào. (Việt) Nhật dụng thường đàm: “Bào, áo dài cũng gọi là áo kép.” (Việt) Nam phương danh vật bị khảo: “Bào, là áo dài, chấm đến chân.” (Việt) Chi Nam ngọc âm: “Đoàn lĩnh (cổ tròn) áo châu đỉnh đang”. (Ảnh: Long bào của vua Liêu khai quật tại Giang Bắc may bằng đoạn màu vàng pha đỏ, theo hình rồng ổ ở ngực áo, tới nay được coi là hiện vật long bào cổ nhất của Trung Quốc. (Trùng Khánh Bác vật quán tàng văn vật đồ sách).

1. Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển. Tr.193.

2. (Việt) Văn Đài loại ngữ - Q.5 - Phẩm vật cứu. Nguyên văn: 唐初百官尚服赭、黄、紫三色。太尊始定品服，以紫、朱、绿、青为次第。日下遂无黄者，避上也。

3. (Việt) Loại chí - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chí chế. Nguyên văn: 以紫色为贵，红绿碧次之而青色反居其後。

4. (Trung) Lĩnh ngoại đại đáp. Nguyên văn: 深黄盘龙段子八百五十。 Tống hội yếu tập cáo cho biết năm 1156 nhà Lý còn cống 50 thốt lĩnh và lụa, khiến chúng tôi nghi ngờ về con số 850 thốt đoạn Lĩnh ngoại đại đáp ghi nhận.

5. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 帝既教宫女職成錦綺。



Phục dựng trang phục Cồn Miện thời Lý Trần dựa theo phù điêu
Ngô thị gia bi. (Tranh: Lý Tiệp).



1. Phù thời Trần (*Mỹ thuật thời Trần*); 2. Phù thời Lê trung hưng (*Tranh cổ Việt Nam*); 3. Phù thời Nguyễn (*Bảo tàng Mỹ thuật cung đình Huế*).



Đồ án rồng thời Lý vẽ theo gạch khai quật tại Hoàng thành Thăng Long.



Nam Đường Đông Đan vương xuất hành đồ (Vẽ vào thời Ngũ đại 907- 960. Bảo tàng Nghệ thuật Boston Mỹ); Bích họa Đôn Hoàng - vua Tây Hạ (*Trung Quốc Long bào*); Chân dung vua Đường Cao Tông (Vẽ vào thời Minh. *Cổ cung đồ tượng tuyển túy*). Vua Tây Hạ (1032-1227. Bảo tàng Hermitage Nga).



Đồ án Hoa bào thêu hoa ở dành cho các quan ngũ phẩm triều Nguyễn (BAVH) và tượng quan văn tứ phẩm triều Nguyễn mặc Giao bào tại lăng Khải Định (Ảnh: TQĐ). Vào thời Nguyễn, kiểu thêu hoa văn ở ở hai vai, ngực áo được áp dụng vào Giao bào và Hoa bào của các quan tứ, ngũ phẩm.

sau triều đình Đại Việt không tiếp tục dùng gấm vóc của nhà Tống, điều này chứng tỏ các thớt đoạn nằm trong số cống phẩm nêu trên nhiều khả năng là do cung đình nhà Lý tự dệt được. Khảo xét tư liệu mô tả kiểu dáng áo bào Thường phục của vua Trung Quốc thời Đường -Tống có thể thấy, loại áo bào thời kỳ này đều được thêu hoa văn rồng ổ, chủ yếu ở ngực áo và hai vai. Dạng áo bào này đương thời cũng là dạng áo bào chung của vua chúa Cao Ly, Tây Hạ, Đại Liêu v.v. Áo bào của các vị vua Lý Trần rất có thể được may từ loại đoạn vàng sẫm thêu rồng ổ, với kiểu dáng tương tự áo bào của hoàng đế Trung Quốc cùng thời, song cũng có thể chỉ là loại áo bào trơn, không thêu hoa văn.

Đối với loại mũ Thường triều của các vua nhà Lý, hiện chưa có sử liệu trực tiếp đề cập. Tuy nhiên, *Toàn thư* cho biết năm 1035, vua Lý Thái Tông xuống chiếu chế ra “*Kim Bát Giác Tiêu Dao*”. *Đại Việt sử ký tiền biên* (bản in thời Tây Sơn) cho biết “*mũ Tiêu Dao tên là Kim Bát Giác*”, *Loại chí* thì cho rằng tên mũ là Kim Bát Giác Tiêu Dao, song quy chế không thể khảo được⁽¹⁾. Tuy nhiên gần đây có ý kiến cho rằng Bát Giác Tiêu Dao chép thiếu chữ *tọa*, vốn từ tên Tiêu Dao tọa, một loại ghế gấp chéo của người Hung Nô. Chúng tôi cho rằng, cách lý giải như vậy không thỏa đáng, bởi nếu vậy, cũng có thể đặt giả thiết nguyên tác vốn chép thiếu chữ *cân*, mà Tiêu Dao Cân là tên một loại mũ của văn nhân, đạo sĩ nhà Tống. Thực tế cho thấy, một số loại mũ có tên hình tượng như Phong Cân (gió), Tam Sơn Mạo (ba ngọn núi) v.v. là những chiếc mũ xuất hiện trong khối các nước sử dụng chữ Hán, song kiểu dáng hoàn toàn khác biệt. Trong trường hợp này, vì chưa đủ cứ liệu để có thể xác quyết Bát Giác Tiêu Dao là loại ghế tương tự ghế Tiêu Dao của người Hung Nô hay một kiểu mũ biến cách từ mũ Tiêu Dao của người Tống, cho nên thông tin dẫn trong *Toàn thư* nên để lại tồn nghi.



Long bào của vua Lê Dụ Tông, Long bào triều Nguyễn thế kỷ XIX và Măng bào của triều đình chúa Nguyễn thế kỷ XVIII, Kiểu dáng hoa văn rồng mây sóng nước triều Lê Trung Hưng và triều Nguyễn chịu ảnh hưởng từ dạng thức trang trí áo bào Trung Quốc thời cuối Minh đầu Thanh. Các triều đại Việt Nam và Trung Quốc trước đó chưa xuất hiện kiểu hoa văn và trang trí như vậy. Tuy nhiên, áo bào dùng khi thiết triều đều là dạng áo cổ tròn, thụng tay.

1. (Việt) *Đại Việt sử ký tiền biên*. BK2. Tr.29. Nguyên văn: 按逍遥冠名金八角，其制不可考 (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chí chế. Nguyên văn: 制金八角逍遥冠名，其制今不可考



Mũ Phốc Đầu thể hiện trên pho tượng được cho là vua Lý Thái Tổ, chùa Kiến Sơ (Hà Nội, TK XVIII) mang đậm bút pháp dân gian, đôi mũ mang kiểu dáng mũ Ô Sa thời Minh, áp dụng vào Việt Nam năm 1457, không đủ xác tín để làm cứ liệu nghiên cứu trang phục Lý Trần.



Tượng Thập điện Diêm vương chùa Bút Tháp đội mũ có đỉnh hình bát giác (có ý kiến cho rằng loại mũ này là mũ lục lăng không chính xác), cổ đeo Phướng tâm khúc lĩnh. Song các pho tượng này được tạc dựng vào thế kỷ XVII, nên rất khó có khả năng có liên hệ trực tiếp với trang phục Lý Trần.

3. Tiện phục

Các kiểu dáng trang phục từng lưu hành trong cung đình và dân gian Việt Nam đa phần đều là dạng áo xẻ tà ở hai bên sườn. Sự khác biệt của các dạng áo này chủ yếu nằm ở phần cổ áo, có loại cổ đan chéo (giao lĩnh, trực lĩnh), cổ tròn (đoàn lĩnh, viên lĩnh), cổ cong vuông (phương lĩnh, khúc lĩnh) và cũng có loại cổ đứng cài khuy (thụ lĩnh). Trong số đó, áo cổ đứng cài khuy, tức áo dài được định hình vào thế kỷ XVIII, có niên đại muộn nhất.

Tiện phục là trang phục mặc vào ngày thường, những lúc nhân cư không phải thiết triều. Các sách *Lĩnh ngoại đại đáp* (Tống - Chu Khứ Phi), *An Nam kỷ lược* (Tống - Trịnh Tùng), *Văn hiến thông khảo* (Nguyên - Mã Đoan Lâm) đều chép: “Người Giao không phân sang hèn, đều búi tóc chuy kể, đi chân đất, vua ngày thường cũng vậy, song

cài trâm vàng, trên mặc áo Sam vàng, dưới mặc quần tía.”⁽¹⁾

a. Áo Sam 衫

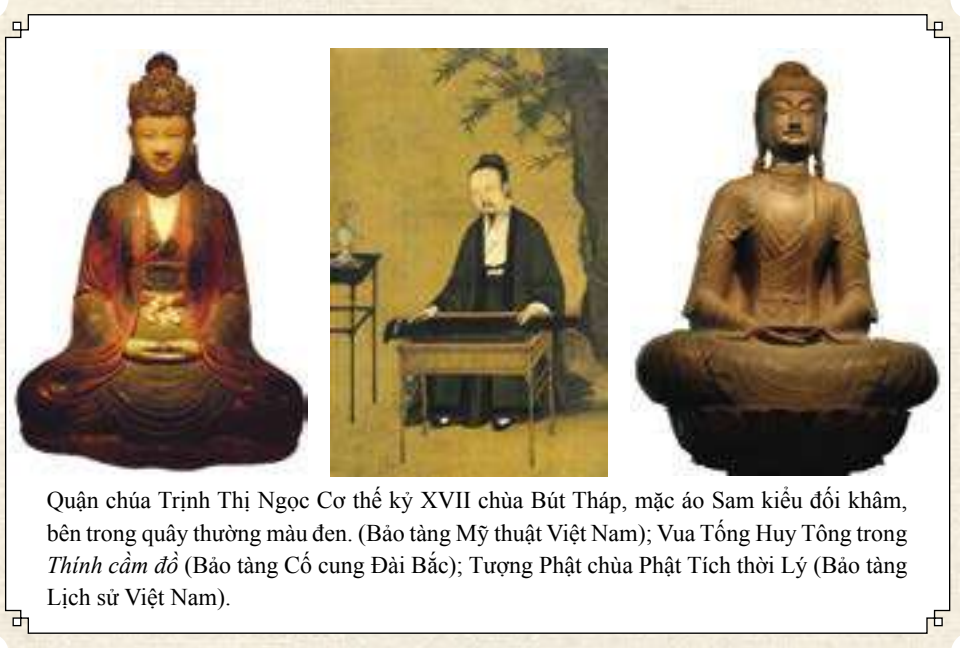
Người Tống không miêu tả kiểu dáng áo Sam vàng của vua Lý, chỉ miêu tả loại áo Sam đen của *những người còn lại* như *Lĩnh ngoại đại đáp* cho biết: “*Những người còn lại thường ngày phía trên mặc áo Sam đen cổ tròn bó sát, bốn vạt như áo Bối tử, gọi là áo Tứ Diên 四顛*”⁽²⁾. Như vậy có thể thấy áo Sam đen thịnh hành vào triều Lý là loại áo cổ tròn, từ phần ngực trở xuống xẻ tà, tương tự kiểu áo Bối Tử, vốn cũng là một dạng áo Sam thịnh hành vào thời Tống ở Trung Quốc⁽³⁾. Vào thời Trần, Trần Cương Trung, sứ nhà Nguyên, khi sang Đại Việt cũng miêu tả: “*Người trong nước đều mặc màu đen, áo đen bốn vạt, cổ tròn bằng là*.”⁽⁴⁾

Dựa vào các dữ liệu trên mà suy, áo Sam vàng của vua Đại Việt cũng là loại áo xẻ vạt như áo Tứ Diên, áo Bối Tử, cổ áo nhiều khả năng là dạng cổ tròn. Song cũng không loại trừ khả năng áo Sam dành riêng cho vua Đại Việt có dạng đối khâm tương tự áo của vua Tống Huy Tông trong bức vẽ *Thịnh cảm đồ* thời Nam Tống, tượng Phật chùa Phật Tích thời Lý và tượng quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ chùa Bút Tháp thời Lê Trung Hưng.



Áo Bối tử xẻ bốn vạt, ở giữa có thể đính cúc hoặc dải buộc. (Tạm tài đồ hội).

1. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其國人烏衣，黑齒，椎髻，徒跣，無貴賤皆然。其酋平居亦然，但珥金簪，上黃衫，下紫裙耳。 Xuất phát từ thái độ hiềm khích với người Đại Việt, các tác giả Trung Quốc thường dùng từ “Tù” (tù trưởng) để chỉ vua Việt, ở đây chúng tôi đều dịch là vua.
2. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其餘平居，上衣則上緊縛領頸皂衫，四裾如背子名曰四顛
3. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển* (Tr.206) định nghĩa: *Áo Sam là loại áo đơn (may một lớp, phân biệt với áo kép, áo bảo, loại áo may hai lớp), ống tay rộng, được làm bằng the lụa mỏng nhẹ, may một lớp, không lót, thường được may thành dạng đối khâm (hai vạt dài song song), ở giữa có dải buộc, cũng có loại không cần dải buộc, hai vạt để mở. Ống tay áo chủ yếu là ống thụng, không có viền [...] Đây cũng là loại áo thời thượng, rất được ưa chuộng vào thời Tống.*
4. (Trung) *Nguyên thi kỷ sự - Q.9 - An Nam tức sự*. Tr.178. Nguyên văn: 国皆衣黑，皂衫四裾，盤領以羅為之



b. Quần - thường, váy quây 裙—下裳

Khái niệm “quần” trong tiếng Hán không đồng nhất với khái niệm “đồ mặc từ thắt lưng trở xuống, có hai ống để xỏ chân” trong tiếng Việt hiện đại⁽¹⁾. Quần là đồ mặc phía dưới, thường được may ghép từ năm, sáu hoặc tám mảnh vải (lụa), vây quanh eo. Ở Trung Quốc, thời Hán Ngụy nam nữ đều mặc, kích cỡ ngắn dài khác biệt, quần ngắn thì chấm đến đầu gối, quần dài thì quét đất, mặc trùm ra bên ngoài chiếc quần hai ống. **Quần cũng chính là tên gọi nôm na của “thường”**⁽²⁾. Chính vì vậy loại váy đụp của đàn bà miền Bắc, trong tờ dụ bắt người Bắc Hà thay đổi y phục của vua Minh Mạng được gọi là “viên thường”⁽³⁾ (thường tròn), trong *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức được gọi là “vô triệp vi quần” (váy quây không nếp). Chính Lê Tắc cũng ghi nhận vào thời Trần: “Vương hầu và thứ dân thường mặc áo cổ tròn, mặc thường màu đen, quần bằng là trắng”⁽⁴⁾. Loại thường - quần của nam giới người Việt thời Lý được *Lĩnh ngoại đại đáp* cho biết: “Vua ngày thường mặc quần tía, những người khác ngày thường mặc quần đen. Quần đen là phục

1. *Từ điển tiếng Việt*. Tr.1251.

2. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.278.

3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Nguyên văn: 婦人[...]下用圓裳

4. (Trung) *An Nam chí lược*. Nguyên văn: 其裝飾王侯及庶民常著團領玄裳、白羅紈袴

súc trùm bên ngoài của đàn ông.”⁽¹⁾ Văn hiến thông khảo chú thích, người Giao Chỉ mặc “áo Sam đen không thắt eo, dưới áo Sam thắt quần đen.”⁽²⁾

Như vậy vào thời Lý - Trần, đàn ông Đại Việt sử dụng một loại phục sức làm bằng vải hoặc lụa (thường là loại gấp nếp), quây ra ngoài chiếc quần hai ống, dưới lớp áo Sam, gọi là quần hoặc thường, vào thời Nguyễn còn được gọi là xiêm. Thường của vua màu tía, thường của vương hầu và thứ dân đều màu đen. Vào thời Nguyễn, thường gắn với Kế y (áo cộc tay cổ tròn) được quy định là trang phục mặc lót của vua quan, hậu phi trong những buổi vào chầu hoặc tế lễ.



Áo vàng thường tía. (Phục dựng. Tranh: Lý Tiệp).

c. Áo Cừu 裘

Toàn thư cho biết, năm 1055, xót thương những tù nhân phải chịu đói rét, vua Lý Thánh Tông nói: “Ta ở trong thâm cung, sưởi than xương thú, mặc áo Hồ Cừu mà còn lạnh đến thế này, huống hồ những kẻ bị giam trong ngục”⁽³⁾, đoạn sai đem chăn chiếu ban cho tù nhân. Phạm Ngộ, Thị nội học sinh dưới triều vua Trần Minh Tông (1314-1329) cũng nhắc đến một loại áo Cừu được làm từ lông điểu thú, qua câu thơ “muội năm lênh đênh trên sông nước với một chiếc thuyền nan, gió Tây đã thổi bạt đi áo Điều Cừu màu đen”⁽⁴⁾. Trần Nguyên Đán (1325-1390) cũng có thơ viết “vóc



May áo Cừu (Kỹ thuật của người An Nam).

1. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其酋[...]下紫裙耳。其餘平居[...]下衣則皂裙也[...]皂裙，男子之蓋飾也

2. (Trung) *Văn hiến thông khảo – Giao Chỉ*. Nguyên văn: 皂衫不系腰，衫下系皂裙

3. (Việt) *Toàn thư*. Năm 1055. Vua Lê Thánh Tông nói: 我居深宮之中，御獸炭，襲狐裘，冷氣猶且如是。

4. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 2. Quyền thượng. Tr.827. Nguyên văn: 十載江湖一葉舟，西風吹盡黑貂裘

người ốm yếu ẩn trong chiếc áo Cừu nhẹ”⁽¹⁾. Chúng tỏ vào thời Lý - Trần, vua quan Đại Việt đã có hai loại áo Cừu là Hồ Cừu (áo Cừu lông cáo) và Điều Cừu (áo Cừu lông chồn) để mặc vào mùa đông. Phạm Đình Hổ khảo về áo Cừu của Trung Quốc và áo Cừu thời Lê cho biết: “Cừu là áo da chống rét, sản sinh ở Trung Quốc, có hai loại, loại sang trọng là Hồ Cừu, Điều Cừu, thứ đến là Dương Cừu (áo Cừu lông dê) [...] Áo Cừu có hai kiểu, kiểu bên trong là da bên ngoài là lông và kiểu bên trong là lông bên ngoài là da [...] Phía Nam vùng Giang Hoài không có tuyết, ít sương, loại áo Cừu thường mặc là loại bên trong là lông, bên ngoài là da. Nước ta cũng vậy. Chừng do thủy thổ phong tục khác nhau.”⁽²⁾ Chỉ nam ngọc âm cũng giải thích: “Khinh Cừu (áo Cừu nhẹ) khéo thuộc áo da.”⁽³⁾ Ngoài ra, qua hình vẽ người may áo Cừu trong cuốn *Kỹ thuật của người An Nam*, chúng ta vẫn thấy áo Cừu được sử dụng vào cuối thời Nguyễn. Chúng tỏ vào mùa đông giá rét, vua tôi Việt Nam ngoài áo bông, còn mặc áo Cừu. Áo Cừu của Việt Nam có loại Hồ Cừu và Điều Cừu, bên trong là lông, bên ngoài là da, khác với áo Cừu ở miền Bắc Trung Quốc.



Rồng Trung Quốc thời Tống trong tranh chân dung Tống Cao Tông (Bảo tàng Cổ cung Đài Bắc) và trên tấm vải thêu thời Tống (*Cẩm tú văn chương Trung Quốc truyền thống chức tú văn dạng*); Rồng Việt Nam thời Lý khai quật tại Hoàng thành Thăng Long; Naga Thái Lan (chụp tại Chiang Mai, Thái Lan); Naga Chăm (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

1. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 3. Tr.165. Nguyên văn: 冷汀病骨隱輕裘

2. (Việt) *Bị khảo* - Quyển thượng. Tr.39. Nguyên văn: 裘, 禦寒之皮衣也, 產於中國者, 有二類, 貴者狐裘、貂裘, 次者曰羊裘[...] 服裘有二類, 裏皮表毛者[...] 江淮以南無雪少霜, 服裘者裏毛而表皮, 本國亦然, 蓋土俗不同也

3. (Việt) *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*. Tr.119.

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Năm 1006, vua Lê Long Đĩnh, vị vua cuối cùng của triều Tiền Lê xuống lệnh thay đổi Triều phục, nhất nhất noi theo chế độ nhà Tống. Sau đó trong suốt 24 năm bao gồm trọn vẹn thời gian trị vì của vua Lý Thái Tổ (1009 - 1028), ta không thấy triều đình nhà Lý tái thiết triều nghi phẩm phục. Như đã nói từ trước, phải đến năm 1030, vua Lý Thái Tông mới lần đầu tiên đặt định lại quan phục. Năm 1059, vua Lý Thánh Tông chính thức áp dụng chế độ Công phục của nhà Tống, đánh dấu bởi quy định bá quan phải đội mũ Phốc Đầu, đi hia mới được vào triều. Như vậy, từ năm 1059 trở đi, bá quan triều Lý có ba loại trang phục, gồm Lễ phục (mặc trong dịp lễ lớn), Triều phục (mặc trong buổi Đại triều và dịp lễ nhỏ), và Thường phục (mặc trong buổi Thường triều).

1. Lễ phục

Như chúng tôi đã trình bày tại phần khảo về Lễ phục của hoàng đế, trang phục Cống Miện được coi là Lễ phục sang trọng bậc nhất của triều đình phong kiến. Tước vị phẩm trật của vương hầu bá quan chủ yếu được phân biệt dựa trên số dây lưu trên mũ Miện và số chương thêu trên áo Cống. Quy chế Cống Miện của mỗi triều đại có sự gia giảm khác biệt.

Với tư liệu hiện nay, chúng tôi chưa thể khảo được quy chế Cống Miện cụ thể của triều Lý. Theo văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc dựng năm 1107 mô tả, vị quan cho xây chùa là Thái phó Hà Hưng Tông “cầm ngọc khuê sùng sùng, mặc Phủ Phất ung dung”⁽⁴⁾ Theo quy chế của nhà Trần, trang phục Cống Miện chỉ dành cho hoàng đế và các quan từ tước đại liêu ban trở xuống tới hiệu thư lang. Riêng các tước vương, hầu, minh tự được quy định sử dụng Lễ phục Cống Thần. Vào thời Lý, *Toàn thư* chép: năm 1206, vua Lý Cao Tông *thăng* *Đàm Dĩ Mông làm*



Trang phục Cống Miện dành cho vương công triều Nguyễn. (BAVH).

1. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 1. Tr.325. Nguyên văn: 奉圭璧以峨峨, 賁黼黻而棣棣

Thái bảo, cho phép đội mũ Củng Thần⁽¹⁾. Chúng tỏ ngay từ thời Lý, bá quan đã có hai loại Lễ phục là Củng Miện và Củng Thần tương tự như thời Trần. Có điều, quy chế Củng Miện, Củng Thần ở thời Lý và thời Trần có đồng nhất hay không, chúng tôi chưa thể khẳng định được. Nội dung cụ thể của quy chế Củng Miện và Củng Thần dành cho bá quan chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày tại phần khảo về Lễ phục của bá quan triều Trần.

2. Triều phục

Triều phục của bá quan nhà Lý kế thừa quy chế Triều phục được đặt định từ năm 1006 của nhà Tiền Lê, mà xa hơn là quy chế Triều phục của nhà Tống. Phan Huy Chú khảo *Tống chí* cho biết, Triều phục nhà Tống có ba thứ mũ: mũ Tiến Hiên, mũ Điều Thiên và mũ Giải Trãi. Cả ba loại mũ này trên thực tế đều là mũ Tiến Hiên, do đính thêm đuôi con điều thủ hoặc sừng con giải trãi mà có tên gọi khác nhau⁽²⁾. Khảo văn hiến Trung Quốc có thể thấy, mũ Tiến Hiên thời Tống và thời Minh có kiểu dáng tương tự, song hoàn toàn khác biệt với kiểu mũ Tiến Hiên thời Hán. Nhà Tiền Lê du nhập chế độ Triều phục của nhà Tống, nhà Lý lại tiếp tục kế thừa, do đó quy chế mũ Tiến Hiên của Đại Việt hẳn có những nét tương đồng về cơ bản so với kiểu dáng mũ của nhà Tống - Minh và Triều Tiên.

a. Lương Quan 梁冠

Mũ Tiến Hiên 進賢冠 thường được gọi là Lương Quan⁽³⁾, hoặc Kim Quan bởi có các viên lương bằng vàng trang sức chạy dọc trên thân mũ. Số viên lương được dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan. Từ thời Đông Hán tới thời Đường, chủ yếu có từ 3 lương xuống đến 1 lương. Như thời Đường quy định các quan từ tam phẩm trở lên đội mũ 3 lương, ngũ phẩm trở lên đội mũ 2 lương, cửu phẩm



Chân dung Phạm Trọng Yêm đội mũ Điều Thiên, trên trán mũ đính hình con ve (thiên), phía sau cài đuôi con điều thủ, bên ngoài chụp Lung cân. (Bảo tàng Nam Kinh Trung Quốc).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 春二月，拜譚以蒙為太保，戴拱辰冠。

2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chí chế. Nguyên văn: 按宋志朝服之冠有三：一曰進賢冠、二曰貂蟬冠、三曰獬豸冠皆進賢冠也，加以貂蟬、獬豸角，因異其名耳。

3. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.49.

trở lên đội mũ 1 lương. Đến thời Tống, mũ Triều phục của đại thần tăng số lương thành 5 lương. Mũ Tiến Hiên 5 lương tức Ngũ Lương Quan là loại mũ bồi tế ở từ đường hoặc trong dịp triều hội của các quan nhất, nhị phẩm. Đối với thân vương, khanh tướng và bậc tam công liệt vào đệ nhất đẳng, Khu mật sứ, thái tử, thái bảo liệt vào đệ nhị đẳng đều được đội Thất Lương Quan tức mũ Tiến Hiên 7 lương⁽¹⁾. Nhà Lý áp dụng chế độ Triều phục của nhà Tống sơ, cho nên sự xuất hiện của loại mũ 7 lương dành cho Khu mật sứ ghi nhận trong *Toàn thư* là điều có thể lý giải. *Toàn thư* cho biết: “Năm 1129, vua Lý Thần Tông cho Lý Tử Khắc làm Khu mật sứ, liệt vào trật minh tự, được đội mũ Thất Lương Quan.”⁽²⁾



Mũ Lương quan thời Minh (Không Phủ); Mũ Lễ quan (Rekan) của Nhật Bản thời Nara mô phỏng hình dạng Lương quan của nhà Đường (kariginu.jp); Lương quan của Hàn Quốc thời Triều Tiên (emuseum.go.kr).

Tống sử chép rằng: “Chế độ thời kỳ đầu nhà Tống, mũ Tiến Hiên Ngũ Lương Quan, trán mũ trang sức hình hoa bằng vàng bạc, gài trâm bằng sừng tê hoặc đồi mồi [...] Nhất, nhị phẩm đội khi tế lễ, triều hội, trung thu môn hạ chụp thêm Lung cân, gài đuôi điều thủ [...] Ngự sử đại phu, trung thừa gài sừng giải trãi.”⁽³⁾ Trong đó, Lung cân được làm bằng mây, bên ngoài quét sơn, hình dạng vuông vắn, hai bên trái phải dùng loại mây mỏng mịn, tết thành hai tấm trang sức như hai cánh ve. Trước thời Nguyên Phong, người ta dùng đồi mồi chế thành hình dạng

1. (Trung) *Tống sử* - *Dư phục chí* - *Dư phục tứ* - *Chư thần phục thượng*. Nguyên văn: 貂蟬籠巾七梁冠，天下樂暈錦綬，為第一等。蟬，舊以玳瑁為蝴蝶，今請改為黃金附蟬，宰相、親王、使相、三師、三公服之。七梁冠，雜花暈錦綬，為第二等，樞密使、知樞密院至太子太保服之。

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 遷子克樞密使，列明字秩，冠七梁冠。Trong bản dịch của *Toàn thư* và *Loại chí*, “Lương” được dịch là cầu, Thất Lương Quan được dịch thành mũ bảy cầu.

3. (Trung) *Tống sử* - *Dư phục chí* - *Dư phục tứ* - *Chư thần phục thượng*. Nguyên văn: 宋初之制，進賢五梁冠涂金銀花額，犀、玳瑁簪導[...]一品、二品侍祠朝會則服之。中書門下則冠加籠巾貂蟬[...]禦史大夫、中丞則冠有獬豸角。

con bướm trang sức ở phía trước mũ, về sau thay bằng hình dạng con ve bằng vàng. Khi đội, Lung cân được chụp lên Lương Quan; đây là loại phục sức áp dụng riêng cho tể tướng, thân vương, tam sư và tam công⁽¹⁾. Hình thức trang sức trên Lương Quan và Lung cân của nhà Tống có thể đã ảnh hưởng tới hình thức trang sức trên mũ Củng Thần và mũ Dương Đường của nhà Trần. Bởi theo Lê Tắc, hai loại mũ Củng Thần và Dương Đường của Đại Việt cũng đều dùng hình con ong, con bướm bằng vàng trang sức lên mũ, dày thưa to nhỏ tùy theo cấp bậc⁽²⁾.

b. Chu y, Chu thường 朱衣, 朱裳

Theo quy chế Triều phục của nhà Tống, ba loại mũ Triều phục Tiến Hiên, Điều Thiên, Giải Trãi đều kết hợp với cùng một bộ trang phục Chu y, Chu thường (áo đỏ, thường đỏ)⁽³⁾. Quy chế của một bộ Chu y, Chu thường nhìn chung bao gồm: *Áo bào và thường may bằng lụa đỏ, bên trong mặc lót áo Trung đơn lụa trắng, thắt Đại đới, rồi thắt Cách đới, quây Tể tất bằng lụa đỏ, đeo Phương tâm khức linh, cầm hốt, đi tất may bằng linh trắng, giày da đen*⁽⁴⁾.



“Thần y” Heo Jun (Hứa Tuấn; 1546 - 1615) mặc Triều phục Lương Quan (*Trang phục của nước ta thời kỳ Joseon qua tranh nhân vật*. Sách này cho biết: Triều phục cũng gọi là Kim quan. Triều phục là trang phục bồi tể của bá quan khi vua cử hành tế lễ, còn mặc vào ngày khánh chúc, ngày Mồng Một tết Nguyên Đán, ngày Thánh tiết, ngày Đông chí, khi ban bố chiếu sắc và khi dâng biểu. Tr. 42); Quan nhà Minh mặc Triều phục Lương quan. (*Văn gian bang ngạn đồ sách*. Bảo tàng Nam Kinh Trung Quốc).



Mũ Điều Thiên chụp Lung cân trong tranh chân dung Tư Mã Quang thời Tống. (*Lịch đại danh thần tượng*).

1. *Trung Quốc lịch đại y quan phục sức chế*. Tr.143.

2. (Trung) *An Nam chí lược*. Nguyên văn: 拱宸冠, 上綴金蜂蝶, 大小疎密有差; 揚裳冠, 綴金蜂蝶, 疎密不同

3. (Trung) *Tống sử - Du phục chí - Du phục tử - Chư thần phục thượng*. Nguyên văn: 朝服, 一曰進賢冠、二曰貂蟬冠、三曰獬豸冠, 皆朱衣朱裳

4. *Trung Quốc phục trang sử*. Tr.196; *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.744-745.

Quy chế Lương Quan chỉ được áp dụng tại ba nước Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, không được áp dụng tại Nhật Bản. Tuy nhiên, Nhật Bản thời Nara (710-794) từng sử dụng loại mũ Lễ Quan (Rekan) có kiểu dáng sao phỏng từ mũ Lương Quan của nhà Đường. Tại Trung Quốc, quy chế Lương Quan bị gián đoạn vào thời Nguyên, được khôi phục vào thời Minh, sau khi người Mãn Thanh làm chủ Trung Hoa thì vĩnh viễn bị loại bỏ. Triều đình Triều Tiên áp dụng chế độ trang phục của nhà Minh và là triều đại phong kiến cuối cùng ở Đông Á gìn giữ chế độ Triều phục Lương Quan đến tận đầu thế kỷ XX. Tại Việt Nam, từ cuối thời Tiền Lê đến hết thời Lý trong khoảng 231 năm (1006-1225), Lương Quan được triều đình Đại Việt áp dụng làm Triều phục, đến thời Trần - Hồ bị phế bỏ, được tái du nhập vào thời Lê sơ và thời Tây Sơn. Trang phục nhà Nguyễn sau này tuy cũng chịu ảnh hưởng sâu nặng từ chế độ trang phục của nhà Minh, song riêng Triều phục Lương Quan lại không tiếp tục áp dụng.

3. Thường phục

Thường phục của nhà Lý thời vua Thái Tổ, Thái Tông vẫn noi theo chế độ quan phục của nhà Tiền Lê. Từ năm 1059 trở đi, vua Lý Thánh Tông mới cho đổi quy chế Thường phục như nhà Tống. Mũ Phốc Đầu tại Trung Quốc đã trải qua một quá trình biến đổi lâu dài với nhiều tên gọi, nhiều kiểu dáng khác nhau. Sau khi du nhập vào Việt Nam, loại mũ này cũng được biến đổi về kiểu dáng, trang sức, đồng thời cũng trải qua nhiều cuộc thăng trầm, hưng phế.

a. Phốc Đầu 幞頭冠



Phạm Trọng Yêm thời Tống đội mũ Phốc Đầu; Mũ Phốc Đầu thời Đường còn có dạng khăn vấn; Quan nhà Minh đội mũ Ô Sa.



Mũ Ô sa thời Lê sơ (chân dung Nguyễn Trãi, Bảo tàng Lịch sử); Mũ Phốc Đầu của Thái giám Trịnh Đăng Đồng thế kỷ XVII; Mũ Phốc Đầu của quan Võ và quan Văn triều Nguyễn (BAVH).

Mũ Phốc Đầu nguyên thủy là một dạng khăn, gồm bốn dải, hai dải thắt ở phía sau buông thông, hai dải thắt ở phía trước kết nút ở đỉnh, cho nên còn được gọi là “Chiết thượng cân”. Theo quy chế thời Đường, chỉ có vua mới được dùng loại mũ có hai cánh cứng⁽¹⁾. Đến thời Tống, Phốc Đầu đã thoát ly khỏi hình thức mũ mềm, ban đầu “lóp lút được bện bởi mây, bên ngoài bọc một lớp the rồi quét sơn, về sau lớp the quét sơn đã chắc chắn liền bỏ lớp lót bằng mây bên trong đi, gập phần trán mũ phía trước xuống một bậc, duỗi thẳng hai cánh chuồn.”⁽²⁾ Khung của hai cánh chuồn thường được làm bằng sợi sắt, dây đàn hoặc nan tre, chế thành các hình dạng khác nhau, có dạng cánh thẳng (trực cước), cánh gập (cục cước), hai cánh vắt chéo nhau (giao cước), hai cánh chĩa thẳng lên trời (triều thiên), hai cánh cong chếch lên trên (thuận phong). Theo chế độ trang phục thời Tống, Công phục của bá quan

nhất loạt dùng mũ Phốc Đầu với hai cánh chuồn dài, thẳng như thanh thước, ban đầu còn ngắn, càng về sau càng được kéo dài⁽³⁾.

Mũ Phốc Đầu được áp dụng làm mũ Thường triều của bá quan nhà Lý và nhà Trần cho đến tháng 10 năm 1300, sau cải cách thời vua Trần Anh Tông thì bị phế bỏ, nhường chỗ cho mũ Đình Tự. Trong những năm nhà Minh đô hộ nước ta, mũ Phốc Đầu trơn với hai cánh chuồn dài theo đúng quy chế Tống - Minh quay trở lại Việt Nam áp dụng làm Công phục cho quan lại và sinh viên địa phương⁽⁴⁾. Tuy nhiên, sau khi nhà Lê phục quốc, thời vua Lê Thái Tổ và nửa đầu thời vua Lê Thái Tông, bá quan chỉ đội mũ Cao Sơn theo quy chế quan phục nhà Hồ. Mười năm sau, mũ Phốc Đầu vương và mũ Ô Sa, phiên bản dạng tròn do nhà Minh chế

1. (Trung) *Mộng Khê bút đàm* - Q.1 - Phốc Đầu. Tr.11. Nguyên văn: 唐制，唯人主得用硬脚

2. (Trung) *Tống sử - Chí đệ 106 - Dư phục ngũ*. Nguyên văn: 藤織草巾子為裏，紗為表，而涂以漆，後惟以漆為堅，去其藤裏，前為一折，平施兩脚，以鐵為之

3. *Trung Quốc lịch đại y quan phục sức chế*. Tr.140.

4. (Trung) *An Nam chí nguyên*. Tr.253. Nguyên văn: 官吏俱用展角頭巾[……]生員俱用展角頭巾. Nguyên văn sử dụng khái niệm *triển giác đầu cân*, cũng chính là mũ Phốc Đầu với hai cánh chuồn thuần dài.

định được áp dụng vào quy chế quan phục của triều đình Đại Việt. Năm 1486, vua Lê Thánh Tông quy định hai cánh mũ Ô Sa phải nhất loạt cong hướng về phía trước. Năm 1500, vua Lê Hiến Tông định ra quy chế trang sức vàng bạc lên mũ Phốc Đầu, quy chế chưa từng xuất hiện tại các triều đình Trung Quốc, Lưu Cầu, Triều Tiên. Lúc này, ngoài việc được đính thêm các trang sức vàng bạc để phân biệt phẩm cấp, mũ Phốc Đầu Đại Việt còn biến đổi kiểu dáng trở nên tròn trịa hơn tương tự như hình dạng mũ Ô Sa. Đến thời Nguyễn, mũ Phốc Đầu kế thừa một phần quy chế thời Lê Trung Hưng, trong nhiều trường hợp cũng được gọi với cái tên mũ Ô Sa, đồng thời được chia làm hai kiểu: kiểu mũ Phốc Đầu vương dành cho quan võ và kiểu mũ Phốc Đầu tròn dành cho quan văn.

Nhà Lý áp dụng quy chế Thường phục của nhà Tống, tức là mũ Phốc Đầu của nhà Lý về đại thể tương tự kiểu mũ vương vức, hai cánh chuồn thuần dài của nhà Tống. Tuy nhiên, khác với loại mũ Phốc Đầu tron không có trang sức của triều Tống - Minh, mũ Phốc Đầu triều Lý là loại mũ được dát vàng như ghi nhận của *Văn hiến thông khảo*. Việc dùng vàng dát hoặc đính lên mũ có thể coi là truyền thống sức mũ nhất quán của các triều đại Việt Nam.

b. Bào phục

Như chúng tôi đã đề cập, *Lĩnh ngoại đại đáp* miêu tả sứ thần nhà Lý đi sứ sang Tống mặc áo bào màu tía. Phan Huy Chú nhận định chế độ phục sắc của các quan Lý - Trần phỏng theo chế độ nhà Tống, tức coi màu tía là màu cao quý nhất, thứ đến là màu đỏ, màu lục, màu biếc và màu xanh. Chế độ phục sắc này về cơ bản vẫn được áp dụng ở thời Trần - Hồ - Lê sau này. Ngoài ra, cũng giống như quan phục của Trung Quốc thời Tống - Minh, bào phục Thường triều của bá quan nhà Lý, Trần, Hồ, Lê sơ không có nhiều hoa văn thêu sức sắc sỡ như Mãng bào thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn. Bào phục Thường triều ở các triều đại này chỉ lấy màu sắc làm cơ sở phân biệt phẩm trật, hoa văn rồng mây thường chỉ được dệt chìm.



Đai ngọc nền đỏ của vua Triều Tiên và đai ngọc nền xanh của vương hậu Triều Tiên. (Bảo tàng Cổ cung Quốc lập Seoul).

Về chất liệu may áo bào, *Toàn thư* cho biết năm 1040, vua Lý Thái Tông đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc, xuống chiếu ban phát hết gấm vóc của nhà Tống trong kho cho bá quan, các quan từ nhất phẩm đến ngũ phẩm được mặc áo bào gấm, từ lục phẩm đến cửu phẩm được mặc áo bào vóc⁽¹⁾; năm 1044, những vị quan có công trong cuộc thảo phạt Chiêm Thành, quan từ nhất phẩm tới lục phẩm được mặc áo bào gấm, từ thất phẩm đến cửu phẩm được mặc áo may bằng là⁽²⁾. Qua hai đợt thưởng thưởng của vua Lý Thái Tông dành cho bá quan, có thể thấy các quan nhất phẩm đến ngũ phẩm luôn được mặc áo bào gấm, các quan lục phẩm trở xuống có thể sử dụng các loại áo bào may từ chất liệu vóc hoặc là.

Đi đôi với áo bào còn có những phục sức như đai, hia và hốt. *Lĩnh ngoại đại đáp* mô tả sứ thần Đại Việt thắt đai sừng tê nền đỏ⁽³⁾, *Văn hiến thông khảo* cho biết các phục sức như ủng, hốt, đai vàng, đai sừng tê của đoàn sứ thần, thứ nào cũng được dát vàng. Riêng với các quan văn thời Lý - Trần, bên cạnh các phụ kiện đai, hia, hốt, những vị quan có công tích, đức cao vọng trọng, các sủng thần còn được nhà vua ban tặng một thứ phục sức có hình con cá, gọi là Ngư đại. Loại phục sức này được giắt ở bên đai, đeo trong các buổi Thường triều để tỏ sự vinh hiển.

c. Ngư đại 魚袋



Ngư phù thời Đường.

Ngư đại là phục sức đeo trên đai của các quan văn. *Tống sử* cho biết: “Quy chế Ngư đại có từ thời Đường, bấy giờ chừa là một dạng phù hiệu quy ước, ban đầu gọi là Ngư phù, bên trái một chiếc, bên phải một chiếc, chiếc bên trái dùng khi vào nội, chiếc bên phải đeo tùy thân, khắc họ tên quan lại, ra vào khớp lại với nhau. Vì đựng Ngư phù trong túi, nên gọi là Ngư đại (ngư: cá; đại: túi).

Nhà Tống noi theo, nhưng quy chế khác biệt, dùng vàng bạc sức thành hình con cá, trong bộ Công phục thì đeo vào đai, rủ ra đằng sau, để phân biệt sang hèn, không còn là loại phù hiệu thời Đường nữa. Từ năm đầu niên hiệu Ung Hy đời vua Tống Thái Tông,

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 詔盡發內府宋國錦綺為衣服，頒賜群臣，五品以上錦袍，九品以上綺袍

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 冬十一月，賜伐占城有功者，六品以上錦袍，七品以下羅衣

3. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Tr.59. Nguyên văn: 使者之來，文武官皆紫袍，紅鞵通犀帶



Bích họa chân dung Quý Nghĩa quân tiết độ sứ Tào Diên Lộc tại hang Du Lâm, Đôn Hoàng.

sau lễ Nam Giao, ra khỏi đại nội thì ban cho cận thần, bởi vậy khi vào châu bá quan văn võ nội ngoại đều đeo Ngư đại. Phàm các quan mặc áo tía, Ngư đại sức bằng vàng; các quan mặc áo đỏ, sức bằng bạc [...] Võ quan thân vương, nội chức tướng hiệu đều không đeo.”⁽¹⁾ Như vậy, Ngư đại thời Đường vốn là dạng phù hiệu hình con cá, đựng trong túi, dùng để ra vào đại nội. Đến thời Tống, quy chế này đã thay đổi, Ngư đại không còn được đựng trong túi mà dùng vàng bạc trực tiếp chế thành hình con cá đeo ở đai, chỉ mang tính trang sức, tỏ sự vinh hiển.

Ngoài ra, các vua Đại Việt thời Lý - Trần cũng như các vua thời Đường - Tống đều có cùng một phương thức ban thưởng cho công thần gọi là “Tứ Tử Kim ngư đại”, “Tứ Phỉ Ngư đại”. Theo chế độ đương thời, Thường phục của các quan từ tam phẩm trở lên màu tía, từ ngũ phẩm trở lên màu đỏ. Những chức quan kém bậc nhưng lại có công lớn, hoặc được vua sủng ái, nhiều khi được đặc ban cho mặc áo màu tía hoặc màu đỏ, kèm theo phục sức Ngư đại, vượt quy định phẩm cấp hiện thời. Sự đặc ban đó gọi là “Tứ Tử Kim Ngư đại” (Ban cho mặc áo bào tía và Kim Ngư đại), “Tứ Phỉ Ngư đại” (Ban cho mặc áo bào đỏ và Ngư đại) thể hiện sự tôn trọng, yêu mến của vua đối với bề tôi. Lê Tắc cũng cho biết vào thời Trần trong dịp đại lễ, “quan văn đeo Kim Ngư”, võ quan không đeo.

Phan Huy Chú bình luận: “Theo văn kim thạch còn lại, các quan triều Lý phần nhiều được ban áo đỏ - Ngư đại, Kim Ngư đại thì biết thời bấy giờ noi theo chế độ nhà Tống. Quy chế Ngư đại không biết đến thời nào không dùng nữa.”⁽²⁾ Lần theo gợi ý của Phan Huy Chú, chúng tôi tra toàn bộ văn bia Lý - Trần trong hai tập *Văn khắc Hán Nôm*. Kết quả cho thấy, cụm

1. (Trung) *Tống sử* - Chí đệ 106 - Dư phục ngũ. Nguyên văn: 魚袋，其製自唐始，蓋以為符契也。其始曰魚符，左一，右一。左者進內，左者隨身，刻官姓名，出入合之。因盛以袋，故曰魚袋。宋因之，其製以金銀飾為魚形，公服則係於帶而垂於後，以明貴賤，非複如唐之符契也。太宗雍熙元年，南郊後，內出以賜近臣，由是內外升朝文武官皆佩魚。凡服紫者，飾以金；服緋者，飾以銀 [...] 親王武官、內職將校皆不佩

2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 按諸金石遺聞，李朝官多有賜緋魚袋、金魚袋，則知當時章服遵用於宋，而魚袋之制又不知竟何時不用也

từ “Tứ Phi Ngự đại”, “Tứ Kim Ngự đại” xuất hiện sớm nhất trên văn khắc Chuông xã Thanh Mai với niên đại năm 798 (thời thuộc Đường), và muộn nhất là trên văn bia chùa Vĩnh Báo khắc năm 1391 (cuối thời Trần).

BẢNG THỐNG KÊ NGỰ ĐẠI
Theo Văn khắc Hán Nôm

Năm	Tên bia	Họ tên	Chức tước	Được ban
798	Chuông xã Thanh Mai	Đỗ Bị	Phán quan thú Văn châu Âm Bình phủ biệt tướng	Phi - Ngự đại
		Quách Lập	Kinh châu Tứ môn phủ Chiết xung	Phi - Ngự đại
		Cao Thái Bình	Nha tiền tử tướng, thú Hạ châu Hạ tập phủ biệt tướng	Phi - Ngự đại
		Hoàng Như Đào	Ngạn châu biệt tướng, Thượng trụ quốc	Tử - Kim Ngự đại
		Lã Hoài Trung	Quý châu biệt tướng, Thượng trụ quốc	Tử - Kim Ngự đại
		Đỗ Anh	Quận châu du dịch sứ, Thượng trụ quốc	Tử - Kim Ngự đại
		Đỗ Hoài Bích	Quận châu thứ sử, Sung bản châu du sứ, Thượng trụ quốc	Tử - Kim Ngự đại
		Đỗ Quảng Du	Tây Bình châu thứ sử, Thượng trụ quốc	Tử - Kim Ngự đại
1107	Bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc	Lý Thừa Ân	Triều liệt đại phu, Đông thượng cấp môn sứ, Thượng thư viên ngoại lang	Tử - Kim Ngự đại
1118	Bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh	Chu Nguyên Hạo	Phụng nghi lang, thủ Thái thường thừa, kiêm Quản ngự phủ tài hóa, Kiêu kỵ úy	Phi - Ngự đại
1121	Bia tháp Sùng Thiện Diên Linh	Lý Bảo Cung	Hữu thị lang, Thượng thư, Công bộ viên ngoại lang, Đồng tri Thẩm hình Viện sự, Thượng khinh xa Đô úy	Tử - Kim Ngự đại

1185 ~1214	Bia chùa Chúc Thánh Báo Ân	Đỗ Thế Diên	Triều nghị đại phu	Tử - Kim Ngự đại
1314 ~1324	Chuông Quán Thông Thánh ở Bạch Hạc	Trần Nhật Duật	Nội kiểm hiệu Thái úy Bình chương sự Thanh Hóa phủ lộ đô nguyên soái, Thượng trụ quốc, Khai quốc vương	Tử - Kim Ngự đại
1367	Bia tháp Hiển Diệu	Trần Nguyên Trác	Thượng trụ quốc, Khai quốc Cung Tĩnh đại vương	Tử - Kim Ngự đại
1382	Bia chùa Từ Ân	Hồ Tông Thốc	Vinh lộc đại phu, Thủ trung thư lệnh kiêm Hàn lâm học sĩ phụng chỉ, Tri thẩm hình viện sự, Thượng hộ quân	Tử - Kim Ngự đại
1391	Bia chùa Vĩnh Báo	Trần [?] Cung (khuyết tên đệm)	Thái trung đại phu, Hàn lâm học sĩ, Thái Nguyên lộ An phủ sứ kiêm Chuyển vận sứ	Tử - Kim Ngự đại

Tuy nhiên, trong khi Phan Huy Chú (1782 - 1840) nói rằng không biết đến thời nào không dùng quy chế Ngự đại, thì Lê Quý Đôn (1726 - 1784) tiếp tục ghi nhận sự tồn tại của Kim Ngự đại vào thời Lê sơ qua *Đại Việt thông sử*, theo đó, Kim Ngự đại vẫn được vua Lê Lợi ban thưởng cho các công thần khoảng từ năm 1426 đến năm 1460. Chính Nguyễn Trãi cũng là bậc khai quốc công thần được ban Kim Ngự đại và áo bào tía⁽¹⁾.

Tại Trung Quốc, Ngự đại được đặt định vào thời Đường và bị phế bỏ vào thời Minh⁽²⁾. Tại Việt Nam, một số tư liệu văn tự cho thấy Ngự đại xuất hiện từ rất sớm, có thể sớm hơn niên đại 798 của Chuông xã Thanh Mai, và được duy trì đến khoảng những năm 1460 mới bị phế bỏ. Đối với hình dạng Ngự đại của Việt Nam, chúng ta chỉ biết một thông tin duy nhất do Chu Khứ Phi cung cấp, đó là trong đoàn sứ giả Đại Việt sang Tống, “các

1. Tên phẩm tước đầy đủ của Nguyễn Trãi là Tuyên phụng đại phu Nhập nội Hành khiển Môn hạ Hữu gián nghị đại phu đồng Trung thư lệnh sự Tử Tử Kim Ngự đại Thượng hộ quốc Quan phục hầu tử tước Lê Trãi. (Việt) Úc Trai di tập - Q.3. Tr.36. Nguyên văn: 宣奉大夫入内行遣门下右谏议大夫同中书令事赐紫金鱼袋上护国官服侯姓黎陂

2. (Hàn) *Nghiên Kinh Trai toàn tập* - Q.47 - *Phục sức khảo*. Nguyên văn: 宋又以金银鲙为鱼形。公服则繫于带而垂之。后。以为荣觀之美。至皇明時去之 “Nhà Tống lại dùng vàng bạc sức thành hình con cá. Trong bộ Công phục thì đeo ở đai, rủ xuống phía sau, để cho mỹ quan, vinh hiển. Đến thời Minh thì phế bỏ”



1. Ngu đại. Hiện vật Ngu đại của Nhật Bản (Dài 13cm, rộng 3cm, dày 1,5cm. Cát giữ tại Shōsōin).
2. Hình vẽ Ngu đại trong sách *Oa Hán Tam tài đồ hội*. 3. Hình Ngu đại trên bích họa chân dung Tào Diên Lộc (hang Du Lâm, Đôn Hoàng).

quan văn võ đều mặc áo bào tía, đeo đai sừng tê nền đỏ, không đeo Ngu đại. Từ sau khi cống voi, Lý Bang Chính tiếp tục đi sứ tới Khâm Châu, liền có thêm chiếc Kim Ngu đại rất dài và lớn.”⁽¹⁾ Có khả năng trước năm 1059, Ngu đại của Việt Nam vẫn còn mang dạng thức Ngu phù thời Đường. Từ sau khi vua Lý Thánh Tông quy định chế độ Thường phục Phốc Đầu phỏng theo quy chế Tống, Ngu đại của Việt Nam có thể được đổi sang kiểu dáng mới, song kích cỡ to và dài hơn Ngu đại của nhà Tống.

III. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

Có ý kiến cho rằng, Việt Nam là xứ nóng nên quân trang không thể có áo Giáp, mũ Trạ, và nếu có cũng không dày dặn, nhiều trang sức như Giáp Trạ của các nước Đông Á. Tuy nhiên, đây chỉ là ý kiến mang tính ước đoán, bởi lẽ trên quốc thổ thời Lý, Trần, Lê, thời tiết Việt Nam có bốn

1. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 使者之來，文武官皆紫袍，紅鞵通犀帶，無魚。自貢象之後，李邦正再使來欽，乃加金魚甚長大

mùa rõ rệt. Mùa đông giá rét, mùa hạ nóng nực, bất kể trang phục của vua chúa, quan lại hay binh lính đều có sự phân biệt giữa trang phục mùa đông và trang phục mùa hè, thậm chí còn có trang phục mùa thu.

1. Giáp Trạ 甲冑

Tổng sử cho biết, trận chiến giữa Tống và Đại Cồ Việt diễn ra vào mùa xuân năm 981, quân Tống đã chiến thắng và thu được hai trăm chiến thuyền cùng một vạn bộ Giáp Trạ của Đại Cồ Việt⁽¹⁾. Mùa xuân năm 1002, vua Lê Hoàn xuống chiếu chế tạo hàng nghìn mũ Đâu Mâu cho sáu quân⁽²⁾.

Đâu Mâu 兜鍪 là tên gọi khác của mũ Trạ, thứ mũ bảo vệ phần đầu của binh sĩ khỏi giáo mác, vì hình dạng giống chiếc mâu, một loại nỏ thời cổ của Trung Quốc nên được gọi là Đâu Mâu⁽³⁾. Tại Việt Nam, sự xuất hiện của mũ Đâu Mâu trong cổ sử sớm nhất là vào năm 485, thứ sử Giao Châu Lý Thúc Hiến sai sứ sang nhà Tề xin bãi binh, dâng 20 cỗ mũ Đâu Mâu toàn bằng bạc cùng dải tua bằng lông công cắm lên chóp mũ⁽⁴⁾; năm 549, Triệu Việt Vương cầu khấn thần linh có được mũ Đâu Mâu chóp cắm móng rồng để đánh giặc⁽⁵⁾. Năm 571, Lý Phật Tử đem quân đánh Triệu Việt Vương, “*Triệu Việt Vương thắng thốt đốc quân, đội mũ Đâu Mâu đứng chờ*.”⁽⁶⁾ Đến thời Hồ sau này, khi Hồ Nguyên Trừng bị bắt sang Bắc Kinh, ông lần đầu tiên mở Khôi Giáp xưởng chế tạo áo Giáp và mũ Trạ cho Trung Quốc. Các sử liệu trên cho thấy bộ Giáp Trạ được áp dụng làm quân trang cho quân đội nước Việt xuất hiện từ rất sớm, đã từng được sử dụng trong nhiều



Tượng chùa Đọi mặc Giáp Trạ, trong văn bia được gọi là Thiên nhân - Thần tướng, sau được đánh đồng thành Kim Cương bát bộ. Do là thần tướng, nên có thể vẽ mặt trang phục, phần nào thể hiện trang phục của tướng võ thời Lý.

1. (Trung) *Tổng sử - Q.488 - Liệt truyện - Đệ 247 - Ngoại quốc tử - Giao Chỉ Đại Lý*. Nguyên văn: 太宗六年春，獲戰艦二百艘，甲冑萬計

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 詔造兜鍪數千頂頒賜六軍

3. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.84-85.

4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 遣使乞罷兵，獻二十隊純銀兜鍪及孔雀氍

5. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 焚香祈禱懇告于天地神祇，於是得龍爪兜鍪之瑞，以擊賊

6. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 帝渝盟舉兵攻趙越王，越王初不覺其意，倉卒督兵，披兜鍪立以待



Tượng Kim Cương thời Lý.
1. (BTMTVN); 2. (Điều khắc cổ Việt Nam); 3. (Hoa văn Việt Nam).

miếng trang sức hình đầu hổ gắn hai bên vai. Cần lưu ý thêm rằng, năm 1009⁽¹⁾ và năm 1014⁽²⁾, vua Lê Long Đinh và vua Lý Thái Tổ đã chủ động “xin” các bộ Giáp Trụ vàng của nhà Tống, và được vua Tống chấp thuận.

2. Tứ Phương Bình Đỉnh 四方平頂帽

Ngoài trang phục Giáp Trụ dành cho tướng lĩnh và một số đội quân đặc biệt, mùa xuân năm 974, vua Đinh Tiên Hoàng định ra Thập đạo quân, lệnh cho binh lính các đạo đều đội mũ Tứ Phương Bình Đỉnh⁽³⁾. Loại mũ này được *Toàn thư* mô tả là “làm bằng da, đỉnh mũ phẳng, bốn bên khâu giáp lại, trên hẹp dưới rộng, quy chế này đến đời bản triều (Hậu Lê) khởi nghĩa vẫn còn dùng, đời sau cũng noi theo.”⁽⁴⁾ Như vậy chiếc mũ Tứ Phương Bình Đỉnh đã xuất hiện từ thời



Mũ Tứ Phương Bình Đỉnh của nho sinh thời Minh (Trung Quốc phục trang sử).

triều đại phong kiến Việt Nam, ngoại trừ triều Nguyễn.

Diện mạo Giáp Trụ từ thời Đinh, Lê trở về trước không có hiện vật làm chứng. Giáp Trụ thời Lý - Trần, xét ở một chừng mực nhất định, có thể tham khảo từ pho tượng Kim Cương chùa Long Đọi và tượng tướng lĩnh khai quật tại di tích Bảo Tháp, xã Thắng Lợi, huyện Vân Đồn, Quảng Ninh. Bộ Giáp phục thể hiện trên hai pho tượng này tuy không hoàn toàn đồng nhất, song đều có sự kế thừa, mô phỏng từ bộ Giáp Minh Quang 明光鎧 甲 của nhà Đường với đặc trưng là hai

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 求甲冑金裝, 宋帝從之. (Trung) *An Nam chí lược* – Lê thị thế gia. Nguyên văn: 表求甲冑金具裝, 從之. (Trung) *Tổng sử - Q.488 – Liệt truyện – Đế 247 – Ngoại quốc tứ - Giao Chi Đại Lý*. Nguyên văn: 表求甲冑金具裝, 詔從其請.

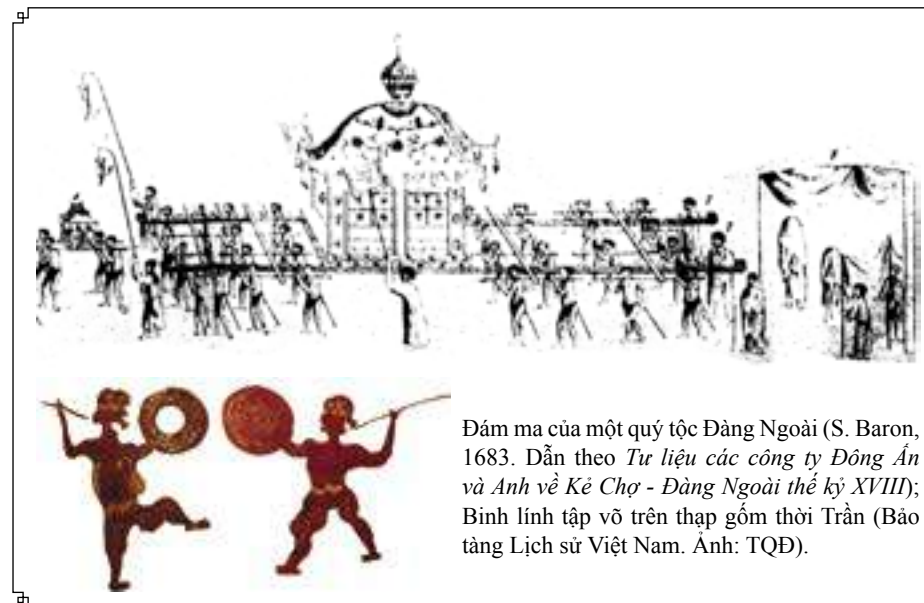
2. (Trung) *An Nam chí lược* - Lý thị thế gia và *Tổng hội yếu tập cáo - Phiên di nhất - Giao Chi*. Mục ngày 17 tháng 7 năm thứ 7 Đại Trung Tường Phù (1015) đều chép: 公蘊仍求賜介冑及大藏經, 從之.

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 春二月定十道軍[...]各戴四方平頂帽

4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 其帽以皮為之, 平頂, 四邊夾縫, 上狹下寬, 其制至今朝起義猶存, 後代因之

Đinh, được duy trì sử dụng đến cuối thời Hậu Lê với tư cách là một loại mũ quân trang.

Vào thời Lý, *Toàn thư* chỉ nhắc tới bộ trang phục Giáp Trụ, không đề cập tới chiếc mũ Tứ Phương Bình Đỉnh. Song vì loại mũ này đến thời Lê Lợi khởi nghĩa vẫn được sử dụng làm quân trang, chứng tỏ trải qua các triều đại Lý, Trần, Hồ, Tứ Phương Bình Đỉnh vẫn được kế thừa, áp dụng cho một bộ phận binh lính của triều đình Đại Việt.



Đám ma của một quý tộc Đàng Ngoài (S. Baron, 1683. Dẫn theo *Tư liệu các công ty Đông Ấn và Anh về Kê Chợ - Đàng Ngoài thế kỷ XVIII*); Binh lính tập võ trên thập gồm thời Trần (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: TQĐ).

3. Cởi trần đóng khổ

Ngoài trang phục Giáp Trụ, Tứ Phương Bình Đỉnh, binh lính Đại Việt đến cuối thời Hậu Lê vẫn lưu giữ tục cởi trần đóng khổ cổ xưa của dân ông Giao Chỉ. Chúng ta có thể thấy lối trang phục giản tiện này qua hình ảnh người lính diễn tập võ nghệ thể hiện trên thập gồm thời Trần, qua bức họa người An Nam trong *Tam tài đồ hội*⁽¹⁾ thời Minh, quân Giao Chỉ vẽ năm 1590 trong *Boxer Codex* v.v. Đặc biệt, bức họa *Đám ma của một quý tộc Đàng Ngoài* và *Đội rước kiệu vua Lê* do S. Baron vẽ khoảng những năm 1683 thể hiện những người đàn ông rước quan tài và phu

1. Vương Kỳ, tác giả của *Tam tài đồ hội*, có thiên kiến không tốt đẹp về người Việt. Tuy nhiên, gạt đi những lời lẽ phi báng, có thể thấy những bức họa trong *Tam tài đồ hội* vẫn có giá trị tham khảo nhất định. *Đại Việt sử ký tục biên* cho biết chúa Trịnh Giang sai tể thần xét duyệt sách *Tam tài đồ hội* để bàn định ra lễ nhạc (Tr.135). *Phủ biên tạp lục* cho biết chúa Nguyễn Phúc Khoát hạ lệnh tham khảo *Tam tài đồ hội* để đặt ra trang phục cho Đàng Trong (Tr.334).



Lính Giao Chỉ vẽ năm 1590 trong *Boxer Codex* và lính cầm cờ đất ngựa thời Lê. (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

hình rồng cuộn xăm trên đùi những người lính Đại Việt. *Toàn thư* chép: “Buổi đầu dựng nước, quân sĩ đều xăm hoa văn hình rồng ở bụng, ở lưng và hai vế đùi.”⁽¹⁾ Cũng có trường hợp hình rồng được xăm ở ngực, như chính *Toàn thư* ghi nhận: “Người Tống thấy trong bè đảng ấy có tên họ Dương, ngực hấn xăm hình rồng đen, và bọn thủ lĩnh ở châu Bồ năm người, biết là người nước Việt ta, đều trả về.”⁽²⁾ Chu Khứ Phi miêu tả hình xăm trên người thời Lý như hình dạng trống đồng⁽³⁾, còn sứ thần nhà Nguyên Trần Cương Trung miêu tả hình xăm của quân dân thời Trần là “những hình móc câu nối liền gấp khúc, như hình dạng lư đỉnh bằng đồng thời xưa.”⁽⁴⁾ Như vậy, hình xăm mà Chu Khứ Phi và Trần Cương Trung miêu tả nhiều khả năng chính là hoa văn rồng ổ cuộn tròn đặc trưng của thời kỳ này. Cần nói thêm rằng, vào thời Lý, việc xăm hình rồng lên cơ thể từng bị triều đình cấm áp dụng đối với thân phận nô lệ và đầy tớ, như đạo luật cuối năm 1118 “cấm gia nô xăm hình rồng lên người”, đạo luật ban hành vào tháng 6 năm 1157 quy định “gia nô của các vương hầu không được xăm hình rồng ở ngực”⁽⁵⁾ v.v. Vào thời Trần,

không hề vua vẫn cởi trần đóng khố, chứng tỏ theo quan niệm của người Việt xưa kia, cởi trần đóng khố được coi là việc hết sức bình thường, dung dị, được sử dụng ngay cả trong những trường hợp tưởng như cần phải lịch sự, trang nghiêm nhất. Chỉ riêng nhà Nguyễn về sau mới tỏ thái độ khinh bỉ, cho rằng lối y phục cổ cụ của Bắc Hà quê kệch, đồng thời ra lệnh nghiêm cấm tục đóng khố.

Bên cạnh đó, qua những nét vẽ thô sơ trên thạp gốm hoa nâu thời Trần, chúng ta vẫn có thể nhận ra

Marco Polo ghi nhận, tại Giao Chỉ, “thông thường cả đàn ông lẫn phụ nữ đều vẽ trên người nhiều hình thù như sư tử, rồng, chim chóc, vân vân, và các hình đó được vẽ bằng kim để tránh bị phai mất [...] họ cho rằng trên người càng nhiều hình xăm thì càng đẹp và ra dáng quý tộc”⁽¹⁾. Tuy nhiên, từ năm 1323 thời vua Trần Minh Tông trở đi, “triều đình tuyển quân lại lấy người béo trắng làm hạng trên, vậy nên từ đó quân sĩ không còn tiếp tục xăm mình nữa.”⁽²⁾

Ngoài những hình rồng cuộn xăm trên ngực, bụng và đùi, Trần Cương Trung còn miêu tả có kẻ trổ vào ngực mấy chữ 義以捐軀, 形于報國 (“Nghĩa dĩ quyên khu, hình vu báo quốc” tức “vì nghĩa quên mình, tỏ lòng báo quốc”). Ngay con em của vua nước này cũng như vậy. Riêng binh lính thời Lý, trên trán đều xăm ba chữ 天子軍 (Thiên tử quân)⁽³⁾ như binh lính thời Tiền Lê⁽⁴⁾. Theo ghi chép của *Lĩnh ngoại đại đáp* thì ba chữ này được xăm theo chiều ngang⁽⁵⁾.



Tượng đèn Đò (tóc ngắn).

IV. TRANG PHỤC DÂN GIAN

1. Y phục

Trở lại thời điểm cách nay 1000 năm, quốc thổ Đại Việt nói chung, kinh thành Thăng Long nói riêng là nơi cư trú của nhiều tộc người, cùng cơ man nô lệ, tù binh nước ngoài. Ngay từ năm 862, An Nam Kinh lược sứ Phàn Xúc ghi nhận: “Bộ lạc Mang man [...] ở nhà lều, không có thành quách, sơn răng, đều mặc quần vải xanh, dùng cột mây quấn quanh eo, vải sơn đỏ quấn búi tóc, buông phần thừa ra phía sau làm trang sức. Đàn bà khoác áo sa la ngũ sắc. Chim công làm tổ trên cây nhà họ. Voi to như con trâu. Tục người thổ nuôi voi để cày ruộng, đốt cả phân của nó [...] Ngày 21 tháng 12 năm Hàm Thông thứ 3 (tức 862), cũng có tộc Mang man

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 國初軍士皆渾刺龍文於腹背及兩髀

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 宋人見其黨中有楊於者，臂刺黑龍，及蒲州首領五人，知是我越人，皆還之

3. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其文身如銅鼓款識。

4. (Trung) *Sứ Giao thi tập*. Nguyên văn: 人皆文身為鈎連屈之文如古銅爐鼎款識，又有涅字于胸，曰義以捐軀，形于報國。雖酋子姪亦然

5. (Việt) *Đại Việt sử lược*. Nguyên văn: 禁家奴不得身上刺龍；諸王侯家奴不得刺龍形於臂

1. *Vạn dặm của Marco Polo*. Dẫn theo *Những lời khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam*. Tr.20

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 時蒐簡諸軍以肥皙白者為上。故軍士不復文刺自此始

3. (Việt) *Toàn thư*. Mục tháng 8 mùa Thu năm 1059. Nguyên văn: 定軍號曰御龍、武勝、龍翼、神電、俸聖、寶勝、雄畧、萬捷等號，皆分左右，額並黥天子軍三字

4. (Trung) *Tống Sử*. Giao Chỉ truyện. Tr.14061. Nguyên văn: 悉黥其額曰天子軍

5. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其軍人橫刺字於額曰天子兵。 “Quân nhân đều xăm ngang lên trán ba chữ Thiên tử binh.” Ở đây Chu Khứ Phi đã chép lầm chữ Binh.



Áo cổ tròn bốn vạt, bên trong quây Thường đen, trong cùng mặc quần là trắng. (Phục dựng); Dép quai ngang thời Nguyễn (Kỹ thuật của người An Nam).

này quần tụ ở bờ sông Tô Lịch An Nam đến hai ba nghìn đội”⁽¹⁾. Phong khí hồn hậu chất phác, tập tục mừng mán đan xen ở đất kinh kỳ, đến cuối thời Hồ vẫn được Nguyễn Phi Khanh ghi lại bằng câu thơ: “Tràng An từ xưa đã là đất đế vương [...] Phong tục lẫn với Di Lào, nhân dân như thời thái cổ.”⁽²⁾ Cao Hùng Trưng, tác giả *An Nam chí nguyên* cũng ghi nhận: “Những nơi thành quách trọng yếu tập nập ở gần đáng để chiêm ngưỡng, phần lớn phỏng theo kiểu cách Trung Hoa. Những nơi biên phương làng xã thôn xóm ở xa vẫn noi theo thói cũ, chưa thay đổi hết được.”⁽³⁾ Như vậy, trang phục trong dân gian đương thời hẳn rất đa dạng.

Tuy nhiên, xét riêng diện trang phục người Việt sống trong đô thành, Chu Khứ Phi cho biết: “Người nước ấy áo thâm, răng đen, búi tóc chuy kế, đi đất, sang hèn đều như vậy.

Vua ngày thường cũng vậy, song cài trâm vàng, trên mặc áo Sam vàng, dưới mặc thường tía. Những người còn lại, ngày thường trên thì vận áo Sam đen cổ tròn bó sát, bốn vạt như áo Bối Tử, gọi là áo Tứ Diên; dưới thì vận thường đen. Hoặc có kẻ cài trâm sắt, có kẻ đi dép da, tay cầm quạt lông hạc, đầu đội nón hình ốc [...] Đàn bà trắng trẻ, khác hẳn đàn ông. Thường đen là phục sức quây bên ngoài của đàn ông.”⁽⁴⁾ Mã Đoan Lâm tham khảo ghi chép của Chu Khứ Phi, đồng thời chú thích: “Những người còn lại đều mặc áo cổ tròn bốn vạt, áo Sam đen không thắt lưng, dưới áo Sam thắt thường

1. (Trung) *Man thư* - Q.4 - Danh loại đệ tứ. Nguyên văn: 茫蠻部落[...]樓居，無城郭。或漆齒。皆衣青布袴，藤蔑纏腰，紅縵布纏髻，出其餘垂後為飾。婦人披五色娑羅籠。孔雀巢人家樹上。象大如水牛。土俗養象，以耕田，仍燒其糞[...]咸通三年（862）十二月二十一日，亦有此茫蠻，於安南蘇歷江岸聚二三千人隊

2. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 3. *Tuyên chiếu bài biệt Vận phó Nguyễn Viêm*. Tr.447. Nguyên văn: 長安自昔帝王州[...]俗雜夷罕民太古

3. (Trung) *An Nam chí nguyên* - Quyển 2 - *Phong tục*. Nguyên văn: 附近城郭衝要湊集之地有所瞻仰者多效華風。其邊方鄉村里社遐遠之處尚循故態，未能盡革

4. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Tr.59-60. Nguyên văn: 其國人烏衣，黑齒，椎髻，徒跣，無貴賤皆然[...]其餘平居，上衣則上緊蟠領皂衫，四裾如背子名曰四頰；下衣則皂裙也。或珥鐵簪，或曳皮履，手執鶴羽扇，頭戴螺笠[...]其婦人乃皙白，異於男子。皂裙，男子之蓋飾也

đen, cài trâm bạc hoặc sắt, đi dép da, cầm quạt lông hạc, đội nón ốc. Dép da, dùng da làm đế, gia thêm trụ nhỏ, lấy ngón chân kẹp lại mà đi. Quạt, tết từ lông chim hạc, để tránh rắn. Nón ốc, đan từ lát trúc, hình dạng như con ốc, trông tinh xảo nhất. Phụ nữ nhiều người trắng trẻ, khác hẳn đàn ông, thích mặc áo trực lĩnh màu lục thụng tay, đều thắt bằng thường đen.”⁽¹⁾

Như vậy, cách ăn mặc ngày thường của đàn ông thời Lý gồm hai chiếc áo cổ tròn mặc lồng ghép.

Chiếc áo ngoài cùng xẻ bốn vạt, dưới lớp áo này được quây một dạng xiêm màu đen, còn được gọi là thường, bên trong cùng là chiếc quần lụa trắng, tương tự lối ăn mặc của quan dân thời Trần theo lời mô tả của Lê Tắc. Chu Khứ Phi còn nhận xét, những người Việt “đi giày tất dạo chơi phố phường trông không khác người nước ta (tức người Tống)”⁽²⁾. Triệu Nhữ Thích, tác giả *Chư Phiên chí* (năm 1225) cũng có lời bình tương tự về người Đại Việt rằng trang phục và ẩm thực khá giống Trung Quốc, song khác biệt là nam nữ đều đi chân đất⁽³⁾. Ngoài ra, việc thường xuyên mang theo quạt có thể coi là một trong những đặc điểm nổi bật của người Việt trải từ thời Lý đến thời Nguyễn. Như năm 1621, Cristophoro Borri cũng miêu tả người Việt Đàng Trong: “Cả đàn ông đàn bà đều ưa cầm quạt rất giống như ở châu Âu. Họ cầm là cầm lấy lệ thôi.”⁽⁴⁾

Đối với trang phục của nữ giới, qua miêu tả của Mã Đoan Lâm, phụ nữ Đại Việt đều thích mặc áo trực lĩnh màu lục, thụng tay, đều thắt bằng váy đen. Khái niệm áo trực lĩnh thường được hiểu là áo giao lĩnh, sở dĩ gọi trực lĩnh (cổ thẳng) chủ yếu nhằm phân biệt với loại áo viên lĩnh (cổ tròn). *Thích danh* định nghĩa: “Trực lĩnh, cổ áo chéo thẳng xuống, giao



Mệnh phụ Việt Nam thời Lê mặc áo trực lĩnh màu lục. (Tạp chí Tư Tưởng Thành); Phụ nữ thời Lê mặc áo cổ tròn, dùng váy quây lại bên ngoài. (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

1. (Trung) *Văn hiến thông khảo*. Nguyên văn: 餘皆服盤領四裾，皂衫不繫腰，衫下繫皂裙，珥銀鐵簪，曳皮履，執鶴羽扇，戴螺笠。皮履，以皮為底，施小柱，以拇指夾之而行。扇編鶴羽以辟蛇。螺笠，竹絲縷織，狀如田螺，最為工緻。婦人多皙，與男子絕異，好著綠寬袖直領，皆以皂裙束之

2. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 足加鞋襪，遊於衢路，與吾人無異

3. (Trung) *Chư phiên chí - Giao Chi quốc*. Nguyên văn: 服色飲食略與中國同，但男女皆跣足差異耳

4. *Xứ Đàng Trong 1621*. Tr.56.



Tượng thị nữ thời Bắc Tống trong điện Thánh Mẫu đền Tân Từ thành phố Thái Nguyên, Trung Quốc; Phụ nữ Hà Nội năm 1645 (*Vạn quốc nhân vật đồ*, Nhật Bản).

rộng hẹp cho được tùy tiện."⁽²⁾ Có điều, sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, một trong những lệnh cấm y phục thời Minh Mạng cũng bao gồm điều cấm áo giao lĩnh đối với phụ nữ ⁽³⁾.

Ngoài ra, chúng tôi tán đồng ý kiến của TS. Đoàn Thị Tình khi cho rằng dạng áo dài Tứ thân của phụ nữ Việt có nhiều nét tương đồng với áo Bối tử của phụ nữ nhà Tống⁽⁴⁾, đồng thời cho rằng dạng áo Tứ thân đã được lưu hành và phổ biến vào thời kỳ này. Xét về kiểu dáng, áo Bối Tử và áo tứ thân đều là loại áo xẻ tà hai bên sườn, có hai vạt kiểu đối khâm, cổ áo có viền chạy thẳng xuống dưới, dài quá gối. Áo Bối tử thịnh hành vào thời Tống, trên từ hoàng hậu phi tần, dưới tới ca kỹ, tỳ thiếp trong các buổi lễ tiếp, yến hội đều mặc. Loại áo Tứ thân thời Nguyễn thường thấy là loại áo hẹp tay, tuy nhiên từ thời Lê trở về trước, ống tay áo rộng hẹp đều được tùy nghi sử dụng. Bên cạnh đó, qua các hình vẽ người Giao Chỉ trong *Boxer Codex* (niên đại 1590), có thể thấy trang phục váy, yếm kết hợp với chiếc áo cộc tương tự như trang phục phụ nữ Mường thời nay cũng là dạng trang phục phổ biến của phụ nữ Việt thời Lê, thậm chí có thể truy tới thời Lý Trần.

nhau ở phía dưới."⁽¹⁾ Vào thời Lê, loại áo trực lĩnh hết sức phổ biến, áp dụng cho cả đàn ông và đàn bà. Năm 1744, nhà Lê sau khi đặt nha môn Trấn phủ ở Thuận Hóa liền xuống chỉ dụ buộc người xứ Đàng Trong phải thay đổi y phục, quay về tục lệ của miền Bắc; tờ dụ này viết: "*Y phục bản quốc vốn có chế độ [...] Những loại quần áo kiểu người Khách thường mặc mà nay vẫn thấy nên đổi theo thể chế của nước nhà (chỉ tục nhà Lê, miền Bắc) [...] Đàn ông đàn bà dùng áo trực lĩnh ngắn tay (tay áo chấm đến cổ tay), ống tay*

1. (Trung) *Thích danh* – Thích y phục: 直領, 領邪直而交下

2. (Việt) *Phủ biên tạp lục - Phong tục*. Nguyên văn: 本國衣服自有制度[...]諸見存常服客樣衣裙, 應改從國俗體製[...]男婦直領短袖衣, 其袖口或潤或狹隨意所便

3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Nguyên văn: 婦人衣著交領, 下用圓裳

4. *Trang phục Thăng Long Hà Nội*. Tr.55.



1. Diễn viên Chèo Thu Huyền trong vai Sứ Vân. (Ảnh: TQĐ); 2. Phụ nữ Việt thời Lê (*Hoàng Thanh chức cống đồ*); 3-4. Phụ nữ Đàng Ngoài và Đàng Trong năm 1590 trong *Boxer Codex*.

2. Kiểu tóc

Người Việt có câu tục ngữ "*Cái răng cái tóc là góc con người*" thể hiện sự coi trọng răng tóc như phần diện mạo trực tiếp biểu hiện nhân cách. Theo thẩm mỹ quan của người Việt xưa kia, mái tóc dài mượt, hàm răng đen nhánh mới được coi là đẹp. Tuy nhiên, khác với tính ổn định của tục nhuộm răng đen, kiểu tóc Việt trải qua nghìn năm đã có nhiều biến đổi, không phải thời nào cũng có mô típ đơn nhất "*đàn ông búi tóc, đàn bà vấn khăn*" như ấn tượng chung của người Việt hiện đại về tổ tiên trong quá khứ. Qua khảo sát tư liệu hình ảnh và văn tự tương quan, có thể thấy người Việt từ thời Lý đến thời Nguyễn đã từng để nhiều kiểu tóc khác nhau, song nhìn chung có bốn cách để tóc phổ biến, bao gồm: 1. búi tóc chuy kế; 2. cạo trọc; 3. cắt tóc ngắn; 4. xõa tóc dài. Trong đó, búi tóc chuy kế (búi tóc củ hành) là kiểu tóc thịnh hành vào thời Lý, và là kiểu tóc đơn nhất của nam giới Việt thời Nguyễn; tục cạo trọc đầu thường thấy ở thời Trần; mái tóc ngắn chấm vai phổ biến vào thời Trần và Lê sơ; tóc xõa dài được ưa chuộng vào thời Lê - Trịnh. Tại phần này, chúng tôi đi sâu làm rõ búi tóc chuy kế. Tục cắt tóc ngắn và buông xõa tóc dài, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày tại phần khảo về kiểu tóc của người thời Trần và thời Lê.

Sử liệu sớm nhất đề cập tới việc người Việt búi tóc chuy kế là *Sử ký* của Tư Mã Thiên, với dòng miêu tả Triệu Đà nhiễm theo phong tục của người Việt "*búi tóc chuy kế, ngồi dài thể gặp Lục Giả*"⁽¹⁾. Đến thế kỷ III

1. (Trung) *Sử ký - Lê Sinh Lục Giả liệt truyện*. Nguyên văn: 尉他魃結箕倮見陸生



Diêu Đài bộ nguyệt đồ (Nam Tông. BTCCBK).

sau Công nguyên, Thái thú Tiết Tông trong tờ sớ xin chọn Thứ sử Giao châu đã miêu tả người Việt: “Búi tóc chuy kể, đi đất, (mặc áo) chui đầu vạt trái”⁽¹⁾. Thế kỷ XI, Chu Khứ Phi qua Lĩnh ngoại đại đáp cho biết, người Việt “đều mặc áo thâm, răng đen, búi tóc chuy kể, đi đất, không phân sang hèn, đều như vậy. Vua ngày thường cũng vậy, song cài trâm vàng.”⁽²⁾ Vào thế kỷ XV, Cao Hùng Trưng dẫn *Nam Việt ngoại kỷ* miêu tả người Việt “hoặc búi tóc chuy kể, hoặc cắt tóc ngắn, xăm mình, đi đất, miệng đỏ, răng đen, sang hèn đều ăn trầu cau”⁽³⁾. Đầu thế kỷ XIX, Phạm Đình Hổ ghi nhận: “Nay tục nước ta (tục thời Nguyễn) búi tóc chuy kể, vấn khăn vải thâm.”⁽⁴⁾ Năm 1835, Thái Đình Lan người Thanh mô tả phụ nữ Việt ở Trung Nam kỳ “ra ngoài buôn bán, búi tóc chuy kể, đi chân đất, dùng lụa quấn đầu, đội nón lá cọ đỉnh phẳng”⁽⁵⁾.

Tuy nhiên cần nhấn mạnh rằng, kiểu tóc chuy kể không phải kiểu tóc của riêng người Việt. Đây cũng là kiểu búi tóc chung của nhiều tộc người, trong đó có người Chân Lạp⁽⁶⁾, Chiêm Thành v.v. Xét danh xưng chuy kể⁽⁷⁾, “chuy” có nghĩa là cái vò, phần lớn có đầu khá to hoặc hình tròn⁽⁸⁾, “kể” là



Người thổi kèn trên cán muối thời Đông Sơn (Bảo tàng Lịch sử Tp.HCM. Ảnh: TQĐ).

1. (Trung) *Tam quốc chí - Ngô thư - Tiết Tông truyện*. Nguyên văn: 椎結徒跣，貫頭左衽.
2. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其國人烏衣黑齒，椎髻，徒跣，無貴賤皆然。其酋平居亦然，但珥金簪
3. (Trung) *An Nam chí nguyên - Q.2 - Phong tục*. Nguyên văn: 《南越外紀》云其人或椎髻或剪髮，文身跣足，口赤齒黑，尊卑皆食檳榔
4. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyển thượng – Quan lễ. Nguyên văn: 今國俗椎髻、緇布巾
5. (Trung) *Hải Nam tạp trí*. Nguyên văn: 婦人出貿易，椎髻跣足，以縐綢纏頭，戴平頂簪笠
6. (Trung) *Chân Lạp phong thổ ký*. Tr.17. Nguyên văn: 男女皆[...]椎髻跣足 “trai gái đều búi tóc chuy kể, đi chân đất”
7. Chuy kể có ba cách viết: 椎結, 椎髻, 魁結 Trong đó 椎結, 魁結 đều là cách dùng giả tá. Cách viết chuẩn là 椎髻
8. *Hiện đại Hán ngữ từ điển*. Tr.217.

búi tóc. Nhan Sư Cổ giải thích chuy kể là “búi tóc bằng một nắm tay, hình như cái vò”⁽¹⁾. Kiểu búi tóc này phần lớn được búi ở sau đầu, thậm chí dờ xuống gáy. Trương Thăng trong *Doanh nhai thắng lâm tập* (thế kỷ XV) miêu tả kiểu tóc của người Chăm “đàn ông đầu bù tóc rối, đàn bà búi tóc chuy kể ở phía sau”⁽²⁾. Sách *Cựu Đường thư* miêu tả bốn vũ công nước Cao Ly búi tóc chuy kể ở phía sau, dùng lụa đỏ thắt quanh trán, sức thêm nhạc bằng vàng⁽³⁾, đồng thời miêu tả người man ở vùng Tây Nam Trung Quốc “trai gái đều búi tóc chuy kể, dùng lụa đỏ thắt lại, ngã xuống phía sau”⁽⁴⁾. Riêng búi tóc của nam giới thời Nguyễn, Mai Viên Đoàn Triển cho biết: “Đàn ông búi tóc ở sau đỉnh đầu, sau đó vấn khăn.”⁽⁵⁾

Kết hợp những ghi chép trên đây với hình ảnh người đàn ông thổi kèn trên cán muối Đông Sơn, hình ảnh người phụ nữ trên trống đồng Đông Xá, đầu tượng người men nâu sẫm thời Lý và hàng loạt tư liệu ảnh chụp người Việt Nam thời Nguyễn, có thể thấy búi tóc của người dân Việt hầu hết to cỡ nắm tay chéch sau đỉnh đầu, thậm chí dờ xuống gần gáy, khác với búi tóc gọn nhỏ ở đỉnh đầu của nam giới Trung Quốc thời Tống - Minh và nam giới người Triều Tiên. Búi tóc chuy kể vào thời Nguyễn được gọi là búi tóc củ hành, củ kiệu, hay đơn giản là búi tóc. Vào thời Lý, ngoài búi tóc củ hành, người Việt còn cắt tóc ngắn hoặc xõa tóc. Đến thời Trần, thời Lê, những ai để tóc xõa dài khi nào cần thuận tiện lại búi một búi tóc ở sau đầu, như chúng ta có thể thấy ở hai pho tượng lính hầu thế kỷ XVIII tại lăng Dinh Hương, tượng lính đồng đình Thổ Hà, Bắc Giang v.v. Tuy nhiên, vào thời Lê sơ, búi tóc chuy kể từng được coi là biểu hiện của sự lạc hậu, là phong tục của những sắc dân biên viễn. Tờ chiếu ban ngày mồng 6 tháng 11 năm 1470 có đoạn



Tượng đầu người thời Lý (Cổ vật Thăng Long Hà Nội)

1. (Trung) *Hán thư - Lý Lăng truyện*. Nguyên văn: “兩人皆胡服椎結” 顏師古注 “結讀曰髻，一撮之髻，其形如椎” “Hai người đều mặc y phục của người Hồ, búi tóc chuy kể”. Nhan Sư Cổ chú thích: Kết (ở đây) đọc là Kể, búi tóc bằng một nắm tay, hình như cái vò. Dẫn theo *zdic.net* mục từ chuy kể 椎髻
2. (Trung) *Kỷ lục vịnh biên - Q.63 - Doanh nhai thắng lâm tập* - Chiêm Thành. Nguyên văn: 男蓬頭，女椎髻于後
3. (Trung) *Cựu Đường thư* - Chi đệ cửu - Âm nhạc nhị - Cao Ly nhạc. Nguyên văn: 舞者四人，椎髻於後，以絳抹額，飾以金璫
4. (Trung) *Cựu Đường thư* - Liệt truyện đệ nhất bách tứ thập thất - Nam man - Tây Nam man. Nguyên văn: 男女椎髻，以緋束之，後垂向下
5. (Việt) *An Nam phong tục sách*. Nguyên văn: 男子束髮於頂後，然後加巾



Chức cồng đồ họa quyền (rộng 29.5 cm, dài 580 cm, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Cổ cung Bắc Kinh) được vẽ bởi họa sĩ cung đình nhà Minh, Cừ Anh (1494? - 1552). Trong họa quyền này xuất hiện các đoàn công sứ của nước Tây Hạ, Đại Liêu, Tam Phật Tề... đều là các nước tồn tại vào thế kỷ XIII. Bức họa trên xuất hiện dòng chữ “An Nam hạ” (Nước An Nam mừng) trên lá cờ nên chúng tôi ngờ rằng, đoàn công sứ này có thể là đoàn công sứ của nhà Lý. Cừ Anh có lẽ đã chép lại một bức tranh đã có từ trước đó. Cần lưu ý rằng, các nhân vật thể hiện trong bức họa này hầu hết đều vẫn khăn. (China: The Three Emperors 1662 – 1795).

viết: “Thời Thái Tông Văn hoàng đế, bên trong sửa sang, bên ngoài đánh dẹp, những kẻ mặc xiêm cổ, búi tóc chuy kế cũng trào núi vượt biển tới châu, muôn nơi mến đức, tám cõi phục uy”⁽¹⁾. Chỉ đến thời Nguyễn, búi tóc chuy kế mới được thống nhất áp dụng cho nam giới trong toàn quốc.

Đối với kiểu tóc của vua quan nhà Lý, Chu Khứ Phi cho biết vua nhà Lý vào ngày thường không phải thiết triều cũng búi tóc chuy kế, chỉ khác là cài thêm trâm vàng. Toàn thư ghi nhận việc vua Lý Huệ Tông phát điên, có khi tự xưng là thiên tướng giáng trần, cầm cây cờ nhỏ lên búi tóc⁽²⁾. Dựa vào cách nói của Chu Khứ Phi, có lẽ trong những buổi thiết triều, đại lễ, vua quan nhà Lý không búi tóc chuy kế như ngày thường. Có thể họ búi một búi tóc ở đỉnh đầu như vua quan nhà Tống, cũng có thể buông xõa tóc như vua quan nhà Lê?

Ngoài ra, Chu Khứ Phi còn miêu tả người Việt “lấy cao thom chuốt tóc như sơn, bọc khăn the đen, đỉnh tròn và nhỏ, từ trán trở lên, nếp gấp

1. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 太宗文皇帝內修外攘，裝弁髻椎梯山航海萬流仰德，八極傾風
2. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 春三月，帝漸發狂，或稱天將降，即持干楯，挿小旗於髻上 (Năm 1217)

nhỏ như may lên đến tận chóp [...] Chân đi giày tất, dạo chơi phố phường, trông không khác người nước ta, song nhìn khăn của họ thì có thể nhận ra.”⁽¹⁾ Qua miêu tả trên, có thể thấy khăn bọc tóc của người thời Lý là một dạng khăn vấn. Khăn này được vấn kín đỉnh đầu, tạo nếp gấp ở trán dạng chữ Nhất 一, riêng phần chóp được xử lý thành dạng khum tròn. Đây không phải lối vấn khăn to bản, cồng kềnh như người Đảng Trong sau năm 1744, cũng không hoàn toàn đồng nhất với kiểu vấn để lộ đỉnh đầu, chỉ vấn quanh trán và búi tóc phổ biến của nam giới thời Nguyễn.

Cần lưu ý rằng, chỉ từ sau năm 1744, người Việt Đảng Trong mới bắt đầu búi tóc, vấn khăn để phân biệt với người nhà Lê miền Bắc, theo chính sách của chúa Nguyễn Phúc Khoát.

Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục ghi nhận: “(Năm 1744) Chúa bèn thay y phục, đổi phong tục, cùng dân đổi mới, bắt đầu hạ lệnh cho nam nữ sĩ thứ trong nước, đều mặc áo như bào, mặc quần, vấn khăn.”⁽²⁾ Tuy nhiên đến năm 1792, chỉ có một số người Đảng Trong vấn khăn, đặc biệt là lính đánh bộ. John Barrow trong Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792 - 1793) cho biết: “Mái tóc đen dài của họ đôi khi được quấn thành búi cố định trên đỉnh đầu, đôi khi được buông lỏng thành những lọn tóc rủ xuống sau lưng, thường là tới tận mặt đất. Một số người chít khăn quấn đầu, có hình dáng giống như chiếc khăn xếp của người Hồi giáo”⁽³⁾. Chúng tôi đặt giả thiết, có thể tục vấn khăn của người Đảng Trong sau năm 1744, chịu ảnh hưởng từ phong tục của người Trung Đông gián tiếp qua tục vấn khăn của người Chăm hoặc người Thái. Riêng người Chăm, trước thế kỷ XV cũng chưa có tục vấn khăn như ta thấy hiện nay.



Lính Đảng Trong năm 1793 dưới nét vẽ của William Alexander.

1. (Trung) Lĩnh ngoại đại đáp. Tr.59-60. Nguyên văn: 以香膏沐髮如漆，裹烏紗巾，頂圓而小，自額以上，細褶如縫，上徹於頂[...]足加鞵靴，遊於衢路，與吾人無異，但其中可辨耳
2. (Việt) Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục. Q.8. Tr.3. Nguyên văn: 乃改衣服易風俗，與民更。始下令國內士庶男女並著襦袍，穿裳，纏巾
3. Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793). Tr.83

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ GHI CHÉP LIÊN QUAN TỚI TRANG PHỤC CHIÊM THÀNH TỪ THẾ KỶ VI ĐẾN THẾ KỶ XV

Nam Tề thư (thế kỷ VI): Vua đội mũ Thiên quan như mũ Phật, mình khoác dải anh lạc thom (Tấn thư chép không có chữ ‘thom’. Anh lạc là chuỗi dây tết bằng các loại châu ngọc đeo ở cổ, vốn là trang sức đeo trên tượng Phật. Tiếng Pali: *Keyūra*)... Phụ nữ khi cưới mặc áo già lam (áo nhà chùa?) khổ ngang may khếp lại như thành giếng, đầu đội hoa bảo (Tấn thư chép là bảo hoa) [...] Khi cư tang thì cắt tóc, coi đó là đạo hiếu⁽¹⁾.



Thần Siva, tượng Chăm, cổ đeo anh lạc, quần ngắn lộ về đùi. (BTLSVN)

Tùy thư (thế kỷ VII): Vua đội mũ hoa vàng, hình dạng như mũ Chuông Phủ, mặc áo may bằng vải Triều hà (ráng mây sớm, có lẽ chỉ hoa văn?), khoác dải anh lạc đính các loạt ngọc châu, chân đi dép da, cũng có khi lại mặc áo gấm... Người nước ấy mắt sâu mũi cao, tóc quăn da đen, tục đều đi đất, dùng khổ vải quấn người, mùa đông mặc áo kép. Phụ nữ búi tóc chuy kế [...] (Khi có tang) đàn ông đàn bà đều cắt tóc, theo đám ma đến bến nước, đau buồn tới cực rồi thôi, khi trở về thì không khóc nữa⁽²⁾.

Nam sử (thế kỷ VII): Đàn ông đàn bà đều dùng khổ vải Cổ Bối (cũng gọi là Cát Bối).

Lê Quý Đôn dẫn sách Độn trai nhân lâm cho biết:

“Từ Môn Linh trở về phía Nam có nhiều cây gạo.

Người bản thổ đua nhau trồng bông, có đến mấy

nghìn gốc, hoa của nó dùng làm vải, gọi là vải Cát Bối. Lại như các nước Lâm Ấp có cây

1. (Trung) *Nam Tề thư* - Q.58 - Liệt truyện Đệ tam thập cửu - Man - Đông Nam di - Nam di - Lâm Ấp quốc. Nguyên văn: 王服天冠如佛冠, 身被香纓絡[...]女嫁者, 迦藍衣橫幅合縫如井闌, 首戴花寶[...]居喪剪髮, 謂之孝

2. (Trung) *Tùy thư* - Q.82 - Liệt truyện Đệ tứ thập thất - Nam man - Lâm Ấp. Nguyên văn: 王戴金花冠, 形如章甫, 衣朝霞布, 珠璣環珞, 足躡革履, 時復錦袍[...]其人深目高鼻, 髮拳色黑. 俗皆徒跣, 以幅布纏身. 冬月衣袍. 婦人椎髻[...]男女皆截髮, 隨喪至水次, 盡哀而止, 歸則不哭

Cát Bối, hoa cây ấy khi đâm bông như lông ngỗng, rút sợi ra dệt làm vải thì không khác vải gai⁽³⁾. Tiếng Pali: *kappāsa*. Tiếng Kh'mer: *Kupah*) quấn ngang từ eo trở xuống, gọi là Can Mạn, cũng gọi là Đô Mạn; xỏ lỗ tai đeo khuyên nhỏ. Người sang đi dày da, kẻ hèn đi đất. Từ Lâm Ấp, Phù Nam tới các nước phía Nam đều như vậy. Vua nước ấy mặc pháp phục, đeo thêm dải anh lạc, trang sức như tượng Phật [...] Quả phụ ở một mình thì xõa tóc đến già⁽²⁾.

Cựu Đường thư (thế kỷ X): Vua mặc áo Diệp trắng (diệp: vải len mịn; Lê Quý Đôn dẫn sách Thông giám cho biết “người man ở Nhật Nam dệt bông làm vải, trên có chữ nhỏ xen lẫn cỏ hoa, rất khéo léo, gọi là vải Diệp trắng”⁽³⁾), Cổ Bối, quần chéo vai, vòng quanh eo, bên trên đeo thêm hạt trân châu, khóa vàng, làm thành dải anh lạc, tóc quăn, đầu đội (mũ) hoa. Phu nhân mặc áo làm bằng vải Triều hà, váy ngắn làm bằng vải Cổ Bối, đầu đội (mũ) hoa vàng, mình đeo dải anh lạc kết ngọc châu, khóa vàng. Thị vệ của nhà vua có năm ngàn tên lính, thạo dùng nỏ và kích, dùng mây làm giáp, lấy tre làm cung, cưỡi voi chiến đấu [...] Cha mẹ mất, con cạo tóc mà khóc⁽⁴⁾.

Đại Việt sử lược: (Năm 1069) Vua (chỉ vua Lý Thánh Tông) từ Chiêm Thành về [...] ngài ngự trên xe báu, quần thần đều cưỡi ngựa dẫn đường. Vua Chiêm Thành Đệ Cửu (tức Chế Củ, Rudravarman III) đội mũ Ma Cốt (ma: vải gai; cốt: xương; Ma Cốt có lẽ là phiên âm tên gọi của người Chăm), mặc áo may bằng vải Diệp trắng, dùng lụa thắt lưng. Vua lệnh cho năm người thuộc Hưng Võ đô dẫn đi, lại trói bọn đảng thuộc đưa đi cùng.⁽⁵⁾

Chư Phiên chí: Vua Chăm [...] đội mũ vàng, mình đeo anh lạc [...] Người Chăm ưa sạch sẽ, một ngày tắm bốn năm lần, lấy long não, xạ hương bôi lên cơ thể, lại đốt các loại hương xông áo.⁽⁶⁾

1. (Việt) *Văn đài loại ngữ* - Q.5 - *Phẩm vật cứu*. Tr.19. Nguyên văn: 遯齋閑覽云閩嶺以南多木棉, 土人竟植之. 有至千株, 其花為布, 号葛貝巾. 又林邑等國出吉貝木, 其花成時如鵝毛, 抽其緒紡以為布, 与紵不異

2. (Trung) *Nam sử* - Q.78 - Liệt truyện Đệ lục thập bát - Di mạch thượng - Lâm Ấp quốc. Nguyên văn: 男女皆以橫幅古貝繞腰以下, 謂之干漫, 亦曰都漫. 穿耳貫小環. 貴者著革屣, 賤者跣行. 自林邑、扶南以南諸國皆然也. 其王者著法服, 加環珞, 如佛像之飾[...]其寡婦孤居, 散髮至老

3. (Việt) *Văn đài loại ngữ* - Q.5 - *Phẩm vật cứu*. Tr.19. Nguyên văn: 日南蠻織為巾出細字雜花卉, 尤工巧, 即白疊巾

4. (Trung) *Cựu Đường thư* - Q.197 - Liệt truyện Đệ 147 - Tây Nam man - Lâm Ấp. Nguyên văn: 其王所居城, 立木為柵. 王著白氎古貝, 斜絡膊, 繞腰, 上加真珠金鎖, 以為環珞, 卷髮而戴花. 夫人服朝霞古貝以為短裙, 首戴金花, 身飾以金鎖真珠環珞. 王之侍衛, 有兵五千人, 能用弩及矟以藤為甲, 以竹為弓, 乘象而戰[...]父母死, 子則剔髮而哭

5. (Việt) *Đại Việt sử lược*. Nguyên văn: 上御寶車, 羣臣皆騎馬導引, 占城王第矩戴麻骨冠, 著白氎衣, 以綳繫腰, 令興武都五人牽之, 繫其黨屬以從

6. (Trung) *Chư phiên chí - Chiêm Thành quốc*. Nguyên văn: 王出入乘象[...]頭戴金帽, 身披環珞[...]國人好潔, 日三五浴, 以腦麝合香塗體, 又以諸香和焚薰衣

Tổng sử: Người nước Chăm không có tơ tằm, dùng vải Diệp trắng quấn ngực, buông xuống chân, mặc áo hẹp tay, túm tóc thành búi, buông lộn thừa ra sau [...] Vua nước ấy búi tóc tọa kế ở sau đầu (chỉ kiểu búi một lọn tóc ở phía sau, sau đó đẩy lên đỉnh đầu, dùng kẹp cố định lại, tóc thừa buông ra phía sau), khoác áo Cát Bối, đội mũ sức hoa bằng vàng, dùng dải anh lạc tết bằng bảy loại đá quý làm trang sức, vẽ đùi đều lộ cả, đi dép da, không xỏ tất. Phụ nữ cũng búi tóc sau đầu, không cài trâm, trang phục và cách chấp lạy như đàn ông [...] Tổng Hy Ninh năm thứ 9 (tức 1076), vua Chăm 36 tuổi, mặc áo thụng lớn may bằng gấm Đại thực hoặc gấm Xuyên pháp, khoác bảy dải anh lạc bằng vàng, đội mũ vàng sức bảy loại đá quý, đi giày da đỏ. Vua xuất cung liền có năm trăm người theo hầu, mười phụ nữ bưng tráp vàng đựng trầu cau đi trước làm vui.⁽¹⁾

Ức Trai di tập: Người Chiêm lấy khăn che vẽ đùi, để lộ hình thể.⁽²⁾

Doanh nhai thắng lâm tập: Vua Chiêm là người Tỏa Lý (Tỏa Lý vốn là vùng ven biển Coromandel, Ấn Độ. Tuy nhiên ở đây, cách nói người Tỏa Lý phiếm chỉ người Ấn Độ nói chung), chuộng đạo Phật, đội mũ hình tam sơn đỉnh hoa vàng lung linh, phía trên mặc áo vải hoa phiến như dạng lụa thô Miên trùu, phía dưới quấn khăn tơ màu sắc sỡ mấy vòng, đi chân đất cưỡi voi hoặc ngồi xe nhỏ có hai con nghé kéo. Các quan đội mũ lá cỏ (nguyên văn dùng từ “giao chương diệp”. Khang Hy tự điển cho biết: giao là loại cỏ khô, chương là cỏ), cũng giống mũ của vua, trang sức bằng vàng, (phía dưới quần) khăn sặc sỡ [...] (Chiêm Thành) cho phép được mặc màu tía, riêng vua mặc đồ trắng, cấm mặc các màu đen huyền, màu vàng, kẻ nào làm trái thì bị tội chết. Đàn ông tóc rối, đàn bà búi tóc chuy kế ở phía sau, da dẻ đều ngăm đen, phía trên mặc áo ngắn cộc tay, phía dưới cũng quấn vải sặc sỡ, đều là trang phục của đàn bà vậy [...] Họ nhai trầu cau luôn miệng như tục của người Mân, Việt⁽³⁾.

1. (Trung) *Tổng sử* - Q.489 - *Liệt truyện* 248 - *Ngoại quốc ngữ* - *Chiêm Thành*. Nguyên văn: 以白氎布纏其胸，垂至於足，衣衫窄袖。撮髮為髻，散垂餘髻於其後[...]其王腦後髻髻，散披吉貝衣，戴金花冠，七寶裝纓絡為飾，脛股皆露，躡革履，無襪。婦人亦腦後撮髻，無笄梳，其服及拜揖與男子同[...]王年三十六歲，著大食錦或川法錦大衫、七條金環珞，戴七寶裝成金冠，躡紅皮履，出則從者五百人，十婦人執金杵合貯檳榔，導以樂。

2. (Việt) *Ức Trai di tập* - Q.6 - *Dư địa chí*. Tr.31. Nguyên văn: 占人以巾蔽腿而露其形。

3. (Trung) *Ký lục vịnh biên* - Q.63 - *Doanh nhai thắng lâm tập* - *Chiêm Thành*. Nguyên văn: 王乃鎖里人也，尚釋教，頂三山金花玲瓏冠，上衣花番布若棉絨狀，下繫綵絲帔巾數匝，跣足跨象或乘小車駕以二黃犢。其臣頂菱葉冠，亦類王冠，飾以金，綵帔[...]許服紫，唯王白服，禁服玄黃，違者死。男蓬頭，女椎髻于後，肌膚俱黑，上禿袖短衫，下亦繫綵布，皆女裝也。男女俱跣行[...]啖檳榔不絕口如閩越俗。

MỘT SỐ GHI CHÉP VÀ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN TỚI VŨ NHẠC VIỆT NAM THỜI LÝ TRẦN



Một số hình tượng vũ công thời Lý Trần (Chùa Việt Nam, Điêu khắc cổ Việt Nam)

Toàn thư: Tháng 7, năm 1044, vua (Lý Thái Tông) đem quân vào thành Phật Thệ bắt vợ cả, vợ lẽ của Sạ Đẩu và các cung nữ giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên. Năm 1046, (thời Lý Thái Tông) dựng cung riêng cho các cung nữ Chiêm Thành. Tháng 8, năm 1060, (thời Lý Thái Tông) phiên dịch nhạc khúc và điệu đánh trống của Chiêm Thành, sai nhạc công ca hát. Tháng 8, năm 1202, (thời vua Lý Cao Tông) Sai nhạc công chế khúc nhạc gọi là nhạc Chiêm Thành, tiếng trong trẻo, ai oán buồn rầu, người nghe phải chảy nước mắt. Tháng 10, mùa đông, năm 1268, thượng hoàng (Trần Thái Tông) mặc áo bông trắng, Tĩnh Quốc múa điệu múa của người Hồ, thượng hoàng cỡi áo ban cho.

An Nam tức sự: (khoảng 1288-1293) Từng tổ chức yến tiệc tại điện Tập Hiền, trai gái hát trò mỗi bên mười người, đều ngồi xuống đất, có các loại đàn tỳ bà, tấu (thanh trúc nhỏ, có thể là sáo?), đàn tranh, nhất huyền (một dây, có

thể là đàn bầu?). Lời ca hòa với tiếng đàn, khi hát thì ngân “rí ron” trước (có thể là lối hát rí ren?), sau mới hát lời. Dưới điện có các trò diễn xiếc, leo cột, múa rối đầu gậy, lại có kẻ mặc quần gấm cởi trần vừa nhảy nhót vừa hò hét. Đàn bà đi chân đất, móng tay ở mười ngón cái dài cái ngắn [...] Hơn mười người đàn ông đều cởi trần, khoác vai nhún chân, đi thành vòng tròn hát một hồi lâu. Ở mỗi hàng có một người giơ tay thì hơn mười người khác đều giơ tay, khi buông tay cũng thế. Ca khúc thì có các bài Trang Chu mộng điệp, Bạch Lạc thiên mẫu biệt tử, Vi sinh ngọc tiêu, đập ca, hạo ca. Riêng bài Thần thể thời thì thiết nhất, song nghe không thể hiểu được. Khi tấu đại nhạc trên điện trong buổi đại yến thì dàn nhạc được tấu ở sau hành lang, không nhìn thấy nhạc cụ và nhạc công. Mỗi khi chúc rượu thì lớn tiếng hô tấu khúc nhạc nào đó, người dưới hành lang liền ứng tiếng tấu lên. Các khúc nhạc có khúc Giáng hoàng long, Nhập hoàng đô, Yến Dao trì, Nhất giang phong, âm điệu rất cổ, nhưng ngắn gặt⁽¹⁾.



Tượng vũ công thời Lý trên bệ đá chùa Hoa Long, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa (Ảnh: TQĐ).

1. (Trung) *Nguyên thi kỷ sự - An Nam tức sự*. Tr.180. Nguyên văn: 嘗宴于其集賢殿，男優女倡各十人，皆地坐，有琵琶、箏、一絃之屬。其謳與絃索相和，歌則先哩喻而後詞。殿下有踢弄、上竿、杖頭傀儡，又有錦袴裸其上體，跳擲號呶。婦人赤脚，十指爪槎枒起舞[……]男子十餘人，皆裸上體，聯臂頓足，環繞而久歌之。各行一人舉手則十數人皆舉手，垂手亦然。其歌有莊周夢蝶、白樂天母別子、韋生玉簫、踏歌、浩歌等曲。惟歎時世最愴惋，然漫不可曉。大宴殿上大樂則奏于廡下之後，樂器及人皆不見。每酌酒則大呼曰樂奏某曲，廡下諾而奏之。其曲曰降黃龍、曰入皇都、曰宴瑤池、曰一江風，音調亦近古，但短促耳



CHƯƠNG II. TRANG PHỤC THỜI TRẦN



Năm 1225, Trần Thủ Độ ép nhà Lý chuyển giao quyền làm chủ xã tắc sang tay họ Trần thông qua cuộc hôn phối giữa Lý Chiêu Hoàng và Trần Cảnh. Hơn 50 năm sau ở phương Bắc, triều đình nhà Tống bị quân Nguyên Mông tiêu diệt, đế quyền làm chủ Trung Hoa rơi vào tay tộc người được coi là ngoại di. Ngay từ khi thành lập, với dự vọng bành trướng lãnh thổ, đế quốc Nguyên Mông đã lấn le bờ cõi của các nước lân bang, nhiều lần sử dụng thủ đoạn với triều đình Đại Việt. Song điều này chỉ khiến chính sách ngoại giao của nhà Trần đối với nhà Nguyên thêm cứng rắn và nhiều khi tỏ ra bất hợp tác.



Voi chầu kinh sách của vua Trần Nhân Tông.
(Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ. Cục bộ).

Đơn cử việc cống voi, trong khi nhà Lý chủ động cống cho nhà Tống 9 con voi thuần vào năm 1156⁽¹⁾, sau đó cống 5 voi thuần với 5 quần tượng đi theo, rồi 10 voi đực ngà lớn với 10 quần tượng đi theo trong hai đợt cống liên tiếp năm 1173⁽²⁾, thì năm 1269, mặc cho sứ thần Hốt Lung Hải Nha truyền đạt ý của vua Nguyên muốn tìm mấy con voi lớn,

vua Trần Thái Tông vẫn thoái thác nói: *“Loại thú này thân mình rất lớn, đi lại chậm chạp, không bằng ngựa của thượng quốc.”*⁽³⁾ Năm 1270, vua

1. (Trung) *Tổng hội yếu tập cáo* - Phiên di nhất - Giao Chi. Mục ngày 21 tháng 8 năm 26 niên hiệu Thiệu Hưng (1156). Nguyên văn: 交趾國王李天祚遣太平州刺史李國以、右武大夫李義、武翼郎郭應五、進貢[……]綾絹五十匹、馬十、馴象九

2. (Trung) *Tổng hội yếu tập cáo* - Phiên di nhất - Giao Chi. Mục ngày 4 tháng 7 năm thứ 9 niên hiệu Càn Đạo (1173). Nguyên văn: 馴熟大象五頭[……]五人象公; 雄大牙象一十頭[……]十人象公

3. (Trung) *Nguyên sử*. Q.209. *An Nam truyện*. Nguyên văn: 此獸軀體甚大，步行甚遲，不如上國之馬

Nguyên xuống lệnh đòi voi và yêu cầu triều cống hàng năm, vua Trần Thánh Tông gửi thư sang giải thích: “Về lời dụ tìm voi, trước sợ trái ý chỉ, nên loanh quanh chưa dám nói thẳng. Thực ra, duyên do là vì quần tượng không nở xa nhà, khó sai họ khởi hành.”⁽¹⁾ Và phải 7 năm sau, năm 1278, sau khi nhà Tống hoàn toàn bị tiêu diệt, nhà Trần mới lần đầu cống cho nhà Nguyên 2 con voi⁽²⁾.



Quai vồng bằng đồng thời Trần.
(Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

Bắc Nam trở nên ách tắc. Năm 1242, “vua Trần Thái Tông sai tướng sang đánh chiếm biên giới để thông hiếu với nước Tống.”⁽³⁾ Trước nghĩa cử này, năm 1243 vua Tống đã xuống chiếu, đặc biệt gia tặng vua Trần là “Thủ nghĩa công thần” (Công thần giữ nghĩa)⁽⁴⁾. Tiếp đó năm 1257, nhà Nguyên lấy được Vân Nam, nhưng một năm sau, nhà Trần lại tiếp tục sai sứ sang thông hiếu với Tống⁽⁵⁾. Đến khi nhà Nguyên đã chính thức lập quốc vào năm 1271, đặt kinh đô tại Yên Kinh, thì năm 1273, nhà Trần vẫn tiếp tục sai sứ sang Tống biếu tặng phương vật⁽⁶⁾. Thậm chí, đến năm 1276, vua Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt đánh Giang Nam, sai Hợp Tán Nhi Hải Nha sang Đại Việt dụ sáu việc như điều dân, giúp quân để đánh Tống, nhưng vua Trần Thánh Tông đều không nghe⁽⁷⁾. Dù rằng, một trong những lý do của việc thường xuyên thông hiếu là nhằm thăm dò tình hình quân Nguyên và ý tứ chống Nguyên của nhà Tống, song mối quan hệ Việt - Tống đầu nói thế nào, đặt trong bối cảnh đương thời vẫn có thể coi là mối quan hệ hòa hiếu vô tiền lệ. Chính vì bèn duyên từ mối quan hệ tốt

1. (Trung) *Nguyên sử*. Q.209. *An Nam truyện*. Nguyên văn: 來論索象，前恐忤旨，故依違未敢直對。實緣象奴不忍去家，難於差發

2. Phạm Văn Ảnh. *Văn thư ngoại giao thời Trần - Nội dung và Nghệ thuật*. Trong *Thông báo Hán Nôm học* 2009. Tr.99-127.

3. (Việt) *Toàn thư*. Tập 2. Tr.19.

4. (Trung) *Tống sử* - Bản kỷ - Q.46 - *Độ Tông* - Mục tháng 2, năm đầu tiên niên hiệu Hàm Thuần.

5. (Việt) *Toàn thư*. Tập 2. Tr.28-29.

6. (Trung) *Tống sử* - Bản kỷ - Q.46 - *Độ Tông* - Mục tháng 3, năm thứ 9 niên hiệu Hàm Thuần.

7. (Việt) *Toàn thư*. Tập 2. Tr.40.

đẹp này, trong quá trình nước Tống đi đến diệt vong, vô số binh tướng, quan dân người Tống đều lần lượt sang xin quy phụ Đại Việt (điều này lặp lại ở cuối thời Minh)⁽¹⁾. Xuất phát từ tâm lý ghét Nguyên mền Tống, trong việc phát triển văn hóa Đại Việt sau khi kết thúc chiến tranh, vua quan nhà Trần đã vừa kế thừa, phát huy điển chương văn hiến vốn có của nhà Lý, vừa tiếp tục áp dụng một phần quy chế của nhà Tống, kiên quyết bài xích chế độ của nhà Nguyên.

Ý thức được sự bất đồng về văn hóa, phong tục, trong lời dụ vua tôi Đại Việt vào tháng 12 năm 1260, vua Nguyên chấp nhận: “Quan lại dân chúng, phàm áo mũ, điển chương, lễ nghi, phong tục cứ tuân theo chế độ trước kia của nước mình.”⁽²⁾ Tuy nhiên, đầu vua Nguyên nói ngon ngọt, Hưng Đạo Vương vẫn thẳng thừng gọi ông ta là Di tù (tù trưởng di rợ) và tỏ rõ ý chí phản kháng đến cùng trước sự đe dọa của quân Mông Thát; vua Trần Minh Tông, sau khi nghe sứ giả báo tin vua Nguyên Anh Tông lên ngôi, đã viết bài thơ có ý chúc mừng rằng: “Châu Tứ Minh tiếp giáp với biên giới nước Việt, cách nhau chẳng bao xa. Ngôn ngữ không khác nhau nhiều (chỉ ngôn ngữ Hán dùng trong quan phương), nhưng chế độ áo mũ không giống nhau được [...] Đành không phân biệt Hoa Di, (mong rằng) đều cùng nhau bước lên cõi thọ.”⁽³⁾ Thái độ “bài xích” y phục nhà Nguyên còn được Phạm Sư Mạnh thể hiện qua bài thơ xướng họa với sứ thần nhà Minh là Dư Quý: “Triều đình mới (nhà Minh) đã thay đổi hết phong tục của người Hồ (người Nguyên), áo mũ lễ nhạc lại trở về với quy chế nhà Hán.”⁽⁴⁾ Lý Tử Tấn, quan văn thư thời Lê sơ bàn luận: “Từ sau khi người Nguyên vào Trung Quốc,



1. Vua Nguyên Anh Tông; 2. Vua Nguyên Thế Tổ; 3. Hoàng hậu của vua Nguyên Thuận Tông; 4. Hoàng hậu của vua Nguyên Thế Tổ. (Cổ cung).

1. Như năm 1263, quan phủ Tứ Minh nước Tống là Hoành Bình đem 1200 bộ thuộc xin quy phụ (*Toàn thư*. Tập 2. Tr.33); năm 1274, 30 thuyền trở người Tống kéo sang xin quy phụ (*Toàn thư*. Tập 2. Tr.39); năm 1279, khi nhà Tống mất hẳn, nhiều binh sĩ người Tống sang xin quy phụ, được Trần Nhật Duật thu nạp, sau này họ cũng đã có những đóng góp không nhỏ trong việc đánh bại giặc Tà Ta (*Toàn thư*. Tập 2. Tr.55)

2. (Trung) *Nguyên sử* - Q.209 - *An Nam*. Nguyên văn: 官僚士庶，凡衣冠典禮風俗一依本國舊制

3. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 2. Tr.740. Nguyên văn: 四明相接界，只隔馬牛風，言語無多別，衣冠不可同，月生蛟室冷，日落鱸潭空，肯限華夷外，齊登壽域中

4. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 3. Tr.124. Nguyên văn: 新朝一革胡風俗，禮樂衣冠復漢儀



Áo Biện Tuyền (Bảo tàng Nội Mông Trung Quốc). Tượng vũ công thời Nguyễn (Bảo tàng Hà Nam Trung Quốc). Biện Tuyền là kiểu áo giao lĩnh, hẹp tay, chít eo, dài quá gối, thịnh hành vào thời Nguyễn.

Toàn thư. Năm 1300, sau khi cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ 3 kết thúc, vua Trần Anh Tông ra lệnh cho bá quan văn võ không được dùng loại áo có ống tay nhỏ hơn 8 tấc (khoảng dưới 30cm), phải sử dụng loại áo tay thụng, rộng từ 9 tấc đến 1 thước 2 (khoảng từ 36cm đến 48cm).

như vua tôi nhà Tống'. Rồi tặng cho bốn chữ 'Văn hiến chi bang'.⁽¹⁾

Như vậy có thể thấy, chế độ áo mũ Đại Việt dưới thời vua Trần Dụ Tông mang đậm sắc thái của lễ lối Trung Hoa cổ đại mà vua Minh phiếm chỉ chế độ của nhà Chu, nhà Tống. Theo *Toàn thư*, vào những năm Đại Trị (1358-1369), pháp độ, y phục, nhạc chương của triều đình Đại Việt liên tiếp được sửa đổi mà kết quả của những cuộc sửa đổi này khiến “*phép cũ của tổ tông hướng hết theo tục phương Bắc*” (chỉ tục nhà Tống). Nhưng trên thực tế, trước những năm Đại Trị, nhà Trần đã nhiều lần áp dụng Tống chế như năm 1237, phỏng Tống tổ chức lễ diếu Khuất Nguyên và các bậc hiền nhân thời cổ như Giới Tử Thôi vào dịp Tết Đoan Ngọ, hàng năm cứ đến tháng này thì tổ chức (lễ diếu)⁽²⁾; năm 1250 vua Trần Thái Tông lại xuống chiếu cho thiên hạ gọi vua là Quan gia, vốn là cách gọi hoàng đế thịnh hành vào thời Tống⁽³⁾ v.v. Tuy nhiên dấu nói

thiên hạ đổi ra nói tiếng Hồ, mặc áo Hồ cả. Không thay đổi thì chỉ có nước ta cùng họ Chu ở Kim Lăng, họ Triệu ở Kim Sơn mà thôi. Đến khi Thái tổ nhà Minh lên ngôi, sai Dịch Tế Dân sang thông hiếu, vua Dụ Tông sai Doãn Thuấn Thần sang thăm nhà Minh. Vua Minh úy lạo hỏi quốc sử, khen phong tục và y phục vẫn là văn minh Trung Hoa, ban cho bài thơ ngự chế rằng: ‘Đất An Nam có họ Trần, phong tục không theo người Nguyên, áo mũ theo chế độ nhà Chu, lễ nhạc

thế nào, sự ảnh hưởng của văn hóa cung đình nhà Tống tới Đại Việt thời Trần đã suy yếu đi nhiều so với ảnh hưởng vào thời Tiền Lê và thời Lý, khi nhà Tống thịnh trị.

Vào thời Trần, hào khí Đông A trào dâng sôi sục. Lúc này sau những cải cách y phục thời vua Anh Tông, trang phục của triều đình Đại Việt nhìn chung đã có những nét đặc sắc riêng, không còn nhất nhất noi theo quy chế quan phục của nhà Tống như trước kia. Có điều từ thời vua Dụ Tông trở về sau, triều đình bắt đầu có những dấu hiệu rối ren, lục đục. Xét riêng ở phương diện văn hóa, ngay từ những năm Đại Trị, điển chương chế độ của nhà Trần được “*thay đi đổi lại, đã gây ra lắm chuyện phiền nhiễu*”⁽¹⁾. Đặc biệt, trong thời gian này, chế độ nhà Trần đã mô phỏng chế độ của nhà Tống quá mức, khiến vua Nghệ Tông ngay sau khi lên ngôi đã bức bối phủ định sạch trơn ảnh hưởng của Tống chế tới các triều đại trước đây. Ông nói: “*Tiên triều mở nước, tự có pháp độ, không tuân theo chế độ nhà Tống, ý chường Nam Bắc tự làm để nước ấy, không bắt chước nhau. Những năm Đại Trị, bọn học trò mặt trắng hành sự, không hiểu thấu được ý tứ tế nhị của việc lập pháp, bèn đem phép cũ của tổ tông hướng hết theo tục phương Bắc. Những thứ bề trên đặt ra như y phục, nhạc chương không thể kể hết được*”⁽²⁾, đồng thời ra lệnh “*phải trừ bỏ tệ chính, phạm mọi việc đều tuân hết theo điều lệ thời Khai Thái (1324-1329)*”, cũng tức là quy chế thời vua Minh Tông. “*Học trò mặt trắng*” bị chỉ trích ở đây chính là triều thần Lê Bá Quát, Phạm Sư Mạnh, những môn sinh ưu tú của đại Nho thần Chu



Tượng Hưng Đạo Vương (khoảng thế kỷ XVII) thờ tại miếu Tiên Công, xã Liên Hoa, huyện Yên Hưng, Quảng Ninh. (Ảnh: Nguyễn Thị Dung).

Gia dữ Tống đại dịch lý tính định vị: Dĩ Tống Thái tổ triều vi lệ, *Tạp chí Văn Sử Triết*, kỳ 5 - 2006, Tr.75-81.

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 大治年間變而更之，馴致煩擾。今當革除弊政。凡事一遵開泰條例。

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 帝嘗曰“先朝立國，自有法度，不遵宋制。蓋以南北各帝其國，不相襲也。大治間，白面書生用事，不達立法微意，乃舉祖宗舊法恰向北俗，上安排若衣服、樂章之類不可枚舉

1. (Việt) *Ức Trai di tập* - Q.6 - *Dư địa chí*. Tr.30. Nguyên văn: 李氏曰自元人入中國之後，天下變而胡語胡服矣。獨不變者惟我邦與金陵之朱氏、金山之趙氏而已。及明太祖即位，使易濟民來通好，裕宗使尹舜臣聘于明。明帝勞問國使，嘉其服俗依然中華文明，賜御詩曰“安南際有陳，風俗不元人，衣冠周制度，禮樂宋君臣”因賜文獻之邦四字

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 天應正平六年夏五月端午節，吊屈原及古賢人如介子推者，每年是月皆舉行之

3. (Việt) *Toàn thư*. Tập 2. Tr.22. Về cách gọi vua nhà Tống là “Quan gia”, tham khảo Vương Dục Tế, “*Quan*

Văn An mà ngay từ thời vua Minh Tông đã muốn sửa sang chế độ, nhưng phải đợi đến thời vua Dụ Tông mới thực hiện được ý tưởng này.

Kết hợp giữa ghi chép của *Toàn thư*, văn bia Lý Trần và *An Nam chí lược*, có thể nhận định sơ bộ rằng: chế độ áo mũ của nhà Trần kế thừa một phần chế độ y phục của nhà Lý, tiếp tục tham khảo quy chế trang phục của nhà Tống, thực hiện cải cách một số kiểu áo mũ cho vương hầu bá quan và hầu như không chịu ảnh hưởng nào từ chế độ y phục của nhà Nguyên.

I. TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ

Theo ghi nhận của Lê Tắc, vua nhà Trần có tất cả bốn loại mũ, theo thứ tự đề cập lần lượt là mũ Bình Thiên, mũ Quyển Vân, mũ Phù Dung và mũ Đường Cân. Ông cũng đồng thời cho biết, trang phục Cống Miện của vua quan nhà Trần được sử dụng trong các dịp đại lễ, còn Đường Cân là mũ vua đội vào ngày thường khi không phải thiết triều, cũng tức là Tiệp phục.

Quy chế quan phục của nhà Tống quy định, ngoài trang phục mặc khi duyệt binh và mặc vào ngày thường, vua Tống có ba loại mũ chính: Lễ phục mũ Miện, Triều phục mũ Thông Thiên và Thường phục mũ Phốc Đầu⁽¹⁾. Vào thời Tống, mũ Thông Thiên của hoàng đế còn có tên gọi là mũ Quyển Vân. Như vậy, nhiều khả năng mũ Quyển Vân và mũ Phù Dung của vua nhà Trần lần lượt là hai loại mũ được sử dụng phân biệt trong các buổi Đại triều và Thường triều.

1. Triều phục Quyển Vân 卷雲冠

Mũ Quyển Vân là tên gọi khác của mũ Thông Thiên 通天冠. Ngô Tự Mục thời Tống cho biết: “Mũ Thông Thiên của vua Tống đều dùng hạt Bắc châu uốn kết lại, còn gọi là mũ Quyển Vân.” Mạnh Nguyên Lão thời Tống cũng mô tả: “Hoàng đế đội mũ Thông Thiên, còn gọi là mũ Quyển Vân, mặc áo bào đỏ, cầm ngọc khuê.” Chính vì dáng mũ Thông Thiên cao, chóp mũ uốn cong ngả về phía sau, trông như áng mây cuộn lại nên được gọi với cái tên hình tượng là mũ Quyển Vân⁽²⁾.

1. (Trung) *Tống sử* - Chi đệ 104 - *Dư phục tam*. Nguyên văn: 天子之服，一曰大裘冕，二曰袞冕，三曰通天冠，絳紗袍，四曰履袍，五曰衫袍，六曰窄袍，天子祀享、朝會、親耕及親事、燕居之服也。Vua Tống có sáu loại trang phục, bao gồm: áo Đại Cừu mũ Miện; áo Cống mũ Miện; mũ Thông Thiên - Giăng sa bào; Lý bào; Sam bào, Trách bào. Các loại Lý bào, Sam bào, Trách bào đều kết hợp với mũ Phốc Đầu.

2. Dẫn theo *Trung Quốc phục sức đại từ điển*. Tr.45.

Triều phục của hoàng đế theo quy chế của nhà Tống là loại trang phục sử dụng trong các dịp: Tế tự và trai giới, ngày triều hội mừng một Tết Nguyên Đán và mừng một tháng Năm, ngày sách mệnh và khi đích thân cày ruộng Tịch điền. Bộ Triều phục này bao gồm mũ Quyển Vân kết hợp với Giăng sa bào, tức áo bào làm bằng the đỏ, phương tâm khúc lĩnh bằng lụa trắng, đai đôi, tề tất và thường màu đỏ. Bộ trang phục Quyển Vân của vua Đại Việt không được Lê Tắc miêu tả cụ thể, tương tự trường hợp mũ Phù Dung.

2. Thường phục Phù Dung 芙蓉冠

Sách *Thái Bình ngự lãm* thời Tống cho biết: “Chân nhân núi Đồng Bách là Vương Tử Kiếu, tuổi rất trẻ, đoan chính vô cùng, đội mũ Phù Dung, mặc áo đỏ.” *Vở Mẫu Đơn đình* của Thang Hiến Tổ thời Minh có đoạn viết: “Đạo cô già nói rằng: Mũ Phù Dung, tóc ngắn khó cài trâm.”⁽¹⁾ Sách *Tam tài đồ hội* thời Minh chép: “Mũ Phù Dung là loại mũ trơ, xung quanh không có thân riềm bằng vải. Song cũng có hai ba loại, có loại tên Tỳ Lô, Nhất Trản Đẳng. Mũ này được gọi là Phù Dung, bởi hình dạng tương tự (hoa sen).”⁽²⁾



Mũ Quyển Vân – Thông Thiên trong các bức họa thời Tống (Bảo tàng Cổ cung Bắc Kinh).

1. Dẫn theo *Trung Quốc phục sức đại từ điển*. Tr.60.

2. (Trung) *Tam tài đồ hội* - *Y phục* - Q.1. Nguyên văn: 芙蓉帽，秃輩，不巾幘。然亦有二三種，有毘盧、一盞燈之名。此云芙蓉者以其狀之相似也

3. *Đạo giáo phục sức giản giới* (<http://www.qztao.org/taoism-3.html>)



Chân dung Tống Tuyên Tổ (Bảo tàng Cổ cung Đài Bắc); Giăng Sa bào kết hợp với Phương tâm khúc lĩnh, Đai đôi, Tề tất, thường, giày Tịch đen.

Như vậy, mũ Phù Dung, loại mũ thứ ba của vua nhà Trần theo ghi nhận của Lê Tắc, thường được biết đến là một dạng mũ của Đạo giáo. Loại mũ này hiện nay tại Trung Quốc vẫn được các pháp sư chấp sự sử dụng trong các khóa lễ hoặc diễn pháp⁽³⁾.



Áo Xưởng Hạc của đạo sĩ Trung Quốc (taoism.com).



Thái Thượng Lão Quân và Nguyên Thủy Thiên Tôn, hai trong ba vị Tam Thanh của Đạo Giáo, cùng các vị tiên theo hầu đều đội mũ Phù Dung. (Đạo Giáo chúng thần thánh tượng).

Vào thời Trần, Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo đều được triều đình Đại Việt coi trọng, tạo nên cục diện *tam giáo đồng tôn*. Phần lớn các học giả đều nhất trí cho rằng, dưới vương triều Lý - Trần, đạo Phật chiếm ưu thế hơn cả, song trên thực tế, vương triều Trần đã từng rất hâm mộ Đạo giáo⁽¹⁾. Xét riêng cách ăn mặc, qua một số miêu tả của sứ thần nhà Nguyên, ta thấy các vị vua nhà Trần thường xuất hiện với dáng dấp của một vị chân nhân hoặc một vị thần tiên thoát tục. Tỉ như lựa bọc tóc màu trắng của vua Trần Nhân Tông được sứ thần Trần Cương Trung miêu tả “*trông xa như Luân căn của đạo sĩ*”⁽²⁾. Vua Trần Minh Tông mặc áo giao lĩnh màu vàng, đội mũ, thắt dây thao dự yến tiệc được sứ giả nhà Nguyên khen “*thanh thoát tựa như thần tiên, đến khi về nước cứ nói mãi về phong thái thanh tú của vua*”⁽³⁾. Ngoài ra, *Toàn thư* còn cho biết Trần Nhật Duật từng mặc áo Xưởng Hạc, đội mũ như đạo sĩ để làm bùa phép, trấn cho vua Trần Minh Tông khỏi ốm⁽⁴⁾ v.v.

Quay trở lại Thường phục của vua nhà Trần, ngoài Lê Tắc đề cập tới mũ Phù Dung trong *An Nam chí lược*, khoảng năm 1329 thời vua Trần Hiến Tông, Lý Tế Xuyên viết *Việt điện u linh tập* cũng nhắc đến loại mũ này qua câu chuyện về hai Bà Trưng với tiêu đề “*Trung Thánh Vương*”. Ông kể rằng, hai bà sau khi mất hóa thành tiên, một lần vua Lý Anh Tông nằm mơ, thấy “*hai người con gái đội mũ Phù Dung, mặc áo màu lục, thắt đai, cưỡi ngựa sắt, đuổi gió vờn mây bay qua trước mặt*”⁽⁵⁾.

Việc hai Bà Trưng đội mũ Phù Dung hẳn chỉ là sản phẩm tưởng tượng của Lý Tế Xuyên, song đối chiếu với *An Nam chí lược*, chúng tôi nhận thấy trong lời kể của ông ít nhất có một chi tiết sát với thực tế, đó là vào thời Trần mũ Phù Dung là một trong những loại mũ của đế vương. Mặt khác, có thể thấy hình tượng hai Bà Trưng xuất hiện như hai vị tiên nữ,



Mũ Phù Dung (*Tam tài đồ hội*); Mũ Phù Dung bằng ngọc thời Tống (Bảo tàng Nam Kinh).

1. Võ Phương Lan. *Vương triều Trần và Tam giáo*. Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*. Số 4. 2006. Tr.35, 40.
2. (Trung) *Sứ Giao thi tập*. Nguyên văn: 惟國主髻以帛羅包束, 遠望如道家綸巾
3. (Việt) *Toàn thư*. Năm 1314. Nguyên văn: 次日賜宴。帝服黃羅交領衣, 御巾條。使者美之曰: 飄飄若神僊中人。及回國具道帝神采清秀
4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 上皇方幼孺, 在閣有疾, 常命行安鎮符法, 其被髻加冠如道士狀
5. (Việt) *Việt điện u linh tập - Lịch đại nhân quân - Trung Thánh Vương*. Nguyên văn: 二女戴芙蓉冠, 著綠衣束帶, 駕鉄騎, 追風隨雨而過

mà trang phục của hai bà cũng mang dáng dấp của Đạo gia. Các văn bản *Lĩnh Nam chí quái* sau này cũng chép lại nội dung tương tự, song bộ trang phục kết hợp với loại mũ này có đôi chỗ khác biệt. Cụ thể:

- *Việt điện u linh tập*, KH: A.1919 chép: 綠衣束帶 (Áo màu lục, thắt đai).

- *Lĩnh Nam chí quái*, KH: VHv.1473 chép: 綠袍束帶 (Áo bào màu lục, thắt đai).

- *Lĩnh Nam chí quái*, KH: A.33 chép: 綠衣朱帶 (Áo màu lục, đai màu son).

- *Mã Lâm dật sử*, KH: A.1516 chép: 綠衣朱裳 (Áo màu lục, thường màu son).

Tuy nhiên, Lê Tắc lại cho biết vào thời Trần, đối với trang phục của đế vương, “*Thường phục coi màu trắng là cao quý, người trong nước mà mặc màu trắng thì bị coi là tiếm chế, riêng phụ nữ không cấm*”⁽¹⁾. Như vậy, trang phục Thường triều của vua nhà Trần phần nhiều là áo bào màu trắng. Màu trắng cũng là phục sắc ưa chuộng của vua Chiêm Thành.

3. Tiệm phục

Chu Khứ Phi miêu tả vua Lý ngày thường búi tóc cài trâm vàng, mặc áo Sam vàng, thường màu tía. Trần Cương Trung miêu tả vua Trần “*riêng búi tóc của vua bọc lại bằng lụa trắng, trông xa như Luân cân của đạo sĩ*”. Lê Tắc còn cho biết “*Vua ngày thường đội mũ Đường Cân*.”⁽²⁾

Đường Cân vốn là loại mũ vua Đường đội vào ngày thường, được làm bằng the đen, tương tự kiểu dáng mũ Phốc Đầu thời Đường, riêng hai cánh chuồn có cốt làm bằng cật mây, buông ra sau, choãi sang hai bên thành hình chữ Bát 八⁽³⁾. Bức tranh sơn mài thể hiện hình tượng vua Lý Nam Đế đã khắc họa ông đội kiểu mũ này. Tuy nhiên, vì bức tranh là sản phẩm của trí tưởng tượng dân gian thời Hậu Lê, trang phục của



Vua Trần Anh Tông trong Trú Lâm đại sĩ xuất sơn đồ.

quan lại binh lính trong tranh cũng mang những nét đặc trưng của thời Lê Trung Hưng, cho nên kiểu mũ Đường Cân trong bức tranh chỉ mang tính chất tham khảo, không thể được coi là cứ liệu phục dựng kiểu mũ thời Trần. Bên cạnh đó, vào thời Nguyễn, Đường Cân được quy định là mũ Thường phục của hoàng đế và là mũ Triều phục của hoàng thái tử, song kiểu dáng đã hoàn toàn thoát ly khỏi loại mũ cùng tên thời Đường – Tống – Minh. Có điều, đối với loại mũ Đường Cân được vua nhà Trần đội vào ngày thường, chúng tôi cho rằng, đây vẫn là loại mũ Tiệm phục có kiểu dáng tương tự loại mũ Đường Cân thời Đường - Tống, không có sự biến cách lớn như loại mũ cùng tên thời Nguyễn.



Vua Đường Thái Tông (trái) và vua Đường Cao Tông (phải) (Cổ Cung đồ tượng tuyển tủy). Vua Lý Nam Đế (ở giữa) (Tranh sơn mài thế kỷ XVIII, Bảo tàng Thái Bình).

Như trên đã đề cập, *Toàn thư* mô tả trang phục dự tiệc của vua Trần Minh Tông cho biết “*vua mặc áo giao lĩnh màu vàng bằng là, đội mũ, thắt dây thao*”⁽¹⁾. Cũng trong dịp này, sứ thần nhà Nguyên làm bài thơ tán tụng về đẹp của vua Trần Minh Tông, miêu tả ngài “*ung dung trong*

1.(Trung) *An Nam chí lược - Chương phục*. Nguyên văn: 常服貴白, 國人著白者為僭制, 惟婦女不禁
2. (Trung) *An Nam chí lược - Chương phục*. Nguyên văn: 國主平居戴唐巾 Các bản dịch tiếng Việt đều dịch là “ở nhà đội khăn tàu”, cách hiểu và dịch như vậy không chính xác.
3. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.109

1. (Việt) *Toàn thư*. Năm 1314. Nguyên văn: 次日賜宴, 帝服黃羅交領衣, 御巾條. Ở đây cần nói thêm, cụm 御巾條 (ngự cân thao) trong các bản dịch hiện nay, được dịch là “đội mũ có thao”. Kết cấu Cân - Thao là kết cấu đẳng lập, không phải kết cấu chính phụ, cho nên cách hiểu và dịch như vậy không chính xác. Tuy nhiên cách dịch này tiếp tục ảnh hưởng tới bản dịch *Lê triều hội điển* (2009), từ thao (條) nhất loạt được dịch thành *đội mũ dây thao* (Tr.193, 196). Ở đây, “ngự cân thao” nên hiểu là “đội mũ, thắt thao”. Từ “ngự” được dùng để phiếm chỉ việc vua làm. Năm 1437, hoàng đế nhà Lê mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên, nguyên văn *Toàn thư* cũng viết: “Hoàng đế ngự Hoàng bào, Xung Thiên quan.” (皇帝御皇袍衝天冠)



Áo giao lĩnh vàng kết hợp với Đường Cân, thao và Đại đối (Phục dựng. Tranh: TQĐ); Tượng quan hầu triều Trần tại lăng vua Trần Hiến Tông thất dây thao. (Đông Triều, Quảng Ninh. Ảnh: TQĐ); Nho sĩ Triều Tiên thất thao và Đại đối; Nho sĩ thời Minh, thất thao và Đại đối (míngyiguan).

bộ áo mũ với dải ngọc bội cổ và dải thân”⁽¹⁾. Thân cũng tức là đại đối, là dải đai thắt lưng, được làm bằng lụa, hai đầu dài dài buông thông, có thể thấy ở phù điêu Ngô gia thị bi thời Trần. Dây thao được Toàn thư nhắc đến cũng được dùng để thắt lưng, chúng ta còn có thể thấy ở tượng quan hầu thời Trần tại lăng Trần Hiến Tông. Thao là loại phục sức phổ biến ở Trung Quốc và Triều Tiên. Tại Việt Nam, dây thao thắt lưng được sử dụng phổ biến vào thời Lê và còn được sử dụng đến đầu thời Nguyễn.

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Phân tích những ghi chép trong phần *Chương phục* của *An Nam chí lược*, có thể thấy đối tượng và dạng trang phục chính được Lê Tắc mô tả bao gồm: Lễ phục và Thường phục của vua, Lễ phục và Thường phục của vương hầu cùng các quan văn võ, Lễ phục và Thường phục của Tụng quan (còn gọi là Nội quan, tức ngạch quan hầu). Tại phần này, chúng tôi khảo trang phục bá quan nhà Trần tính từ thời điểm năm 1254, sau khi vua Trần Thái Tông định ra quy chế y phục cho bá quan, tới trước thời điểm năm 1396, đánh dấu bằng cải cách y phục thời Trần Thuận Tông. Toàn bộ cải cách y phục năm 1396, chúng tôi sẽ dời sang phần phụ khảo về trang phục nhà Hồ ở phần cuối chương này.

1. Lễ phục

Vào dịp đại lễ, trang phục của bá quan nhà Trần được quy định: “Mũ của tước vương ba bậc, mũ của tước hầu hai bậc, mũ tước minh tự một bậc, tên là *mũ Cung Thần*, phía trên đính hình ong bướm bằng

1. (Trung) *An Nam chí lược* - Q.17 - “Tặng Thế tử Thái Hư Tử”. Nguyên văn: 冠服雍容古佩紳

vàng, to nhỏ dày thưa khác biệt. Thân vương mặc áo bào tía dát vàng, tước hầu và tước minh tự mặc áo bào thêu hình phượng cá, từ Đại liêu ban trở xuống mặc *Cổn Miện* tùy theo cấp bậc. Ban văn đeo thêm Kim Ngự đại. Viên ngoại lang, lang tướng đội mũ Miện có các viên vàng bạc đan xen; từ lệnh thư xá tới hiệu thư lang thượng chế thị cấm đều đội mũ Miện bạc. Mũ Miện dùng trong các dịp đại lễ [...] Nội quan, thượng phẩm đội mũ Dương Đường, đính hình ong bướm bằng vàng, dày thưa khác biệt. Về trang phục, trung phẩm màu sắc áo mũ giảm xuống một chút, hạ phẩm đội mũ Dương Đường không trang sức, áo bào tía, đều chấp tay lạy, không có hốt.”⁽¹⁾

Qua ghi chép trên có thể thấy Lễ phục của bá quan nhà Trần gồm ba loại: trang phục Cung Thần dành cho các tước vương, hầu, minh tự; trang phục Cổn Miện dành cho các quan tước từ đại liêu ban xuống tới hiệu thư lang thượng chế thị cấm; trang phục Dương Đường dành cho các quan trong ngạch Tụng quan (Nội quan).

a. *Cung Thần* 拱宸冠

Theo *An Nam chí lược*, quy chế Lễ phục dành cho vương, hầu, minh tự thời Trần⁽²⁾ được quy định:

Tước trật	Số bậc trên mũ Cung Thần	Loại áo bào
Vương	Ba bậc	Màu tía dát vàng (Tiêu kim tử phục)



Phân Chương Phục (Quyển 14) trong sách *An Nam chí lược*. (Khâm định Từ khó Toàn thư - Văn Uyên các).

1. (Trung) *An Nam chí lược* - *Chương phục*. Tại phần này, những cứ liệu chép trong *An Nam chí lược* được viện dẫn, chúng tôi sẽ không chú kèm nguyên văn, toàn bộ nguyên văn sẽ được chú rõ tại phần phụ lục.
2. Một trong những quy định về tước vương, hầu, minh tự được *Toàn thư* cho biết: Tháng 3 năm 1267, nhà Trần “định ngọc điệp phái chính dòng họ vua của vương hầu, công chúa để phong ẩm, gọi là kim chi ngọc điệp. Cháu 3 đời được phong tước hầu hay quận vương, cháu 4 đời được ban tước minh tự, cháu 5 đời được ban tước thượng phẩm. Tước phong theo Ngũ phục đồ. Nguyên văn: 三月定皇宗王侯、公主正派玉牒封蔭，號金枝玉葉。三世孫得封侯郡王，四世孫賜爵明字，五世孫上品，爵依五服圖

Hầu	Hai bậc	Thêu hình Phượng cá (Phượng ngư tứ phục)
Minh tự	Một bậc	Thêu hình Phượng cá (Phượng ngư tứ phục)

Xét tên gọi mũ Củng Thần, *Toàn thư* chép là 拱辰 với nghĩa *bao bọc, bảo vệ sao Bắc Đẩu*, vốn lấy điển từ *Luận ngữ*, sau được dùng để ví với việc bốn phương quy phụ⁽¹⁾, *An Nam chí lược* chép 拱宸, vốn là tên một trong năm cấm quân thời Đường - Ngũ Đại⁽²⁾. So sánh hai ý nghĩa này, chúng tôi cho rằng tự dạng chép trong *Toàn thư* hợp lý hơn.

Mũ Củng Thần là loại mũ Triều phục dành riêng cho các vị vương công, thái sư, thái bảo của nhà Trần, nhưng trên thực tế đã được đặt định từ thời Lý. *Toàn thư* cho biết “*năm 1206, vua Lý Cao Tông thăng Đàm Dĩ Mông làm Thái bảo, cho phép đội mũ Củng Thần.*” Loại mũ này dựa vào số bậc và số trang sức ong bướm trên mũ để phân biệt chức tước phẩm trật của các vương hầu, chứng tỏ đã chịu sự ảnh hưởng từ quy chế mũ Lương Quan.

Ngoài ra, bia chùa Thiệu Long dựng năm 1226 mô tả Lễ phục của Tiết cấp nhập nội thái tử Đỗ Năng Tế thời Trần cho biết: “*Sức lên mũ cao có vàng trắng côi tròn trịa, khoác lên mệnh phục (tức Lễ phục) có chim phượng xoay tròn rực rỡ.*”⁽³⁾ Hình ảnh chim phượng xoay tròn được nhắc đến trong bia chắc hẳn là hoa văn phượng ổ thêu trên tấm áo Phượng ngư tứ phục của tước hầu, minh tự thời Trần. Và trên mũ Củng Thần,



Mũ Củng Thần ba bậc, hai bậc và một bậc. (Phục dựng. Tranh: TQĐ).

1. *Cổ đại Hán ngữ từ điển*. Tr.475. *Luận ngữ - Vệ chính - Đức nhị*. Nguyên văn: 為政以德，譬如北辰，居其所，而眾星共（拱）之。 Dùng đức để làm chính trị thì ví như sao Bắc Đẩu (tức Bắc Đẩu) được muôn sao ôm bọc.
2. (Trung) *Cựu Ngũ đại sử - Đường thư*. Nguyên văn: 梁有龍驤、神威、拱宸等軍，皆武勇之士也 “Nhà Lương có các quân như Long Nhương, Thần Uy, Củng Thần, đều là binh sĩ vũ dũng vậy”. Dẫn theo Zdic.net (Hán điển).
3. *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*. Tập 2. Tr.10. Nguyên văn: 飾峨冠孤月團圓，披命服鳳旋燦爛

ngoài trang sức ong bướm, có thể còn có một trang sức dạng tròn đính ở trán mũ.

b. Cổn Miện 衰冕

Theo *An Nam chí lược*, các quan “*từ đại liêu ban trở xuống mặc Cổn Miện tùy theo cấp bậc. Ban văn đeo thêm Kim Ngư đại. Viên ngoại lang, lang tướng đội mũ Miện có viền vàng bạc đan xen; lệnh thư xá tới hiệu thư lang thượng chế thị cấm đều đội mũ Miện bạc. Mũ Miện dùng trong các dịp đại lễ.*”



Hoa văn chim phượng cuộn tròn thời Lý khai quật tại Hoàng thành Thăng Long.

Chức tước		Quy chế mũ Miện
Từ đại liêu ban trở xuống mặc Cổn Miện tùy theo cấp bậc. Ban văn đeo thêm Kim Ngư đại.		
Văn	Nội đại liêu ban, đại liêu ban, đại liêu	?
	Thân vương ban	?
	Nội ký ban, ký ban	?
Vô	Nội chư vệ, chư vệ	?
Văn	Nội viên ngoại lang, viên ngoại lang	Mũ Miện có viền vàng bạc đan xen (Kim ngân gián đạo Miện)
Vô	Nội lang tướng, lang tướng	Mũ Miện có viền vàng bạc đan xen (Kim ngân gián đạo Miện)
Văn	Nội lệnh thư xá, lệnh thư xá	Mũ Miện bạc (Ngân Miện)
Vô	Nội thượng ban, thượng ban	Mũ Miện bạc (Ngân Miện)
Vô	Nội thượng chế, thượng chế	Mũ Miện bạc (Ngân Miện)
Vô	Nội cung phụng, cung phụng	Mũ Miện bạc (Ngân Miện)
Vô	Nội thị cấm, thị cấm	Mũ Miện bạc (Ngân Miện)
Văn	Hiệu thư lang quyền miện cung hầu thư xá	Mũ Miện bạc (Ngân Miện)

Dương Đường, họ Nguyễn, húy mỗ, hiệu là Hương Phúc cư sĩ.”⁽¹⁾

Xét về danh xưng, các dị bản *An Nam chí lược* như Lạc bản, Nội bản, Tĩnh bản, Anh bản nhất loạt chép là 楊棠 Dương Thường. Bản Văn Uyên các chép là 楊棠 Dương Đường, khớp với tự dạng trên chuông chùa Diên Thánh Báo Ân thời Trần. Các sách *Toàn thư*, *Loại chí*, *Cương mục* đều nhất loạt chép là 楊棠 Dương Đường (chữ Dương ở đây có bộ Mộc khác với bộ Thủ ở bản Văn Uyên các). Chúng tôi cho rằng cách đọc Dương Đường là chuẩn xác.

Xét về nội hàm của khái niệm Dương Đường, *Toàn thư* ghi rằng, “năm 1401, nhà Hồ quy định tất cả nô lệ phải được ghi dấu lên trán. Nô lệ của các quan trở hình quả cầu lửa, nô lệ của công chúa trở hình Dương Đường.”⁽²⁾ Năm 1499, vua Lê Hiến Tông quy định, “các tước công, hầu, bá, phò mã và quan văn võ tam phẩm trở lên mặc Công phục mũ Phốc Đầu [...] không được dùng trang sức Dương Đường.”⁽³⁾ Như vậy khái niệm Dương Đường từ thời Hồ tới thời Lê đều chỉ một dạng hoa văn trang sức.



Mũ thờ trong đền Sĩ Nhiếp (Bắc Ninh) (Ảnh: TQĐ).

Năm 1661 thời vua Lê Thần Tông, Triều phục của hoàng tử, vương tử được phong tước quốc công được quy định là mũ Dương Đường và áo bào màu tía⁽⁴⁾. Loại mũ này được Phan Huy Chú miêu tả: “Kiểu dáng như mũ Phốc Đầu, duy phía sau cao hơn, hai cánh chuồn nằm vàng.”⁽⁵⁾ Như vậy, mũ Dương Đường



Mảnh đá thời Trần (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: TQĐ).

1. Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 2 - Thời Trần (1226- 1400) Tập thượng. Tr.252. Nguyên văn: 尚輦三火正掌奉御中品戴揚棠姓阮諱某，號向福居士也
2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 皆有題額樣為記。官奴火珠樣[...]公主楊棠樣
3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 公侯伯駙馬文武三品以上公服幘頭[...]不得用楊棠樣飾
4. (Việt) *Lê triều thiện chính điển lệ*. Dẫn theo *Cương mục*. Nguyên văn: 皇子王子封國公朝冠用楊棠、衣紫
5. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 楊棠冠，體樣與幘頭同，惟其後稍高，兩翅鑲金

Đối chiếu quy chế mũ Miện với quan chế nhà Trần (bảng biểu trên), có thể thấy quy chế mũ Miện dành riêng cho các tước từ đại liêu ban xuống tới chư vệ không rõ ràng. Sắp theo thứ bậc, các tước từ đại liêu ban tới chư vệ còn đứng trên viên ngoại lang, trong khi đó viên ngoại lang, lang tướng đội mũ Miện có viền vàng bạc đan xen, lệnh thư xá, hiệu thư lang đội mũ Miện viền bạc thì phải chăng mũ Miện của các quan đại liêu ban, thân vương ban, ký ban, chư vệ là mũ Miện viền vàng?

Mặt khác, *Việt điện u linh bản* bản chép tay A.1919 cho biết người biên tập sách này là *Thủ Đại Tạng kinh Trung phẩm Phụng ngự Lý Tế Xuyên*, đồng thời cho biết người chép sách đương thời là *Môn hạ tỉnh sự Nội lệnh sử thư tự Kim Miện Mật Án*⁽¹⁾. Vào thời Lý Trần, nhiều khi tên áo mũ được viết kèm theo tên chức quan để làm rõ thêm chức phận. Ở đây, Nội lệnh sử là chức quan dành cho người thi đỗ kỳ thi Lại viên với hai nội dung viết chữ và làm tính. Chiếu theo quy chế của *An Nam chí lược*, Mật Án chỉ được đội Ngăn Miện (*Miện bạc*), *Việt điện u linh* chép là Kim Miện (*mũ Miện vàng*) liệu có sự lầm lẫn nào chăng?

Ngoài ra, căn cứ theo nhận xét của Lê Tắc về sự tương đồng giữa Cốt Miện của nhà Trần và Trung Quốc thì chứng tỏ quy định về chất liệu ngọc, số dây lưu dành cho bá quan về đại thể giống như quy chế của Đường - Tống.

c. Dương Đường 楊棠冠

An Nam chí lược cho biết: “Nội quan, thượng phẩm đội mũ Dương Đường, đính hình ong bướm bằng vàng, dày thưa khác biệt. Về trang phục, trung phẩm màu sắc áo mũ giảm xuống một chút, hạ phẩm đội mũ Dương Đường không trang sức, áo bào tía, đều chấp tay lạy, không có hốt.”

Bia chùa Diên Thánh Báo Ân có niên đại năm 1333 ghi nhận: “*Thượng Liễn Tam hỏa Chính chương phụng ngự Trung phẩm đội mũ*



An Nam chí lược, bản Văn Uyên các. Ba chữ Dương Đường quan được đóng trong khung màu đỏ.

1. (Việt) *Việt điện u linh*. Nguyên văn: 守大藏經中品奉御李濟川編集門下省事內令史書字金冕韎按錄

thời Lê Trung Hưng là mũ Triều phục của hoàng tử và vương tử được phong tước quốc công, còn mũ Dương Đường thời Trần là mũ Lễ phục của Nội quan. Qua miêu tả của Lê Tắc, mũ Dương Đường thời Trần được sức hình ong bướm bằng vàng tương tự mũ Củng Thần, cũng có trường hợp mũ Dương Đường để trơn không có trang sức. Còn theo miêu tả của Phan Huy Chú, mũ Dương Đường thời Lê Trung Hưng có kiểu dáng tương tự mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn được nạm vàng và phần hậu sơn nhô cao. Chiếu theo những ghi chép này, rõ ràng trang sức Dương Đường không có mối liên hệ trực tiếp tới loại mũ Dương Đường. Song chúng tôi mạnh dạn đặt giả thiết, trên loại mũ có kiểu dáng tương tự mũ Phốc Đầu với phần hậu sơn nhô cao, hai cánh chuồn nạm vàng, ngoài trang sức ong bướm bằng vàng còn có một dạng hoa văn trang sức cố định mang tên Dương Đường.

2. Thường phục

Buổi đầu thời Trần có hai lần sửa đổi trang phục Thường triều diễn ra vào năm 1254 và năm 1300. Một số loại mũ mào được đặt định vào năm 1300 và 1301, song không được đề cập trong *An Nam chí lược*. Như vậy chế độ Thường phục theo ghi nhận của Lê Tắc là trước năm 1287, tức năm Lê Tắc chạy sang Trung Quốc. Song quy chế Lễ phục và Triều phục theo ghi nhận của Lê Tắc có lẽ vẫn được áp dụng ở các triều đại sau. Bởi như mũ Dương Đường ít nhất đến năm 1333 vẫn được sử dụng làm mũ Triều phục (theo văn bia chùa Diên Thánh Báo Ân với niên đại 1333 thì vị Hương Phúc cư sĩ họ Nguyễn có chức tước là Thượng Liễn Tam hóa Chính chương phụng ngự Trung phẩm đội mũ Dương Đường).

Xét về tổng thể, Thường phục của vương hầu và bá quan văn võ nhà Trần thời kỳ đầu vẫn kế thừa quy chế Thường phục **mũ Phốc Đầu - bào phục** của bá quan nhà Lý. Năm 1300, “*chế ra kiểu áo mũ mới cho quan võ đội, quan văn đội mũ Đinh Tụ màu đen và Tụng quan đội mũ Toàn Hoa màu xanh như quy chế cũ*”⁽¹⁾. Tuy nhiên, sau khi áo mũ Thường triều kiểu mới của quan võ được ban hành ba tháng, tháng Giêng năm 1301, vua lại xuống chiếu lệnh cho các quan văn võ đều thống nhất đội mũ Đinh Tụ. Đến tháng 10 năm 1301, nhà Trần tiếp tục quy định kiểu mũ cho vương, hầu, “*ai tóc dài đội mũ Triều Thiên, ai tóc ngắn đội Bao*

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 冬十月，制武官戴巾衣新樣。文官戴皂丁字巾，從官戴青攢花巾，如舊制

Cân”⁽¹⁾. Mũ Thường phục của Tụng quan trước đây là mũ **Toàn Hoa**, song năm 1374, vua Trần Duệ Tông quy định lại chế độ Tụng quan, ra lệnh cho 800 thị vệ nhân trong ngạch Tụng quan đều đội **mũ Bồn Hoa**⁽²⁾.

a. Triều Thiên, Bao Cân 朝天巾, 包巾

Thời Trần, dân chúng phần nhiều cắt tóc ngắn, hoặc cạo trọc, các quan trong triều có người để tóc dài, có người cắt tóc ngắn, vua là người duy nhất búi tóc bọc lại bằng lụa trắng. Năm 1300, quy chế Thường phục của nhà Trần quy định, “*vuơng hầu tóc dài đội mũ Triều Thiên, tóc ngắn đội Bao Cân*”.

Từ điển Việt - Bồ - La của Alexandre de Rhodes giải thích: “*Mũ Triều Thiên: vuơng miện*”, “*mũ Triều Thiên: mũ của vua*”⁽³⁾. Điều này cho thấy tại Việt Nam vào thời Lê, khái niệm “mũ Triều Thiên” cũng được dùng để chỉ mũ Xung Thiên của hoàng đế, có kiểu dáng mũ Phốc Đầu với hai cánh chuồn hơi cong hướng lên trời. Riêng mũ Triều Thiên của Trung Quốc được định nghĩa “*mũ Phốc Đầu [...] hai cánh chuồn hơi gập lại chĩa lên trên, nên gọi là mũ Triều Thiên* (hướng lên trời).”⁽⁴⁾

Mũ Triều Thiên là dạng mũ hai tầng, phần hậu sơn phía sau là nơi chứa búi tóc, tương tự mũ Phốc Đầu. Từ đó loại suy, mũ Bao Cân áp dụng cho vương hầu tóc ngắn có lẽ là loại mũ chỉ có một tầng, tương tự loại mũ thể hiện trên đầu pho tượng quan triều Trần phát hiện tại lăng



Đầu tượng thời Trần (tóc ngắn) tại lăng vua Trần Hiến Tông (*Mỹ thuật thời Trần*); Mũ Triều Thiên (*Trung Đông cung quan phục*; bích họa thời Tống tại chùa Khai Hóa dẫn theo *Trung Quốc phục trang sử*).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 春正月詔文武全戴丁字巾加紫須間碧。冬十月制王侯巾，長髮戴朝天巾，短髮戴包巾

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 定從官，置近侍祇候六局[...]祇候內八百作侍衛人，屬判首掌者，並戴盆花巾

3. *Từ điển Việt - Bồ - La*. Tr.153, Tr.237

4. (Trung) *Trần sử* - Quyển thượng. Dẫn theo *Trung Quốc phục sức đại từ điển*. Nguyên văn: 幘頭[...]其所垂兩腳稍屈而上，曰朝天巾

vua Trần Hiến Tông. Tuy nhiên, hai loại mũ dành cho vương hầu này có lẽ không chỉ là những chiếc mũ trơn không có trang sức.

b. Phốc Đầu

Khoảng từ năm 1225 đến năm 1301, vào những buổi Thường triều, bá quan văn võ nhà Trần đội mũ Phốc Đầu, mặc bào phục như chế độ quan phục của triều Lý. *An Nam chí lược* mô tả sơ lược kiểu dáng của mũ Củng Thần, Cồn Miện, song không mô tả kiểu dáng mũ Phốc Đầu, chứng tỏ loại mũ này của nhà Trần về cơ bản tương tự như mũ của nhà Lý và nhà Tống, ngoại trừ việc dùng vàng dát lên mũ như *Văn hiến thông khảo* mô tả.

Theo ghi chép của *An Nam chí lược*, dường như bá quan văn võ nhà Trần, ngoại trừ ngạch Tụng quan, đều nhất loạt được mặc áo bào màu tía. Lê Tắc ghi nhận: “Mũ Miện, trong các dịp đại lễ thì sử dụng. Lễ thường chỉ đội mũ Phốc Đầu, áo bào tía, như Cung hầu, Thư xá ông [...] Các chức quan và tá chức đội mũ Phốc Đầu, áo bào tía.” Đây là điều khó hiểu, mâu thuẫn với chính ghi chép của *Toàn thư* về sắc phục thời Trần: “Bấy giờ Bảo Vũ



Thượng thư Trần Đình Bá mặc Triều phục, cầm hốt. (Ảnh: Bùi Trung Sơn).

Hốt: Thích Danh viết: “Hốt, vua có lời bảo ban, mệnh lệnh hoặc bề tôi có lời muốn tâu thì viết lên hốt cho khỏi quên.” Loại chỉ - Lễ nghi chỉ viết: “Xét trong Kinh Lễ có nói: Quan đại phu sắp đến công sở, sử quan đưa cho cái hốt, viết ba chữ Tư Đối Mệnh (Nhớ làm tròn bốn phận để đáp lại mệnh vua). Như thế để khỏi lãng quên và phải kính cẩn. Đó là ý tứ sâu sắc của cổ nhân.” Về sau, hốt chỉ mang tính trang sức, biểu thị cấp bậc.

Vương được ban tước Thượng vị hầu mặc áo đen, Nguyễn Trung Ngạn sơ suất, khi ghi sổ sách thì xếp lầm vào hàng áo tía. Vua thương ông có tài, vả lại cũng do lầm lẫn, không bắt tội.”⁽¹⁾ Cương mục chú thích: “Chế độ phục sắc của nhà Trần coi màu tía là trên hết, việc tước bỏ hay ban cho mặc màu tía đều do Thượng hoàng quy định.”⁽²⁾ Những điều *An Nam chí lược*

ghi chép là điển chương chế độ nhà Trần trước năm 1287, trong thời gian nhà Trần vừa trải qua hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ nhất và thứ hai. Phải chăng trong giai đoạn này, vua Trần Nhân Tông đã áp dụng phương thức tưởng thưởng “Tứ Tử Kim Ngư đại”, đặc ban cho một bộ phận lớn bá quan được mặc áo bào tía, riêng ban văn đeo thêm Kim Ngư đại, như một đặc ân đối với các công thần? Tuy nhiên, cũng không loại trừ khả năng trong quá trình sao chép, do chữ 素 Tố (trắng trơn) có tự dạng gần giống chữ 紫 Tử (màu tía), nên Tố phục (trang phục trơn, không có hoa văn) đã bị chép nhầm thành Tử phục (áo màu tía).

Về các phụ kiện đi kèm theo bộ Công phục như đai, hốt, *An Nam chí lược* cho biết: “Đai hoặc bằng sừng tê, hoặc bằng vàng, tùy theo phẩm trật. Hốt ngà cũng như vậy. Các chức quan và tá chức đội mũ Phốc Đầu, áo bào tía, đai sừng tê, không mang hốt, chấp tay lạy.” Ghi chép cho thấy vào thời Trần, đai của bá quan đều là loại đai đính sừng tê hoặc đai vàng, không dùng loại đai đính đồi mồi như triều Lê - Nguyễn. Hốt ngà thời Trần nhiều khi còn được khắc lên bài minh, như năm 1298 vua Trần Anh Tông ban hốt cho Trần Thời Kiến, khắc bài minh do vua ngự chế: *Thái Sơn trình cao/ Tượng hốt trình liệt/ Linh trãi tiến giác/ Vi hốt nan chiết*⁽¹⁾.

Ngoài ra, sứ thần Trần Cương Trung khi đi sứ Đại Việt còn miêu tả: “Dân đều đi chân đất, thi thoảng có người đi giày da, đến điện liền cởi bỏ. Những khi ra ngoại ô tiếp đón (sứ giả), trăm người mặc áo bào, cầm hốt, đều chỉ đi đất mà thôi.”⁽²⁾ Trước đó năm 1059, vua Lý Thánh Tông quy định bá quan phải đi hia mới được vào triều; còn theo ghi nhận của cha Marini ở Đàng Ngoài từ năm 1646 - 1658, tất cả các quan, kể cả hoàng tử, hễ vào cung chầu vua đều phải đi chân đất, nếu đi giày dép sẽ bị coi là có tội, chỉ có vua mới đi hài⁽³⁾. Chứng tỏ, vào thời Lý trước năm 1059 và từ thời Trần trở về sau đến hết thời Lê, khi vào chầu, các quan đều đi chân trần.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 以陳時見為入內行遣右諫議大夫，賜之笏，有御製銘曰：泰山貞高，象笏貞烈，靈多鷹角，為笏難折。 Nghĩa là: *Thái Sơn vững cao/ Hốt ngà cứng chắc/ Linh trãi dâng sừng/ Làm hốt khó gãy*.

2. (Trung) *Nguyên thi kỷ sự* - Q.9 - *Sứ Giao thi tập*. Tr.178. Nguyên văn: 郊迎之際袍笏百人皆跣而已。 *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn cũng chép nội dung tương tự, duy chép sai chữ Tiền (đi đất) thành chữ Quy (quỳ), nên bản dịch của Phạm Trọng Diễm (Tr.69) dịch là “Dân đều đi chân không, gián hoặc có người đi giày da, khi đến cung điện thì trút giày ra. Trong lúc đón tiếp ở ngoài đô ấp, hàng trăm người mặc áo bào, cầm hốt, đều quỳ.”

3. Dẫn theo *Những lời khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam*. Tr. 61 -62.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 時保武王賜皂衣上位侯阮忠彥疎略銓注反在紫衣之列。帝憐其才且以事出過誤

2. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 陳制服色以紫為上，其除授多出於上皇。

c. Đinh Tự 丁字巾

Xét về danh xưng, Đinh Tự nghĩa là “chữ Đinh”. *Toàn thư, Cương mục* chép là “Đinh Tự cân”; *Nhật dụng thường đàm* chép “Đinh Tự mạo”; *Hoàng Lê nhất thống chí, Loại chí, Vũ trung tùy bút* xuất hiện cả hai trường hợp Đinh Tự cân và Đinh Tự mạo. Như vậy, có thể thấy khái niệm “cân” và “mạo” không phân biệt, như chính *Nhật dụng thường đàm* giải thích, “Cân là khăn lại cũng là mũ.”⁽¹⁾ Bên cạnh đó, *Loại chí* chú thích: “Đinh Tự cân, tục gọi là mũ Nhục 肉帽.”⁽²⁾ *Nhật dụng thường đàm* cũng ghi nhận: “Đinh Tự cân là mũ Nhục 辱”⁽³⁾, chứng tỏ mũ Đinh Tự còn có tên nôm, gọi là mũ Nhục.



Tranh sơn mài vua Lý Nam Đế và hoàng hậu, thế kỷ XVIII (Cục bộ, Bảo tàng Thái Bình). Tiểu lại, quân lính đội mũ Đinh Tự làm từ chất liệu da la (gai); *Võ quan vinh quy đở*, thế kỷ XVIII (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam). (Ảnh: TQĐ).

Vào thời Trần, mũ Đinh Tự được sử dụng làm mũ Thường triều của bá quan văn võ. Đến cuối thời Lê Trung Hưng, Ngô Thì Sĩ nhận xét: “Kiểu mũ chữ Đinh đến nay vẫn còn... nha lại, quân lính đều đội, bấy giờ (tức thời Trần) là mũ thông dụng cho bá quan văn võ, không đủ tôn nghiêm để khiến người ta chiêm ngưỡng.”⁽⁴⁾ *Từ điển Việt - Bồ - La* của



Tượng quan hầu tại đền Sĩ Nhiếp, Bắc Ninh. (Ảnh: TQĐ).

1. (Việt) *Nhật dụng thường đàm*. Tr.62.

2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 丁字巾俗云肉帽 Một số dị bản chép chữ Nhục theo lối dị thể, trông tựa chữ Minh, nên bản dịch của Nxb. KHXH mới dịch “tục gọi là mũ nhà Minh”. Cách đọc và hiểu như vậy không chính xác.

3. (Việt) *Nhật dụng thường đàm*. Tr.63. Nguyên văn: 丁字巾羅某辱

4. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 丁字巾樣, 至今尚存[...]胥

Alexandre de Rhodes chú thích: “Mũ nhục: mũ thường của lính.” Mục từ “nhục” lại chú thích: “Thứ mũ thông thường lính quen dùng khi phải vào chốn cung đình.”⁽¹⁾ Phạm Đình Hổ cho biết: “Mũ Đinh Tự phân làm ba loại [...] Loại thứ ba thân tròn may bó, làm bằng vải Thanh Cát, là mũ thông dụng của sĩ thứ, nha lại và binh lính”⁽²⁾. Như vậy, đối tượng sử dụng mũ Đinh Tự vào thời Lê Trung Hưng phần lớn là binh lính, nha lại, cũng có khi có cả dân thường.

Xét về hình dạng của mũ Đinh Tự, *Cương mục* bình luận: “Mũ Đinh Tự, kiểu dáng rất thô bỉ, vì hình dạng như chữ Đinh nên đặt tên như vậy.

Cuối thời Lê vẫn có nhiều người đội.”⁽³⁾ Ngô Thì Sĩ có chung quan điểm với các tác giả sách *Cương mục*, ông nhận xét: “Kiểu mũ Đinh Tự [...] kiểu dáng rất ti tiện.”⁽⁴⁾ Theo quan điểm của Phạm Đình Hổ: “Đinh Tiên Hoàng thoát chế ra mũ Tứ Phương Bình Đỉnh, kiểu dáng mũ vương, đỉnh bằng, làm bằng da, ấy là quân trang. Đời sau [...] lại biến dáng vương thành dáng tròn, bề dáng thẳng thành dáng cong, làm mũ thông dụng khi châu hầu, gọi là mũ Đinh Tự”⁽⁵⁾ Ông đồng thời cho biết, mũ Đinh Tự được phân làm ba loại, trong đó loại mũ thứ ba “thân tròn may bó, làm bằng vải Thanh Cát”⁽⁶⁾. Chúng tôi cho rằng loại mũ có dáng cong tròn này chính là loại mũ của các quan nhà Trần trong miêu tả của sứ



Tráng sĩ trong lễ hội Đền Đô đội mũ Đinh Tự có dải đai màu đỏ đính ở gáy mũ; tráng sĩ trong hội Giồng đền Phù Đổng đội mũ Đinh Tự có dải đai màu vàng đính ở gáy mũ.

吏軍人同頂, 是時通用為文武巾, 非所以肅觀瞻

1. *Từ điển Việt - Bồ - La*. Tr.153, Tr.170.

2. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 丁字帽分而為三[...] 體圓縮縫, 製用青吉布者, 為士庶吏軍通用

3. (Việt) *Cương mục*. Mục tháng Giêng năm 1301 thời vua Trần Anh Tông. Nguyên văn: 丁字巾, 制甚鄙, 以狀如丁字, 故名. 黎末猶多用者

4. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 丁字巾樣[...] 制甚卑賤.

5. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 丁先皇始製四方平定巾, 其制方而平定頂, 以皮為之, 蓋軍裝也. 後世[...] 又頑方為圓、折直為曲, 為朝侍通用之冠, 曰丁字帽

6. Cách phân chia của Phạm Đình Hổ không hoàn toàn chính xác. Tại phần khảo về trang phục thời Lê Trung Hưng, chúng tôi sẽ làm rõ sự nhầm lẫn của ông.

thần Trần Cương Trung năm 1293: “Sắc mũ màu xanh sẫm, làm bằng lụa quét sơn, quây quanh trán bằng một sợi sắt, phần trước cao một thước, uốn cong ra sau chạm tới gáy, dùng dải đai thắt ngược lại ra sau, chóp mũ có móc sắt, người có chức quyền gia thêm dải vải vào móc.”⁽¹⁾ Riêng dải vải đính vào mũ, *Toàn thư* cho biết năm 1301, mũ Đinh Tỵ dành cho bá quan văn võ đều nhất loạt được gắn dải tua màu tía pha biếc, tên chữ là *Tử tu gián bích*⁽²⁾. Dải vải này, theo Lê Tắc, được gắn vào đai ngang sau mũ Thường phục của Nội quan nhà Trần “loại mũ thượng phẩm đội khi Thường triều dùng vải nhung màu tía pha biếc làm thành sáu tua, đính vào đai ngang sau mũ”. Có khả năng trong quá trình sao chép, *Sứ Giao thi tập* của Trần Cương Trung đã chép nhầm một số chữ do hình thể văn tự gần giống nhau, cụ thể chữ 頂 Hạng (*gáy*) đã bị chép nhầm thành chữ 頂 Đỉnh (*chóp*), câu

“chóp mũ có móc sắt, người có chức quyền gia thêm dải vải vào móc” nên được cải chính thành “gáy mũ có móc sắt”. Ngoài ra, *Toàn thư* cho biết, năm 1300, “chế ra kiểu áo mũ mới cho quan võ đội, quan văn đội mũ Đinh Tỵ màu đen và Tụng quan đội mũ Toàn Hoa màu xanh như quy chế cũ”, chứng tỏ quy chế mũ Đinh Tỵ đã được đặt định vào trước năm 1300, cho nên năm 1293, Trần Cương Trung sang Đại Việt mới thấy được loại mũ này.

Kết hợp sử liệu với các tư liệu tranh tượng thời Lê Trung Hưng, có thể thấy tuyệt đại đa số hình tượng binh lính, quan võ cấp



Chữ Đinh 丁 nằm ngang;
Tráng sĩ Đền Đô, Bắc Ninh.



Tượng chùa Dâu, xõa tóc, đội mũ Đinh Tỵ. (Ảnh: TQĐ).

1. (Trung) *Nguyên thi ký sự* - Q.9 - *Sứ Giao thi tập*. Tr.178. Nguyên văn: 斜鉤青繒帽[……]巾色深青，髹繒為之，貫額以鐵線，前高二尺而屈之及頸，以帶束反結其後，頂有鐵鉤，有職掌則加帶于鉤

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 辛丑九年春正月，詔文武全戴丁字巾加紫須間碧

thấp cho đến dân thường triều Lê đều đội loại mũ có dáng cong tròn, vươn ra sau gáy. Ở một số pho tượng như tượng quan hầu tại đền Sĩ Nhiếp (Bắc Ninh) còn xuất hiện dải vải đính ở gáy mũ, buông ra sau lưng. Chúng tôi cho rằng, mũ Đinh Tỵ nguyên thủy là loại mũ phỏng theo hình dạng chữ Đinh, nét ngang của chữ Đinh tượng hình trán mũ, nét sổ móc tượng hình thân mũ cong tròn hướng ra phía sau. Chính hình dạng “kỳ dị” này đã khiến loại mũ Đinh Tỵ bị nho thần triều Lê Trung Hưng và triều Nguyễn chê là “thô bỉ” và “tì tiện”.

d. Toàn Hoa, Bồn Hoa 攢花巾, 盆花巾

Theo *An Nam chí lược*, ngạch Tụng quan trong quan chế nhà Trần bao gồm “Nhập nội Phán thủ hầu cai quản ngạch quan Cận thị, thượng phẩm hầu, thượng phẩm minh tự, thượng phẩm đại liêu ban, thượng phẩm phụng ngự, trung phẩm phụng ngự, hạ phẩm phụng ngự, thị vệ nhân hóa đầu

(*Toàn thư*: hỏa đầu), thị vệ nhân dũng giả, thị vệ nhân, phân quyền quan, thái sư thái úy vệ đô quan, vương hầu nha hành khiển quyết vệ nội thị, vương hầu nha quản giáp.”

Toàn thư đồng thời cho biết: tháng 10 năm 1374, nhà Trần định lại ngạch Tụng quan, đặt sáu cục Cận thị Chi hậu, lấy vương hầu làm chánh chủồng, 800 người làm “Thị vệ nhân” trong Chi hậu, do phán thủ cai quản, đều đội mũ Bồn Hoa⁽¹⁾. Thông tin trên cho thấy Tụng quan được cấu thành bởi các Chi hậu nhỏ, gồm chung ngạch Cận thị quan và Nội quan. Đứng đầu ngạch là chánh chủồng, đứng đầu Chi hậu là phán thủ, phân thượng, trung, hạ ba phẩm, cai quản thuộc quan như thái giám, thị vệ, thị nữ v.v.

Quy định quan phục năm 1300 cho biết toàn bộ ngạch Tụng quan đều đội mũ Toàn Hoa màu xanh như quy chế trước đây. Trong đó, mũ



Tụng quan thời Trần trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ*.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 冬十月，定從官，置近侍祇候六局，以土侯宗室為正掌，祇候內八百作侍衛人，屬判首掌者並戴盆花巾



Cân hoàn. Cân hoàn thời Nam Tống khai quật tại huyện An Nghĩa, Giang Tây, Trung Quốc (Tập chí *Thu tàng gia*); Hóa Lang đồ thời Bắc Tống (Bảo tàng Cố cung Đài Bắc).

Toàn Hoa được mô tả “có hai kim hoàn đính ở hai bên”⁽¹⁾. Mũ Thường triều của Nội quan trước năm 1287 được Lê Tắc ghi nhận: “Loại mũ thượng phẩm đội khi Thường triều dùng vải nhung màu tía pha biếc làm thành sáu tua, đính vào đai ngang ở sau mũ, tỏ ý cao quý vậy; trung phẩm dùng tua tía; hạ phẩm dùng tua đen; hoàn làm bằng vàng thượng phẩm và đôi mỗi là khác biệt.” Hai ghi chép trên cùng đề cập đến một loại trang sức hình vòng khuyên được đính ở hai bên mũ. Loại khuyên này vốn có tên là Cân hoàn. Việc dùng Cân hoàn đính mũ thịnh hành vào thời Tống, từ thời Tống trở về trước không có kiểu trang sức này. Cân hoàn của nhà Tống chủ yếu được làm từ vàng, bạc, ngọc và sắt nạm sợi bạc⁽²⁾. Cân hoàn của nhà Trần được miêu tả là làm bằng vàng thượng đẳng và đôi mỗi là khác biệt so với Trung Quốc.

Đối với kiểu dáng mũ Toàn Hoa của Tụng quan thời Trần, chúng ta không biết gì hơn ngoài mô tả của *Toàn thư* về loại trang sức Cân hoàn đính hai bên mũ. Lê Tắc miêu tả mũ Thường triều của Nội quan, cũng chỉ đề cập đến Cân hoàn và dải nhung sáu tua. Qua bức tranh *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ* có niên đại tương đương với thời Trần, có thể thấy các quan tùy tòng, thị vệ và thái giám đi nghênh đón Phật hoàng Trần Nhân Tông hầu hết đội chung một dạng mũ. Dạng mũ này có trán mũ tựa một nửa hình lục lăng, hai cánh mũ vuông ngắn, có cánh cuộn tròn về phía sau, có cánh cuộn về phía trước, có cánh duỗi thẳng, hai bên thái dương đa số đính Cân hoàn. Bên cạnh đó, một bộ phận thị vệ còn đội một loại mũ (khăn) mà ở giữa hai cánh mũ nằm ngang còn được đính một phụ kiện có sáu khía, khớp với mô tả của *An Nam chí lược*. Cần lưu ý rằng, mũ Thường phục Toàn Hoa được áp dụng cho toàn bộ ngạch Tụng quan

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 從官戴青攢花巾，如舊制[……]青攢花巾有两金環貼在两邊
2. Dương Chi Thủy, Hồ Đan. *Khảo về đồ vàng bạc thời Tống Nguyên ở Bảo tàng tỉnh Giang Tây*, Tập chí *Thu tàng gia*, kỳ 8, 2009.

từ trước năm 1301, từ năm 1396 đến hết thời Hồ, lại được áp dụng cho các quan văn võ Tông Thất phẩm. Do các chi tiết thể hiện trong bức tranh có nhiều điểm trùng khớp với thực tế Việt Nam thời Trần, chúng tôi cho rằng, các dạng áo mũ thể hiện trong tranh một phần nào đó được tả thực.

Tuy nhiên, liên hệ mũ Thường phục Toàn Hoa, Bồn Hoa với mũ Triều phục Dương Đường của Tụng quan, có thể thấy các tên Toàn Hoa, Bồn Hoa (*Toàn*: tụ tập, hợp lại; *Bồn*: chậu), Dương Đường đều có cùng một trường nghĩa. Xét theo danh xưng, mũ Toàn Hoa, Bồn Hoa hẳn phải được đính nhiều trang sức hoa lá, song chúng ta không thấy các trang sức này trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ*. Chúng tôi đặt ra hai khả năng: một là, loại mũ thể hiện trong tranh là mũ Toàn Hoa, song họa sĩ không đặc tả các chi tiết trang sức cụ thể trên mũ, chỉ bắt lấy đặc điểm nổi bật, hoặc cũng có thể danh xưng của mũ không có mối liên hệ trực tiếp tới trang sức mũ; hai là, loại mũ thể hiện trong tranh không phải mũ Toàn Hoa, song vẫn là loại mũ Thường phục (chưa rõ tên) của ngạch Tụng quan thời Trần.



Mũ của Tụng quan nhà Trần (mặt trước và mặt sau) thể hiện trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ*.

Trúc Lâm Đại Sĩ xuất son đồ là họa phẩm được vẽ vào cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, miêu tả sự kiện Phật hoàng Trần Nhân Tông tu hành đắc đạo, rời khỏi động Vũ Lâm trở về, vua Trần Anh Tông cùng đoàn Tụng quan nhà Trần tới nghênh đón. Trong tranh có tổng cộng 82 nhân vật, có đủ tăng sĩ, đạo sĩ và nho sĩ thể hiện rõ tư tưởng Tam giáo đồng tôn thời Trần, đồng thời toát lên một cảm hứng tự hào, sùng kính. Từ các vật dụng hết sức quen thuộc với người Việt như chiếc vông, hộp đựng trầu, ống nhổ v.v. cho tới hình tượng voi chở kinh, tập tục cắt tóc ngắn, đi đất của người thời Trần đều hết sức sống động, chân thực.

Muộn nhất vào năm 1420, họa phẩm này đã trở thành vật sở hữu của Trần Quang Chỉ, một vị thổ quan Việt Nam thời thuộc Minh. Tự hào xen lẫn cảm khái, Trần Quang Chỉ viết lời bạt ghép vào sau tranh, kể về hành trạng của vua Trần Nhân Tông cùng niềm hoan hỷ khi được xem bức họa. Sau đó ông tiếp tục mang tranh tới xin lời ký, lời bạt của Hàn lâm Thị giảng Dư Đỉnh, Hàn lâm Thị

Học sĩ Tăng Khải, hai vị quan văn ở Hàn lâm viện, được vua Minh coi trọng đương thời⁽¹⁾. Ngoài ra, dòng chữ triện *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ* được viết bởi Hàn lâm viện Trung thư xá nhân Trần Đăng.

Về lai lịch của Trần Quang Chỉ, người viết lời bạt tự xưng là người học đạo Phật ở sông Lô, Hàn lâm thị giảng Dư Đỉnh trong bài ký viết kèm sau bức *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ* đã gọi ông là người học Phật Giao Chỉ Trần Quang Chỉ. *Minh Thực lục* cho biết vào ngày Mậu Dần tháng 11 năm 1407, “sáu mươi bảy người Giao Chỉ bản thổ là Trần Trữ, Trần Quang Chỉ, Trần Sầm đến cống đồ vàng bạc và phương vật, ban cho tiền bạc và quần áo.”⁽²⁾Như vậy, có thể bước đầu xác định, Trần Quang Chỉ là người Việt hâm mộ đạo Phật, làm quan tại Việt Nam vào thời thuộc

1. (Trung) *Minh thực lục* - Thái Tông thực lục - Q.268. Mục ngày Nhâm Tý tháng 2 năm Vĩnh Lạc thứ 22. Nguyên văn: 禮部會試天下舉人, 奏請考試官, 命翰林院侍讀學士曾榮、侍講余鼎考試, 賜宴於禮部

2. (Trung) *Minh thực lục* - Thái Tông thực lục - Q.73. Mục ngày Mậu Dần tháng 11 năm Vĩnh Lạc thứ 5. Nguyên văn: 戊寅交趾土人陳紘、陳光祉、陳滂等六十七人來朝貢金銀器及方物, 賜之鈔幣、襲衣

Minh. Nơi ở hoặc quê quán của ông gắn liền với dòng sông Lô, Việt Nam. Ngoài ra, dựa vào những lời bạt đính kèm bên trái bức *Trúc lâm đại sĩ xuất son đồ*, ta biết rằng năm Vĩnh Lạc thứ 18 (năm 1420), Trần Quang Chỉ đã sở hữu họa phẩm này. Ông hoan hỷ viết lời bạt: “[...] *Sự tích của đại sĩ đã có Truyền đăng lục ghi chép đầy đủ, người Giao Chỉ vẫn có thể kể lại được. Ta nhân thấy bức vẽ này, dám thuật lại đôi lời đại khái chép vào bên trái, ngõ hầu dâng các bậc tuệ nhân quan chiêm, khiến công hạnh của đại sĩ không mai một vậy.*”⁽¹⁾ Dư Đỉnh cho biết “*Người học Phật Giao Chỉ Trần Quang Chỉ cầm bức Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ đến cho ta xem để viết lời ký [...] người Nam Giao vẽ lại sự việc nhất thời, hoan hỷ truyền xem, hẳn đạo hạnh của đại sĩ đã được xưng tụng ở Nam Giao từ lâu rồi*”⁽²⁾. Tăng Khải

1. Lời bạt trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ*. Nguyên văn: 大士事蹟已有傳燈錄備載, 交趾之人尚能傳述。予因見是圖, 敢述一二大槩書于其左, 庶具眼者觀之, 使大士之功行不泯也
2. Lời bạt trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ*. Nguyên văn: 交趾學佛者陳光祉氏持竹林大士出山圖徵予為記[...]南交之人圖繪其一時之事, 樂為傳觀, 蓋大士之禪行為南交所稱述久矣

cũng cho biết: “*Người học Phật sông Lô Trần Quang Chỉ đã cầm bức vẽ này đến gặp ta để xin vài lời.*”⁽³⁾ Chứng tỏ đương thời, Trần Quang Chỉ đã hết sức trân trọng, và từng nhọc lòng cho việc quảng bá bức tranh.

Về lai lịch của Trần Đăng (1362 - 1428), người viết bảy chữ triện *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ* ở đầu bức họa, Dương Sĩ Kỳ (1364 - 1444) thời Minh chép lại mộ chí của Trần Đăng cho biết, Trần Đăng là người Trường Lạc, Phúc Kiến, tổ tiên là người huyện Cổ Thủy - Quang Châu (Hà Nam), giỏi thư pháp, đặc biệt là thể chữ Triện, được tuyển vào Hàn lâm viện làm Trung thư xá nhân vào năm Vĩnh Lạc thứ 2 (năm 1404). *Các biển ngạch chữ lớn của triều đình đều do ông viết, người tú xú đến xin chữ ông không ngày nào không có, nhưng ông chưa từng có vẻ chán nản*⁽⁴⁾. Có thể chính Trần Quang Chỉ đã nhờ Trần Đăng đề

3. Lời bạt trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ*. Nguyên văn: 瀘江學佛者陳光祉嘗以此圖謁予請言
4. (Trung) *Đông lý văn tập* - Q.19 - Trần Tư Hiếu mộ chí minh. Nguyên văn: 大題扁率出其手而四方求者無虛日, 未嘗有厭倦意

chữ vào năm 1420, cùng dịp nhờ
Dư Đỉnh và Tăng Khải, những vị
quan văn hay chữ tốt trong viện
Hàn lâm thời Vĩnh Lạc.

**Về tác giả của Trúc Lâm đại
sĩ xuất sơn đồ**, dòng lạc khoản cuối
bức tranh cho biết, đây là họa phẩm
do họa sĩ Trần Giám Như vẽ vào
mùa xuân năm Chí Chính thứ 23,
tức năm 1363. Cho đến nay, lai lịch
của họa sĩ Trần Giám Như thường
chỉ được biết đến qua dòng ghi
chép ngắn gọn của Hạ Văn Ngạn
(khoảng 1312 - 1370): “*Trần Giám
Như sống ở Hàng Châu, tinh thông
vẽ truyền thần, là cao thủ số một
của quốc triều (nhà Nguyên). Con ông
là Chi Diên có thể kế nghiệp ông.*”⁽¹⁾
Qua khảo sát một số tư liệu niên
đại cuối Nguyên đầu Minh đề cập
tới Trần Giám Như, chúng tôi nhận
định Trần Giám Như là người huyện
Nhân Hòa, sống ở Tiền Đường, cả
hai huyện đều thuộc Hàng Châu,
Trung Quốc. Ông từng thọ giáo
Triệu Mạnh Phủ và trở thành bậc
danh họa, giỏi vẽ tranh truyền thần

ngay từ năm 1319. Có thể điểm qua
một số ghi chép như sau:

-Dương Vũ (1285 - 1361,
người Hàng Châu) cho biết: “*Tôi
hồi nhỏ ngồi hầu ở chiếu nhà học sĩ
Triệu Tử Ngang (tức Triệu Mạnh Phủ),
gặp lúc Trần Giám Như vẽ tranh
truyền thần mang bản phác thảo
chân dung ông Triệu đến dâng lên.
Ông Triệu cầm bút sửa cho ông ấy,
đồng thời nói nguyên do những
chỗ chưa được.*”⁽²⁾

-Lý Tề Hiền (1287 - 1367) quan
Cao Ly cho biết: “*Năm Kỷ Mùi niên
hiệu Diên Hựu (1319), tôi đi theo
Trung Tuyên vương xuống Bảo Đà
Quật ở Giang Nam, vương cho gọi
Trần Giám Như ở Hàng Châu, bảo
vẽ chân dung xấu xí của tôi.*”⁽³⁾

-Hứa Hữu Nhậm (1286 - 1364)
cho biết: “*Người vẽ chân dung xưng
là cha con Trần Giám Như ở Tiền
Đường đã đạt đến chỗ tinh diệu. Tôi
không quen biết Giám Như, chỉ biết*

người con Chi Diên.”⁽¹⁾

-Đào Tông Nghi (1329 - 1410)
cho biết: “*Tiền Đường Trần Giám
Như được suy tôn một thời bởi tài
vẽ truyền thần.*”⁽²⁾

-Diên Nhữ Thành (1503 -
1557 người Tiền Đường, Hàng
Châu) cho biết: “*Trần Giám Như,
người huyện Nhân Hòa (Hàng
Châu), tinh thông việc vẽ truyền
thần, đến nay con cháu ông vẫn
còn kế thừa gia học.*”⁽³⁾ v.v.

Tuy nhiên, theo giám định của
Bảo tàng Liêu Ninh Trung Quốc, tác
giả của Trúc lâm đại sĩ xuất sơn đồ
không phải Trần Giám Như. Liêu
Ninh tỉnh bác vật quán tàng – Thư
họa trước lục – Hội họa quyển do
Nxb. Mỹ thuật Liêu Ninh xuất bản
năm 1999 nhận định: “*Sách Bí điện
chu lâm thời Thanh nhận định Trúc
Lâm đại sĩ xuất sơn đồ là do Trần
Giám Như vẽ, thực ra đã lầm. Bởi vết
tích cắt xén ở phần cuối tranh vẫn*

*có thể thấy rõ, vả lại dòng lạc khoản
'Chí Chính chấp tam niên xuân
Trần Giám Như tả' sau này mới
điền vào cũng hết sức rõ rệt. Theo
Quyển 5 sách Đồ hội bảo giám của
Hạ Văn Ngạn thời Nguyên cho biết
'Trần Giám Như sống ở Hàng Châu,
tinh thông vẽ truyền thần, là cao thủ
số một của quốc triều'. Song trước
mắt chúng ta chưa thấy tác phẩm
nào của ông, nên không có cách
nào so sánh với bức tranh này được,
riêng dòng lạc khoản sau này mới
điền đã đủ chứng minh đây không
phải họa phẩm được vẽ ra từ tay bút
Trần Giám Như. Dựa vào bốn nửa
con dấu giáp lai như Ký Ngao, Tây
Sở Vương Tôn của Hạng Nguyên
Biện ở phần cách thủy sau tranh, có
thể thấy rõ ràng việc này phát sinh
trong lúc người ta cắt xén tranh khi
bôi biếu. Từ đó có thể đoán rằng,
thời gian điền lạc khoản phải rơi
vào quãng sau khi họ Hạng đóng ấn
và trước khi được đưa vào cung nhà
Thanh. Bức tranh tuy không phải
tác phẩm của họ Trần, song xét từ
phong cách hội họa, trang phục của
nhân vật và các lời đề ký, đồ tán của
nhiều danh nhân đầu thời Minh,
về đại thể có thể xác định được niên*

1. (Trung) *Đồ hội bảo giám* - Q.5. Nguyên văn:
Nguyên văn: 陳鑑如居杭州, 精於寫神, 國朝第一
手也. 其子芝田能世其業

2. (Trung) *Sơn Cư Tân ngữ* - Q.2. Nguyên văn: 余
幼侍坐於趙子昂學士席間, 適寫神陳鑑如持趙
公影草來呈. 公援筆與之自改, 且言所以未然
之故

3. (Triều Tiên) *Ích trai loạn cáo* - Q.4. Nguyên văn:
延祐己未, 予從於忠宣王降香江南之寶陀窟。
王召古杭陳鑑如, 令寫陋容

1. (Trung) *Chí Chính tập* - Q.31 - Tự - Tặng tả chân
Trần Chi Diên tự. Nguyên văn: 寫真者稱錢塘陳鑑
如父子獨臻其妙. 余不識鑑如, 識其子芝田

2. (Trung) *Chuyết canh lục* - Nhân trung. Nguyên
văn: 錢塘陳鑑如, 以寫神見推一時

3. (Trung) *Tây Hồ du lâm chí dư* - Q.17 - Nghệ văn
thường giám. Nguyên văn: 陳鑑如, 仁和人, 精
於寫神, 至今其子孫猶傳家學也

đại của tranh. Trong lời bạt ghi rõ năm Vĩnh Lạc thứ 18 (1420), và có ba người ghi rõ niên đại tại phần lạc khoản; Trần Đăng, người viết chữ triện dẫn thủ, lại là huyện lệnh La Điền giữa thời Hồng Võ, điều này xác quyết rằng, bức tranh không thể muộn hơn thời Minh sơ, có thể truy lên đến cuối thời Nguyên [...] Bức tranh này vào cuối thời Minh được Hạng Nguyên Biện thu giữ, sau khi được đưa vào nội phủ nhà Thanh, trước khi Phổ Nghi nhường ngôi, với danh nghĩa là vật thưởng cho Phổ Kiệt, đã được vận chuyển cùng một số bức thư họa khác qua Thiên Tân tới ngự cung Trường Xuân. Sau khi Thế chiến thứ hai kết thúc, Phổ Nghi mang các họa phẩm này chạy tới thành phố Lâm Giang tỉnh Cát Lâm, bị quân ta bắt được, giao lại cho Ngân hàng nhân dân Đông Bắc chuyển cho Ủy ban quản lý văn vật Đông Bắc, sau đó đưa về Bảo tàng Đông Bắc tức Bảo tàng Liêu Ninh ngày nay cất giữ⁽¹⁾.

Cần lưu ý thêm rằng, vị quan người Việt Trần Quang Chỉ và

những người viết lời bạt sau tranh đều không một lời nhắc đến danh họa Trần Giám Như. Trong khi đó, Dư Đĩnh sau khi nghe Trần Quang Chỉ thuật lại sự tích của vua Trần, liền nói “Từ triều trước đến nay, tên tuổi ngài không được biết đến ở Trung châu [...] Nay may gặp thánh triều, khôi phục cương thổ thời Hán Đường, thu hết đất ấy, nhập vào bản đồ, khiến phong tục đồng văn đồng quỹ, nên tranh này mới được truyền bá ở kinh sư. Bằng không, tên tuổi của đại sĩ cũng chỉ lưu truyền ở một vùng Nam Giao mà thôi [...] Người Nam Giao vẽ lại sự việc nhất thời, hoan hỷ truyền xem”⁽²⁾. Phó Hiệp viết lời bạt cuối tranh cũng nói “Người trong nước hâm mộ, làm ra tranh này”⁽³⁾. Như vậy, với những chứng cứ hiện có, chúng tôi cho rằng tác giả của *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ* không phải Trần Giám Như, mà rất có thể là một họa sĩ Việt Nam.

2. Lời bạt sau tranh. Nguyên văn: 然自勝國以來，而其名不聞於中州。蓋自五季以後，南交之地，列為外夷，與中國風氣不通。今而幸際聖朝，恢復漢唐之故疆，盡收其地，歸於職方，而為同軌同文之俗，而茲圖乃得流播於京師。不然，則大士之名，亦僅傳於南交之一區而已耳 [...] 南交之人圖繪其一時之事，樂為傳觀

3. Như trên. Nguyên văn: 邦人歆豔，作為是圖

1. Liêu Ninh tỉnh bác vật quán tàng - Thư họa trước lục - Hội họa quyền. Tr.248

III. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

Toàn thư chép: “(Năm 1285) Quan quân giao chiến với quân Nguyên ở Hàm Tử Quan, các quân đều có mặt, riêng quân của Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật có người Tống, mặc áo kiểu Tống, cầm cung tên chiến đấu. Thượng hoàng sợ các quân có thể không phân biệt được, sai người dụ rằng: Ấy là quân Thát của Chiêu Văn Vương, phải nhận cho kỹ! Chừng vì người Tống và người Thát, tiếng nói và trang phục tương tự.”⁽¹⁾ Từ đây có thể suy, đương thời diện mạo quân trang của binh tướng Đại Việt có sự phân biệt khá lớn với quân trang của người Tống và người Nguyên.



Quân đội triều Tống và triều Nguyên do Lưu Vĩnh Hoa phục dựng (*Trung Quốc cổ đại quân nhung phục sức*); Binh lính triều Trần (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

Như chúng tôi đã đề cập tại phần khảo về trang phục quân đội thời Lý, quân trang của Đại Việt chủ yếu gồm: trang phục Giáp Trụ dành cho tướng lĩnh, trang phục Tứ Phương Bình Đỉnh và khinh trang “mình trần đóng khố” dành cho quân binh. Diện mạo quân trang này vẫn tiếp tục được kế thừa vào thời Trần.

Đối chiếu pho tượng Kim Cương thời Lý, pho tượng tướng canh cửa khai quật tại di tích Bảo Tháp thời Trần, có thể thấy bộ Giáp Trụ Minh Quang được du nhập và Việt hóa từ thời Tiền Lê và thời Lý vẫn được kế thừa vào thời Trần. Riêng pho tượng khai quật tại di tích Bảo Tháp đã có đôi chút biến dị so với tượng Kim Cương thời Lý, trong đó tám giáp che

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 官軍與元人交戰于鹹子關，諸軍咸在，惟昭文王日燿軍有宋人衣宋衣，執弓矢以戰。上皇恐諸軍或不能辨，使人諭之曰：此昭文韃也，當審識之。蓋宋與韃，聲音衣服相似



Tượng tướng lĩnh mặc giáp Minh Quang, cầm phù việt thời Trần, khai quật tại di tích Bảo Tháp, xã Thắng Lợi, huyện Văn Đồn, Quảng Ninh. (“*Thế giới di sản*”).

hạ bộ được thiết kế theo kiểu vảy cá, đã có sự hô ứng với các dạng giáp trụ thời Lê sau này.

Bản thân Hồ Nguyên Trừng là người thông thạo binh khí, sau khi bị bắt về Trung Quốc, đã từng mở xưởng chế tác áo giáp mũ trụ cho nhà Minh. Như vậy Giáp Trụ của Đại Việt đương thời hẳn là loại Giáp Trụ cứng chắc, có tính thực dụng cao, nếu không nhà Minh đã không để Hồ Nguyên Trừng coi giữ công việc này. Ngoài ra, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam hiện lưu giữ một tấm ngói có hình tượng võ sĩ đội mũ đầu hổ được xác định có niên đại thời Trần. Điều này khiến chúng tôi ngờ rằng một đội quân nào đó thời Trần, có thể là đội quân Hồ Dục hoặc Hồ Bôn sử dụng loại mũ có hình đầu hổ. Tại Trung Quốc, mũ đầu hổ được gọi là Hồ Quan, làm bằng sắt, xuất hiện vào thời Tùy Đường - Ngũ Đại, từ thời Tống trở về sau không thấy nữa⁽¹⁾.

Cũng như chế độ Đường - Tống, vào thời Trần phục sức Ngự đại chỉ dành riêng cho quan văn. Đối với quan võ, *Toàn thư* chép: Phạm Ngũ Lão vào năm 1279 được ban Vân phù 雲符, năm 1294 được ban Kim phù 金符, năm 1301 được phong làm Thân vệ đại tướng quân, được ban Quy phù 龜符, năm 1302 được phong làm Điện súy, được ban Hổ phù 虎符; năm 1390, Phạm Mãnh được ban cho làm Dục vệ quân, rồi thăng làm Uy Minh tướng quân, chỉ huy quân Thánh Dục, đeo Kim Vân phù 金雲符; năm 1395, Hồ Quý Ly được thăng làm Nhập nội phụ chính Thái sư Bình chương quân quốc trọng sự Tuyên trung vệ quốc đại vương, đeo Kim Lân phù 金麟符; năm 1351, vua Trần Dụ Tông ban



Tượng võ sĩ thời Đường, đội mũ Hồ Quan, khai quật tại mộ Uất Trì Kính Đức năm 1972, Trung Quốc; Tượng võ sĩ thời Trần đội Hồ Quan (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

cho Nguyễn Trung Ngạn mặc chiến bào, đội mũ võ, đeo Lăng 楞 (miếng gỗ vuông bốn góc) và nghiên vàng để duyệt cấm quân⁽¹⁾. *Đại Việt thông sử* cho biết: năm 1425, Lê Lợi tự xưng Kiểm hiệu Thái sư Bình chương quân quốc trọng sự Đại thiên hành hóa, tứ Kim Ngự đại, song Kim Hồ phù, Trang võ vệ quốc công; năm 1427, từ các vị đại thần tới chức thái úy, ai có công lớn được thưởng Kim phù; năm 1429, Trịnh Khả được ban Ngân phù v.v. Như vậy, có thể thấy các loại phù hiệu bằng vàng bạc chạm khắc hình hổ (Hổ phù), hình mây (Vân phù), hình rùa (Quy phù), hình kỳ lân (Lân phù) của các quan võ rất phong phú đa dạng, được dùng để thể hiện phẩm cấp của các quan.

IV. TRANG PHỤC DÂN GIAN

1. Y phục

Trang phục dân gian thời Trần vẫn tiếp tục kế thừa trang phục thời Lý với áo Sam cổ tròn bốn vạt, thường màu đen, quần lụa trắng. *An Nam chí lược* cho biết: “*Vương hầu và thứ dân thường mặc áo cổ tròn, thường màu đen huyền, quần bằng lụa trắng, hài chuộng loại bằng da*”. Sứ thần nhà Nguyên Trần Cương Trung cũng miêu tả: “*Người trong nước đều mặc màu đen, áo đen bốn vạt, cổ tròn làm bằng lụa. Phụ nữ cũng mặc áo đen, song áo trắng bên trong lộ rõ ra ngoài, ôm lấy cổ, rộng bốn tấc là khác biệt. Các màu xanh, đỏ, vàng, tía tuyệt nhiên không có.*”⁽²⁾ Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa rằng toàn bộ người Đại Việt, ai nấy đều mặc cùng một kiểu áo. Ngoài loại áo cổ tròn, chắc chắn vẫn còn có các loại áo tứ thân, giao lĩnh mà qua bức tranh *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ* chúng ta vẫn bắt gặp. Riêng loại áo cổ tròn xẻ vạt đến thời Lê Trung Hưng vẫn còn xuất hiện trong một số tranh vẽ



Võ quan vinh quy đò. (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 賜阮忠彥服戰袍，戴武巾，佩楞四方木也、金硯，閱諸禁軍

2. (Trung) *Nguyên thi kỷ sự - Q.9 - Sử Giao thi tập*. Tr.178. Nguyên văn: 国皆衣黑，皂衫四裾，盤領以羅為之。婦人亦黑衣，但白裏廣出，就以綠其領，博四寸，以此為異，青紅黃紫諸色絕無

1. (Trung) *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.85.



Phụ nữ thời Lê mặc áo cổ tròn bốn vạt khớp với những mô tả về trang phục thời Lý Trần. (Văn quan vinh quy đờ, thế kỷ XVII, XVIII. BT-MTVN). Về màu sắc trang phục thời Lê, Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn cho biết: “Đến bản triều ngày nay thì tục [...] mặc áo thâm đen đã thay đổi rồi”.

Bởi thứ nhất, người thời Trần chỉ đội mũ khi có việc công cán cần ra ngoài. Đối với các quan, “khi ở nhà họ để đầu trần, thấy khách thì đội mũ, đi đâu xa thì một người bưng mũ mang theo”⁽³⁾, còn thứ dân “ở nhà ngày thường không đội mũ.”⁽⁴⁾ Thứ hai, đối với thường dân, việc đi giày tất có lẽ không mấy dễ chịu, đặc biệt trong những ngày nóng bức. Qua những ghi chép của sứ thần Trần Cương Trung năm 1292, ta thấy quan dân thời Trần đa số đều ưa đi đất: “Dân đều đi chân đất [...] Da chân họ rất dày, leo núi như bay, gai góc cũng không sợ.”⁽⁵⁾ An Nam chí nguyên dẫn sách Giao Chỉ thông chí cho biết: “Dân đều đi đất, chỉ có người cao sang mới đi giày da.”⁽⁶⁾ Nguyên do của việc đi đất để đầu trần được Lê Quý Đôn giải thích: “Vì nước ta là nơi nóng nực, ẩm thấp, nhân dân lúc

1. (Trung) An Nam chí nguyên - Q.1 - Thổ sản. Nguyên văn: 其布帛則有吉了紗、平文棗心花紗、合紗、光絹、綿、綺、綾、羅、絲鞋等物頗為奇好。麻、蕉二物則可緝而為布，細如羅紈，尤宜暑服
2. (Trung) Đảo di chỉ lược - An Nam: 男女面白而黑齒，帶冠，穿唐衣，皂褶，絲襪方履
3. (Trung) Nguyên thi kỷ sự - Q.9 - Sứ Giao thi tập. Tr.178. Nguyên văn: 家居囚首，見客乃巾，遠行則一人捧近巾以從
4. (Trung) An Nam chí lược - Phong tục. Nguyên văn: 平居不冠
5. (Trung) Nguyên thi kỷ sự - Q.9 - Sứ Giao thi tập. Tr.178. Nguyên văn: 民皆徒跣[...]足皮甚厚，登山如飛，荒刺亦無所惧
6. (Trung) An Nam chí nguyên - Q.2 - Phong tục. Nguyên văn: 交趾通志云民皆跣足，惟貴者行有革履

thường không đội khăn (mũ), không đi giày, động tác mới được thuận tiện, việc này đã thành thói quen, không thay đổi được.”⁽¹⁾ Thứ ba, theo hình vẽ người Việt trong Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ và Tam tài đồ hội, có thể thấy nam giới người Việt thế kỷ XIV, XV không mặc quần dài, để lộ bắp chân trần. Cách ăn vận giản tiện này từng được Cristoforo Borri mô tả (khoảng 1615): “Đàn ông thay vì mặc quần dài thì dùng cả một tấm vải để quấn lại, phía trên mặc thêm năm hoặc sáu mảnh áo dài và rộng”⁽²⁾ Như vậy, cách ăn vận kết hợp giữa áo, mũ, quần, xiêm hăn được ưa chuộng vào những ngày mát lạnh, thường có đối tượng là tầng lớp trung thượng lưu. Nam giới bình dân thường chỉ đóng khố, mặc chùm ra ngoài chiếc áo dài.

2. Kiểu tóc

Vào thời Lý, theo mô tả của Chu Khứ Phi, người Việt phần lớn búi tóc chuy kế. Tuy nhiên, bước sang thời Trần, sứ thần nhà Nguyên là Trần Cương Trung lại miêu tả đàn ông người Việt hầu hết đều cạo trọc. Lê Quý Đôn diễn giải ghi nhận của Trần Cương Trung: “Thời Trần, người trong nước đều cạo tóc, cho nên ‘Sứ Giao thi tập’ của Trần Cương Trung thời Nguyên mới chú rằng: **Đàn ông đều trọc, người có quan chức thì dùng khăn xanh phủ đầu, dân đều như sư cả.** Đến thời thuộc Minh, Hoàng Phúc mới bắt đầu cấm cạo tóc, đến nay dân vùng Giao Thủy, Kiên Lao, Trà Lũ vẫn còn giữ tục này.”⁽³⁾ Lệnh cấm của Giao Chỉ bố chính ty Hoàng Phúc mà Lê Quý Đôn nhắc tới ở đây chính là những sắc lệnh nêu trong Thân minh giáo hóa bảng văn được ban hành tại Việt Nam năm 1414: “Kể nào còn dám noi theo thói tệ, cạo trọc



Người Giao Chỉ trong Tam tài đồ hội (thế kỷ XV).

1. (Việt) Kiến văn tiểu lục. Nguyên văn: 炎方暑熱旱濕，人民平居不巾履，始便食作，習俗已成，不可改也
2. Dẫn theo Những lễ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam. Tr. 41
3. (Việt) Kiến văn tiểu lục. Nguyên văn: 陳時國中皆剃髮，故元陳剛中《使交詩集》註云“男子悉髡，有官職則以青巾幕之，民悉僧也”至明黃福始禁髡髮，今膠水堅牢、茶縷之民猶存舊俗



Tượng Thái sư Trần Thủ Độ, chùa Cầu Đông, Hà Nội. (Ảnh: TQĐ).

đi đất [...] Hữu Ty sở tại sẽ nghiêm khắc trừng trị”⁽¹⁾. Như vậy việc nam giới người Việt thời Trần thường cạo trọc đầu là việc hoàn toàn có thực. Thói quen này tiếp tục được duy trì đến thời Lê sơ. Phải đến năm 1470 vua Lê Thánh Tông mới ra lệnh cấm “những người không phải sư sãi không được cạo trọc đầu”⁽²⁾. Kể từ đây, tục cạo trọc trong dân gian Việt Nam mới dần dần biến mất, và khoảng 200 năm sau đó, năm 1642, quan niệm của người Việt về tục cạo trọc đã hoàn toàn thay đổi. Lúc này thương gia người

Pháp Jean Baptiste cho biết người Việt “cho rằng để đầu trọc là một hành động xúc phạm đến danh dự, và chỉ có những kẻ phạm tội hình sự, khi bị bắt mới bị cạo trọc đầu.”⁽³⁾

Tuy nhiên vào thời Trần, ngoài những người cạo trọc vẫn có những người búi tóc chuy kế hoặc cắt tóc ngắn như ghi nhận của Nghiêm Tông Giản và Cao Hùng Trưng “có người búi tóc chuy kế, có người cắt tóc, xăm mình, đi đất, miệng đỏ răng đen”⁽⁴⁾. Như vậy cách nói “người trong nước đều cạo tóc” của Trần Cương Trung là cách nói có phần khoa trương. Ở đây, Nghiêm Tông Giản và Cao Hùng Trưng đều viện dẫn cổ tịch, ghi nhận người Việt có tục cắt tóc ngắn và búi tóc chuy kế. Riêng tục cắt tóc ngắn có thể coi là một trong những tục để tóc có lịch sử lâu đời nhất, từng được triều đình Lê sơ hết sức cổ xúy sau khi phục quốc.

Ngay từ năm 137 trước Công nguyên, Hoài Nam Vương Lưu An gửi sớ cho vua Hán Vũ Đế đã nói: “Việt là vùng đất biên viễn, là dân cắt tóc xăm mình. Người Việt cắt tóc thì không thể dùng pháp độ của một nước đại vũ để trị được”⁽⁵⁾. Tư Mã Thiên cho biết: “Cắt tóc xăm mình, trở cánh

1. (Trung) *An Nam chí nguyên*. Nguyên văn: 敢有因循弊風，及髡鉗跣躑[...]所在有司嚴加惩治。
2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 禁非僧類不得剃髮
3. *Tập du ký mới và kỹ thuật về vương quốc Đàng Ngoài* (1681). Tr.50.
4. (Trung) *Thủ vực chu tư lục* - Q.5 - *An Nam*. Nguyên văn: 推髻剪髮，紋身跣足，口赤齒黑，好食檳榔
(Trung) *An Nam chí nguyên* - Q.2 - *Phong tục*. Nguyên văn: 南越外紀云其人或椎髻或剪髮，文身跣足，口赤齒黑，尊卑皆食檳榔
5. (Trung) *An Nam chí lược* - Q.5 - *Tiền triều thư sớ* - *Mân Việt kích Nam Việt Hán Vũ đế hưng binh chu Mân Việt, Hoài Nam vương An thượng thư giản*. Nguyên văn: 越，方外之地，鬻髮文身之人也，越人鬻髮不可以冠帶之國法度理也

tay, áo vạt trái, ấy là dân Âu Việt”⁽¹⁾, đồng thời mô tả Việt vương Câu Tiễn trước đó 300 năm “được phong ở Cối Kê để phụng thờ Hạ Vũ. Câu Tiễn xăm mình, cắt tóc, phật cỏ hoang mà lập ra thôn ấp.”⁽²⁾ Thậm chí, Trang Tử (365 – 290 tr.CN) cũng từng đề cập tới việc người Việt phía Nam sông Dương Tử có tập tục chung là cắt tóc xăm mình⁽³⁾. Như vậy có thể thấy, tục cắt tóc xăm mình của cư dân Bách Việt nói chung, người Việt vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng nói riêng là tập tục xuất hiện từ rất sớm. Tác giả của cuốn *Lĩnh Nam chích quái* thời Trần, qua truyện về họ Hồng Bàng đã lý giải nguồn gốc của tập tục này rằng, buổi quốc sơ người Việt “cắt tóc ngắn để tiện vào rừng núi”⁽⁴⁾.



Người dân Việt cắt tóc ngắn, đi chân đất, khiêng vồng chờ Phật hoàng Trần Nhân Tông. (Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ).

Vào thời Trần, năm 1300, triều đình Đại Việt từng có quy định mũ mào dành riêng cho các vương hầu, ai tóc dài đội mũ Triều Thiên, ai tóc ngắn đội mũ Bao Cân. Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn được *Toàn thư* mô tả là đã cắt tóc trước khi đến sứ quán gặp Sài Thung⁽⁵⁾. Người dân Việt thể hiện trong bức tranh *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ* và bức

1. (Trung) *Sử ký - Triệu thế gia*. Nguyên văn: 剪髮文身，錯臂左衽，甌越之民也
2. (Trung) *Sử ký - Việt Vương Câu Tiễn thế gia*. Nguyên văn: 封于會稽，以奉守禹之祀。文身斷髮，披草萊而邑焉
3. (Trung) *Trang tử - Nội thiên - Tiểu Điều du*. Nguyên văn: 宋人資章甫而適諸越，越人斷髮紋身，無所用之
4. (Việt) *Lĩnh nam chích quái - Hồng Bàng thị truyện*. Bản A.2107, VHv.1473, nguyên văn: 剪短其髮以便山林之入。 Bản A.33: 剪短其髮以便山川之入 cắt tóc ngắn để tiện vào sông núi.
5. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 時國峻已剪髮服布衣矣

Giao Chỉ quốc trong *Tam tài đồ hội* (thời Minh) cũng đều cắt tóc ngắn. Kiểu tóc thể hiện trong hai bức tranh này hoàn toàn khớp với những mô tả của sứ thần nhà Minh là Phan Hy Tăng khi đi sứ Đại Việt năm 1513: “*Cắt tóc không phân nam nữ, đội mũ khu biệt văn thân*”, kèm theo chú thích: “*Tóc hơi che trán, phủ xuống gáy, riêng người đi sứ Trung Quốc thì tóc dài*”⁽¹⁾.

Cũng như tục cạo trọc, năm 1414 sau khi sáp nhập nước Việt vào bản đồ Trung Quốc, triều đình nhà Minh đã ra lệnh “*cấm trai gái (người Việt) cắt tóc [...] đồng hóa theo phong tục phương Bắc*”⁽²⁾. Chính vì những cấm lệnh mang tính hủy diệt văn hóa này mà sứ thần Ngô Sĩ Liên mới than xiết: “*Hơn hai mươi năm, đổi phong tục thành tóc dài răng trắng, thành người phương Bắc! Ôi thôi! Làm loạn đến thế là cùng vậy!*”⁽³⁾ Song sau khi giành lại được độc lập từ tay nhà Minh, triều đình nhà Lê sơ đã cổ xúy cho tập tục cắt tóc ngắn cổ truyền, thể hiện qua việc vua Lê Thái Tông năm 1437 ra lệnh cho những người Minh ở Đại Việt phải cắt tóc ngắn như người Kinh⁽⁴⁾; vua Lê Uy Mục năm 1509 bắt đạo sĩ Đại Việt vốn giữ nếp cổ, búi tóc ở đỉnh đầu, cài trâm như đạo sĩ Trung Hoa, đều phải cắt tóc ngắn, không được để tóc dài⁽⁵⁾.

Riêng kiểu tóc của phụ nữ Việt thời Trần, ngoài búi tóc chuy kế, theo Trần Cương Trung, phụ nữ Đại Việt thời này còn “*cắt tóc ngắn, lưu lại ba tấc, buộc ở đỉnh đầu, uốn ngọn tóc rồi thắt lại như bút, không có tóc mai và tóc thừa ở đằng sau*.”⁽⁶⁾ Qua mô tả trên, chúng tôi hình dung mái tóc ngắn của phụ nữ thời Trần bấy giờ nếu buông xõa cũng dài quá vai, dài hơn mái tóc ngắn của đàn ông quãng mười xen ti mét (ba tấc), sau đó được buộc lại ở đỉnh đầu, hơi gập lại uốn ra phía sau, thắt lại như ngọn bút lông, không để tóc thừa ở gáy và hai bên mai.

Năm 1395, vua Trần Nghệ Tông mất, Hồ Quý Ly được phong làm Phụ chính Thái sư nhiếp chính. Các cải cách của nhà Trần diễn ra từ năm 1395 cho đến khi họ Hồ chính thức soán vị trên thực tế đều do Hồ Quý Ly sắp đặt.

Hồ Quý Ly tự nhận “*là dòng dõi xa của Hồ Công Mãn, tể Ngụ Thuấn làm thủy tổ*”⁽¹⁾, chính vì vậy ông đặt quốc hiệu nước Việt là Đại Ngu. Xuất phát từ tư tưởng này, Hồ Quý Ly hết sức tự tôn về học vấn và hàm thụ văn hóa của mình. Đối với những nhà nho nổi tiếng của Trung Quốc, trên thực tế có ảnh hưởng sâu sắc tới tư tưởng Nho giáo của ba nước Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, bản thân Hồ Quý Ly thẳng thừng nhận xét: “*Hàn Dũ là tay nho ăn trộm; Chu Mậu Thúc, Trình Hạo, Trình Di, Dương Thi, La Trọng Tổ, Lý Diên Bình, Chu Tử, tuy học rộng nhưng tài mọn, không sát với sự việc, chỉ chuyên chép nhặt*.”⁽²⁾ Vậy nên cũng không mấy khó hiểu khi ông tự biên chép thiên “*Vô dật*” trong *Kinh Thư*,



“*Tự cho là thánh triết hơn Tam hoàng, đức cao hơn Ngũ đế; coi Văn vương, Võ vương không đủ làm phép tắc, khinh Chu công, Khổng tử không đủ làm bậc thầy; hủy báng Mạnh Tử là đạo nho (tay nhà nho ăn trộm), Trình – Chu thạo chép nhặt. Đối thánh đối trời, không ngôi không thứ. Tiếm quốc hiệu gọi là Đại Ngu, trộm kỷ nguyên gọi là Thiệu Thánh. Xưng là Lương cung hoàng đế, dám dùng nghi lễ triều đình. Chẳng phải chỉ ngang tàng ở cõi xa, mà kỳ thực muốn chống chọi ngang hàng cùng Trung Quốc.*” (Nguyên văn chép trong *Triều Tiên vương triều thực lục*).

1. (Trung) *Trúc Giản tập - Nam Giao kỷ sự*. Nguyên văn: 祝髮無男女，加冠緝紳 髮稍覆額被頸惟使中國者乃長髮

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 明禁男女不許剪髮[...]化成北俗

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 二十餘年變風俗於長髮白齒，胥爲北人矣！嗚呼，爲亂之極，一至於此哉

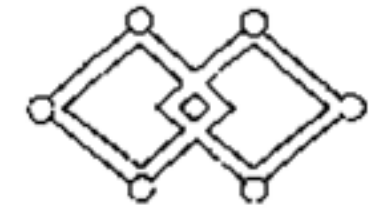
4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 十二月，令明人著京人衣服，斷髮

5. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 道士奉道剪髮，不得長髮. Trong *Thập giới cô hồn quốc ngữ văn*, Lê Thánh Tông miêu tả đạo sĩ tại Đại Việt “*Đội hoàng quan (mũ màu vàng), cài nhật nhật trâm ngà*”.

6. (Trung) *Nguyên thi kỷ sự - Q.9 - An Nam tức sự*. Tr.178. Nguyên văn: 婦人斷髮，留三寸，束于頂上，屈其杪，再束如筆，無後鬢鬢，亦無膏沐

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 季犛乃遠引胡公滿之後，禘虞舜之所自出

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 以韓愈爲盜儒，謂周茂叔、程顥、程頤、楊詩、羅仲素、李延平、朱子之徒，學博而才疎，不切事情而務爲剽竊



Trang sức hình phương thẳng
(Trung Quốc phục sức đại từ điển).

đại lễ. Tuy nhiên năm 1404, sau khi Hồ Hán Thương chính thức lên ngôi hoàng đế, lại lệnh cho bá quan không được đi giày Tích, chỉ cho đi hài gai sống⁽¹⁾. Điều này càng thể hiện tâm lý sùng cổ của nhà Hồ, nhất quán với việc đặt tên nước là Đại Ngu, đồng thời thể hiện tâm lý muốn khác biệt hẳn về y quan phẩm phục so với nhà Trần trước kia và khu biệt với nhà Minh do người Hán vừa lập ra ở phương Bắc.

Đối với trang phục của các vua nhà Hồ, *Toàn thư* chỉ cho biết năm 1399, Hồ Quý Ly tự xưng là Quốc tổ Chương hoàng, mặc áo màu bồ hoàng⁽²⁾. Trong bài thơ tặng Nguyễn Ngạn Quang, Hồ Quý Ly viết: “*Mất này đâu bị Miện lưu che*”, chứng tỏ trong dịp đại lễ lên ngôi, tế trời đất (Hồ Hán Thương cho dựng đàn tế Giao vào năm 1402), cha con họ Hồ cũng đội mũ Bình Thiên, sử dụng nghi lễ của thiên triều.

Đối với trang phục của bá quan nhà Trần và nhà Hồ từ tháng 6 năm 1396 cho đến khi nhà Hồ diệt vong, *Toàn thư* cho biết: “*Quan nhất phẩm áo màu tía; nhị phẩm màu đỏ thẫm; tam phẩm màu hồng; tứ phẩm màu lục; ngũ phẩm, lục phẩm, thất phẩm màu biếc; bát phẩm, cửu phẩm màu xanh. Riêng nội thị mặc váy mở. Đều không được mặc thường. Người không có phẩm hàm và hạng hoành nô dùng màu trắng. Lại theo chức tước bá quan, từ lục phẩm trở lên dùng mũ Cao Sơn, Chánh lục phẩm được thắt đai, đi giày Tích. Về sắc mũ, chánh thì sắc đen, tòng thì sắc xanh. Người tôn thất đội mũ Phương Thẳng màu đen. Võ quan tước lục phẩm đội mũ Chiết Xung. Tước cao mà không có chức thắt đai, đội mũ Giác Đỉnh. Từ thất phẩm trở xuống đội mũ Thái Cổ; Tòng thất phẩm đội mũ Toàn Hoa. Vương hầu đội mũ Viễn Du; Ngự sử đài đội mũ Khước Phi*”⁽³⁾ Ngoài ra, *Toàn thư* còn ghi nhận năm 1437 vua Lê Thái Tông quy định cho bá quan văn võ đều đội mũ Cao Sơn, đồng thời chú

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 漢蒼令官員不得著舄. 惟許著生麻鞋, 前代故事, 正六品以上方得著舄.
2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 六月季聲自稱國祖章皇, 服蒲黃色.
3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 六月定文武冠服. 一品紫色, 二品大紅, 三品桃紅, 四品綠, 五、六、七品碧, 八九品青. 惟內侍開裙皆不用裳, 無品及宏奴白色. 又從官職爵六品以上用高山巾, 正六品得束帶著舄. 巾正皂色, 從青色. 宗室皂方勝巾; 武爵六品用折衝巾; 爵高無職得束帶, 戴角頂巾. 七品以下用太古巾; 從七品攢花巾; 王侯戴遠遊巾; 御史臺却非巾. Cúm từ “khai quần”, bản dịch của Nxb. KHXH năm 1998 dịch là “quần hai ống” không chính xác. Ngoài ra, cúm từ “từ” được dịch là “các tòng quan chức tước” theo chúng tôi cũng không chính xác; chữ “từ” ở đây nên phiên là “tòng”, hiểu theo nghĩa động từ là “theo”.



Chim phượng thời Lý Trần (Hoàng thành Thăng Long) và chim phượng thời Hồ (Trung tâm bảo tồn di sản thành nhà Hồ). Dù trang phục bá quan thời Lý, Trần, Hồ mỗi thời một vẻ, song phong cách kiến trúc, nghệ thuật Lý Trần vẫn tiếp tục được kế thừa đến đầu thời Lê.

dịch ra quốc ngữ để dạy vua⁽¹⁾, rồi làm sách *Quốc ngữ thi nghĩa* và bài tựa, sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân, trong đó “*bài tựa phần nhiều theo ý mình, không theo tập truyện của Chu Tử*”⁽²⁾ Chính những động thái này của Hồ Quý Ly khiến một bộ phận nho sĩ nhà Minh đương thời coi ông là kẻ hủy báng Nho giáo Trung Quốc, như tác giả của *Bình định Nam Giao lục*, Khưu Tuấn nói: “*Quý Ly xưng Thái thượng hoàng, hủy báng Nho giáo Trung Quốc, gọi Mạnh Tử là tay nho ăn trộm, Trình Hạo, Trình Di, Chu Tử là kẻ cắp nhét*.”⁽³⁾

Trong bài thơ đáp lời hỏi của người Minh về phong tục của người nước Việt, Hồ Quý Ly nói: “*Muốn hỏi chuyện nước An Nam/ Nước An Nam phong tục thuần hậu/ Áo mũ như chế độ nhà Đường/ Lễ nhạc tựa vua quan nhà Hán*.”⁽⁴⁾ Đây cũng chính là tư tưởng chủ đạo của đợt cải cách y phục Thường triều năm 1396, mà quá bán các dạng mũ mào tân chế có nguyên mẫu là những loại mũ thịnh hành vào thời Hán - Đường ở Trung Hoa như mũ Cao Sơn, Viễn Du, Thái Cổ, Khước Phi v.v.

hoàn toàn khác với các kiểu mũ thời Lý - Trần vốn chịu ảnh hưởng bởi quy chế nhà Tống. Bên cạnh việc đặt ra một số kiểu áo mũ Thường triều, nhà Hồ còn quy định toàn bộ những binh lại không phẩm cấp, hạng hoành nô mặc áo màu trắng, đi ngược lại tập quán của nhà Trần vốn coi màu trắng là màu sang trọng, chỉ dành cho vua. Ngoài ra, năm 1395, Hồ Quý Ly còn ra lệnh cho bá quan không được mặc áo thụng tay, đổi hết thành áo hẹp tay⁽⁵⁾; năm 1396 quy định cho văn võ bá quan từ lục phẩm trở lên đều được đi giày Tích trong các buổi Thường triều. Giày Tích vốn là loại giày thời Hán, đến thời Tống chỉ còn được sử dụng vào những dịp

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 季嫠因編無逸篇, 譯為國語, 以教官家

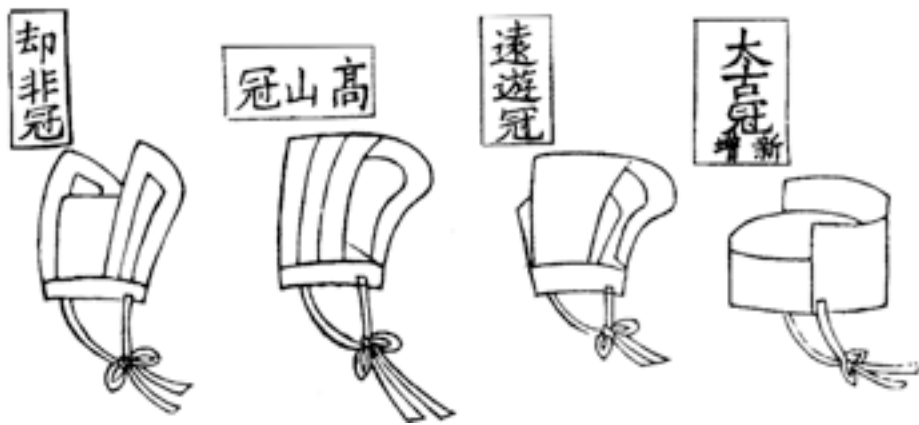
2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 季聲作國語詩義并序, 令女師教后妃及宮人學習, 序中多出己意, 不從朱子集傳

3. (Trung) *Kỷ lục vịnh biên* - Q.47 - *Bình định Nam Giao lục*. Nguyên văn: 季聲稱太上皇, 毀中國儒教, 謂孟子為盜儒, 程朱為剽竊

4. (Trung) *An Nam chí lược*. Nguyên văn: 欲問安南事, 安南風俗淳. 衣冠唐制度, 禮樂漢君臣

5. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 六月禁百官不得用大袖衣, 許用小袖

thích “trước đây quan võ đội mũ Chiết Xung.”⁽¹⁾ Bởi vậy câu “Võ quan tước lục phẩm đội mũ Chiết Xung” nên được hiểu rằng các quan võ từ lục phẩm trở lên thì đội mũ Chiết Xung. Dựa theo sách *Tam lễ đồ* thời Tống có thể biết được kiểu dáng cơ bản của các loại mũ Cao Sơn, Khước Phi, Viễn Du, Thái Cổ của triều đình Trần - Hồ. Mũ Toàn Hoa dành cho các quan văn võ Tòng thất phẩm hẳn là loại mũ được áp dụng cho ngạch Tụng quan của nhà Trần trước đây. Đối với những loại mũ Giác Đỉnh, Phương Thắng, xét theo danh xưng, có lẽ mũ Giác Đỉnh (*giác*: góc, sừng; *đỉnh*: đỉnh) là mũ đỉnh nhọn hoặc có sừng tương tự như mũ Giác Càn của ẩn sĩ Trung Quốc; mũ Phương Thắng hẳn được đỉnh trang sức hình Phương Thắng (hình bình hành đan xen). Riêng mũ Chiết Xung dành cho võ quan, chúng tôi cho rằng không thể dựa vào tên mũ mà đoán đây là loại mũ có cánh chuồn gấp (chiết) rồi hướng thẳng lên trời (xung) như mũ Triều Thiên, loại mũ dành cho vương hầu nhà Trần. Ở đây, Chiết Xung là tên một đội quân của nhà Đường đã nhiều lần xuất hiện trong văn khắc cổ của Việt Nam⁽²⁾, có khả năng mũ Chiết Xung là loại mũ được “tái chế” từ một kiểu mũ của quân đội nhà Đường?



Mũ Khước Phi, mũ Cao Sơn, mũ Viễn Du, mũ Thái Cổ. Trên đây là các loại mũ theo quy chế thời Hán Đường do Nhiếp Sùng Nghĩa, người thời Tống khảo, viết trong sách *Tam lễ đồ*. Nhà Hồ tái chế các loại mũ cổ thời Hán Đường, nhiều khả năng dựa vào cuốn sách này. Dĩ nhiên, những chiếc mũ khi được áp dụng vào triều đình Đại Ngu hẳn có sự biến dị.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 賜武官戴高山巾。初武官戴折衝巾，至是許戴高山巾，與文官同
2. Bài minh khắc trên chiếc chuông xã Thanh Mai được đúc vào ngày 30 tháng 3 năm Trinh Nguyên 14 nhà Đường, tức ngày 20 tháng 4 năm 798. Nội dung kê khai họ tên chức tước của những thành viên Hội Tùy Hi và những người tham gia đúc chuông. Trong đó có những vị như: Tầm châu An Lạc phủ **Chiết Xung** đô úy Quách Tử Cương; Diêm châu Diêm xuyên phủ **Chiết Xung** Cao Tháo; Tầm châu an lạc phủ **Chiết Xung** Quách du lý; Kinh châu Tứ môn phủ **Chiết Xung**, thường phi Ngự đại Quách Lập; Chiêu Võ hiệu úy Hồng châu giới hưu **Chiết Xung**, thượng trụ quốc Đỗ Thiệu Ngh v.v. (Dẫn theo *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*. Tập 1. Tr.19). Tham khảo thêm định nghĩa của Hán Diễm (Zdic.net).

BẢNG SO SÁNH ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG MŨ VIỄN DU, KHƯỚC PHI, CAO SƠN, THÁI CỔ CỦA NHÀ HỒ VIỆT NAM VÀ NHÀ HÁN TRUNG QUỐC
(theo *Toàn thư* và *Tam lễ đồ*)

Các loại mũ	Đối tượng sử dụng	
	Nhà Hồ Việt Nam	Nhà Hán Trung Quốc
Mũ Viễn Du	Vương hầu	Vương hầu
Mũ Khước Phi	Ngự sử đài	Cung điện môn lại, Bộc xạ
Mũ Cao Sơn	Quan văn Lục phẩm trở lên	Trung quan, ngoại quan, cận thần, yết giả
Mũ Thái Cổ	Quan văn, võ Lục phẩm trở xuống	Công khanh, đại phu

QUY CHẾ THƯỜNG PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ TRẦN TỪ NĂM 1396 VÀ NHÀ HỒ
(theo *Toàn thư*)

	Tôn thất đội mũ Phương Thắng màu đen, vương hầu đội mũ Viễn Du, tước cao mà không có chức đội mũ Giác Đỉnh, ngự sử đài đội mũ Khước Phi			
	Ban văn		Ban võ	
	Mũ	Phục sắc	Mũ	Phục sắc
	Về sắc mũ, chánh sắc đen, tòng sắc xanh			
Nhất phẩm	Cao Sơn	Tía	Chiết Xung	Tía
Nhị phẩm	Cao Sơn	Đỏ sẫm	Chiết Xung	Đỏ sẫm
Tam phẩm	Cao Sơn	Hồng	Chiết Xung	Hồng
Tứ phẩm	Cao Sơn	Lục	Chiết Xung	Lục
Ngũ phẩm	Cao Sơn	Biếc	Chiết Xung	Biếc
Lục phẩm	Cao Sơn	Biếc	Chiết Xung	Biếc
Chính thất phẩm	Thái Cổ	Biếc	Thái Cổ	Biếc
Tòng thất phẩm	Toàn Hoa	Biếc	Toàn Hoa	Biếc
Bát phẩm	Thái Cổ	Xanh	Thái Cổ	Xanh
Cửu phẩm	Thái Cổ	Xanh	Thái Cổ	Xanh

Đối với trang phục quân đội thời Hồ, chúng tôi cho rằng giáp phục của tướng lĩnh thời Hồ vẫn kế thừa giáp phục thời Lý - Trần. Ngoài ra, bản thân các loại áo giáp không chỉ được làm bằng kim loại, lớp lót trong cùng của áo phần lớn được làm bằng da. Vậy nên năm 1401 trên đường đi đánh Chiêm Thành, gặp phải nước lũ, cạn kiệt lương thực trong ba ngày, tướng sĩ phải nung giáp da để ăn⁽¹⁾. Bên cạnh đó, Lý Hủ người thời Minh cho biết, sau khi bị bắt về Bắc Kinh, “*Thượng thư bộ Công (nhà Minh) ông Lê Trừng (tức Hồ Nguyên Trừng) lần đầu tiên mở Thần Cơ doanh (doanh trại tạo súng thần cơ), xây Khôi Giáp xưởng (xưởng chế tạo áo Giáp mũ Trụ), chế tạo thần thương thần súng, bắn lui giặc Thát dưới chân núi Cửu Long*”⁽²⁾, chứng tỏ bản thân Hồ Nguyên Trừng rất thạo việc chế tạo Giáp Trụ.

Đối với trang phục dân gian dưới triều Hồ, ta cũng chỉ biết rằng năm 1404, “*Hồ Hán Thương cấm mọi người trong thiên hạ dùng loại lụa phiếu kỹ làm áo, chỉ cho phiếu sơ qua*,”⁽³⁾ tức chỉ cho phép dân gian được dùng loại lụa thô may quần áo, không được dùng lụa mịn. Một số lệnh cấm của nhà Minh đối với đầu tóc quần áo của người Việt, cũng hé lộ cho chúng ta được biết diện mạo trang phục dân gian thời kỳ này. *Toàn thư* chép: “(Năm 1414) Nhà Minh cấm nam nữ không được cắt tóc. Phụ nữ mặc áo dài, váy dài, đổi theo phong tục phương Bắc.”⁽⁴⁾ *An Nam chí nguyên* cũng ghi lệnh cấm rằng: “*Kể nào dám noi theo thói tề trước đây, cạo trọc đi đất [...] Hữu ty sở tại phải gia nghiêm trừng trị*”⁽⁵⁾; và “*Từ nay việc ăn mặc không được noi theo thói tục man di, đi đất hở ngực, lấn vượt sử dụng các sắc huyền, vàng, tía đều coi là lệnh cấm, để nhuốm gọi phong tục Trung Hoa, kẻ nào vi phạm thì bắt tội. Quan lại đều dùng mũ Phốc Đầu có hai cánh chuồn thuôn dài, áo dài cổ tròn vạt phải, vạt cổ áo dệt bằng tơ, lưng thắt dây thao, chân đi hài. Sinh viên đều dùng mũ Phốc Đầu cánh chuồn thuôn dài, áo cổ tròn màu xanh lam, có vạt, thắt thao, đi hài. Các chức dịch cai quản dân chúng như thủ lĩnh, quan lang, xã chính, lại giam, khai sao đều dùng áo dài cổ tròn vạt phải, đội khăn mũ, đi giày hia. Phụ nữ nếu có*

chồng làm quan theo quy chế trong bảng văn, người không có chồng làm quan phải búi tóc, dùng lụa đen bọc đầu, khuyên tai, lược cho được tùy nghi sử dụng. Áo đều phải dùng áo Sam, váy dài, hài dùng hài vải hoặc da, nhất loạt không được cắt tóc đi đất, không được dùng các màu sắc huyền, vàng, tía.”⁽¹⁾

PHỤ LỤC 1

TRANG PHỤC CƯ TANG VÀ QUAN NIỆM VỀ MÀU ĐEN TRẮNG

- (Trung) *An Nam chí lược* (Trần): “*Quốc chủ ngày thường đội mũ Đường Cân, thường phục coi màu trắng là màu sang quý. Người trong nước ai mặc màu trắng tức là tiếm chế, riêng phụ nữ không cấm*”. Năm 1291, khi vua Trần Thánh Tông mất, vua Trần Anh Tông nói với sứ thần nhà Nguyên: “*Ta để tang cha, mặc áo đen, ăn rau cỏ, trai giới trong năm năm*.”⁽²⁾ Phần *Phong tục* lại viết: “*Quy chế tang lễ và đồ dùng trong cung thất khá giống Trung Quốc*.”⁽³⁾

- (Việt) *Toàn thư* (Trần): Năm 1377, dù bề tôi nhiều lần can ngăn, vua Trần Duệ Tông vẫn quyết chí thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Để mô tả cho việc xuất quân bất lợi và dự đoán về một kết cục tang tóc, *Toàn Thư* miêu tả: khi vua dẫn mười hai vạn quân đến bến sông xã Bát, có người làng làm đám ma, vua đã bắt vạ 30 quan tiền. Đến tháng 5 năm sau, trước khi ra trận, vua quyết định mặc quân phục màu đen, để cho Ngự Câu Vương Húc mặc màu trắng, cưỡi ngựa trắng. Kết quả: “*Vua bị hãm trong trận mà chết. Bọn đại tướng Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hòa, hành khiển Phạm Huyền Linh đều chết cả. Giặc bắt sống được Ngự Câu Vương, đem con gái gả cho*.”⁽⁴⁾

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 遭時水潦，將士路居絕糧三日，灸皮甲以食

2. (Trung) *Giới am lão nhân mạn bút* - Q.6 - *An Nam Đẳng thượng thư*. Tr.220. Nguyên văn: 工部尚書黎公澄創神機營，建盔甲廠，製神槍神銃，退韃虜于九龍山下

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 漢蒼禁天下諸人不得用熟搗絹為衣，止許署搗

4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 明禁男女不許剪髮。婦女長衣穿裙，化成北俗

5. (Trung) *An Nam chí nguyên*. Nguyên văn: 敢有因循弊風，及髡鉗跣跣[...]所在有司嚴加懲治

1. (Trung) *An Nam chí nguyên*. Nguyên văn: 今開制服用不許因循夷俗，裸跣露袒，僭用玄黃紫色以為禁令，以玷華風，違者罪之。官吏俱用展角頭巾，盤領有袵長衫絲襪條鞋。生員俱用展角頭巾，藍青盤領有袵爛襪條鞋。首領，官郎，社正，吏監，開抄等役俱係管民者皆用盤右領長衫頭巾履靴。婦女若夫有官者照依體制榜文適用，無官者但要束髮皂絹包頭，耳環梳隨宜置用。衣並用衫襖長裙，鞋用布皮並不許剪髮跣足及用玄黃紫色

2. (Trung) *An nam chí lược* - Q.3 - *Đại Nguyên phụng sứ - Trương thượng thư hành lục*. Nguyên văn: 世子造館時，自謂：居父喪，服緇布，食蔬菜，戒以五年

3. (Trung) *An Nam chí lược* - *Phong tục*. Nguyên văn: 喪制，宮室器用與中國略同

4. (Việt) *Toàn thư*. Tập 2. Tr.160-161.



Cụ bà tại làng cổ Đường Lâm vẫn khăn trắng. Lê Quý Đôn cho biết: “Tục nước ta, người ta không kiêng màu trắng, đàn bà đều đội khăn trắng”.

- (Trung) **Doanh nhai thắng lãm tập**: (Chiêm Thành) cho phép được mặc màu tía, riêng vua mặc đồ trắng, cấm mặc các màu đen huyền, màu vàng, kẻ nào làm trái thì bị tội chết.⁽¹⁾

- (Trung) **Minh thực lục** (Trần - Hồ): Năm 1419, Lư Văn Chính, Giao Chỉ bố chính ty tâu lên vua Minh: “Người Giao Chỉ...khi cha mẹ mất chỉ mặc áo đen... Xin đem tang lễ do quốc triều đặt định ban bố khắp dân gian, để họ biết mà tuân theo.”⁽²⁾

- (Việt) **Đại Việt thông sử** (Lê): Năm 1433, vua Lê Lợi mất. “Ngày 24 tháng 8 Hoàng Thái tử ban lệnh chỉ cho các quan trong ngoài đều vận áo sổ gấu để tang, sau khi làm lễ tốt khốc (100 ngày), đều vận áo trắng làm việc;

quân dân khắp thiên hạ đều vận áo trắng ba tháng.”⁽³⁾

- (Việt) **Lịch triều hiến chương loại chí** (Lê): trong 100 ngày các quan đều phải mặc áo trắng, ngoài 100 ngày dùng áo xanh hoặc đen, không được dùng màu hồng, lục⁽⁴⁾.

- (Việt) **Văn Đài loại ngữ** (Lê) cho biết: “Tục nước ta không kiêng màu trắng, đàn bà đều đội khăn trắng. Thấy người đội khăn đỏ, mọi người đều cười vẻ quái dị của họ.”⁽⁵⁾

- (Việt) **Gia Định thành thông chí** (Nguyễn sơ) cho biết: “Cư tang có kẻ mặc quần áo lụa màu xanh đen, đúng như lời ông Đông Pha nói: Áo mũ khó phân biệt được người có việc hiếu hay việc hỷ.”⁽⁶⁾

1. (Trung) *Kỷ lục vịnh biên* - Q.63 - *Doanh nhai thắng lãm tập* - Chiêm Thành. Nguyên văn: 許服紫，唯王白服，禁服玄黃，違者死

2. (Trung) *Minh thực lục - Thái Tông thực lục* - Q.214. Mục tháng 7 năm 1419. Nguyên văn: 交址布政司副理問盧文政言：交址之人[...]父母死止服黔衣

3. (Việt) *Lê Quý Đôn toàn tập* - Tập III - *Đại Việt thông sử*. Tr.96.

4. (Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí - Tang nghi và tang phục*. Tr.75.

5. (Việt) *Văn Đài loại ngữ* - Q.5 - *Phẩm vật cứu*. Tr.21. 本國俗不忌白，婦人皆冠白巾。見紅巾者众皆笑其怪脫

6. (Việt) *Gia Định thành thông chí* - Q.4 - *Phong tục*. Nguyên văn: 居喪或服青黑綵絹，正東坡所[...]衣冠難辨吉凶人

PHỤ LỤC 2

SỐ LƯỢNG THÓT LỤA VÀ QUẠT CỐNG SANG NHÀ MINH TỪ 1416 ĐẾN 1423

Tờ chiếu vua Lê Thái Tổ ban ngày 17 tháng 10 năm 1430 cho biết: “Sau khi người Ngô đã lấy được nước ta [...] cấm mắm muối khiến dân khốn về đường ăn, đòi vải vóc để dân khổ về đường mặc.”⁽¹⁾

Nguồn dẫn	Niên đại	Số lượng thốt lụa	Số lượng quạt giấy
<i>Minh thực lục - Thái Tông thực lục</i> . Q.183	Tháng 12 năm 1416	1.668 thốt	10.000 chiếc
<i>Minh thực lục - Thái Tông thực lục</i> . Q.195	Tháng 12 năm 1417	1.252 thốt	10.000 chiếc
<i>Minh thực lục - Thái Tông thực lục</i> . Q.207	Tháng 12 năm 1418	1.288 thốt	10.000 chiếc
<i>Minh thực lục - Thái Tông thực lục</i> . Q.219	Tháng 12 năm 1419	1.325 thốt	10.000 chiếc
<i>Minh thực lục - Thái Tông thực lục</i> . Q.232	Tháng 12 năm 1420	2.265 thốt	10.000 chiếc
<i>Minh thực lục - Thái Tông thực lục</i> . Q.244	Tháng 12 năm 1421	1.535 thốt	7.535 chiếc
<i>Minh thực lục - Thái Tông thực lục</i> . Q.254	Tháng 12 năm 1422	1.390 thốt	8.430 chiếc
<i>Minh thực lục - Thái Tông thực lục</i> . Q.254	Tháng 12 năm 1423	1.747 thốt	10.000 chiếc

1. (Việt) *Đại Việt thông sử*. Tr.87.

Bản Hán văn *An Nam chí lược* hiệu bản do Ủy ban Phiên dịch sử liệu Việt Nam thuộc Đại học Huế thực hiện, in trong bản dịch *An Nam chí lược* xuất bản năm 1961, có một số điểm chưa hợp lý về mặt cú pháp dẫn đến việc phiên dịch thiếu chính xác. Đặc biệt phần *Chương phục* mô tả trang phục của vua quan thời Trần do người dịch không nắm được các kiến thức về phục trang nên cách hiểu và phiên dịch có nhiều sai sót. Ngoài ra, hiệu bản này dựa vào bốn dị bản lưu hành hiện nay là Lạc bản, Nội bản, Tĩnh bản, Anh bản, song so với bản Văn Uyên các vẫn có đôi chỗ xuất nhập. Nay chúng tôi đối chiếu Hiệu bản của Đại học Huế với bản Văn Uyên các, lập ra bản hiệu chính này, đồng thời cú pháp và phiên dịch lại như sau:

Nguyên văn:

國主之冠曰平天冠、卷雲冠、芙蓉冠，服袞衣，金龍帶，領掛白羅蹙錦（《校本》作“錦巾”。《文版》作“錦”，無巾字）嵌金珠方心曲領，手執圭，凡節禮受臣拜賀。王冠三級，侯冠二級，明字冠一級，名拱宸冠，上綴金蜂蝶，大小疎密有差。親王著銷金紫服。侯、明字著鳳魚綉服，大僚班而下袞冕各有級等。文班加金魚。員外郎、郎將戴金銀間道冕，令書舍至校書郎上制侍禁皆戴銀冕。冕大禮則用之。常禮止幘頭紫服，如恭侯書舍翁類也。帶或犀或金，各依品等，象牙笏同。職官、借職等幘頭紫服，角帶，無笏，叉手拜。國主平居戴唐巾，常服貴白。國人著白者為僭制，惟婦女不禁。其裝飾，王侯及庶民常著團領玄裳，白羅紈袴，鞋尚革。王侯私謁國主不巾，示其親貴，庶民並不得。侍近內官上品戴揚棠冠（《文版》所載同。《校本》作“揚裳”），綴金蜂蝶，疎密不同。著服，中品冠服製色稍減，下品素（《文版》同。《校本》作“紫”）揚棠冠紫服，皆叉手拜，無笏。上品常戴之中以紫絨間碧為六鬚，綴巾後橫帶，示其貴也，中品紫鬚，下品皂鬚，環以紫磨金玳瑁為之，異矣。

Dịch nghĩa:

Quốc chủ có mũ Bình Thiên, mũ Quyển Vân, mũ Phù Dung, mặc áo Cổn, đeo đai Kim Long, cổ khoác phương tâm khúc lĩnh bằng là trắng thêu bó gấm đính vàng, trân châu, tay cầm ngọc khuê, phàm tể lệ nhận quần thần lạy mừng. Mũ của tước vương ba bậc, mũ của tước hầu hai

bậc, mũ của tước minh tự một bậc, tên là mũ Cung Thần, phía trên đính hình ong bướm bằng vàng, to nhỏ dày thưa khác biệt. Thân vương mặc áo bào tía dát vàng. Tước hầu và tước minh tự mặc áo bào thêu hình phượng cá. Từ đại liêu ban trở xuống mặc Cổn Miện tùy theo cấp bậc, ban vẫn đeo thêm Kim Ngư đai. Viên ngoại lang, lang tướng đội mũ Miện có các viền vàng bạc đan xen; từ lệnh thư xá tới hiệu thư lang thượng chế thị cấm đều đội mũ Miện bạc. Mũ Miện dùng trong các dịp đại lễ.

Lễ thường chỉ đội mũ Phốc Đầu, áo bào tía, như cung hầu, thư xá ông. Đai hoặc bằng sừng tê, hoặc bằng vàng, tùy theo phẩm trật, hốt ngà cũng như vậy. Các chức quan và tá chức đội mũ Phốc Đầu, áo bào tía, đai sừng tê, không mang hốt, chấp tay lạy.

Quốc chủ ngày thường đội mũ Đường Cân, thường phục coi màu trắng là màu sang quý. Người trong nước ai mặc màu trắng tức là tiếm chế, riêng phụ nữ không cấm. Về phục sức, vương hầu và thứ dân thường mặc áo cổ tròn, mặc thường màu đen, quần bằng là trắng, chuộng loại hài bằng da. Vương hầu gặp riêng quốc chủ không đội mũ, tỏ ý thân thiết quý mến, thứ dân không được như vậy.

Thị cận nội quan, thượng phẩm đội mũ Dương Đường, đính hình ong bướm bằng vàng, dày thưa khác biệt. Về trang phục, trung phẩm màu sắc áo mũ giảm xuống một chút, hạ phẩm đội mũ Dương Đường không trang sức, áo bào tía, đều chấp tay lạy (vua), đều không có hốt. Loại mũ thượng phẩm đội khi Thường triều dùng vải nhung màu tía pha biếc làm thành sáu tua, đính vào đai ngang ở sau mũ, tỏ ý cao quý vậy; trung phẩm dùng tua tía; hạ phẩm dùng tua đen; Cân hoàn làm bằng vàng thượng phẩm và đôi môi là khác biệt.





CHƯƠNG III. TRANG PHỤC THỜI LÊ



Đặt trong bối cảnh sau khi Chu Nguyên Chương đánh đổ chính quyền Mông Thát, lập nên triều đình Đại Minh với khao khát khôi phục chính quyền của người Hán, lập lại trật tự Hoa di thì những động thái của triều đình Đại Việt đã khiến ông vua Thái Tổ nhà Minh chuyển từ thái độ tin tưởng sang chán ghét, tạo cơ cho cuộc Nam xâm của Minh Thái Tông. Trong khi Triều Tiên, quốc gia có văn hiến lễ nhạc ngoài Trung Quốc thường được nhắc đến cùng nước Việt đương thời, đã hoàn toàn quy thuận, chỉ xưng vương, coi mối quan hệ Minh - Triều vừa là nghĩa quân thần, vừa là đạo cha con⁽¹⁾, thì riêng vua quan người Việt vẫn mang tâm thái làm chủ phương Nam. Vua Việt vẫn nghiêm nhiên tự xưng là hoàng đế.

Chu Nguyên Chương quan niệm: *“Từ xưa đế vương ngự trị thiên hạ, Trung quốc ở trong đế chế ngự di địch, di địch ở ngoài đế phụng sự Trung quốc, chưa nghe nói việc di địch ở Trung quốc để trị thiên hạ bao giờ⁽²⁾ [...] Phàm nơi nhật nguyệt chiếu tới, bất kể xa gần, đều coi như nhau,*

1. (Hàn) Sau khi nhà Minh sụp đổ, vương triều Triều Tiên vẫn tiếp tục sử dụng niên hiệu Sùng Trinh (vị vua cuối cùng của nhà Minh) cho tới tận đầu thế kỷ XIX. *Triều Tiên thực lục* không ít lần ca ngợi công ơn như “trời bề” của nhà Minh dành cho Triều Tiên, như *“Ôn tái tạo của Thần Tông hoàng đế* (chỉ Minh Thần Tông), *từ khi mở cõi đến giờ, chưa từng thấy chép vào điển tịch. Thứ gọi là Nhân, chẳng gì lớn bằng đạo cha con, Nghĩa chẳng gì lớn bằng đạo vua tôi là vậy. Mà trong đạo vua tôi, chịu ơn vô cùng, chưa từng có mối quan hệ nào như triều ta với Hoàng Minh vậy.*” (*Hiếu Tông thực lục*. Mục ngày Bính Tuất tháng 10 năm thứ 8. Nguyên văn: 神宗皇帝再造之恩, 自開劈以來, 亦未聞於載籍者。所謂仁莫大於父子, 義莫大於君臣是也。而君臣之中, 受恩罔極, 又未有若本朝之於皇明也); *“Triều ta đối với Đại Minh, là vua tôi mà cũng là cha con vậy.”* (*Hiếu Tông thực lục*. Mục ngày Bính Tuất tháng 7 năm thứ 16. Nguyên văn: 本朝之於大明, 君臣而父子也) v. v.

2. (Trung) *Minh Thái tổ thực lục* - Q.26 - Mục ngày Bính Dần, tháng 10 mùa Đông, Hồng Vũ nguyên niên. Nguyên văn: 自古帝王臨御天下, 中國居內以制夷狄, 夷狄居外以奉中國, 未聞以夷狄居中國治天下者也

vậy nên Trung Quốc đặt vững thì bốn phương yên bình.”⁽¹⁾ Chính vì vậy ngay sau khi lên ngôi, ông liền thực hiện kế hoạch tái thiết trật tự Hoa Di, yêu cầu các “thuộc quốc” nối lại quan hệ triều cống, trong đó Triều Tiên và An Nam là hai lân quốc được nhà Minh “ưu ái” hàng đầu. Quả thực, ngay sau khi nhà Minh thành lập, năm 1368 vua Trần Dụ Tông đã cử Doãn Thuần Thần sang sứ nhà Minh. Tại thời điểm này, vua Minh Thái tổ khen văn hiến nước Nam vẫn gìn giữ được chế độ cổ, không thay đổi theo phong tục Nguyên Mông, đồng thời tặng bốn chữ “Văn hiến chi bang”, sắp chỗ đứng của sứ thần An Nam lên trên sứ thần Triều Tiên ba bậc⁽²⁾, một sự ưu đãi hết sức hy hữu. Chính vua Minh Thái Tổ tuyên bố: “Trẫm làm vua thiên hạ, đã thành chính thống, từ nay cứ ba năm, các nước ở hải ngoại vào triều cống thì An Nam đứng đầu, sau đó tới Cao Ly, sau nữa tới Chiêm Thành, các nước đều dâng biểu xưng thần, hợp với quy chế cổ, trẫm hết sức khen ngợi.”⁽³⁾ Đại học sĩ triều Minh là Vương Ngao còn cho biết: “Khắp trong bốn bể, những nơi uy đức của nước nhà trải đến... không nơi nào không vào triều cống hằng năm, Triều Tiên và An Nam đã gần lại thân, là các nước có văn hiến có lễ giáo, vậy nên lễ tiết của triều đình đối với hai nước ấy là ưu ái nhất.”⁽⁴⁾



Ấn chương. 1. Hoàng Hậu chi bảo (Nhà Nguyễn); 2. Hoàng Hậu chi bảo (Nhà Thanh); 3. Chiêu Hiền vương hậu chi bảo (Nhà Triều Tiên).

1. (Trung) *Minh Thái tổ thực lục* - Q.37 - Mục ngày Nhâm Thìn, tháng 12, Hồng Vũ nguyên niên. Nguyên văn: 凡日月所照, 無有遠近, 一視同仁, 故中國奠安, 四方得所
2. (Việt) *Ức Trai di tập* - Q.6 - *Dư phục chí*. Tr.31. Nguyên văn: 又進我使位朝鮮三級之上, 及使回牛諒賁龍章金印皆來褒寵焉
3. (Trung) *Minh Thái tổ thực lục* - Q.47 - Mục ngày Nhâm Tuất, mùng 1, tháng 12, năm thứ 2 niên hiệu Hồng Vũ. Nguyên văn: 君臨天下, 已成正統, 于今三年, 海外諸國入貢者, 安南最先, 高麗次, 占城又次之, 皆能奉表稱臣, 合於古制, 朕甚嘉焉
4. (Trung) *Chấn trạch tập* - Quyển 11 - *Tổng tể Mã Lương quân sứ An Nam tự*. Nguyên văn: 國家威德所及, 薄海內外[...], 莫不歲時入貢, 而朝鮮、安南獨近且親, 號文而有禮, 故朝廷禮數視他國獨優

Tuy nhiên, quan hệ Việt - Minh chỉ trải qua một giai đoạn mật ngọt ngắn ngủi, bởi triều đình Đại Việt dù sao vẫn mang tâm thái của một quốc gia tự chủ, không muốn chịu sự chi phối của triều đình Trung Hoa. Bất kể những biến cố liên tiếp diễn ra trong nội bộ cung đình, hay sự xô xát thường xuyên với Chiêm Thành ở phương Nam, mọi việc đều do triều đình Đại Việt tự giải quyết, không cấp báo và cũng không nghe theo “lời dạy bảo” của thiên triều. Điều này được cho là sự “thiếu chân thành” trong việc thờ nước lớn, và cũng là nguyên nhân chính gây rạn nứt trong mối quan hệ Việt - Minh. Trong những chiếu sắc vua Minh Thái Tổ ban cho vua nhà Trần về sau, thường xuyên có lời nhắc nhở: “các đồ cống phẩm chỉ là bày tỏ tấm lòng thôi, nếu lòng thờ nước lớn mãi mãi bền chắc, thì đâu cần cống vật thịnh soạn⁽¹⁾ [...] Vật không cần nhiều, cốt ở lòng thành.”⁽²⁾ Tuy nhiên, vì việc tự ý hành xử và thường xuyên thác có chối tội của nhà Trần khiến vua Minh Thái Tổ hoàn toàn đánh mất “niềm tin” ở một phiên bang vốn được đánh giá ngang hàng với Triều Tiên ở lòng thành thần phục. Năm 1372, vua Minh Thái tổ tức khí nói: “Gian manh láo xược, sinh sự gây hiềm khích, lừa dối Trung Quốc [...] Từ nay An Nam triều cống, chớ có nhận.”⁽³⁾ Thậm chí vua Minh còn “định nghĩa”: “An Nam [...] bên trong lấy sự dối trá làm đầu, không có lòng thành của một nước nhỏ thờ nước lớn, là nước sinh sự.”⁽⁴⁾

Dù rằng vua Minh Thái Tổ đã liệt tên nước Việt vào trong mười lăm nước “bất chinh chi quốc”, dặn con cháu muôn đời không được động đao binh, song mối nguy ngại về một cuộc chiến tàn khốc vẫn khiến Tư đồ Chương Túc hầu Trần Nguyên Đán phải khuyên vua Trần Nghệ Tông “kính nước Minh như cha, yêu Chiêm Thành như



Vua Minh Thái tổ và Minh Thành tổ.

1. (Trung) *Minh Thái tổ văn tập* - Q.2 - *Dụ An Nam quốc vương chiếu*. 所貢表意而已. 若事大之心永堅, 何在物之盛
2. (Trung) *Minh Thái tổ văn tập* - Q.8 - *Mệnh Trung thư hồi An Nam công văn*: 物不在多, 惟誠而已
3. (Trung) *Minh thực lục* - *Thái tổ thực lục* - Q.47 - Mục ngày Bính Thìn, tháng 6, năm thứ 4 niên hiệu Hồng Vũ. Nguyên văn: 作奸肆侮, 生隙構患, 欺誑中國[...]自今安南入貢並毋納
4. (Trung) *Minh Thái tổ văn tập* - Q.6 - *Mệnh Trung thư dụ chỉ An Nam hành nhân sắc*. Nguyên văn: 安南人情禮意其彼中動以侮詐為先非以小事大之誠乃生事之國

con, như vậy thì nước nhà vô sự.”⁽¹⁾ Song dầu xét ở khía cạnh tâm lý hay diễn biến thời cuộc bấy giờ, việc kính nhà Minh như kính cha, yêu Chiêm Thành như yêu con là việc hoàn toàn không thể. Cuối cùng, năm 1406, vin có “phù Trần diệt Hồ”, Minh Thành Tổ Chu Đệ cử quân xâm lược Việt Nam, song ngay sau khi đánh bại cha con họ Hồ, ông ta lại nhanh chóng sáp nhập nước Việt vào bản đồ Trung Quốc, phỏng danh xưng cũ đặt quận Giao Chỉ, đồng thời ra lệnh “*binh lính vào nước ấy, ngoại trừ sách kinh và ván in của đạo Phật, đạo Lão không thiêu hủy; tất cả thư tịch, ván in cho đến những loại vở trẻ con quê mùa tập viết như “Thượng đại nhân, Khưu ất dĩ”*”⁽²⁾, một mảnh một chữ đều phải đốt hết. Khắp trong nước ấy phàm những nơi di tích có bia do Trung Quốc dựng thì giữ lại, còn các bia do An Nam dựng thì phá hủy hết, một chữ chớ để còn.”⁽³⁾

Năm 1407, Minh Thành tổ lại ra chỉ dụ nhắc lại việc trên: “*Nhiều lần đã ra chỉ dụ các người rằng: phàm ở An Nam, tất cả các ván khắc thư tịch cho đến từng mảnh từng chữ của loại vở trẻ con quê mùa tập viết như “Thượng đại nhân, Khưu ất dĩ”, cùng những tấm bia xú ất tự dựng lên, hễ trông thấy là hủy ngay lập tức, chớ để sót lại. Nay nghe nói sách vở thu được trong quân doanh, không ra lệnh cho binh lính đốt ngay, lại để xem xét rồi mới đốt. Trong khi quân lính phần đông không biết chữ, nếu thứ nào cũng làm như vậy, khi vận chuyển ắt sẽ mất mát nhiều. Từ nay, các người phải làm đúng như lời sắc trước, lệnh cho quân lính hễ thấy mọi thứ sách vở văn tự ở xú ất ấy là đốt ngay, chớ lưu lại.*”⁽⁴⁾ Như vậy, sau 20 năm

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 願陛下敬明國如父，愛占城如子則國家無事，臣雖死且不朽

2. (Việt) *Son cư tập thuật – Thượng đại nhân* cho biết: *Trẻ con mới tập viết chữ, ắt viết “Thượng đại nhân, Khưu ất dĩ, hóa tam thiên, thất thập sĩ, nhĩ tiểu sinh, bát cửu tử, giai tác nhân, khả tri lễ dĩ”* (Bậc đại nhân thời thượng cổ, chỉ có ngài Khổng Khưu mà thôi, ngài giáo hóa ba nghìn đồ đệ, có bảy mươi học trò giỏi, nay học trò nhỏ các người, tám chín đứa, làm điều nhân, biết lễ nghĩa), thiên hạ đều như vậy, không biết bắt đầu từ khi nào. Nguyên văn: 小兒習字必且曰：上大人，丘乙己，化三千，七十士，尔小生，八九子，皆作仁，可知禮也。天下皆然不知始何時

3. (Trung) *Việt Kiệu Thư* - Q.2. Dẫn theo *Thơ văn Lý Trần*. Tập 1. Tr.58. Nguyên văn: 兵入除釋道經板經文不毀外，一切書板文字以至俚俗童蒙所習如上大人丘乙己之類片紙隻字悉皆毀之，其境內凡有古跡中國所立碑刻則存之，但是安南所立者悉坏之，一字不存 Bản dịch trong sách *Thơ văn Lý Trần* có chỗ chưa được xác đáng, tí như câu “*俚俗童蒙所習如上大人丘乙己之類*” dịch là “*những loại (sách ghi chép) ca lý dân gian, hay sách dạy trẻ, như loại sách có câu “Thượng đại nhân, Khưu ất dĩ”*”. Từ “*Lý tục*” (lý: nhà quê; tục: thô tục) không phải “*loại sách ghi chép ca lý dân gian*”, có thể người dịch hiểu nhầm sang từ “*lý ngữ*”, “*lý ca*”. (Bản *Việt kiệu thư* in trong *Tứ khố toàn thư tồn mục tông thư - Sử bộ* - Q.162 - Tr.695 chép là “*lễ tục*”).

4. Như trên. Nguyên văn: 屢嘗諭爾凡安南所有一切書板文字以至俚俗童蒙所習如上大人丘乙己之類片紙隻字及彼處自立碑刻見者即便毀壞勿存。今聞軍中所得文字不即令軍人焚毀，必檢視然後焚之。且軍人多不識字，若一一令其如此必致傳遞遺失者多。爾今宜一如前敕號令軍中但遇彼處所有一應文字即便焚毀，毋得留存

thuộc Minh, cộng với kiếp nạn năm 1371 “*giặc Chiêm ủa vào thành [...] đốt trụi cung điện, nhà cửa. Thư tịch, sổ sách do vậy sạch không*”⁽¹⁾, đến thời Lê sơ, những bộ sách quan trọng ghi chép điển chương chế độ cụ thể của các triều đại trước đây hầu như đã mất tích⁽²⁾.

Cũng chính bởi sự mất mát thư tịch này, ngay từ thời Lê sơ, điển chương chế độ của các triều đại Lý, Trần đã khó có thể kê khảo tường tận. Vào thời vua Lê Thái Tổ và nửa đầu thời vua Lê Thái Tông, văn hóa thời Lê sơ vẫn có sự tiếp nối phong cách Lý - Trần. Riêng quy chế Thường phục của bá quan nhà Lê vẫn phỏng theo chế độ trang phục cũ của thời Trần - Hồ sau cải cách năm 1396. Tuy nhiên, quy chế này ngày càng thể hiện rõ tính chất “đại khái”, thiếu sự rạch ròi trong việc phân biệt phẩm trật của văn võ bá quan. Như năm 1434, “*tháng 8, ban cho học trò trong Quốc Tử giám và học trò các lộ huyện đều được mặc quan phục, đồng thời lại cho giáo thụ Quốc Tử giám, giáo chức ở các lộ huyện được đội mũ Cao Sơn*”⁽³⁾; đến

năm 1437, vua Thái Tông lại “*cho các quan võ cũng được đội mũ Cao Sơn giống như quan văn*”. Theo chế độ của nhà Hồ trước kia, quan văn từ lục phẩm trở lên đội mũ Cao Sơn, quan võ từ lục phẩm trở lên đội mũ Chiết Xung, đến đây, bất kể văn võ bá quan hay giáo thụ Quốc Tử giám, thậm chí giáo viên ở các lộ, huyện đều được đội cùng một loại mũ. Sự đại khái trong cách ăn mặc của bá quan chứng tỏ chế độ quan phục đương thời có nhiều khiếm khuyết, cần có một cuộc tái thiết trên diện rộng.



Trẻ em Việt Nam thời Nguyễn tập viết “Thượng đại nhân...” (Kỹ thuật người An Nam); Giấy tập viết của trẻ em thời Thanh (BTDTDL). “Thượng đại nhân, Không ất dĩ, hóa tam thiên, thất thập sĩ, nhĩ tiểu sinh, bát cửu tử, giai tác nhân, khả tri lễ dĩ”.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 閏三月，占城入寇[...]二十七日賊乱入城，焚毀宮殿，虜掠女子、玉帛以歸[...]賊燒焚宮室，圖籍爲之掃空，國家自此多事矣

2. Sau những đợt thiêu hủy thư tịch của Đại Việt, 12 năm sau, năm 1418, vua Minh lại sai Hạ Thanh, Hạ Thi sang “*lấy các sách vở ghi chép sự tích xưa nay của nước ta*” (*Toàn thư*). Các sách *Đại Việt thông sử* (Tr.101), *Loạt chí - Văn tịch chí* (Tr.63), *Cương mục* (Q.13) đều nhận định: “*Tướng nhà Minh, Trương Phụ lấy hết sách vở ghi lại sự tích của nước ta từ thời Trần trở về trước đưa về Kim Lăng*.” Song trên thực tế, biên mục sách Việt Nam thời Minh không xuất hiện những cuốn sách mà Phan Huy Chú, Lê Quý Đôn đã nêu. Nhiều khả năng phần lớn số sách Trương Phụ thu gom đã bị thiêu hủy.

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 八月，賜國子監生及路縣生徒著冠服，并與國子監教授及路縣教職著高山巾



Thường phục mũ Ô Sa áo bào đính Bô tử. 1. Quan Triều Tiên;
2. Quan Đại Việt triều Lê; 3. Quan nhà Minh.

Song vẫn do sự mất mát sử liệu, ngay cả vị nho thần uyên bác như Nguyễn Trãi cũng gặp nhiều khó khăn trong việc đặt định phẩm phục triều nghi. Vốn dĩ từ thời vua Thái Tổ đã lệnh cho Nguyễn Trãi đặt định chế độ quan phục, có lẽ việc chưa hoàn tất nên đến khi vua Thái Tông lên ngôi, sau một loạt các quy định áp dụng mũ Cao Sơn thời Hồ cho văn võ bá quan, cuối cùng vua vẫn một lần nữa lệnh cho Nguyễn Trãi cùng Thái giám Lương Đăng đặt lại chế độ quan phục. Song đến tháng 5 năm 1437, Nguyễn Trãi xin trả lại mệnh lệnh, không muốn tiếp tục hợp tác cùng Lương Đăng, nguyên nhân chính là do những điều Nguyễn Trãi “*thấy đều khác với Lương Đăng*”⁽¹⁾ Sau khi vua Thái Tông chấp thuận lời kiến nghị của Lương Đăng áp dụng chế độ lễ nhạc mới mà quá bán là chế độ áo mũ của nhà Minh, Nguyễn Trãi cùng một số vị triều thần như Nguyễn Truyền, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Liễu dâng sớ nói: “*Việc chế tác lễ nhạc ắt phải đợi có người đã rồi sau mới tiến hành, được như Chu Công về sau không có lời chê trách. Nay lại sai tay hoạn quan Lương Đăng chuyên trách việc đặt lễ nhạc, chẳng là làm nhục nước sao? Vả lại việc y làm đối trên lừa dưới, chẳng dựa vào đâu cả.*”⁽²⁾ Lương Đăng thanh minh: “*Thần không có học thức, không biết chế độ cổ, nay những việc đặt định đều dựa vào những điều mắt thấy mà thôi.*”⁽³⁾

Xét từ góc độ của Nguyễn Trãi, với nhân quan của một nho thần,

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 五月行遣阮鵬奏曰: 此者臣等與梁登同校定雅樂而臣所見與梁登不同, 願回所命。初太祖命阮鵬定冠服制, 未及施行

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 制禮作樂必待人後行, 如周公而後無間言。今使小豎梁登專定禮樂, 國得不辱乎? 且彼所為欺君罔下, 無所憑據

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 臣無學術, 不知古制, 今之所為盡其所見而已

áo mũ lễ nhạc được coi là văn hiến của một quốc gia phải được đặt định thận trọng, và phải cố gắng tối đa gìn giữ được chế độ cổ theo đúng truyền thống Nho gia. Nguyễn Trãi và các triều thần đồng tâm tôn sùng Chu Công, bậc vĩ nhân được Khổng Tử hết lời ca ngợi vì công lao tái thiết, duy trì chế độ lễ nhạc cổ của nhà Chu. Tuy nhiên, sau khi du nhập và được đặt định nhiều lần qua các triều đại Lý - Trần - Hồ, văn hiến Nho giáo đã có những nét đặc sắc riêng biệt tại triều đình Việt Nam. Đặc biệt, từ sau cải cách của Hồ Quý Ly, áo mũ Đại Việt phần lớn được mô phỏng từ quan phục Hán - Đường. Đến thời vua Lê Thái Tổ, Nguyễn Trãi được giao nhiệm vụ tái thiết áo mũ lễ nhạc, song thành quả khảo cứu của ông thể hiện ở việc áp dụng mũ Cao Sơn cho bá quan ngày một tỏ rõ sự khiếm khuyết, khiến cuối cùng ông và các Nho thần phải tự nhận rằng: việc đặt định lễ nhạc phải đợi có nhiều người đọc thông biết rộng, nắm rõ quy chế cổ mới có thể hoàn thành. Đối với trang phục của nhà Minh



Áo thời Nguyên, áo thời Minh sơ kỳ (thời Hồng Vũ), áo thời Minh hậu kỳ. (*mingyiguan*).

đương thời, Nguyễn Trãi nhận định “*Người Ngô lâu ngày nhiễm thói tục của người Nguyên, tóc xỏa, răng trắng, áo ngắn mà tay áo dài, mũ xiêm lòa lẹt, lớp lớp như lá. Người Minh tuy khôi phục áo mũ Hán Đường xưa, nhưng thói tục vẫn không đổi*”⁽¹⁾, ngụ ý không nên noi theo.

Trong khi đó, Lương Đăng là một viên hoạn quan phục vụ trong cung đình, chắc hẳn đã trông thấy nhiều dạng áo mũ lễ nhạc nơi cấm cung, được cho là người có hiểu biết chút ít, nên được giao nhiệm vụ hợp tác cùng Nguyễn Trãi để đặt định lễ nhạc. Nếu đánh giá Lương Đăng chỉ đơn thuần là tay hoạn quan không có học thức, gây ra mối hại to

1. (Việt) *Ức Trai di tập* - Q.6 - *Dư địa chí*. Nguyên văn: 吳人久淪元俗, 被髮白齒, 短衣長袖, 冠裳燦爛, 如葉之重者。明人雖復漢唐衣冠之舊而其俗未變

lớn cho văn hóa Đại Việt thì không thỏa đáng. Đặt trong bối cảnh triều đình Đại Việt vừa phục hồi, sách vở thư tịch nhất thời gần như trắng trơn, điển chương chế độ khiếm khuyết, các Nho thần loay hoay chờ đợi thêm người, trong khi chế độ lễ nhạc của nhà Minh đã có sự kế thừa và phát triển từ văn hóa truyền thống, riêng trang phục cung đình được coi là đỉnh cao của nghệ thuật trang phục cổ đại Trung Hoa, có sức ảnh hưởng mạnh mẽ tới Triều Tiên và Lưu Cầu, thì việc vua Lê Thái Tông chấp thuận kiến nghị của Lương Đăng, sao phỏng một phần quy chế áo mũ lễ nhạc của nhà Minh áp dụng vào triều đình Đại Việt là một xu thế tất yếu. Mặt khác, chế độ áo mũ mới được đặt định, dẫu nói thế nào vẫn là sản phẩm chung của Lương Đăng và Nguyễn Trãi, bởi nhiều loại áo mũ thời Trần - Hồ vẫn được duy trì sử dụng đến tận thời Lê Trung Hưng mà không bị thay thế toàn bộ bằng áo mũ kiểu Minh. Chính vì vậy, trong bài thơ chúc mừng Gián nghị đại phu Nguyễn Úc Trai, Phan Phu Tiên vẫn khẳng định công lao chế tác ra quy chế lễ nhạc mới của Nguyễn Trãi⁽¹⁾. Quy chế lễ nhạc mới này kể từ tháng 11 năm 1437 được chính thức áp dụng trong các dịp Thánh tiết, Chính đán, Sóc vọng, Thường triều và Đại yến⁽²⁾.

TRANG PHỤC THỜI LÊ SƠ (1428-1527)

Trang phục thời Lê sơ có thể phân thành ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất, từ năm 1428 đến năm 1437, triều đình Lê sơ bảo lưu một phần chế độ trang phục của nhà Trần - Hồ, thể hiện ở việc lần lượt quy định bá quan văn võ đội mũ Cao Sơn và duy trì các loại mũ Đinh Tụ, Tứ Phương Bình Đỉnh trong quân đội. Giai đoạn thứ hai, từ năm 1437 đến năm 1499, vua Lê Thái Tông, Lê Thánh Tông lần lượt cho sao phỏng chế độ áo mũ của nhà Minh thể hiện ở các quy chế Công phục - Phốc Đầu và Thường phục - Ô Sa, đặc biệt là quy chế Bồ tử. Giai đoạn thứ ba, từ năm 1499 đến hết thời vua Lê Chiêu Tông, triều đình nhà Lê thực hiện các cải cách trang phục thông qua quy định về chất liệu áo mũ, hình dạng Bồ tử và quy chế trang sức trên mũ Phốc Đầu.

1. (Việt) *Úc Trai di tập* - Q.1 - *Hạ Gián nghị đại phu Nguyễn Úc Trai*. Nguyên văn: 禮樂規模製作新.

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 頒新定聖節、正旦、朔望、常朝、大宴等禮儀

Xét về kiểu dáng và trường hợp sử dụng, trang phục thời Lê sơ có ba điểm khu biệt với trang phục thời Lê Trung Hưng. Thứ nhất, vào dịp đại lễ, các vua Lê sơ mặc Lễ phục Cổn Miện, các vua Lê Trung Hưng chỉ mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên, vốn là Thường phục của các vua thời Lê sơ. Thứ hai, trang phục bá quan thời Lê sơ được phân làm ba loại trang phục: Triều phục, Công phục và Thường phục, còn trang phục Lê Trung Hưng hợp nhất quy chế Công phục và Triều phục, đồng thời phân chia rõ quy chế trang phục châu vua và trang phục hầu chúa. Thứ ba, thời Lê Trung Hưng triều đình thường xuyên lục đục, nên khác với tính ổn định của trang phục thời Lê sơ, trang phục Thường triều của bá quan lúc này thường “không theo quy định” khiến triều đình nhiều lần phải quy định lại phẩm phục triều nghi. Vậy nên tại chương này, chúng tôi phân trang phục thời Lê làm hai phần: trang phục thời Lê sơ (1428-1527) và trang phục thời Lê Trung Hưng (1533-1789), chủ yếu phân biệt ở trang phục của vua chúa, quan lại và quân đội. Trang phục hậu cung và trang phục dân gian chúng tôi kết hợp viết chung tại phần khảo về trang phục Lê Trung Hưng.

I. TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ

1. Lễ phục - Triều phục

Sau khi vua Lê Thái Tông chuẩn y tấu nghị của Lương Đăng, từ tháng 11 năm 1437 triều đình quy định, “ngày Mậu Thân là Kế Thiên Thánh tiết, từ buổi sớm, vua yết Thái Miếu, hành lễ tứ bái (bốn lạy), khi về cung, Lỗ bộ ty bày đặt nghi trượng, lỗ bộ ở sân Đan Trì, vua mặc Triều phục Cổn Miện, ngự ở điện Hội Anh, Đại đô đốc Lê Ngân cùng bá quan mặc Triều phục, làm lễ dâng biểu chúc mừng. Vua mặc Cổn Miện, bá quan mặc Triều phục bắt đầu từ đây.”⁽¹⁾ Theo Phan Huy Chú, “Miện phục của thiên tử từ thời Lý Trần trở về trước không thể khảo được [...] Miện phục



Mũ Miện 12 lưu của thiên tử nhà Chu, dây hoành buộc cổ màu son.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 戊申，繼天聖節。是日早，帝謁太廟，行賜拜禮，還宮鹵簿司盛設鹵簿儀仗於丹墀，帝御袞冕朝服，御會英殿，大都督黎銀出百官著朝服，行進慶下表禮。帝御袞冕，百官著朝服自此始



Cổn Miện của vua Triều Tiên Thuần Tông. (Trang phục của chúng ta).

của các triều đại ở nước ta không có dấu tích, đến thời vua Lê Thái Tông mới chế ra mũ Miện, đời sau lại không sử dụng nữa. Từ thời Lê Trung Hưng về sau, vào các dịp đại lễ, hoàng đế chỉ đội mũ Xung Thiên.”⁽¹⁾ Như vậy, quy chế Cổn Miện dành cho thiên tử nhà Lê từ thời Trung Hưng về sau bị phế bỏ. Tuy nhiên, các đời vua Nhân Tông, Thánh Tông, Hiến Tông thời Lê sơ hẳn vẫn duy trì loại Lễ phục sang trọng bậc nhất này, dù cách nói của Phan Huy Chú có phần mập mờ, không minh xác.

Trên thực tế, nhà Hồ đã định ra quy chế Cổn Miện, song theo ghi chép của *Loại chí* thì nhà Lê sơ không kế thừa được quy chế Lễ phục này của nhà Hồ. Vậy nên việc vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông trong đại lễ lên ngôi mặc loại Lễ phục nào, hiện chưa thể khảo được. Sau khi phục quốc, Lê Lợi đã lên ngôi vua, có điều do vấn đề thời gian và tư liệu nên phải đến thời vua Lê Thái Tông, quy chế Cổn Miện dành cho thiên tử phương Nam mới được đặt định. *Toàn thư* ghi nhận, ngày 12 tháng 11 năm 1483, vua Lê Thánh Tông đã đề vào bản thảo bài tựa cuốn *Thiên Nam dư hạ tập* của Đại học sĩ Thân Nhân Trung rằng: “Vải dệt lông chuột lửa/ Tô ngũ sắc tằm bằng/ Lại tìm tay vô địch/ Cắt may áo Cổn long”⁽²⁾. Tấm bia *Đại Việt Lam Sơn Dụ lăng bi* lại cho biết trong lễ cày ruộng Tịch điền, vua Lê Hiến Tông mặc áo Cổn, đội mũ Miện có dây hoàng màu đỏ son (Đế tại Tịch điền/ Chu hoàng Cổn Miện). Vậy thì ít nhất đến thời vua Hiến Tông, trang phục Cổn Miện vẫn được duy trì làm Lễ phục – Triều phục của đế vương.

Ngoài ra, trong thời gian trị vì của vua Nhân Tông, Thánh Tông, Hiến Tông, chúng ta đều thấy các vị vua Đại Việt này lần lượt phái sứ thần sang nhà Minh xin ban Cổn Miện, trên thực tế nhằm “hợp pháp hóa” quy chế Cổn Miện và đòi hỏi sự công nhận của vua Minh với tư cách

1. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Quan gia quan phục chi chế. Nguyên văn: 按李陳以前，天子冕服不可復考，見於史者，惟此二條[……]我國歷代冕服無徵，至黎太宗始制冕，其後竟不復行。中興以來，皇上御大禮，惟服衝天冠

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 帝題大學士申仁忠天南餘暇集序藁云 “火鼠千端布，冰蠶五色絲，更求無敵手，裁作袞龍衣”



Đại Việt Lam sơn Dụ lăng bi (Lăng vua Lê Hiến Tông, Lam Kinh, Thanh Hóa.
“Mục mục Hiến Tông, tư tập tiên công [...] Đế tại Tịch điền, chu hoàng Cổn Miện”.

là vua nước Nam. Song trái với mong chờ của vua quan triều Lê, vua Minh từ đầu chí cuối đều không bằng lòng để vua nước Việt mặc Cổn Miện. Bởi theo quan niệm của nhà Minh, trước sự “thần phục thiếu chân thành” của vua tôi nước Việt, vua Việt trên danh nghĩa là vương, nhưng thực chất là bề tôi của Trung Quốc, bị coi ngang hàng với quan nhất, nhị phẩm của nhà Minh. Cách đối đãi như vậy khác hẳn tình cảm đặc biệt của vua Minh dành cho vua Triều Tiên, khi năm 1403 vua Minh ban cho vua Triều Tiên Cổn Miện 9 lưu 9 chương, năm 1450 tiếp tục ban cho Thế tử Triều Tiên Cổn Miện 8 lưu 7 chương⁽¹⁾. Tại Triều Tiên, Cổn Miện chỉ được áp dụng làm lễ phục vua mặc khi lên ngôi, ngày mùng một Tết và khi đón sứ Trung Quốc. Trước khi trở thành Đại Hàn đế quốc vào năm 1897, Triều Tiên không tế trời một cách độc lập như Việt Nam.

Đối chiếu ghi chép của *Toàn thư* với *Minh thực lục*, *Minh sử*, ta được biết: tháng 10 năm 1441, vua Lê Nhân tông sai sứ thần sang nhà Minh tuế cống, đại thần Lê Thận phụ trách việc “xin áo mũ”⁽²⁾; năm 1442, khi sứ thần nước An Nam Lê Thận từ biệt vua Minh, vua Minh lệnh cấp trang phục Bì Biền, áo dệt vàng về ban cho quốc vương⁽³⁾. Năm 1456, vua Lê Nhân Tông tiếp tục phái sứ thần sang nhà Minh tuế cống đồng thời “cảm ơn (xin) ban Cổn Miện”⁽⁴⁾. *Minh thực lục* ghi lại sự việc

1. (Hàn) *Quốc triều ngũ lễ nghi* - Tự lệ nhất. Tr.112, 116.

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 冬十月，遣使如明，內密院副使阮日僉、知內密院副使阮有光、僉知密刑院陶孟珙歲貢，黎春求冠服

3. (Trung) *Minh thực lục* - Anh Tông thực lục - Q.90. Mục tháng 3 năm Chính Thống thứ 7. Nguyên văn: 安南國使臣黎春陛辭，命賞敕并皮弁冠服、金織襲衣等物歸賜其國王黎麟

4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 冬十月二十五日遣陪臣黎文老阮建美阮居道鄧惠連如明歲貢并謝賜袞冕。Các bản dịch Việt văn đều dịch thiếu từ “Cổn Miện”. Tuy nhiên, cách nói “cảm ơn ban Cổn Miện” của sứ quan nhà Lê đã khiến sứ thần nhà Nguyễn hiểu lầm, cho rằng “bấy giờ sứ Minh đến ban Cổn Miện, (vua) bèn sai bọn Trung thư lang Nguyễn Đình Mỹ sang Minh tuế cống, báo tạ việc ban y phục.” (Cương mục. Q.18. Nguyên văn: 冬十月遣使如明，辰明使來給袞冕，遂遣中書侍郎阮廷美等如明歲貢，拜謝賜服)

này cho biết: “Quốc vương An Nam Lê Tuấn (chỉ vua Lê Nhân Tông) tâu: ‘Đội ơn triều đình phong cho tước vương, thần vâng mệnh của triều đình đã hơn mười năm. Cúi mong ban cho thần Cống Miện, giống như lệ của quốc vương Triều Tiên’. Vua không cho.”⁽¹⁾ Việc sai sứ sang Minh xin Cống Miện vẫn tiếp tục được thực hiện vào thời vua Thánh Tông và vua Hiến Tông. Tháng 12 năm 1462, vua Lê Thánh Tông sai sứ thần sang nhà Minh tước cống đồng thời xin ban cho áo mũ⁽²⁾, lần này, vua Minh “ban cho Quốc vương An Nam Lê Hạo một bộ trang phục Bì Biên, một bộ thường phục bằng là đỏ, mũ Ô Sa, đai sừng tê (trang phục quan văn nhị phẩm theo như quy chế của nhà Minh - TQĐ chú) mỗi thứ một chiếc. Bởi Hạo sai bồi thần xin trang phục Cống Miện, vua không cho nên ban như vậy.”⁽³⁾ Minh sử ghi nhận: “Hạo sai sứ sang cống, nhân tiện xin trang phục Cống Miện, vua không cho, chỉ ban trang phục Bì Biên, mũ Ô Sa, đai sừng tê [...] Năm Hồng Trị thứ 10, Hạo chết [...] con là Huy kế vị [...] sai sứ sang cáo phó [...] Vua ban cho Huy trang phục Bì Biên, đai sừng tê dát vàng. Sứ thần An Nam nói, quốc chủ được phong vương, trang phục được ban tặng không khác gì trang phục của bề tôi, xin ban cho trang phục khác. Quan bộ Lễ nói: ‘An Nam trên danh nghĩa là vương, thực chất là bề tôi của Trung Quốc. Vua kế vị mới lập, ắt phải ban cho trang phục Bì Biên, để khiến cho không mất sự tôn nghiêm làm chúa tể một nước; lại ban cho Thường phục nhất phẩm, để không quên cái nghĩa bề tôi thờ Trung Quốc. Nay xin như vậy là làm loạn quy chế của triều đình, không thể chấp thuận được. Song những lời này không phải là tội của sứ thần, mà là lời tấu láo lếu của kẻ thông sự, phải trừng trị’. Song vua đặc biệt tha cho.”⁽⁴⁾

Như vậy, sau nhiều lần xin trang phục Cống Miện, nhà Minh chỉ ban tặng vua Lê trang phục Bì Biên, một loại Lễ phục của vua, hoàng tử, thân vương nhà Minh sử dụng trong những dịp lễ nhỏ. Đương thời, vua Lưu

Cầu và vua Triều Tiên cũng đều được nhà Minh ban tặng loại Lễ phục Bì Biên, riêng vua Lưu Cầu còn sử dụng Bì Biên làm Triều phục. Tuy nhiên, qua tư liệu văn tự và tranh tượng thời Lê hiện còn, chúng ta không thấy các vị vua thời Lê sơ sử dụng loại Lễ phục do vua Minh ban tặng. Kết hợp những thông tin trên với ghi chép của *Toàn thư* và *Đại Việt Lam Sơn Dụ lãng bi*, nhiều khả năng các vua Nhân Tông, Thánh Tông, Hiến Tông vẫn sử dụng trang phục Cống Miện, kế thừa quy chế của vua Lê Thái Tông. Có điều xuất phát từ tâm lý không thua Trung Quốc, các vua Lê sơ vẫn luôn quan tâm đến điển chương chế độ của nhà Minh. Như năm 1502, Ngự sử Quách Hữu Nghiêm đã lên mua một chiếc áo Long Cống, là hàng cấm của nhà Minh, nhân khi đi sứ.⁽¹⁾ Việc làm “tày trời” này không thể nào xuất phát từ bản ý của Quách Hữu Nghiêm mà chắc chắn có sự sai khiến ngầm của vua Lê Hiến Tông. Ở đây cần nói thêm rằng, thời kỳ đầu nhà Minh chỉ có một loại áo Long Cống, xét từ kiểu dáng đến trang sức, phần lớn tuân theo chế độ cổ thời Hán - Đường; tuy nhiên sau này, nhà Minh đã hợp nhất Long Cống với Long Bào, chế ra loại áo Cống hoàn toàn mới. Chúng tôi ngờ rằng, chiếc áo Long Cống mà Ngự sử Quách Hữu Nghiêm lên mua về Đại Việt chính là loại Long Cống “tân chế” của vua Minh.



1. Triều Tiên Thế Tông mặc Long bào; 2. Cung Hiến vương Lý Trinh nhà Minh mặc Cống Miện theo quy chế cổ; 3. Hưng Hiến đế triều Minh mặc Long Cống kiểu mới; 4. Lưu Cầu Thượng Trinh vương mặc trang phục Bì Biên.

2. Thường phục

a. Xung Thiên 衝天冠

Theo sự đặt định của Lỗ bộ ty đồng giám Lương Đăng, từ năm 1437,

1. (Trung) *Minh thực lục* - Anh Tông thực lục - Q.279. Mục tháng 6 năm Thiên Thuận nguyên niên. Nguyên văn: 安南國王黎淩奏:“欽蒙朝廷封以王爵, 臣祇承朝命已十餘年。伏望賜臣袞冕, 依朝鮮國王例”, 上不從
2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 十二月遣陪臣黎文顯、黃文午、謝子顛等如明歲貢并求賜冠服
3. (Trung) *Minh thực lục* - Hiến Tông thực lục - Q.3. Mục năm Thiên Thuận thứ 6. Nguyên văn: 賜安南國王黎灝皮弁冠服一襲、紅羅常服一襲、紗帽、犀帶各一。因灝遣陪臣請冕服, 上不允, 而有是賜
4. (Trung) *Minh sử* - Q.321 - An Nam truyện. Nguyên văn: 灝遣使來貢, 因請冕服, 不從, 但賜皮弁冠服及紗帽犀帶[...] (弘治)十年, 灝卒[...]子暉繼[...]遣使告訃[...]錄賜暉皮弁服、金犀帶。其使臣言, 國主受王封, 賜服與臣下無別, 乞改賜。禮官言: “安南名為王, 實中國臣也。嗣王新立, 必賜皮弁冠服, 使不失主宰一國之尊; 又賜一品常服, 俾不忘臣事中國之義。今所請, 紊亂朝制, 不可許。然此非使臣罪, 乃通事者導之妄奏, 宜懲”。帝特宥之

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 時明國皇后見我國使至, 差官收取函箱, 領入內殿, 討取異香。郭有嚴原有所買龍袞禁物, 貯在箱內, 恐明國檢得責之, 乃作戒本部榜文收取異香上進

“mồng một, ngày rằm vua mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên, ngồi lên Bảo tọa, bá quan đều mặc Công phục Phốc Đầu. Vào các buổi Thường triều, hoàng đế mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên ngồi lên Kim đài, bá quan mặc Thường phục áo cổ tròn, mũ Ô Sa.”⁽¹⁾. Vào thời kỳ này, khái niệm Công phục đã có sự phân biệt với khái niệm Thường phục. Đối với các vị vua thời Lê sơ, bất kể ngày rằm, mồng một hay các buổi Thường triều, các ông đều đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào.



Mũ Dực Thiện của vua Triều Tiên; Mũ Xung Thiên Việt Nam (thờ tại đình Nhật Lệ, Hà Nội. Cổ vật Thăng Long Hà Nội); Mũ Dực Thiện của vua Minh (Bảo tàng Cổ cung Bắc Kinh).

Phan Huy Chú định nghĩa mũ Xung Thiên tức mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn hướng lên trên, nên gọi là Xung Thiên.⁽²⁾ Theo quy chế của nhà Minh và Triều Tiên, loại mũ Thường triều của vua là mũ Dực Thiện, cũng có hai cánh chuồn hướng lên trời, song hầu hết là những chiếc mũ trơn, không có trang sức. Riêng vua Minh ngoài mũ trơn còn có loại mũ được sức trang sức hình rồng vàng, hoa vàng, bác sơn vàng. Qua khảo sát một số pho tượng và mũ thờ có kiểu dáng Xung Thiên, chủ yếu là sản phẩm thế kỷ XVIII, XIX, có thể nhận thấy tuyệt đại đa số các loại mũ này đều được đánh vô số trang sức và có dạng thức tương tự nhau. Mũ thờ thường có xu hướng phức hóa, khoa trương nên không thể coi là loại mũ tả thực. Song chúng tôi cho rằng việc sức trang sức vàng bạc lên mũ dường như đã trở thành truyền thống của các triều đại Việt nam, nên nhiều khả năng loại mũ Xung Thiên của các vị vua thời Lê sơ cũng được đánh một số trang sức bằng vàng nhất định.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 初一日、十五日則皇帝御皇袍衝天冠升寶座，百官具公服幞頭，常朝皇帝御黃袍衝天冠升金臺，百官著常服圓領烏紗帽

2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Quan gia quan phục chí chế. Nguyên văn: 衝天即幞頭也，惟兩翬向上，謂之衝天



1. Mũ thờ tại đình Nội Xá, Ứng Hòa; 2. Mũ Xung Thiên (*Kỹ thuật của người An Nam*); 3. Mũ thờ tại đình Đan Phượng, Hà Nội; 4. Mũ thờ thời Lê Trịnh (*Trang phục triều Lê Trịnh*); 5. Mũ thờ thời Nguyễn (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam); 6. Vua Lê Thánh Tông (chùa Huy Văn, Hà Nội); 7. Vua Triều Tiên Thái Tổ; 8. Vua Minh Nhân Tông; 9. Vua Lê Thần Tông (Chùa Mật. *Điêu khắc cổ Việt Nam*); 10. Vua Triều Tiên Anh Tổ; 11. Vua Minh Thần Tông.

b. Hoàng bào

Chỉ Nam ngọc âm định nghĩa: “Hoàng bào Tống tổ mặt phong mạ vàng. Đoàn lĩnh, áo chầu đỉnh đang.”⁽¹⁾ Áo bào dùng khi thiết triều đại

1. (Việt) *Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa*. Tr.118.

bào, Giao bào Triều phục của các quan tứ, ngũ phẩm triều Nguyễn. Đối chiếu hoa văn rồng thời Lê sơ, rồng thời Lý - Trần và hoa văn rồng Trung Quốc đầu thời Minh, có thể thấy rồng Việt Nam thời Lê sơ vẫn kế thừa và phát triển từ kiểu dáng rồng Lý - Trần, đồng thời cũng chịu sự ảnh hưởng nhất định từ kiểu dáng rồng của Trung Quốc đầu thời Minh.



Phục dựng mũ Xung Thiên và Hoàng bào thời Lê sơ (Tranh: TQĐ).

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Năm 1429, sau khi thống nhất đất nước, vua Lê Thái Tổ đặc ban cho “*các chức quan võ từ thượng tướng tước trí tự trở lên, quan văn từ nhập nội đại hành khiển tước quan phục hầu trở lên đều được mặc áo bào đỏ.*”⁽¹⁾ Đây cũng chính là phương thức ban thưởng “Tứ Phẩm” các vua Lý - Trần vẫn thường áp dụng để khen thưởng công thần. Tuy nhiên, theo quy chế thời Trần - Hồ, chỉ có các quan nhị phẩm mới được mặc áo bào đỏ, vậy nên năm 1437, vua Lê Thái Tông cho rằng “*các quan tam*

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 五月，旨揮係：文武職官，武自上將爵智字著服侯以上並聽服緋，文自入內大行遣冠服侯以上亦聽服緋



Hoa văn rồng ở thời Lê sơ (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam)

Toàn thư và *Loại chí* đều ghi nhận vào thời Lê sơ, khác với bá quan, trang phục của vua không phân biệt Công phục hay Thường phục, vào các buổi Thường triều ngày mồng 5, 10, 20, 25 cho đến ngày rằm và mồng một, vua Lê đều đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào. Cho đến nay, ngành khảo cổ mới chỉ phát hiện được hiện vật Long bào (Hoàng bào) của vua Lê Dụ Tông, tuy nhiên dạng thức và bố cục hoa văn thêu trên những tấm Long bào này mang nặng ảnh hưởng kiểu cách Bào phục của Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh, có lẽ được đặt định sau khi Tham tụng Nguyễn Công Hãng đi sứ nhà Thanh năm 1720. Vì vậy không thể coi Long bào của vua Lê Dụ Tông là loại Long bào tiêu biểu của triều Lê. Chúng tôi cho rằng, vào thời Lê sơ, Long bào của vua Lê vẫn là dạng Long bào thêu hoa văn rồng ở hai vai và vùng bụng. Kiểu cách này chúng ta vẫn có thể thấy qua tượng Yển Quận công chùa Sở, tranh chân dung tá Thái tử Kiến Trung hầu Trịnh Đình Kiên thời Lê Trung Hưng và dạng thức Hoa



Tượng Yển quận công chùa Sở (Cổ vật Thăng Long Hà Nội); Tả Thái tử Trịnh Đình Kiên (nhà thờ họ Trịnh tại Thành Công, Hà Nội).

1. (Việt) *Nhật dụng thường đàm*. Nguyên văn: 圓領襖古乾



1. Ròng thời Lý (Hoàng thành); 2. Ròng thời Tống (Cẩm tú văn chương); 3. Ròng thời Lê sơ (Bản rập họa tiết mỹ thuật cổ Việt Nam); 4. Ròng thời Minh sơ trên Long bào của vua Minh Thành tổ; 5. Ròng thời Lê sơ (Bảo tàng Lịch sử); 6. Ròng thời Minh sơ trên Măng bào của Vương Ngao.

phẩm mặc áo màu đỏ không hợp với chế độ cổ, muốn hạ lệnh đổi thành áo màu xanh. Đại tư mã Lê Sát nói: “Tiên Đế gây nền dựng nghiệp, ý muốn phân biệt tôn ti để biểu dương công thần, chế độ ấy đã định, há nên thay đổi?” Vua Lê Thái Tông đành nghe theo.⁽¹⁾ Trong những năm 1434 đến 1437, triều đình Lê sơ lần lượt quy định bá quan văn võ nhất loạt đội mũ Cao Sơn. Đến giữa năm 1437, vua Lê Thái Tông lệnh cho Nguyễn Trãi và Lương Đăng đặt định lại chế độ quan phục. Kể từ đây, một phần quy chế áo mũ của nhà Minh được áp dụng vào triều đình Đại Việt, làm tiền đề cho những đợt sao phỏng Minh chế diễn ra dưới thời vua Lê Thánh Tông và các triều vua Lê, Nguyễn về sau.

Theo quy chế mới: “*Lễ có Đại triều và Thường triều. Như lễ tế Giao,*

Cáo miếu, Thánh tiết, mồng một Tết Nguyên Đán thì áp dụng lễ Đại triều, hoàng đế mặc Cổn Miện, lên ngôi ngai báu, bá quan đều mặc Triều phục; còn như mồng một và ngày rằm thì hoàng đế mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên, lên ngôi Bảo tọa, bá quan đều mặc Công phục Phốc Đầu. Thường triều hoàng đế mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên, lên ngôi Kim đài, bá quan đều mặc Thường phục áo cổ tròn, mũ Ô Sa [...]”⁽²⁾

Theo quy chế này, Triều phục được quy định là loại trang phục mặc trong lễ tế Giao, Cáo miếu, Thánh tiết, mồng một Tết Nguyên Đán, chỉ trang phục Lương Quan kết hợp với Chu phục, vốn là quy chế có từ thời Tống, bị phế bỏ vào thời Nguyên. Công phục là trang phục mặc vào ngày

mồng một và ngày rằm, chỉ trang phục mũ Phốc Đầu kết hợp với Bào phục (phẩm cấp được phân biệt bởi màu sắc áo bào). Thường phục là trang phục mặc vào những buổi Thường triều ngày 5, 10, 20, 25, chỉ trang phục mũ Ô Sa kết hợp với áo bào cổ tròn đính Bồ tử (phẩm cấp được phân biệt ở hình thù trên vuông vải đính ở trước ngực và sau lưng). Tuy nhiên, từ năm 1500 trở về sau, khái niệm Công phục lại được hợp nhất với khái niệm Triều phục.

Tuy *Toàn thư* nhiều lần đề cập đến Triều phục dành cho bá quan nhà Lê sơ sau khi áp dụng chế độ quan phục của nhà Minh, song không hề đề cập tới quy chế cụ thể của Lương quan Chu phục. Có điều, trong *Thập giới cô hồn quốc ngữ văn*, vua Lê Thánh Tông đã nhắc đến mũ Điều Thiên qua câu thơ: “*Có kẻ đội Điều Thiên nhẵn mặt, có người vận Giải Trãi ngang ngang*” và trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ cũng đề cập tới chiếc mũ Giải Trãi của thân phụ mình, đồng thời hé lộ cho chúng ta biết vào thời Lê Trung Hưng, kiểu dáng mũ Giải Trãi khác với mũ Phốc Đầu (mũ Giải Trãi triều Nguyễn là mũ Phốc Đầu đính thêm hai chiếc sừng nhỏ trên trang sức Búc sơn). Cứ liệu này khiến chúng tôi ngỡ rằng, có thể vào triều Lê sơ, quy chế Lương quan (với ba loại mũ Tiến Hiên, Điều Thiên, Giải Trãi) được tái du nhập làm Triều phục của bá quan nhà Lê, trước cải cách năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông. Riêng mũ Giải Trãi với kiểu dáng Lương quan vẫn được duy trì đến cuối thời Lê Trung Hưng.

1. Công phục - Triều phục

a. Phốc Đầu 幞頭冠

Như chúng tôi đã đề cập tại phần khảo về trang phục bá quan nhà Lý, năm 1059 là thời điểm mũ Phốc Đầu được chính thức áp dụng làm Thường phục cho bá quan Đại Việt. Quy chế này tiếp tục được áp dụng vào đầu thời Trần, bị phế bỏ vào năm 1300 sau cải cách trang phục Thường triều của vua Trần Anh Tông. Vào thời thuộc Minh, nhà Minh quy định quan lại và sinh viên Việt Nam nhất loạt sử dụng mũ Phốc Đầu có cánh chuồn dài phẳng. Sau khi phục quốc, triều đình Đại Việt dưới thời vua Lê Thái Tổ và nửa đầu thời vua Lê Thái Tông đã áp dụng mũ Cao Sơn của nhà Trần – Hồ làm trang phục Thường triều, phải đến năm 1437, sau tấu nghị của Thái giám Lương Đăng, mũ Phốc Đầu mới quay trở lại làm Công phục của bá quan.

Năm 1499, quy chế mũ Phốc Đầu của bá quan nhà Lê được quy định: “*Công phục Phốc Đầu của các tước công, hầu, bá, phò mã và quan văn võ từ tam phẩm trở lên dùng cánh chuồn bằng sa đen, hơi dài và*

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 帝以三品官著紅色衣不合古制，欲命以青衣易之。大司徒黎察曰：先帝開基創業，意欲別其尊卑以表功臣，其制既定，豈宜更改？從之。

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 夫禮有大朝、常朝，如郊天、告廟、聖節、正旦則行大朝禮，皇帝服袞冕，升寶座，百官具朝服朝冠。如初一日、十五日則皇帝御黃袍衝天冠升寶座，百官具公服幞頭，常朝皇帝御黃袍衝天冠升金臺，百官著常服圓領烏紗帽[...]書奏，帝又命登定之[...]帝從登議，卒行之。



Mũ Ô Sa trong tranh chân dung Nguyễn Trãi (BTLSVN); Mũ Phốc Đầu trên tượng Thái giám Trịnh Đăng Đống (Mỹ Văn, Hưng Yên); Mũ Phốc Đầu của quan Võ và quan Văn triều Nguyễn (BAVH.1916). Vào thời Nguyễn, mũ Phốc Đầu tròn còn được gọi là mũ Ô Sa.

đều dùng đai tóc hương viên thau bọc đoạn thêu.”⁽¹⁾

Kết hợp sử liệu với tư liệu ảnh tượng thời Lê Trung Hưng, có thể suy đoán rằng, sau cải cách quan phục năm 1500, mũ Phốc Đầu đã chịu ảnh hưởng kiểu dáng của mũ Ô Sa. Cánh chuồn ở mũ Phốc Đầu lúc này trở nên tròn trịa và ngắn hơn trước. Tuy nhiên, hai dạng mũ Triều phục và Thường phục này vẫn có sự phân biệt rõ ràng, chủ yếu nằm ở hai điểm: 1. mũ Phốc Đầu làm bằng sa đen đính trang sức, mũ Ô Sa cũng làm bằng sa đen song chỉ là mũ trơn; 2. cánh chuồn ở mũ Phốc Đầu thuôn nhỏ, cánh chuồn ở mũ Ô Sa to ngắn.

b. Bào phục 袍服

Trước năm 1500, mũ Phốc Đầu được áp dụng làm Công phục, kết hợp với áo bào trơn. Phẩm trật của bá quan được phân biệt dựa trên sắc áo tương tự quy chế thời Lý, Trần, Hồ. Năm 1437, vua Lê Thánh Tông cho du nhập chế độ Bồi tử của nhà Minh, áp dụng làm trang phục Thường triều cho bá quan. Đến tháng 6 năm 1466, vua quy định phục sắc cho văn võ bá quan, lúc này các quan từ nhất phẩm đến tam phẩm mặc áo màu đỏ, tứ phẩm - ngũ phẩm mặc áo màu lục, còn lại đều mặc áo màu xanh⁽²⁾. Từ năm 1500 trở đi, mũ Phốc Đầu được quy định làm Triều phục, kết hợp với áo bào cổ tròn đính Bồi tử, thường gọi là Bồi phục.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 皇親諸公及文武三品以上，朝官用幘頭，皇親金飾，文武銀飾，服用紫色；補子：皇親諸公用麒麟，一二品文用仙鶴、武用獅子，三品文用錦雞、武用白澤；帶：用犀角，皇親金飾，文武一二品銀飾，三品玳瑁銀飾包紅羅。四品至五品，冠：武用銀笠，文用幘頭無飾，服用綠色；補子：四品武用虎、文用孔雀，五品武用豹、文用雲鴈；帶：文武並用玳瑁鑰飾包紅羅。六品以下，冠：武用朱笠、文用幘頭無飾，服用青色；補子：武用象、文用白鸞；帶：文武並用速香繞鑰包烏緞

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 六月，定文武服色，自一品至三品著紅衣，四五品著綠衣，餘著青衣



Mũ Phốc Đầu dáng vuông và mũ Ô Sa dáng tròn của nhà Minh (Không phủ).

Mũ Phốc Đầu và mũ Ô Sa

Từ nguyên mẫu mũ Phốc Đầu dáng vuông với hai cánh chuồn thuôn dài, nhà Minh chế ra loại mũ Ô Sa dáng tròn với hai cánh chuồn tròn ngắn. Mũ Ô Sa được dùng làm Thường phục, sử dụng trong những buổi Thường triều; mũ Phốc Đầu được dùng làm Công phục, sử dụng vào ngày rằm và mồng một.

to hơn mũ của các quan văn võ khác, không được dùng trang sức Dương Đường, không được chập hai cánh lại. Bá quan (từ tam phẩm trở xuống) vẫn theo kiểu cũ.”⁽¹⁾ Nghĩa là từ năm 1437 đến năm 1499, bá quan nhà Lê đều đội mũ Phốc Đầu có cánh chuồn thuôn nhỏ, từ năm 1499 trở đi, cánh chuồn trên mũ Phốc Đầu của các tước công, hầu, bá, phò mã và các quan nhất, nhị, tam phẩm mới được điều chỉnh cho dài và to bản hơn. Bên cạnh đó, trong triều đã xuất hiện nhiều trường hợp tự ý dùng trang sức Dương Đường đính lên mũ.

Năm 1500, thời vua Lê Hiến Tông, triều đình định ra quy chế áo

mũ mới cho bá quan⁽²⁾. Lúc này, mũ Phốc Đầu được sử dụng làm Công phục kiêm Triều phục, đồng thời được quy định: “Các vị hoàng thân và các quan văn võ từ tam phẩm trở lên, mũ Triều phục dùng mũ Phốc Đầu, hoàng thân trang sức vàng, văn võ trang sức bạc, phục sắc màu tía. Bồi tử thì hoàng thân và các vương công dùng Kỳ lân, quan văn nhất, nhị phẩm dùng Tiên hạc, quan võ dùng Sư tử, quan văn tam phẩm dùng Cẩm kê, quan võ tam phẩm dùng Bạch trạch. Đai thì dùng đai sừng tê, hoàng thân sức vàng, văn võ nhất, nhị phẩm sức bạc, tam phẩm sức đồi mồi bọc là đỏ. Tứ phẩm đến ngũ phẩm, quan võ dùng nón bạc, quan văn dùng Phốc Đầu không trang sức, phục sắc màu lục. Bồi tử thì quan võ tứ phẩm dùng Hồ, quan văn dùng Khổng tước, quan võ ngũ phẩm dùng Báo, quan văn dùng Vân nhạn. Đai thì quan văn võ đều dùng đai đồi mồi sức thau bọc là đỏ. Từ lục phẩm trở xuống, quan võ đội nón son, quan văn đội Phốc Đầu không trang sức, phục sắc màu xanh. Bồi tử thì quan võ dùng Tượng, quan văn dùng Bạch nhàn. Đai thì quan văn võ

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 詔自今，公侯伯駙馬文武三品以上公服幘頭，用黑紗翅，稍長大於文武官，不得用楊棠樣飾合翅。若百官仍舊樣

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 十月，定冠帽制。令禮部備榜諸王公侯伯駙馬內外文武百官儒吏軍色民人等照所用冠服制樣遵行



Quan văn và quan võ An Nam vẽ trong *Yên hành lục* của sứ thần Triều Tiên.

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ PHỤC SẮC CỦA BÁ QUAN NHÀ MINH, TRIỀU TIÊN VÀ NHÀ LÊ
(Theo *Minh sử*, *Triều Tiên vương triều thực lục* và *Toàn thư*)

	Nhà Minh	Nhà Triều Tiên	Nhà Lê	
			Từ 1429 - 1466	Từ 1466 về sau
<i>Nhất phẩm</i>	Đỏ	Đỏ	Tía	Đỏ
<i>Nhị phẩm</i>	Đỏ	Đỏ	Đỏ	Đỏ
<i>Tam phẩm</i>	Đỏ	Xanh	Đỏ	Đỏ
<i>Tứ phẩm</i>	Đỏ	Xanh	Lục	Lục
<i>Ngũ phẩm</i>	Xanh	Xanh	Biếc	Lục
<i>Lục phẩm</i>	Xanh	Xanh	Biếc	Xanh
<i>Thất phẩm</i>	Xanh	Lục	Biếc	Xanh
<i>Bát phẩm</i>	Lục	Lục	Xanh	Xanh
<i>Cửu phẩm</i>	Lục	Lục	Xanh	Xanh

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN ĐẠI VIỆT NĂM 1500
(theo *Cương mục*)

“Hoàng thân đội mũ Phốc Đầu sức vàng, đai sừng tê sức vàng, Bỏ tử Kỳ lân, phục sắc màu tía.”

Phẩm cấp	Quan Văn				Quan Võ			
	Mũ	Đai	Bỏ tử	Phục sắc	Mũ	Đai	Bỏ tử	Phục sắc
<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc	Tiên hạc	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc	Sư tử	Đỏ
<i>Nhị phẩm</i>	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc	Tiên hạc	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc	Sư tử	Đỏ
<i>Tam phẩm</i>	Phốc Đầu sức bạc	Đai đôi mỗi sức bạc bọc là đỏ	Cầm kê	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai đôi mỗi sức bạc bọc là đỏ	Bạch trạch	Đỏ
<i>Tứ phẩm</i>	Phốc Đầu tron	Đai đôi mỗi sức thau bọc là đỏ	Khổng tước	Lục	Nón bạc	Đai đôi mỗi sức thau bọc là đỏ	Hổ	Lục
<i>Ngũ phẩm</i>	Phốc Đầu tron	Đai đôi mỗi sức thau bọc là đỏ	Vân nhạn	Lục	Nón bạc	Đai đôi mỗi sức thau bọc là đỏ	Báo	Lục
<i>Lục phẩm trở xuống</i>	Phốc Đầu tron	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm	Bạch nhàn	Xanh	Nón son	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm	Tượng	Xanh

2. Thường phục

a. Ô Sa 烏紗帽

Mũ Ô Sa là phiên bản dạng tròn của mũ Phốc Đầu, nhà Lê áp dụng làm trang phục Thường triều cho bá quan kể từ năm 1437. Bức họa chân dung Nguyễn Trãi hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, bức họa

quan An Nam thời Lê trong *Hoàng Thanh chúc cống đồ* và bức tranh quan Nghè vẽ trong *Những khu truyền giáo của cha Marini* đều thể hiện rõ loại mũ Ô Sa tron theo quy chế của nhà Minh.



1. Quan Lưu Cầu (*Tranh Ogoe thời xa xưa*); 2. Chân dung Nguyễn Trãi, quan thời Lê sơ Việt Nam (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam); 3. Chân dung Từ Quang Khải, quan nhà Minh Trung Quốc; 4. Chân dung Trương Mạt Tôn (Jang Mal Son) quan Triều Tiên (mingyiguan). Trong bài thơ *Tặng sứ thần Lưu Cầu*, Phùng Khắc Khoan viết: “*Núi sông phong vực tuy khác biệt, áo mũ lễ nhạc lại giống nhau*” (山川封域雖云異, 禮樂衣冠是則同). Câu thơ không hẳn là sáo ngữ, mà phản ánh khá chân thực cục diện lễ nhạc áo mũ tương đồng giữa các nước Việt - Minh - Triều Tiên - Lưu Cầu khoảng thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII.

Ngày 26 tháng 5 năm 1486, vua Lê Thánh Tông quy định, “*kể từ nay, văn võ bá quan vào chầu đội mũ Ô Sa, hai cánh nên nhất loạt hơi hướng về phía trước, không được tự ý để cánh chuồn phẳng hoặc lệch.*”⁽¹⁾ Loại mũ Ô Sa có hai cánh uốn cong về phía trước cũng chính là quy chế mũ Thường phục của bá quan Triều Tiên cùng thời.



Mũ Ô Sa của quan Triều Tiên (Bảo tàng Folklore Seoul. Ảnh: TQĐ).

b. *Bổ phục* 補服

Từ năm 1437 đến năm 1471, Thường phục của bá quan nhà Lê là mũ Ô Sa tron kết hợp với áo bào đoàn lĩnh tron tương tự bá quan Triều Tiên trước năm 1454 tính từ thời điểm áp dụng quy chế *Bổ tử* (sớm hơn Việt Nam mười bảy năm). Quy định về phục sắc Thường phục Ô Sa tương tự phục sắc Công phục Phốc Đầu: nhất phẩm đến tam phẩm mặc áo màu đỏ, tứ phẩm - ngũ phẩm mặc áo màu lục, còn lại đều mặc áo màu xanh.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 定朝冠: 繼今文武百官進朝戴烏紗帽, 兩翅宜一體稍仄向前, 不得任意或平或仄

Tháng 9 nhuận năm 1471, vua Lê Thánh Tông chính thức áp dụng quy chế Thường phục *Bổ tử* của nhà Minh. Tháng 10 năm 1488, vua tiếp tục đặt ra quy định về kích cỡ áo bào Thường phục và Triều phục dành cho bá quan, theo quy chế mới, “*áo dài cách đất 2 tấc (khoảng 8cm), ống tay áo rộng 1 thước 3 tấc (khoảng 50cm).*”⁽¹⁾



Quan lại An Nam mặc Thường phục (năm 1751) qua 3 dị bản của *Hoàng Thanh chúc cống đồ*. 1. Bản dẫn theo *Yên Hành lục* (Hàn Quốc). 2. Bản dẫn theo *Hoàng Thanh chúc cống đồ*, ký hiệu 二 16. 22421 thư viện trường đại học Waseda (Nhật Bản). 3. Bản dẫn theo Tạp chí *Từ Cẩm Thành* kỳ 131 tháng 4.2005 (Trung Quốc).

Bổ tử 補子 (Bổ: vá; Bổ tử: miếng vá): chỉ vuông vải thêu hình chim muông kết hợp với cỏ cây, hoa lá, mây nước v.v. đính ở trước ngực và sau lưng áo bào, dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan. Quy chế này manh nha từ thời Nguyên và hoàn bị vào thời vua Minh Thái Tổ. *Bổ tử* của quan văn thêu hình chim, *Bổ tử* của quan võ thêu hình thú. Vì là vuông vải đính ở trước ngực và sau lưng, *Bổ tử* vốn có tên *Hung bối* 胸背 hoặc *Hoa dạng* 花樣. Thuật ngữ *Hung bối* được sử dụng phổ biến tại Triều Tiên và Trung Quốc trước thời Gia Tĩnh. Từ cuối thời Minh, thuật ngữ này bị thay thế bởi cách gọi *Bổ tử*. Qua lời dụ vào tháng 9 năm 1471, ta thấy vua Lê Thánh Tông cũng từng dùng từ *Hung bối* để chỉ *Bổ tử*. Chứng tỏ tên gọi *Hung bối* là tên gọi sớm nhất, được sử dụng cả ở Việt Nam lẫn Trung Quốc và Triều Tiên.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 十月九日, 定進朝儀新樣衣服, 其製衣長去地二寸, 袖寬一尺三寸

Toàn Thư cho biết: Tháng 9 nhuận năm 1471, vua Lê Thánh Tông đặt định quy chế y phục Bồi tử. Vua ra chỉ dụ nói: “Triều đình là nơi lễ nhạc, y phục là vẻ điểm tô... Nước ta vốn yên Khu Hạ⁽¹⁾, theo lễ văn xưa, quan phục trên dưới, văn thêu chim, võ vẽ thú, từ xưa đã có chế độ... Nay quan viên bá tánh các người, hãy nghe lời trẫm, **Hung bối** trên quan phục của văn võ bá quan nhất nhất phải noi theo quy chế đã định. Nội trong trăm ngày, ai không theo quy định, sẽ giáng cấp trị tội!” Mùa đông tháng 10, vua ban các kiểu **Hoa dạng Bồi tử**, đều là các hình cầm thú màu sắc. Các tước công, hầu, bá, phò mã đều thêu một con; Các chức quan văn võ, chính phẩm thêu một con, tòng phẩm thêu hai con; ngự sử và đường thượng quan thêu một con, phân ty thêu hai con. Các hình mây nước, sông núi, cây hoa, nhiều hay ít, thưa hay rậm đều cho tùy ý chế tác, không câu nệ. Các kiểu màu sắc vàng, đỏ, trắng, biếc, lục đều cho được tùy nghi. Khi thêu cũng không bắt buộc tất cả đều dùng kim tuyến; như hoa văn mây nước, sông núi, cầm thú thêu kim tuyến cũng được.”⁽²⁾



Bồi tử Bào của quan võ Tam phẩm nước Triều Tiên, Hàn Quốc (Bảo tàng Cổ Cung Quốc lập Seoul. Ảnh: TQĐ).

Sau lời dụ của vua Lê Thánh Tông, triều đình chắc hẳn đã ban bố một quy chế Bồi tử, quy định cụ thể hình chim muông ứng với từng cấp

1. Khu Hạ tức Hoa Hạ, Trung Hạ. Vua Lê Thánh Tông dùng từ này để chỉ Việt Nam.

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 朝廷乃禮樂之地，衣服為章彩之文[...]我國撫安區夏，稽古禮文，上下章服，文禽武獸，古有制矣[...]爾官員百姓等，其聽朕言，文武職官章服，胷背一循定制。百日之內，不依制者，降級治罪[...]冬十月，頒花樣補子畫圖，凡禽獸色物。公、侯、伯、駙馬並畫一；文武正品畫一；從品畫二；風憲、堂上官畫一；分司畫二；雲河、山水、花木等件，繁殺多少，隨意制作，不拘泥。青、黃、赤、白、金、碧、綠等彩色官樣從宜。繡造亦不必一槩金線；如雲河，如山水、禽獸，用金線亦許

bạc quan lại. Tuy nhiên, do sự thiếu hụt sử liệu, hiện chúng ta chưa thể biết quy chế Bồi tử năm 1471 quy định cụ thể thế nào. Đối chiếu quy chế Bồi tử của nhà Minh và quy chế Bồi tử năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông, có thể thấy sự phân biệt Hoa dạng Bồi tử của nhà Lê không kỳ lưỡng như quy chế của nhà Minh. Song, chiếu theo quy chế Triều phục năm 1500, có thể thấy triều đình vua Lê Hiến Tông đã **cho dùng hình tượng voi làm Bồi tử cho các quan võ từ lục phẩm trở xuống**. Đây chính là một sự “Việt hóa” trong quy chế Bồi tử, chỉ có ở Đại Việt triều Lê.



Thẻ bài ngà của Thị Giảng viện Triều Tiên. (Bảo tàng Cổ cung Quốc lập Seoul).

Về chất liệu áo bào, *Cương mục* cho biết, “các quan từ nhất, nhị phẩm trở lên dùng các hàng gấm vóc thêu hoa; từ tam phẩm đến ngũ phẩm dùng gấm vóc; từ lục phẩm trở xuống dùng gai, lĩnh. Mệnh phụ theo phẩm trật của chồng. Giám sinh, nho sinh, học sinh, sinh đồ, lại điển, con cháu quan viên đều dùng lĩnh, là. Dân gian đều dùng lĩnh, là, vải, lụa.”⁽¹⁾ Có điều, trang phục của bá quan vào mỗi mùa khác nhau lại được quy định khác nhau, như “từ tháng 10 trở đi, mặc áo là tơ gai, từ tháng 2 về sau, mới mặc áo the, nếu gặp ngày mưa gió, mặc áo bông the để hợp thời tiết.”⁽²⁾

Ngoài ra, bên cạnh một số quy chế áo mũ phỏng theo chế độ nhà Minh, các quy chế còn lại của nhà Lê vẫn noi theo chế độ cũ của thời Trần - Hồ. Trong khi nhà Minh phế bỏ quy chế Ngự đại vào thời vua Minh Thái Tổ, *Đại Việt thông sử* cho biết năm 1460, Lê Niệm vẫn được ban Kim Ngự đại. Từ năm 1460 trở về sau, chúng tôi không thấy sử liệu nào tiếp tục đề cập đến loại phục sức này. Như vậy có khả năng quy chế Ngự đại tới thời

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 常服：一二品以上用錦繡花綵各色；三品至五品用錦繡各色；六品以下用紵綾各色。命婦各從夫品。監生、儒生、學生、生徒、吏典、官員子孫並用綾羅各色。民庶並用綾羅布帛各色

2. (Việt) *Toàn thư*. Mục tháng 9 năm 1499. Nguyên văn: 公侯伯駙馬文武護衛等，繼今常朝衣服自十月以後著紵綾羅衣，二月以後著紗衣，如遇風雨日著紗綿布衣，以順時候

vua Lê Thánh Tông mới bị phế bỏ tại triều đình Đại Việt. Thay vào đó, năm 1467, vua Lê Thánh Tông quy định “*các quan vào triều tham đều đeo thẻ bài*.”⁽¹⁾ Đây cũng là quy chế chung của nhà Minh và Triều Tiên.



Bồ tử Kỳ lân. 1. Họa tiết Kỳ lân thời Lê Trung Hưng (*Bản rập họa tiết Mỹ thuật cổ Việt Nam*); 2. Bồ tử Việt Nam (*Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*); 3. Bồ tử thời Minh (*Cẩm tú văn chương*); 4. Bồ tử Triều Tiên (Bảo tàng Cổ cung quốc lập Seoul. Ảnh: TQĐ); 5. Bồ tử thời Thanh (*Thanh sử thông điển đồ lục*).

SO SÁNH QUY CHẾ BỐ TỬ CỦA NHÀ MINH NĂM 1391
VÀ QUY CHẾ BỐ TỬ CỦA NHÀ LÊ NĂM 1500
(theo *Minh sử* và *Cương mục*)

	Nhà Minh		Nhà Lê	
	<i>Các tước công, hầu, bá, phò mã thêu hình Kỳ lân, Bạch trạch</i>		<i>Bồ tử của hoàng thân và vương công thêu hình Kỳ lân</i>	
Phẩm cấp	Quan văn	Quan võ	Quan văn	Quan võ
Nhất phẩm	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử
Nhị phẩm	Cầm kê	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử
Tam phẩm	Khổng tước	Hổ báo	Cầm kê	Bạch trạch
Tứ phẩm	Vân nhạn	Hổ báo	Khổng tước	Hổ
Ngũ phẩm	Bạch nhàn	Hùng bi	Vân nhạn	Báo
Lục phẩm	Lộ tư	Bru	Tiên hạc	Tượng

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 勅旨朝參官帶牌

<i>Thất phẩm</i>	Khê xích	Bru	Tiên hạc	Tượng
<i>Bát phẩm</i>	Hoàng ly	Tê ngư	Tiên hạc	Tượng
<i>Cửu phẩm</i>	Am thuần	Hải mã	Tiên hạc	Tượng
<i>Vị nhập lưu</i>	Luyện thước			



Nguyễn Trãi đi giày Tích. (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

Giày Tích 舄: Một trong những nội dung cải cách Thường phục năm 1396 của nhà Trần - Hồ là việc quy định bá quan từ lục phẩm trở lên nhất loạt đi giày Tích. Mặc dù tám năm sau, năm 1404, Hồ Hán Thương lại hạ lệnh phế bỏ loại giày này, song giày Tích vẫn tồn tại và được duy trì vào thời Lê sơ. *Đại Việt thông sử* mô tả Đinh Liệt “*ung dung đi giày Tích đỏ*.”⁽¹⁾ Phúc Vương Tranh (*con thứ sáu của vua Thánh Tông*) từng được vua Hiến Tông ban cho vải vóc

và giày Tích trắng⁽²⁾ v.v. Giày Tích tại Trung Quốc thường dùng trong tế lễ và triều hội, cũng tức là Lễ phục. Loại giày này có hai lớp đế, lớp trên làm bằng gai hoặc da, lớp dưới làm bằng gỗ, để khi tế lễ nếu gặp trời mưa cũng không bị ướt⁽³⁾. Loại giày thể hiện trong bức phù điêu *Ngô thị gia bi* và bức tranh chân dung Nguyễn Trãi chính là giày Tích.

1. *Lê Quý Đôn toàn tập. Tập 3. Đại Việt thông sử*. Tr.170.
2. *Lê Quý Đôn toàn tập. Tập 3. Đại Việt thông sử*. Tr.150.
3. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.288.

III. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

Sử gia thời Lê Trung Hưng cho biết, loại mũ Tứ Phương Bình Đỉnh đến đời bản triều khởi nghĩa vẫn còn dùng, đời sau cũng noi theo, chứng tỏ trang phục quân đội thời Lê sơ vẫn kế thừa quân trang thời Trần - Hồ.

Từ sau năm 1437, cùng với cải cách trang phục của hoàng đế và bá quan, trang phục quân đội triều Lê cũng xuất hiện một số quy chế áo mũ, Giáp Trụ mới.

Năm 1469 và năm 1470, vua Lê Thánh Tông hạ lệnh cấm dân gian chế tạo và buôn bán các loại nón dùng trong quân đội như nón màu trắng ngà (phấn bạch sắc lạp), nón da (bì lạp), **nón Thủy ma**, **nón son son** (chu tất lạp), trong đó **nón Thủy ma**, **nón son son** là của thân quân túc trực bảo vệ cấm cung (túc vệ)⁽¹⁾. Như vậy vào thời Lê sơ, nón là loại quân trang được sử dụng khá rộng rãi, tương tự diện mạo quân trang thời Nguyễn về sau.

Theo quy chế năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông, quan võ tứ, ngũ phẩm đội **nón bạc**, quan võ lục phẩm trở xuống đội **nón son**. Năm 1509, vua Uy Mục “*lấy Nguyễn Tông làm Phi võ ty Đô phi Võ lục sĩ nội sứ túc trực ở cung Đoan Khang đội mũ bạc, cánh phượng bằng vàng, đuôi hồng mao như Đô lục sĩ túc trực ở điện Kim Quang; lấy Nguyễn Công Luận làm*



Tượng thời Lê sơ mặc Giáp Trụ (Bảo tàng Mỹ thuật).

Phi võ ty Phi võ lục sĩ nội sứ, đội mũ Thủy ngân, đuôi hồng mao. Đặt chức ngự tượng giám và ngự mã giám. Ngự tượng đới đao nội sứ đội mũ Thủy ngân, hoa quỳ vàng. Ngự mã đội mũ Thủy ngân, hoa quỳ đỏ.”⁽²⁾ Năm 1510, vua Tương Dực lên ngôi, “*hạ chiếu đặt hai vệ quân Thiên Võ và Thánh Uy, chức ở trên vệ Cẩm y và Kim ngô, kiểu mũ dùng mũ son có cánh phượng đỏ bằng vàng.”*⁽³⁾ Theo ghi chép trên, vệ sĩ, võ sĩ, đô lục sĩ ở các vệ cấm quân đều đội mũ bạc, có thể có những trang sức như ngù lông đỏ, hoa quỳ vàng, hoa quỳ đỏ gắn trên trán và tai mũ. Riêng kiểu mũ của Đô lục sĩ và Phi võ ty Phi võ

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 四月初九，禁造賣粉白色笠。又十二月，禁市肆民間賣水磨笠、朱漆笠。上諭天下官員百姓等：甲冑之屬，所以壯軍容。如水磨笠、朱漆笠，乃親軍所戴以宿衛。今市肆民間多有鬻賣，宜禁止之。又1470年春正月禁假造皮笠

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 是時，新置內臣，有飛武司力士內使，以阮鏐為飛武司飛武力士內使直端康宮如都力士直金光殿，著銀帽，金鳳翅，有紅毛尾。以阮公論為飛武司飛武力士內使，著水銀帽，有紅尾，設御象監、御馬監，御象帶刀內使著水銀帽畫金葵花，御馬著水銀帽紅葵花

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 四月，詔置天武、聖威二衛，在錦衣、金吾之上，其制帽樣用朱帽，有金紅鳳翅。Kim phượng xí, kim hồng phượng xí được dịch là “cánh mũ thêu phượng vàng”, “cánh nạm vàng, thêu phượng đỏ”, đều không chính xác.

lục sĩ, vệ quân Thiên Võ, Thánh Uy đều gắn “cánh phượng bằng vàng”, một vật trang sức tựa cánh chim gắn ở hai bên tai mũ, phỏng theo loại mũ Phượng Xí (cánh phượng) có từ thời Đường và thịnh hành vào thời Minh tại Trung Quốc. Vào thời vua Tương Dực, từng xảy ra vụ việc Đô lục sĩ Hồ Bả phải chịu tội chết vì đã bẻ hai cánh phượng vàng giấu đi dù trước đó ông đã giết giặc lập công⁽¹⁾. Ngoài ra, loại cánh phượng bằng vàng dành riêng cho vệ quân Thiên Võ và Thánh Uy còn được quét ra ngoài một lớp sơn đỏ, gọi là “kim hồng phượng xí”, chúng ta hiện còn có thể thấy sự hiện diện của loại cánh phượng này qua tranh Kim Cương có niên đại thế kỷ XVIII.



Tranh Kim Cương thời Lê Trung Hưng (Tranh cổ Việt Nam); Mũ Phượng xí (Tam tài đồ hội); Phù điêu tại mộ Phùng Huy cuối thời Đường (mingyiguan).

PHỤ KHẢO

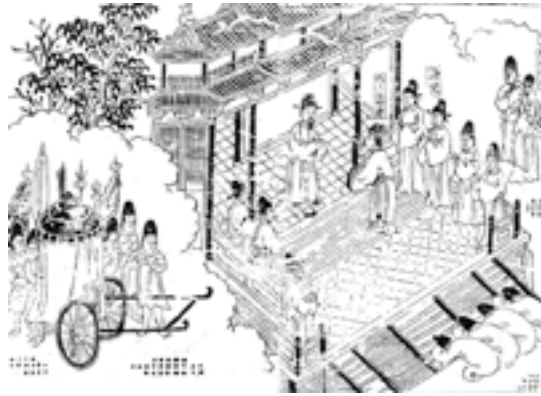
TRANG PHỤC NHÀ MẠC (1527-1592)

Với sự cai trị của các ông “vua quỷ” Lê Uy Mục và “vua lợn” Lê Tương Dực, nhà Lê sơ sụp đổ sau 100 năm trị vì. Tháng 6 năm 1527,

1. (Việt) *Toàn thư*. Năm 1511. Nguyên văn: 斬胡把於延興坊，先是都力士胡把擊賊去回，折金鳳翅藏之及賊平斬之

quyền thần Mạc Đăng Dung phế truất vị vua cuối cùng của triều Lê sơ, tự xưng hoàng đế. Triều đình nhà Mạc chính thức trải năm đời vua, tổng cộng 66 năm. Trong đó, quãng thời gian trị vì của vua Thái Tổ Mạc Đăng Dung, Thái Tông Mạc Đăng Doanh có thể coi là thời kỳ đỉnh thịnh của nhà Mạc. Điển chương, chế độ của nhà Mạc về cơ bản được thiết lập trong giai đoạn này.

Ngay sau khi lên ngôi, Mạc Đăng Dung còn *sợ lòng người tưởng nhớ nhà Lê xưa mà sinh biến, nên phàm việc gì cũng tuân thủ theo chế độ triều Lê.*⁽¹⁾ Song khi đã thừa hưởng thái bình, ông cho rằng “*chế độ nước nhà hoang phế, lỏng lẻo, muốn sửa sang chấn chỉnh lại, nên mệnh cho bọn Nguyễn Quốc Hiến khảo xét và đặt định chế độ quân binh, chế độ ruộng đất, chế độ bổng lộc [...] đại khái đều phỏng theo*



Sứ thần nhà Minh đứng tại chính điện, người đứng đối diện được chú cột chữ Ngụy vương Mạc Đăng Dung. (An Nam lai uy đồ sách).



Hình tượng Mạc Đăng Dung khi đón và khi tiễn sứ Minh. (An Nam lai uy đồ sách).



Tượng hoàng thân nhà Mạc thờ tại chùa Diềm, Vạn An, Bắc Ninh (Ảnh: TQĐ); Tượng vua Mạc Đăng Dung thờ tại chùa Trà Phương (Hải Phòng); Tượng vua Mạc thờ tại chùa Ngo (Phúc Thọ). (Ảnh: Nguyễn Thị Dung).

điển lệ thời Hồng Đức.”⁽¹⁾ Dựa vào tư liệu tranh tượng hiện còn, đối chiếu với ghi nhận của *Toàn thư*, có thể thấy chế độ áo mũ của bá quan nhà Mạc về cơ bản vẫn noi theo chế độ quan phục được xác lập từ thời Lê Thánh Tông. Riêng trang phục của vua Mạc thể hiện trên các pho tượng thờ có khá nhiều điểm đặc biệt cần lưu ý.

Qua khảo sát một số pho tượng thờ vua Mạc tại chùa Trà Phương, chùa Phúc Hải, chùa Trung Hành, chùa Hoa Niếu, chùa Nhân Trai, chùa An Hưng tại Hải Phòng⁽²⁾, chùa Ngo tại Phúc Thọ - Hà Nội, chùa Võ Cường tại Bắc Ninh, có thể thấy các pho tượng vua Mạc nhìn chung mang hai kiểu mũ áo phổ biến sau:

1. Mũ hình trụ, đỉnh bằng, mặt trước mũ chạm nổi chữ Vương 王, riêng tượng chùa Phúc Hải, chùa Phúc Linh và chùa Võ Cường, phía trên mũ còn có miện bản. Các pho tượng này đều mặc áo đoàn lĩnh cổ tròn, phía trong mặc lót áo giao lĩnh, từ ức trở xuống thắt một dải phục sức tương tự như tể tất chồng lên ba lớp, buông dài xuống chân. Đây có thể là Lễ phục của vua nhà Mạc.

2. Mũ dạng ống, tương tự mũ Thông Thiên với những nếp gấp thẳng, được đính các hạt ngọc châu, tại vị trí trán mũ có trang sức hình chim dang cánh trong tư thế bay chúc đầu thay vì trang sức Bác sơn (Tam sơn) như ở tượng chúa Trịnh Sâm chùa Kim Liên, Hà Nội. Loại mũ dạng ống đính trang sức chữ Vương và hình chim bay chúc đầu đều là các loại mũ đặc trưng của tượng thờ Mạc. Riêng trang sức chim dang cánh chúc đầu đính trên trán mũ hết sức gần gũi với loại mũ Hạt Quan của quan võ nhà Hán - Đường (Khang Hy tự điển cho biết: “*Hạt là loài chim giống chim trĩ [...] nếu bị xâm phạm, sẽ lao thẳng vào chiến đấu,*

1. (Việt) *Cương mục* - Q.27. Tr.18-19. Nguyên văn: 登庸以承平之後制度廢弛，欲張振作之，乃命阮國憲等考定兵制、田制、祿制[...]大槩均倣依洪德典例。

2. Xin xem *Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc*. Tr.258.

1. (Việt) *Cương mục* - Q.27. Tr.16. Nguyên văn: 登庸恐人心懷舊生變，凡事遵守黎朝制度。

dầu chết chẳng từ. Hậu Hán – Du phục chí viết: Quân Hồ Bôn đều đội Hạt quan⁽¹⁾), dù tính tới thời điểm hiện nay chúng tôi vẫn chưa thể khẳng định được mối quan hệ này⁽²⁾. Ngoài ra, các pho tượng chùa Trà Phương, chùa Ngo, chùa Võ Cường đều mặc áo bào cổ tròn với Bồ tử hình rồng. Riêng hình tượng Mạc Đăng Dung thể hiện trong *An Nam lai uy đồ sách* lại mặc áo giao lĩnh tương tự trang phục của chúa Trịnh Sâm thờ tại chùa Kim Liên. Có khả năng, đây lần lượt là Triều phục và Thường phục của các vị vua Mạc.

Do sự hạn chế về mặt tư liệu, tại phần này chúng tôi chỉ có thể khảo trang phục của các vị vua Mạc. Trang phục hậu phi do có những đặc điểm tương tự trang phục thời Lê Trung Hưng nên chúng tôi khảo chung tại phần khảo trang phục Lê Trung Hưng.



Các pho tượng quan võ đội mũ Hạt Quan thời Đường. 1. Tượng ở Định Lăng, lăng mộ của Đường Trung Tông Lý Hiển (Năm 710); 2-3. Bảo tàng Cổ cung Bắc Kinh.

1. (Trung) *Khang Hy tự điển*. Mục chữ 鶡. Nguyên văn: 鶡, 鳥似雉[……]性愛儕黨, 有被侵者, 直往赴鬪, 雖死不置[……]虎賁皆鶡冠

2. Cần lưu ý thêm rằng, Mạc Đăng Dung vốn xuất thân từ Đô lực sĩ, được sung vào quân túc vệ đời vua Lê Uy Mục. Có lẽ đây là sợi dây liên hệ duy nhất hiện có nối kết giữa chiếc mũ của các vua nhà Mạc với mũ Hạt Quan của võ quan nhà Hán - Đường.

PHỤ LỤC

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1661
(theo *Lê triều thiện chính điển lệ* và
Lê triều chiếu lệnh thiện chính, ký hiệu A.257)

Chức tước		Chầu vua			
		Mũ	Áo	Bổ tử	Đai, Thao
Hoàng tử, vương tử	<i>Hoàng tử, vương tử được phong quốc công</i>	Dương Đường	Tía	Kỳ lân	Đai kỳ thạch (đá quý) bọc vàng
	<i>Hoàng tử, vương tử phong chức tam thái, tam thiếu gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Tía	Tam thái: Kỳ lân; Tam thiếu: Bạch trạch	Đai bọc vàng
	<i>Hoàng tử, vương tử phong tả hữu đô đốc gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai tê giác bọc bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử phong đô đốc đồng tri, đô đốc kiêm sự gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai tê giác bọc bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử phong đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, đề lĩnh gia phong quận công</i>	Nón sơn bạc, đỉnh hồng mao	Đỏ	Sư tử	Dây thao kép, râu ngọc, cầm kiếm
	<i>Hoàng tử, vương tử phong quận công</i>	Ô Sa	Đỏ	Hổ	Dây thao kép, râu ngọc
	<i>Hoàng tử, vương tử chưa được phong</i>	Lương Càn đen	Áo the đen		

Quan võ	<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đại sừng tê bịt bạc
	<i>Tòng nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đại sừng tê bịt bạc
	<i>Chính nhị phẩm, tòng nhị phẩm gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đại đôi môi
	<i>Chính nhị phẩm, tòng nhị phẩm gia phong tước hầu</i>	Nón bạc đỉnh hồng mao	Đỏ	Tượng	Dây thao đơn, đeo kiếm
	<i>Tam phẩm, tứ phẩm gia phong tước hầu</i>	Nón son son đỉnh hồng mao	Đỏ	Tượng	Dây thao đơn, đeo kiếm
	<i>Ngũ, lục, thất phẩm</i>	Nón son son đỉnh hồng mao	Đỏ		Dây thao đơn, đeo kiếm
Quan văn	<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Tía	Tiên hạc	Đại sừng tê bọc bạc
	<i>Nhị phẩm; quan đô ngự sử hàm chính tam phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Tiên hạc Đô Ngự sử: Giải trãi	Đại sừng tê bọc bạc
	<i>Tam phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Cầm kê	Đại đôi môi
	<i>Tứ phẩm; quan thị độc kiêm đô ngự sử hàm ngũ phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Khổng tước Đô Ngự sử: Giải trãi	Đại đôi môi
	<i>Ngũ phẩm; quan thị thư, thị chế hàm lục phẩm; quan đề hình, ngự sử hàm thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Khổng tước Đề hình, Ngự sử: Giải trãi	Đại đôi môi
	<i>Lục phẩm và lục khoa đô cấp sự trung hàm chính thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh	Vân nhạn	Đại kỳ lam huơng
	<i>Thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh	Bạch hạc	Đại tốc huơng

	<i>Bát phẩm và các chức đồng tri phủ hàm thất phẩm; tri huyện, tri châu hàm tòng thất phẩm, tự ban, huấn đạo hàm cửu phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh đen	Tiêu liêu	Đại sừng trâu bọc thau
	<i>Cửu phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh đen	Tiêu liêu	Đại sừng trâu bọc thau

**QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BẢ QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1721
(theo *Loại chí*)**

Chầu vua					
Chức tước		Mũ	Áo	Bổ tử	Đại, Thao
Hoàng tử,	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức tam thái, tam thiếu mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Tía	Tam thái: Kỳ lân; Tam thiếu: Bạch trạch. Thêu bằng kim tuyến	-Đại đỉnh kỳ thạch bịt vàng -Hia, bít tắt
	<i>Các chức tam thái, tam thiếu có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	-Tam thái: Bạch trạch; Tam thiếu: Sư tử	-Đại đỉnh sừng tê bịt bạc -Hia, bít tắt
quan võ	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đại đỉnh sừng tê bịt bạc -Hia, bít tắt
	<i>Các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đại đỉnh sừng tê bịt bạc -Hia, bít tắt
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiên sự mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đại đỉnh sừng tê bịt bạc -Hia, bít tắt



	<i>Các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đại đỉnh đôi môi bịt bạc -Hia, bít tất
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô hiệu kiểm, đề đốc, đề lĩnh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Nón chóp bạc, đỉnh hồng mao	Áo trực lĩnh, lót toàn thân, màu đỏ	Sư tử	-Dây thao kép râu hạt ngọc -Đeo gươm
	<i>đô hiệu kiểm, đề đốc, đề lĩnh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Nón chóp bạc, đỉnh hồng mao	Áo trực lĩnh, lót toàn thân, màu đỏ	Hổ báo	-Dây thao kép - Đeo gươm
	<i>Hoàng tử, vương tử có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo trực lĩnh, màu đỏ	Hổ báo	-Dây thao kép râu hạt ngọc -Đeo gươm
	<i>Các chức cai quản, cai đội có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo trực lĩnh, màu đỏ	Tượng	-Dây thao kép - Đeo gươm
	<i>Các chức đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, phó đô đốc, lãnh thụ vệ, tả hữu hiệu điểm mà có tước hầu</i>	Nón chóp bạc, đỉnh hồng mao	Áo trực lĩnh, lót toàn thân, màu đỏ	Tượng Thêu bằng tơ	-Dây thao đơn. - Đeo gươm
	<i>Các chức đô chỉ huy sứ, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thêm sự, chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thêm sự, tổng tri, đồng tổng tri, thêm tổng tri mà có tước hầu</i>	Nón sơn son	Áo trực lĩnh, màu đỏ	Tượng	-Dây thao đơn. Đeo gươm



	<i>Các chức đô lễ, trấn điện quân tướng quân, lực sĩ hiệu úy, thiên hộ, quản lãnh, phó đô lễ, chánh đô úy, phó thiên hộ, trung úy, lang tướng, phó quản lãnh, bách hộ, đề hạt, phó trung úy, phó lang tướng, phó quản lãnh, tả hữu tiền hậu lang tướng, đô úy, chánh võ úy, phó đề hạt, tả hữu tiền hậu phó lang tướng, phó võ úy, vệ úy, phó đô úy, phó trung úy</i>	Nón sơn son, chóp đỉnh hồng mao	Áo trực lĩnh, màu đỏ		-Dây thao đơn. -Chức trấn điện cầm kiếm và dùi đồng. -Còn lại cầm roi và kiếm
	<i>Cai đội, phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đã dự trông coi quân lĩnh mà chưa có chức tước</i>	Mũ Thanh Cát	Áo Thanh Cát không lót		-Cầm gươm
	<i>Các chức làm việc ở ngoài như đô tổng binh sứ, tổng binh đồng tri, tổng binh thêm sự</i>	Khi có lễ Biểu (trước khi dâng lễ mừng lên vua chúa, chọn ngày làm lễ dâng biểu), lễ Bài (những ngày lễ chính đán, lễ sinh nhật của vua chúa, các nha môn có làm lễ bái vọng)			
		Phốc Đầu	Có tước: áo đỏ; chưa có tước: áo xanh, lục	Tượng	-Đại đỉnh gỗ kỳ lam hương bịt thau. -Hia, bít tất bằng lá
Quan văn	<i>Tam thái, tam thiếu</i>	Phốc Đầu	Tía	Tiên hạc	-Đại đỉnh sừng tê bịt bạc. Hia, bít tất
	<i>Thượng thư, ngự sử</i>	Giải Trãi	Đỏ	-Thượng thư: Tiên hạc. Ngự sử: Giải trãi	- Đại đỉnh sừng tê bịt bạc. Hia, bít tất
	<i>Tả hữu thị lang</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sa kê	- Đại đỉnh đôi môi bịt bạc. Hia, bít tất



<i>Các chức thừa chỉ, phó đô ngự sử, thừa chính sứ, đại học sĩ, tế tửu, thị độc, thêm đô</i>	Phốc Đầu. -Ngự sử: Giải Trãi	-Có tước: đỏ. -Chưa có tước: xanh, lục.	Khổng tước. -Ngự sử: Giải trãi	-Đại đỉnh đôi môi bịt bạc. Hia, bít tất
<i>Các chức tự khanh, tham chính, phủ doãn, học sĩ, tư nghiệp, thị giảng, thị thư, hiệu thư, đô khoa, thị chế, đề hình</i>	Phốc Đầu. -Đề hình: Giải Trãi	Như trên	Khổng tước. -Đề hình: Giải trãi	-Đại đỉnh gỗ kỳ lam hương bịt thau. Hia, bít tất
<i>Các chức cấp sự, hiến sứ</i>	-Cấp sự: Phốc Đầu. -Hiến sứ: Giải Trãi	Như trên	-Cấp sự: Vân nhận. -Hiến sứ: Giải trãi	Đại đỉnh gỗ kỳ lam hương. Hia, bít tất
<i>Các chức hàn lâm hiệu lý, hiệu thảo, giám sát ngự sử các đạo</i>	-Hàn lâm: Phốc Đầu. -Cai đạo: Giải Trãi	Như trên	Hàn lâm: Bạch nhân. Cai đạo: Giải Trãi	Đại đỉnh gỗ kỳ lam hương. Hia, bít tất
<i>Các chức thông chính sứ, thêm sự, kinh lịch</i>	-Thường thì y phục cũng như Hàn lâm hiệu lý. Nếu thông chính sứ có dự bằng vàng thì y phục như tự khanh và đô khoa			
<i>Các chức thông chính sứ, tham nghị, lang trung, thiếu thêm sự, hiến phó, thiếu khanh, thiếu doãn, trung thư xá nhân, tư thiên lệnh, phó đoán sự, viên ngoại lang, thông chính thừa, tri phủ và những chức tự khanh, thiếu khanh làm việc ở ngoài</i>	-Phốc Đầu. -Riêng hiến phó: Giải Trãi	Dùng màu xanh, màu lục	Anh vũ (vết)	-Đại đỉnh sừng trâu bịt thau. -Hia, bít tất



<i>Các chức tu soạn, giáo thụ, học chính, cấp môn sứ, đồng tri phủ, tư vụ, chiếu giám, điển thư, trị trung, thông phán, lục sự, điển thư, đài chiếu, giám bạ, tư thiên giám thừa, tả mặc hữu mặc, cấp môn phó sứ, tri huyện, tri châu, huyện thừa, ngũ quan chính, chính tự, đồng tri châu, đô quan, điển bạ, tư ban, huấn đạo</i>	-Phốc Đầu	Dùng màu xanh màu đen	Thuần am. (Liêu thuần)	Đại đỉnh sừng trâu bịt thau. Hia, bít tất
<i>Các thái y viện đại sứ, viện sứ, ngự y, nghiệm biện, lương y chánh, khán chẩn, lương y phó, thái quan thự chánh, đồng văn nhã nhạc thự chánh, thừa dụ cục cục chánh, giáo phường ty chánh, tư thần lang</i>	-Phốc Đầu	-Áo màu xanh, màu đen	Thuần am (Liêu thuần)	Đại đỉnh sừng trâu bịt thau. -Hia, bít tất
<i>Các chức trưởng sử, bình sự, thông sự, chánh phó tư nghị, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri bạ, đô sự, tri sự, điển sự, chủ bạ, xã mục, ngục thừa, các hàng thuộc viên tạp lưu</i>	Ô Sa đơn dạng	Áo Thanh Cát có lót		
<i>Những người tôn thất thực thụ các chức lãg chánh, lãg phó, lãg thừa</i>	Phốc Đầu	-Có tước: màu đỏ; chưa tước màu xanh, lục	Vân nhận	Đại đỉnh đôi môi bịt bạc. -Hia, bít tất

Nội quan	Các chức nội giám, tổng thái giám, đô thái giám, chuông giám mà có tước quận công	Phốc Đầu	Màu đỏ	Hổ báo	Đai đỉnh đôi mỗi bịt bạc. -Hia, bít tắt
	Các chức thái giám, thiêm thái giám, tham chuông giám, tham tri giám, đồng tri giám	Phốc Đầu	Có tước: màu đỏ; chưa tước: màu lục	Vân nhạn	-Đai đỉnh đôi mỗi bịt thau. -Hia, bít tắt
	Các chức tả hữu thái giám, tả hữu giám thừa, tả hữu đề điểm	Phốc Đầu	Có tước: màu đỏ; chưa tước: màu xanh, lục, đen	Bạch nhàn	-Đai đỉnh gỗ kỳ lam hương bịt thau. -Hia, bít tắt
	Các chức phụng ngự, giám bạ	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không phú hậu		

**QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HUNG NĂM 1725**
(theo *Cương mục*)

Phẩm cấp	Quan văn				Quan võ			
	Mũ	Đai	Bổ tử	Phục sắc	Mũ	Đai	Bổ tử	Phục sắc
<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ	Tiên hạc	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ	Bạch trạch	Đỏ

<i>Nhị phẩm</i>	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ	Tiên hạc	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ	Bạch trạch	Đỏ
<i>Tam phẩm</i>	Phốc Đầu sức bạc	Đai đôi mỗi sức bạc	Cầm kê	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai đôi mỗi sức bạc	Sư tử	Đỏ
<i>Tứ phẩm</i>	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai đôi mỗi sức thau bọc đoạn thâm	Khổng tước	Lục	Nón bạc	Thắt dải đai màu tía	Hổ	Lục
<i>Ngũ phẩm</i>	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai đôi mỗi sức thau bọc đoạn thâm	Vân nhạn	Lục	Nón bạc	Thắt dải đai màu tía	Báo	Lục
<i>Lục phẩm trở xuống</i>	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm	Bạch nhàn	Xanh	Nón son	Thắt dải đai màu xanh	Tượng	Xanh
<i>Pháp quan đội mũ Giải Trãi, Bồ tử Giải trãi</i>								

**QUY CHẾ THỊ PHỤC CHẦU CHÚA CỦA BÁ QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HUNG NĂM 1721**
(theo *Loại chí*)

Chầu chúa			
Chức tước	Mũ	Áo	Đai, Thao
<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức tam thái, tam thiếu mà có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo Thanh Cát, có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc

Hoàng tử, vương tử, quan võ	<i>Các chức tam thái, tam thiếu có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự mà có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự mà có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô hiệu kiểm, đề đốc, đề linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo Thanh Cát có phú hậu	-Dây thao kép xâu hạt ngọc. -Cầm gươm
	<i>Các chức đô hiệu kiểm, đề đốc, đề linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát	-Dây thao kép. -Cầm gươm
	<i>Hoàng tử, vương tử có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo trực lĩnh, màu đỏ, Bỏ tử hổ báo	-Dây thao kép xâu hạt ngọc. -Đeo gươm
	<i>Các chức cai quản, cai đội có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	-Dây thao kép. -Cầm gươm
	<i>Các chức đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, phó đô đốc, lãnh thự vệ, tả hữu hiệu điểm mà có tước hầu.</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	-Dây thao đơn. -Cầm gươm
	<i>Các chức đô chỉ huy sứ, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thêm sự, chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thêm sự, tổng tri, đồng tổng tri, thêm tổng tri mà có tước hầu</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót	-Dây thao đơn. -Cầm gươm

	<i>Các chức đô lễ, trấn điện quân tướng quân, lực sĩ hiệu úy, thiên hộ, quân lãnh, phó đô lễ, chánh đô úy, phó thiên hộ, trung úy, lang tướng, phó quân lãnh, bách hộ, đề hạt, phó trung úy, phó lang tướng, phó quân lãnh, tả hữu tiền hậu lang tướng, đô úy, chánh vô úy, phó đề hạt, tả hữu tiền hậu phó lang tướng, phó vô úy, vệ úy, phó đô úy, phó trung úy</i>	Mũ Thanh Cát	Áo Thanh Cát có lót	
	<i>Cai đội, phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đã dự trông coi quân lính mà chưa có chức tước</i>	Mũ Thanh Cát	Áo Thanh Cát không lót	Cầm gươm
	<i>Các chức làm việc ở ngoài như đô tổng binh sứ, tổng binh đồng tri, tổng binh thêm sự</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
Quan văn	<i>Tam thái, tam thiếu</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Thượng thư, ngự sử</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Tả hữu thị lang</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	<i>Các chức thừa chỉ, phó đô ngự sử, thừa chính sứ, đại học sĩ, tế tửu, thị độc, thêm đô</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	<i>Các chức tự khanh, tham chính, phủ doãn, học sĩ, tư nghiệp, thị giảng, thị thư, hiệu thư, đô khoa, thị chế, đề hình</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
	<i>Các chức cấp sự, hiến sứ</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép

Các chức hàn lâm hiệu lý, hiệu thảo, giám sát ngự sử các đạo	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
Các chức thông chính sứ, thêm sự, kinh lịch	-Thường thì y phục cũng như hàn lâm hiệu lý. -Nếu thông chính sứ có dự bằng vàng thì y phục như tự khanh và đô khoa		
Các chức thông chính sứ, tham nghị, lang trung, thiếu thêm sự, hiển phó, thiếu khanh, thiếu doãn, trung thư xá nhân, tư thiên lệnh, phó đoán sự, viên ngoại lang, thông chính thừa, tri phủ và những chức tự khanh, thiếu khanh làm việc ở ngoài	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	Dây thao đơn
Các chức tu soạn, giáo thụ, học chính, cấp môn sứ, đồng tri phủ, tư vụ, chiếu giám, điển thư, trị trung, thông phán, lục sự, điển thư, đãi chiếu, giám bạ, tư thiên giám thừa, tả mặc hữu mặc, cấp môn phó sứ, tri huyện, tri châu, huyện thừa, ngũ quan chính, chính tự, đồng tri châu, đô quan, điển bạ, tư ban, huấn đạo	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót	Dây thao đơn
Các thái y viện đại sứ, viện sứ, ngự y, nghiệm biện, lương y chánh, khán chẩn, lương y phó, thái quan thự chánh, đồng văn nhã nhạc thự chánh, thừa dụ cục cục chánh, giáo phường ty chánh, tư thần lang	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót	

	Các chức trưởng sử, bình sự, thông sự, chánh phó tư nghị, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri bạ, đồ sự, tri sự, điển sự, chủ bạ, xã mục, ngục thừa, và các hàng thuộc viên tạp lưu	Ô Sa đơn dạng	Áo Thanh Cát có lót	
Nội quan	Những người tôn thất thực thụ các chức lãg chánh, lãg phó, lãg thừa	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép râu hạt ngọc
	Các chức nội giám, tổng thái giám, đô thái giám, chương giám mà có tước quận công	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép râu hạt ngọc
	Các chức thái giám, thêm thái giám, tham chương giám, tham tri giám, đồng tri giám	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
	Các chức tả hữu thái giám, tả hữu giám thừa, tả hữu đề điểm	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	Dây thao đơn
	Các chức phụng ngự, giám bạ	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	
Chức tước		Áo mũ		
Các chức xá nhân, án lại, tướng thần lại, lệnh sử, nội thư tả thì từ cai ty, cai hợp, thủ hợp trở lên, thị nội văn chức thì từ nho sinh trúng thức, giám sinh trở lên		-Khi châu hầu làm việc thì dùng mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu		
Ở Trung thư sảnh, các chức hoa văn học sinh, án lại, xá nhân, tướng thần lại, lệnh sử, thư tả, nội thư tả; ở các văn nha môn thì các chức đô lại, đề lại, điển lại, thông lại		-Khi châu hầu làm việc thì dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát không lót -Ở trong làng thì cho dùng mũ Ô Sa, áo Thanh Cát có lót, dây thao đơn; áo mặc thường cho dùng các thứ the, là, vải, lụa		
Những nho sinh trúng thức, giám sinh, nho sinh, xã chánh, xã sử, xã tư, sinh đồ, quan viên tử tôn, nhiều nam		-Dùng mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát với áo ngắn lót, không có phú hậu, dây thao đơn		

<i>Hoàng tử, vương tử chưa có chức tước</i>	-Khi vào hầu ở nội cung thì dùng mũ Lương Cân, áo sa đen -Thường phục dùng các thứ gấm vóc có hoa màu
<i>Hoàng tử, vương tử từ chức tả hữu đô đốc, có tước quận công trở lên</i>	-Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có phú hậu và không lót. -Thường phục dùng các thứ gấm vóc có hoa màu.
<i>Hoàng tử, vương tử từ chức đô đốc đồng tri có tước quận công trở xuống</i>	-Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có phú hậu và có lót
<i>Con cháu các quan văn võ, được phong ấm trở lên</i>	-Khi vào hầu làm việc thì con cháu quan văn dùng mũ Ô Sa đơn dạng, con cháu quan võ dùng mũ Thanh Cát, đều dùng áo Thanh Cát có lót
<i>Dân gian thì từ các chức sắc trở xuống</i>	-Y phục đều dùng các thứ gai, the, vải, lụa, không có lót

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ NGUYỄN NĂM 1804
(theo Hội điển)

Phẩm trật	Ban văn			Ban võ		
	Mũ	Y, thường, Bồi tử	Đai, hia, tất	Mũ	Y, thường, Bồi tử	Đai, hia
Trên nhất phẩm (Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh)	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiểu vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, sức giao long vàng	-Măng bào cổ tròn, màu tía -Thường thêu Tiên hạc xen hoa, màu đỏ	-Đai: sức toàn vàng, mặt trước và sau đều trở một hình rồng bốn móng; còn lại trở Tiên hạc, nền đỏ -Hia đầu vuông màu đen -Bít tất viền gấm	Phốc Đầu vuông, 1 khóa kiểu vàng, 2 hốt vàng cao 5 phân; còn lại như quan văn	-Như ban văn; thường thêu Kỳ lân	-Như ban văn; đai trở Kỳ lân

Chính tông nhất phẩm	Phốc Đầu tròn, mũ của quan chính nhất phẩm như trên. mũ của quan tông nhất phẩm 1 khóa kiểu vàng, 2 hốt vàng cao 5 phân, còn lại như trên	-Măng bào cổ tròn, các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường thêu Tiên hạc xen hoa, màu đỏ	Như trên	Phốc Đầu vuông	-Như ban văn; thường thêu Kỳ lân	-Như ban văn; đai trở Kỳ lân
Chính tông nhị phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiểu vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, sức giao long vàng	Như trên	-Đai: sức toàn vàng, mặt trước và sau đai đều trở hình Tiên hạc; còn lại, trở hình hoa, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	Như ban văn; thường thêu Bạch trạch	-Như ban văn; đai trở Bạch trạch
Chính tông tam phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiểu vàng, hoa vàng ở mặt trước và mặt sau; hai cánh chuồn viền bọc vàng	Như trên	Đai: sức toàn vàng, bề mặt vàng không chạm trở, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	Như ban văn; thường thêu Sư tử	Như ban văn

Chính Tông tứ phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khỏa kiều bạc, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viên bạc vàng	-Hoa bào cổ tròn (thêu hoa), các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường: làm bằng sa, đoạn; màu xanh, lục tùy nghi; nền hoa tròn, màu đỏ, thêu Khổng tước viên gấm	Đai: mặt đôi môi, hai viên dài của ba miếng đôi mỗi phía trước bọc vàng, còn lại đều bọc bạc, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	-Chính tứ phẩm: áo Giao bào (thêu giao long) cổ tròn -Tông tứ phẩm: áo Hoa bào (thêu hoa) cổ tròn, các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi	Như ban văn
Chính tông ngũ phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khỏa kiều bạc, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viên bạc bạc	-Áo bào cổ tròn làm bằng sa, đoạn, đính Bồ tử thêu Vân nhạn, nền đỏ; các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi	Đai: mặt đôi môi bọc bạc, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	-Áo bào như ban văn ngũ phẩm, Bồ tử thêu Báo -Thường thêu Báo	Như ban văn
Chính tông lục phẩm	Phốc Đầu tròn, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viên bạc bạc	Như trên, Bồ tử thêu Bạch nhân	Đai: ba miếng phía trước mặt đôi môi, còn lại là sừng đen, đều bọc bạc, nền đai đỏ	Phốc Đầu vuông	-Áo bào như ban văn lục phẩm, Bồ tử thêu Hùng -Thường thêu Hùng	Như ban văn

Chính tông thất phẩm	Phốc Đầu tròn, hoa bạc trước sau đều 1 bông, hai cánh chuồn viên tron	Như trên, Bồ tử thêu Lộ tư; tông thất phẩm Bồ tử thêu Lộ tư nền xanh -Thường: làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục tùy nghi; phần màu thái lục hai bên thường không thêu hoa tròn.	-Đai: mặt sừng đen bọc bạc, nền đỏ - Bít tất: màu thái lục	
-------------------------------	--	--	--	--

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN VĂN VÕ
TRIỀU NGUYỄN NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

Ban văn			Ban võ		
Quan văn đội mũ Phốc Đầu tròn, quan võ đội mũ Phốc Đầu vuông, thân đai đều dùng tre thuộc (thực sa trúc) bọc đoạn màu xích vũ.					
Mũ	Y, thường, Bổ tử	Đai, hia, tất	Mũ	Y, thường, Bổ tử	Đai, hia

Phốc Đầu tròn, 1 bác son vàng, 1 ngách tường vàng cao 4 phân, phía ngoài trở hình giao long; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng, bề mặt sức giao long bốn ngọc bằng vàng, đầu cánh chuồn đều sức vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào màu cổ đồng, may bằng đoạn Bát ti thêu hình Tứ linh, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu hoa xích ngũ sắc gia vàng, thêu hình Tiên hạc	-Đai: tổng cộng 18 miếng đai phía trước sau, phải trái, vuông dài, dẹt; 2 móc bạc; miếng chính giữa phía trước và hai miếng hình quả trám ở hai bên phải trái đều khảm vàng, trở hình hoa, các miếng còn lại bề mặt khảm đôi môi, đều bạc bạc	Phốc Đầu vuông (Tuy Hội điển không ghi chép cụ thể, song tranh ảnh thế kỉ XX cho thấy, quy chế mũ Phốc Đầu năm 1845 của quan võ tương tự như quan văn, song sự gia giảm như quy chế năm 1804)	Như quan văn nhất phẩm; thường thêu hình Kỳ lân	
Phốc Đầu tròn, trang sức như chính chất phẩm, riêng ngách tường cao 3 phân, trở hình hoa; mặt mũ không có ngọc châu; đầu hai cánh chuồn không sức vàng	-Áo bào màu thiên thanh dùng đoạn Bát ti thêu hình Tứ linh, tơ ngũ sắc gia vàng -Thường như quan chính nhất phẩm	Đai: 13 miếng phía trước và hai bên phải trái đều bạc tử kim; 5 miếng phía sau bạc; mặt đai khảm đôi môi	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn tòng nhất phẩm		
Phốc Đầu tròn, 1 bác son vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng, bề mặt sức giao long vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào màu cam bích, dùng đoạn Bát ti thêu Tứ linh, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường như quan chính nhất phẩm	-Đai: trong 13 miếng phía trước và hai bên phải trái có 7 miếng nằm trong bạc tử kim, 6 miếng bạc, so le; 5 miếng phía sau bạc; tất cả đều khảm đôi môi lên bề mặt	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn chính nhị phẩm	-Như quan văn chính nhị phẩm -Thường thêu hình Bạch trạch	-Như quan văn chính nhị phẩm

Phốc Đầu tròn, trang sức như chính nhị phẩm, riêng mũ bỏ trang sức giao long ở mặt cánh chuồn	-Áo bào như chính nhị phẩm, riêng dùng màu quan lục -Thường như quan chính nhị phẩm	-Đai: Miếng vuông phía trước và hai miếng hình quả trám ở hai bên phải trái đều bạc tử kim, 14 miếng còn lại bạc, bề mặt khảm đôi môi	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn tòng nhị phẩm	-Như quan văn tòng nhị phẩm -Thường thêu hình Bạch trạch	Như quan văn tòng nhị phẩm
Phốc Đầu tròn, 1 bác son vàng, 2 khóa giản vàng, phía trước phía sau đều có 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, 2 cánh chuồn viền bạc vàng, 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào như quan nhị phẩm. Riêng dùng màu bảo lam -Thường như quan nhị phẩm, riêng dùng màu xích mộc, thêu hình Cẩm kê	-Đai: 18 miếng đều bạc, bạc, mặt khảm đôi môi	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn chính tam phẩm	-Như quan văn chính tam phẩm -Thường thêu hình Sư tử	Như quan văn chính tam phẩm
Phốc Đầu tròn, trang sức như chính tam phẩm, riêng bỏ 2 giao long vàng	-Áo bào như chính tam phẩm, riêng dùng màu ngọc lam -Thường như quan chính tam phẩm	Đai: Như quan chính tam phẩm, mặt khảm sừng Bạch hoa	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn tòng tam phẩm	Như quan văn tòng tam phẩm; Thường thêu Sư tử	Như quan văn tòng tam phẩm
Phốc Đầu tròn, 1 bác son bạc, 2 khóa giản vàng, phía trước và sau đều 1 hoa vàng, hai cánh chuồn viền bạc vàng, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào dùng trầu thêu giao long màu quan lục, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu bảo lam ngũ sắc gia vàng, thêu hình Khổng tước	Đai: 13 miếng phía trước và hai bên phải trái bạc; 5 miếng phía sau bạc đồng; tất cả đều khảm sừng hoa (hoa giác)	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn tứ phẩm	Như quan văn tứ phẩm; Thường thêu hình Hổ	Như quan văn tứ phẩm

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA MỘT SỐ VỊ HOÀNG TỬ, HOÀNG THÂN,
TÔN THẤT NHÀ NGUYỄN NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

Phốc Đầu tròn, trang sức như quan tứ phẩm, nhưng các trang sức toàn bằng bạc	-Áo bào dùng trầu thù hoa màu bảo lam, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu quan lục ngũ sắc gia vàng -Bổ tử dùng đoạn màu xích vũ, thêu Vân nhạn	-Đại: 9 miếng phía trước và hai bên trái phải bọc bạc và đồng xen kẽ; 3 miếng phía sau bọc đồng; tất cả đều khảm sừng hoa	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn ngũ phẩm	-Như quan văn tứ phẩm -Bổ tử thêu hình Báo	Như quan văn tứ phẩm
Phốc Đầu tròn, phía trước, sau đều có 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào dùng trầu bóng màu ngọc lam -Thường dùng sa Tố màu quan lục. -Bổ tử dùng đoạn màu xích vũ, thêu hình Bạch nhàn	-Đại: miếng chính giữa phía trước bọc bạc, 9 miếng còn lại bọc đồng; tất cả đều khảm sừng hoa			
Đô ngự sử, phó đô ngự sử và các chức khoa đạo chương ấn vốn cấp cho mũ Giải Trãi có hai sừng bạc thì (nay) đổi 2 khóa giản vàng thành 2 giao long bằng vàng và bạc					

	<i>Mũ</i>	<i>Y, thường, Bổ tử</i>	<i>Đại</i>
Tôn thất được phong tước thân vương, quận vương	Phốc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân trở hình giao long, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng. Hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt sức giao long vàng vờn ngọc châu, đầu cánh chuồn đều sức vàng, 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tứ linh màu chân lan làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình Kỳ lân	-Đại miếng chính giữa ở phía trước và 2 miếng hình dẹt ở hai bên phải trái, bề mặt đều trở hình hoa khảm vàng, còn lại bề mặt khảm mai đôi mỗi, đều bọc vàng tử kim
Tôn thất được phong tước thân công, quốc công	Phốc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 3 phân trở hình hoa, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng, 2 cánh chuồn viền bọc vàng, 2 giao long vàng, 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tứ linh màu chân lan làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình Kỳ lân	-Đại 13 miếng phía trước và hai bên phải trái bọc vàng tử kim, 5 miếng phía sau bọc bạc, bề mặt đều khảm mai đôi mỗi
Tôn thất được phong tước quận công, huyện công	Phốc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng, 2 cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt sức giao long vàng, 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tứ linh màu tử đàn làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu Bạch trạch	Đại 13 miếng phía trước và hai bên phải trái có 7 miếng bọc vàng tử kim, 6 miếng bọc bạc, xen kẽ. 5 miếng phía sau bọc bạc, bề mặt đều khảm mai đôi mỗi

QUY CHẾ THƯỜNG PHỤC CỦA BÁ QUAN

NHÀ NGUYỄN

(theo *Hội điển*)

Tôn thất được phong hương công, huyên hầu, hương hầu	Phốc Đầu vương, so với tôn thất được phong tước quận công, mũ Phốc Đầu vương lược đi 1 hoa vàng phía sau, mặt mũ lược trang sức giao long vàng	-Áo bào Tứ linh màu đà xích -Thường làm bằng sa mát màu mộc xích thêu Sư tử	Đại 18 miếng đều bạc bạc
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh	Phốc Đầu vương, 1 bác sơn bạc, 2 khóa giản vàng, trước sau 1 hoa vàng, hai cánh chuồn viền bạc bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo Giao bào màu giáng chu làm bằng trầu ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu quan lục thêu Hổ.	Đại 13 miếng phía trước và hai bên phải trái bạc bạc. 5 miếng phía sau bạc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy	Phốc Đầu vương, 1 bác sơn bạc, 2 khóa giản bạc, trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bạc bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo Hoa bào màu tương làm bằng trầu ngũ sắc gia kim -Thường làm bằng sa Tế hoa màu quan lục -Bổ tử làm bằng tơ vũ ti đỏ, thêu Báo	Đại 9 miếng phía trước và hai bên phải trái bạc bạc và đồng xen kẽ, 3 miếng phía sau bạc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang	Phốc Đầu vương, trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bạc bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào màu tương đậm thêu 2 hoa ổ, làm bằng đoạn Bát ti -Thường làm bằng sa Tế hoa màu quan lục. -Bổ tử làm bằng tơ vũ ty đỏ, thêu gấu	Đại 1 miếng chính giữa phía trước bạc bạc, 9 miếng còn lại bạc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác

	Quan văn		Quan võ		Y, thường
	Mũ	Bổ tử	Mũ	Bổ tử	
Trên nhất phẩm	Văn Công: sức toàn bằng vàng, hai dải thùy anh trang sức kim hoa khảm ngọc châu	Tiên hạc, hoa	Hổ Đầu: sức toàn bằng vàng	Kỳ lân	-Áo giao lĩnh cổ trắng, làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường nền dát vàng
Nhất phẩm	Văn Công: sức toàn bằng vàng	Tiên hạc	Hổ Đầu	Kỳ lân	Như trên
Nhị phẩm	Văn Công	Tiên hạc	Hổ Đầu	Bạch trạch	Như trên
Tam phẩm	Văn Công	Cầm kê	Hổ Đầu	Sư tử	Như trên
Tứ phẩm	Đông Pha: hoa vàng ở mặt trước và sau, các trang sức như phụ như hoa, giao long đều dùng bạc	Khổng tước	Xuân Thu	Hổ	-Áo giao lĩnh, màu cổ áo như màu áo, làm bằng sa, đoạn; các màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi -Thường nền đỏ
Ngũ phẩm	Đông Pha: phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Vân nhạn	Xuân Thu	Báo	Như trên
Lục phẩm	Đông Pha: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Bạch nhạn	Xuân Thu (Quan võ từ thất phẩm trở xuống chỉ đặt tòng, không đặt chính)	Hùng	Như trên

TIỂU TỪ ĐIỂN TRANG PHỤC VIỆT NAM



Thất phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc	Lộ tư (chính: nền đỏ, tòng: nền xanh)	Tòng thất phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính thất phẩm	Bưu tòng: nền xanh	-Áo như trên -Thường: làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục tùy nghi; phần màu thái lục hai bên thường không thêu hoa tròn
Bát phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, sau 1 hoa bạc	Kê xích	Tòng bát phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính bát phẩm	Hải mã	-Áo giao lĩnh màu gốc bằng sa, đoạn; màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi. -Thường: Như trên
Cửu phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc	Liêu thuần nền xanh	Tòng cửu phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính cửu phẩm	Tê ngư	Như trên
Chưa nhập lưu	Phong Cân: trước sau đều sức 1 sợi bạc		Tuy Cân: trước sau đều sức 1 sợi bạc		Áo giao lĩnh màu gốc bằng sa, đoạn; màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi

Anh Cân: mũ của quan võ chưa nhập lưu triều Nguyễn.

Áo bà ba: loại áo vạt ngắn không bâu, xẻ giữa, cài bằng cúc, phổ biến ở Nam Bộ.

Áo chít: Xem Áo (dài) năm thân.

Áo Cừu: một trong những loại áo tránh rét của giới trung lưu, quý tộc. Ở Việt Nam, áo Cừu bên ngoài là da, bên trong là lông, được làm bằng lông cáo (Hổ Cừu) hoặc lông chồn (Điêu Cừu).

Áo (dài) năm thân: chỉ loại áo may bằng năm khổ vải (vạt trước hai khổ, vạt sau hai khổ, thân bên phải dôi ra một khổ ngắn nữa), phân biệt với các dạng áo được may bằng bốn khổ vải như áo tứ thân, áo giao lĩnh.

Bàn long: chỉ hoa văn rồng tròn (rồng ổ) thêu trên áo bào.

Bao Cân: mũ Thường triều của vương, hầu để tóc ngắn thời Trần.

Bao Đỉnh: mũ Tiệp phục của các vị văn nhân, quan lại quý tộc thời Lê Trung Hưng, kiểu dáng tròn, đỉnh phẳng, cao khoảng một thước, làm bằng lông đuôi ngựa, nên còn gọi là Mã vĩ Bao Đỉnh.

Bào phục: hay áo bào, chỉ loại trang phục mặc khi thiết triều của vua quan phong kiến.

Bát bảo: tám dạng hoa văn thêu trên áo bào của vua quan nhà Nguyễn.

Bát Tiên: loại mũ trang trọng của văn

nhân, nho sĩ và đàn ông thường dân thời Lê Trung Hưng, làm bằng đoạn màu huyền hoặc sa the, đỉnh phẳng, trên may cánh hoa cúc mấy lớp đùm lên nhau, quanh mũ gấp nếp, dải dây buộc ngang trán, buông phần thừa ra sau gáy và hai tai có diềm rủ, gần tương tự mũ Bao Đỉnh.

Bình Đỉnh: loại mũ đỉnh phẳng nói chung. Vào thời Lê Trung Hưng, danh xưng Bình Đỉnh đặc chỉ loại mũ tế của vua chúa và các quan. Đến thời Nguyễn, từ năm 1816, danh xưng này chỉ loại mũ Đại triều của các hoàng tử, hoàng thân được ban tước thân vương, quận vương, thân công, quận công.

Bình Thiên: 1. tên gọi khác của mũ Miện. 2. tên gọi khác của loại mũ Triều phục Bình Đỉnh của hoàng tử, hoàng thân được ban tước thân vương, quận vương, thân công, quận công triều Nguyễn. Xem: Miện, Bình Đỉnh.

Bổ phục: chỉ Bào phục gắn Bồ tử.

Bổ tử: còn gọi là Hung bối, chỉ vuông vải thêu hình chim thú gắn ở trước ngực và sau lưng áo bào, dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan. Quy chế trang phục Thường triều Hung bối - Bồ tử định hình vào thời vua Minh Thái Tổ - Trung Quốc, được áp dụng vào triều đình Việt Nam từ năm 1471.

Bội: còn gọi là thùi bội, chỉ dải ngọc đeo hai bên hông, được gắn kết bằng các loại ngọc có hình thù khác nhau.

Bồn Hoa: loại mũ Thường phục áp dụng cho thị vệ nhân thuộc ngạch Tụng quan của nhà Trần.

Búc Càn: loại mũ trang trọng của văn nhân, nho sĩ và đàn ông thường dân thời Lê Trung Hưng, có kiểu dáng tương tự mũ ni, song hai bên mang tai có hai dải thắt, thắt lại ở sau đầu.

Cách đội: đai da nói chung, hình tròn, trên đai được gắn các miếng trang sức hình vuông, hình tròn hoặc hình quả trám. Đai thường to rộng, chỉ mang tính trang sức.

Cao Sơn: mũ Thường phục của các quan văn từ nhất phẩm đến lục phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396, mũ Thường phục của văn võ bá quan, giáo thụ Quốc Tử Giám và giáo viên ở các lộ, huyện thời Lê sơ từ năm 1434 đến năm 1437.

Cân hoàn: loại trang sức hình tròn được đính vào hai bên mũ Toàn Hoa thời Trần.

Chiết Xung: mũ Thường phục của các quan võ từ nhất phẩm đến lục phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Chương: các hoa văn thêu trên Lễ phục Cốn Miện, tượng trưng cho trời đất vạn vật, gồm Nhật (mặt trời), Nguyệt (mặt trăng), Tinh thìn (sao), Sơn (núi), Long (rồng), Hoa trùng (chim trĩ), Tông di (cốc ở tông miếu, có hình hổ và khỉ), Tảo (rong), Hỏa (lửa), Phấn mễ (gạo), Phủ (riệu), Phất (chữ Á 亞).

Cổ đồ: tên gọi của một số dạng hoa văn thêu trên áo bào của vua quan nhà Nguyễn.

Cổ kiềng: Xem: Đoàn lĩnh.

Cốn: còn gọi là Long Cốn, hoặc Cốn Long y, loại áo trong Lễ phục Cốn Miện, thường có màu xanh sẫm hoặc màu huyền,

cổ áo giao lĩnh, thêu các hoa văn Phũ, Phất, Sơn, Hỏa... Riêng áo Cốn của vua được thêu hoa văn Nhật, Nguyệt ở hai vai, Long ở hai ống tay áo.

Cốn Miện: tên gọi tắt của bộ Lễ phục áo Cốn, mũ Miện, là trang phục dành riêng cho đế vương và vương công đại thần sử dụng trong các dịp đại lễ như tế trời đất, lễ lên ngôi v.v., vào thời vua Lê Hiến Tông còn được sử dụng làm Lễ phục khi vua cày tịch điền. Bộ Lễ phục này bị phế bỏ vào thời Lê Trung Hưng và được khôi phục vào thời vua Minh Mạng triều Nguyễn. Vào thời Nguyễn, Cốn Miện chỉ được sử dụng trong dịp tế Nam Giao.

Cốn phục: tên gọi chung của áo Cốn và tất cả phục sức đi kèm như thường, tế tất, đai đối, cách đối, bội, thụ v.v.

Công phục: 1.vốn đồng nghĩa với khái niệm Thường phục, tức trang phục mặc vào những buổi thường triều ngày 5, 10, 20, 25, từ thế kỷ XV trở về sau chỉ loại trang phục vua quan mặc vào những buổi chầu mỏng một và ngày rằm. 2. chỉ loại trang phục trang trọng của nho sĩ và dân thường.

Củng Thân: loại mũ Triều phục dành cho các vị vương, hầu, minh tự thời Lý - Trần, phẩm trật được phân biệt bởi số bậc và số trang sức ong bướm trên mũ.

Cửu Long: Xem Cửu Long Thông Thiên.

Cửu Long Đường Càn: còn gọi là Đường Càn, loại mũ Thường phục của hoàng đế triều Nguyễn, mũ có phần gáy nhô cao, chòm khum tròn chòm về phía trước, choãi sang hai bên thành hình chữ Bát 八. Xem: Đường Càn.

Cửu Long Thông Thiên: còn được gọi là mũ Cửu Long, hoặc mũ Xung Thiên, mũ Triều phục của hoàng đế triều Nguyễn, có kiểu dáng tương tự mũ Xung Thiên triều Lê, riêng quy chế trang sức trên mũ có sự khác biệt.

Dương Đường: 1. một trong những dạng hoa văn hình hoa thời Trần, Lê. 2. mũ Triều phục của Nội quan thời Trần, phẩm trật của các quan được phân biệt dựa vào số hình ong bướm sức trên mũ. 3. mũ Triều phục của hoàng tử, vương tử được phong tước quốc công triều Lê Trung Hưng, kiểu dáng như mũ Phốc Đầu, duy phía sau cao hơn, hai cánh chuồn có khi được nạm vàng.

Đa La: còn gọi là Đa La Ni, hay La Đà Ni, đều chỉ cùng một loại vải gai, phần lớn có màu xanh và đỏ. Vào thời Lê Trung Hưng, loại mũ Đinh Tự được làm từ chất liệu vải gai này được gọi là mũ Đa La.

Đai: thứ phục sức đeo ngang lưng bên ngoài áo bào, được gắn các miếng trang sức hình tròn, hình quả trám làm bằng kim loại hoặc đồi mồi..., được xỏ qua hai dây thắt đôi ra từ nách áo, ôm lấy người, thường chỉ mang tính trang sức

Đai đối: 1. đai thắt lưng, có hai dải to bản buông xuống dưới chân, còn gọi là thân. 2. dải lụa màu xanh trong Cốn phục của vua quan triều Nguyễn; một đầu dải lụa được thắt ở đai da phía trước, sau đó vòng qua vai, cố định lại ở phần đai sau lưng. Xem: Thân.

Đầu Mâu: còn gọi là mũ Trụ, bảo vệ phần đầu của binh sĩ khỏi giáo mác, vì hình dạng giống chiếc mâu, một loại nỏ thời cổ

của Trung Quốc nên gọi là Đầu Mâu.

Đinh Tự: còn gọi là mũ Nhục, loại mũ có kiểu dáng chữ Đinh 丁 nằm ngang, trán mũ thẳng, cong tròn dần khi tới đỉnh, vươn ra sau gáy. Đây là loại mũ Thường phục của các quan văn võ nhà Trần kể từ năm 1301, và là dạng mũ được sử dụng rộng rãi trong quân đội và dân gian thời Lê Trung Hưng.

Đoàn lĩnh: cũng gọi là viên lĩnh, nôm na gọi là áo cổ kiềng, chỉ loại áo cổ tròn, gài cúc bên vai phải. Vào thời Lê, Nguyễn, áo đoàn lĩnh chỉ được dùng trong những buổi Đại triều.

Đông Pha: mũ Thường phục áp dụng cho quan văn tứ, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn, lá phủ phía sau mũ được lượn theo hình sóng, gáy mũ đính hai dải anh rú xuống lưng.

Đường Càn: 1. loại mũ Tiện phục được làm bằng the đen, tương tự kiểu dáng mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn có cốt làm bằng cật mây, buông ra sau, choãi sang hai bên thành hình chữ Bát 八. 2. loại mũ Thường phục của vua và là mũ Triều phục của hoàng thái tử nhà Nguyễn, mũ có phần gáy nhô cao, chòm khum tròn chòm về phía trước, choãi sang hai bên thành hình chữ Bát 八.

Giác Đinh: mũ Thường phục của các vị có tước cao mà không có chức trong triều đình Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Giải Trãi: mũ của pháp quan các triều Lý, Lê, Nguyễn. Giải trãi tương truyền là linh thú một sừng, bản tính ngay thẳng, thường được tạo hình tương tự kỳ lân. Ngay từ thời Hán, triều đình Trung Quốc

đã mô phỏng sừng giải trâu chế ra loại mũ áp dụng cho các quan thực thi pháp luật, nhằm nhấn gởi ý niệm về lương tri và sự công bằng. Triều đình nhà Lý, Lê, Nguyễn Việt Nam đều áp dụng mũ Giải Trâu cho các vị pháp quan, tuy nhiên kiểu dáng mũ mỗi thời mỗi khác biệt, thời Lý mũ này có kiểu dáng Lương Quan, còn thời Nguyễn có kiểu dáng Phốc Đầu.

Giao bào: tên loại áo bào được thêu các hình giao long dạng tròn thời Nguyễn.

Giao linh: cũng gọi là trực linh, trường linh, nôm na gọi là áo tràng vạt, chỉ loại áo cổ bất chéo trước ngực, như loại áo tràng của các nhà sư chúng ta vẫn thấy hiện nay.

Giáp Minh Quang: loại áo giáp hoàn bị vào thời Đường với đặc trưng là hai tấm hộ tâm hình tròn trước ngực và hai miếng trang sức hình đầu hổ gắn hai bên vai.

Giáp Trụ: tên gọi chung của áo Giáp và mũ Trụ. Xem: Đầu Mâu.

Giày Tích: loại giày có hai lớp đế, lớp trên làm bằng gai hoặc da, lớp dưới làm bằng gỗ. Giày Tích vốn là loại giày thời Hán, về sau chỉ còn được sử dụng vào những dịp đại lễ. Từ năm 1396 đến 1404, triều đình Trần - Hồ quy định văn võ bá quan từ lục phẩm trở lên đều được đi giày Tích trong các buổi Thường triều. Vào thời Lê sơ, triều đình nhà Lê vẫn thường thưởng giày Tích cho công thần.

Hổ Đầu: mũ Thường phục áp dụng cho quan võ nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn.

Hổ Quan: loại mũ làm bằng sắt, có hình đầu hổ, xuất hiện tại Trung Quốc vào thời Tùy Đường - Ngũ Đại, từ thời Tống trở về

sau không thấy nữa, tại Việt Nam hiện chỉ thấy qua tấm ngói có niên đại thời Trần.

Hoa bào: tên loại áo bào được thêu các hình hoa tròn thời Nguyễn.

Hoành: tên gọi của một loại dây trên mũ Miện giữ mũ cố định trên đầu, một đầu dây buộc trâm ngọc cài trên mũ, sau đó vòng qua cằm vắt lên đầu kia của trâm. Trâm dùng để cố định búi tóc. Vào thời Nguyễn, dây hoành được thay thế bằng dây thùy anh. Xem: Thùy anh.

Hốt: miếng ngà (hoặc gỗ, tre) hình chữ nhật, các quan cầm ở tay trong các buổi đại lễ, thiết triều, tính chất tương tự ngọc khuê. Xem: Ngọc khuê.

Hung bối. Xem: Bổng tử.

Kế y: loại áo trắng cổ tròn cộc tay, kết hợp với thường, được mặc lót bên trong Lễ phục, Triều phục và Thường phục của vua quan, quý tộc triều Nguyễn.

Khăn xếp: khăn vấn tóc của đàn ông được quấn xếp nếp đều đặn, chít theo kiểu chữ Nhất 一, hoặc chữ Nhân 人 ở giữa trán. Khoảng năm 1920, 1930, người Việt mới chế ra loại khăn khâu dán liền những vành nếp lại, chỉ việc đặt chụp lên đầu cho nhanh chóng và thuận tiện, gọi là khăn xếp.

Khố: đồ mặc phía dưới của đàn ông, có khi chỉ chiếc quần hai ống, cũng có khi chỉ dạng khăn quấn quanh eo và đùi che hạ bộ.

Khuốc Phi: mũ Thường phục của quan ngự sử đời thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Kim Quan: loại mũ Triều phục của hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công, hương công, huyện

hầu và hương hầu triều Nguyễn, thường kết hợp với áo bào Tứ linh màu đỏ.

Lễ phục: chỉ loại trang phục vua quan mặc vào các buổi cúng tế, lễ tiết, cũng có khi được gọi là Tế phục.

Long bào: loại áo bào thêu hình rồng của vua chúa nói chung.

Lương Cản: 1. loại mũ thời vua Lê Thánh Tông, được làm bằng lông đuôi ngựa, tên mũ có nghĩa là “mũ mát” vì thường được sử dụng vào mùa hè. 2. loại mũ đội khi vào chầu của hoàng tử, vương tử chưa được phong tước theo quy chế năm 1661. 3. loại mũ Thị phục chầu chúa của các quan văn theo quy chế năm 1721.

Lương Quan: còn gọi là mũ Tiến Hiên, có các viên lương trang sức chạy dọc trên thân mũ, số viên lương được dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan.

Lưu: 1. tên gọi của các chuỗi ngọc châu đính ở hai đầu Miện bản trên mũ Miện. Số lưu được quy định dựa vào thân phận của người đội mũ, như mũ của hoàng đế có 12 lưu, mũ của vương công có 9 lưu. 2. tên của loại dải thắt Bào phục của vua và hoàng hậu triều Nguyễn.

Mã quái: loại áo cổ tròn cộc tay, mở ngực, cài bằng cúc, mặc lót bên trong.

Mãng bào. Xem: Tứ linh bào.

Mãng lan: dạng áo hẹp tay, có lối thêu sức tương tự như Mãng bào, song chiều dài vạt áo và ống tay áo đều ngắn hơn Mãng bào, được áp dụng cho một số vị quan võ triều Nguyễn.

Miến: còn gọi là mũ Lưu Miện, mũ Bình Thiên, có ván úp hình chữ nhật, đính các

dây ngọc rủ ở phía trước và phía sau, gọi là lưu. Xem: Lưu.

Miến bản: còn gọi là diên, ván úp hình vuông (hoặc chữ nhật) trên mũ Miện.

Mũ Nhục. Xem: Đinh Tụ.

Mũ Trụ. Xem: Đầu Mâu.

Ngọc khuê: miếng ngọc hình chữ nhật, nhọn đầu, vua và đại thần cầm ở tay trong các buổi đại lễ, tính chất tương tự hốt. Xem: Hốt.

Ngư đại: loại phục sức đeo trên đai của các quan văn. Ở Trung Quốc vào thời Đường, Ngư đại có dạng phù hiệu mang hình con cá, đựng trong túi, dùng như thẻ bài để ra vào đại nội. Đến thời Tống, Ngư đại không còn được đựng trong túi mà dùng vàng bạc trực tiếp chế thành hình con cá đeo ở đai, chỉ mang tính trang sức, tỏ sự cao sang vinh hiển. Ngư đại xuất hiện tại Việt Nam muộn nhất là vào năm 798, bị phế bỏ vào thời Lê sơ.

Nhật Bình: áo Triều phục dành cho cung tần nhất, nhị, tam, tứ giai và là Thường phục của hoàng thái hậu, hoàng hậu, công chúa triều Nguyễn. Đây là loại áo xẻ cổ, có dạng đối khâm, cổ áo to bản tạo thành hình chữ nhật ở trước ngực, dưới ức có dải vải buộc hai vạt áo.

Ô Sa: mũ dành cho quan văn, có hai tầng, thân tròn, hai cánh chuồn tròn và to bản. Mũ này vốn được chế ra dựa trên kiểu dáng mũ Phốc Đầu. Xem: Phốc Đầu.

Phong Cản: còn gọi là mũ Tú Tài, loại mũ áp dụng cho quan văn chưa nhập lưu và là mũ Lễ phục của dân gian, kiểu dáng tương tự mũ Văn Tú Tài, song không có

trang sức, không thêu hoa, màu đen tuyền. Xem: Đông Pha, Văn Tú Tài.

Phốc Đầu: loại mũ hai tầng, tầng sau nhô cao hơn tầng trước, là nơi chứa búi tóc, gáy mũ đính hai cánh chuồn nằm ngang. Mũ Phốc Đầu thời Tống có dáng vuông vức. Nhà Minh về sau dựa theo kiểu dáng mũ Phốc Đầu thời Tống chế ra một dạng mũ tròn, hai cánh chuồn tròn, to bản, gọi là mũ Ô Sa. Mũ Phốc Đầu được du nhập vào Việt Nam từ năm 1059, áp dụng làm mũ Thường phục của bá quan, đến thời Trần bị phế bỏ, tái du nhập vào triều Lê sơ. Đến thời Nguyễn, nhà Nguyễn quy định mũ Phốc Đầu vuông là loại mũ dành cho quan võ, mũ Phốc Đầu tròn (Ô Sa) dành cho quan văn. Mũ Phốc Đầu của Việt Nam hầu hết đều được gắn các trang sức bằng kim loại.

Phủ Dung: một loại mũ của vua nhà Trần theo ghi nhận của Lê Tắc, nhiều khả năng là mũ Thường triều, thường được biết đến là mũ của Đạo giáo, có hình dạng bông sen, chụp vào búi tóc.

Phủ hậu: hai cánh dôi ra từ hai bên sườn áo bào theo quy chế của nhà Minh, được áp dụng vào triều đình Lê Trung Hưng và triều Nguyễn.

Phượng tâm khúc lĩnh: dạng phục sức làm bằng lụa trắng, hình tròn để đeo vào cổ, chính giữa có một đoạn lụa dôi xuống hình vuông, thường được phối với Lễ phục của vua và các quan đại thần, ít nhất còn được sử dụng đến thời Trần. Nhà Nguyễn không sử dụng loại phục sức này.

Phượng Thắt: mũ Thường phục của tôn thất thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Phượng bào: áo bào thêu hình chim phượng của hậu phi triều Nguyễn nói chung.

Phượng ngư tú phục: dạng áo bào Triều phục của tước hầu, minh tự thời Trần, trên áo thêu hoa văn phượng cá.

Phượng Quan: mũ Triều phục của hậu phi triều Nguyễn, ngôi thứ được phân biệt bởi số lượng trang sức phượng múa rồng bay trên mũ. Mũ có chín hình phượng múa rồng bay được gọi là Cửu Phượng Quan, có bảy hình gọi là Thất Phượng Quan...

Quần: từ chỉ chung các loại váy, bao gồm cả thường. Tuy nhiên, từ cuối thời Nguyễn, khái niệm quần được dùng để chỉ loại đồ mặc phía dưới, có hai ống chân. Xem: Khố, Quần chân.

Quần chân: chỉ loại quần có hai ống chân phân biệt với loại quần không đáy, là chiếc váy cổ cụp của phụ nữ Việt xưa kia.

Quyển Vân: tên gọi khác của mũ Thông Thiên, loại mũ có chóp uốn cong ngả về phía sau, trông như áng mây cuộn, thân mũ có các viên lương được đính các hạt ngọc châu. Đây là loại mũ Triều phục của vua Tống. Qua ghi chép của Lê Tắc, các vua nhà Trần cũng sử dụng mũ Quyển Vân, có lẽ khi áp dụng vào Việt Nam, loại mũ này cũng được sử dụng trong các buổi Đại triều.

Song khai: loại áo xẻ vạt trước, vạt sau, trang phục thông dụng của binh lính triều Nguyễn.

Tam Sơn: loại mũ có những múi hình mây uốn cong ở chóp mũ, có ngọc châu đính dọc các viên lương tương tự mũ Quyển Vân Thông Thiên, có trang sức hình

tam sơn (ba ngọn núi) đính ở giữa trán mũ.

Tế tất: vuông vải hình chữ nhật che phía trước hạ thể, một trong những phụ kiện của Lễ phục Cổ Miện.

Thái bào: tên gọi chung của các loại áo bào được thêu hoa văn sắc sỡ.

Thái Cổ: mũ Thường phục của các quan văn võ chính thất phẩm, bát phẩm, cửu phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Thanh Cát: 1. loại vải Cát thường có màu xanh đen, ngoài ra còn được nhuộm thành các màu hỏa minh, vi minh và màu quỳ. 2. loại áo Tế phục của vua chúa, Thường phục của quan lại, đồng thời cũng là Tiệm phục của quan dân triều Lê Trung Hưng, sự khu biệt dựa trên màu sắc áo. 3. loại mũ của một số hạng binh lính cấp thấp, của thường dân triều Lê Trung Hưng, có kiểu dáng tương tự mũ Đinh Tự, cũng là loại mũ các quan đội khi nước có quốc tang.

Thao: 1. loại dây tết dùng để treo vào nón (nón quai thao). 2. loại dây tết dùng để thắt lưng, được sử dụng rộng rãi vào thời Lê Trung Hưng.

Thân: tên gọi khác của đai dới, một dạng đai thắt lưng, có hai dải to bản buông xuống dưới chân.

Thất Long Đường Cản: loại mũ Triều phục của hoàng thái tử triều Nguyễn, có kiểu dáng tương tự mũ Cửu Long Đường Cản của hoàng đế, song số lượng trang sức trên mũ có sự gia giảm. Xem: Đường Cản.

Thiên Hà dới: dải lụa trang sức vắt ngang miện bản trên mũ Miện của đế vương.

Thị phục: trang phục bá quan sử dụng khi vào chầu chúa Trịnh.

Thông Thiên: tên gọi khác của mũ Quyển Vân vào thời Trần, mũ Triều Thiên vào thời Lê, và mũ Xung Thiên vào thời Nguyễn. Xem: Quyển Vân, Triều Thiên, Xung Thiên.

Thụ: còn gọi tổ thụ, dải tết bằng các sợi tơ thắt ở sau lưng, gồm đại thụ, dải tết kín hình chữ nhật, và tiểu thụ, dải tết thưa, nằm trên đại thụ.

Thường: một dạng váy quây, quây ra ngoài chiếc quần hai ống, loại trang phục này phổ biến trong dân gian Việt Nam vào thời Lý - Trần. Đến thời Nguyễn, thường còn được gọi là xiêm, trang phục được quy định sử dụng trong những buổi lễ, thiết triều, áp dụng đối với vua quan và hoàng tộc, những người có danh vị và phẩm trật. Xem: Xiêm.

Thường phục: trang phục mặc vào những buổi Thường triều, các ngày mồng 5, 10, 20, 25.

Thùy anh: tên gọi khác của dây hoành trên mũ Miện dành cho hoàng đế triều Nguyễn, được làm bằng tơ vàng, thắt ở cằm, có tua hình hạt bột rủ xuống. Xem: Hoành.

Thủy ba: hoa văn sóng nước trên áo bào triều Lê - Nguyễn.

Tiệm phục: trang phục vua quan mặc vào ngày thường, những lúc không phải thiết triều.

Tiêu kim tử phục: dạng áo bào Triều phục màu tía nạm vàng của tước vương thời Trần.

Toàn Hoa: loại mũ áp dụng cho ngạch Tụng quan của nhà Trần, có hai kim hoàn đính ở hai bên mũ, vải nhung màu tía pha

biếc làm thành sáu tua, đính vào đai ngang ở sau mũ. Từ năm 1396 đến hết triều Hồ, mũ Toàn Hoa được áp dụng làm mũ Thường phục của các quan văn võ tông thất phẩm.

Tràng vạt. Xem: Giao lĩnh.

Triều phục: loại trang phục vua quan mặc vào các buổi lễ nhỏ, song vào thời Nguyễn, được đồng nhất với Công phục, chỉ loại trang phục mặc vào buổi Đại triều ngày rằm và mồng một.

Triều Thiên: 1. mũ Thường triều của các vương, hầu để tóc dài thời Trần; 2. tên gọi khác của mũ Xung Thiên thời Lê, loại mũ có kiểu dáng tương tự mũ Phốc Đầu, hai cánh chuồn hơi gấp, hướng lên trời.

Trục lĩnh: 1. tên gọi khác của áo giao lĩnh; 2. chỉ loại áo cổ thẳng nói chung, bao gồm cả áo giao lĩnh, tứ thân, Nhật Bình. Xem: Giao lĩnh.

Trung đơn: áo lót trong màu trắng, kiểu giao lĩnh, cổ áo thường được thêu các hoa văn Phũ.

Trung Tĩn: loại mũ Tiện phục của các chức quan đội khi nhàn hạ, không phải vào triều theo quy chế của nhà Minh, Trung Quốc. Tại Việt Nam, hiện chỉ thấy loại mũ này được thể hiện trên pho tượng hoàng tử Lê Đình Tứ chùa Bút Tháp, Bắc Ninh.

Trường lĩnh. Xem: Giao lĩnh.

Tứ thân: loại áo xẻ tà hai bên sườn, có hai vạt kiểu đối khâm, cổ áo có viền chạy thẳng xuống dưới, dài quá gối. Loại áo tứ thân thời Nguyễn thường thấy là loại áo hẹp tay, tuy nhiên từ thời Lê trở về trước, ống tay áo rộng hẹp đều được tùy nghi sử dụng.

Tứ Diên: loại áo cổ tròn, từ phần ức trở xuống xẻ tà, được may bằng bốn khổ vải, thường có màu đen, được sử dụng phổ biến trong cung đình và dân gian Việt Nam thời Lý - Trần.

Tứ linh bào: còn gọi là Mãng bào, áo bào Triều phục của các quan nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn, trên áo được thêu bốn loài linh thú long, ly, quy, phượng.

Tứ Phương Bình Định: mũ của nho sinh, tú tài thời Minh Trung Quốc và của các tôn sinh quý tộc của nhà Nguyễn Việt Nam. Loại mũ này làm bằng the, bốn bên vuông vức, trên rộng dưới hẹp.

Tứ Phương Bình Định: loại mũ quân trang áp dụng cho Thập đạo quân thời vua Đinh Tiên Hoàng, được duy trì đến thời Lê Trung Hưng. Loại mũ này làm bằng da, đỉnh phẳng, bốn bên vuông vức được khâu ráp lại, trên hẹp dưới rộng.

Tử tu gián bích: dải vải nhung màu tía pha biếc được gắn ở sau mũ Thường phục của các quan nhà Trần. Ở mũ của Tụng quan, dải vải này được phân làm sáu tua, gắn ở đai ngang sau mũ.

Văn Công: mũ Thường phục áp dụng cho quan văn nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn, trang sức toàn bằng vàng, có hai dải anh sức hoa vàng khảm ngọc châu.

Văn Tú Tài: mũ Thường phục áp dụng cho các quan văn võ thất, bát, cửu phẩm triều Nguyễn, kiểu dáng tương tự mũ Đông Pha, riêng lá phủ phía sau mũ phẳng là khác biệt. Xem: Đông Pha.

Vĩ Dịch: Lễ phục tôn quý nhất trong sáu loại trang phục của hậu phi, tương đương

với trang phục Cổ Miện của hoàng đế, màu đen huyền hoặc xanh sẫm, thêu hoa văn chim trĩ.

Viên lĩnh. Xem: Đoàn lĩnh.

Viễn Du: mũ Thường phục của các vị vương hầu thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Võ Đại Long: loại mũ quân phục của các vị vua đầu triều Nguyễn, được kết hợp với Long bào hẹp tay.

Võng cán: dạng lưới bọc quanh đầu để cố định tóc được áp dụng vào triều đình Đảng Trong từ năm 1744 và tiếp tục sử dụng trong cung đình triều Nguyễn.

Xiêm: vốn chỉ tế tất, vuông vải hình chữ nhật che trước hạ thể, vào thời Nguyễn được dùng để chỉ thường. Xem: Thường, Tế tất.

Xuân Thu: 1. loại mũ Lễ phục của hoàng đế triều Nguyễn sử dụng khi tế lễ tại tông miếu; 2. loại mũ Thường phục của các quan võ tứ, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn.

Xung Thiên: dạng mũ có kiểu dáng như mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn hướng lên trời. Đây là loại mũ Thường phục của các vua thời Lê sơ, và là mũ Triều phục của vua Lê, chúa Trịnh, cũng như vua chúa nhà Nguyễn. Quy chế trang sức trên mũ ở mỗi thời mỗi khác.

Yến Vĩ: mũ Tiện phục của các quan võ triều Lê Trung Hưng, thân hình lục lăng, sau mũ có một lá phủ tương tự hình đuôi én nên còn được gọi là mũ Đơn Diệp (lá đơn), hoặc mũ đuôi én.

THƯ MỤC SÁCH TRÍCH DẪN



A. Tư liệu Việt Nam:

An Nam phong tục sách (安南風俗冊). Mai Viên Đoàn Triển. Nxb Hà Nội. 2008.

Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế. Tập 1. Thái Công Nguyên chủ biên. Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế. 1997

Bị khảo (備攷). Phạm Đình Hổ. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.956.

Bản rập họa tiết mỹ thuật cổ Việt Nam. Viện Mỹ thuật. Nxb Mỹ Thuật. 2000

Các thể văn chữ Hán Việt Nam. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Nxb KHXH. 2010

Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa (指南玉音

解義). Trần Xuân Ngọc Lan phiên âm và chú giải. Nxb KHXH. 1985.

Chu nguyên tạp vịnh thảo (周原雜詠草). Lý Văn Phức. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: VHv.1146

Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ. Viện Sử học. Nxb Giáo Dục Việt Nam. 2009

Cổ vật Thăng Long Hà Nội. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Hà Nội. 2010.

Công dư tiện ký (公餘捷記). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.44

Công hạ ký văn (公暇記聞). Trương



Quốc Dụng. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1499

Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục (堦史略編大越阮朝實錄). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.1676.

Du hiên tùng bút (輶軒叢筆). Bùi Văn Dị. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.801

Đại Nam điển lệ toát yếu (大南典例撮要). Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. 1993.

Đại Nam thực lục (大南實錄). Viện sử học. Nxb Giáo Dục. 2007; Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2772/ 32 ; A.2772/27.

Đại Nam quốc âm tự vị (大南國音詞彙). Huỳnh Tịnh Của. Nxb Trẻ. 1998.

Đại Việt thông sử (大越通史). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1389.

Đại Việt sử ký tiền biên (大越史記前編). Thư viện Viện Sử học. KH: BK2.

Đại Việt sử ký tục biên (大越史記續編). Viện nghiên cứu Hán Nôm. Nxb Văn Hóa Thông Tin. 2011.

Đại Việt sử ký toàn thư (大越史記全書). Viện KHXH Việt Nam. Nxb KHXH. 1998.

Đất lề quê thói (Phong tục Việt Nam). Nhất Thanh. Cơ sở Ấn loát Đường Sáng. 1970.

Đồng Khánh Khải Định chính yếu (同慶啓定政要). Nguyễn Văn Nguyên dịch. NXB Thời đại. 2010.

Gia Định thành thông chí (嘉定城通志). Trịnh Hoài Đức. Nxb Giáo Dục. 1999.

Hình ảnh Hà Nội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nxb Hà Nội. 2010.

Hoàng Lê nhất thống chí (皇黎一統志). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.883

Hồn Việt. Số 3. Tháng 6 năm 2006.

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ (欽定大南會典事例). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: VHv.1681/13

Khâm định Việt sử thông giám cương mục (欽定越史通鑿綱目). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.591.

Kim ngọc bảo tỷ. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. 2010.

Lão song thô lục (老窗粗錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2818

Lịch đại danh thần sự trạng (歷代名臣事狀). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.246

Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam. Nxb Từ điển Bách Khoa. 2009

Lê quý dật sử (黎季逸史). Bùi Dương Lịch. Nxb KHXH. 1987.

Lê Quý Đôn toàn tập (Tập I. *Phủ biên tạp lục* 撫邊雜錄; Tập II. *Kiến văn tiểu lục* 見聞小錄; Tập III. *Đại Việt thông sử* 大越通史). Nxb KHXH. 1977 – 1978.

Lê triều chiếu lệnh thiện chính (黎朝詔令善政). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.257.

Lê triều hội điển (黎朝會典). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.52.

Một số văn bản Điển chế và Pháp luật Việt Nam. Tập II. Từ thế kỷ XV đến XVIII. Nxb KHXH. 2009.

Lịch triều hiến chương loại chí (歷朝憲章類誌). Phan Huy Chú. Nxb KHXH. 1992. (Viện nghiên cứu Hán Nôm, KH: A.1551/4)

Lịch triều tạp ký (歷朝雜記). Ngô Cao Lãng. Nxb KHXH. 1975.

Lược sử mỹ thuật Việt Nam. Trịnh Quang Vũ. Nxb Từ điển Bách Khoa. 2009.

Mạnh Tử quốc văn giải thích (孟子國文

解釋). Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Tùng Văn Nguyễn Đôn Phục dịch. Trung Bắc Tân Văn. 1932.

Minh Mạng chính yếu (明命政要). Nxb Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên. 1974.

Mỹ thuật thời Trần. Nguyễn Đức Nùng chủ biên. Nxb Văn hóa. 1977.

Nam phương danh vật bị khảo (南方名物備考). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.43

Nam sử tư ký (南史私記). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2207

Nhật dụng thường đàm (日用常談). Phạm Đình Hổ. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.1726.

Những khám phá về hoàng đế Quang Trung. Đỗ Bảng. Nxb Thuận Hóa. 1994.

Nghiên cứu lịch sử. Số 66. 1964.

Nghiên cứu tôn giáo. Số 4. 2006.

Ngô Thì Nhậm toàn tập. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học. Nxb Văn Học. 2001.

Ô châu cận lục (烏州近錄). Dương Văn An. Nxb Giáo Dục Việt Nam. 2009.

Quân lực Việt Nam dưới các triều đại phong kiến (Từ Thượng cổ đến Cận kim). Phạm Văn Sơn. Bộ Tổng Tham mưu QL/VNCH. 1971

Quốc sử di biên 國史遺編. Phan Thúc Trục. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1045.

Quốc văn trích điểm. Dương Quảng Hàm. Nxb Trẻ. 2004

Sơn cư tạp thuật (山居雜述). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.822

Tang thương ngẫu lục (桑滄偶錄). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.89.

Tập mĩ thi văn (集美詩文). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2987

Thế giới di sản. Hội Di sản Văn hóa Việt Nam. Số 7. Năm 2009.

Thiền Tông khóa hư ngữ lục (禪宗課虛語錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. Bản AB.268.

Thông báo Hán Nôm học. Viện nghiên cứu Hán Nôm. 2009.

Thơ chữ Hán của vua Lê Thánh Tông. Nxb Văn Học. 2003.

Thơ văn Lý Trần. Tập 1 - 1977. Tập 2 - 1988. Tập 3 - 1978. Nxb KHXH

Toàn Việt thi lục (全越詩錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1262.

Tuyển tập Ngô gia văn phái. Trần Thị Băng Thanh, Lại Văn Hùng chủ biên. Nxb Hà Nội. 2010.

Từ điển tiếng Việt. Hoàng Phê. Trung tâm từ điển Vietlex. 2007

Từ điển Văn học (bộ mới). Đỗ Đức Huê, Nguyễn Huê Chi chủ biên. Nxb Thế Giới. 2004.

Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc. Chu Quang Trứ. Nxb Mỹ Thuật. 2001.

Trang phục Thăng Long Hà Nội. Đoàn Thị Tình. Nxb Hà Nội. 2010.

Trang phục triều Lê Trịnh. Trịnh Quang Vũ. Nxb Từ điển Bách Khoa. 2008.

Trang phục Việt Nam. Đoàn Thị Tình. Nxb Mỹ Thuật. 2006.

Ức Trai di tập (抑齋遺集). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: VHv.1772/2-3

Văn hoá Phùng Nguyên. GS.TS Hán Văn Khẩn. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 2005.

Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 1. Từ Bắc thuộc đến thời Lý. École française d'Extrême-Orient & Viện nghiên cứu Hán

Nôm. 1998; Tập 2. Thời Trần (1226-1400) Tập thượng. National Chung Cheng University và Viện nghiên cứu Hán Nôm. 2002. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: Vt 00349.

Vân Đài loại ngữ (雲臺類語). Lê Quý Đôn. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.118.

Vân Nang tiểu sử (雲囊小史). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.872

Việt Nam phong tục. Phan Kế Bính. Nxb Văn Học. 2006.

Việt Nam sử lược. Trần Trọng Kim. Nxb Văn Học. 2008.

Việt Nam thi văn hợp tuyển. Dương Quảng Hàm. Nxb Trẻ. 2005.

Việt Nam tự điển. Hội Khai Trí Tiến Đức. 1954.

Việt Nam văn hóa sử cương. Đào Duy Anh. Quan Hải Tùng Thư. 1938.

Việt sử (越史). Tập Hiền viện. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.279

Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777 (tái bản). Phan Khoang. Nxb Văn Học. 2001.

Việt sử lược (越史略). Trần Quốc Vượng dịch. Nxb Thuận Hóa. Huế. 2005

Vũ trung tùy bút (雨中隨筆). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1297

B. Tư liệu Trung Quốc:

An Nam chí lược (安南志略). (Nguyên) Lê Tắc 黎崱. Viện Đại học Huế - Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam. Huế. 1961; Trung Hoa thư cục. 2000; Internet Archive (archive.org).

An Nam chí nguyên (安南志原). (Minh) Cao Hùng Trưng 高雄徵. Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

An Nam lai uy đồ sách (安南來威圖冊). (Minh) Lương Thiên Tích 梁天錫. *Duệ Thừa*. Quyển hạ. Quốc lập Trung ương Đồ thư quán. 1981. (裔乘. 卷下. 國立中央圖書館)

An Nam truyện – An Nam tạp ký – An nam ký du (安南傳, 安南雜記, 安南紀游). Vương Vân Ngũ chủ biên. Thương Vụ Ấn thư quán. 1937. (王雲五主編. 商務印書館)

Cẩm tú văn chương. Cao Xuân Minh. Thượng Hải Thư họa Xuất bản xã. 2005. (錦綉文章. 高春明. 上海书画出版社)

Chân Lạp phong thổ ký (真臘風土記). (Nguyên) Châu Đạt Quan 周達觀. Nxb Văn Nghệ. HCM. 2007

Chấn trạch tập (震澤集). (Minh) Vương Ngao 王鏊. Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

Chí Chính tập (至正集). (Nguyên) Hứa Hữu Nhậm 許有壬. Internet Archive (archive.org)

Chiến quốc sách (戰國策). Trung Hoa Thư cục. 2009.

Chuyết canh lục (輟耕錄). (Minh) Đào Tông Nghi 陶宗儀. Internet Archive (archive.org)

Chư Phiên chí (諸番志). (Tống) Triệu Nhữ Thích 趙汝适. Trung Hoa Thư cục. 1996.

Chức tú trân phẩm. Triệu Phong. Hương Cảng Nghệ Sa Đường. 1994. (织綉珍品. 赵丰. 香港艺纱堂)

Cố cung đồ tượng tuyển túy. Quốc lập Cố cung Bác vật viện. 1971. (故宮圖像選粹. 國立故宮博物館)

Cổ đại Hán ngữ từ điển. Trần Phục Hoa chủ biên. Thương Vụ Ấn Thư quán. 2002. (古代汉语词典. 陈复华主编. 商务印书馆)

Cựu Đường thư (舊唐書). (Hậu Tấn) Lưu Hú 劉昫. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Đài Loan Đông Á văn minh nghiên cứu học khan. Quyển 3. Kỳ 2. Tháng 12 năm 2006. (臺灣東亞文明研究學刊. 第3卷. 第2期)

Đại Minh y quan phục nguyên nghiên cứu hệ liệt. Minh triều Lương Quan phục nguyên suy trắc. (大明衣冠复原研究系列. 明朝梁冠复原推测. 撷芳主人) (mingyiguan.org)

Đảo Di chí lược (島夷志略). (Nguyên) Uông Đại Uyên 汪大淵. Trung Hoa thư cục. 1981.

Đồ hội bảo giám (圖繪寶鑑). (Nguyên) Hạ Văn Ngạn 夏文彥. Internet Archive (archive.org)

Đông lý văn tập (東里文集). (Minh) Dương Sĩ Kỳ 楊士奇. Internet Archive (archive.org)

Giới Am lão nhân mạn bút (戒庵老人漫筆). (Minh) Lý Hủ 李詡. Trung Hoa Thư cục. 1997.

Hải ngoại kỷ sự (海外紀事). (Thanh) Đại Sán 大汕. Trung Hoa thư cục. 2000.

Hán Đường phương chí tập dật. Lưu Vi Nghi. Bắc Kinh Đồ thư quán Xuất bản xã. 1997. (汉唐方志辑佚. 刘纬毅. 北京图书馆出版社).

Hiện đại Hán ngữ từ điển. Bản thứ 5. Thương Vụ Ấn Thư quán. 2005. (现代汉语词典. 第五版. 商务印书馆).

Hoàng Thanh chúc cống đồ (皇清職貢圖). Internet Archive (archive.org).

Kiên hồ tập. (堅瓠集) Internet Archive (archive.org).

Ký lục vịnh biên (記錄彙編). (Minh). Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

Khang Hy tự điển. (zdic.net).

Lễ ký. Bắc Kinh đại học Xuất bản xã. 1999. (十三经注疏礼记正义. 北京大学出版社)

Liêu Ninh tỉnh bác vật quán tàng – Thư họa trước lục – Hội họa quyển. Dương Nhân Khải chủ biên. Liêu Ninh Mỹ thuật Xuất bản xã. 1999. (辽宁省博物馆藏·书画著录·绘画卷. 杨仁恺 主编. 辽宁美术出版社)

Liễu Hà Đông tập (柳河東集). (Đường) Liễu Tông Nguyên 柳宗元. Internet Archive (archive.org).

Lĩnh biểu lục dị (嶺表錄異). (Đường) Lưu Tuân 劉恂. Vương Vân Ngũ chủ biên. Thương Vụ Ấn thư quán. 1936. (王雲五主編. 商務印書館).

Lĩnh ngoại đại đáp (嶺外代答). (Tống) Chu Khứ Phi 周去非. Trung Hoa Thư cục. 1999

Long chi nguyên. Dương Tịnh Vinh, Lưu Chí Hùng. Trung Quốc Thư điểm. 2008. (龍之原. 杨静荣, 刘志雄. 中国书店. 2008).

Luận Hành (論衡). (Hán) Vương Sung 王充. (guoxue.com)

Man thư (蠻書). (Đường) Phàn Xước 樊綽. (archive.org)

Minh sử (明史). Quốc Học võng (guoxue.com)

Minh thực lục loại soạn. Thiệp ngoại sử liệu quyển (明實錄類纂. 涉外史料卷). Vũ Hán Xuất bản xã. 1991. (武漢出版社)

Minh thực lục (明實錄). Trung ương Nghiên cứu viện. Lịch sử ngôn ngữ nghiên cứu sở hiệu ấn. 1962. (中央研究院歷史語言

研究所校印 - 1962年版) (ishare.iask.sina.com.cn)

Minh Thái tổ văn tập (明太祖文集). (Minh) Diêu Sĩ Quán 姚士觀. Internet Archive (archive.org)

Mộng Khê bút đàm (夢溪筆談). (Tống) Thẩm Quát 沈括. Trung Hoa Thư cục. 2009.

Nam Tề thư (南齊書). (Lương) Tiêu Tử Hiển 蕭子顯. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Nam sử (南史). (Đường) Lý Diên Thọ 李延壽. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Nguyên sử (元史). (Minh) Tống Liêm 宋廉. Tập 15 (quyển 194 đến quyển 210). Trung Hoa Thư cục. 1975.

Nguyên thi kỷ sự (元詩紀事). (Thanh) Trần Diên 陳衍. Thượng Hải cổ tịch Xuất bản xã. 1987.

Tồng chu biên khản Trung Quốc. Phúc Đán đại học Văn sử Nghiên cứu viện biên. Trung Hoa Thư cục. 2009. (从周边看中国. 复旦大学文史研究院编. 中华书局)

Son cư tân ngữ (山居新語). (Nguyên) Dương Vũ 楊瑀. Internet Archive (archive.org).

Sử ký (史記). (Hán) Tư Mã Thiên 司馬遷. Trung Hoa Thư cục. 2006.

Sử học nguyệt san. Kỳ 10. 2005 (史学月刊. 第十期)

Tam lễ đồ (三禮圖). (Tống) Nhiếp Sùng Nghĩa 聶崇義. Internet Archive (archive.org).

Tam quốc chí (三國志). (Tấn) Trần Thọ 陳壽. Quốc Học võng (guoxue.com)

Tam tài đồ hội (三才圖會). (Minh)

Vương Kỳ 王圻. Thượng Hải Cổ tịch Xuất bản xã. 1988. (上海古籍出版社)

Tạp chí Tử Cấm Thành. Kỳ 131. Tháng 4 năm 2005. (紫禁城. 第131期)

Tạp chí Thu Tàng Gia, kỳ 8, 2009. (收藏家. 第8期)

Tạp chí Văn Sử Triết. Kỳ 5. 2006. (文史哲. 第5期)

Tây Hồ du lãm chí dư (西湖遊覽志餘). (Minh) Điền Nhữ Thành 田汝成. Internet Archive (archive.org)

Tề dân yếu thuật trực tị sách dẫn. Lưu Điện Tước, Trần Phương Chính, Hà Chí Hoa chủ biên. Trung văn đại học Xuất bản xã. 2001. (齐民要术逐字索引. 刘殿爵, 陈方正, 何志华主编. 中文大学出版社)

Tế Ninh văn vật trân phẩm. Tế Ninh thị Văn Vật cục biên soạn. Văn Vật Xuất bản xã. 2010. (济宁文物珍品. 济宁市文物局编. 文物出版社)

Thanh sử đồ điển. Cố cung Bác vật viện biên soạn. Tử Cấm Thành Xuất bản xã. 2002. (清史图典. 故宫博物院编. 紫禁城出版社)

Thanh triều văn hiến thông khảo (清朝文献通考). Trung Hoa Thư cục. 1936.

Thích Danh (釋名). (Hán) Lưu Hy 劉熙. (china-culture.jlmpc.cn)

Thù vực chu tư lục (殊域周咨錄). (Minh) Nghiêm Tông Giản 嚴從簡. Trung Hoa Thư cục. 1993.

Toàn cầu hóa hạ Minh sử nghiên cứu chi tân thị dã luận văn tập. Đài Bắc Đông Ngô đại học Lịch sử học hệ. 2007 (全球化下明史研究之新視野論文集(三). 臺北東吳大學歷史學系)

Tống hội yếu tập cảo (宋會要輯稿).

Thượng Hải Đại Đông Thư cục. 1935. (上海大東書局)

Tống Sử (宋史). (Nguyên) Thoát Thoát 脫脫. Trung Hoa Thư cục. Tập 40. 1975.

Tùy thư (隋書). (Đường) Ngụy Trung 魏徵. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Trang Tử (莊子). (Xuân Thu) Trang Chu 莊周. Tôn Thông Hải 孫通海 dịch chú. Trung Hoa thư cục. 2008.

Triển lãm văn vật folklore Đông Nam Á Phi - Việt - Thái - Ấn. Quốc lập lịch sử bác vật quán. 2007 (菲越泰印: 東南亞民俗文物展. 國立歷史博物館)

Trịnh Khai Dương tạp trứ (鄭開陽雜著). (Minh) Trịnh Nhượng Tăng 鄭若曾. Internet Archive (archive.org)

Trúc Giản tập (竹澗集). (Minh) Phan Hy Tăng 潘希曾. Internet Archive (archive.org)

Trung Quốc cổ dư phục luận tông (Tăng đính bản). Lục Cơ. Văn Vật Xuất bản xã. 2001. (中国古輿服論丛(增订本). 孙机. 文物出版社)

Trung Quốc cổ đại quân nhung phục súc. Lưu Vĩnh Hoa. Thượng Hải cổ tịch Xuất bản xã. 2003. (中国古代军戎服饰. 刘永华. 上海古籍出版社)

Trung Quốc lịch đại y quan phục súc chế. Trần Mậu Đồng. Bách Hoa Văn Nghệ Xuất bản xã. 2005. (中国历代衣冠服饰制. 陈茂同. 百花文艺出版社)

Trung Quốc lịch đại phục súc sử. Viên Kiệt Anh. Cao Đẳng Giáo Dục Xuất bản xã. 1994. (中国历代服饰史. 袁杰英. 高等教育出版社)

Trung Quốc long bào. Hoàng Năng Phúc, Trần Quyên Quyên. Ly Giang Xuất

bản xã. 2006. (中國龍袍. 黄能馥, 陈娟娟. 漓江出版社)

Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển. Chu Tấn, Cao Xuân Minh. Thượng Hải Từ thư Xuất bản xã. 1996. (中国衣冠服饰大辞典. 周汛, 高春明编著. 上海辞书出版社)

Trung Quốc phục súc thông sử. Hoàng Năng Phúc. Trung Quốc Phương chức Xuất bản xã. 2007. (中国服饰通史. 黄能馥. 中国纺织出版社)

Trung Quốc phục trang sử. Hoàng Năng Phúc, Trần Quyên Quyên. Trung Quốc Lữ du Xuất bản xã. 1995. (中国服装史. 黄能馥, 陈娟娟. 中国旅游出版社)

Trùng Khánh Bác vật quán quán tàng văn vật đồ sách. Vương Xuyên Bình chủ biên. Văn Vật Xuất bản xã. 2011. (重庆中国三峡博物馆—重庆博物馆馆藏文物图册. 王川平主编. 文物出版社)

Văn hiến thông khảo (文獻通攷). (Nguyên) Mã Đoan Lâm 馬端臨. Trung Hoa Thư cục. 1986.

Việt kiều thư (越嶠書). (Minh) Lý Văn Phụng 李文鳳. *Tứ khối toàn thư tồn mục tùng thư*. Tề Lô thư xã. 1996. (四庫全書存目叢書. 齊魯書社)

C. Tư liệu Hàn Quốc:

Chi Phong tiên sinh tập (芝峯先生集 지봉선생집). Lý Toái Quang (李睟光 이수광). DB of Korean classics (db.itkc.or.kr)

Phục súc. Yehwa yeoja daehak chulbanbo. 1995. (服飾. 梨花女子大學校 博物館 特別展圖錄(23). 梨花女子大學出版部. 1995)

Hàn Quốc phục súc sử. An Myeong

Suk, Kim Yong Seo. Ye Hak sa. 2006. (한국복식사. 안명숙, 김용서. 예학사)

Ích trai loạn cảo (益齋亂稿 익재란고). Lý Tề Hiền (李齊賢 이제현). DB of Korean classics (db.itkc.or.kr)

Nghiên Kinh Trai toàn tập (研經齋全集 연경재전집). Thành Hải Ứng (成海應 성해응). DB of Korean classics (db.itkc.or.kr).

Quốc triều ngũ lễ nghi (國朝五禮儀 국조오례의). Thân Thúc Chu (申叔舟 신숙주). Viện nghiên cứu Hàn Quốc học Khuê Chương Các Đại học Seoul. KH:奎 1136-v.1-6. (서울대학교 규장각 한국학연구원. 청구기호:奎 1136-v.1-6.)

Trang phục của nước ta thời Joseon qua tranh nhân vật. Kwon O Chang. Hyeon Am sa. 1998. (인물화로 보는 조선시대 우리 옷. 권오창. 현암사)

Triều Tiên vương triều thực lục (朝鮮王朝實錄 조선왕조실록). (sillok.history.go.kr/main/main.jsp)

Trung Quốc lịch đại đế vương Miện phục nghiên cứu. Choe Kye Sun. Đông Hoa đại học xuất bản xã. 2007. (中国历代帝王冕服研究. 崔圭顺. 东华大学出版社)

D. Tư liệu Nhật Bản:

Cầu dương ký sự (球陽記事). Trịnh Bình Triết (郑秉哲). Thư viện Đại học Tsukuba (筑波大学図書館). (ishare.iask.sina.com.cn)

Chu ấn thuyền hội quyển. Bảo tàng quốc lập Kyushu. 2009. (朱印船絵巻一海のむこうのずっとむこう. 九州国立博物館)

Đông phương học. Kỳ 23. (東方学. 第23期)

Hải ngoại chư đảo đồ thuyết (海外諸島圖説). The Kyushu University Museum.

(record.museum.kyushu-u.ac.jp)

Hòa Hán tam tài đồ hội (和漢三才圖會). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)

Hoàng Thanh chúc cống đồ (皇清職貢図). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)

Lịch sử quan hệ Việt Nam Trung Quốc. Yamamoto Tatsuro. Yamakawa Xuất bản xã. 1975. (山本達郎. ベトナム中国関係史. 山川出版社)

Mỹ thuật Nhật Bản. Số 26. Shibundo. 1968. (日本の美術. 第26号. 至文堂)

Tăng bổ Hoa Di thông thương khảo (増補華夷通商考). Nishikawa Joken (西川如見). (ishare.iask.sina.com.cn)

Thế Giới nhân vật đồ quyển (世界人物図巻). Thư viện Văn nghệ Đại học Kyushu Nhật Bản. KH: 国史17-123. (九州大学文系合同図書室蔵. 番号国史17-123) The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)

Tranh Ogoe thời xa xưa - Hội họa Lưu Cầu sống lại. Satou Fumihiko. Sakuhinsha. 2003. (遥かなる御後絵——甦る琉球絵画. 佐藤文彦. 作品社)

Vạn quốc nhân vật đồ (万国人物図). Thư viện Nagasaki thuộc huyện Nagasaki. (長崎県立長崎図書館). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)

Vạn quốc nhân vật đồ thuyết (万国人物図説). Nishikawa Jyoken 西川如見. The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)

E. Tư liệu phương Tây:

Bulletin des Amis du Vieux Huế (Những người bạn cố đô Huế). 1916

China: The Three Emperors (Ba hoàng đế Trung Hoa) 1662 – 1795. Evelyn Rawski, Jessica Rawson. Royal Academy Books. 2006.

Des Photographes en Indochine Tonkin, Annam, Cochinchine, Cambodge et Laos Au XIX Siècle (Các nhiếp ảnh gia ở Đông Dương: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Campuchia và Lào, thế kỷ XIX). Musée national des Arts Asiatiques Guimet. 2001.

Kỹ thuật của người An Nam. Henri Oger. Nxb Thế Giới. 2009.

Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài. Alexandre de Rhodes. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp HCM. 1994.

Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688. William Dampier. Nxb Thế Giới. 2007.

Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792-1793. John Barrow. Nxb Thế Giới. 2008.

Những lữ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam. Mario Sica. Nxb Thế Giới. 2013.

Silken Threads: A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam (Chỉ

tor: Lịch sử nghề thêu ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam). Young Yang Chung. Harry N. Abrams. 2005.

Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài (1681). Jean-Baptiste Tavernier. Nxb Thế Giới. 2007.

Tư liệu các công ty Đông Ấn Hà Lan và Anh về Kẻ Chợ - Đàng Ngoài thế kỷ XVII. Hoàng Anh Tuấn biên soạn. Nxb Hà Nội. 2010.

Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập tư liệu phương Tây. PGS.TS. Nguyễn Thừa Hỷ chủ biên. Nxb Hà Nội. 2010.

Từ điển Việt - Bồ - La. Alexandre de Rhodes. Nxb KHXH. 1991.

Vietnam and the Chinese model (Việt Nam và mô hình Trung Hoa). Alexander Barton Woodside. Harvard University Press. 1971.

Việt Nam trong quá khứ qua tranh khắc Pháp. Nguyễn Khắc Cần, Nguyễn Ngọc Điệp. Nxb Văn hóa Dân tộc. 1997.

Villages et villageois au Tonkin: 1915-1920 (Làng và cư dân ở làng tại Bắc Kỳ: 1915-1920). Léon Busy. Collections Albert Kahn, 1986.

Xứ Đàng Trong năm 1621. Cristophoro Borri. Nxb thành phố HCM. 1998.



NGÀN NĂM ÁO MŨ
LỊCH SỬ TRANG PHỤC VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 1009-1945

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập	Đông Vinh
Thiết kế bìa	Tạ Quốc Kỳ Nam
Trình bày	Mai Mai
Sửa bản in	Phạm Thủy

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

46 Trần Hưng Đạo - Hà Nội
Tel: 04 38253841 | Fax: 04 38269578
E-mail: thegioi@hn.vnn.vn
Website: www.thegioipublishers.com.vn

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: nhanambook@vnn.vn
<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034
Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 1.000 cuốn, khổ 17x25cm tại Công ty CP In Viễn Đông. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 226-2013/CXB/01-05/ThG và quyết định xuất bản số 40/2013/QĐ-ThG của Nhà xuất bản Thế Giới ngày 16.04.2013. In xong và nộp lưu chiểu năm 2013.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhà Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.





CHƯƠNG V. TRANG PHỤC THỜI NGUYỄN



Vai trò của nhà nước và hệ tư tưởng chính trị luôn có những tác động trực tiếp, mang tính chi phối tới toàn bộ đời sống văn hóa, xã hội. Vận động trong các hình thái xã hội khác nhau, thực thể văn hóa luôn có sự kế thừa và biến dị. Triều Nguyễn, triều đại phong kiến quân chủ cuối cùng trong lịch sử Việt Nam, đánh dấu sự thay đổi to



Cửu đỉnh đặt ở trước sân Thế miếu trong Hoàng thành Huế. (Ảnh: TQĐ)

lớn về mặt nhận thức của người Việt sau khi tiếp xúc văn hóa Pháp. Song trước khi văn hóa, tư tưởng Pháp được dịp gây ảnh hưởng mạnh mẽ lên đời sống của người Việt, dưới sự trị vì của các vị vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Việt Nam vẫn là quốc gia Nho giáo kiên quyết gìn giữ truyền thống đến tận cùng. Lúc này do văn hóa Đông Tây xung đột, bản thân nhà Thanh lại có nguồn gốc Mãn, cho nên nhà Nguyễn đã tự nhận là triều đại kế thừa tính chính thống của văn minh Trung Hoa. Bởi vậy như nhà sử học Nhật Bản, Yamamoto Tatsuro nhận xét: *“Người Việt Nam vẫn hết sức tự tin cho rằng họ đã lưu giữ được trọn vẹn truyền thống cổ của Trung Quốc, đồng thời là người bảo vệ cho tư tưởng Hoa di không kém gì Trung Quốc.”*⁽¹⁾

Xuất phát từ sự *tự tin* và *tự tôn* về văn hiến, vua Minh Mạng từng

1. *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc*. Tr.543.



Long bào của nhà Nguyễn, nhà Thanh, nhà Minh và Triều Tiên.

sách.”⁽¹⁾ Vì vậy, chúng ta khó có thể phủ nhận một số ảnh hưởng của các dạng áo mũ cùng họa tiết trang trí có nguồn gốc Mãn Thanh trong trang phục của vua tôi triều Nguyễn. Chỉ riêng áo mũ Lễ phục mới được châm chước từ nguồn tham khảo chính là trang phục Tống - Minh.

Bên cạnh đó, do quan niệm văn hóa, tín ngưỡng của phương Tây hoàn toàn khác biệt với truyền thống của người Việt, các vị vua đầu triều Nguyễn đều một mực bài xích, thậm chí coi người phương Tây là man di, cần phải thận trọng đề phòng. Như tháng 6 năm 1804, vua Gia Long nói: “Tiên vương kinh dinh việc nước, không để Hạ lẫn với di, đó thực là cái ý đề phòng từ lúc việc còn nhỏ. Người Hồng mao gian xảo trí trá, không phải nòi giống ta, lòng ắt dị biệt, chớ có để cho ở lại, nên ban thưởng hậu hĩnh rồi xóa đi”⁽²⁾ Vua Minh Mạng cũng có nhận định tương tự: “Người Tây dương bản tính xảo trá kiêu ngạo, phải chăng nay được ơn cứu tuất nên bỗng chốc cải hóa được cái tục di rợ của họ?”⁽³⁾

Trước bối cảnh như vậy, khi đặt định chế độ áo mũ phẩm phục,

1. *Cổ luật Việt Nam. Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*. Tr.173-174.

2. (Việt) *Đại Nam thực lục - Chính biên - Đế nhất kỷ - Q.24*. Nguyên văn: 帝曰：先王經理天下，夏不雜夷，此誠防微杜漸之意。紅毛人狡而詐，非我族類，其心必異，不可聽其居留，厚賜而遣之。

3. *Minh Mạng chính yếu*. Tập VI. *Phụ lục Hán văn*. Tr.CCCXIV.31b. Nguyên văn: 赤毛嘗聞其與諸國往來辭多驕蹇，惟與我國交際則一於敬信而已；Tr.CCCXXV.37a. Nguyên văn: 洋人素性點傲，不謂今蒙恩恤，亦能頓化夷俗。



Đại Nam nhất thống toàn đồ

“Phía Bắc giáp ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam của Trung châu; phía Tây không chế các tộc man di, tiếp với các nước Nam Chướng, Miến Điện; phía Đông trông ra bể lớn, ôm bọc các đảo; phía Nam cũng chạm tới biển, vòng qua phía Tây Nam sát vách Xiêm La, các thuộc quốc còn lại và tộc man di khác nhau nội phụ đều đủ cả, thật là một đại quốc sừng sững giữa trời đất” (Lý Văn Phức. Biện di luận).

dùng, điển lễ của người Thanh đã mất, chắc sẽ bắt chước ta mà sửa lại cho đúng. So với Bắc triều, ta càng vẻ vang vậy. Nhưng lòng trẫm cũng chưa dám cho là điều hay nhất, vì thờ trời cốt ở thực tâm chứ không phải ở văn vẻ.”⁽²⁾

Tuy nhiên, đặt trong nhân quan Nho giáo đương thời, mặc dù hết sức tự tin về tính chính thống, song vua quan triều Nguyễn vẫn phải công nhận văn hóa nhà Thanh đạt được nhiều thành tựu và có nhiều điều đáng học hỏi. Nếu như quan chế thời Gia Long còn gìn giữ một phần quan chế nhà Lê Trung Hưng thì đến thời Minh Mạng lại được phỏng theo quan chế của nhà Thanh. Ngay bộ *Hoàng Việt luật lệ* phần lớn được tham khảo từ sách luật của nhà Thanh, như chính lời vua Gia Long nói: “Các đời Hán, Đường, Tống, Minh của Bắc triều, sách luật lệnh đời nào cũng có sửa đổi và hoàn bị nhất là đời Thanh. Trẫm bèn sai các quan trong triều chuẩn theo pháp điển luật lệ của các triều, tham khảo thêm luật lệnh đời Hồng Đức và của nhà Thanh [...] rồi biên tập lại thành

1. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đế nhị kỷ. Q.159. (Tập 4). *Cần Long nhà Thanh làm thơ rất nhiều, ta xem ra, đều là những bài đi thẳng vào tình cảnh, chẳng cần những lời phù phiếm gọt giũa, song có nhiều chữ còn thô [...]* Các bài ta làm chỉ tả tình, tả cảnh mà dùng chữ chẳng đến nỗi quê kệch như thế.

2. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr.CCLXV-4a. Nguyên văn: 衰冕肇自軒轅，而三代鮮有行者 [...] 北朝自清以來亦已久廢。今舉行之，清人典禮既失，亦將於我取正。視之北朝，更有光焉。然朕心未敢以為盡善。蓋事天以寔不以文。

ngoài việc kế thừa một phần quy chế thời Lê Trung Hưng và thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, triều đình nhà Nguyễn vẫn tiếp tục tham khảo chế độ trang phục của các triều đại Trung Hoa là nhà Tống, nhà Minh và nhà Thanh, trong đó, trang phục Tống - Minh là nguồn tham khảo chính thống. Từ thời vua Đồng Khánh, Khải Định về sau, trang phục trong triều đã không còn được tuân thủ nghiêm ngặt như trước; quân phục của nhà vua dần dần cũng chịu ảnh hưởng kiểu cách quân phục phương Tây, việc đi giày Tây trong triều cũng ngày một thịnh hành. Đặc biệt dưới triều vua Bảo Đại, lần đầu tiên vua cho phép bá quan không cần mặc các bộ Triều phục, Thường phục khi vào chầu, chỉ cần mặc bộ lễ phục giản tiện là áo the, khăn xếp.

Đặt trong nhân quan phong kiến đương thời, triều đình nhà Nguyễn bất luận thế nào cũng đã sở hữu một nền văn hiến áo mào có bề dày truyền thống và những cách tân đặc sắc, tự tin sánh ngang với các quốc gia Nho giáo như Trung Quốc, Triều Tiên, khiến Khâm sứ nhà Thanh là Lao Sùng Quang phải công nhận: *“Gần gũi Trung Hạ, tôn sùng Nho giáo, yêu chuộng thi thư, cùng được coi là đất thanh danh văn vật, ắt phải nói đến hai nước Triều Tiên và Việt Nam.”*⁽¹⁾

I. TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ

1. Lễ phục

Tương tự như các vị hoàng đế Đại Việt trước đây, các vua nhà Nguyễn cũng có tư tưởng Đế vương, làm bá chủ toàn cõi phương Nam. Đặc biệt sau khi sở hữu một quốc thổ rộng lớn chưa từng có trong lịch sử mà như lời triều thần Lý Văn Phức, Việt Nam lúc này là *“một đại quốc sừng sững giữa vòm trời đất”*, vua Minh Mạng đã cho khôi phục quy chế áo Cống mũ Miện, vốn bị phế bỏ từ thời Lê Trung Hưng, để đánh dấu vị thế của thiên tử phương Nam có quyền độc lập tế trời.

Theo *Hội điển*, các vua nhà Nguyễn có hai loại Lễ phục, gồm Lễ phục Cống Miện sử dụng trong lễ tế Giao và Lễ phục Xuân Thu sử dụng trong các dịp tế lễ tại Tông Miếu.

1. (Việt) *Tập mĩ thi văn - Nam quốc phong nhã thống biên tự*. Nguyên văn: 密邇中夏,崇儒術好詩書,共推為聲名文物之邦,必稱朝鮮、越南二國

a. Cống Miện 衰冕

Thời các chúa Nguyễn cát cứ Đàng Trong, vào dịp tế lễ, chúa đội *“mũ Xung Thiên làm bằng sa, mặc đạo bào (giao lĩnh) màu huyền, đi giày mát, không xỏ tất.”*⁽¹⁾ Sau khi vua Gia Long thống nhất lãnh thổ, tháng 2 năm 1807, vua mới bắt đầu định đại lễ Nam Giao, *“vào ngày tế, vua đội mũ Cửu Long, mặc Hoàng bào, đai ngọc, xiêm vàng, lên đàn làm lễ.”*⁽²⁾ Minh Mạng chính yếu cũng cho biết từ năm 1830 trở về trước, khi tế Giao, vua chỉ đội mũ Cửu Long, mặc Hoàng bào, đai ngọc như khi làm lễ tế Hưởng ở Tông miếu⁽³⁾.

Mũ Cửu Long được nhắc đến ở đây là mũ Cửu Long Thông Thiên, tên gọi khác của mũ Xung Thiên triều Nguyễn. Như vậy Lễ phục tế Giao thời vua Gia Long vẫn tuân theo quy chế thời Lê Trung Hưng. Năm 1830 là thời điểm triều đình vua Minh Mạng khôi phục quy chế Cống Miện. Theo đó quy chế Lễ phục tế trời dành cho hoàng đế được quy định là mũ Miện 12 lưu và áo Cống 12 chương, cụ thể được *Hội điển* cho biết:

“Mũ Miện tế Giao trên vuông dưới tròn, đỉnh hai chữ Vạn Thọ bằng vàng hoặc hai chữ Thiên Địa bằng vàng, 12 hình rồng mây, 6 hình ngọn lửa, 2 thùy văn, 4 nhiễu tường, 1 hoa sen, 1 đóa mây, 1 liên đằng chạy viền quanh thành mũ, 256 hạt vàng, 2 cúc, 2 khuyên. Mặt trước và sau có 24 dải lưu, hai bên phải trái mỗi bên 1 dải lưu, đều khâu chuỗi bằng san hô, trân châu, pha lê và các hạt vàng, tổng cộng 300 hạt. Xung quanh có mạng kim tuyến đính kết với 400 hạt vàng ngọc. Trâm khảm trân châu nối với dây thùy anh làm bằng tơ vàng. Phàm là mất rồng



Vua Khải Định mặc Cống Miện. Đàn tế Nam Giao tại Huế.

1. (Trung) *Hải ngoại ký sử* - Q.2. Nguyên văn: 王戴冲天翅纱帽, 玄道袍, 剪绒凉鞋, 不袜
2. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đế nhất kỷ. Tập 1. Tr.692.
3. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr. CCLXIV-3b. Nguyên văn: 向用九龍冠、黃袍、玉帶如廟饗禮



1. Áo lót thêu hoa văn chữ Á của vua Triều Tiên (còn gọi áo Trung đơn); 2. Thường và Kế y của vua quan triều Nguyễn (BAVH).

dùng trầu bóng màu vàng, trắng, đỏ. Phía dưới kết lưới, thùy anh và móc bạc 4 chiếc, cúc vàng 7 hạt.

Ngọc bội hai dải. Mỗi dải có 1 ngọc trắng hình con doi, 1 ngọc trắng hình vuông, 1 ngọc trắng hình tròn, 2 ngọc trắng hình bán nguyệt, 1 ngọc trắng hình khánh, xâu chuỗi với các hạt vân mẫu, san hô, hổ phách màu đen, mỗi loại hơn 200 hạt, 1 móc câu vàng.

Cách đối một chiếc, bọc tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, kết với 1 miếng ngọc trắng hình vuông, 6 miếng ngọc trắng hình chiếc mộc, bên ngoài

đăng, hồi văn, sóng nước vân vân. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam, lót sa Nam mát bóng màu vàng chính sắc. **Kế y** (áo lót cổ tròn gắn với thường) may bằng lụa trắng.

Tế tất một chiếc, làm bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, lót lụa màu đỏ, thêu chương Sơn, Long, hình mây và các hình hỏa lưu. 4 đường biên may liền đoạn gấm lan can thuần bạc hoa mai màu bảo lam xen với đoạn Bát ti bóng màu hoa xích (đỏ hoa). Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng, 4 móc vàng, 4 cúc vàng.

Đại thụ một chiếc, làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh, lót lụa màu vàng, thêu hình rồng mây, sóng nước và các hình cổ đồ. Bên trên may liền một miếng (ngọc trắng) hình bán nguyệt với đoạn Bát ti bóng màu hoa xích, thêu các hình rồng mây xen với hình lan can kim tuyến. Đường biên may liền đoạn gấm lan can thuần bạc hoa mai màu bảo lam. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam kết với dây nhung xâu ngọc các màu. 1 dải thùy anh, 2 dải thùy lưu xen



Ngọc bội kết hợp với Cốn phục của vua triều Nguyễn (BAVH); 2. Tạp bội đồ (Tam tài đồ hội).

đều khảm các hạt trân châu nhỏ. **Võng cân** sức 4 khuyên vàng.”⁽¹⁾

Theo ghi nhận của *Hội điển*, *Đại Nam thực lục* và hình vẽ trong BAVH, mũ Miện dành cho Hoàng đế triều Nguyễn là loại mũ Miện 12 lưu (phía trước 12 lưu, phía sau 12 lưu), khớp với các nguyên tắc của mũ Miện dành cho thiên tử theo Chu lễ. Tuy nhiên, như chính lời vua Minh Mạng nói “*Cốn Miện có từ thời Hiên Viên [...] trẫm nay noi theo phép xưa mà thêm bớt*”⁽²⁾, dây sung nhĩ gắn ở hai bên thái dương mũ được đổi thành hai dải lưu, dây hoàng màu đỏ son được đổi thành dây thùy anh làm bằng tơ vàng, cùng lối trang trí trên đỉnh miện bản và quanh thân mũ đều có thể coi là những nét đặc sắc chỉ xuất hiện ở mũ Miện của triều Nguyễn.

Mũ Miện của hoàng đế nhà Nguyễn trong BAVH (1915) và mũ Miện phục chế (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam; mũ phục chế thiếu dây thùy anh).

Kết hợp với loại mũ Miện 12 lưu là bộ Cốn phục 12 chương, phối với các phục sức như ngọc khuê, ngọc bội, Đại thụ, Tế tất, Cách đối, Đại đối v.v. Cụ thể:

Áo Cốn may bằng sa mát bóng thuần chỉ, màu thiên thanh, thêu 6 chương: Nhật, Nguyệt, Tinh thần, Sơn, Long, Hoa trùng. Dải thùy lưu (chỉ dải vải buộc áo của áo giao lĩnh, tính chất như cúc) thêu hình rồng mây, hoặc may bằng sa mát bóng thuần chỉ màu tuyết bạch. Ống tay áo thêu hình rồng mây. Cổ áo may bằng đoạn Bát ti bóng màu quan lục. **Áo lót trong** may bằng lụa màu trắng thêu hoa văn chữ Á 亞 (tức chương Phát), dải thùy lưu thêu hình rồng mây, sóng nước.

Thường may bằng sa mát bóng thuần chỉ màu vàng chính sắc, thêu các chương: Tảo, Hỏa, Phấn mẽ, Phủ, Phát, Tông di (Thường 6 chương kết hợp với áo Cốn 6 chương, tổng cộng 12 chương) và các hình cổ đồ, bát bảo, liên

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.5,6. Nguyên văn: 郊祀冕冠製用上下方圓, 釘萬壽金字二, 或天地字二, 金龍雲形十二, 火焰六, 垂文二, 遶牆四, 蓮花、雲朵、遶圈邊、連藤各一, 金粒二百五十六粒, 圈各二。前後冕旒二十四, 左右垂旒各一並串結珊瑚、珍珠、玻璃、金粒該三百粒。四面金綫網文結金玉四百粒。玉簪嵌以珍珠, 結黃絲垂纓。凡龍眼嵌細小珍珠粒。網巾飾金圈四。
2. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr.CCLXV-4a.



Hia áp dụng cho Cón phục, Triều phục và Thường phục của vua triều Nguyễn. (Báu vật triều Nguyễn).

Hia thân làm bằng tơ Bát ti màu thâm, thêu rồng mây, liên đằng, ngọn lửa và hồi văn kim tuyến, xen kẽ gắn kết với gương tây; phía dưới làm bằng tơ lông vũ màu vàng, thêu đính các loại hạt trân châu, san hô nhỏ, hình rồng, mỗi loại 2 thứ và các hình cổ đồ, xen kẽ gắn với gương tây, đính 3 chiếc kim bông, mỗi chiếc khảm 1 hạt hỏa tề, 2 hạt kim cang lót đoạn Bát ti màu đỏ.”⁽¹⁾

Đối chiếu tư liệu văn tự và tư liệu hình ảnh tương quan, có thể thấy trang phục Cón

đều bọc vàng, 6 chân cúc, 2 hình lá vàng tía, 2 khuy kép bạc.

Đại đới làm bằng đoạn Bát ti bóng màu bảo lam, bên trong lót trều bóng màu hoa xích, hai đầu khâu chuỗi với các hạng châu ngọc, cả thấy 392 hạt, 10 dải thùy anh kim tuyến.

Bit tất giống như Triều phục (thân làm bằng tơ Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tơ Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, phía trên gắn với hộ tất).



Một trong những chiếc tất của vua Khải Định (Ảnh: Trịnh Bách).

1. (Việt) *Hội điển* - Quyển 78. Tr.6-8. Nguyên văn: 袞衣製用天青純綫光素涼紗，繡日、月、星辰、山、龍、花蟲，垂旒繡龍雲樣，或製用雪白純綫光素涼紗。袖口繡龍雲。領子官綠光素八絲緞。繡亞字裏白色帛。垂旒繡龍雲、水波。裳製用正黃純綫光素涼紗，繡藻、火、粉米、黼、黻、尊彝並古圖、八寶、連藤、迴文、水波等樣。緣寶藍純金蓮花一項錦，裏正黃南素涼紗。繼衣白色帛。玉佩二，結白玉螭蝠形各一，方樣各一，圓樣各一，半月樣各二，磬形各一，串結雲母、珊瑚、玄珀各二百餘粒，金鈎各一。革帶一，包正黃光素八絲，結白玉方樣一片，盾樣六片，外各包黃金腳六，紫金葉形二，銀夾版二。蔽膝一，正黃光素八絲，裏赤色帛，繡山龍雲並石榴等樣，四邊鑲寶藍梅花純銀欄杆錦緞間花赤光素八絲緞，緣純金蓮花一項錦，金鈎、金鈕各四。大綬一，天青光素八絲緞，裏黃色帛，繡龍雲、水波並古圖等樣，上鑲花赤光素八絲緞半月樣一片繡龍雲樣上間金綫欄杆，邊鑲寶藍梅花純銀欄杆錦緞，緣寶藍純金蓮花一項錦結各色玉，綫絨垂纓一。左右垂旒二間用黃赤白各色素紬。下結網文垂纓，銀鈎四，金鈕七粒。大帶寶藍光素八絲緞，裏花赤素紬，兩端串結各項珠玉三百九十二粒並金綫垂纓十條。襪與大朝同。靴身烏八絲繡龍雲、連藤、火焰並金綫迴文間結洋鏡子，下黃羽絲繡小珍珠、珊瑚各項粒龍形各二並古圖等樣間結洋鏡子，釘金盆各三嵌火齊各一，金剛粒各二，裏赤色八絲緞。

Miện của Hoàng đế triều Nguyễn tuy phần lớn tham khảo từ quy chế Tống - Minh, song đã xuất hiện rất nhiều biến dị, đặc biệt là việc sử dụng đại đới vắt ngang vai và sự kết hợp giữa thường và Kế y cổ tròn. Riêng đại đới, theo quy chế Tống Minh, là dải đai bằng lụa trắng dùng để thắt lưng, kết hợp với đai da - cách đới. Song như BAVH mô tả, vào thời Nguyễn, “Đại đới là dải khăn mảnh vắt qua vai, vượt qua ngực, mỗi đầu đều có diềm bản rộng bằng lụa nạm ngọc nhiều màu và rủ xuống thật thấp.”⁽¹⁾



1. Vua Khải Định mặc trang phục Cón Miện, song thay vì thắt Tề tất ở phía trước, ông lại thắt Đại Thụ vốn là phục sức che phía sau. Cách phối hợp như vậy không hợp quy chế. Phải chăng đây là một trong những kiểu “ăn vận không phải lối” của vua Khải Định như lời công kích của Phan Chu Trinh. (Thất điều trần. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 66); 2. Trang phục Cón Miện của Hoàng đế triều Nguyễn (Phục dựng).

1. BAVH. 1915. Tr. 75-76.



Trang phục Côn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn (BAVH) 1.2.3.4. Mũ Miện 12 lưu. (1. Miện bản nhìn từ trên xuống; 2 - 3. Mũ Miện nhìn trực diện và trắc diện; 4. Dây thùy anh màu vàng gắn trâm ngọc); 5. Khuê (còn gọi là Trần khuê, hốt). 6. Hia. 7. Đại đới. 8. Cách đới. 9. Bội. 10. Tạp bội. 11. Tiểu thụ. 12. Côn phục 12 chương (mặt trước và mặt sau): A. Áo xanh đen 6 chương (a. Nguyệt; b. Nhật; c. Tinh thin; d. Sơn; e. Long; f. Hoa trũng). B. Thường 6 chương. C. Tề tất (thêu 2 chương Sơn và Long, 1 hình rồng bay lên và 1 hình rồng bay xuống). D. Đại thụ.



Một số phục sức trong bộ Côn phục của hoàng đế nhà Minh (*Tam tài đồ hội*). 1. Áo Côn màu huyền; 2. Áo lót Trung đơn; 3. Thường màu đỏ nhạt; 4. Tề tất; 5. Cách đới; 6. Đại đới; 7. Thụ; 8. Tạp bội. Quy chế Côn Miện của nhà Minh được sửa đổi nhiều lần. Quy chế Côn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn nhiều khả năng được tham khảo trực tiếp từ quy chế trong *Tam tài đồ hội*.



Hiện vật áo Côn của vua Khải Định triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách), Hiếu Minh thiên hoàng Nhật Bản (*Mỹ thuật Nhật Bản*) và Thuận Tông hoàng đế thời Đại Hàn đế quốc (*Phục sức*).

**BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ CỐN MIỆN 12 LƯU 12
CHƯƠNG CỦA HOÀNG ĐẾ NHÀ NGUYỄN VIỆT NAM VỚI NHÀ TỐNG
VÀ NHÀ MINH TRUNG QUỐC**

(theo *Đại Nam hội điển sự lệ*, *Tống sử* và *Minh hội điển*)

Quy chế của nhà Nguyễn	Quy chế của nhà Tống	Quy chế của nhà Minh
-Mũ Miện 12 lưu, sung nhĩ được thay bằng 2 dải lưu, dây hoàng được thay bằng dây thùy anh làm bằng tơ vàng	-Mũ Miện 12 lưu, thân mũ Thông Thiên gia miện bản, dây hoàng màu đỏ son	-Mũ Miện 12 lưu, thân mũ dạng ống gia miện bản, dây hoàng màu đỏ son
-Áo Cống màu xanh, thêu 6 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Hoa trùng	-Áo Cống màu xanh, thêu 7 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Trĩ (Hoa trùng), Hổ dữ (Tông di)	-Áo Cống màu huyền, thêu 6 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Hoa trùng
-Thường màu vàng, thêu 6 chương Tảo, Hỏa, Phấn mẽ, Tông di, Phủ, Phát và các hình cổ đồ, bát bảo...	-Thường màu đỏ, thêu 5 chương Tảo, Hỏa, Phấn mẽ, Phủ, Phát	-Thường màu vàng, thêu 6 chương Tảo, Hỏa, Tông di, Phấn mẽ, Phủ, Phát
-Áo Trung đơn may bằng lụa trắng, thêu 12 chương Phát	-Áo Trung đơn may bằng lụa trắng	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, cổ áo thêu 13 chương Phát
-Tế tất màu vàng viền lam, thêu Sơn, Long, 1 rồng bay lên, 1 rồng bay xuống, hình mây và các hình hỏa lựu	-Tế tất màu đỏ, thêu 1 con rồng bay lên, 1 con rồng bay xuống, giữa là mây, sức ngọc quý	-Tế tất màu đỏ, thêu 4 chương Tảo, Phấn mẽ, Phủ, Phát
-Đại thụ thêu hình rồng mây sóng nước, xâu các loại ngọc	-Đại thụ 6 màu đỉnh 3 tiểu thụ kết 3 ngọc hoàn	Đại thụ 6 màu đỉnh 3 tiểu thụ kết 3 ngọc hoàn
-Ngọc bội 2 dải, gồm các loại ngọc hành, cư, xung nha, hoàng...	-Ngọc bội 2 dải, làm bằng ngọc trắng trở rồng	-Ngọc bội 2 dải, gồm các loại ngọc hành, cư, vũ, xung nha, hoàng...
-Cách đới đỉnh ngọc trắng, bọc vàng	-Cách đới trở rồng phượng bằng vàng	-Cách đới đỉnh ngọc
-Tất phía trên gắn hộ tất, thân màu lam, phía dưới màu trắng, dát vàng, hia màu thêu rồng mây	-Tất đỏ, giày Tích đỏ	-Tất đỏ, giày Tích đỏ

b. Xuân Thu 春秋冠

Tế Tông miếu cũng là một trong những lễ tiết quan trọng trong văn hóa cung đình. Vào dịp tế lễ này, vua nhà Trần sử dụng Lễ phục Quyển Vân, vua nhà Lê sử dụng Lễ phục Bình Đỉnh, các vua nhà Nguyễn muôn nhất vào thời vua Gia Long đã có Lễ phục Xuân Thu. *Đại Nam thực lục* cho biết: “Buổi hôm trước ngày hết tang một năm, vua (chỉ vua Gia Long) bỏ áo tang, nội giám đem cất đi. Đến ngày đó, bàn thờ bày đặt như nghi thức tế điện lớn. Vua mặc đồ trắng, đội mũ Xuân Thu bằng sa trắng, áo giao lĩnh bằng sa trắng, thường bằng lụa trắng, giày và bút tất trắng, đến trước bàn thờ làm lễ [...] Tế điện lớn, tế cửu ngu, tế tốt khốc đồ mặc cũng theo như thế [...] Còn tế Luyện, tế Tường và tế Đàm thì sau ngày tốt khốc mới cử hành. Tế Luyện vua mặc Lễ phục, đội mũ Xuân Thu bằng sa thâm, áo giao lĩnh bằng sa thâm, thường bằng lụa màu biếc lót lụa trắng, giày và bút tất đen. Tế Tường và tế Đàm vua mặc đồ màu, mũ Xuân Thu bằng nhiều thâm, áo giao lĩnh bằng sa đoạn màu bảo lam, thường bằng sa biếc lót trắng, bút tất lam, giày đen.”⁽¹⁾. Vào thời Gia Long, quy chế Lễ phục Xuân Thu có sự phân biệt tùy theo quy mô của buổi tế. Ít nhất có ba dạng Lễ phục

Xuân Thu áp dụng cho thiên tử trong các dịp tế Đại Điện, tế Cửu Ngu, tế tốt khốc, tế Luyện, tế Tường, tế Đàm. Vào thời vua Minh Mạng, quy chế Lễ phục Xuân Thu được giản hóa, thống nhất là mũ Xuân Thu màu đen kết hợp với áo giao lĩnh màu thiên thanh (màu huyền).

Năm 1821, vua Minh Mạng nói với Thượng thư Bộ Lễ Phạm Đăng Hưng: “Trong ngày kỵ liệt thánh, hoàng khảo ta đội mũ Xuân Thu, mặc



Mũ Xuân Thu của quan võ Tứ phẩm (BAVH); Vua Gia Long đội mũ Xuân Thu dưới nét vẽ của người Pháp. (Ảnh phục chế).

1. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đề nhất kỷ. Tập 1. Tr.896.

áo giao lĩnh, tự có điển tắc. Trẫm nên theo lễ của hoàng khảo thờ liệt thánh để thờ hoàng khảo.”⁽¹⁾ Đồng thời quy định:

“Mũ Lễ phục là **mũ Xuân Thu**, làm bằng sa trầu màu đen, đính 1 bông hoa bạc, khảm một hạt pha lê lấp lánh. **Võng cân** một chiếc, sức bốn khuyên bạc. **Áo giao lĩnh** làm bằng sa mát thuần chỉ, màu thiên thanh, áo lót làm bằng sa mát thuần chỉ màu tuyết bạch, đều thêu hoa văn rồng mây, sóng nước. Hoặc áo làm bằng đoạn Bát ti bóng thuần chỉ lai lộ, màu thiên thanh, thêu rồng mây, bên trong lót lĩnh 12 hoa mẫu đơn chéo màu ngọc lam. Cổ áo và hai dải thùy lưu đều dùng màu sắc gốc (của áo). **Thường** làm bằng sa mát thêu hoa nhỏ, màu ngọc lam, viền làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh. Kề y làm bằng lụa sống.

Bít tất có thân làm bằng tơ Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tơ Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, bên trong lót lụa màu đỏ. **Hia** có thân hia làm bằng tơ Bát ti màu thâm, bên trong lót lĩnh bóng màu bảo lam.”⁽²⁾

2. Triều phục

Từ tháng 5 năm 1806 thời vua Gia Long, các buổi châu Đại triều, Thường triều được quy định: “Mỗi tháng lấy ngày mồng một và ngày rằm đặt Đại triều ở điện Thái Hòa, quan từ lục phẩm trở lên mặc áo mũ Đại triều vào lạy châu; những ngày mồng 5, 10, 20, 25 đặt Thường triều ở điện Cần Chánh, quan từ tứ phẩm trở lên mặc áo mũ Thường triều vào lạy châu. Các thành và dinh trấn đến ngày mồng một và ngày rằm đều bái vọng ở Hành cung.”⁽³⁾ Minh Mạng chính yếu cũng có ghi chép tương tự, đồng thời cho biết, “phàm gặp tháng nhuận đều miễn cả Đại triều



Vua Đồng Khánh thắt Võng Cân, đội mũ Cửu Long Thông Thiên.

1. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.11. Tr.CCX -15b.

2. (Việt) *Hội điển* - Quyển 78. Tr.4-5. Nguyên văn: 禮服春秋冠製用黑色縐紗，釘銀花一嵌晶光玻璃一粒。網巾一，飾銀圈四。交領衣製用天青純綫涼紗，裏衣雪白純綫涼紗並織龍雲、水波。或製天青來路純綫光素八絲緞織龍雲樣，裏玉藍十二斜牡丹綾。領子、垂旒用本色。裳用玉藍細花涼紗，綠（謬文，該為緣）天青光素八絲緞。繼衣生絹。襪身寶藍光素八絲，中間雪白光素八絲，下雪白洋布鑲純金蓮花一項錦間金綫欄杆。裏白色帛，上結護膝官綠光素八絲，緣純金蓮花一項錦，裏藍帛。靴身烏八絲，裏寶藍光素綾

3. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đệ nhất kỷ. Tập 1. Tr.666

và Thường triều.”⁽¹⁾ Như vậy, vào thời Nguyễn, Triều phục hay còn gọi là trang phục Đại triều chỉ trang phục mặc vào ngày rằm, mồng một và một số dịp lễ tết nhất định; Thường phục là trang phục mặc vào các ngày châu thường mồng 5, 10, 20, 25.

a. Mũ Cửu Long Thông Thiên 九龍通天冠

Hội điển, *Hội điển tục biên*, *Đại Nam điển lệ* toát yếu, *Đại Nam thực lục* đều ghi nhận, vào các buổi Đại triều, hoàng đế mặc Hoàng bào, đội mũ Cửu Long Thông Thiên. Loại mũ Triều phục này ở một số sách như *Minh Mạng chính yếu*, *Đại Nam thực lục* còn được gọi tắt là mũ Cửu Long, trong dân gian quen gọi là mũ Xung Thiên. *Nam phương danh vật bị khảo* thời Nguyễn giải thích:

“Mũ Xung Thiên, mũ Đại triều của thiên tử ngày nay, như mũ Phốc Đầu, hai cánh chuồn chĩa lên trời.”⁽²⁾ Riêng từ “Thông Thiên”, *Chỉ Nam ngọc âm* giải thích “*Thông Thiên quan hiệu* (gọi là) *Triều Thiên*.”⁽³⁾ *Từ điển Việt - Bồ - La* của Alexandre de Rhodes định nghĩa: “*Mũ Triều Thiên là vương miện (mũ của vua)*.” Các cứ liệu trên chứng tỏ vào thời Lê -Nguyễn, loại mũ tương tự mũ Phốc Đầu có hai cánh chuồn hướng lên trời, ngoài tên gọi mũ Xung Thiên, còn được gọi là mũ Triều Thiên và Thông Thiên. Riêng loại mũ Thông Thiên có những búi mây cuộn tròn ở đỉnh mũ, nhà Trần gọi là mũ Quyển Vân, nhà Lê Trung Hưng gọi là mũ Tam Sơn.

Đối với quy chế mũ Cửu Long Thông Thiên, *Hội điển* cho biết, “mũ Đại triều Cửu Long Thông Thiên đính 31 hình rồng vàng, 30 hình ngọn lửa; phía trước và sau đều có 1 bác sơn, 1 hoành long, hốt bọc pha lê lấp lánh và hốt thông thiên mỗi thứ 2 chiếc; 1 liên đăng, 1 nhiễu tường, 1 đóa hoa hình tròn, 30 đóa mây đều kết bằng chỉ; các hạng ngọc dùng để khảm sức như hỏa tề, kim cang, trân châu gồm 140 hạt, mắt mỗi con rồng đều khảm 1 hạt trân châu nhỏ.”⁽⁴⁾ Trước khi đội mũ, vua còn thắt



Mũ Cửu Long Thông Thiên thể hiện trên tượng kim thân của vua Khải Định (Lăng Khải Định. Ảnh: TQĐ).

1. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.11. Tr.CCXVIII-19b.

2. (Việt) *Nam phương danh vật bị khảo* - Thượng - Q.31 - *Phục dụng môn*. Nguyên văn: 衝天冠：今天子大朝冠，如幞頭，兩翅衝天

3. (Việt) *Chỉ Nam ngọc âm*. Tr.120

4. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.1-2. Nguyên văn: 大朝冠九龍通天釘黃金龍形三十一，火焰三十，前後博山各一，橫龍一，包晶光玻璃竝通天笏各二，連藤、遶牆各一，圓樣花朵一，雲朵三十竝線結嵌



Chân dung vua Đồng Khánh (1864 - 1889) mặc Triều phục. Ngực áo bào thêu 2 chữ Vạn Thọ theo lối chữ Triện. (Báu vật triều Nguyễn).

Mặt trước và sau đều có hai chữ Vạn Thọ, ba hình rồng. Hai ống tay áo và hai cánh đều có một hình rồng. Các hoa văn san hô, hỏa lưu đều khâu chuỗi bằng các hạt ngọc châu nhỏ. Cổ áo may bằng đoạn Bát ti bóng màu tuyết bạch. Thùy lưu hai dải (chỉ hai dải thắt nhỏ ở nách áo, có chức năng như cúc) đều thêu hình rồng mây.

Thường làm bằng sa mát bóng màu hoa xích, thêu hình các hình rồng ổ, sóng nước, cổ đồ, bát bảo; phía dưới nối với hình hồi văn, liên đăng, lan can màu hoa xích, gấm đoạn lót lụa màu đỏ, gấm hạng nhất thêu hoa sen thuần vàng màu lục lam. Kẽ y làm bằng lụa sống.

Đai làm bằng đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc may xen với tơ màu xích vĩ, đính 18 miếng sừng tê hình mộc dài, bên ngoài bọc vàng, khảm 92 hạt trân châu.

Bít tất có thân làm bằng tơ Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tơ Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, phía trên gắn hộ tất.



Vua Thành Thái, vua Bảo Đại và vua Khải Định mặc Triều phục.



Mũ Cửu Long Thông Thiên của các vua nhà Nguyễn. (Phục chế. Bảo tàng Lịch sử). *Bác sơn*: trang sức hình bán nguyệt chạy vòng trên trán mũ. *Hốt bọc pha lê lấp lánh*: trang sức đính chéo 2 bên Bác Sơn. *Nhiều Tương*: trang sức đính giữa trán mũ. *Hoành long*: hộc cắm cánh chuồn hình đầu rồng nằm ngang ở gáy mũ. *Hốt Thông Thiên*: hai cánh chuồn vươn ra từ Hoành Long, lờ ra hơi cong gập.

“Võng cân sức 4 khuyên vàng.” Như vậy có thể thấy, loại mũ Triều phục của Hoàng đế nhà Nguyễn có nguồn gốc là mũ Xung Thiên của vua Lê chúa Trịnh, song được sức lên vô số trang sức bằng vàng và đá quý, đồng thời được đặt tên mới, gọi là mũ Cửu Long Thông Thiên. Qua một số ảnh chụp các vị vua Đồng Khánh, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại, có thể thấy lối trang sức trên mũ Cửu Long của các vị vua này không hoàn toàn đồng nhất. Đặc biệt, hai cánh mũ Xung Thiên thể hiện trên pho tượng kim thân của vua Khải Định có dạng cong tròn hơi hướng về phía trước, trùng khớp với hình dạng cánh mũ Xung Thiên của vua Quang Trung giả thể hiện trong bức tranh *Cần Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ*. Dạng cánh mũ này nên được coi là quy chế chung nhất của dạng mũ Xung Thiên triều Lê Nguyễn hay chỉ là vài trường hợp đặc biệt? Với cứ liệu hiện có chúng tôi thiên về khả năng thứ nhất, song chúng tôi cho rằng, dạng cánh mũ Xung Thiên này có lẽ chỉ được sử dụng từ thời chúa Nguyễn Phúc Khoát trở về sau. Ngoài ra, áo mào của vua quan nhà Nguyễn về cơ bản bám sát quy chế của *Hội điển*,

nhưng trên thực tế vẫn có sự gia giảm, đặc biệt là áo mào của nhà vua.

b. Bào phục

Kết hợp với mũ Cửu Long Thông Thiên là bộ Bào phục bao gồm Hoàng bào, đai ngọc, xiêm y, hộ tất, bít tất và hia.

Trong đó, *áo bào làm bằng sa đoạn màu vàng chính sắc, thêu các hình rồng mây, sóng nước lớn nhỏ và 4 chữ Phúc Thọ, áo sa dày thêu hoa Tứ hữu (mai, lan, cúc, trúc) hoặc loại trùu màu hoa xích thêu hoa Tứ hữu; hai cánh (tức hai cánh phụ hậu ở lưng áo) dùng đoạn Bát ti bóng màu bảo lam.*



Đầu thắt Vồng Càn, chân “buộc hộ tất”. (Kỹ thuật của người An Nam).

nhà Nguyễn lúc này được đính thêm một lớp lót bằng lụa trắng đôi ra phía ngoài, đại để mô phỏng cổ áo giao lĩnh trước đây.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.2-3. Nguyên văn: 黃袍製用正黃色紗緞，繡大小龍雲、水波並福壽四字樣。裏四友辰花密紗或四友花赤紬。兩翼寶藍光素八絲緞，前後面萬壽字各二，龍形各三。兩袖兩翼龍形各一並珊瑚、火榴均串結以細小珠玉粒。領子雪白光素八絲緞，垂旒二並繡龍雲。裳製用花赤純綫光素涼紗，織圓龍、水波、古圖、八寶樣，下繼迴文、連藤、花赤欄杆錦緞。裏赤色帛，綠藍純金蓮花一項錦。繼衣生絹。帶用金正黃光素八絲緞，間縫赤羽絲，釘犀角長方盾樣該十八片，外包黃金嵌珍珠九十二粒。襪身寶藍光素八絲，中間雪白光素八絲，下雪白洋布繡純金蓮花一項錦間金綫欄杆。上結護膝正黃光素八絲繡龍雲、水波並金綫迴文，綠寶藍純金一項錦。裏赤素紬。靴身烏八絲繡金綫龍雲、水波、花樣。裏赤八絲

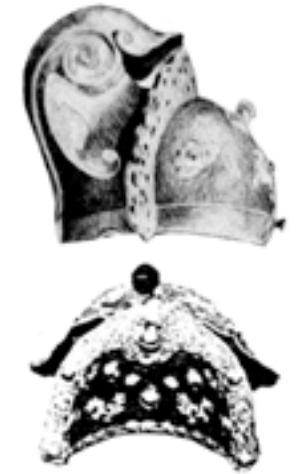
Hội tất làm bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, thêu hình rồng mây, sóng nước, tất cả đều dùng kim tuyến theo kiểu hồi văn, viền gấm hạng nhất thuần vàng màu bảo lam, bên trong lót trùu đỏ bóng. Hia có thân hia làm bằng tơ Bát ti màu thâm, thêu các hình rồng mây, sóng nước, hoa bằng kim tuyến, bên trong lót tơ Bát ti màu đỏ⁽¹⁾.

Qua mô tả của *Hội điển*, kết hợp với tư liệu ảnh triều Nguyễn, có thể thấy Long bào của các vị vua triều Nguyễn kế thừa kiểu dáng trang trí Long bào thời Lê Trung Hưng. Đặc trưng của lối bào phục này là hoa văn Long vân đại hội và hai cánh áo phú hậu ở lưng áo. Sự biến cách lớn nhất của Long bào, Mãng bào triều Nguyễn nằm ở hoa văn trang trí rồng, mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, san hô, hỏa lựu và lan can, mang lại cảm giác cầu kỳ và ngọc mắt.

Ngoài ra, từ thời Lê - Trịnh trở về trước, áo giao lĩnh là dạng áo phổ biến, sử dụng trong cung đình và dân gian, cho nên một bộ Bào phục thông thường bao gồm áo Trung Đơn cổ giao lĩnh mặc lót bên trong, áo đoàn lĩnh cổ tròn mặc ra bên ngoài. Vào thời Nguyễn, triều đình đã phế bỏ kiểu áo giao lĩnh sử dụng trong ngày thường, thay vào đó là loại áo dài năm thân cổ đứng cài khuy. Cổ áo bào của vua quan

3. Thường phục

Hội điển cho biết mũ Thường triều của các vị vua nhà Nguyễn là Cửu Long Đường Càn, song không đề cập quy chế cụ thể. Riêng mũ Triều phục Thất Long Đường Càn của hoàng thái tử được mô tả “*trang sức bằng vàng và ngọc châu.*” Sau khi khảo sát một số ảnh chân dung các vị vua triều Nguyễn, chúng tôi phát hiện thấy ngoài mũ Cửu Long Thông Thiên, các vua nhà Nguyễn còn đội một loại mũ có phần gáy nhô cao, chòm khum tròn chùm về phía trước, choãi sang hai bên thành hình chữ Bát 八. Chúng tôi cho rằng, loại mũ xuất hiện trong các ảnh chân dung vua Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái là mũ Cửu Long Đường Càn, loại mũ xuất hiện trong ảnh chân dung Thái tử Bảo Đại và Thái tử Bảo Long là mũ Thất Long Đường Càn. Ngoài ra, theo tờ châu bản số 163 – 165 Khải Định quyển số 1, có thể thấy mũ Cửu Long Đường Càn còn được gọi tắt là Đường Càn. Tờ châu phê này cho



Mũ Cửu Long Đường Càn thể hiện trên tranh chân dung vua Tự Đức và vua Thành Thái.



Vua Thành Thái, Đồng Khánh mặc Thường phục.

biết: “*Chiếu theo lệ của quốc triều hàng năm gặp các tết Đoan Dương, Đông chí thì đặt nghi lễ Thường triều tại điện Càn Chánh, xin hoàng thượng đội Đường Càn, mặc Long bào, cầm ngọc khuê.*”⁽¹⁾

Kết hợp với Đường Càn là Long bào, song cần lưu ý rằng Long bào Thường triều có bố cục hoa văn trang trí khác với

Long bào Đại triều. Quy chế cụ thể được *Hội điển* mô tả: “*Áo bào làm bằng sa mát bóng thuần chỉ, màu vàng chính sắc, bên trong lót cùng màu, thêu rồng ổ lớn và các hình cổ đồ, bát bảo, sóng nước; mắt rồng đều khảm hạt hổ phách màu huyền, còn lại đều khâu chuỗi các hạt châu*

1. Nguyên văn: 炤國朝週年恭遇端陽、冬至諸令節例有設常朝儀于勤政殿，奉皇上御唐巾、龍袍，執玉圭

ngọc nhỏ. Hai mặt áo và hai ống tay áo đều **xâu chuỗi các hạt châu ngọc làm thành hình mỹ tự** (chỉ các chữ có nghĩa đẹp như Phúc, Thọ v.v.). Cổ áo **lót đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc thêu hình rồng mây**. Hai dải thùy lưu đều **thêu hình rồng mây**. Thường dùng sa mát bóng thuần chỉ màu hoa xích, thêu hình rồng ổ, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, cành hoa v.v. phía dưới nối với hình hồi văn, liên đằng, lan can màu hoa xích, gấm đoạn lót lụa màu đỏ, gấm hạng nhất thêu hoa sen thuần vàng màu bảo lam. Kế y làm bằng lụa sống. Bít tất có thân làm bằng tơ Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tơ Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, lót sa, trều bóng màu đỏ. Hia giống hia Đại triều⁽¹⁾.



Vua Thành Thái mặc lễ phục Tịch Điền và vua Duy Tân mặc Thường phục.

phục các vua nhà Nguyễn sử dụng trong ngày lễ Tịch điền. Trang phục sử dụng khi cày ruộng Tịch điền của vua chúa Đại Việt trước đây hầu



Vua Khải Định đội mũ Triều phục, song lại mặc áo bào Thường phục.

Hội điển còn cho biết, khi cày ruộng Tịch điền, “vua đội mũ Cửu Long Đường Càn, Long bào hẹp tay màu vàng, đai hia giống như trang phục duyệt binh (tức quân phục).”⁽²⁾ Chúng tôi cho rằng, trang phục thể hiện trong bức ảnh chân dung vua Thành Thái (mũ Cửu Long Đường Càn kết hợp với áo bào hẹp tay, xẻ bốn vạt, đai loan) chính là trang

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.3-4. Nguyên văn: 常朝冠用九龍唐巾。袍用正黃色純綫光素涼紗，裏本色，繡大圓龍竝古圖、八寶、水波。龍眼各嵌玄珀，餘均串結細小珠玉粒。兩面兩袖串結珠玉作美字。領子裏正黃光素八絲緞，繡龍雲樣，垂旒二竝繡龍雲。裳用花赤純綫光素涼紗織圓龍、水波竝古圖、八寶、花枝等樣，下繼迴文、連藤、花赤欄杆錦緞。裏赤帛，緣寶藍純金蓮花一項錦。繼衣生絹。襪身寶藍光素八絲，中間雪白光素八絲，下雪白洋布鑲金蓮花一項錦間金綫欄杆。裏赤素綢紗。靴與大朝同

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.10. Nguyên văn: 耕藉奉御九龍唐巾黃色狹袖龍袍。其帶靴與閱兵同

như không có sử liệu đề cập, ngoại trừ thông tin ghi lại trong tấm bia *Đại Việt Lam sơn Dự lãng bi* cho biết vua Lê Hiến Tông mặc áo Cổn, đội mũ Miện có dây hoàng màu đỏ son. Cổn Miện cũng là Lễ phục Tịch điền của các vua triều Hán – Đường, khác với quy chế Lễ phục Tịch điền thời Tống – Minh là mũ Thông Thiên kết hợp với áo bào đỏ.

4. Quân phục

Vào thời vua Minh Mạng, quân phục hay trang phục nhà vua sử dụng khi duyệt binh được quy định là mũ võ Đại Long kết hợp với Hoàng bào hẹp tay có Vân kiên liên cổ màu xanh thẫm. Song với mô tả của *Hội điển*, chúng ta cũng chỉ biết “**Mũ võ Đại Long được làm bằng tơ lông vũ màu đen, lót đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc, lan can kim tuyến của Tây dương, đính 4 hình rồng vàng, 1 hình ngọn lửa, 2 hình rồng mây, 1 hình mây, mắt rồng khảm trân châu, còn lại đều sức châu ngọc. Thùy anh dùng lan can kim tuyến của Tây dương.**”⁽¹⁾ Còn như hình dáng cụ thể của loại mũ này ra sao, hiện chúng tôi chưa có tư liệu tranh ảnh để có thể xác thực. Riêng bào phục kết hợp với mũ võ Đại Long, hiện vẫn còn hiện vật đối chiếu, về cơ bản khớp với mô tả của *Hội điển*:



Quân phục của vua triều Nguyễn hẹp tay, vân kiên liên cổ. (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: Philippe Trương).

“**Áo bào hẹp tay làm bằng sa mát bóng thuần chỉ màu vàng chính sắc, thêu rồng mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, lót trều màu hoa xích thêu mẫu đơn, bướm bướm. Viên gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam, đều xâu chuỗi các hạt trân châu, san hô nhỏ. Vân kiên liên cổ áo làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh, thêu rồng mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo. Áo ngắn Mã quái hai chiếc, làm bằng tơ Bát ti màu thẫm, thêu hình rồng mây, sóng nước, hình con dơi, ngọn lửa. Thường**

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.8. Nguyên văn: 閱兵奉御大龍武冠，製用黑色羽絲，裏正黃光素八絲緞，西洋金綫欄杆，釘金龍形四、火焰一、龍雲二、雲樣一、龍眼嵌珍珠，餘竝飾珠玉，垂纓用西洋金綫欄杆

kép may bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, thêu đôi phượng và các hình liên đăng, hồi văn. Dưới gấu làm bằng tơ Bát ti bóng màu hoa xích, thêu rồng mây, sóng nước, liên đăng, hồi văn, lót trều màu hoa xích thêu hình mẫu đơn, bướm bướm. Bốn bên may liền tơ Bát ti bóng màu ngọc lam. Viên gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam gắn trều màu đỏ thêu mẫu đơn, bướm bướm. Thuyền anh, long bài vàng ba mặt đều làm bằng vàng, hình chiếc mộc rồng mây, xung quanh sợi nhiều tuyến khảm các loại ngọc hỏa tề, trân châu, kim cương, san hô hơn 300 hạt, hơn 50 dải thuyền anh kim tuyến. Đai loan một chiếc, lan can kim tuyến Tây dương khảm 1 hạt kim cương hình phương đình. Xung quanh khảm hạt kim cương, bên ngoài bọc vàng, khuy kép, chân cúc khâu chuỗi trân châu, san hô, thanh liễu hình hoa 9 đóa. Hia có thân làm bằng tơ Bát ti màu thâm may xen với tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, lót tơ Bát ti bóng màu hoa xích.”⁽¹⁾



Quân phục của vua Khải Định và Thái tử Bảo Long (1936-2007).



Vua Minh Trị Nhật Bản (1852-1912), vua Khải Định Việt Nam (1885 - 1925), vua Phổ Nghi Trung Quốc (1906-1967), vua Cao Tông Triều Tiên (1852-1919) mặc Quân phục.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.8-10. Nguyên văn: 狹袖袍製用正黃純綫光素涼紗，繡龍雲、水波、古圖、八寶，裏牡丹蝶赤花紬，緣寶藍純金蓮花一項錦，均串結細小珍珠、珊瑚粒。雲肩連領子用天青光素八絲緞，繡龍雲、水波、古圖、八寶。馬褂（謬文，該為褂）二用烏八絲，繡龍雲、水波、蝙蝠、火焰。夾裳用正黃光素八絲，繡雙鳳並連藤、迴文等樣。下花赤光素八絲，繡龍雲、水波並連藤、迴文。裏牡丹蝶赤花紬。四邊鑲玉藍光素八絲。緣寶藍純金蓮花一項錦，結牡丹蝶赤色紬。垂纓金龍牌三，面各金製。龍雲盾樣，周圍邊綫，嵌火齊、珍珠、金剛、珊瑚各項玉三百餘粒，金綫垂纓五十餘條。鸞帶一，西洋金綫欄杆嵌金剛粒，方亭樣一，四圍嵌金剛粒，外包黃金夾夾版 腳串結珍珠、珊瑚、青柳花樣該九朵。靴身烏八絲間縫正黃光素八絲，裏花赤光素八絲

Ngoài ra, vào thời vua Khải Định, phần lớn các loại trang phục của vua đều do vua tự vẽ kiểu, thiết kế, ngay trang phục Cổ Miện tế trời cũng “bị phá cách” bằng cách mặc đại thụ ở phía sau lên phía trước thay cho tế tất. Đặc biệt phải kể đến việc vua kết hợp áo bào hẹp tay, xẻ 4 vạt sử dụng trong dịp cày ruộng Tịch điền với bộ quân phục châu Âu, đồng thời phối với nón hoặc khăn xếp, tạo ra một trong những loại quân trang “vô tiền khoáng hậu”. Đặt trong bối cảnh đương thời, khi vua nhà Thanh, Triều Tiên, Nhật Bản đều du nhập và rập khuôn theo mẫu quân phục phương Tây thì chính phong cách “pha trộn”, phá vỡ truyền thống thể hiện trên quân trang của vua Khải Định lại là nét đặc sắc của riêng ông và riêng triều đại ông trị vì. Tuy nhiên, ngoài bộ quân phục phá cách, vua Khải Định vẫn có bộ quân trang chuẩn mực theo đúng dạng thức của phương Tây. Đến thời vua Bảo Đại, chúng ta không còn thấy sự phá cách, “pha trộn” này thêm nữa.

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Quy chế Triều phục và Thường phục của bá quan triều Nguyễn được đặt định vào năm 1804 thời vua Gia Long. Năm 1831, vua Minh Mạng định ra quy chế Tế phục Cổ Miện dành cho hoàng tử, vương công và các quan nhất, nhị, tam phẩm. Năm 1845 thời vua Thiệu Trị, quy chế Triều phục được sửa đổi, chủ yếu ở quy chế trang sức trên mũ Phốc Đầu.

1. Lễ phục

1.1. Lễ phục tế Giao

Ngay từ thời Xuân Thu tại Trung Quốc, Cổ Miện đã được quy định là trang phục đại lễ dành cho thiên tử nhà Chu, vua chư hầu và một số vị đại thần. Chế độ Cổ Miện của nước ta muộn nhất được đặt định vào triều Đinh, được kế thừa qua các triều đại Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ và tuyệt tích vào thời thuộc Minh. Đến thời vua Lê Thái Tông, quy chế Cổ



Ngũ 敵, nhạc khí sử dụng khi tế Giao áp dụng theo Chu lễ. Ngũ của nhà Thanh (Bảo tàng Cổ cung Bắc Kinh), Ngũ của nhà Nguyễn (BAVH) và Ngũ của Hàn Quốc (Bảo tàng Cổ cung quốc lập Seoul). (Ảnh: TQĐ).



Cổ Miện 9 lưu 9 chương của Vương công triều Nguyễn (BAVH); 1. Mũ Miện 9 lưu; 2. Bác sơn vàng; 3. Hốt ngà; 4. Áo Cổn; 5. Tê tất màu đỏ mặc lên trên thường màu đỏ nhạt; 6. Đại thụ màu đỏ nhạt, phía dưới nối với các tua ngũ sắc. 7. Ngọc bội. 8. Chương Phù trên thường. 9. Chương Phát hình chữ Á trên thường.

a. Cổ Miện 9 lưu 9 chương

九旒九章袞冕

Theo quy chế Lễ phục tế Giao năm 1830, trang phục Cổ Miện áp dụng cho hoàng tử và vương công triều Nguyễn là mũ Miện 9 lưu, Cổ phục 9 chương. Quy chế mũ Miện 9 lưu được quy định: *Mũ làm bằng loại lông đuôi ngựa tết vòng ngoài, phía trên chụp ván gỗ (mộc bản) làm cốt, phía trước tròn, phía sau vuông, bên ngoài bọc bằng đoạn tơ lót lĩnh màu đỏ. Trước sau đều có 9 dây lưu, mỗi lưu làm bằng dây tảo ngũ sắc, 9 tẩu, khâu 9 ngọc. Trâm ngà dẫn dây hoàng màu huyền, rủ xuống dây khoáng màu xanh, sung nhĩ chốt ngọc trấn màu trắng, tua ở dây hoàng màu son. Xung quanh miện bản viền vàng, trổ hoa văn mây rủ. Mũ sức 1 bác sơn vàng, 2 hoa vàng, 4 giao long vàng, 4 sợi kim tuyến, ở lỗ cài trâm (nữ) cũng sức bằng vàng.”⁽¹⁾* Trên thực tế, thân mũ Miện của hoàng tử, vương công và các quan triều Nguyễn rất gần gũi với dáng mũ Phốc Đầu. Cũng chính vì có hình dạng mũ Phốc Đầu cho nên ở phần đỉnh mũ giao với miện bản vẫn có thể đính thêm trang sức bác sơn.

Kết hợp với mũ Miện 9 lưu là Cổ phục 9 chương. Trong đó:

“Áo 5 chương may bằng đoạn màu xanh đen, thêu chương Long ở vai, chương Sơn ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở hai ống tay áo. Cổ áo màu như màu áo (màu gốc).

Thường 4 chương làm bằng đoạn màu đỏ nhạt (Huân thường), thêu các

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.19. Nguyên văn: 南郊大禮，皇子諸公冕服，冠用馬尾輪結，上覆木版為質，前圓後方，表用絲緞，裏赤綾，前後各九旒。每旒五彩縹，九就，貫玉九。牙簪導玄紘，垂青纁。充耳承以玉瑱用白色，朱紘纓。其覆版周圍繞金，刻垂雲文。冠飾金博山一，金花二，金蛟四，金綫四，貫簪處亦飾以金



Quy chế mũ Miện 12 lưu của thiên tử nhà Chu (Choe Kye Sun. *Trung Quốc lịch đại đế vương Miện phục nghiên cứu*) 1. Lưu (còn gọi là Ngọc Tảo); 2. Tảo (dây tơ ngũ sắc); 3. Ngọc châu; 4. Tẩu; 5. (Ngọc) Hành; 6. Đám; 7. Thấu Khoáng hoặc (Ngọc) Trân; 8. Sung Nhĩ; 9. Hoành (Chu tổ: dây son); 10. Nữ; 11. Kê (Trâm ngọc); 12. Võ (cùng chất liệu, cùng màu với Diên); 13. Diên (còn gọi Miện Bản. 1 thước 6 tấc x 8 tấc. Một đầu tròn, một đầu vuông, viền màu son).

Tiên, khi đặt định điển chương chế độ đều tham khảo những quy chế cổ điển, cơ bản của Trung Quốc, trên cơ sở đó tự tạo ra một nền văn hiến riêng biệt. Đơn cử như trang phục Cổ Miện, một bộ Cổ phục dành cho thiên tử phải thêu đủ 12 chương, một chiếc mũ Miện dành cho thiên tử phải có đủ 12 lưu. Bộ Cổ Miện của vua nhà Nguyễn có thể thấy qua các tư liệu tranh ảnh đều khớp với những quy chế cổ điển này, song các hoa văn, trang sức hay sự kết hợp các dạng phục sức đều có nhiều nét đặc sắc riêng biệt, không lẫn với bất kỳ vương triều nào của Trung Quốc hay Nhật Bản, Triều Tiên. Quy chế Cổ Miện dành cho hoàng tử, vương công và bá quan nhà Nguyễn cũng tương tự như vậy.

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 十二月，初製文廟袞冕服。政府阮輝潤上言：聖人萬世帝王之師，向來文廟循用司寇冕服，非所以示崇重。乃命改用袞冕之服。文廟用王者服自此始 “*Bắt đầu chế trang phục Cổ Miện thờ ở Văn Miếu. Nguyễn Huy Nhuận, viên quan giữ việc trong chính phủ dâng lời nói: “Đấng thánh nhân là thầy của đế vương muôn đời, thế mà từ trước đến nay phẩm phục thờ ở Văn Miếu vẫn dùng Miện phục của quan tư khấu, như thế không phải tỏ lòng tôn sùng’. Bèn hạ lệnh đổi dùng trang phục Cổ Miện. Dùng trang phục của đế vương thờ ở Văn Miếu, bắt đầu từ đây.”*

chương Tảo, Phấn mẽ, Phủ, Phất, mỗi chương hai hình, phía trước 3 bức, phía sau 4 bức, các hình xen kẽ nhau.

Cổ áo Trung đơn sa trắng thêu 9 hoa văn chương Phất.

Tế tất làm bằng đoạn màu đỏ nhạt, thêu hai chương Hỏa và Sơn, bên trên có 2 chiếc móc bằng thau mạ vàng.

Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành (hình chiếc khánh), 2 ngọc cư (hình chữ nhật), các loại ngọc hoàng (hình bán nguyệt), xung nha (hình răng) trở lên đều dùng đồng mạ vàng, từ ngọc hành trở xuống thắt với năm dây chập xâu với trân châu chất liệu ngọc (ngọc liệu châu), phía trên có móc thau mạ vàng.



Gia Hưng vương mặc Cồn Miện 9 lưu 9 chương. (Ảnh: Trịnh Bách cung cấp).



Cồn Miện 9 lưu 9 chương. Tế tất và đại thụ đều thêu hai chương Hỏa và Sơn. (BAVH).

Đại thụ phía trên làm bằng đoạn màu đỏ nhạt, thêu hai chương Hỏa, Sơn; phía dưới nối với các tua ngũ sắc.

Đại đối phía trong màu son phía ngoài màu lục, nối với cách đối màu đỏ nhạt, 6 miếng đai hình vuông, quả trám sức phía trước, bề mặt đều khảm đồi mồi, viền vàng.

Võng cân, hia, bít tất đều như Triều phục.”⁽¹⁾

1. (Việt) *Hội điển* - Quyển 78. Tr.20-21. Nguyên văn: 衣五章，用青色緞，繡龍在肩，山在背，火、花蟲、尊彝在兩袖各三，本色領。裳四章，用纁色緞，繡藻、粉米、黼、黻各二，前三幅，後四幅，各相屬。白沙中草（謬文。該為白紗中單）青領，繡黻文九。蔽膝纁色緞，繡火、山二章，上有鍍金鉤二。佩玉二，各珩一，琚二。璜、衝牙以上均用銅質鍍金，自珩而下，繫組五貫以玉料珠，上有鍍金鉤。大綬上用纁色緞繡火、山二章，其下繼以彩色垂纓。大帶裏表朱綠，綠革帶纁色，前飾方扁六，均面瑇瑁繞金。網巾並鞞鞞均依朝服



Vương công triều Nguyễn bồi tế mặc Cồn Miện 9 lưu 9 chương. (BAVH).



Cồn phục 9 chương của vua Triều Tiên. Long ở 2 vai, Sơn ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở ống tay áo. (Hàn Quốc phục chế).

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ CỐN MIỆN 9 LƯU 9 CHƯƠNG CỦA
HOÀNG TỬ NHÀ NGUYỄN VIỆT NAM VỚI NHÀ MINH TRUNG QUỐC
(theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Minh hội điển*)

	Quy chế của nhà Nguyễn Việt Nam	Quy chế của nhà Minh Trung Quốc
Hoàng tử, vương công	-Mũ Miện: Miện bản trước tròn, sau vuông, phía trước và sau đều 9 lưu, mỗi lưu làm bằng tảo ngũ sắc, 9 tủy, xâu 9 ngọc; trâm ngà, dây hoàng màu huyền đỉnh tua màu đỏ; dây khoáng màu xanh, sung nhĩ chốt ngọc trấn màu trắng	-Mũ Miện: Miện bản trước tròn, sau vuông, phía trước và sau đều 9 lưu, mỗi lưu làm bằng tảo ngũ sắc, 9 tủy, xâu 9 ngọc ngũ sắc xen kẽ; trâm ngọc, ngọc hành, dây đám màu huyền, dây khoáng màu xanh, sung nhĩ dùng ngọc xanh, dây hoàng màu đỏ, ngọc trấn màu trắng
	-Cổn phục màu xanh, thêu 5 chương Sơn, Long, Hoa trùng, Tông di, Hỏa; Long ở 2 vai, Sơn ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở ống tay áo; cổ áo cùng màu với màu áo	-Cổn phục đen huyền, thêu 5 chương Sơn, Long, Hoa trùng, Tông di, Hỏa; Long ở hai vai, Sơn ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở ống tay áo; cổ áo cùng màu với màu áo
	-Thường màu đỏ nhạt: thêu 4 chương Tảo, Phấn mễ, Phủ, Phất, mỗi chương 2 hình	-Thường màu đỏ nhạt: thêu 4 chương Tảo, Phấn mễ, Phủ, Phất, mỗi chương 2 hình
	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, thêu 9 chương Phất	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, cổ áo màu xanh, thêu 11 chương Phất
	-Tế tất màu đỏ nhạt, thêu 2 chương Hỏa và Sơn	-Tế tất màu đỏ nhạt, thêu 4 chương Tảo, Phấn mễ, Phủ, Phất
	-Đại thụ phía trên thêu hai chương Hỏa, Sơn, phía dưới nối với tua ngũ sắc	-Đại thụ 4 màu đỉnh tiểu thụ 3 màu kết 2 ngọc hoàn ở giữa
	-Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành, 2 ngọc cư; các loại ngọc hoàng, xung nha trở lên đều dùng đồng mạ vàng; từ ngọc hành trở xuống thắt với năm dây chập xâu với trâm châu chất liệu ngọc, phía trên có móc thau mạ vàng	-Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành, 1 ngọc vũ, 1 ngọc cư, 1 xung nha, 2 ngọc hoàng, dưới ngọc vũ rủ 1 ngọc hoa, 2 ngọc đích; từ ngọc hành trở xuống, thắt với 5 tua, xâu ngọc châu; phía trên có móc vàng
	-Cách đối màu đỏ nhạt, viền vàng	-Cách đối có móc vàng
	-Tất phía trên gắn hộ tất, may bằng gấm, hia đầu vuông màu đen	-Tất trắng, giày Tích đỏ

b. *Cổn Miện 6 lưu 5 chương, 4 lưu 3 chương*
六旒五章及四旒三章袞冕

Theo quy chế Cổn Miện của nhà Minh, Hoàng đế mặc Cổn Miện 12 lưu 12 chương, hoàng tử, vương công mặc Cổn Miện 9 lưu 9 chương, quận vương mặc Cổn Miện 7 lưu 7 chương, bá quan văn võ từ nhất phẩm trở xuống đều mặc Triều phục Lương Quan làm lễ, không được mặc Cổn Miện.



Cổn Miện 6 Lưu 5 Chương và 4 Lưu 3 Chương của các quan triều Nguyễn. (BAVH).

Tuy nhiên, theo quy chế của nhà Nguyễn, các quan từ chính nhị phẩm trở lên được mặc Cổn Miện 6 lưu 5 chương, các quan văn tòng nhị phẩm và chính tam phẩm được mặc Cổn Miện 4 lưu 3 chương⁽¹⁾. Đây lại là quy chế Thuế Miện và Hy Miện áp dụng cho các quan nhà Tống. *Tống sử* ghi nhận: “*Thuế Miện 6 lưu, áo 3 chương, thêu Hồ dữu di (tức Tông di), Tảo, Phấn mễ. Thường 2 chương, thêu Phủ, Phất [...] các chức thị lang của sáu bộ được mặc; Hy Miện 4 lưu, áo 1 chương, thêu Phấn mễ. Thường 2 chương, thêu Phủ, Phất [...] Các chức quang lộc khanh, giám sát ngự sử, độc sách quan, cử sách quan, phân hiến quan trở lên được mặc.*”⁽²⁾

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.48-50. Nguyên văn: 郊壇執事冕服正二品以上冕冠前後各六旒，每旒五彩綵，六就，貫用玉料珠六。其覆版周圍繞銅，刻垂雲文鍍金。冠飾金博山，上金蛟各二，金綫一，貫簪處亦飾以金，餘均依皇子諸公冕制。青衣三章，繡粉米二在肩、一在背，藻、尊彝在兩袖各三，本色領。纁裳二章，繡黼黻各二。白沙中草青領繡黻文七。蔽膝竝大綬均繡山一章。玉佩貫以三彩草珠，餘均依皇子諸公佩綬體制。大綬表裏白羅在腰無緣，其垂處緣綠。帶纁色，前飾方扁六，均面嵌瑋瑁，繞銅鍍金。文班從二品、正三品，冕冠前後各四旒。每旒五彩綵，四就，貫二彩草珠四，均依正二品制，惟省金蛟二。青衣一章，繡粉米二在肩、一在背，又在兩袖各二，本色領。纁裳二章，繡黼黻各二。中草竝蔽膝、玉佩、大綬、大帶均依正二品之制

2. (Trung) *Tống sử*. Q.152 Chí. Đề nhất bách ngũ. *Dư phục Từ*. Nguyên văn: 衮冕：六玉，三采，衣三章，繪虎雉彝、藻、粉米；裳二章，綉黼、黻[……]六部侍郎以上服之；絺冕：四玉，二采，朱、

Như vậy, một cách tổng quan có thể thấy quy chế Cống Miện của nhà Nguyễn đã tham khảo từ hai nguồn chính là quy chế nhà Tống và nhà Minh, khớp với lời nhận định có phần khoa trương của triều thần Lý Văn Phức “*Đại rộng mũ cao, ấy y phục Tống Minh vậy.*” Trong đó, Cống Miện 9 lưu 9 chương được tham khảo từ quy chế Minh, còn Cống Miện 6 lưu 5 chương và 4 lưu 3 chương được tham khảo từ quy chế Tống. Dĩ nhiên, như chúng tôi đã đề cập, toàn bộ kiểu dáng hoa văn, trang sức, cũng như sự kết hợp giữa các phục sức (Thường, Kế y, đại thụ, tế tất, đại đới v.v.) trong bộ Cống phục của Việt Nam không rập khuôn theo tỉ lệ 1:1 so với quy chế cổ của Trung Quốc. Tình hình này cũng xảy ra tương tự ở Triều Tiên. So sánh sự bố trí hoa văn Họa, Hoa trùng, Tông di trên áo Cống 9 chương của vua Triều Tiên với áo Cống 9 chương của vương công triều Nguyễn, có thể thấy được sự đại đồng tiểu dị này.



Cống Miện 4 lưu 3 chương của Quan văn Tông Nhị phẩm và Chính Tam phẩm. (Phục dựng. Tranh: Lý Tiệp).

绿。衣一章繪粉米，裳二章，綉黼、黻[...]
光禄卿、监察御史、读册官、举册官、分献官以上服之



Trang phục Hoàng đế và Hoàng thân triều Nguyễn mặc khi tế Giao do Nguyễn Văn Nhân vẽ năm 1902 (*Hoàng phái sắc phục tự thiên tử chí tôn thất*) chỉ là dạng trang phục vẽ theo trí tưởng tượng của họa sĩ. Có lẽ do Nguyễn Văn Nhân chưa được chứng kiến lễ tế Nam Giao để tận mắt thấy Cống Miện.

QUY CHẾ CỐNG MIỆN CỦA CÁC QUAN NHÀ NGUYỄN
(theo *Hội điển*)

Cống Miện 6 lưu 5 chương Các quan chính nhị phẩm trở lên	Cống Miện 4 lưu 3 chương Quan văn tông nhị phẩm và Chính tam phẩm
Mũ Miện trước và sau đều có 6 lưu, mỗi lưu 5 dây thái tảo, 6 trụ, xâu bởi 6 hạt châu chất liệu ngọc; xung quanh miện bản quần đồng khắc hoa văn mây rủ; mũ mạ vàng sức bác sơn vàng, 2 giao long vàng, 1 kim tuyến, ở chỗ cài trâm cũng sức bằng vàng, còn lại đều theo quy chế Miện phục của hoàng tử và vương công	Mũ Miện phía trước và sau đều 4 lưu, mỗi lưu 5 thái tảo, 4 trụ, xâu 4 viên ngọc châu thái thảo, còn lại đều theo quy chế của quan chính nhị phẩm; riêng lược bỏ đi 2 hình giao long vàng
Áo xanh 3 chương thêu Phấn mẽ 2 hình ở vai 1 hình ở lưng; Tảo, Tông di ở hai tay áo, mỗi chương 3 hình; cổ áo như màu áo	Áo xanh 1 chương thêu Phấn mẽ 2 hình ở vai, 1 hình ở lưng, ở hai ống tay áo cũng lại thêu mỗi bên 2 hình;
Thường màu đỏ nhạt 2 chương, thêu Phủ, Phất mỗi chương 2 hình; cổ áo Trung Đơn làm bằng sa trắng thêu 7 hình Phất	Thường màu đỏ nhạt 2 chương, thêu 2 hình Phủ và 2 hình Phất
Tế tất và đại thụ đều thêu chương Sơn. Đại thụ trong và ngoài đều làm bằng là trắng, ở phần eo không có viền, ở chỗ rủ xuống viền màu lục. Ngọc bội xâu bởi 3 viên ngọc châu thái thảo, còn lại đều theo quy chế bội, thụ của hoàng tử và các vương công. Đại màu đỏ nhạt, mặt trước sức 6 miếng gồm hình vuông lẫn hình quả trám, bề mặt đều khảm đôi mỗi, viền đồng mạ vàng	

1.2. Lễ phục Tịch điền

Tịch điền là một trong những buổi lễ quan trọng của các nước nông nghiệp. Ít nhất từ năm 987, vua Lê Đại Hành đã “*lần đầu cày ruộng Tịch điền*”. Tuy nhiên, do sự khuất lấp của sử liệu, chúng ta hiện không thể biết được loại trang phục sử dụng vào dịp lễ Tịch điền của vua quan các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Hậu Lê. Song chúng tôi ngờ rằng, Lễ phục Tịch điền của các triều đại trước đây có lẽ không nằm ngoài các bộ Triều phục và Thường phục, có chăng xuất hiện một vài biến cách nhỏ tương tự như quy chế của triều Nguyễn.



Thường phục và Triều phục của các quan triều Nguyễn. (BAVH).

Đối với quy chế Lễ phục Tịch điền của vua quan triều Nguyễn, *Hội điển* ghi nhận, Lễ phục của hoàng đế là mũ Cửu Long Đường Cân kết hợp với Long bào hẹp tay màu vàng. Năm 1827, Lễ phục Tịch điền của các quan văn võ chấp sự được quy định là “*áo Thái bào hẹp tay màu lam. Quan võ đội mũ Hồ Đầu, quan văn đội mũ Văn Công, mũ Xuân Thu. Bát, cửu phẩm đội Anh Cân, áo Thái y hẹp tay. Đại lưng lụa màu lam*”⁽¹⁾; năm 1849, Lễ phục Tịch điền của hoàng tử và các vương công được quy định là “*mũ Kim Quan, áo Thái bào hẹp tay màu đỏ.*”⁽²⁾ Trong đó, mũ Cửu Long Đường Cân, mũ Hồ Đầu, Văn Công, Xuân Thu, Anh Cân là mũ Thường phục của vua và văn võ bá quan; mũ Kim Quan là mũ Triều phục của hoàng tử và thân vương. Có điều, khác với quy chế Thường phục Bồ tử, Lễ phục Tịch điền của vua quan nhà Nguyễn là sự kết hợp giữa mũ Thường phục và các loại áo Thái bào, Thái y hẹp tay, tức loại áo được thêu hoa văn sắc sỡ, tương tự như áo bào Triều phục.

Quy chế cụ thể của các loại mũ Hồ Đầu, Văn Công, Xuân Thu, Anh Cân, Kim Quan chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày ở phần sau.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.48. Nguyên văn: 明命八年議準文武官充耜田從耕執事藍色狹袖彩袍。武官虎頭帽，文文公、春秋帽。八九品英巾狹袖彩衣，藍帛腰帶

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.19. Nguyên văn: 耜田從耕皇子諸公品服，冠用金冠，袍用赤色狹袖彩袍

2. Triều phục

Theo quy chế Triều phục năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông, bá quan nhất loạt đội mũ Phốc Đầu kết hợp với Bồ phục. Vào thời Nguyễn, mũ Phốc Đầu vẫn được áp dụng làm mũ Triều phục cho văn võ bá quan, song được phân làm ba loại: mũ Phốc Đầu dáng tròn dành cho quan văn, mũ Phốc Đầu dáng vuông dành cho quan võ và mũ Phốc Đầu đính thêm 2 sừng bạc gọi là mũ Giải Trãi áp dụng cho Pháp quan (các quan thực thi pháp luật và ngự sử). Mũ Triều phục của hoàng thân, thân vương nhà Nguyễn chủ yếu có ba loại: mũ Bình Đỉnh, mũ Kim Quan và mũ Phốc Đầu vuông.

Ngoài ra, vào thời Nguyễn, quy chế Bồ tử Triều phục thời Lê Trung Hưng được thay đổi, quay trở lại làm Thường phục như quy chế triều Lê sơ và triều Minh. Song đối với các chức quan lục phẩm, thất phẩm, áo bào Triều phục vẫn sử dụng Bồ phục kết hợp với mũ Phốc Đầu. Riêng áo bào Triều phục của các quan từ nhất phẩm đến ngũ phẩm lần lượt được phân biệt là các loại Mãng bào (còn gọi là áo bào Tứ linh, thêu hình long, lân, quy, phượng), Giao bào (áo bào giao long) và Hoa bào (áo bào hoa).

a. Thất Long Đường Cân 七龍唐巾

Năm 1811, Triều phục của hoàng thái tử được quy định, “*mũ dùng Thất Long Đường Cân sức vàng và ngọc châu. Áo bào rồng ổ màu đỏ sẫm. Thường thêu rồng 5 móng. Đại sức vàng trở rồng.*”⁽¹⁾ Loại mũ Triều phục Thất Long Đường Cân của hoàng thái tử có kiểu dáng tương tự mũ Thường triều Cửu Long Đường Cân của hoàng đế, song số lượng trang sức trên mũ có sự giản. Bức ảnh vua Bảo Đại



Vua Bảo Đại khi còn là Hoàng thái tử và Hoàng thái tử Bảo Long mặc Triều phục.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.17. Nguyên văn: 皇太子大朝品服冠用唐巾七龍金珠飾。袍用盤龍袍大赤色。裳繡五爪龍。帶金飾雕龍



Long bào cổ tròn, màu đỏ sẫm (Đại Xích) của vua Đồng Khánh khi còn làm Hoàng Thái tử.

khi còn là Hoàng thái tử và bức ảnh Hoàng thái tử Bảo Long trong lễ tấn phong đều thể hiện bộ Triều phục này.

b. Bình Đỉnh (Bình Thiên) 平頂冠

Năm 1816, Triều phục của các vị hoàng tử, hoàng tôn, công tử được quy định, “*mũ dùng mũ Bình Thiên sức vàng và ngọc châu. Áo bào dùng Mãng bào cổ tròn, màu đỏ sẫm. Thường thêu rồng 4 móng. Đai sức vàng rồng 4 móng.*”⁽¹⁾ Tuy nhiên 16 năm sau, vua Minh Mạng ra lời dụ, quy định đổi tên mũ Bình Thiên thành mũ Bình Đỉnh vì cho rằng tên Bình Thiên là tên nôm na không được điển nhã, vả lại hai chữ Bình Thiên cũng không phải từ dành cho phận bề tôi⁽²⁾, đồng thời quy định, mũ Bình Đỉnh là mũ Triều phục áp dụng cho hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân vương, quận vương, thân công, quận công.



Tuy Lý vương Miên Trinh và Hoàng Hóa Quận vương Miên Triện đội mũ Bình Đỉnh (BAVH).

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.19. Nguyên văn: 嘉隆十五年議準皇子大朝冠用平天冠金珠飾。袍用盤領蟒袍大赤色。裳繡四爪龍。帶金飾四爪龍。 Tr.36. Nguyên văn: 嘉隆十五年議準皇孫、公子大朝冠用平頂冠金珠飾
2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.21. Nguyên văn: 論向來皇子諸公所戴之冠俗稱為平天冠，頗平天二字非臣子之所應有，殊覺未雅。茲著名為平頂冠

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC BÌNH ĐỈNH NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân vương, quận vương	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân công, quốc công
Mũ Bình Đỉnh	6 hoa vàng, 6 rồng, (?) giao long, 24 vân khí, 10 ngọn lửa, 4 nhiều tuyến, 4 hình cổ đồ và 4 thùy văn, đỉnh mũ trở 2 hình long vân, bao đỉnh trở 4 hình long vân, 28 biên bao	4 hoa vàng, 4 rồng, 2 giao long, 24 vân khí, 10 ngọn lửa, 4 nhiều tuyến, 2 hình cổ đồ và 2 thùy văn, đỉnh mũ trở 2 hình long vân, bao đỉnh trở 4 hình long vân, 28 biên bao
Áo bào	Áo bào Đại vân màu đỏ sẫm làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim	Áo bào Tứ linh màu đại xích làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim
Đai	Trước sau có 18 miếng, bề mặt trở hình mãng khảm vàng, các miếng đai đều bọc vàng	Phải trái trước sau 18 miếng; đai của thân công bề mặt trở hình kỳ lân khảm vàng, đều bọc vàng; đai của quốc công miếng chính giữa ở phía trước trở hình kỳ lân khảm vàng, 4 miếng hình dẹt ở bên phải và trái bề mặt trở hình hoa khảm vàng, 13 miếng còn lại bề mặt khảm gương, các miếng đai xen kẽ nhau, đều bọc vàng
Thường	Làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình kỳ lân	



Mũ Kim quan. 1. Mũ trong chân dung Tùng thiện vương Miên Thẩm (mũi tên đỏ: Bức Sơn vàng); 2, 4. Mũ lưu giữ tại Bảo tàng Quân sự Pháp (Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền); 3. Mũ lưu giữ tại BTLSVN (Ảnh: TQĐ). Đồ giải: 1.Hậu xích; 2. Hồ kỷ; 3. Hồ Nhĩ; 4. Giao long; 5. Vân khí; 6. Hoa; 7. Thùy văn.

c. Kim Quan 金冠

Theo *Hội điển*, mũ Kim Quan kết hợp với áo bào Tứ linh màu đỏ là Triều phục của hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công, hương công, huyện hầu và hương hầu.



Tùng Thiện vương Miên Thẩm (1819 - 1870), đội mũ Kim Quan; Quốc cữu triều Nguyễn làm chủ hôn trong đám cưới của công chúa, đội mũ Kim quan. (BAVH).

QUY CHẾ MŨ KIM QUAN NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công	Hoàng tử, hoàng thân được phong hương công, huyện hầu, hương hầu
Mũ Kim Quan	Sức 2 bác sơn vàng, phía trước và sau 3 hoa vàng, phía trước 4 giao long vàng, trên đỉnh 2 hình mây, 1 hậu xỉ (cánh sau), 1 hổ kỳ (bờm hổ), 2 hổ nhĩ (tai hổ), 6 vân khí, đỉnh mũ trở 1 thủy văn, 4 ngọn lửa, đều kết chuỗi hạt giả chu	Sức 2 bác sơn vàng, trước và sau 2 hoa vàng, còn lại giống hoàng tử, thân vương được phong huyện công
Áo bào	Áo bào Tứ linh màu hoa xích làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim	
Dai	Miếng chính giữa ở phía trước trở hình kỳ lân khảm vàng, 17 miếng còn lại bề mặt khảm gương, đều bọc vàng	
Thường	Làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình kỳ lân	

d. Phốc Đầu 幞頭冠

Mũ Phốc Đầu được áp dụng rộng rãi làm mũ Triều phục cho bá quan văn võ và một số vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất triều Nguyễn. Trong đó, mũ Phốc Đầu tròn được quy định là mũ Triều phục của quan văn, mũ Phốc Đầu vuông là mũ Triều phục của quan võ (ngoại trừ quan bát, cửu phẩm)⁽¹⁾, đồng thời cũng là mũ Triều phục của các vị tôn thất được phong tước *thân vương, quận vương, thân công, quốc công, quận công, huyện công, hương công, huyện hầu, hương hầu, các vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất* được phong tước *kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy, phụng quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang*⁽²⁾. Ngoài ra, loại mũ Phốc Đầu được đính hai sừng bạc ở trang sức bác sơn, gọi là mũ Giải Trãi, là mũ Triều phục của đô ngự sử, phó đô ngự sử và các chức khoa đạo chương ấn⁽³⁾.

Quy chế Triều phục Phốc Đầu của bá quan triều Nguyễn được đặt định lần đầu tiên vào năm 1804 thời vua Gia Long, được chỉnh sửa vào năm 1845 thời vua Thiệu Trị. Quy chế năm 1845, về cơ bản tương tự quy chế



Mũ Phốc Đầu tròn, mũ Phốc Đầu vuông, mũ Giải Trãi. (BAVH).



Hiện vật mũ Phốc Đầu vuông của quan võ Nhất phẩm triều Nguyễn (bộ sưu tập cá nhân).
Trang sức: 1. Bác sơn (còn gọi là khóa kiêu); 2. Hoa; 3. Giao long; 4. Ngạch tường; 5. Khóa gián (còn gọi là hốt); 6. Như ý; 7. Nhiều tuyến.



Trang sức mũ Phốc Đầu. 1. Bác sơn vàng – khóa kiêu vàng; 2. Cánh chuồn viền bạc vàng, đầu sức vàng, bề mặt đính giao long vàng; 3. Giao long vàng; 4. Khóa gián vàng – Hốt vàng.

1. (Việt) *Đại Nam điển lệ toát yếu*. Nguyên văn: 文大朝冠自一品至七品均用圓幞頭，武用方幞
2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.25-31.
3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.56-57.

năm 1804, song tên gọi của một số loại trang sức và số lượng trang sức trên mũ có sự thay đổi. Như thời Gia Long, trang sức bạc sơn được gọi là khóa kiều, hốt (trang sức trên mũ) được gọi là khóa giản v.v. Ngoài ra, từ năm 1845 trở về sau, chỉ có các quan từ lục phẩm trở lên mới được mặc Triều phục.

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ TRANG SỨC MŨ PHỐC ĐẦU
NĂM 1804 VÀ NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

Bá quan	Quy chế năm 1804	Quy chế năm 1845	
<i>Trên nhất phẩm (Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh)</i>	<i>-Phốc Đầu tròn:</i> 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc vàng, sức giao long vàng <i>-Phốc Đầu vuông:</i> 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng 5 phân; còn lại như trên	<i>Tôn thất được phong tước thân vương, quận vương</i>	1 bạc sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân trở hình giao long, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng, bề mặt sức giao long vàng vờn ngọc châu, đầu cánh chuồn đều sức vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng
		<i>Tôn thất được phong tước thân công, quốc công</i>	Như trên, riêng ngạch tường cao 3 phân trở hình hoa; hai cánh chuồn sức giao long vàng, đầu cánh chuồn không sức vàng là khác biệt
		<i>Tôn thất được phong tước quận công, huyện công</i>	Như tôn thất được phong tước thân công, quốc công, nhưng không có ngạch tường
		<i>Tôn thất được phong hương công, huyện hầu, hương hầu</i>	So với tôn thất được phong tước quận công, mũ Phốc Đầu vuông lược đi 1 hoa vàng phía sau, mặt mũ lược trang sức giao long vàng

		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh</i>	1 bác sơn bạc, 2 khóa giản vàng, trước sau 1 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc; 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc
		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy</i>	1 bác sơn bạc, 2 khóa giản bạc, trước sau 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bạc; 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc
		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang</i>	Trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc.
<i>Chính tông nhất phẩm</i>	<i>-Chính nhất phẩm:</i> như quan trên nhất phẩm (1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc vàng, sức giao long vàng) <i>-Tông nhất phẩm:</i> 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 5 phân, còn lại như quan trên nhất phẩm	<i>-Chính nhất phẩm:</i> 1 bác sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân, phía ngoài trở hình giao long; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng, bề mặt sức giao long bốn ngọc bằng vàng, đầu cánh chuồn đều sức vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng <i>-Tông nhất phẩm:</i> như chính nhất phẩm; riêng ngạch tường cao 3 phân, trở hình hoa; mặt mũ không có ngọc châu; đầu hai cánh chuồn không sức vàng	
<i>Chính tông nhị phẩm</i>	1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc vàng, sức giao long vàng	<i>-Chính nhị phẩm:</i> 1 bác sơn vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng, bề mặt sức giao long vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng <i>-Tông nhị phẩm:</i> như chính nhị phẩm; riêng bỏ trang sức giao long ở mặt mũ	
<i>Chính tông tam phẩm</i>	1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và mặt sau; hai cánh chuồn viền bạc vàng	<i>-Chính tam phẩm:</i> 1 bác sơn vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước phía sau đều có 1 hoa vàng; 2 giao long vàng; 2 cánh chuồn viền bạc vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng <i>-Tông tam phẩm:</i> như chính tam phẩm; riêng bỏ 2 giao long vàng	

Chính tòng tứ phẩm	1 khóa kiểu bạc, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc vàng	1 bác sơn bạc; 2 khóa giản vàng; phía trước và sau đều 1 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng; 2 như ý bạc; 2 nhiều tuyến bạc
Chính tòng ngũ phẩm	1 khóa kiểu bạc, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc bạc	1 bác sơn bạc; 2 khóa giản bạc; phía trước và sau đều 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bạc bạc; 2 như ý bạc; 2 nhiều tuyến bạc
Chính tòng lục phẩm	Hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc bạc	Phía trước, sau đều có 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bạc bạc; 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc
Chính tòng thất phẩm	Hoa bạc trước sau đều 1 bông, hai cánh chuồn viền trơn	

e. Bào phục

Quy chế Triều phục mũ Phốc Đầu kết hợp với Bồ phục thời Lê Trung Hưng vẫn tiếp tục được áp dụng đối với các chức quan ngũ, lục phẩm triều Nguyễn. Bên cạnh đó, quy chế triều Nguyễn quy định: các quan nhất, nhị, tam phẩm mặc Măng bào; quan tứ phẩm theo quy chế năm 1804 mặc Hoa bào, từ năm 1845 trở về sau đổi sang mặc Giao bào.

Về sắc phục của áo bào Đại Triều, theo *Hội điển*, quy chế năm 1804 quy định, áo bào Triều phục dành cho các quan trên nhất phẩm là Măng bào cổ tròn màu tía, từ nhất phẩm trở xuống, các màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy nghi. Quy chế này được sửa đổi vào năm 1845, lúc này các quan từ Tam phẩm trở lên đều mặc Măng bào, trong đó quan trên nhất phẩm mặc màu tía, quan chính nhất phẩm mặc màu cổ đồng, tòng nhất phẩm mặc màu thiên thanh, chính nhị phẩm mặc màu cam bích, tòng nhị phẩm mặc màu quan lục, chính tam phẩm mặc màu bảo lam, tòng tam phẩm màu ngọc lam. Quan tứ phẩm mặc Giao



Quan ngũ phẩm triều Nguyễn mặc Triều phục. (Ảnh: Nguyễn Giang).



Võng cân, lưới bọc tóc, đai, hốt, Hia. (BAVH).

bào màu quan lục. Quan ngũ phẩm mặc Bồ phục Vân nhạn màu bảo lam, áo bào làm bằng trầu thù hoa. Quan lục phẩm mặc Bồ phục Bạch nhạn màu ngọc lam, áo làm bằng trầu bóng không thù hoa.

Nam phương danh vật bị khảo chép: “Măng bào là áo Đại triều của các quan từ tam phẩm trở lên, thù hình măng. Quan chính nhất phẩm màu đồng hồng, tòng nhất phẩm màu xanh, chính nhị phẩm màu biếc, tòng nhị phẩm màu lục, chính tam phẩm màu bảo lam, tòng tam phẩm màu ngọc lam. Giao bào là áo Đại triều của quan tứ phẩm, thù hình giao long. Lam bào là áo Đại triều của quan ngũ phẩm và lục phẩm, áo của quan ngũ phẩm thù thêm hoa. Hoa bào là áo vua ban cho các vị tam khôi. Lục bào là áo vua ban cho tiến sĩ.”⁽¹⁾

Tại Trung Quốc, Măng bào xuất hiện từ thời Minh, được gọi là Măng y hoặc Măng phục, nếu không được vua đặc ban, bá quan không được sử dụng. Vào thời Thanh, Măng bào được sử dụng làm Lễ phục cho hoàng tử, thân vương và văn võ bá quan, phần nhiều được dùng trong các dịp lễ tết lớn như lễ Vạn Thọ, Tết Thượng Nguyên và Tết Nguyên Đán v.v.

Khâm định Đại Thanh hội điển cho biết: “Măng bào, màu lam và màu thạch thanh cho được tùy nghi sử dụng, viền vàng. Thân vương, quận vương thường dùng áo bào thù 9 hình măng.



Măng bào rồng mây sóng nước dành cho Hoàng tử triều Thanh (*Thanh Hội Điển*).

1. (Việt) *Nam phương danh vật bị khảo* - Thượng - Phục dụng môn. Nguyên văn: 蟒袍: 今三品以上大朝衣繡蟒。正一銅紅，從一青，正二碧，從二綠，正三寶藍，從三玉藍。蛟袍: 今四品以上朝衣繡蛟。藍袍: 今大品以上朝衣，五品加花。花袍: 今三魁賜衣。綠袍: 今進士賜衣



Mặt trước và mặt sau của Mãng bào và Hoa bào triều Nguyễn. (BAVH).

móng. Quan văn võ thất, bát, cửu phẩm, quan vị nhập lưu dùng áo bào thêu 5 hình mãng bốn móng. Vạt áo, tôn thất, thân vương trở xuống đều xẻ bốn vạt, bá quan văn võ chỉ xẻ hai vạt trước sau.”⁽¹⁾ Tại Việt Nam, quy chế Mãng bào được áp dụng làm Triều phục cho bá quan văn võ Đàng Trong kể từ năm 1744 sau cải cách của chúa Nguyễn Phúc Khoát. *Đại Nam thực lục* ghi: “Chúa [...] châm chước chế độ các đời, định Triều phục văn võ. Văn từ quần bộ đến chiêm hậu, huấn đạo, võ từ chuồng dinh đến cai đội, mũ sức vàng bạc, áo dùng Mãng bào hoặc gấm đoạn theo cấp bậc.”⁽²⁾ Lê Quý Đôn cũng ghi nhận sau cải cách này, các quan Đàng Trong “dùng Mãng bào thủy ba (hoa văn sóng nước), mũ mào dùng vàng bạc trang sức”⁽³⁾.

Mãng bào triều Nguyễn nhìn chung



1. Mãng bào (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: TQĐ); 2. Mãng bào màu tía của quan Chính nhất phẩm và Bồ phục Vân nhạn của quan ngũ phẩm (Bảo tàng Quân sự Pháp. Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền).

1. (Trung) *Khâm định Đại Thanh hội điển* - Q.47. Nguyên văn: 蟒袍，藍及石青諸色隨所用，片金緣。親王、郡王，通繡九蟒。貝勒以下至文武三品官、郡君額駙、奉國將軍、一等侍衛，皆九蟒四爪。文武四五六品官、奉恩將軍、縣君額駙、二等侍衛以下，八蟒四爪。文武七八九品、未入流官，五蟒四爪。裾，宗室親王以下皆四開，文武官前後開

2. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Tập I. Tr.153.

3. (Việt) *Phủ biên tạp lục*. Nguyên văn: 貴者用蟒袍水波，其帽飾以金銀

đã tham khảo bố cục rồng mây, sóng nước của Mãng bào Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh. Tuy nhiên, Mãng bào của bá quan triều Nguyễn còn được thêu hình phượng, kỳ lân và rùa, đồng thời có tên gọi là áo bào Tứ linh. Năm 1832 vua Minh Mạng ra chỉ dụ, “xưa nay áo bào của quan tam phẩm trở lên, tục gọi là áo bào Tứ linh, có hình rồng nằm trong số đó [...] cách gọi như vậy đều không phù hợp, bởi hình phượng, lân, rùa chỉ là hình phụ họa mà thôi, chỉ cần gọi Mãng bào là được.”⁽¹⁾ Mặt khác, trên lưng áo bào triều Nguyễn còn bảo lưu hai cánh lá phú hậu thời Minh (nhà Lê Trung Hưng cũng mô phỏng dạng thức này), phụ kiện này không xuất hiện trên áo bào của các quan nhà Thanh Trung Quốc.

Ngoài ra, khác với quy chế áo mào thời Lê Trung Hưng, bất kể Cống phục, Lễ phục, Triều phục hay Thường phục của vua quan triều Nguyễn đều phối với thường - Kế y, một dạng xiêm áo mặc lót bên trong



Các quan võ mặc Triều phục; Một trong ba vị Tam khôi triều Nguyễn mặc áo Hoa bào, cài hoa bạc trên mũ. Quan nhị phẩm mặc Mãng bào và quan tứ phẩm mặc Giao bào. (Ảnh: Albert Kahn).



Xiêm - thường của quan triều Nguyễn.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.50. Nguyên văn: 諭向來三品以上袍俗呼四靈袍則龍在其中[...]均屬不合。鳳、麟、龜係是附和，只須名為蟒袍



Hiện vật Măng bào triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách).



Hiện vật Măng bào (Ảnh: Philippe Trương), Giao bào triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách).



Hoàng phái sắc phục tự thiên tử chí tôn thất (Nguyễn Văn Nhân vẽ năm 1902). Ảnh 1: Hoàng đế, thái giám, hiệp lĩnh thị vệ mặc Triều phục. Ảnh 2: Quan văn Chính nhất phẩm mặc Triều phục Phúc Đầu - Mãng bào.

Ảnh 3: Hoàng thân mặc Triều phục mũ Kim Quan - Mãng bào. Ảnh 4: Quan văn Chính, Tòng Ngũ phẩm mặc Triều phục Phúc Đầu - Hoa bào (Theo *Hội điển* và tư liệu ảnh chụp chúng tôi có, quan Ngũ phẩm không mặc Hoa bào mà mặc Bô phục. Hoa bào chỉ dành cho các vị đỗ Tam khôi).

áo bào. Tuy nhiên, thường của vua quan nhà Nguyễn khác với loại thường Tiên phục được sử dụng phổ biến thời Lý - Trần. Thường thời Lý - Trần là loại váy quây màu đen gấp nếp, còn thường thời Nguyễn gắn với áo cộc tay cổ tròn, đồng thời được thêu lên vô số hoa văn mây nước, cổ đồ, bát bảo và linh thú. Đây có thể coi là quy chế trang phục mặt lót độc đáo của riêng triều Nguyễn.



Bá quan nhà Nguyễn trong buổi chầu Thường triều.

3. Thường phục

Quy chế Triều phục của bá quan nhà Nguyễn được đặt định dựa trên hai nguồn tham khảo chính là quy chế Bồ phục của triều Lê Trung Hưng và kiểu dáng Măng bào của Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu

Thanh. Còn trong quy chế Thường phục, triều đình nhà Nguyễn tiếp tục kết hợp quy chế Bồ phục của triều Lê Trung Hưng với quy chế Bồ phục của nhà Minh, song song với việc đặt định một số dạng mũ mào độc đáo như mũ Văn Công, Hồ Đầu, Đông Pha, Xuân Thu v.v. Đặc biệt, Bồ phục của nhà Lê và nhà Minh là dạng áo bào đoàn lĩnh cổ tròn gắn Bồ tử, nhà Nguyễn đã kế thừa một phần quy chế này áp dụng làm Triều phục cho các quan ngũ, lục, thất phẩm. Quy chế Thường phục lại quy định Bồ Tử đính lên áo giao lĩnh.

3.1. Quy chế mũ mào

a. Mũ Văn Công 文公冠

Mũ Văn Công là mũ Thường phục áp dụng cho quan văn nhất, nhị, tam phẩm, trang sức toàn bằng vàng, có hai dải Anh sức hoa vàng khảm ngọc châu⁽¹⁾. Đây cũng



Mũ Văn Công (BAVH); Quan văn mặc Thường phục Văn Công. (Việt Nam qua tranh khắc).

1. (Việt) Đại Nam điển lệ toát yếu. Nguyên văn: 文以下至三品同常朝冠, 文用文公, 絕金飭。兩纓飭金

chính là loại mũ được các quan triều Tây Sơn sử dụng từ thế kỷ XVIII qua lời ghi nhận của văn thần Triều Tiên Kim Chính Trung.

Kết hợp với mũ Văn Công là Bồ phục giao lĩnh. Trong đó, áo giao lĩnh được làm bằng sa, đoạn, các màu xanh, lục, lam, đen được tùy nghi, riêng cổ áo trắng⁽¹⁾. Bồ tử dành cho quan nhất, nhị phẩm là Tiên hạc, Bồ tử của quan tam phẩm là Cẩm kê. Thường, hia và tất tương tự quy chế Đại triều.



Mũ Đông Pha, Văn Tú Tài (BAVH). Quan văn Lục phẩm đội mũ Đông Pha.

b. Mũ Đông Pha, Văn Tú Tài, Phong Cân 東坡巾、文秀才巾、風巾

Nam phương danh vật bị khảo chỉ rõ: “Mũ Đông Pha là mũ Thường triều của quan văn lục phẩm trở lên, mũ Văn Tú Tài là mũ Thường triều của quan văn cử phẩm trở lên.”⁽²⁾ Theo Hội điển, mũ Văn Tú Tài còn được áp dụng làm mũ Thường phục cho quan võ tòng thất phẩm, tòng bát phẩm và tòng cử phẩm (quan võ thất phẩm trở xuống chỉ đặt tòng, không đặt chính).

Quan văn chưa nhập lưu được quy định đội mũ Phong Cân. Đây cũng chính là mũ Lễ phục của dân gian, áp dụng cho thứ dân sau khi tròn 20 tuổi, có tính chất tương tự như loại mũ Ô Sa đơn dạng của triều Lê Trung Hưng. Quốc sử di biên ghi nhận, “văn giai chưa nhập lưu, sĩ tử thi đỗ, hoặc mãn đại nhiều học, hoặc sáu năm nhiều học, mũ dùng Phong Cân, trước sau mũ thêu hoa bạc đều một cái, mặc theo “thân phận” mình, áo giao lĩnh, sa đoạn các sắc xanh, lục, lam, đen, không Bồ tử. Thứ dân chưa làm



“Làm mũ Tú Tài” (Kỹ thuật của người An Nam).

花, 嵌珠. (Việt) Nam phương danh vật bị khảo. Nguyên văn: 文公帽: 今文三品以上常朝冠
1. (Việt) Hội điển - Q.78 - Văn võ quan phục. Nguyên văn: 衣一品至三品竝用白領交領紗緞, 青綠藍黑隨用
2. (Việt) Nam phương danh vật bị khảo. Nguyên văn: 東坡巾今文六品以上常朝冠. 文秀才巾今文九品以上常朝冠



Các chức sắc trong làng mặc Lễ phục Phong Cấn, Quan văn Ngũ phẩm mặc Thường triều phục Đông Pha. (Ảnh: Albert Kahn).

quan: phàm có việc nghi lễ gia quan, mũ dùng Phong Cấn sắc đen, không thêu hoa, áo dùng áo giao lĩnh màu thâm, giày, tất đều màu đen."⁽¹⁾ Loại mũ Phong Cấn trong dân gian vẫn được gọi là mũ Tú Tài. Đại Nam quốc âm tự vị định nghĩa mũ Tú tài cũng là mào gia lễ.



Các sĩ tử tại trường thi Nam Định đội mũ Phong Cấn, mặc áo giao lĩnh. Hội điển cho biết Lễ phục của dân gian là mũ Phong Cấn kết hợp với áo giao lĩnh, giày tất đều màu thâm đen. Quốc Sử di biên còn ghi nhận mũ Phong Cấn, áo giao lĩnh là trang phục dùng trong lễ Gia Quan dành cho nam giới khi tròn 20 tuổi.

Đối chiếu mô tả của sử liệu với tư liệu tranh ảnh đầu thế kỷ XX, đặc biệt là hình vẽ mũ Đông Pha, Văn Tú Tài của Tôn Thất Sa trong BAVH, có thể thấy trên thực tế mũ Đông Pha, Văn Tú Tài, Phong Cấn đều có kiểu dáng tương tự, được phân biệt bởi quy chế trang sức và một số chi tiết nhỏ ở kết cấu mũ. Do mũ Phong Cấn, mũ Tú Tài được quy định là mũ Lễ phục của dân gian, nên vẫn được duy trì đến ngày hôm nay, với tư cách là mũ tế sử dụng trong các dịp tế lễ hội hè của người Việt. Có điều, mũ tế

1. (Việt) Quốc sử di biên. 1821. Tập trung 16a. Nguyên văn: 未入流士子試中或滿代饒學或六年饒學，冠用風巾，前後飾銀線花各一，衣用本色，交領紗緞青綠藍黑諸色，無補子。庶民未入仕，凡有加冠儀禮事務，冠用風巾烏色，無紋飾，衣用交領黑色，鞋襪全用黑色

hiện nay có chiều hướng khoa trương sắc sỡ, thiếu những nét tinh tế và vẻ điển nhã của Phong Cấn ngày xưa.

QUY CHẾ MŨ THƯỜNG PHỤC
CỦA BÁ QUAN NHÀ NGUYỄN (1804)
(theo Hội điển)

	Quan văn	Quan võ
Trên nhất phẩm	Văn Công: sức toàn vàng, hai dải thùy anh trang sức kim hoa khảm ngọc châu	Hổ Đầu: sức toàn vàng
Nhất phẩm	Văn Công: sức toàn vàng	Hổ Đầu
Nhị phẩm	Văn Công	Hổ Đầu
Tam phẩm	Văn Công	Hổ Đầu
Tứ phẩm	Đông Pha: Hoa vàng ở mặt trước và sau, các trang sức như hoa, giao long đều dùng bạc	Xuân Thu
Ngũ phẩm	Đông Pha: phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Xuân Thu
Lục phẩm	Đông Pha: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Xuân Thu (Quan võ thất phẩm trở xuống chỉ đặt tông, không đặt chính)
Thất phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc	Tông thất phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính thất phẩm
Bát phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, sau 1 hoa bạc	Tông bát phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính bát phẩm
Cửu phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc	Tông cửu phẩm đội Văn Tú Tài như chính cửu phẩm
Chưa nhập lưu	Phong Cấn: trước sau đều sức 1 sợi bạc	Anh Cấn: trước sau đều sức 1 sợi bạc

c. Mũ Hổ Đầu 虎頭冠

Vào tháng 2 năm 2011, một pho tượng võ tướng làm bằng đất nung, đội mũ hình đầu hổ, mặc áo giáp đã được phát hiện tại xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi⁽¹⁾. Loại mũ thể hiện trên pho tượng

1. “Quảng Ngãi: Tìm thấy một pho tượng quý”. Báo Sài Gòn Giải phóng Online. Bài đăng ngày 17/03/2011.



Các võ quan triều Nguyễn đội mũ Hồ Đầu, mặc áo Măng lan.

này về cơ bản khớp với loại mũ trên tượng ngói thời Trần. Cần lưu ý rằng, vào năm 1756, chúa Nguyễn Phúc Khoát lần đầu tiên lệnh cho ba quân tướng sĩ Đàng Trong đội Hồ Thủ Đầu mạo, hay còn gọi là Hồ Đầu mạo⁽¹⁾. Giữa hai loại mũ thể hiện trên hai pho tượng không đồng đại này chưa chắc đã có mối quan hệ kế thừa trực tiếp, song có thể đều được mô phỏng theo quy chế Hồ quan thời Đường. Tuy nhiên, có thể khẳng định, mũ Hồ quan thời Đường không có mối liên hệ về mặt tạo hình với mũ Hồ Đầu (Hồ Đầu quan) của các võ quan triều Nguyễn.

Vào thời Nguyễn, từ năm 1804, mũ Hồ Đầu kết hợp với Bỏ phục Kỳ lân, Bạch trạch, Sư tử được quy định là Thường phục của quan võ nhất, nhị, tam phẩm. Năm 1845, vua Thiệu Trị phê chuẩn cho các quan võ giữ các chức thống quản, cai quản các quân doanh cho đến chương phủ đô thống, thống chế, chương vệ, vệ úy, phó vệ úy đều được đội mũ Hồ Đầu kết hợp với áo Măng lan⁽²⁾.

Áo Măng lan là dạng áo hẹp tay, có lối thêu sức tương tự như Măng bào, song chiều dài vạt áo và ống tay áo đều ngắn hơn Măng bào. *Hội điển* cho biết: “*Trước đây áo hẹp tay của quan viên thị vệ được gọi là áo Long Chấn, như vậy không phù hợp [...] nay gọi áo hẹp tay là Măng lan mới phải. Từ rày không được gọi theo cách gọi trước kia để làm rõ danh phận.*”⁽³⁾

1. (Việt) *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* - Q.8. Tr.14. Nguyên văn: (阮世宗福潤) 戊寅二十年 (1756) 初令三軍著虎頭帽虎頭帽

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.57. Nguyên văn: 議準各軍營衛統管、該管等員奉有官給虎頭冠、蟒襴衣以備扈侍

3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.50. Nguyên văn: 侍衛官員窄袖衣呼為龍震衣均屬不合[...]其窄袖衣名為蟒襴方是。嗣後不得仍前稱呼以召名分



1. Quan võ tam phẩm đội mũ Hồ Đầu, mặc Bỏ phục;
2. Mũ Hồ Đầu (BAVH).



Bỏ từ Kỳ lân của triều Nguyễn (*Silken threads - A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*).



Thường phục mũ Hồ Đầu, Bỏ phục Kỳ lân, áo giao lĩnh cổ trắng của quan võ nhất phẩm triều Nguyễn (Phục dựng. Tranh: Lý Tiệp).

QUY CHẾ MŨ HỔ ĐẦU, ÁO MÃNG LAN
DÀNH CHO CÁC CHỨC QUAN CAI QUẢN,
THỐNG QUẢN QUÂN DOANH VỆ NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

	Mũ Hổ Đầu	Áo Mãng Lan	Đai
<i>Thống quản</i>	Bác son vàng, mặt trước và sau 3 hoa vàng, 2 giao long, 1 hổ kỳ, 2 cổ đồ, 2 thủy văn, biên bao, nhiều tuyến	Màu tử đàn, may bằng đoạn ngũ sắc gia kim, áo song khai, thường kép	Đai của các quan võ miếng chính giữa phía trước sức vàng, trở hoa; các miếng ống phải trái dùng mai đôi mỗi bọc vàng xen kẽ bọc bạc, không cần mạ
<i>Cai quản</i>	1 hoa vàng phía trước, còn lại như thống quản	Màu tương sẫm	
<i>Chưởng phủ đô thống</i>	Thêm 2 hình ngọn lửa vàng	Màu tử đàn	
<i>Thống chế, chưởng vệ</i>	Mũ sức vàng	Màu mộc xích	
<i>Vệ úy</i>	Lược bớt 2 giao long vàng ở mặt trước mũ	Màu tương sẫm	
<i>Phó vệ úy</i>	Lược bớt 2 giao long vàng và 1 hoa vàng	Màu bảo lam và màu thiên thanh	

d. Mũ Xuân Thu 春秋冠

Mũ Xuân Thu vừa là mũ Lễ phục của Hoàng đế, vừa là mũ Thường phục của các quan võ tứ, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn. Theo *Hội điển*, mũ Xuân Thu kết hợp với Bổ phục còn là Thường phục của các vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất được phong tước thân vương, quận vương, thân công, quốc công, kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh v.v.

Tuy nhiên, dựa trên một số tư liệu ảnh chụp cung đình triều Nguyễn đầu thế kỷ XX, chúng tôi nhận thấy đối tượng sử dụng mũ Xuân Thu còn có một số ngạch quan thị vệ, thậm chí là đội trưởng đội nhạc công (?). Do thiếu tư liệu văn tự đối chiếu nên



Mũ Xuân Thu (BAVH); Người đứng đầu đội Nhạc công đội mũ Xuân Thu.

chúng tôi hiện chưa thể làm rõ được thân phận của những người đội mũ Xuân Thu trong một số bức ảnh này. Song dù sao, mũ Xuân Thu cũng là một loại mũ hết sức đặc biệt bởi tính phổ dụng của nó trong cung đình nhà Nguyễn, khi vừa là mũ Lễ phục của vua, đồng thời cũng là mũ Thường phục của một số hoàng thân và các chức quan nhỏ.

QUY CHẾ THƯỜNG PHỤC XUÂN THU
CỦA HOÀNG THÂN VÀ CÁC QUAN VÔ TỬ, NGŨ,
LỤC PHẨM TRIỀU NGUYỄN
(theo *Hội điển*)

	Mũ Xuân Thu	Áo giao lĩnh	Bổ tử	Thường
<i>Hoàng tử, hoàng thân, tôn thất được phong tước thân vương - quận vương - thân công - quốc công; quận công - huyện công; hương công - huyện hầu - hương hầu</i>	Sức toàn vàng	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Kỳ lân Bạch trạch Sư tử	Nền vàng
<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh</i>	Sức vàng bạc đan xen, phía trước và sau đều có 1 hoa vàng, các trang sức hoa, giao long đều dùng chất liệu bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hổ	Nền đỏ

<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy</i>	Phía trước 2 hoa, 2 giao long, phía sau 1 hoa, 2 giao long đều bằng bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Báo	Nền đỏ
<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang</i>	Phía trước 1 hoa, 2 giao long, phía sau 1 hoa đều bằng bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hùng	Nền đỏ
<i>Công tử được tứ phong tước đình hầu, quan võ tứ phẩm</i>	Phía trước và sau đều 1 hoa vàng, trang sức hoa, giao long còn lại đều dùng bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hổ	Công tử: lục Quan: đỏ
<i>Quan võ ngũ phẩm</i>	Phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Báo	Nền đỏ
<i>Quan võ lục phẩm</i>	Phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hùng	Nền đỏ

3.2. Quy chế Bồi phục

Qua so sánh quy chế Bồi tử của nhà Minh, nhà Lê Trung Hưng và nhà Nguyễn, có thể thấy quy chế của nhà Nguyễn về cơ bản kế thừa quy chế của nhà Lê Trung Hưng, đồng thời tham khảo thêm một phần quy chế của nhà Minh. Tuy nhiên dạng áo đoàn lĩnh cổ tròn trong quy chế Bồi phục của nhà Minh và nhà Lê đã được nhà Nguyễn thay thế bởi dạng

áo giao lĩnh. Phẩm cấp của bá quan ngoài việc được phân biệt ở hình dạng Bồi tử còn được phân biệt ở màu sắc của cổ áo. Trong đó, cổ áo giao lĩnh của các quan nhất, nhị, tam phẩm màu trắng; cổ áo của các chức quan còn lại có màu sắc giống màu áo gốc. Áo màu xanh, lục, lam, đen được sử dụng tùy nghi⁽¹⁾.



Lễ bộ đường (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).



Một số hiện vật Bồi tử của Việt Nam: 1. Bạch nhàn (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam); 2. Vân nhạn (Bảo tàng Quân sự Pháp. Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền); 3. Khê xích (Ảnh: Trịnh Bách); 4. Tiên hạc (Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam).

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Nguyên văn: 衣一品至三品並用白領交領紗緞青綠藍黑隨用[...]正從四品 [...]衣本色領交領紗緞青綠藍黑隨用[...]正從八品 [...]衣本色交領紗緞青綠藍黑隨用.

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ BỐ TỬ
CỦA NHÀ MINH, NHÀ LÊ TRUNG HUNG VÀ NHÀ NGUYỄN
 (theo *Minh thực lục, Toàn thư* và *Hội điển*)

	Minh		Lê Trung Hưng		Nguyễn	
	<i>Hoàng tử, vương công: Kỳ lân, Bạch trạch</i>		<i>Hoàng tử, hoàng thân: Kỳ lân</i>		<i>Hoàng thái tử: Rồng 5 móng Hoàng tử: Rồng 4 móng</i>	
	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>
<i>Nhất phẩm</i>	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Kỳ lân
<i>Nhị phẩm</i>	Cầm kê	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Bạch trạch
<i>Tam phẩm</i>	Khổng tước	Hổ báo	Cầm kê	Bạch trạch	Cầm kê	Sư tử
<i>Tứ phẩm</i>	Vân nhạn	Hổ báo	Khổng tước	Hổ	Khổng tước	Hổ
<i>Ngũ phẩm</i>	Bạch nhàn	Hùng bi	Vân nhạn	Báo	Vân nhạn	Báo
<i>Lục phẩm</i>	Lộ tư	Bưư	Bạch nhàn	Tượng	Bạch nhàn	Hùng (gấu)
<i>Thất phẩm</i>	Khê xích	Bưư	Bạch nhàn	Tượng	Lộ tư	Bưư
<i>Bát phẩm</i>	Hoàng ly	Tê ngưư	Bạch nhàn	Tượng	Khê xích	Hải mã
<i>Cửu phẩm</i>	Am thuần	Hải mã	Bạch nhàn	Tượng	Liêu thuần	Tê ngưư
<i>Pháp quan</i>	Giải trãi					
<i>Chưa nhập lưu</i>	Luyện tước				Không dùng Bồ Tử	

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ BỐ TỬ
CỦA NHÀ THANH, NHÀ TRIỀU TIÊN VÀ LƯU CẦU
 (theo *Thanh sử cảo, Triều Tiên Đoan Tông thực lục, Cầu dương kỷ sự*)

	NHÀ THANH		NHÀ TRIỀU TIÊN		LƯU CẦU
	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>	<i>Quan văn</i>
<i>Nhất phẩm</i>	Tiên hạc	Kỳ lân	Khổng tước	Hổ báo	Cầm kê
<i>Nhị phẩm</i>	Cầm kê	Sư tử	Vân nhạn	Hổ báo	Cầm kê
<i>Tam phẩm</i>	Khổng tước	Báo	Bạch nhàn	Hùng báo	Khổng tước
<i>Tứ phẩm</i>	Vân nhạn	Hổ			Vân nhạn
<i>Ngũ phẩm</i>	Bạch nhàn	Hùng			<i>Sau năm 1609, quan chế của Lưu Cầu không đặt các chức quan võ, quân đội cũng bị giải thể</i>
<i>Lục phẩm</i>	Lộ tư	Bưư			
<i>Thất phẩm</i>	Khê xích	Tê ngưư			
<i>Bát phẩm</i>	Am thuần	Tê ngưư			
<i>Cửu phẩm</i>	Luyện tước	Hải mã			
<i>Pháp quan:</i> Giải trãi					

QUAN PHỤC CỦA TIẾN SĨ
 (theo *Hội điển*)

Năm		Tiến sĩ			
		<i>Đệ nhất giáp, đệ nhất danh</i>	<i>Đệ nhất giáp, đệ nhị danh, đệ tam danh</i>	<i>Đệ nhị giáp</i>	<i>Đệ tam giáp</i>
1822	<i>Mũ</i>	Áo mũ như quan lục phẩm	Văn Tú Tài		
	<i>Y phục</i>		1 áo giao lĩnh may bằng sa Nam, 1 thường may bằng sa Nam, 1 vòng cân, 1 hia		
1838	<i>Mũ</i>	Áo mũ như quan lục phẩm	Ô Sa (mặt trước, sau đều đính 1 hoa bạc)		
	<i>Y phục</i>		Áo bào làm bằng sa, đoạn trơn (không văn sứt) màu lam, lục; Bồ tử thêu hình mây; thường làm bằng sa Nam, miếng Bồ tử thêu 2 bên cùng thêu hình mây; đai bọc đồng; vòng cân, hia.		
1840	<i>Mũ</i>	Ô Sa (1 hoa vàng phía trước, 1 hoa bạc phía sau; bác sơn bạc, 2 cánh viền bạc)	Ô Sa (1 hoa bạc mạ vàng phía trước, 1 hoa bạc phía sau, 2 cánh viền bạc)	Ô Sa (phía trước và sau đều 1 hoa bạc, 2 cánh viền bạc)	Ô Sa (phía trước và sau đều 1 hoa bạc, 2 cánh không viền bạc)

	Y phục	-Áo bào màu lục may bằng đoạn Bát ti Đại Hoa, đai bọc đoạn Xích vũ, 1 miếng phía trước bọc bạc mạ vàng, 2 miếng bọc bạc, đều mặt đôi mỗi, 7 miếng còn lại bọc đồng, mặt sừng đen; thường may bằng sa, đoạn tản hoa màu lam; Bổ tử nền đỏ thêu Bạch nhân; vòng cân, hia, hốt gỗ -Riêng đệ tam giáp: Bổ tử nền đỏ thêu Lộ tư; đai sức sừng đen, 3 miếng bọc bạc, 7 miếng bọc đồng; còn lại như trên		
1847	Bổ tử	Vân nhạn	Bạch nhân	Lộ tư

Quan phục của cử nhân (1807)
và võ cử nhân (1846)

	Cử nhân văn	Cử nhân võ
Mũ	Văn Tú Tài (mặt trước, sau đều đính 1 hoa bạc)	Viên Đỉnh (đỉnh tròn, màu đen, làm bằng linh Nam trơn, trước sức hoa bạc, trên đỉnh mũ 1 hồ lô bạc)
Y phục	Áo giao lĩnh may bằng vải màu; Vòng cân, hia. (năm 1825 đổi chất liệu may áo thành sa Nam lót lụa trắng, thêm 1 thường, còn lại như năm 1807)	Áo Mã Đề làm bằng trùu Nam Đại Hoa màu bảo lam lót vải đỏ; Bổ tử tròn màu xích trĩ; mặt trước và sau áo thêu chữ Võ Cử

Quan phục của học trò Quốc Tử Giám (1823) và tôn sinh (1827)

	Học trò Quốc Tử Giám	Tôn sinh
Mũ	Văn Tú Tài (làm bằng la sa, mặt trước đính 1 hoa bạc)	Tứ Phương Bình Định
Y phục	Áo giao lĩnh may bằng sa Nam lót lụa trắng; thường lụa, quần màu xanh; Vòng cân, hia	Áo giao lĩnh may bằng sa Hoa thật màu bảo lam lót lụa trắng; thường may bằng trùu; Vòng cân, hia

III. TRANG PHỤC HẬU PHI



Hoa văn loan ô thêu trên áo của hậu phi triều Nguyễn (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế. Ảnh: TQĐ).

Trước thời Nguyễn, chim phượng không chỉ là hình tượng ngầm ví với hậu phi, mệnh phụ mà còn được áp dụng làm trang sức trên vật dụng của vua chúa, vương hầu, nhằm định rõ trật tự tôn ti, như năm 1254 thời vua Trần Thái Tông, quy chế xe kiệu được quy định: “*Từ tông thất đến các quan ngũ phẩm đều được ngồi kiệu, ngựa, võng. Tông thất thì dùng kiệu đầu chim phượng, sơn son. Tướng quốc dùng kiệu đầu chim anh vũ, lông tía sơn đen. Tam phẩm trở lên dùng kiệu đầu mây, lông xanh. Tứ phẩm đến lục phẩm kiệu đầu bằng*”⁽¹⁾ Quy chế Lễ phục của bá quan triều Trần quy định chỉ có tước hầu, minh tự mới được mặc áo thêu hình Phượng cá. Vào cuối thời Lê sơ, *Toàn thư* cho biết Mạc Đăng Dung sử dụng lông phượng dát vàng. Vào thời Nguyễn, hình tượng chim Phượng còn được thêu lên Triều phục của các quan trên Tứ phẩm.

Riêng với quy chế Lễ phục hậu cung, triều Nguyễn quy định: hoàng thái hậu và hoàng hậu đội mũ Cửu Phượng, trưởng công chúa đội mũ Thất Phượng, công chúa đội mũ Ngũ Phượng. Cung tần thuộc nhất, nhị, tam giai, tùy theo cấp bậc được dùng các trang sức Kim ước phát (bó tóc bằng vàng) bát phượng, thất phượng, ngũ phượng, tam phượng và nhất phượng. Việc hoàng thái hậu, hoàng hậu đội mũ Cửu Phượng tương tự việc hoàng đế đội mũ Cửu Long. Bối Cửu, số 9, được coi là số dương lớn nhất, tượng trưng cho ngôi vị chí tôn, vĩnh cửu.

1. Triều phục

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 夏五月，定宗室文武百官輿服驂從有差。自宗室至五品官皆得轎、馬、紙鴉。宗室則鳳頭轎朱漆，相國則鸚鵡轎黑漆紫盖，三品以上雲頭青盖，四品至六品平頭轎…

1.1. Cửu Phượng 九鳳冠

Mũ Cửu Phượng và Phượng bào là Triều phục dành riêng cho hoàng thái hậu và hoàng hậu triều Nguyễn. Trong đó, mũ Cửu Phượng của hoàng hậu có *thân mũ làm bằng lông mã vĩ, trùm búi tóc, sức 9 hình phượng múa rồng bay, khảm 9 chiếc lạp bồn, 1 miếng vân hoa bó tóc, 1 miếng bác sơn, 12 cành hoa bướm, 4 đóa hoa sức trâu,*



Hoàng hậu Nam Phương và Hoàng Thái hậu Đoan Huy.

2 cành hốt phía trước, 1 vòng liên đằng bọc tóc, 4 đóa hoa mai, 2 đoạn hoa liên đằng trang sức chân tóc, 1 miếng khóa (kiểu) phía sau, pho hình phượng vàng nạm một đoạn chỉ, 4 thân trâu bạch kim đều khâu chuỗi thùy anh, 198 hạt trân châu cỡ nhỏ, khảm 235 hạt pha lê các loại. Ngạch cân làm bằng đoạn Bát ti màu thiên thanh lót lĩnh Đại tào màu vàng chính sắc sức 4 khuyển vàng, 1 dải thao tơ. Mũ Cửu Phượng dành cho hoàng thái hậu tương tự mũ của hoàng hậu, song việc khâu ngọc châu, khảm gương được tùy ý⁽¹⁾.

Đối chiếu tư liệu hình ảnh xuất hiện hình tượng mũ Phượng thể hiện trong các bức ảnh hoàng hậu, công chúa triều Nguyễn, có thể thấy đỉnh mũ trùm búi tóc ở mũ Cửu Phượng trong *Kỹ thuật của người An Nam* có phần khoa trương, song kiểu dáng tương đối thống nhất. Tuy nhiên chúng tôi chưa thể xác định được các khái niệm lạp bồn, vân hoa bó tóc v.v. cụ thể chỉ những chi



“Mũ Thái hậu và Hoàng hậu dùng trang sức chín phượng ngậm sách, vàng ngọc đan xen”, “Hải của Thái Hậu, Hoàng hậu là hải thêu Phụng” (*Kỹ thuật của người An Nam*).

1. (Việt) *Hội điển*. Q.78. Tr.11 – 13. Nguyên văn: 皇后冠服: 九鳳冠身用馬尾毛披髻頂, 竝飾黃金搖龍翔鳳各九形, 嵌粒盆九口, 雲花約髮一片, 博山一片, 蝴蝶辰花十二枝, 飾簪花四朵, 前笏二枝包髮連藤一周, 梅花四朵, 飾髮際連藤花二段, 後邊跨一片, 鋪金鳳形鑲綫一段, 白金簪莖四竝串結垂纓, 小項珍珠一百九十八粒, 嵌各項玻璃二百三十五粒。額巾天青素八絲緞, 裏正黃大曹綾竝飾黃金圈四件, 絲條一條[...]
皇太后冠服: 九鳳冠一頂。黃金帶一圍與黃后冠帶同, 惟串珠, 嵌鏡隨用

tiết trang sức nào. Riêng với miêu tả của *Hội điển* về ngạch cân, có thể thấy đây là khăn cố định búi tóc của hoàng hậu, tương tự vồng cân của vua quan triều Nguyễn.

Kết hợp với mũ Cửu Phượng là Phượng bào. Phượng bào của hoàng hậu được làm bằng đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc *thêu phượng hoa tròn, sóng nước, lót trầu phượng hoa màu hoa xích. Cổ áo làm bằng lĩnh bóng Lai lộ màu tuyết bạch.*

Thường làm bằng đoạn Bát ti màu tuyết bạch, *thêu Phụng hoa tròn xen vàng, lót dải lụa Cao bộ màu tuyết bạch. Đai vàng, thân đai dùng tre thuộc bọc đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc, đều sức vàng, 18 miếng vuông dẹt đều lót mặt gương, khảm hoa vàng trổ rồng, 2 chiếc móc vàng. Hải làm bằng tơ lông vũ màu đỏ, viền thêu phượng. Bít tất làm bằng lĩnh Nam bóng màu tuyết bạch.*



Trâm Phụng bằng vàng thời chúa Nguyễn (Ảnh: Vũ Kim Lộc).

bóng màu hoa xích, viền cổ bít tất có hai dây thao làm bằng trầu bóng màu hoa xích. Hải làm bằng tơ lông vũ màu vàng chính sắc thêu phượng xen kẻ kết san hô, trân châu, gương của Tây dương.⁽¹⁾



Bác sơn vàng trên mũ của mệnh phụ. (Ảnh: Vũ Kim Lộc).

Phượng bào của hoàng thái hậu được làm bằng sa mát màu vàng chính sắc, *thêu chữ Thọ ngũ sắc gia kim, hoa, sóng nước xen kẻ kết san hô, gương, lót trầu màu hoa xích và sa mát thêu Hoa. Thường làm bằng đoạn Bát ti bóng màu hoa xích thêu phượng ổ, hoa, sóng nước, xen kẻ kết gương Tây. Viền đoạn gấm nền vàng liên đằng, lót sa Hoàng quế, nối liền với áo lụa trắng. Bít tất làm bằng lĩnh bóng màu tuyết bạch, lót trầu*

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.11-13. Nguyên văn: 皇后冠服: 黃袍正黃素八絲緞, 繡團鳳花水波, 裏花



Lễ phục của Phò Mã, Công chúa và Hậu phi triều Nguyễn
(Hoàng phái sắc phục tự thiên tử chí tôn thất).



Tiên cung Hoàng Thái hậu, thân mẫu của vua Khải Định
(Ảnh: Trịnh Bách).



Phượng bào phục chế (*Báu vật triều Nguyễn*); Hài thêu rồng phượng triều Nguyễn (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế).

1.2. Thất Phượng, Ngũ Phượng 七鳳冠、五鳳冠

Theo quy chế Triều phục năm 1808, các công chúa đều được đội mũ Thất Phượng, mặc Phượng bào màu đỏ sẫm. Từ năm 1845 trở về sau, chỉ có trưởng công chúa tiếp tục sử dụng mũ Thất Phượng, các vị công chúa còn lại chỉ được đội mũ Ngũ Phượng, mặc Phượng bào màu hoa xích. Các loại Phượng bào dành cho công chúa đều được may bằng đoạn Bát ti, thêu hoa văn phượng ổ, kết hợp với thường màu tuyết bạch, đi hài thêu phượng⁽¹⁾.

赤四則鳳花紬。領雪白來路光素綾。裳雪白間金團鳳花八絲緞，裏并腰帶雪白高步帛金。帶身熟沙竹包正黃素八絲緞，均飾黃金方扁各樣十八片，竝裏鏡面，嵌金花鏤空金鈎二件。鞋用赤羽絲緣繡鳳。襪用雪白南素綾[……]皇太后冠服：袍用正黃涼紗織五彩加金壽字、辰花、水波間結珊瑚、洋鏡子，裏花赤紬花涼紗。裳用花赤素八絲緞，繡團鳳、辰花、水波間結洋鏡子。綠（譯文，該為綠）連藤金地錦緞，裏黃桂紗連白絹片衣。襪雪白光素綾，裏花赤素紬，襲繡綻並花赤素紬二條。鞋正黃羽絲，繡鳳間結珊瑚、珍珠、洋鏡子

1. (Việt) *Hội điển*. Q.78. Tr.33-34. Nguyên văn: (嘉隆)七年議準公主冠服七鳳冠[……]明命五年奏準製給長公主冠服七鳳冠[……]紹治五年議準製給公主冠服五鳳冠



Phượng ổ trên áo bào của quý phi triều Nguyễn (Nguyên mẫu. Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế).

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA CÔNG CHÚA TRIỀU NGUYỄN
NĂM 1808, 1824, 1833 VÀ 1845
(theo *Hội điển*)

Năm	Nội dung	Trưởng công chúa	Công chúa
1808	Mũ	Mũ Thất Phượng , khóa kiểu vàng nặng 4 lạng vàng	
	Y phục	Áo bào nữ màu đỏ thêu hình loan phượng; 1 chiếc đai; 1 chiếc váy đại triều màu trắng dệt hình phượng ổ; 1 đôi hia, 1 đôi tất	
1824	Mũ	Mũ Thất Phượng , thân mũ làm bằng lông mã vĩ trùm búi tóc, sức vàng 85 tuổi, 2 chiếc khóa kiểu vàng, 1 chiếc sức chân tóc, 7 hình phượng bay, 4 miếng cổ đồ, 2 đóa hoa mai, 4 đóa hoa cúc, 7 đóa hoa mạn, 4 trâm hoa, 1 vòng sức quanh đỉnh đầu, 1 vòng sức quanh viền mũ, đều đính với một miếng tuyến khóa trở hình phượng, 2 miếng khóa bản, 1 bộ trâm bạch kim xâu 120 hạt giả châu khảm 230 hạt pha lê	
	Y phục	Áo bào may bằng đoạn Bát ti bóng màu hoa xích thêu hình phượng ổ; thường may bằng đoạn Bát ti màu tuyết bạch thêu hình phượng ổ ngũ sắc xen kim tuyến; đai: thân đai làm bằng tre thuộc bọc đoạn Bát ti bóng màu hoa xích, sức 18 miếng các hình vuông dệt bằng vàng, bề mặt trở cổ đồ, vân phượng lót mặt kính; 1 đôi Kim ước phát; 1 đôi tất may bằng lĩnh Bát ti màu tuyết bạch; 1 đôi hài làm bằng tơ Xích vũ thêu phượng	

1833	Mũ		Mũ Thất Phượng Áo bào nữ may bằng đoạn Bát ti màu hoa xích thêu hình phượng ổ ngũ sắc gia kim; 1 thường nữ may bằng đoạn Bát ti màu tuyết bạch thêu hình phượng ổ ngũ sắc xen kim tuyến; 1 đai vàng, 1 đôi hia, tất
	Y phục		
1845	Mũ		Mũ Ngũ Phượng , 1 chiếc mặt gạch sứ vàng, bạch kim, trân châu, san hô
	Y phục		
			Áo bào nữ may bằng đoạn Bát ti màu hoa xích thêu hình phượng ổ ngũ sắc xen kim tuyến; đai sức vàng và bạch kim

2. Thường phục

Theo *Hội điển*, áo Nhật Bình là Triều phục dành cho cung tần nhất, nhị, tam, tứ giai và là Thường phục của hoàng hậu, công chúa. Áo Nhật Bình có nguyên mẫu là dạng áo Phi Phong thời Minh, là loại áo xẻ cổ, có dạng đối khâm, cổ áo to bản tạo thành hình chữ nhật ở trước ngực, dưới ức có dải vải buộc hai vạt áo. Thường phục Nhật Bình được đặt định vào năm 1807 thời vua Gia Long và được duy trì cho đến cuối thời Nguyễn. Song quy chế mũ mào kết hợp với loại trang phục này không ổn định. Như quy chế năm 1807 quy định từ hoàng hậu đến cung tần tứ giai nhất loạt sử dụng Kim ước phát phối với áo Nhật Bình, đến năm 1846 thời vua Thiệu Trị, Kim ước phát được thay thế bằng một loại thủ sức có tên Kim phượng. Cung tần tam giai, tứ giai và ngũ giai còn được phân biệt bởi số lượng trâm cài.

Kiểu dáng cụ thể của Kim ước phát và Kim phượng, chúng tôi chưa thể khảo được. Song tư liệu tranh ảnh đầu thế kỷ XX cho thấy bất kể



Công chúa triều Nguyễn.

hoàng hậu, công chúa hay cung tần đều vấn khăn vành, mặc áo Nhật Bình, chứng tỏ quy chế trang phục của hậu phi triều Nguyễn đến thời vua Đồng Khánh, Khải Định vẫn được sửa đổi.

Khăn vành, còn gọi khăn vành dây, là một khổ vải dài hơn chục mét, khổ rộng 30cm, được vấn gấp nếp thành hình chữ Nhân 人 ở giữa trán, sau đó quấn nhiều vòng quanh đầu, có khi lên tới 20, 30 vòng. Loại khăn này vào cuối thời Nguyễn được kết hợp với áo Nhật Bình, áp dụng làm Thường phục của hoàng thái hậu, hoàng hậu và Triều phục của mệnh phụ, cung tần, phần lớn có màu xanh lam. Sau này, khăn vành dần được phổ biến trong dân gian, được phụ nữ Việt Nam sử dụng trong các dịp lễ nghi trang trọng.



Hoàng Thái hậu Đản Huy, Trưởng công chúa con vua Đồng Khánh, Hoàng hậu Nam Phương.



Phục dựng lối trang điểm của hậu phi triều Nguyễn trong dịp đại lễ; Trưởng công chúa con vua Dục Đức. (Ảnh: Trịnh Bách).



Áo Nhật Bình thêu Phượng ổ, Loạn ổ (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế).

QUY CHẾ LỄ PHỤC CỦA HẬU PHI NĂM 1807
(theo *Hội điển*)

Nội dung	Hoàng hậu	Công chúa	Cung tần nhị giai	Cung tần tam giai	Cung tần tứ giai
Mũ	2 chiếc Cửu long Kim ước phát, 1 chiếc Cửu phượng Kim ước phát, 8 trăm phượng	1 chiếc Thất phượng Kim ước phát, 12 trăm hoa	1 chiếc Ngũ phượng Kim ước phát, 10 trăm hoa	1 chiếc Tam phượng Kim ước phát, 8 trăm hoa	1 chiếc Nhất phượng Kim ước phát, 8 trăm hoa
Y phục	1 áo bào làm bằng sa sồi vàng thêu 20 hình rồng phượng, loan, trĩ, 1 thường làm bằng tơ Bát ti màu trắng thêu rồng phượng	1 áo Nhật Bình may bằng sa sồi đỏ, thêu hình phượng ổ	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu xích đào thêu loan ổ, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan ổ	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu tím chính sắc thêu phượng ổ, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan ổ	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu tím nhạt, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan
(Thiệu Trị 6-1846) Cung tần nhất nhị giai: mũ Kim phượng đều có 3 bậc son, riêng nhất giai 8 phượng, nhị giai 7 phượng; tam giai trên búi tóc cài trăm phượng; tứ giai, ngũ giai trên búi tóc không cài trăm để tỏ sự phân biệt					

IV. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

Từ thời chúa Nguyễn, trang phục quân đội và dân gian Đàng Trong đã trải qua một cuộc biến cách lớn. Đến thời Nguyễn, chúng ta không còn thấy sự xuất hiện của bộ quân trang Giáp trụ, thay vào đó, quan viên ban võ phần đông đội mũ Hồ Đầu, mặc Măng Lan. Binh lính cũng không còn cưỡi trần đóng khố như thời Lê Trung Hưng.



Binh lính thời Minh Mạng
(Việt Nam qua tranh khắc Pháp).



1. Nón Kê Mao, lính kinh kỳ đội; 2. Nón Kỳ binh; 3. Nón lính Tập; 4. Đội Binh; 5. Áo lính An Nam; 6. Lính Tập khố xanh. (*Kỹ thuật của người An Nam*).

Năm 1835, Thái Đình Lan mô tả: “Lính cấp dịch ở tỉnh gọi là tỉnh binh, đội nón nứa, nón nhỏ chỉ đủ che đầu, quét sơn màu vàng, chỏm cắm lông gà, áo dùm loại dệt len màu đỏ, viền màu lục, ống tay màu lục. Lính ở phủ, huyện gọi là phủ binh, huyện binh, đội nón quét sơn màu lục, màu đen, cắm lông gà, áo dùm vải đen, viền đỏ, ống tay màu đỏ.”⁽¹⁾ Những dòng mô tả của Thái Đình Lan hoàn toàn khớp với những bức vẽ binh lính Việt Nam do một số người phương Tây khắc họa. Ngoài ra, qua tranh ảnh đầu thế kỷ XX với những hình vẽ mô tả

1. (Trung) *Hải Nam tạp trí* - Việt Nam kỷ lược. Nguyên văn: 給役在省者曰省兵，戴竹笠笠小僅可蔽首，塗金色，上插雞羽，衣用紅色嚶吱，綠綠綠袖；在府、縣者曰府兵、縣兵，笠塗綠色、黑色，插雞羽，衣用黑布，紅綠紅袖

khá chi tiết trang phục của một số hạng quân binh như lính cấm vệ, lính kỵ binh hoàng gia, lính thị vệ, lính thủy quân, lính pháo thủ, lính bắn súng thần công, lính hầu trong cung, lính hầu đèn v.v. do Viện Viễn Đông Bác



Áo thị vệ (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế), áo lính, áo của đội nghi vệ (Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam).

Cổ (EFEO) thực hiện, có thể thấy binh lính triều Nguyễn tuyệt đại đa số đều đội nón, đi đất. Sự phân biệt giữa các hạng binh lính chủ yếu nằm ở kiểu dáng nón mào. Riêng áo mặc phần nhiều là loại áo song khai⁽¹⁾, cài khuy, xẻ vạt trước và sau, vai áo có viền mây bao quanh, gọi là vân kiên.

Ngoài ra, từ sau khi chiếm đóng Nam kỳ, Bắc kỳ, người Pháp thành lập đơn vị quân bản xứ để phụ trợ cho quân chính quy của Pháp, gọi là lính Tập. Lính Tập còn được gọi là lính khố đỏ, lính khố xanh, bởi bộ quân trang đặc trưng của hạng lính này là nón dẹp, quần áo chèn, đặc biệt là dải thắt lưng buộc ở bụng có một đầu buông xuống che phần hạ bộ, trông tương tự như chiếc khố.



Châu bản triều Nguyễn
(Thành Thái quyển số 43, tờ số 8 – 9)

Niên đại: Ngày 16 tháng 3 nhuận năm Thành Thái thứ 10 (1898)
Nội dung: Thị vệ xứ tâu xin may quần áo cho binh lính hộ giá. Vua Thành Thái đích thân thiết kế kiểu áo nón mới và chuẩn cho may mặc.
Châu phê: 1. “Loại nón quân trang này trông chưa được nhã, áo quân trang thì không tiện cưỡi ngựa. Nay chuẩn cho làm theo kiểu mới”; 2. “Sống nón dùng sắt nạm bạc. Nón dùng màu đen”; 3. “Áo quân trang dài một thước hai tấc năm phân, màu lục, viền đỏ. Bên trong mặc áo vải trắng. Dải lưng dùng màu lục”; 4. “Nón của võ lại cũng chiếu theo kiểu này. Tùy theo chức tước mà đính (tên chức) vào trước nón. Hình tròn trước ngực áo quân trang (của võ lại) chiếu theo hình Bồ tử mà thêu vào.”

1. Đại Nam quốc âm tự vị định nghĩa: Áo song khai là áo xẻ vạt trước, vạt sau.

TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI TRIỀU NGUYỄN
(theo *Quân lực Việt Nam dưới các triều đại phong kiến*, bản sao của EFEO)



V. TRANG PHỤC DÂN GIAN

1. Y phục

Triều Nguyễn là triều đại quân chủ cuối cùng của Việt Nam, triều đại lưu lại nhiều ấn tượng mặc định và những ảnh hưởng lâu dài trong quan niệm của người Việt hiện đại về phong tục tập quán của ông cha, trong đó có quan niệm về trang phục. Tuy nhiên, văn hiến áo mũ của mỗi một triều đại đều có sự kế thừa, biến dị so với quy chế áo mũ của triều đại liền kề. Khoảng cách giữa các triều đại càng xa, sự biến dị theo đó càng lớn. Ngay trang phục trong dân gian, mặc dù có tính bảo thủ và ít biến cách như trang phục cung đình, song so với thời Lý, Trần, trang phục dân gian thời Lê, Nguyễn cũng đã có nhiều thay đổi. Đặc biệt phải kể đến việc phổ biến áo dài cổ đứng cài khuy, phết bỏ áo giao lĩnh trong dân gian mang tính cưỡng ép dưới thời vua Minh Mạng.

Loại trang phục phổ biến nhất trong cung đình và dân gian Việt Nam thời Nguyễn hiển nhiên là bộ quần chân áo chít. Song theo ghi nhận của Thái Đình Lan thì vào năm 1835 thời vua Minh Mạng, nam giới người Việt ở Trung, Nam kỳ thường mặc áo chít màu đen cài khuy hẹp tay kết hợp với quần nhiều褶. Ông cho biết “(họ) đều dùng lụa đen vấn đầu, mặc áo đen ống tay hẹp, quần may bằng lĩnh đỏ, đi chân đất. Quan viên Việt Nam ra ngoài cũng đều đi đất, áo không phân mùa nóng mùa lạnh, mùa đông vẫn mặc áo lụa mỏng. Người sang hay dùng hai màu lam, đen, vấn khăn quanh đầu cũng như vậy, quần đều màu đỏ.”⁽¹⁾ Riêng loại quần chân áo chít của nữ giới, theo Phan Kế Bính, trong khoảng những năm 1910-1915, quần thì phần nhiều mặc quần sồi, quần lĩnh thâm, đôi khi cũng có người mặc quần nhiều褶.⁽²⁾ Nhất Thanh ghi lại “khoảng từ 1910 trở đi có những mẹ Tây bạo dạn bắt đầu



Cụ ông đội khăn xếp, áo the. (Hình ảnh Hà Nội).

mặc quần trắng. Những con nhà tử tế gia giáo không bao giờ lấy Tây, dù Tây có giàu, sang trọng đến mấy. Cho nên bận quần trắng là tự tố cáo làm nghề lấy Tây. Trái lại, từ giữa thế kỷ XIX, đàn bà xứ Huế khá giả đôi chút đều mặc quần trắng, họ là vợ con những công chức các sở thuộc tòa khâm sứ, các cơ quan thuộc sáu bộ của triều đình [...] Nếp sống rảnh rỗi cảnh vẻ, cho nên y phục sang trọng quý phái. Còn dân lao động ăn mặc lem luốc thì không mặc quần trắng. Tuy nhiên sau đó quần trắng đã dần dà đắc dụng với nữ giới, ban đầu còn rút rè, sau đó khắp nơi đều ưa chuộng.”⁽¹⁾ Như vậy sự kết hợp giữa áo dài năm thân và quần màu trắng hẳn chỉ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX trở về sau, trước đó người Việt hầu hết đều mặc quần màu thâm hoặc màu đỏ.

Có điều, sau những phong trào cải lương nêu cao tinh thần đoạn tuyệt lạc hậu, hướng tới văn minh từ cuối thế kỷ XIX, song song với việc cắt bỏ búi tóc, để răng trắng, không ít nam nữ người Việt, đặc biệt là giới trí thức Tây học đã dần đổi sang mặc trang phục châu Âu. Trang phục của nữ giới lúc này cũng trải qua những đợt biến cách về kiểu dáng nhằm lược bớt sự lụng thụng của loại áo truyền thống trước đây. Những cải cách kiểu dáng áo dài nữ tiêu biểu phải kể đến áo dài Le Mur của họa sĩ Cát Tường năm 1930 và áo dài Lê Phổ



Thầy khóa mặc Âu phục (Hình ảnh Hà Nội); Thiếu nữ mặc áo dài sau khi đã cách tân.



1. Vợ chồng nông dân – áo to, váy đụp; 2. Ông cháu ăn xin; 3. Ông già mặc áo cộc (loại áo có vạt trước khép chồm lên gần nửa vạt bên phải, năm khuy cài khuyết tết vải với hai dải bờ chèo buộc phía dưới, khoảng năm 1970 còn ít người Thuận Quảng ưa mặc. Đất lề quê thói. Tr. 218); 4. Người đàn bà quảy gánh, chít khăn vuông đội nón ba tầm.

1. (Trung) *Hải Nam tạp trước*. Nguyên văn: 皆烏縐縐頭，穿窄袖黑衣，紅綾褲，赤兩腳。越南官員出入皆赤腳，衣不分寒暑。冬月猶著輕羅。貴者多用藍黑二色，縐頭亦然，褲俱紅色

2. *Việt Nam phong tục*. Tr. 324.

1. *Đất lề quê thói*. Tr. 212.



Người Đàng Trong năm 1794 được vẽ trong *An Nam quốc giang phiêu lưu phong tục tả sinh đồ*. (Tô Lan cung cấp).

tên tuổi nhưng cũng góp phần cải sửa, giúp cho cái áo dài mang hình dáng hiện nay”, cùng nhận định “ông Cát Tường chê áo Việt Nam lòe xòe, lụng thụng, không “mỹ thuật”, nhưng tôi lại thấy áo tứ thân, áo giao lĩnh cũng như áo dài đều đẹp cả, mỗi cái một vẻ. Nhân tâm tùy thích, khó mà tranh cãi.”⁽¹⁾

Đối với tầng lớp dân nghèo, sử gia Trần Trọng Kim cho biết: “Cách ăn mặc thì chỉ có đồ vải đồ nâu, người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng cái khố, có đi đâu mới mặc cái quần vải dài đến đầu gối. Người sung túc mới có vài cái áo nâu đen và vài cái quần hoặc nhuộm nâu, hoặc để trắng”⁽²⁾. Phụ nữ Bắc kỳ vẫn mặc áo tứ thân, váy đụp, vẫn sử

của họa sĩ Lê Phổ năm 1934. Ông Cát Tường phát biểu trên tờ *Phong hóa* về chiếc áo dài nữ kiểu cũ cho biết: “Y phục của các bạn gái, tôi xem thấy có nhiều điều bất tiện mà lại không có vẻ chi là mỹ thuật. Tuy rằng vài năm gần đây cũng có một vài phần sửa đổi [...] chẳng qua chỉ ở mấy cái màu sắc sặc sỡ, mấy thứ hàng lạ nước ngoài [...] còn thì vẫn kiểu áo lòe xòe ấy, vẫn cái quần lụng thụng đen ngòm ấy. Hoặc giả cũng có người ưa mặc quần trắng song tiếc rằng số đó vẫn rất ít [...] Cần sửa đổi dần: trước hết phải hợp với khí hậu xứ ta, với thời tiết các mùa, với công việc, với khuôn khổ, mực thước của thân hình mỗi bạn. Sau nữa phải gọn gàng, giản dị, mạnh mẽ và có vẻ mỹ thuật và lịch sự.” Chúng tôi đồng tình với quan điểm của bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh khi cho rằng ông Cát Tường “chỉ là một mắt xích trong chuỗi dài những người không để lại



“Phụ nữ Gia Định búi tóc”; “Trẻ con vấn khăn”; “Soi gương đội khăn”; “Búi tóc”.
(Kỹ thuật của người An Nam).

dụng các loại thắt lưng lớn nhỏ, thắt lại ở trước bụng, thoát khỏi những cấm lệnh khắt khe dưới triều vua Minh Mạng.

Ngoài ra, có một số ý kiến cho rằng vào đầu thế kỷ XIX, trong giới phong lưu nho nhã đã sử dụng loại áo bà ba, loại áo có nguồn gốc từ đảo Penang ở Malaysia, nơi có tộc người Bà Ba sinh sống⁽¹⁾. Dựa vào một số bức họa trong *An Nam quốc giang phiêu lưu phong tục tả sinh đồ* do người Nhật Bản vẽ vào năm 1794 tại vùng Đàng Trong, có thể thấy ngay từ cuối thế kỷ XVIII, loại áo vạt ngắn không bầu, xẻ giữa, cài bằng cúc đã xuất hiện tại vùng Đàng Trong Việt Nam. Nhiều khả năng đây chính là tiền thân của loại áo bà ba. Tuy nhiên, nguồn gốc của loại áo này có phải xuất phát từ đảo Pengnang Malaysia hay không, hiện chưa có tư liệu nào có thể khẳng định được.

2. Kiểu tóc

Sau một loạt sắc lệnh cấm sử dụng các loại mũ Tiện phục triều Lê ban bố vào thời vua Minh Mạng trong khoảng từ năm 1828 đến năm 1842, nam giới người Việt trong toàn quốc hầu hết đều búi tóc vấn khăn theo phong tục Đàng Trong. Ban đầu, các loại khăn lượt, khăn nhiễu, khăn thâm của đàn ông được quần rỗi,



Cụ già đội khăn xếp khoảng năm 1945.
(Hình ảnh Hà Nội).

1. Áo dài xưa nay. (http://chimviet.free.fr/quehuong/chquynh/chqyn_aodaixuanay.htm).

2. Việt Nam sử lược. Tr.537.

1. Diện áo bà ba đón khách Tây. Dẫn theo Tạp chí Hồn Việt. Tr.31.



Mũ Ni. (Việt Nam qua tranh khắc Pháp; Kỹ thuật của người An Nam).

Trong khi đó, phụ nữ Đàng Ngoài vẫn vấn khăn thâm, lượt, nhiều, đội thêm khăn vuông mở quạ bằng vải nâu hoặc xuyên, bắt chập lệnh cấm “đàn bà không được dùng vải, lụa ngấn quần đầu”, “không được đội khăn vuông”. Khác với phụ nữ Đàng Ngoài, “tại Trung kỳ, Nam kỳ, đàn bà búi tóc bịt khăn vuông, không vấn khăn như người Bắc”⁽²⁾, “đàn bà Đàng Trong ưa để đầu trần với búi tóc, hoặc bịt đầu bằng một khăn vuông gấp chéo đôi, buộc nút xuống dưới cằm”⁽³⁾.

Ngoài ra, người cao tuổi thời Lê Nguyễn còn đội một loại mũ, gọi là mũ Ni, vốn là đồ đội của giới tăng lữ. Việt Nam tự điển năm 1954 định nghĩa: “Mũ Ni, mũ của ông già đội, phía sau có diềm che kín cả tai và gáy.” Loại mũ này ngay từ thời Lê Trung Hưng đã được Alexandre de Rhodes ghi nhận: “Mũ Ni, mũ của các vị sư [...] Mũ che tai dài tới vai. Những người khác cũng dùng mũ này trong trời lạnh.”⁽⁴⁾

Về nón đội, Phan Kế Bính cho biết đàn ông thường đội nón dứa, nón sơn, nón lông; đàn bà thường đội nón bẻ, nón lòng chảo⁽⁵⁾. Nhất Thanh giải thích: “Nón đan

về sau được quần xếp nếp đều đặn, chít theo kiểu chữ Nhất 一, hoặc chữ Nhân 人 ở giữa trán. Khoảng năm 1920, 1930, người Việt mới chế ra loại khăn xếp, khâu dán liền những vành nếp lại, chỉ việc đặt chụp lên đầu cho nhanh chóng và thuận tiện.”⁽¹⁾



Phụ nữ thời Nguyễn vấn tóc đuôi gà bằng lụa trắng, đội nón Nghê, mặc yếm trắng, áo năm thân cổ đứng cài khuy.

1. Đất lề quê thói. Tr.223.
2. Việt Nam phong tục. Tr.324.
3. Đất lề quê thói. Tr.223.
4. Từ điển Việt - Bồ - La. Tr. 171.
5. Việt Nam phong tục. Tr.324.

bằng nan giang, quét sơn dầu trên mặt cho khỏi thấm nước mưa gọi là nón sơn. Nón lợp bằng lá dứa rất mỏng, nhẹ, quai lụa bạch, đội trông ra vẻ hào hoa phong nhã. Quan liêu ưa đội nón lông, lông cánh chim lợp hai đợt, trên đỉnh có chóp bằng bạc chạm trổ, hay bằng đôi môi vàng vành bạc.”⁽¹⁾ Loại nón bẻ của đàn bà mà Phan Kế Bính nhắc tới chỉ các loại nón ba tầm, nón Nghê, nón quai thao v.v. được sử dụng thường xuyên vào đầu thế kỷ XX.



Xe sợi. (Ảnh: Albert Kahn).



Một gia đình thượng lưu ở Huế. (BAVH).

1. Đất lề quê thói. Tr.224.

LỜI KẾT

Trước khi có sự phân định nghiêm ngặt về địa chính trị, các cộng đồng dân cư chung sống trên cùng khu vực địa lý thường có sự giao lưu, chia sẻ, ảnh hưởng lẫn nhau về ngôn ngữ, phong tục v.v., một cách tự nhiên. Với tính chất hỗn dung, việc xác định phần lõi “thuần chủng” của bất kỳ nền văn hóa nào cũng cần nhiều thời gian và những chứng lý khoa học liên ngành.

Văn minh Trung Quốc không tự nhiên có sẵn; dung nạp trong đó chắc chắn có không ít thành tố văn hóa mang nguồn gốc Đông Di, Bách Việt. Song kể từ khi bộ máy chính quyền phong kiến Trung Quốc hình thành, đi kèm với chính sách đồng hóa “*dùng Hạ biến di*”, văn minh Trung Quốc từng bước thâm nhập và gây ảnh hưởng sâu rộng tới các vùng đất, quốc gia xung quanh nó, trong đó có Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản. Trong khi Nhật Bản với vị trí địa lý quốc đảo, nhiều lần phái các đoàn *khiển Đường sứ* chủ động học tập, du nhập văn minh Đường, Việt Nam và Triều Tiên lại có quốc thổ gắn liền với đại lục Trung Quốc, đều từng hứng chịu những chính sách đồng hóa văn hóa. Sau khi giành được độc lập, với quan niệm văn minh Trung Quốc là thước đo tiến bộ, Việt Nam và Triều Tiên lại nhiều lần chủ động mô phỏng điển chương văn hiến của triều đình Trung Quốc. Chính vì vậy, trong nhiều trường hợp, những nét văn hóa tưởng như chỉ có ở Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản lại thường tìm thấy sự tương đồng hoặc tương cận của nó tại Trung Quốc.

Khoảng 100 năm trở lại đây, sau khi chủ nghĩa quốc gia, tư tưởng dân tộc được dịp lớn mạnh, Nhật Bản thừa nhận và tự hào cho rằng, họ học tập văn minh Trung Hoa, đồng thời đẩy lên một tầm cao mới, còn Hàn Quốc và Việt Nam lại diễn ra các cuộc tranh cãi về vấn đề “bản quyền” của các thành tố văn hóa vốn được coi là có nguồn gốc Trung Hoa. Có thể điểm qua việc ông Kim Định, Hà Văn Thùy chứng minh

Nho giáo mang nguồn gốc Việt, chân núi Thái Sơn từng là địa bàn cư trú của dân tộc Việt, Kinh Dịch là phát minh của người Lạc Việt v.v., tương tự trường hợp ông Ban Mun Ki, Kang Sang Won chứng minh chữ Hán là phát minh của người Hàn Quốc, sau đó dấy lên một loạt các bài viết tuyên bố người Hàn là chủ thể sáng tạo ra Đông y, Kinh Dịch, la bàn, thậm chí Khổng Tử, Tôn Trung Sơn là người Hàn Quốc v.v. Những nghiên cứu cổ sử dạng này, đều chịu sự chi phối của tinh thần dân tộc, còn nặng tính tư biện, suy diễn, thiếu chứng cứ khoa học xác tín. Bên cạnh đó, đứng ở góc độ “trung tâm” để soi chiếu các nước xung quanh, không ít học giả Trung Quốc lại có tâm thái, giọng điệu của nước lớn, coi văn hóa Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản chỉ đơn giản là sự khúc xạ của văn minh Trung Hoa, thiếu cái nhìn tôn trọng, khách quan đối với văn hóa, lịch sử của các quốc gia này. Đây là hai thái độ cực đoan trong việc nghiên cứu, đối sánh văn hóa, cần được nhìn nhận và phê bình một cách nghiêm túc.

Được xác định giới hạn nghiên cứu nằm trong giai đoạn 1009 - 1945, giai đoạn ít nhiều còn sử liệu, hiện vật ấn chứng, *Ngàn năm áo mũ* thể hiện một góc nhìn lịch sử, tư tưởng, mỹ thuật Việt Nam thông qua dòng chảy biến thiên của văn hóa trang phục; đồng thời làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt giữa trang phục Việt Nam so với trang phục của các nước đồng văn, đặc biệt là Trung Quốc. Từ kết quả nghiên cứu này, cách ăn mặc, lối sống của người Việt trong khoảng 1000 năm trở lại đây đã bước đầu sáng tỏ. Đây sẽ là tiền đề cho việc nghiên cứu phong tục, lối sống của người Việt trong quá khứ xa xưa hơn, nhằm từng bước tìm ra cái lõi “bản sắc” trong văn hóa Việt Nam.

Mỗi thời đều có giá trị quan, thẩm mỹ quan riêng. Mọi lời khen chê, đánh giá chỉ mang tính nhất thời. Cuốn sách bạn đọc cầm trên tay được viết nên bằng sự tôn trọng sự thật của ngàn năm áo mũ người Việt, không có đánh giá đúng sai, hay dở. Với tư cách là tác giả, tôi hy vọng bạn đọc có cái nhìn công tâm, bình tĩnh đối với văn hóa trang phục Việt Nam nói riêng, văn hóa cung đình Việt Nam nói chung, đặc biệt đối với những thành tố văn hóa Trung Hoa dung chứa trong văn hóa Việt.

Hà Nội, cuối xuân năm Quý Tị 2013.

Trần Quang Đức



Rồng và Kỳ lân thời Lê Trung Hưng (Chùa Bút Tháp, Bắc Ninh; BTL SVN; điện Kính Thiên, Hà Nội).

Năm 1527, nhà Lê sơ sụp đổ sau sự kiện Mạc Đăng Dung phế truất ngôi vua, tự xưng hoàng đế. Sáu năm sau, năm 1533, tướng Nguyễn Kim đưa con cháu nhà Lê lên ngôi, tức vua Lê Trang Tông, mở đầu triều đại Lê Trung Hưng, cát cứ tại Thanh Hóa. Cuộc chiến Lê - Mạc diễn ra trong suốt 60 năm, đến năm 1592, với sự phò tá đắc lực của các tướng Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng, vua Lê cuối cùng cũng trở về thành Thăng Long, nối lại cơ nghiệp đế vương. Song thế lực của tập đoàn chúa Trịnh ngày càng lớn mạnh. Bình An Vương Trịnh Tùng hạ sát và bức tử các vị vua chống đối như Lê Anh Tông, Lê Kính Tông, thao túng triều đình, khiến các vua Lê từ năm 1619 trở về sau chỉ còn lại hư vị, mở ra thời kỳ vua Lê - chúa Trịnh kéo dài hơn 200 năm trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

Từ nửa cuối thời Trung Hưng, chúa Trịnh lần lượt đặt ra các cơ quan quyền lực dành riêng cho phủ chúa, trên thực tế có chức năng nhiệm vụ tương đương với các ban bộ có sẵn của triều đình vua Lê. Việc làm này thực chất nhằm tập trung quyền lực vào tay chúa, song lại khiến bộ máy quan lại của triều đình Lê - Trịnh thêm rắc rối và chồng chéo. Theo đó, quy chế nghi lễ dành cho chúa ngày càng có xu hướng lấn vượt, còn quy chế dành cho vua lại bị loại bỏ dần dần. Phan Huy Chú cho biết, “*Lỗ bộ ở phủ chúa tuy chưa dám ngang hàng với nhà vua, nhưng quân lính khí giới trên thực tế quá nhà vua [...] Buổi quốc sơ (đầu thời Lê) đại giá của nhà vua có năm loại xe, về sau dần dần phế bỏ.*”⁽¹⁾ Cũng chính vì vậy, quy chế nghi lễ, phẩm phục dành cho bá quan khi vào chầu vua và hầu chúa được quy định hết sức phiền phức.

Thời Lê Trung Hưng có hai mốc thời gian quan trọng xác lập chế độ

1. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Đế vương dư vệ chi chế - Vương phủ lỗ bộ. Nguyên văn: 至於王府鹵簿, 雖未敢並天子而兵衛軍械之嚴實則過之[...]國初大駕有五輅輿輦, 其後制漸墮廢

y quan phẩm phục là năm 1661 và năm 1721 diễn ra vào thời vua Lê Thần Tông và vua Lê Dụ Tông. Trong đó, quy chế năm 1661 phần lớn kế thừa quy chế năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông. Năm 1718, tham tụng Nguyễn Công Hãng sang nhà Thanh tìm kiếm chương cũ của nhà Minh về định lại chế độ y phục. Kể từ năm 1721, áo mũ của triều đình nước Việt nói chung, triều đình nhà Lê nói riêng, chịu ảnh hưởng khá lớn từ quy chế áo mũ của Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh.



1. Hoa văn rồng thêu trên ngực Long bào của vua Minh Vạn Lịch, khai quật tại Định Lăng, Bắc Kinh; 2. Khăn phủ mặt vua Lê Dụ Tông (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam); 3. Khăn phủ mặt của vua Minh (The Metropolitan Museum of Art, New York).

I. TRANG PHỤC VUA, CHÚA

1. Triều phục

Thời Trung Hưng, vua Lê chỉ được coi là biểu tượng vương quyền của dòng dõi đế vương, chỉ có hư vị, không có thực quyền. Không ít quy chế lễ nghi dành cho thiên tử thời Lê sơ dần bị loại bỏ. Trong đó, các vua Lê Trung Hưng áp dụng Thường phục của vua Lê sơ làm Lễ phục và Triều phục, phớt bỏ quy chế Cổn Miện trong dịp tế Giao. Điều này tuy bề ngoài chỉ là sự thay đổi về áo mũ, song thực chất là sự thay đổi về tư tưởng cũng như tư thái của đế vương. Chính Phan Huy Chú nhận định: “Từ thời Trung Hưng về sau, vào các dịp đại lễ, hoàng thượng chỉ đội mũ Xung Thiên. Trộm nghĩ [...] kiểu dáng mũ Xung Thiên so với mũ Phốc Đầu không quá khác biệt. Văn sức không đầy đủ thì thể cách không tôn nghiêm. Bậc vương giả đặt định lễ nghi thì phải khôi phục quy chế Cổn Miện. Khổng Tử nói mặc Cổn Miện của nhà Chu. Thực là phép thức cho muôn đời vậy.”⁽¹⁾ Mặc dù Triều phục Xung Thiên không đủ tôn nghiêm

1. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chi chế. Nguyên văn: 中興以來，皇上御大禮惟服衝天冠。窃以[...]衝天冠之樣與幘頭無甚相別。文飾莫備，体格不尊。王者講定禮儀，正當首復冕



Vua Lê (S. Baron, 1683. Tư liệu các công ty Đông Ấn).

bằng Cổn Miện, và mặc dù ngày thường thế lực của chúa Trịnh có lấn át vua Lê, song vào lễ tế Giao, lễ tế thiên liêng bậc nhất đối với các triều đại phong kiến - quân chủ, uy quyền của vua Lê vẫn là lớn nhất. Hay nói như *Cương mục*: “Nhà Lê từ thời Trung Hưng về sau, kiểm Thái A nắm ngược, kẻ dưới lấn quyền, người trên thất thế, từ đây về sau, lễ nghĩa vua tôi mất sạch. Duy có lễ Nam Giao tế trời là danh phận tôn ti vẫn còn [...] Đây là lễ tôn nghiêm nhất, long trọng nhất.”⁽¹⁾

Đối với Lễ phục tế Giao của vua Lê chúa Trịnh, *Loại chí* ghi nhận: “Từ thời Trung Hưng về sau, vào các buổi đại lễ như lên ngôi, tiến tôn, ban chiếu, hoàng thượng đều đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào, đeo đai ngọc. Lễ tế Giao mặc áo mũ màu huyền (đen huyền), đến nhà Đại Thử thay áo, lại đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào đúng như nghi lễ [...] Chúa thượng vào các dịp đại lễ như tế Giao, tiến tôn, mặc áo bào tía (tử bào), đội mũ Xung Thiên, đeo đai ngọc.”⁽²⁾ *Cương mục* cũng ghi nhận: “Vua mặc Huyền bào, cùng với đoàn Lỗ bộ, Pháp giá, Nhã nhạc từ cửa Đại Hưng (của Nam thành) đi ra, đến điện Canh Phục ở ngoài đàn tế thì đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào, thắt đai ngọc, đến điện Chiêu Sự hành lễ. Chúa Trịnh và bá quan văn võ theo hầu lễ bái theo nghi thức”⁽³⁾.

Qua nhận định của *Loại chí* và *Cương mục*, có thể thấy vua Lê, chúa Trịnh vào các dịp đại lễ như lễ tế Giao,



Tượng quốc công Trịnh Tùng (trinhocgiapha.com).

制。子曰服周之冕。真萬世之法式也

1. (Việt) *Cương mục* - Q.32. Nguyên văn: 夫黎自中興以後，太阿倒持，下陵上替，厥有自來，君臣之禮蕩然矣。惟南郊祀天，尊卑之分尚在[...]至尊至重之禮也

2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chi chế. Nguyên văn: 中興以後，皇上即位進尊頒詔諸大禮，並御衝天冠，黃袍玉帶。郊天禮御玄色冠袍，至更服大次，御衝天冠，黃袍玉帶如儀[...]王上謁郊、進尊諸大禮服紫袍、衝天冠、玉帶

3. (Việt) *Cương mục* - Q.32. Nguyên văn: 遞年或初一或初二[...]至日帝御玄袍，備鹵簿、法駕、雅樂由大興門都城南門出，至壇外，更服殿衝天冠、黃袍、玉帶，詣昭事殿庭行禮。鄭王及文武百官扈從，陪拜如儀



Phục dựng Triều phục của vua Lê Dụ Tông.

chúa Trịnh Sâm năm 1777: “Vâng xét theo Chu Lễ, khi tế trời mặc Cống Miện, các đời Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh khi tế Giao và Thái Miếu đều dùng Cống Miện, chỉ có ngày kỵ thì hôm ấy đổi áo để tỏ lòng hiếu mộ. Nay xin tham khảo phỏng theo, cứ hằng năm đến lễ Trừ tịch yết điện Kính Thiên và các lễ kính cáo ngày thường thì dùng sa đoạn Bắc, màu thiên thanh (màu huyền), thêu kiểu Long vân đại hội. Lễ sinh nhật các tiên vương ở Thái Miếu thì dùng sa đoạn Bắc, màu nguyên thanh (màu xanh đen), thêu kim tuyến; lễ kỵ nhật dùng sa đoạn Bắc, màu thiên thanh, thêu kim tuyến; chỉ có lễ kỵ nhật của Hy tổ (Trịnh Cương) dùng vải Thanh Cát màu quỳ, lễ sinh nhật tiên thánh vương Nghị tổ (Trịnh Doanh) thì dùng vải Thanh Cát màu vi minh (hơi sáng), còn lễ kỵ nhật vẫn dùng vải thâm để hợp sự nghi.”⁽¹⁾



1. Long bào của vua Lê Dụ Tông (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: Trịnh Bách); 2. Tạng bào thời Thanh (Chức Tử Trân Phẩm); 3. Măng bào của Tần Lương Ngọc (1574-1648) (Bảo tàng Trùng Khánh); 4. Măng bào cuối thời Minh (Bảo tàng Tơ lụa Hàng Châu).

1. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chí chế. Nguyên văn: 奉按周禮，祀昊天服袞冕。漢唐宋明清有事郊廟並用袞冕，惟忌辰在禮，是日變服以申孝慕。茲奉參酌，做遞年除夕御謁敬天殿及常時敬告禮用北紗緞，天青色，摹手龍雲大會。奉太廟列先王生辰禮用北紗緞，元青色，金線。忌辰禮用北紗緞，天青色即玄色，金線。惟奉僖祖忌辰禮用青吉布葵色，奉先聖王毅祖生辰禮用青吉布稍明色。忌禮仍用緇布以合事宜。 Nhà Thanh phớt bỏ Cống Miện, đình thần tấu lời này đã làm.



Tranh chân dung tướng Phạm Tu, Đình Ngoại xã Thanh Liệt, Hà Nội và tượng vua Lê Thần Tông chùa Mật Sơn, Thanh Hóa. Ảnh: TQĐ).

lễ đăng cơ, tiến tôn, ban chiếu sắc v.v. đều đội mũ Xung Thiên kết hợp với áo bào. Lễ phục của chúa Trịnh nhìn chung tương tự vua Lê, chỉ lấy phục sắc màu tía để phân biệt với vua. Ngoài ra, riêng trang phục tế Giao, trước khi tới nhà Đại Thờ thay Hoàng bào, vua Lê mặc áo mũ màu huyền trên dọc đường đi từ cửa Đại Hưng ra. Màu huyền chính là màu áo tế trời, tương tự màu áo Cống theo quy chế cổ.

Những tấm Hoàng bào của vua Lê Dụ Tông (1679-1731) được khai quật vào năm 1958 là những hiện vật hy hữu, đem lại cái nhìn chân thực về diện mạo trang phục của vua Lê, chúa Trịnh thời kỳ này.

Qua so sánh đối chiếu một số hiện vật, có

thể nhận thấy kiểu cách trang trí rồng mây, sóng nước trên tấm Long bào của vua Lê Dụ Tông hết sức gần gũi với những tấm Long bào, Măng bào của Trung Quốc có niên đại cuối Minh đầu Thanh. Điều này thực ra không khó lý giải, bởi lễ triều Lê Trung Hưng tương đương với thời Minh mạt Thanh sơ. Cuộc thay triều đổi đại giữa nhà Minh và nhà Thanh diễn ra năm 1644, trong khi năm 1718, tham tụng Nguyễn Công Hãng đi sứ Trung Quốc, “phỏng tìm điển hiến cũ của nhà Minh, về nước đặt định ra phẩm phục.”⁽¹⁾ Còn bào phục của chúa Trịnh, sớm nhất là năm 1777 mới chuẩn theo tấu nghị của đình thần sử dụng loại áo thêu kiểu Long vân đại hội tương tự như áo bào của vua Lê. Chúng ta biết được điều này qua lời khải bẩm của đình thần với



An Nam quốc vương chí Tị thử sơn trang in trong *Thập toàn phụ tảo đồ sách*, vẽ cảnh vua Thanh ban áo mũ cho vua Lê Chiêu Thống cùng một số cận thần. Vua Lê Chiêu Thống trong tranh đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào.

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 康熙二十一年，阮相公沆北使訪求故明典憲，回國典定章服。 *Vũ trung tùy bút* chép là năm Khang Hy thứ 21 tức 1682 lúc này ông Nguyễn Công Hãng mới 2 tuổi, chúng tôi dựa theo *Cương mục* (Q.35) đổi thành năm Khang Hy thứ 57 tức năm 1718.

2. Tế phục

a. Mũ Bình Đỉnh 平頂帽



Mũ Tứ Phương Bình Đỉnh, mũ Đỉnh Tự, mũ tế Bình Đỉnh lục lăng theo mô tả của Phạm Đình Hổ. (Phục dựng).

Phan Huy Chú cho biết: “Hoàng thượng [...] vào ngày giỗ ở Thái Miếu đội mũ Bình Đỉnh, mặc áo Thanh Cát... Chúa thượng khi yết kiến ở lầu Kính Thiên và lễ sinh nhật ở Thái Miếu thì đội mũ Bình Đỉnh, mặc áo Thanh Cát màu hỏa minh, ngày giỗ ở Thái Miếu thì mặc áo Thanh Cát màu quý; ngày giỗ các vị đời gần thì dùng mũ Bình Đỉnh, áo vải thâm.”⁽¹⁾ Như vậy vào thời Lê Trung Hưng, mũ Bình Đỉnh được quy định là loại mũ sử dụng trong các dịp tế giỗ tiên đế, tiên vương của vua Lê, chúa Trịnh, có tính chất tương tự mũ Thông Thiên của vua Trần và mũ Xuân Thu của vua Nguyễn.

Khảo về quy chế mũ Bình Đỉnh, Phạm Đình Hổ cho biết: “Đinh Tiên Hoàng chế ra mũ Tứ Phương Bình Đỉnh, quy chế của mũ ấy vuông mà đỉnh mũ phẳng [...] đời sau đổi thành kiểu lục lăng, hạ phần trên xuống, làm bằng the quét sơn, ấy là mũ tế, gọi là mũ Bình Đỉnh; lại biến dáng vuông thành dáng tròn, bề dáng thẳng thành dáng cong, làm mũ thông dụng khi chầu hầu, gọi là mũ Đỉnh Tự.”⁽²⁾ Chúng tôi không tán đồng quan điểm của Phạm Đình Hổ khi ông cho rằng loại mũ Thường phục Đỉnh Tự của bá quan thời Trần, mũ Tế phục Bình Đỉnh của vua Lê chúa Trịnh đều có nguồn gốc từ mũ Tứ Phương Bình Đỉnh của quân đội triều Đinh. Tuy nhiên cách lý giải của ông giúp người đời sau dễ hình dung về kiểu dáng của các loại mũ này, theo đó, mũ Bình Đỉnh áp dụng

1. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chí chế. Nguyên văn: 皇上[...]太廟忌時御平頂帽、青吉衣[...]王上[...]謁敬天樓與太廟生辰，用平頂帽、青吉衣火明色；太廟忌辰，用青吉衣葵色；近位忌辰，用平頂帽、縹布衣

2. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 丁先皇始製四方平定巾，其制方而平定頂，以皮為之，蓋軍裝也。後世變為六稜而殺其上，製用紗漆，是為祭服，曰平頂帽；又頑方為圓、折直為曲，為朝侍通用之冠，曰丁字帽

làm Tế phục của vua chúa triều Lê Trung Hưng là loại mũ làm bằng the quét sơn, thân mũ và đỉnh mũ hình lục lăng, dáng mũ không quá cao. Phạm Đình Hổ cũng ghi nhận thêm rằng, “những năm Chính Hòa, Bảo Thái (1680-1705; 1720-1729), Tế tướng Nguyễn Công Hãng tiếp tục khu biệt các hạng mũ, mũ Bình Đỉnh từ hàng vương công xuống tới lại sĩ, lấy chiều cao của mũ để phân thứ bậc, mũ của vua chúa dùng kim tuyến phân biệt.”⁽¹⁾ Với dữ liệu khan hiếm, chúng ta không biết mũ Bình Đỉnh có được đính các trang sức vàng bạc hay không, chỉ biết riêng mũ Bình Đỉnh của vua chúa được phân biệt với mũ Bình Đỉnh của vương công, lại sĩ bởi các sợi kim tuyến. Ngoài ra, trong bộ Tế phục này, mũ Bình Đỉnh được kết hợp với áo Thanh Cát, loại áo kiểu tràng vạt.

b. Áo Thanh Cát 青吉衣

Theo ghi nhận của Phan Huy Chú, vào các ngày tế giỗ tiên đế, tiên vương, vua Lê chúa Trịnh đều đội mũ Bình Đỉnh. Chúa Trịnh mặc áo Thanh Cát với hai màu cơ bản là màu hỏa minh và màu quý, có khi mặc phối với áo vải thâm tùy theo tính chất của buổi lễ. Vua Lê vào ngày giỗ tại Thái Miếu cũng mặc áo Thanh Cát.

Khái niệm Thanh Cát trong *Loại chí*, *Cương mục*, *Lê triều hội điển*, *Lê triều chiếu lệnh thiện chính*, *Vũ trung tùy bút*, *Tang thương ngẫu lục* được chép là 青吉; trong *Nhật dụng thường đàm* được chép là 青葛. Riêng *Nhật dụng thường đàm*, mục “Cát bố” (vải cát) được viết theo cả hai cách 葛布 và 吉布. Chúng tôi cho rằng chữ “cát” 吉 chép trong *Loại chí*, *Cương mục* v.v. là chữ giả tá, viết thay cho chữ “cát” 葛 là tên một loại vải. Vào thời Lê Trung Hưng, Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú đều ghi nhận: “Tục nước Nam dùng vải nhuộm chàm, sau đó lại nhuộm nâu, cho thêm ít keo, lấy chày đập rồi phơi khô, gọi là áo Thanh Cát. Bất cứ quan dân, sang hèn đều mặc, riêng dùng dài



Dọi xe chỉ gồm. Văn hóa Đồng Đậu (năm 3500-3000 tr.CN). (Bảo tàng Hà Nội). GS.TS Hán Văn Khâm cho biết: “Dọi xe chỉ tìm thấy khá phổ biến trong văn hóa Phùng Nguyên (năm 2000-1500 tr.CN) [...] Như vậy nghề dệt vải đã phổ biến trong văn hóa Phùng Nguyên. Cư dân văn hóa này ít nhất cũng có hai loại vải mặc, đó là vải vỏ cây và vải dệt từ sợi” (Văn hóa Phùng Nguyên).

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 正和保泰間阮相公沆再加區別，平頂帽自公相下至吏士，各以制之高低為等級。而御服則以金線別之



Tấm long bào thứ ba của vua Lê Dụ Tông có kiểu giao lĩnh là loại áo vua mặc vào ngày thường.

kém hơn, người thấp kém dùng màu quỳ, tục gọi là áo màu sừng. Nếu gặp quốc tang thì vương công khanh sĩ đều mặc màu quỳ. Bây giờ không cứ người sang người hèn đều mặc màu quỳ cả, còn màu hỏa minh và màu vi minh thì cho là quê kệch, không dùng nữa.”⁽²⁾ Có điều dường như chính Phạm Đình Hổ cũng mâu thuẫn với cách hiểu của mình, bởi trong *Nhật dụng thường đàm*, ông giải thích Thanh Cát là áo đen⁽³⁾.

Thứ nhất, phải khẳng định rằng, vải cát đã được người Việt chế tạo và sử dụng từ rất sớm. Ngay từ thời Đông Hán (25-220), sách *Dị vật chí* của Dương Phu đã cho biết: “*Cây chuối, lá to như chiếu, thân như khoai, đem đun lên thì như tơ, có thể xe sợi dệt vải, phụ nữ dệt thành loại vải hy (vải mịn, sợi nhỏ), khích (vải thô, sợi to), nay là vải cát của Giao Chỉ.*”⁽⁴⁾ Sách *Nam Việt Chí* của Thẩm Hoài Viễn (~285) cho biết: “*Vải chuối có ba loại là vải chuối, vải trúc và vải cát, tuy thô mịn khác nhau, nhưng đều cùng một nguồn mà tên gọi khác biệt.*”⁽⁵⁾ Vào thế kỷ XV, *An Nam chí nguyên* cũng cho biết: “*Hai thứ gai và tơ chuối, có thể chấp lại làm vải, mịn như lụa nồn, rất hợp mặc vào mùa hè.*”⁽⁶⁾ Thứ hai, trong tiếng Hán cổ, chữ “thanh”

1. (Việt) *Vân Đài loại ngữ* - Q.5 - *Phẩm vật*. Tr.21. Nguyên văn: 南國俗以布染藍靛，次染禹，餘糧加膠少許，杵搗曬乾，謂之青吉衣。有火明色、微明色、葵色三次。無問官民貴賤皆通服，惟以長短為別。(Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 舊俗用布染藍靛，次染禹，餘糧少加膠，杵搗曬乾，謂之青吉衣
2. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Y phục. Nguyên văn: 舊例青吉衣以火明為上，微明次之，賤者用葵色 名襖味角交 又次之。倘遇國恤則王公卿士皆服葵色。近來不拘貴賤皆以葵色為尚，而火明、微明委為樸魯而不用矣
3. (Việt) *Nhật dụng thường đàm*. Tr.63.
4. (Trung) *Dị vật chí*. Dẫn theo *Tề dân yếu thuật trực tự sách dẫn*. Tr.179. Nguyên văn: 芭蕉，葉如大筵席。其莖如芋，取漚而煮之則如絲，可紡績，女工以為縹綌，則今交趾葛也
5. (Trung) *Nam Việt chí*. Nguyên văn: 蕉布之品有三，有蕉布，有竹子布，又有葛焉。雖精粗之殊，皆同出而異名
6. (Trung) *An Nam chí nguyên* - Q.2 - Thổ sản. Nguyên văn: 麻蕉二物則可緝而為布細如羅紬，尤宜暑服



Chân dung chúa Trịnh Giang, Trịnh Sâm và Trịnh Bồng (Gia phả họ Trịnh).

ngoài nghĩa màu xanh còn có nghĩa màu đen⁽¹⁾. Tại phần *Tang biện* trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ ghi: “*Áo Thanh Cát, hơi giảm sắc hỏa minh, gọi là màu sừng, cũng tức là màu quỳ, nhưng hơi khác một chút.*”⁽²⁾ Như vậy, với tư liệu hiện có, chúng tôi cho rằng Thanh Cát vốn là một loại vải cát, sau khi trải qua các công đoạn nhuộm màu, gia keo, đập nện, phơi khô thì có màu xanh đen. Ngoài ra, loại vải này còn được nhuộm thành các màu hỏa minh, vi minh và màu quỳ. Trong đó, màu quỳ còn được gọi là màu sừng, màu hỏa minh và màu vi minh cũng tương tự màu sừng, song màu sắc sáng hơn. Phan Huy Chú chỉ cho biết màu áo tế của chúa Trịnh, không cho biết màu áo của vua Lê. Dựa vào tính chất tế lễ, có thể đoán rằng, áo tế của vua Lê phải là loại áo sẫm màu, gần với màu xanh đen, tương tự như bộ Huyền bào ông sử dụng khi tế Giao. Riêng kiểu áo Thanh Cát, chúng tôi cho rằng loại áo này có kiểu giao lĩnh, bởi như Lê Quý Đôn cho biết, đây là loại áo quan lại và dân thường thời Lê đều mặc, đồng thời còn nói: “*Lễ phục dùng áo trực lĩnh (là tên gọi khác của áo giao lĩnh) ống tay dài, hoặc may bằng vải Thanh Cát, hoặc vải thâm, hoặc vải trắng tùy nghi.*”⁽³⁾

3. Thường phục

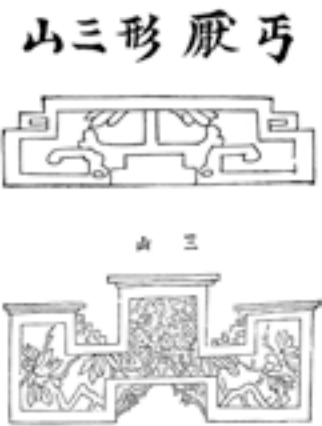
Phan Huy Chú cho biết: “*Từ thời Trung Hưng về sau, hoàng thượng [...] Thường phục đội mũ Tam Sơn, mặc áo có các màu xanh, màu huyền [...] Chúa thượng [...] thị chính, triều hội, tiếp kiến quần thần đều đội mũ Tam Sơn, áo màu tía.*”⁽⁴⁾

1. *Cổ đại Hán ngữ từ điển*. Tr.1251. Các từ *thanh ti*, *tơ xanh*, *tóc xanh*, thực chất chỉ mái tóc đen; *thanh lại*, *thanh nhân* với nghĩa mắt xanh, thực chất là mắt đen; *thanh sam*, *thanh y* là áo xanh, trên thực tế là áo màu đen v.v. Vào thời Lý, Nguyễn Công Bình từng ca ngợi vua Lý Nhân Tông “Mâu trướng nhi thanh bạch phân minh” (mặt trong mà “xanh” trắng rõ ràng), từ ‘thanh bạch’ (xanh - trắng) ở đây phải được hiểu là ‘đen trắng’.
2. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền hạ - Tang biện. Nguyên văn: 惟服青吉衣，略減火明色，稱為角色，蓋即葵色之制而稍異之也
3. (Việt) *Phủ biên tạp lục* - Phong tục. Nguyên văn: 礼服用直領長袖衣，或青吉布，或縹布，或白布隨宜
4. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chi chế. Nguyên văn: 中興以後，皇上[...]常朝服三山帽，青玄各色服[...]王上[...]視政、朝會、燕見，並用三山帽、紫色服



Mũ ba bậc thể hiện trên tượng chùa Hòe Nhai, Hà Nội; Lễ quan của Nhật Bản: “Lớp mũ nền giống như chiếc bánh mì hình ngọn núi, gắn vào lớp mũ ngoài hình tròn, gọi là mũ Tam Sơn, được làm bằng the quét sơn đen.”(Wikipedia); Mũ Tam Sơn của thái giám nhà Minh (Tam tài đồ hội).

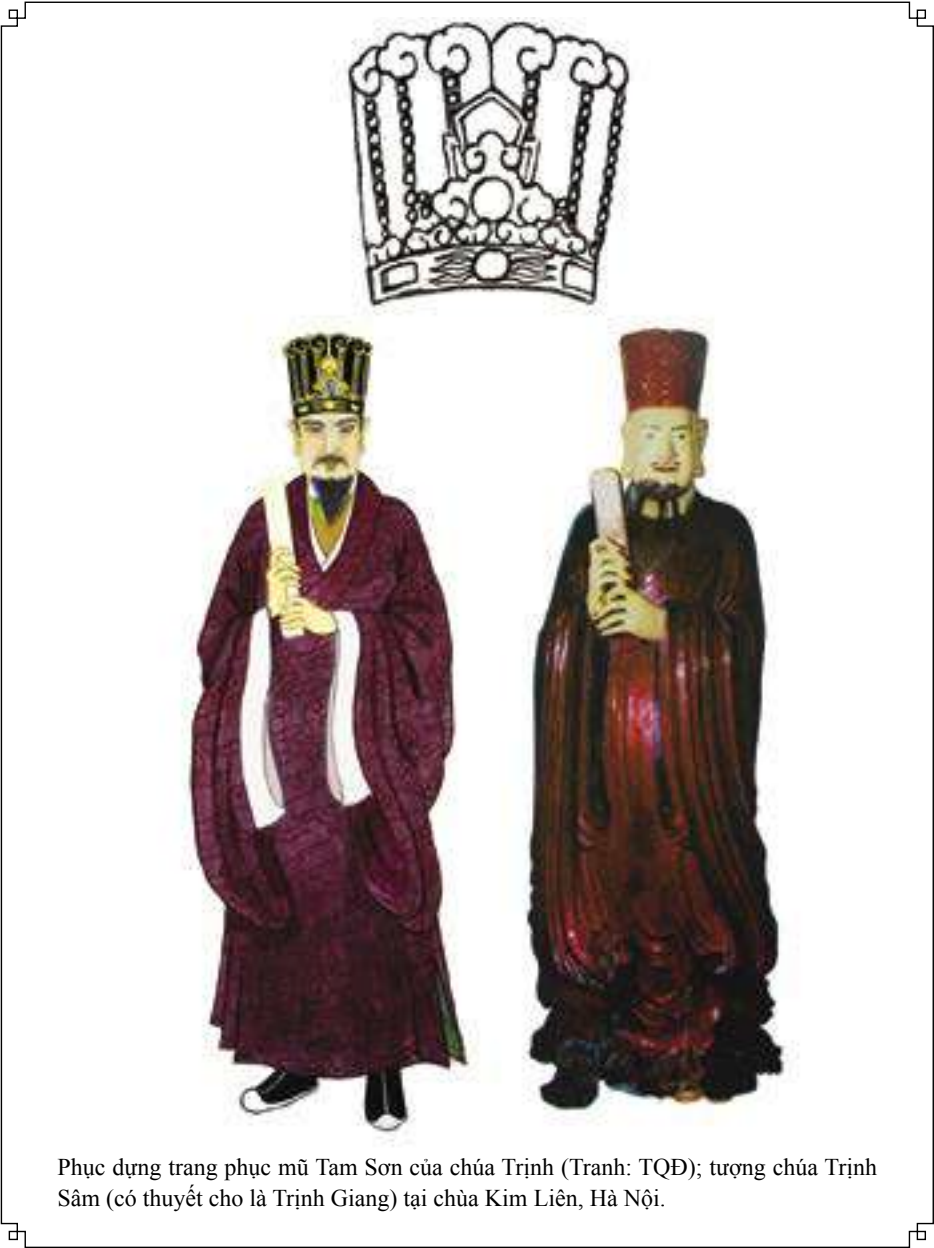
Như chúng tôi đã đề cập, một số loại mũ có tên hình tượng như Phong Cân (mũ gió), Lương Cân (mũ mát), Tam Sơn Mạo (mũ ba ngọn núi) v.v. xuất hiện trong khối các nước sử dụng chữ Hán, tuy có tên gọi tương đồng, song kiểu dáng hoàn toàn khác biệt. Xét riêng trường hợp mũ Tam Sơn, hiển nhiên, mũ Tam Sơn của vua Lê chúa Trịnh không thể là mũ Tam Sơn của thái giám nhà Minh và càng không thể là mũ Tam Sơn của các quan Nhật Bản thời Nara (710-794). TS. Đoàn Thị Tình, tác giả cuốn *Trang phục Thăng Long Hà Nội* cho rằng loại mũ có hình dạng ba bậc thang thể hiện trên pho tượng tương truyền là tượng vua Lê Hy Tông thờ tại chùa Hòe Nhai (Hà Nội) là mũ Tam Sơn. Song theo quan điểm của chúng tôi, một khi mũ được định danh là Tam Sơn, kiểu dáng mũ hoặc một bộ phận kết cấu của mũ phải có hình dạng ba ngọn núi như chữ Sơn山, tương tự các dạng mũ cùng tên của Nhật Bản và Trung Quốc. Trong khi đó Lê Quý Đôn ghi nhận người ở xã Quảng Xuyên, Trà Vinh giỏi làm mũ mã vĩ, có thể dùng các trang sức, hoa văn rồng phượng, vạn thọ, tam sơn, bát bảo làm Đạo cân, chúng tỏ đương thời khái niệm Tam Sơn còn chỉ một loại trang sức trên mũ⁽¹⁾. Qua một số hình vẽ



Cái yếm hình tam sơn; Tam sơn (Kỹ thuật của Người An Nam).

1. (Việt) *Phủ biên tạp lục* - Vật sản phong tục. Nguyên văn: 香茶廣川社人善織馬尾帽，能作龍鳳之彩、萬壽、三山、八寶諸花樣製為道巾

trong *Kỹ thuật của người An Nam*, chúng ta có thể kiểm chứng được hình dạng Tam Sơn theo quan niệm của người xưa.



Phục dựng trang phục mũ Tam Sơn của chúa Trịnh (Tranh: TQĐ); tượng chúa Trịnh Sâm (có thuyết cho là Trịnh Giang) tại chùa Kim Liên, Hà Nội.

Khảo sát một số pho tượng vua Lê, chúa Trịnh có niên đại thế kỷ XVII, XVIII, chúng tôi nhận thấy pho tượng chúa Trịnh tại chùa Kim Liên (Hà Nội) đội một loại mũ có những múi hình mây uốn cong ở chóp mũ, ngọc châu đính dọc các viên lương, tương tự quy chế mũ Quyển Vân Thông Thiên của hoàng đế triều Trần và loại mũ thể hiện trên các pho

tượng vua Mạc, đặc biệt phải kể đến trang sức hình Tam sơn đính ở giữa trán mũ. Chúng tôi cho rằng loại mũ này mới là mũ Tam Sơn.



Lãnh chúa Hội An (chỉ chúa Nguyễn Phúc Nguyên) và triều thần trong *Chu án thuyền hội quyền* do người Nhật Bản vẽ năm 1609.

Ngoài ra theo ghi nhận của Phan Huy Chú, vào các buổi Thường triều, vua Lê đội mũ Tam Sơn, mặc áo màu xanh hoặc màu huyền, chúa Trịnh cũng đội mũ Tam Sơn, song chỉ mặc áo bào màu tía. Đối với kiểu dáng áo bào Thường phục của vua Lê chúa Trịnh, Phan Huy Chú không miêu tả cụ thể, song dựa vào pho tượng chúa Trịnh thờ tại chùa Kim Liên, chúng tôi ngờ rằng những loại áo này đều có kiểu dáng giao lĩnh. Riêng pho tượng Quốc công Trịnh Tùng thờ tại chùa Diên Khánh lại mặc áo bào đính Bồ tử Kỳ lân, đội mũ Phốc Đầu có hai cánh chuồn hơi choãi lên phía trên (dạng mũ này dễ gây lầm tưởng là mũ Xung Thiên, song thực chất vẫn là mũ Phốc Đầu). Xét theo phẩm trật, chúa Trịnh thuộc hàng vương, Bồ tử dành cho tước Vương theo quy chế của nhà Lê là Bồ tử Kỳ lân. Theo chúng tôi, có thể vào thời kỳ đầu triều Lê Trung Hưng, chúa Trịnh mặc Bồ phục, về sau, khi nghi lễ dành cho chúa ngày càng có xu hướng ngang hàng với vua Lê, chúa Trịnh cũng dần thay đổi trang phục. Trường hợp đình thần xin chúa Trịnh đổi Bào phục thành dạng áo bào thêu Long vân đại hội vào năm 1777 là một ví dụ điển hình. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần thận trọng với hình thức trang phục mũ Xung Thiên, Bồ phục thể hiện trên các pho tượng thượng đẳng thần, bởi đó là mô típ tạc tượng thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn, như Lê Quý Đôn đã ghi nhận trong *Kiến văn tiểu lục*: Bồ tử, trung đẳng thần dùng hình Kỳ lân, thượng đẳng thần dùng hình Long mã.

4. Tiện phục

Những khi không phải thiết triều, khác với vua Lý chỉ búi tóc cài trâm vàng, vua Trần đội mũ Đường Cân hoặc dùng lụa trắng bọc tóc,

vua Lê, chúa Trịnh thường đội một loại mũ thân tròn, đỉnh phẳng, trán mũ sức trang sức bằng vàng. Theo mô tả của Phạm Đình Hổ, loại mũ này “dạng tròn, đỉnh phẳng, dẹt bằng lông đuôi ngựa, lại nạm vàng sức lên trán mũ để phân biệt đẳng cấp, là loại mũ vua Lê, chúa Trịnh đội những khi nhàn hạ, hoàng tử và vương tử thường đội khi vào hầu thị sự.”⁽¹⁾

Về áo mặc, kết hợp một số pho tượng thời Lê Trung Hưng với các hình vẽ trong *Chu án thuyền hội quyền*, có thể thấy vào ngày thường, thậm chí vào những buổi thiết Thường triều, lối trang phục áo cổ tròn mặc lót trong, áo giao lĩnh mặc khoác ngoài khá thịnh hành. Đây cũng là hai dạng trang phục phổ biến vào thời Lê.

QUY ĐỊNH VỀ TRANG PHỤC CỦA VUA LÊ CHÚA TRỊNH (theo *Loại chí*)

	Vua Lê		Chúa Trịnh	
	Mũ	Áo	Mũ	Áo
Lễ tế Giao, tiến tôn, ban chiếu	Xung Thiên	Hoàng bào, đai ngọc (tế Giao: Huyền bào)	Xung Thiên	Tử bào, đai ngọc
Ngày kỵ ở Thái Miếu	Bình Đỉnh	Thanh Cát	Bình Đỉnh	Thanh Cát màu quỳ
Ngày giỗ các vị tiên vương đời gần			Bình Đỉnh	Áo vải thâm
Ngày sinh nhật ở Thái Miếu và ngày yết hầu Kính Thiên			Bình Đỉnh	Thanh Cát màu hỏa minh
Thường triều phục (Thị chính, triều hội, gặp bề tôi những khi nhàn hạ)	Tam Sơn	Thanh bào (bào xanh), Huyền bào (bào đen)	Tam Sơn	Tử bào

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyển thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 圓體平頂織用馬尾者為上，鎖金飾額微示等差。皇上燕閒及皇子王子常侍視事戴之。 Phạm Đình Hổ quy loại mũ “viên thể, bình đỉnh” (thân tròn, đỉnh phẳng) vào một trong ba kiểu mũ Đinh Tự, cách phân chia như vậy không hợp lý.

QUY CHẾ PHẨM PHỤC CỦA BÁ QUAN
TỪ THỜI LÊ SƠ ĐẾN THỜI LÊ TRUNG HUNG

Triều phục (Lê sơ): Lương quan chu phục		Triều phục (Trung Hưng): Phốc Đầu, Bồ phục, đai
Công phục (Lê sơ): Phốc Đầu, Bào phục, đai	Triều phục (Hiến Tông): Phốc Đầu, Bồ phục, đai	Thường phục, Thị phục (Trung Hưng): Ô Sa, Thanh Cát, thao
Thường phục (Lê sơ): Ô Sa, Bồ phục, đai	Thường phục (Hiến Tông): Ô Sa, Bồ phục, đai	Thị phục 2 (Trung Hưng): Lương Cân, Ô Sa, Yến Vĩ



Quan văn đội mũ Bình Định, quan võ đội mũ Đinh Tỵ (Đa La) trong tranh thờ vua Lý Nam Đế (niên đại thế kỷ XVIII). Trang phục bá quan thể hiện trong tranh trên thực tế là Thị phục của bá quan triều Lê Trung Hưng.

trắng, về hàng văn dùng mũ Phốc Đầu, áo dùng màu lục; từ lục phẩm trở xuống về hàng võ dùng nón sơn son, về hàng văn dùng mũ Phốc Đầu, áo

Quy chế trang phục của bá quan triều Lê Trung Hưng có ba đợt sửa đổi lần lượt diễn ra vào các năm 1661, 1721 và 1725. Năm 1661, trên cơ sở quy chế năm 1500 thời Lê sơ, triều Lê Trung Hưng đặt định lại quy chế Triều phục, Thường phục, đồng thời định rõ quy chế Thị phục dành khi vào hầu tại phủ chúa. Năm 1721, tham tụng Nguyễn Công Hãng dựa vào điển chương cũ của nhà Minh định lại quy chế áo mũ, nội dung chủ yếu của đợt sửa đổi này là nhằm vào trang phục châu chúa - Thị phục. Năm 1725, quy chế Triều phục của bá quan được đổi lại, cơ bản quay về quy chế cũ định ra từ năm 1500 thời Lê sơ.

Quy định phẩm phục của bá quan nhà Lê Trung Hưng vào năm 1661 được *Cương mục* cho biết: “Đầu niên hiệu Cảnh Thống (năm 1500), định Triều phục: các tước công trong hoàng thân và các quan từ tam phẩm trở lên, mũ dùng mũ Phốc Đầu, áo dùng màu tía; tứ, ngũ phẩm về hàng võ dùng nón sơn

dùng màu xanh. Từ hồi Trung Hưng trở về sau, Trịnh Tùng chuyên giữ chính quyền, văn võ trăm quan vào hầu phủ chúa đều dùng mũ Lương Sa và áo thâm, còn mũ áo từng cấp bậc chưa có quy chế nhất định. Đến nay định rõ: mũ áo của hoàng thân, vương tử, văn võ bá quan dùng khi vào châu vua và khi vào hầu phủ chúa (chúng tôi gọi là Thị phục), dùng mũ Ô Sa, áo Thanh Cát. Thường phục và hành nghi đều có cấp bậc khác nhau.”⁽¹⁾ Vào thời Lê sơ, trang phục của bá quan được phân làm ba loại: Triều phục Lương quan, Thường phục Ô Sa với Bồ phục và Công phục Phốc Đầu với áo bào trơn. Đến thời vua Hiến Tông, mũ Phốc Đầu được kết hợp với Bồ phục, song song với việc hợp nhất quy chế Công phục và Triều phục. Từ thời Lê Trung Hưng tính tới trước thời điểm năm 1721, trang phục của bá quan được phân làm hai loại: Triều phục Phốc Đầu với Bồ phục, Thường phục và Thị phục Ô Sa với áo Thanh Cát.



The Bova or King of Tonqueen when he gives audience. (S. Baron, 1683) Buổi thiết triều của vua Lê Hy Tông (Dẫn theo *Tư liệu các Công ty Đông Ấn, Hà Lan và Anh về Kẻ Chợ - Đàng Ngoài TK17*). Các quan đều đi chân đất. Theo cha Marini, vào thời Lê Trung Hưng, tất cả các quan, kể cả hoàng tử, hễ vào cung châu vua đều phải đi chân đất, nếu đi giày dép sẽ bị coi là có tội, chỉ có vua đi hài.

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 景統初定朝服[……]中興以後，鄭松專政，文武百官侍王府均用涼紗巾、深黑衣，其等級未有定制。至是申定：入朝皇親、王子、文武百官冠服及侍王府皇親、王子、文武百官，用烏紗帽、青吉衣，以至常服行儀各有等差

1. Triều phục

Qua bức vẽ vua Lê thiết triều năm 1683, có thể thấy vua Lê mặc Triều phục Xung Thiên - Hoàng bào, bá quan phần lớn mặc Triều phục Phốc Đầu - Bồ Phục, thị vệ cầm nghi trượng mặc mũ áo làm từ chất liệu Đa La. *Tang thương ngẫu lục* chép: “Áo mũ Đại triều: mũ Phốc Đầu, Bồ phục, màu đỏ là trên hết, thứ đến là màu xanh và màu huyền.”⁽¹⁾ Triều phục của triều đình Lê Trung Hưng kế thừa chế độ Triều phục đặt định từ thời vua Lê Hiến Tông, tuy nhiên trong suốt thời Trung Hưng, chế độ phẩm phục của bá quan vẫn có ba lần sửa đổi như đã nói. Xét riêng quy chế Triều phục, nội dung chính của ba cuộc thay đổi này chủ yếu nằm ở quy chế đai và Bồ tử.

SO SÁNH QUY CHẾ BỒ TỬ VÀ ĐAI
NĂM 1500, 1661 VÀ 1725
(theo *Cương mục*)

Phẩm cấp	Quan văn 1500		Quan văn 1661		Quan văn 1725	
	Bồ tử	Đai	Bồ tử	Đai	Bồ tử	Đai
Nhất phẩm	Tiên hạc	Đai sừng tê sức bạc	Tiên hạc	Đai sừng tê sức bạc	Tiên hạc	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ
Nhị phẩm	Tiên hạc	Đai sừng tê sức bạc	Tiên hạc	Đai sừng tê sức bạc	Tiên hạc	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ
Tam phẩm	Cầm kê	Đai đôi môi sức bạc bọc là đỏ	Cầm kê	Đai đôi môi	Cầm kê	Đai đôi môi sức bạc
Tứ phẩm	Khổng tước	Đai đôi môi sức thau bọc là đỏ	Khổng tước	Đai đôi môi	Khổng tước	Đai đôi môi sức thau bọc đoạn thâm
Ngũ phẩm	Vân nhạn	Đai đôi môi sức thau bọc là đỏ	Khổng tước	Đai đôi môi	Vân nhạn	Đai đôi môi sức thau bọc đoạn thâm

1. (Việt) *Tang thương ngẫu lục*. Tr.10-11. Nguyên văn: 大朝幘頭補服，紅為上，青玄次之

Lục phẩm	Bạch nhàn	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm	Vân nhạn	Đai kỳ lam hương	Bạch nhàn	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm
Thất phẩm	Bạch nhàn	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm	Bạch Hạc	Đai tốc hương	Bạch nhàn	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm
Bát phẩm, cửu phẩm	Bạch nhàn	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm	Tiêu Liêu	Đai sừng trâu sức đồng thau	Bạch nhàn	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm
Phẩm cấp	Quan võ 1500		Quan võ 1661		Quan võ 1725	
	Bồ tử	Đai	Bồ tử	Đai	Bồ tử	Đai
Nhất phẩm	Sư tử	Đai sừng tê sức bạc	Sư tử	Đai sừng tê sức bạc	Bạch trạch	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ
Nhị phẩm	Sư tử	Đai sừng tê sức bạc	-Sư tử -Tượng	-Đai đôi môi -Dây thao đơn	Bạch trạch	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ
Tam phẩm	Bạch trạch	Đai đôi môi sức bạc bọc là đỏ	Tượng	Dây thao đơn	Sư tử	Đai đôi môi sức bạc
Tứ phẩm	Hổ	Đai đôi môi sức thau bọc là đỏ	Tượng	Dây thao đơn	Hổ	Thắt dải đai màu tía
Ngũ phẩm	Báo	Đai đôi môi sức thau bọc là đỏ		Dây thao đơn	Báo	Thắt dải đai màu tía
Lục phẩm	Tượng	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm		Dây thao đơn	Tượng	Thắt dải đai màu xanh
Thất phẩm	Tượng	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm		Dây thao đơn	Tượng	Thắt dải đai màu xanh

1.1. Dương Đường 楊棠冠



Tượng Quận công Nguyễn Thế Mỹ thế kỷ XVII (BTMTVN) và tượng Trần Nguyên Đán thế kỷ XVII (Côn Sơn. *Từ điển Văn học*), xõa tóc, đội mũ Phốc Đầu có trang sức, có thể là trang sức Dương Đường, mặc Bồ phục.

Như chúng tôi đã đề cập, Dương Đường vốn là mũ Lễ phục của Tụng quan triều Trần. Vào thời Lê Trung Hưng, mũ Dương Đường được áp dụng làm mũ Triều phục của hoàng thái tử, vương thế tử, hoàng tử và vương tử được ban tước quốc công. Loại mũ này có hình dạng tương tự mũ Phốc Đầu, chỉ khác ở trang sức Dương Đường và phần hậu son nhô cao.

Xét riêng trang phục của hoàng thái tử và vương thái tử, *Loại chí* cho biết: “Hoàng thái tử mặc áo xanh, đội mũ Dương Đường, tức mũ Phốc Đầu, phía sau hơi cao, không tham dự ban châu. Vương thế tử đứng đầu ban châu, đội mũ Dương Đường, hai cánh phía sau dát vàng, Triều phục dùng màu tía, Bồ tử Kỳ lân dệt bằng kim tuyến, đai dùng đai kỳ thạch nhiều vàng.”⁽¹⁾ Triều phục của hoàng tử và vương tử được phong tước quốc công cũng là mũ Dương Đường kết hợp với Bồ phục Kỳ lân màu tía, đai kỳ thạch bọc vàng, mùa xuân hạ thì dùng the Bắc, mùa thu đông thì dùng đoạn Bắc⁽²⁾. Sự khác biệt về phẩm phục giữa các vị hoàng tử, vương tử nằm ở quy chế trang sức trên mũ Dương Đường và chất liệu Bồ tử.

1.2. Phốc Đầu 幞頭冠

Trước năm 1725, quy chế mũ Phốc Đầu của bá quan triều Lê Trung Hưng vẫn kế thừa quy chế năm 1500 thời vua Hiến Tông, tức hoàng thân và vương công đều được dùng trang sức mũ



Bồ tử Kỳ lân bằng kim tuyến và Bồ tử Kỳ lân thường thời Minh. (Khổng phù).

1. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chí chế. Nguyên văn: 皇太子服青衣，楊棠冠即幞頭冠，後頗高也不預朝班。王世子預班首冠用楊棠冠，後有兩翅鑲金，朝服用紫色，補子用麒麟織金，帶用奇石繞金 (*Lê triều hội điển* ký hiệu A.257 chép tương tự).

2. (Việt) *Lê triều thiện chính điển lệ*. Dẫn theo *Cương mục*. Nguyên văn: 皇子王子封國公：朝冠用楊棠、衣紫，春夏用北紗，秋冬用北緞，補子用麒麟，束帶用奇石包金 (*Lê triều hội điển* ký hiệu A.257 chép tương tự).

bằng vàng, bá quan văn võ nhất, nhị, tam phẩm sức bạc, quan văn tứ phẩm trở xuống dùng mũ Phốc Đầu không trang sức. Từ tháng 11 năm 1725, mũ Phốc Đầu dành cho quan văn tứ, ngũ phẩm được phép dùng trang sức bằng đồng thau, quan văn lục phẩm trở xuống dùng mũ Phốc Đầu trơn, không có trang sức⁽¹⁾.

Mũ Phốc Đầu thời Lê và thời Nguyễn, xét về kiểu dáng đều rất gần gũi với mũ Ô Sa, vậy nên *Hội điển triều Nguyễn* từng gọi mũ Phốc Đầu là mũ Ô Sa⁽²⁾. Trần tấu sứ nước Triều Tiên là Min Am năm 1691 mô tả trang phục quan nhà Lê: “*Họ đội mũ sa màu đen, dùng bạc trắng làm hốc cắm cánh chuồn, mặc áo gấm đỏ thêu hoa văn, cổ tròn.*”⁽³⁾ Năm 1713, gặp quan nhà Lê tại Bắc Kinh, sứ thần Triều Tiên Han Tae Dong mô tả: “*Mũ màu đen, áo cổ tròn, phẩm phục, đai thắt đai để như quy chế nước ta. Riêng việc xõa tóc ra sau rồi đội mũ là kỳ lạ mà thôi.*”⁽⁴⁾ Sứ thần Seo Ho Su cũng nói: “*Họ búi tóc (phần còn lại) buông xõa, đội mũ Ô Sa, vận áo bào đỏ ống tay rộng, sức vàng bọc mũ và đai, đi ủng da đen.*”⁽⁵⁾ Tương tự là mô tả của Hoàng Thanh chúc cống đồ: “*Quan văn nước An Nam đội mũ the, mặc Triều phục, thắt đai, buông dải thân, chân đi hia da. Quan võ nước An Nam đội mũ the đỉnh bằng, mặc Triều phục, thắt đai, hia làm bằng da đen, mũi hia nhọn khác với quan văn.*”⁽⁶⁾

Tuy nhiên, khác những quy định rạch ròi về trang sức mũ như bác son, khóa giản, ngạch tường, nhiều tuyến thời Nguyễn, sử liệu thời



Quan triều Lê Trung Hưng xõa tóc, đội mũ Phốc Đầu trơn (tức mũ Ô Sa). (Những khu truyền giáo dẫn theo *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*).

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 冠皇親王親金飾，一品至三品幞頭銀飾。四五品[……]文幞頭鍮飾，六品以下[……]文幞頭無飾

2. Xin xem phần khảo về mũ Giải Trãi ngay sau đây.

3. (Hàn) *Triều Tiên vương triều thực lục*. Mục ngày 5 tháng 12 năm Túc Tông thứ 17. Nguyên văn: 黠對：以頭着黑紗帽，而以白銀為插角穴，身服紅錦有紋團領

4. (Hàn) *Lưỡng thế Yên hành lục*. Tr.233. Dẫn theo Cát Triệu Quang. *Đại Minh y quan kim hà tại*, đăng trong *Sử học nguyệt san*. Kỳ 10. 2005. Nguyên văn: 皂帽團領品帶大蓋如制，而唯是披髮垂後加帽于上，為駭見耳

5. (Hàn) *Yên hành kỷ* - Q.2. Tr.459. Dẫn theo Cát Triệu Quang. *Đại Minh y quan kim hà tại*. Nguyên văn: 束髮垂後，戴烏紗帽，被潤袖紅袍，拖飾金襴帽帶，穿黑皮靴

6. (Trung) *Hoàng Thanh chúc cống đồ*. Nguyên văn: 文官冠紗帽，衣朝服，束帶，垂紳，足躡革鞵。武官冠平頂紗帽，朝服，束帶，皂革為鞵，又其尖以別文官

Lê hầu như không đề cập đến các trang sức trên mũ Phốc Đầu. Văn liệu duy nhất liên quan đến loại trang sức này là quy định áo mũ dành cho tiến sĩ chép ở *Lê triều hội điển*, trong đó đề cập đến một thứ trang sức là Tam sơn bồ đề diệp, chúng tôi hiểu là lá bồ đề sắp thành hình tam sơn. Loại trang sức này có lẽ được đính trên trán mũ giống như trang sức đính trên mũ tượng Tổng Thái giám Trịnh Đăng Đống (Hải Dương). *Lê triều hội điển* cho biết: “Hàng tam khô, hoàng giáp, mỗi viên một chiếc mũ Phốc Đầu có lưỡng nhĩ (tức hai diềm che tai⁽¹⁾ - TQĐ chú), lá bồ đề hình tam sơn bằng đồng thau [...] Đồng tiến sĩ cũng như vậy, (mũ) chỉ có lưỡng nhĩ.”⁽²⁾ Ngoài trang sức lá bồ đề Tam sơn, mũ Phốc Đầu của hàng tam khô, hoàng giáp và tiến sĩ thời Trung Hưng còn có hai diềm rủ che tai, tương tự mũ của tạo sĩ ở ban võ. Vậy nên *Từ điển Việt - Bồ - La* định nghĩa: “Mũ đầu cân



Triều phục mũ Phốc Đầu – Bồ phục. 1. Tượng chùa Đồng Neo (Hải Dương); 2. Tổng Thái giám Trịnh Đăng Đống (Lược sử Mỹ thuật Việt Nam); 3. Triều phục mũ Phốc Đầu – Bồ phục của quan Lục phẩm triều Nguyễn.

tặng ngự hoa đã xuất hiện vào thời Trần. Trần Nguyên Đán từng miêu tả những người đỗ tiến sĩ thời Trần “*Tuấn sĩ nga quan sấp ngự hoa*”⁽⁴⁾



1. Bồ Từ Bạch Nhân trên tượng chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang, thế kỷ XVIII; 2. Bồ Từ Sư Từ trên tượng chùa Bồ Đà, Bắc Giang, thế kỷ XVIII. (Ảnh: TQĐ).

(chỉ Phốc Đầu cân): mũ lông có tai, các tiến sĩ dùng.”⁽³⁾

Ngoài ra, các vị tam khô, hoàng giáp, tiến sĩ triều Lê Trung Hưng và triều Nguyễn sau khi đăng danh bảng vàng còn được cài một cành hoa bạc lên mũ Phốc Đầu. Quy chế ban

(*Trên mũ cao của người hiền sĩ tuần tú cài nhành hoa vua ban*). Vào thời Lê Trung Hưng, từng có việc “*Nguyễn Khản đỗ tiến sĩ, được ban yến ở Lễ bộ đường, quan Tư đồ Nguyễn Nghiễm đang làm Thị lang bộ Lễ, tạy tay gài bông hoa mũ cho con, đương thời thường truyền tụng.*”⁽¹⁾ Việc ban ngự hoa cài mũ cho các tiến sĩ cũng là quy chế chung của nhà Tống, Minh và Triều Tiên, tuy nhiên cung cách của mỗi nước là riêng biệt.



1. Ngự hoa trên mũ của Tiến sĩ Triều Tiên (*Trang phục của chúng ta*); 2. “Ông Thám hoa cầm cành hoa” (*Kỹ thuật của người An Nam*); 3. Tiến sĩ thời Nguyễn. (Ảnh Albert Kahn).

Quy chế Hoa bạc cài mũ:

Lê triều Hội điển (Ký hiệu A.52) cho biết cành hoa bạc cài mũ của triều Trung Hưng được quy định: **Trạng nguyên**: Hoa bạc 1 cành 9 nhánh nặng 9 tiền; **Bảng nhãn**: Hoa bạc 1 cành 8 nhánh nặng 8 tiền. **Thám hoa**: Hoa bạc 1 cành 7 nhánh nặng 7 tiền. **Hoàng giáp**: Hoa bạc 1 cành 6 nhánh nặng 6 tiền. **Đồng Tiến sĩ**: Hoa bạc 1 cành 5 nhánh nặng 5 tiền. Bìa Văn Miếu số 71 tạc năm 1748 cho biết, các tiến sĩ cập đệ được “ban áo bào màu lam, đai tóc hương, yến quỳnh, hoa bạc”. *Quốc sử di biên* cho biết: Ngày mồng 9, tháng 4, năm 1822 thời vua Minh Mệnh, những tiến sĩ thi Đình đối sách trúng thi được ban cho cài một đóa hoa quỳnh.

1.3. Các loại mũ khác

Ngoài mũ Phốc Đầu áp dụng phổ biến cho văn võ bá quan, trong quy chế Triều phục Lê Trung Hưng còn xuất hiện những loại mũ như *mũ Ô Sa*, *Lương Cân*, *Giải Trãi*, *Thanh Cát* và các loại nón như *nón sơn bạc chóp đỉnh hồng mao*, *nón sơn son chóp đỉnh hồng mao*. Mũ Thanh Cát và các loại nón sơn là trang phục của quan võ, chúng tôi sẽ trình bày tại

1. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.122.

2. (Việt) *Lê triều hội điển*. Nguyên văn: 每員幘头巾一頂，有兩耳，三山菩提葉用鍍

3. *Từ điển Việt - Bồ - La*. Tr. 53.

4. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 3. Tr.115. Nguyên văn: 俊士峨冠插禦花 (Bài thơ mang tên 奉廣聖製觀德殿賜

進士及第宴詩韻 *Phụng lệnh họa văn bài thơ "Ban yến cho những người đỗ tiến sĩ ở điện Quan Đức" của nhà vua.*

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyển hạ - Tiên Điền Nguyễn tộc. Nguyên văn: 長公名侃為風流進士。登第時，賜宴禮部堂，司徒公為禮侍，親為簪花，當時傳為盛事



Mũ Ô Sa có chi đen đột nổi ở chính giữa phần hậu sọc. (Chân dung Nhân Hôi. Văn Miếu Quốc Tử Giám Hà Nội; Chân dung quan Triều Tiên. Bảo tàng Quốc gia Seoul). (Ảnh: TQĐ).

quy chế Triều phục năm 1661 cho biết: “Hoàng tử, vương tử được phong tước quận công đội mũ Ô Sa có chi đen đột nổi, triều phục dùng màu đỏ, trực lĩnh, Bồ tử hình hổ báo, dây thao kép có ngọc, đeo kiếm. Các chức cai quản, cai đội có tước quận công đội mũ Ô Sa, triều phục dùng màu đỏ, trực lĩnh, Bồ tử hình voi, dây thao kép, đeo kiếm [...] Con cháu của quan văn được tập ấm, khi vào chầu nhận nhiệm vụ đội mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát có lót.”⁽¹⁾ Quy chế Triều phục năm 1721 về cơ bản tương tự như quy chế năm 1661, ngoài ra còn quy định, “các chức trưởng sử, bình sự, thông sự, chánh phó tư nghị, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri bạ, đô sự, tri sự, điển sự, chủ bạ, xā mục, ngục thừa và các hàng Tụng quan, tạp lưu đội mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát có lót [...] Các chức phụng ngự, giám bạ (trong ngạch Nội quan) đội mũ Ô Sa, áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu.”⁽²⁾ Như

phần khảo về trang phục quân đội. Mũ Ô Sa là loại mũ Thường phục và Thị phục của bá quan, chúng tôi sẽ trình bày quy chế cụ thể tại phần sau. Dưới đây là một số ghi chép liên quan tới các loại mũ Ô Sa, Giải Trãi, Lương Cân áp dụng làm Triều phục cho các quan.

- **Triều phục Ô Sa** 烏紗帽: Lê triều chiếu lệnh thiện chính chép



Quan văn võ An Nam. Hoàng Thanh chức công đồ (Yên hành lục). “Quan văn nước An Nam đội mũ sa, mặc Triều phục, thắt đai, buông dài thân, chân đi hia da. Quan võ nước An Nam đội mũ sa đính bằng, mặc Triều phục, thắt đai, hia làm bằng da đen, mũi hia nhọn khác với quan văn”.

1. (Việt) *Lê triều chiếu lệnh thiện chính*. (A.257) Nguyên văn: 皇子王子郡公爵奉侍立朝儀用烏紗帽有突縫黑線。朝服用紅色，直領，補子用虎豹，穿夾條有穿玉，帶劍。該官該隊郡公爵：奉侍立朝儀用烏紗帽。朝服用紅色，直領，補子用象彩，穿夾條帶劍；*Cương mục*. Nguyên văn: 皇子王子封郡公朝用烏紗帽，衣紅，補子用虎，夾條穿玉
2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chí chế. Nguyên văn: 長史、評事、通事、正副咨議、府校尉、侍讀、講論、衛尉、知簿、都事、知事、典事、主簿、社目、獄丞及從官雜流等職奉侍應務用烏紗單樣帽，青吉衣有結褶

vậy, mũ Ô Sa thời Lê Trung Hưng có ba loại: Ô Sa có chi đen đột nổi, Ô Sa thông thường và Ô Sa đơn dạng. Trong đó, mũ Ô Sa có chi đen đột nổi và mũ Ô Sa thông thường kết hợp với Bồ phục, riêng mũ Ô Sa đơn dạng kết hợp với áo Thanh Cát.

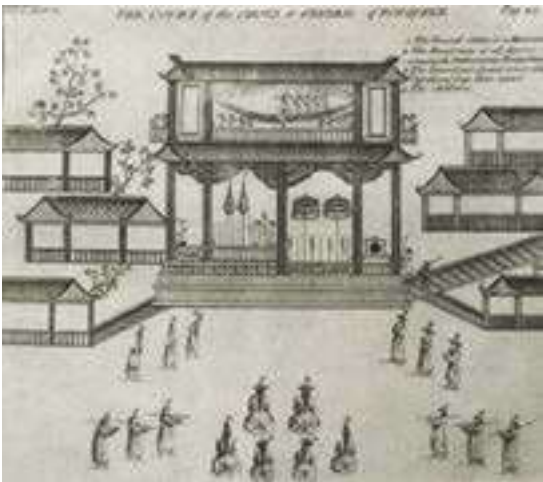
- **Triều phục, Thường phục Lương Cân đen** 黑涼巾: Theo quy chế năm 1661 và năm 1721, hoàng tử, vương tử chưa được phong tước khi vào chầu đều đội mũ Lương Cân đen, mặc áo the đen⁽¹⁾. Loại “mũ mát” này vào thời vua Lê Thánh Tông được ưa chuộng đến nỗi xảy ra tình trạng cắt trộm lông đuôi ngựa công để làm mũ, khiến năm 1467 triều đình phải hạ lệnh cấm dệt tạo mũ Lương Cân⁽²⁾. *Loại chí* còn cho biết một trong những quy định về chất liệu tạo mũ của hoàng thân, vương thân năm 1720 là “mũ mùa xuân - mùa hè dùng lông đuôi ngựa, mùa thu - mùa đông dùng đoạn màu huyền”⁽³⁾. Chính vì thường được sử dụng vào mùa nóng nên loại mũ này được định danh là Lương Cân, tức mũ mát.

- **Triều phục Giải Trãi** 獬豸冠: Theo quy chế năm 1721, thượng thư, ngự sử, phó đô ngự sử, đề hình, hiến sứ, giám sát ngự sử các đạo v.v. đều đội mũ Giải Trãi, mặc Bồ phục Giải Trãi. *Cương mục* cho biết: “*Pháp quan đều dùng Giải Trãi (chỉ mũ và Bồ tử)*.”⁽⁴⁾ Giải trãi tương truyền là linh thú một sừng, bản tính ngay thẳng⁽⁵⁾, thường được tạo hình tương tự kỳ lân. Ngay từ thời Hán, triều đình Trung Quốc đã mô phỏng sừng Giải



Mũ Giải Trãi của quan ngự sử triều Nguyễn (BAVH.1916). Hội điển viết: “Mũ thì dùng mũ Ô Sa, trên Bả sọc bằng bạc đính thêm hai chiếc sừng bằng bạc, gọi là mũ Trãi”; Bồ tử Giải trãi thời Minh. (Cẩm tú văn chương).

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 皇子王子未封入侍用黑涼巾，黑紗衣
2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 禁織造涼巾，以盜剪公私馬尾故也
3. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chí chế. Nguyên văn: 巾，春夏用馬尾，秋冬用玄緞
4. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 法官竝獬豸
5. (Trung) *Dị vật chí* chú thích: “Vùng hoang mạc Đông Bắc có loài thú, tên là Giải Trãi, một sừng, tính ngay thẳng, thấy người dẫu tụng thì nhắm vào kẻ không thẳng mà húc, nghe người tranh luận thì nhắm vào kẻ không ngay mà gào.” Nguyên văn: 東北荒中有獸，名獬豸，一角，性忠，見人鬪則觸不直者，聞人論則咋不正者。 *Hậu Hán Thư* cho biết: “Mũ Pháp quan [...] còn gọi là mũ Giải Trãi. Giải trãi là con dê thần, có thể phân biệt cong thẳng. Vua nước Sở bắt được, đem về làm mũ.”



The Court of the Chova or General of Tonqueen. (S. Baron, 1683) Phủ chúa Trịnh (Tư liệu các Công ty Đông Ấn, Hà Lan và Anh về Kê Chợ - Đàng Ngoài TK17). Những người trên đầu có đánh số 2 được chú thích: *Bá quan các phẩm tước tôn kính đối với ngài.* Có thể thấy ba loại mũ chính thể hiện trong tranh là mũ Ô Sa, mũ Bình Định và mũ Đinh Tự.

Điều Thiện, Giải Trãi. Trên thực tế, mũ Giải Trãi thời kỳ này cũng chính là mũ Tiến Hiên, trên mũ được đính thêm một chiếc sừng nên gọi Giải Trãi. Tại Trung Quốc, mũ Giải Trãi bị phế bỏ vào thời Minh, song tại Việt Nam, các triều đại Lê - Nguyễn vẫn sử dụng biểu tượng sừng giải trãi đính lên mũ phỏng theo quy chế cổ. Vào thời Nguyễn, mũ Giải Trãi là mũ Phốc Đầu đính thêm một cặp sừng bằng bạc. *Hội điển* triều Nguyễn cho biết: “*Minh Mạng năm thứ 18, xuống dụ: Khoa đạo là chức giữ hiến pháp trong triều đình, triều đình ưu đãi ngôn quan để tỏ rõ phong hóa hiến pháp [...] Mũ thì dùng mũ Ô Sa, trên bác sơn bằng bạc đính thêm hai chiếc sừng bằng bạc, gọi là mũ Giải Trãi [...] để hợp với ý nghĩa giải trãi húc tà.*”⁽²⁾ Dựa theo lời thơ của Nguyễn Trãi tặng vị Ngự sử họ Hoàng thời Lê sơ: “*Mũ Trãi cao cao mặt tựa sắt, chẳng riêng yêu mai còn yêu tuyết*”⁽³⁾, cùng lời kể của Phạm Đình Hổ, “*cha ta từng làm hiến sát Nam Định và tuần phủ Sơn Tây, trong tráp cất một chiếc mũ Phốc Đầu và*

1. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.49, 50.
2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Nguyên văn: 十八年諭: 科道係朝憲之司, 朝廷優待言官以昭風憲[...], 冠用烏紗帽再于銀博山上加銀角二, 名解豸冠[...], 以合解豸觸邪之意
3. (Việt) *Úc Trai di tập* - Q.1 - *Đề Hoàng ngự sử Mai Tuyết hiên*. Nguyên văn: 鷹冠峨峨面似鉄, 不獨愛梅兼愛雪

một chiếc mũ Giải Trãi, hồi nhỏ trong khi đùa nghịch, ta thường lấy ra đội, thích nhất là mũ Giải Trãi, có cấm cũng không được”⁽¹⁾, có thể thấy ngoài chiếc sừng mang tính chất biểu tượng, kiểu dáng của mũ Giải Trãi và mũ Phốc Đầu thời Lê chưa hẳn đã hoàn toàn tương tự như vào thời Nguyễn. Ngoài ra, khác với Triều phục Giải Trãi của triều Nguyễn (*mũ Giải Trãi kết hợp với Măng bào*), vào thời Lê Trung Hưng mũ Giải Trãi kết hợp với Bồ phục theo hình Giải trãi, tương tự quy chế của nhà Minh. Chính vua Lê Thánh Tông đã từng đề cập dạng Bồ tử này trong *Thập giới cô hồn quốc ngữ văn*: “*Có kẻ đội Điều Thiện nhãn mặt, có người vận Giải trãi ngang ngang*”. Cách nói “*vận Giải trãi ngang ngang*” tức là mặc bào phục với miếng Bồ Tử hình Giải trãi đính ngang trước ngực.

2. Thường phục - Thị phục

Đầu thời Trung Hưng, bá quan văn võ vào hầu phủ chúa đều dùng mũ Lương Sa, áo màu thâm đen, đẳng cấp chưa có quy chế nhất định. Đến tháng 6 năm 1661, triều đình nhà Lê định rõ, khi vào chầu vua và hầu chúa, hoàng thân, vương tử, bá quan văn võ đều dùng mũ Ô Sa, áo Thanh Cát. Năm 1720, triều đình nhắc lại quy định, “*phàm khi chấp sự, hành lễ và thị sự đều dùng áo Thanh Cát, mũ Ô Sa, khi chầu ở phủ chúa Trịnh cũng như vậy.*”⁽²⁾ Một bộ Thường phục kiêm Thị phục bao gồm “*mũ Ô Sa, áo Thanh Cát, dây thao xỏ ngọc, tùy theo phẩm trật cao thấp mà có sự phân biệt.*”⁽³⁾ Ngoài ra, đây cũng là bộ trang



Tể tướng Nguyễn Quán Nho (1638-1708) mặc Thường phục thờ tại nhà thờ dòng họ Nguyễn Quán. (Ảnh: Đỗ Thận Tuấn, Hiệu phó trường PTTH Nguyễn Quán Nho, Thanh Hóa cung cấp).

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyền thượng – Tự thuật. Nguyên văn: 先大夫歷仕南泉西丞, 篋藏幘頭、豸冠各一。余嬉戲中每戴之, 而豸冠尤其所愛, 禁之不能也
2. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 凡執事行禮及視事, 並用青吉衣, 烏紗帽。侍鄭府亦如之 (*Phàm khi chấp sự, hành lễ và thị sự đều dùng áo Thanh Cát, mũ Ô Sa, khi chầu ở phủ chúa Trịnh cũng như vậy*); (Việt) *Loạt chí và Lịch triều tạp kỷ* đều có nội dung tương tự. Nguyên văn: 文武內監執事行禮及侍事並用青吉衣, 烏紗帽。文武奉侍內閣如之 (*Văn võ, nội giám chấp sự hành lễ và thị sự đều dùng áo Thanh Cát, mũ Ô Sa, quan văn võ phụng chầu ở nội các cũng như vậy*). Riêng *Đại Việt sử ký tục biên*, Mục năm 1720 chép: “*Các quan văn khi vào hầu ở nội các cũng như vậy.*” (Tr.78)
3. (Việt) *Cương mục*. Mục tháng 11 năm 1725. Nguyên văn: 侍鄭府, 文武用烏紗帽, 青吉衣, 夾條, 穿玉, 隨品秩高下有差

phục Cống sĩ được phép mặc để vào lạy các quan trong trường thi⁽¹⁾, tương tự trang phục mũ Phong Cân - áo giao lĩnh thời Nguyễn.

Ngoài ra, vào cuối giai đoạn Lê Trung Hưng, trang phục của bá quan vào hầu chúa cũng được quy định hết sức phiền phức. Từ năm 1721, thời chúa Trịnh Cương triều đình có quy định khi chúa coi chính sự ở phủ, bá quan đội mũ Bình Đỉnh, mặc áo Thanh Cát, song khi chúa tiếp khách ở các, các quan văn đội mũ Lương Cân, quan võ đội mũ Yến Vĩ⁽²⁾. Nhưng không ít quan lại, đặc biệt là các quan văn võ cấp thấp, quân lính và nha lại đều ăn vận không đúng quy định. Trên thực tế, các loại mũ Bình Đỉnh, Lương Cân, Yến Vĩ, Đỉnh Tự kể trên, bá quan đều có thể đội



Quan văn đội mũ Ô Sa áo Thanh Cát dạng giao lĩnh trong Văn quan vinh quy đồ thế kỷ XVIII. (Bảo tàng Mỹ thuật).

vào ngày thường. Vậy nên Lương Cân và Yến Vĩ được *Vũ trung tùy bút* xếp vào loại trang phục thường thị, thị sự, song *Tang thương ngẫu lục* lại xếp vào loại trang phục ngày thường⁽³⁾; mũ Bình Đỉnh được *Vũ trung tùy bút* xếp vào loại mũ thường nhật của vua quan sĩ thứ, song đồng thời cũng lại được xếp vào loại trang phục bá quan mặc khi vào chầu chúa⁽⁴⁾; mũ Đỉnh Tự (Thanh Cát, Đa La) là loại mũ thường xuyên được quan văn võ cấp thấp, nha lại đội vào chầu cả ở phủ chúa lẫn cung vua, thậm chí quân dân ngày thường cũng đều được đội⁽⁵⁾.

1. (Việt) *Lịch đại danh thần sự trạng* - Chí khí - Nguyễn Thế Nghi. Nguyên văn: 時貢士入拜場官皆用烏紗帽、青吉衣
2. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền hạ - Thần lễ. Nguyên văn: 鄭氏自仁王以前[...]府堂視政, 百官用平頂帽、青吉衣[...]擇閣見客, 百官用涼巾、燕尾巾、青吉衣
3. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Quan lễ. 若常侍視事則文用涼巾, 武用燕尾巾 (Việt) *Tang thương ngẫu lục* - Thượng sách - Nguyễn Công Hãng. Nguyên văn: 燕服文涼巾, 武燕尾巾, 青吉衣覆後, 其次結褶丁字巾
4. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 平頂帽自公相下至吏士, 各以制之高低為等級而御服則以金線別之
5. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 先是官吏軍民常服通用青吉衣, 戴丁字巾 (*Trước đây, Thường phục của quan, nha lại, quân, dân đều dùng áo Thanh Cát, đội mũ Đỉnh Tự*); (Việt) *Loại chí, Lê triều tạp ký, Đại Việt sử ký tục biên*. Nguyên văn: 舊制文武大小胥吏軍通服青吉衣, 戴丁字巾 (*Chế độ cũ, các nha lại văn võ lớn nhỏ và quân lính đều mặc áo Thanh Cát, đội mũ Đỉnh Tự*). Ngoài ra, *Loại chí* còn dẫn lời Ngô Thì Sĩ cho biết: 丁字巾樣, 至今尚存, 制甚卑賤, 胥吏軍人同頂“*Mũ Đỉnh Tự, đến nay vẫn còn, nha lại quân nhân đều đội*.” Chúng tôi cho rằng, cụm từ “quan lại quân dân” trong *Cương mục*, “văn võ đại tiểu tể lại quân” trong *Loại chí, Lê triều tạp ký* và *Đại Việt sử ký tục biên*, hay “tể lại quân nhân” trong lời của Ngô Thì Sĩ đều chỉ quan lại văn võ cấp thấp và binh lính, không nên dịch thành “*các quan văn võ, nha lại lớn nhỏ, binh lính*” như ở một số bản dịch lưu hành hiện nay.

QUY CHẾ THỊ PHỤC TRIỀU LÊ TRUNG HUNG

~1661	1661-1721	1721 ~
Mũ Lương Sa, Áo màu thâm đen	Mũ Ô Sa, Áo Thanh Cát	- Khi chấp sự và hành lễ: Mũ Ô Sa, áo Thanh Cát - Khi chúa coi chính sự ở phủ: Mũ Bình Đỉnh, áo Thanh Cát. - Khi chúa tiếp khách ở các: Quan văn: Mũ Lương Cân Quan võ: Mũ Yến Vĩ

2.1. Mũ Ô Sa, áo Thanh Cát

* Mũ Ô Sa

Tương tự quy chế Triều phục, Thường phục mũ Ô Sa áp dụng cho bá quan khi chấp sự và khi vào hầu phủ chúa cũng được phân làm ba loại: mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi, mũ Ô Sa và mũ Ô Sa đơn dạng. Trong đó, mũ Ô Sa là loại mũ áp dụng cho tuyệt đại đa số bá quan văn võ, là mũ Ô Sa trơn theo quy chế thời Lê sơ.



Hai bức chân dung tự họa của văn thần Kang Se Hwang (Khương Thế Hoàng) thời vua Jeong Zo (Chính Tổ) Triều Tiên. 1. Mũ Ô Sa - Bô phục - Đại. 2. Mũ Ô Sa, áo giao lĩnh, dây thao đơn. (Mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi).

Mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi theo Phan Huy Chú là mũ Thường phục của hoàng thái tử, vương thế tử cùng hoàng tử, vương tử làm các chức tam thái, tam thiếu có tước quận công; hoàng tử, vương tử làm các chức tả hữu đô đốc có tước quận công; hoàng tử, vương tử làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự có tước quận công; hoàng tử, vương tử làm các chức đô hiệu kiểm, đề đốc, đề lĩnh, tham đốc, đô vệ sự có tước quận công; hoàng tử, vương tử có tước quận công, phân biệt với loại mũ Hắc Lương Cân của hoàng tử, vương tử chưa được phong tước. Dựa vào danh xưng của mũ, đối chiếu với loại mũ Ô Sa của Trung Quốc và Triều Tiên cùng thời, chúng tôi cho rằng đây là loại mũ Ô Sa có cặp chỉ đen to, đột nổi ở chính giữa phần hậu son.

sứ thần nhà Nguyên. Pho tượng quan hầu tại lăng vua Trần Hiến Tông đã thể hiện lối thắt dây thao hình số 8 thời Trần. Đối với dây thao thắt lưng thời Lê, *Từ điển Việt - Bồ - La* định nghĩa: “*Thao: dây lụa các nhà quyền quý và văn nhân dùng để thắt lưng. Thắt thao, tháo thao.*” Tổng hợp ghi chép trong *Cương mục, Loại chí, Lê triều chiếu lệnh thiện chính* v.v. có thể thấy dây thao thời Lê Trung Hưng được phân làm 5 loại: dây thao đơn, dây thao kép (tức dây thao được chập lại từ hai dây thao đơn), dây thao kép râu ngọc, dây thao



Áo phủ hậu, tượng chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang. (Ảnh TQĐ).

kép râu ngọc sức bạc, dây thao kép râu ngọc sức vàng. Trong đó, loại dây thao kép râu ngọc sức vàng dành riêng cho hoàng thái tử và vương thế tử⁽¹⁾. Theo *Lịch triều tạp kỷ*, loại dây thao này được râu ba viên ngọc⁽²⁾. Dây thao kép râu ngọc sức bạc dành cho hoàng thân, vương thân. Các loại dây thao kép râu ngọc, dây thao kép, dây thao đơn được áp dụng cho bá quan, tùy theo phẩm trật cao thấp.



Dây thao. 1. Tượng quan hầu lăng vua Lê Hiến Tông, Lam Kinh, Thanh Hóa. 2. Quan văn qua nét vẽ của Jean-Baptiste Tavernier (1605 - 1689); 3. Tượng đá tại chùa Bút Tháp Bắc Ninh; 4. Tượng đá thời Lê Trung Hưng tại Từ chỉ họ Đặng, Bắc Ninh; 5. Tượng quan hầu thời Trần thắt thao số 8 (Lăng Trần Hiến Tông, Quảng Ninh). Theo quy chế Tang phục triều Lê (*Loại chí - Lễ nghi chí - Tang nghi và Tang phục*), khi có quốc tang, bá quan hoặc đội mũ Ô Sa đen, áo Thanh Cát đen, dây thao đen, hoặc mũ Ô Sa trắng, áo Thanh Cát trắng, dây thao trắng.

1. (Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí* – Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 夾條有穿玉金飾
2. (Việt) *Lịch triều tạp kỷ*. Tr.135. Nguyên văn: 夾條穿三玉金飾 Ông Hoàng Văn Lâu (Nxb. KHXH, 1975) dịch là “dài thao chỗ tà áo giáp nhau có trang sức bằng vàng và râu ba viên ngọc”. Cách hiểu và dịch như vậy không chính xác.



Tượng đá tại chùa Bút Tháp Bắc Ninh đội mũ Ô Sa không có cánh chuồn, mặc áo giao lĩnh.

Mũ Ô Sa đơn dạng theo quy chế năm 1721 được áp dụng đối với các chức trưởng sử, bình sử, thông sử, chánh phó tư nghị, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri bạ, đồ sử, tri sử, điển sử, chủ bạ, xã mục, ngục thừa, và các hàng thuộc viên tạp lưu; các chức cá nhân, án lại, tướng thần lại, lệnh sử, Nội thư tả thì từ cai ty, cai hợp, thủ hợp trở lên, Thị nội văn chức thì từ nho sinh trúng thức, giám sinh trở lên; những nho sinh trúng thức, giám sinh, nho sinh, xã chánh, xã sử, xã tư, sinh đồ, quan viên tử tôn, nhiều nam; con cháu các quan văn được phong ấm trở lên. Dựa vào danh xưng “đơn dạng”, đối chiếu với một số pho tượng có mũ mang kiểu dáng Ô Sa - Phốc Đầu thời Lê Trung Hưng, chúng tôi ngờ rằng mũ Ô Sa đơn dạng có thể là mũ Ô Sa không có hai cánh chuồn.

* Áo Thanh Cát

Tháng 6 năm 1653, triều đình hạ lệnh “*cho phép quan văn từ khoa đạo, quan võ từ quận công đều được dùng loại áo Thanh Cát có kiểu phủ hậu (phủ: che; hậu: sau), quan lại khác đều không được lấn vượt.*”⁽¹⁾ Từ năm 1720, triều đình quy định quan văn đội mũ Lương Cân, quan võ đội mũ Yến Vĩ, áo Thanh Cát có phủ hậu.⁽²⁾

Khác với quy chế Triều phục châu vua mũ Phốc Đầu - Bồ phục và đai lưng, quy chế Thường phục và Thị phục của bá quan được quy định mũ Ô Sa phối với áo Thanh Cát và dây thao. Dây thao dùng làm thắt lưng được nhắc đến sớm nhất trong *Toàn thư* vào năm 1314, qua việc vua Trần Minh Tông mặc áo giao lĩnh vàng, đội mũ, thắt dây thao dự tiệc đãi



Mũ Ô Sa đơn dạng, mũ Ô Sa thông thường, mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi. (Phục dựng: TQĐ).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 許文自科道，武自郡公青吉衣，並用覆後。其餘不得妄僭
2. (Việt) *Tang thương ngẫu lục*. Nguyên văn: 奉使時訪求明制以歸及相定品服[...]燕服文涼巾，武燕尾巾，青吉衣覆後 Bản dịch lưu hành hiện nay dịch cụm từ “phủ hậu” là “hai vạt trước vén lên buộc vào sau lưng”. Cách hiểu và dịch như vậy không chính xác.

DIỆN MẠO TRANG PHỤC LÊ TRUNG HUNG
THỂ HIỆN QUA TRANH THỜ VUA LÝ NAM ĐẾ

Qua tranh thờ vua Lý Nam Đế và hoàng hậu có niên đại thế kỷ XVIII hiện cất giữ tại Bảo tàng Thái Bình, có thể thấy trang phục của bá quan thể hiện trong tranh trên thực tế là trang phục vào hầu chúa của bá quan thời Lê Trung Hưng. Trong tranh các quan văn đều đội mũ Bình Đỉnh bằng sa đen đứng ở hàng trên cùng, các quan võ đội mũ Đinh Tụ bằng gai đỏ (Đa La) đứng ở hàng thứ hai bên tay trái, binh lính và tiểu lại phần lớn cũng đội mũ Đinh Tụ hoặc màu đỏ hoặc màu đen (Thanh Cát) đứng ở hàng thứ ba. Lối phục sức này khá khớp với miêu tả của *Thanh triều văn hiến thông khảo* (khắc in năm 1787): “Quan phục, quan văn mũ Ô Sa, áo cổ tròn, đai, hia; ngày thường thì đội mũ cao làm bằng đoạn màu đen, áo bào thụng tay làm bằng vải xanh [...] quan võ ngày Triều hạ dùng mũ Đa La Ni đỏ các sắc [...] ngày thường dùng mũ màu xanh, áo bào xanh.”⁽¹⁾



Tranh thờ vua Lý Nam đế và Hoàng hậu thế kỷ XVIII (Bảo tàng Thái Bình).
(Ảnh: Bùi Trung Sơn).

1. (Trung) *Thanh triều văn hiến thông khảo* - Q.296 - Tứ duệ tứ - An Nam. Nguyên văn: 冠服文職紗帽圓領帶靴, 平時則用黑色緞高頭帽, 青布潤袖袍。武職...朝賀日用紅哆囉呢帽各色[...]平時用青帽青袍

2.2. Bình Đỉnh 平頂帽

Mũ Ô Sa, áo Thanh Cát vừa là Thường phục khi vào hoàng cung châu vua, vừa là Thị phục khi vào vương phủ hầu chúa. Năm 1721 thời chúa Trịnh Cương, quy chế Thị phục được điều chỉnh, lúc này “*khi chúa coi chính sự ở phủ, bá quan đều đội mũ Bình Đỉnh, mặc áo Thanh Cát [...] khi chúa tiếp khách ở các, các quan văn đội mũ Lương Cân, quan võ đội mũ Yển Vĩ.*” Phạm Đình Hổ còn kể lại rằng, vào các kỳ thi Hội dưới thời chúa Trịnh Giang (ở ngôi 1729-1740), tại Đệ nhất trường, hoàng thượng ngự giá tại điện Giảng Thư, bá quan đều đội mũ Phốc Đầu, mặc Bồ phục, thắt đai, đi hia [...] Đến Đệ nhị trường, Đệ tam trường và Đệ tứ trường, phủ chúa làm thay, các quan theo hầu đều đội mũ Bình Đỉnh, mặc áo Thanh Cát, thắt thao, đi tất.”⁽¹⁾ Tuy nhiên, trên thực tế, mũ Bình Đỉnh đã tồn tại từ trước năm 1721, với tính chất là trang phục thường nhật của quý tộc và nho sĩ. Loại mũ này từng xuất hiện trong tranh của S. Baron, tranh của Jean-Baptiste Tavernier từ thế kỷ XVII.

Theo Phạm Đình Hổ, vào thời Lê Trung Hưng, mũ Bình Đỉnh được chế thành dạng lục lăng, dáng mũ thấp, là loại mũ sử dụng trong dịp tế lễ. Về sau loại mũ này tiếp tục được cải tiến, làm mũ thường phục cho vua quan, vương công và các nho sĩ. Danh phận tôn ti được khu biệt ở chiều cao và trang sức trên mũ. Riêng loại mũ viên thể Bình Đỉnh (*thân tròn đỉnh phẳng*), làm bằng lông đuôi ngựa, sức vàng trên trán là loại mũ thường nhật của vua chúa và là mũ Thường phục của hoàng tử, vương tử; loại mũ kiểu lục lăng đỉnh lồi, làm bằng sa Nam là mũ Thường phục của



Quan văn An Nam (Jean-Baptiste Tavernier 1605 –1689); Võ quan vinh quy đò (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); Tranh sơn mài vua Lý Nam Đế và hoàng hậu (Bảo tàng Thái Bình).

1. (Việt) *Tang thương ngẫu lục* – Hạ sách - Hội thí. Nguyên văn: 會試第一場[...]皇上做蹕御講書殿[...]百官幞頭補服靴帶[...]第二、第三、第四場, 帥府代行, 侍從諸臣平頂帽、青吉衣、條襪



Người Giao Chỉ trong sách *Boxer Codex*, vẽ năm 1590, đội mũ Lục Hợp (làm bằng vải), phân biệt với mũ Lục lăng Bình Định (làm bằng the quét sơn).

Đinh Tụ, song bất kể nguyên nhân xuất phát từ phía Phạm Đình Hổ hay những người sao chép sau này, chúng tôi đều cho rằng cách phân loại như vậy là bất hợp lý. Kiểu mũ đỉnh phẳng và kiểu mũ lục lăng nên được coi là biến thể của mũ Bình Định, riêng kiểu mũ thứ ba Phạm Đình Hổ miêu tả - “*thân tròn may bó, làm bằng vải Thanh Cát, là mũ thông dụng của sĩ thứ, nha lại và binh lính. Gặp ngày quốc tang thì các quan đại thần*

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyền thượng – Quan lễ. Nguyên văn: 六稜而頂凹，製用南紗者為內監常侍視事之服
2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 內監，巾用平頂，後改為六稜 *Cương mục, Đại Việt sử ký tục biên* có nội dung tương tự.
3. *Từ điển Việt - Bồ - La*. Tr.153, 218.
4. (Hàn) *Triều Tiên vương triều thực lục - Túc Tông* - Q.23. Nguyên văn: 帶率皆黑衣而着黑巾，巾制甚高，無論尊卑，盡被頭髮

thái giám⁽¹⁾. *Cương mục, Loại chí, Đại Việt sử ký tục biên* đều cho biết mũ của thái giám là mũ Bình Định sau đổi thành kiểu dáng lục lăng⁽²⁾. Alexandre de Rhodes trong *Từ điển Việt - Bồ - La* định nghĩa: “*Mũ the: Mũ lục lăng của các vị văn nhân*”. “*Mũ sáu góc, mũ lục lăng, các văn nhân và bậc quyền quý An Nam sử dụng*.”⁽³⁾ Như vậy mũ Bình Định vốn có dạng tròn, về sau được đổi thành dạng lục lăng. Riêng mũ của thái giám đỉnh lõm, phân biệt với mũ đỉnh phẳng (Bình Định) của vua quan và nho sĩ.

Qua một số tranh ảnh thời Lê Trung Hưng hiện còn, có thể thấy mũ Bình Định màu đen, có kiểu dáng khá cao, mũ của văn nhân nho sĩ đều không có trang sức. Vị quan Triều Tiên là Mân Ám khi trả lời câu hỏi của vua Túc Tông về phong tục của người Việt triều Lê đã miêu tả đoàn cống sứ Đại Việt sang Bắc Kinh, ngoại trừ chánh sứ, những người đi theo “*đều mặc áo đen, đội mũ đen, kiểu dáng mũ rất cao, bất kể sang hèn đều xoa tóc*.”⁽⁴⁾

Theo ghi chép của *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ coi loại mũ thân tròn đỉnh phẳng và mũ lục lăng đỉnh lõm là hai biến thể của mũ

khi châu hầu cũng đội, nhưng hình dáng mũ khác nhau”⁽¹⁾ - mới nên coi là biến thể của mũ Đinh Tụ.

2.3. Đinh Tụ (Thanh Cát, Đa La) 丁字巾

Mũ Đinh Tụ trở thành mũ Thường phục của bá quan văn võ nhà Trần kể từ năm 1301. Tuy nhiên sau khi trải qua các đợt cải cách trang phục trong suốt thời Trần - Hồ - Lê sơ, đến thời Lê Trung Hưng, kiểu dáng và đối tượng sử dụng của mũ Đinh Tụ đều đã thay đổi. Vào thời Lê Trung Hưng, mũ Đinh Tụ phần lớn được sử dụng trong phạm vi quan lại cấp thấp, binh lính và thường dân. Riêng trong trường hợp quốc tang, các quan đại thần, thậm chí thế tử, vương tử cũng đều sử dụng mũ Đinh Tụ làm từ vải Thanh Cát (tức là mũ Thanh Cát). *Hoàng Lê nhất thống chí* miêu tả Thế tử Trịnh Tông nằm mơ thấy mình mặc áo màu quỳ, đầu đội mũ Đinh Tụ, đứng ở phủ đường, ngày hôm sau nói với gia thần: “*Ta mơ như vậy, là điềm có tang (chỉ việc chúa Trịnh Sâm mất)*.”⁽²⁾ Phạm Đình Hổ cũng ghi nhận “*gặp ngày quốc tang, vương công, khanh sĩ đều mặc áo màu quỳ*.”⁽³⁾

Theo quy chế năm 1721, mũ Thanh Cát được áp dụng làm Thường phục kiêm Thị phục cho những đối tượng sau:

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG MŨ THANH CÁT (theo <i>Loại chí</i>)	
Hoàng tử, vương tử từ chức tả hữu đô đốc, có tước quận công trở lên	Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát kiểu phú hậu, không lót
Hoàng tử, vương tử từ chức đô đốc đồng tri có tước quận công trở xuống	Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát kiểu phú hậu, có lót
Con cháu các quan võ được phong ấm trở lên	Khi vào hầu làm việc dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có lót

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyền thượng – Quan lễ. Nguyên văn: 體圓縮縫，製用青吉布者，為士庶吏軍通用。時遇國卹則大臣常侍視事亦戴之，其體各不同也
2. (Việt) *Hoàng Lê nhất thống chí* - Hồi 1. Nguyên văn: 世子一夕夢見身穿癸色衣，頭頂丁字帽，立於府堂，明日謂家臣曰：吾夢如此，為諒陰之服
3. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyền thượng – Y phục. Nguyên văn: 倘遇國卹則王公卿士皆服葵色



Tượng chùa Tây Phương, Hà Nội.

Ở trung thư sảnh, các chức hoa văn học sinh, án lại, xá nhân, tướng thần lại, lệnh sử, thư tả, nội thư tả; ở các văn nha môn thì các chức đô lại, đề lại, điển lại, thông lại	Khi vào hầu làm việc thì dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát không lót
Các chức đô lễ, trấn điện quân tướng quân, lục sĩ hiệu úy, thiên hộ, quân lãnh, phó đô lễ, chánh đô úy, phó thiên hộ, trung úy, lang tướng, phó quân lãnh, bách hộ, đề hạt, phó trung úy, phó lang tướng, tả hữu tiền hậu lang tướng, đô úy, chánh võ úy, phó đề hạt, tả hữu tiền hậu phó lang tướng, phó võ úy, vệ úy, phó đô úy, phó trung úy	Mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có lót
Cai đội, phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đã dự trống coi quân lính mà chưa có chức tước	Mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát không lót



Dũng sĩ đánh hổ, đội mũ Đinh Tụ, đóng khổ, thế kỷ XVII (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); Binh lính thời Lê diễn tập võ nghệ đội mũ Đinh Tụ, đóng khổ, *Their Martial Exercise* năm 1683. (Tư liệu các công ty Đông Á); Lính tráng trong tranh vua Lý Nam Đế và Hoàng hậu (Cục bộ. Bảo tàng Thái Bình); Ở một số tư liệu tranh tượng, mũ Đinh Tụ dễ bị lầm tưởng loại khăn vấn thời Nguyễn. Tuy nhiên, phần mũ cong tròn nhô ra sau gáy chính là đặc điểm nhận dạng của mũ Đinh Tụ. Khăn vấn của người triều Nguyễn, thời kỳ đầu chỉ được vấn rồi quanh đầu.

Ngoài ra, quy chế phẩm phục của triều Lê Trung Hưng còn có một loại mũ làm từ chất liệu Đa La, có kiểu dáng tương tự mũ Thanh Cát, Đinh Tụ. Theo *Thanh triều văn hiến thông khảo* của nhà Thanh ghi nhận, vào lễ Triều hạ, “quan võ đội mũ Đa La Ni đỏ các sắc, áo bào thụng tay làm bằng đoạn sặc sỡ, áo Mã Quái đến vai (chỉ áo khoác ngoài không có ống tay áo, chỉ chấm đến ngang vai) làm bằng Đa La Ni màu đỏ. Cũng có người mặc Bồ phục thêu hình hổ báo, voi.”⁽¹⁾ Tuy nhiên, theo *Lê triều*

1. (Trung) *Thanh triều văn hiến thông khảo* - Quyển 296 - *Tứ duệ tử* - An Nam. Nguyên văn: 朝賀日用紅哆

hội điển và *Loại chí* thì mũ Đa La là loại mũ áp dụng cho một số hạng quan binh nhất định, phần lớn là quan binh cấp thấp, không phải trang phục của quan võ nói chung như ghi nhận của *Hội điển* nhà Thanh. *Lê triều hội điển* ghi rằng, “lính Thị hậu mặc áo mũ Đa La [...] Tết Nguyên Đán hằng năm, quan binh phiên đều dùng áo mũ Đa La [...] Vào lễ yết điện Nam Giao, quan binh thị hậu theo hầu dùng áo mũ Đa La, ngoại binh dùng mũ Đa La, áo Thanh Cát; vào lễ Diên Thọ, từ sớm, lính tượng mã và lính thị vệ theo thứ tự vào hầu, quan binh



Quần tượng đội mũ Đa La (Đình Chu Quyên, Ba Vi).



Hình tượng binh lính trên thuyền đội mũ Đa La, Thanh Cát trên chạm khắc gỗ tại đình Phù Lưu (Le Đình) và tranh dân gian thế kỷ XVIII (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

thị vệ đều dùng mũ áo Thanh Cát, quan binh tượng mã đều dùng áo mũ Đa La.”⁽¹⁾. *Loại chí* cho biết, mỗi khi vua Lê xuất cung, đoàn Lỗ bộ đại giá đi theo được quy định: “các cấm quân ở nội điện như các Hiệu thị kiêu ty, Thị cận ty, Thị nội ty, Hiệu lực ty, Tả loan giá ty, Hữu loan giá ty, Kim ngô vệ, Cấm y vệ, Tiên tả đội, Tiên hữu đội, mũ dùng mũ Đa La đỏ, áo dùng áo Thanh Cát, một tay rộng, một tay hẹp, viền đỏ nẹp trắng, cả thấy 560 người, sắp bày nghi trượng. Đội đi đầu thì cờ nhật nguyệt, cờ ngũ phương, cờ thập nhị thần, cờ long vân, rồi đến 40 gậy mạ vàng, 40 kiếm nam bạc, 20 con ngựa, rồi 20 Trấn điện tượng cầm dùi cùng đội mũ Đa La đỏ, mặc áo gấm xanh, Bồ tử voi, dưới có bút tất che đầu gối”⁽²⁾

Chỉ Nam ngọc âm giải thích: “Áo gai

囉呢帽各色，彩緞潤袖袍，紅哆囉呢齊肩褂，或虎豹象補服，平時用青帽青袍
1. (Việt) *Lê triều hội điển* (A.52). Nguyên văn: 其侍候兵芻蘿衣帽[……]凡遇年正旦節，兵番官並用芻蘿衣帽[……]其奉侍侍候官兵衣帽芻蘿，外兵帽用芻蘿、衣用青吉[……]早時，象馬及侍衛兵依次入侍。侍衛官兵並用青吉衣帽，象馬官兵並用芻蘿衣帽
2. (Việt) *Loại chí*. Tr.20, 21. Bản dịch dịch từ Đa La là “là gai”, ở đây chúng tôi dùng âm Hán Việt.



Bức họa vua Lê xuất cung do Samuel Baron vẽ năm 1685 (*The Description of Tonqueen*). Trang phục mũ Đinh Tỵ, áo giao lĩnh thể hiện qua hình tượng vua Lê trong tranh rất có thể là bộ trang phục vua sử dụng khi đi tang.

là *La Đà Ni*⁽¹⁾. Các từ Đa La, Đa La Ni hay La Đà Ni thực chất đều chỉ cùng một loại vải gai, phần lớn có màu xanh và đỏ⁽²⁾. Kết hợp các ghi chép trên với tư liệu tranh tượng hiện còn, có thể khẳng định, mũ Đa La, Thanh Cát đều có kiểu dáng như mũ Đinh Tỵ. Mũ Đa La được gọi là Đa La là bởi được làm từ chất liệu “đa la”, tương tự trường hợp của mũ Thanh Cát. Mũ Thanh Cát được làm bằng vải Thanh Cát màu đen nên Phạm Đình Hổ xếp vào dạng mũ thứ ba của mũ Đinh Tỵ. Trang phục mũ Đa La có thể kết hợp với áo Đa La, cũng có thể kết hợp với áo Thanh Cát, áo gấm xanh.

Các loại áo này phần lớn có kiểu giao lĩnh, song cũng có loại áo cổ tròn cộc tay tương tự áo Mã Quái như miêu tả của *Thanh triều văn hiến thông khảo*.

2.4. Lương Cân, Yến Vĩ 涼巾、燕尾

Tham tụng Nguyễn Công Hãng nhận thấy “từ thời Trung Hưng về sau, phẩm phục chưa được chính đáng, khi đi sứ liền phỏng tìm quy chế nhà Minh đem về nước, đến khi làm tể tướng, định lại phẩm phục”, theo đó quy định: “Yến phục, quan văn đội Lương Cân, quan võ đội mũ Yến Vĩ, áo Thanh Cát có phủ hậu, thứ đến là mũ Đinh Tỵ kết hợp với áo có lót.”⁽³⁾

1. (Việt) *Chi Nam ngọc âm giải nghĩa*. Tr.119.

2. Chất liệu này trong sách *Bang giao chí* chép là 菱蘿 “gai la”, có màu xanh và đỏ. Theo *Hán điển zdic.net* thì Đa La Ni trong tiếng Hán chỉ chất liệu ni dệt bằng len tương đối dày.

3. (Việt) *Tang thương ngẫu lục* – Thượng sách - Nguyễn Công Hãng. Nguyên văn: 以中興來，章服未正，奉使時訪求明制以歸，及相，定品服[...]燕服文涼巾，武燕尾巾，青吉衣覆後，其次結褶丁字巾 (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyển thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 阮相公沅北使訪求故明典憲，回國典定章服[...]若常侍視事則文用涼巾，武用燕尾巾，則阮公所製也 (*Năm Khang Hy thứ 57, Tể tướng Nguyễn Công Hãng đi sứ Bắc quốc phỏng tìm điển hiến cũ của nhà Minh, về nước đặt định chương phục [...] Vào buổi Thường thị, thị sự thì quan văn dùng Lương Cân, quan võ dùng mũ Yến Vĩ, đều do ông Nguyễn Công Hãng chế ra cả*).



Quan Văn đội mũ Trùng Diệp (lá kép), còn được gọi là Lương Cân, phỏng theo hình dạng chữ Văn.

Quan Võ đội mũ Đơn Diệp (lá đơn), còn được gọi là mũ Yến Vĩ (đuôi én), phỏng theo hình dạng chữ Võ.

Tang thương ngẫu

lục nhận định Lương Cân và Yến Vĩ là mũ Yến phục, cũng tức là Tiệp phục. Song trên thực tế đây cũng là trang phục bá quan mặc khi vào hầu chúa. *Vũ trung tùy bút* còn cho biết, Nguyễn

Khản và chúa Trịnh Sâm

là bạn áo vải, khi chúa lên ngôi (năm 1765), mỗi khi nghe hát, đều lệnh cho Nguyễn Khản ngồi hầu, ông đội Lương Cân, mặc Tiệp phục, ngồi tựa giường ngự, cầm châu điểm hát⁽¹⁾.

Ngoài ra, các sách *Cương mục*, *Loại chí*, *Đại Việt sử ký tục biên*, *Lịch triều tạp kỷ*, *Vũ trung tùy bút* và *Tang thương ngẫu lục* đều ghi nhận việc tể thần Nguyễn Công Hãng chế ra các loại mũ dành cho bá quan văn võ. Song *Cương mục*, *Loại chí*, *Đại Việt sử ký tục biên* đều gọi mũ Lương Cân là mũ Trùng Diệp, mũ Yến Vĩ là mũ Đơn Diệp⁽²⁾, riêng *Cương mục* còn dẫn lời Ngô Thì Sĩ cho biết: “Những năm Bảo Thái (1720-1729) của bản triều mới đặt ra quy chế quan võ đội mũ Đơn Diệp, quan văn đội mũ Trùng Diệp [...] Tể thần Nguyễn Công Hãng chiết tự theo tự dạng của chữ Văn, chữ Võ mà chế ra hai loại mũ này.”⁽³⁾ Phạm Đình Hổ giải thích “Lương Cân là mũ lá”, “Yến Vĩ cân là mũ đuôi én”⁽⁴⁾. Mục *Tang nghi*, *Tang phục* trong *Lễ nghi chí*, Phan Huy Chú cho biết, khi có quốc tang, phàm mũ bằng sa đoạn Bắc, mũ Lương Cân và mũ Yến Vĩ lục lẳng đều

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyển hạ - Tiên Điền Nguyễn tộc. Nguyên văn: 王每賞歌多命長公侍坐以涼巾便服倚御床，操桴點閱

2. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 先是官吏軍民常服通用青吉衣，戴丁字巾。至是參從阮公沅議行改定[...]黎史續編註：文武自一品至三品，春夏衣用北紗，秋冬用北緞，竝玄色。巾，文用重葉，武用單葉。(Theo quy chế cũ, nha lại, binh lính đều mặc áo Thanh Cát, đội mũ Đinh Tỵ, đến đây, Tham tụng Nguyễn Công Hãng kiến nghị cải đổi [...] *Lê sử tục biên* chú thích: Quan văn võ từ nhất phẩm đến tam phẩm, mùa xuân - mùa hạ dùng the Bắc, mùa thu - mùa đông dùng đoạn Bắc, đều dùng màu huyền. Mũ, quan văn dùng mũ Trùng Diệp, quan võ dùng mũ Đơn Diệp; (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 舊制文武大小胥、吏軍通服青吉衣，戴丁字巾，無貴賤尊卑之別[...]巾，文用重葉，武用單葉

3. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 本朝保泰間始制武官頂單葉巾，文官丁重葉巾[...]宰臣阮公沅折文武樣為為此巾制

4. (Việt) *Nhật dụng thường đàm*. Tr.63.

theo dạng thức mà làm bằng sa đen Nam, không làm hoa màu lòe loẹt⁽¹⁾. Chúng tôi cho rằng Yến Vĩ lục lăng chính là mũ Yến Vĩ.

Tóm lại, có thể thấy mũ Lương Cân và Yến Vĩ do tham tụng Nguyễn Công Hãng chế tạo sau khi tham khảo quy chế của nhà Minh, trong đó mũ Lương Cân tượng hình chữ Văn, có hai lá chẻ sang hai bên nên còn được gọi là Trùng Diệp (lá kép), mũ Yến Vĩ tượng hình chữ Võ, chỉ có một lá phía sau mũ tương tự hình đuôi én nên được gọi là Đơn Diệp (lá đơn), thân mũ có dạng lục lăng. Chúng tôi cho rằng loại mũ Lương Cân có từ thời Lê sơ mà vua Lê Thánh Tông từng cấm dân gian chế tạo cũng như mũ Lương Cân đen áp dụng làm Triều phục cho hoàng tử, vương tử chưa được phong tước, với loại mũ Lương Cân phồng hình dạng chữ Văn do Tham tụng Nguyễn Công Hãng chế ra là hai loại mũ khác nhau. Với cứ liệu hiện có, chúng tôi chưa xác định được hình dáng cụ thể của các loại mũ này, nên ở đây đành để lại dưới dạng tồn nghi, chờ khảo cứu về sau.

3. Tiện phục

Khác với trang phục dân gian, trang phục ngày thường của bá quan vẫn có những quy chế áo mũ, vải vóc cụ thể nhằm khu biệt danh phận tôn ti, trên dưới. Ngoài các loại mũ Bình Đỉnh, Đỉnh Tự, Lương Cân, Yến



Mũ Trung Tĩnh (*Tam tài đồ hội*); Hoàng tử Lê Đình Tứ chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) xõa tóc, đội mũ Trung Tĩnh.

Vĩ vừa được coi là Thị phục, vừa được dùng làm trang phục thường ngày, quan lại quý tộc và nho sĩ thời Lê Trung Hưng còn có các loại mũ Tiện phục như Bao Đỉnh, Bát Tiên, Bức Cân v.v.

3.1. Trung Tĩnh 忠靖冠

Theo quy chế của nhà Minh, mũ Trung Tĩnh là loại mũ Tiện phục của các chức quan đội khi nhàn hạ, không phải vào triều. Loại mũ này có khung làm bằng sợi sắt, bên ngoài bọc bằng the đen, nhung đen, chóp mũ hơi vuông, phần giữa hơi nhô, trán mũ sọc các viền lương, ép bằng sợi vàng, sau mũ có hai cánh (gọi là nhị sơn), cũng được

1. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 北紗緞涼巾及燕尾六棱巾並依樣制南黑紗無華彩

làm bằng viền vàng. Mũ của quan từ tứ phẩm trở xuống không dùng kim tuyến, đổi dùng sợi tơ nhạt màu. Viền lương được quy định tùy theo phẩm cấp⁽¹⁾. Đường như sử liệu thời Lê - Nguyễn bỏ sót không đề cập đến loại mũ này, song dựa vào pho tượng Hoàng tử Lê Đình Tứ thờ tại chùa Bút Tháp, chúng tôi ngờ rằng mũ Trung Tĩnh từng hiện diện tại triều đình nhà Lê, được áp dụng làm mũ Tiện phục đối với một số vị vương công, đại thần nào đó.

3.2. Bao Đỉnh, Bát Tiên, Bức Cân 包頂、八仙、幅巾



Kỳ lão ở ngoại thành Hà Nội, năm 1920. (Ảnh: Albert Kahn).



Nguyễn Siêu (thế kỷ XVIII, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); Bức Cân (Phục nguyên); Song Si Yeol (Bảo tàng Cổ cung Seoul).

Phạm Đình Hổ kể lại: “*Ta thuở nhỏ thấy các bậc tiền bối khi nhàn cư thường đội Mũ Vĩ Bao Đỉnh* (Phạm Đình Hổ còn giải thích: Mũ Vĩ cân là mũ ống Mũ Vĩ⁽²⁾), *kiểu dáng tròn, đỉnh phẳng, cao khoảng một thước, cũng có người đội mũ Bát Tiên. Đối với nhà sĩ thứ thì mũ Bát Tiên và Bức Cân là Công phục. Mũ Bát Tiên làm bằng đoạn màu huyền hoặc sa the, đỉnh phẳng, trên may cánh hoa cúc mấy lớp trùm lên nhau, quanh mũ gấp nếp như mũ Trúc Quan thời cổ, dải dây buộc ngang trán, buông phần thừa ra sau gáy và hai tai có diềm rủ, đại để phỏng theo mũ Bao Đỉnh mà làm thêm văn vẻ vậy. Bức Cân dùng Phương Cân gấp lại mà thành, cụ thể xem Gia lễ (tức Chu Tử gia lễ).*”⁽³⁾ Ông còn nói: “*Nước ta không có mũ Truy Bốc, song Bao Đỉnh cũng*

1. (Trung) *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.52.
2. (Việt) *Nhật dụng thường đàm*. Tr.63.
3. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyển thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 余少時見前輩燕居，常戴馬尾包頂，其制圓而頂平，高一尺許，或戴八仙巾。士庶之家則八仙巾、幅巾皆公服也。八仙巾用玄緞或紗，頂平，上裁菊瓣數重相裹，周圍襞摺如古之竹冠，橫帶勒額，垂其末于腦後及兩耳有垂檐，蓋做包頂而加文也。幅巾製用方巾，折摺為之，詳見家禮



Tranh chân dung Nguyễn Siêu, thế kỷ XVIII (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).



Bức tranh *Chân dung mẹ tôi* (Gia từ cận tượng) của họa sĩ Nam Sơn, vẽ năm 1932.

Nam từ khá sớm. Bức Cân có kiểu dáng tương tự mũ ni, song hai bên mang tai có hai dải thắt, thắt lại sau đầu. Loại khăn - mũ này thường được kết hợp với Thâm y, vốn là một trong những bộ trang phục trang trọng của nho sĩ, từng hết sức phổ biến tại Trung Quốc và Triều Tiên. Vào thời Lê Trung Hưng, theo cách nói của Phạm Đình Hổ, dường như tần suất sử dụng Bức Cân không phổ biến như mũ Bao Đỉnh, song thì thoáng vẫn có người sử dụng. Và cũng theo ông, đối tượng sử dụng Bức Cân tại Việt Nam không chỉ có nho sĩ mà còn có cả người dân thường. Chúng ta có thể thấy Bức Cân qua tranh chân dung Nguyễn Siêu, phù điêu chân dung Ngô Thì Sĩ, tượng Vũ Miên, tranh chân dung thân mẫu họa sĩ Nam Sơn, và bức ảnh Albert Kahn chụp một vị kỳ lão ở ngoại ô Hà Nội năm 1920.



Tượng Vũ Miên (1717 - 1782) đội Bức Cân, mặc áo giao lĩnh, thờ tại nhà thờ dòng họ Vũ tại thôn Ngọc Quan, Bắc Ninh.

có thể chứa tóc, hoặc (người nước ta) có lúc đội Bức Cân.”⁽¹⁾

Qua miêu tả của Phạm Đình Hổ, có thể thấy mũ Bát Tiên thực chất là mũ Mã Vĩ Bao Đỉnh. Hai loại mũ này đều có thân tròn, đỉnh phẳng tương tự mũ viên thể Bình Đỉnh của vua Lê, chúa Trịnh. Nhìn chung, mặc dù có nhiều tên gọi khác nhau, với chiều cao và trang sức khác nhau, song kiểu mũ dạng ống đỉnh bằng rõ ràng đã từng rất phổ biến vào thời Lê Trịnh.

Riêng Bức Cân, ngay từ thời Hồ, Nguyễn Phi Khanh đã miêu tả Chương Túc hầu Trần Nguyên Đán đội “*Bức Cân đứng đỉnh leo lên núi*”⁽²⁾, chứng tỏ Bức Cân đã xuất hiện ở Việt

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyển thượng – Quan lễ. Nguyên văn: 我國無緇布冠而包頂亦所以斂髮，或時戴幅巾。 Bản dịch của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến có nhiều lỗi dịch thuật, đặc biệt ở phần khảo về áo mũ.

2. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 3. Tr.494. *Thanh Hư động ký*. Nguyên văn: 幅巾徜徉以登乎岩之上.



Thân sĩ thời Lê Trung Hưng đội mũ the Bình Định. (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

Trên đây là một số kiểu mũ mào thường nhật của quan lại quý tộc được nhắc đến trong sử liệu mà chúng tôi hiện khảo được. Trên thực tế, kiểu dáng mũ mào của các văn nhân, nho sĩ, quý tộc thời Lê chắc hẳn phong phú, đa dạng hơn nhiều so với ghi chép của sử liệu. Sau này vào đầu thời Nguyễn, với ý muốn cải đổi trang phục cho khác hẳn tiền triều ở Đàng Ngoài, triều đình nhà Nguyễn đã ra sắc cấm các loại mũ từng được sử dụng phổ biến vào thời Lê. Đây cũng chính là nguyên do khiến chúng ta thấy người triều Nguyễn sang hèn đều đồng loạt búi tóc vấn khăn, mặc áo dài cài khuy, những kiểu mũ thường nhật dành cho bá quan và nho sĩ phần lớn đã tuyệt tích.

III. TRANG PHỤC HẬU CUNG

Tư liệu trang phục hậu cung thời Lý, Trần, Hồ, Lê hiện thấy không ngoài một số pho tượng được tạo dựng vào thế kỷ XVII, XVIII mang những nét trang phục đặc trưng của mệnh phụ thời Lê Trung Hưng. Dựa vào tính đồng đại và những đặc điểm chung của các pho tượng, chúng ta cũng chỉ có thể đoán định được một phần nào trang phục của chính triều Lê Trung Hưng, không thể loại suy trang phục của các triều đại khác. Dĩ nhiên, một số kiểu áo như áo giao lĩnh, cổ tròn, tứ thân đối khâm đã xuất hiện từ thời Lý - Trần, song sự kết hợp giữa các dạng y phục và trang sức để tạo nên bộ Lễ phục, Thường phục dành cho hoàng hậu, vương phi và công chúa v.v. mỗi thời mỗi khác biệt.

1. Lễ phục

Thông tin duy nhất liên quan đến Lễ phục của hậu phi triều Lê sơ là những dòng miêu tả của Nguyễn Trãi trong tờ chế ban tặng Chiêu Nghi làm Hoàng Thái phi. Sách *Tang thương ngẫu lục* cho biết: “Văn của Nguyễn Trãi hùng hồn có khí lực như tác phẩm Bình Ngô đại cáo, Lam Kinh Vĩnh Lăng thần đạo bị được viết vào thời Thuận Thiên (1428-1433), chép trong Thực lục, ở đây không nhắc lại nữa.

Vào thời Thiệu Bình (1434-1439), tờ Chế tặng Chiêu

Nghi làm Hoàng Thái phi, ông viết: “[...] Khảo xét di chế Thành Chu, nên phong Thái Phi danh phận, để sáng tỏ công lao bảo hựu, để vẹn tròn nghi lễ ai vinh. Than ôi! Lễ phục Vĩ Địch, vẻ vang không kể mất còn; nắm mộ tuyền đài, trang trí sáng ngời trời đất.”⁽¹⁾ Dựa vào nội dung tờ chế, có thể thấy Lễ phục của Hoàng Thái Phi thời vua Lê Thái Tông là Vĩ Địch, loại Lễ phục đặt định theo quy chế của nhà Chu, được coi là chuẩn mực của Nho giáo. Đây cũng là dạng Lễ phục chung của hậu phi các triều Tống - Minh, Triều Tiên và Lưu Cầu. Theo Chu lễ, Vĩ Địch là Lễ phục tôn quý nhất trong sáu loại trang phục của hậu phi, tương đương với trang phục Cốn Miện của hoàng đế. Bộ trang phục này vừa là Tế phục kiêm Triều phục, đồng thời cũng là cát phục của hoàng hậu, phi tần sử dụng trong các dịp đại lễ sách phong và hôn lễ. Vĩ Địch vốn có màu đen huyền, thêu vẽ hoa văn chim trĩ. Từ thời Đường trở về sau sắc áo được đổi sang



Vĩ Địch 褙翟. 1. Mũ Phượng Quan và áo Vĩ Địch của hoàng hậu nhà Minh (*Tam tài đồ hội*); 2. Đồ giải trang sức mũ của vương hậu Triều Tiên (Bảo tàng Cổ cung Quốc lập Seoul); 3. Hai tấm áo Vĩ Địch của vương hậu Triều Tiên hiện cất giữ tại Đại học Sejong Hàn Quốc.

1. (Việt) *Tang thương ngẫu lục - Lê Công Trãi* và (Việt) *Ức Trai di tập* - Q.3. Nguyên văn: 粵考成周之遺制，宜加大妃之新封，於以彰保佑之功，於以盡哀榮之禮。於戲！褙翟命服，流輝無間其存亡；馬鬣漏泉，賁飭有光於溟漠

màu xanh sẫm, hoa văn chim trĩ được thêu khắp áo theo mười hai hàng, viền cổ áo, tay áo đều được thêu rồng⁽¹⁾.

Khác với sự ổn định của áo Vĩ Địch, loại mũ kết hợp với Lễ phục này ở mỗi một triều đại lại có những quy chế khác biệt. Tại Trung Quốc, vào thời Hán, hoàng hậu sử dụng Cân Quắc, thời Đường dùng trâm thoa hình hoa, thời Tống Minh dùng Phượng Quan. Tại Triều Tiên, ngoài Phượng Quan, trong nhiều trường hợp mái tóc của vương hậu còn được vấn tết thành một búi lớn ở đỉnh đầu, chung quanh cài các trang sức hoa tròn, trâm vàng trở hình chim phượng lớn nhỏ.



Hiện vật áo Vĩ Địch của vương hậu Triều Tiên (Đại học Sejong Hàn Quốc cất giữ).



Trang phục Vĩ Địch của vương phi Triều Tiên (phục chế); Chân dung Hoàng hậu Tống Thần Tông và Hoàng hậu Tống Huy Tông thời Tống (Bảo tàng Cổ Cung Đài Bắc).

Tính tới thời điểm hiện nay, tư liệu liên quan đến bộ trang phục Vĩ Địch chỉ tồn tại trong vài dòng ghi chép vắn gọn, tương tự trường hợp Lễ phục Cổ Miện của các triều đại Lý - Trần. Song với sự phổ biến và tính ổn định của bộ Lễ phục này, chúng tôi ngờ rằng, Vĩ Địch không chỉ là Lễ phục của hậu phi triều Lê sơ, mà có thể còn có niên đại sớm hơn nữa.

1. Tham khảo *Trung Quốc phục sức đại từ điển* (Tr.136) và <http://zh.wikipedia.org/wiki/翟服>

Tuy nhiên, từ thời Lê Trung Hưng trở về sau, không rõ quy chế Vĩ Địch của hậu phi có bị phế bỏ tương tự quy chế Cổ Miện của hoàng đế hay không?

Bên cạnh đó, qua khảo sát các pho tượng Hoàng hậu Ngọc Bạch, Hoàng hậu Ngọc Oánh, Hoàng hậu Ngọc Trúc (chùa Mật, Thanh Hóa), Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ, Công chúa Lê Thị Ngọc Duyên (chùa Bút Tháp, Bắc Ninh), chúng tôi nhận thấy những chiếc mũ thể hiện trên các pho tượng này đều có chung một mô típ. Thân mũ đều được vây kín bởi các hoa văn dạng lửa. Giữa trán mũ có trang sức tượng Phật ngồi kiết già. Đỉnh mũ còn có trang sức hình chữ nhật, một đầu gắn sau trán mũ, một đầu tì lên búi tóc. Tạo hình hết sức gần gũi với các loại mũ thể hiện trên tượng Phật chùa Mía, tượng Phật bà chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, chùa Ngo và một số tranh vẽ Bồ Tát Phổ Hiền.



Mũ thể hiện trên pho tượng Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ, Công chúa Lê Thị Ngọc Duyên (thế kỷ XVIII, chùa Bút Tháp, Bắc Ninh).



Tượng Phật bà chùa Ngo, Phúc Thọ. (Ảnh: Nguyễn Thị Dung).

Kết hợp với loại mũ mang đậm âm hưởng Phật giáo này, phần lớn là dạng áo giao lĩnh, đi cùng với áo đối khâm và thường. Riêng hai pho tượng Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc và Hoàng hậu Phạm Thị Ngọc Oánh còn khoác vân kiên nạm hình rồng phượng phủ trên vai, phía dưới đính các dải anh lạc dài che lưng và bụng. Phần lớn viền áo, viền dây buộc tóc và viền tay áo đều được thêu dệt những hoa văn hoa cuộn đan xen. Một số bà phi còn mặc yếm đính các trang sức vàng, ngọc, hoặc đeo vòng trang sức nhiều tầng, toát lên vẻ sang trọng, quý phái.



Chân dung Minh Nhẫn Nhụ nhân Bùi Thị Giác (1738 - 1805)
(Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

Chúng tôi cho rằng, kiểu mũ tương tự vương miện, mang hơi hướng tôn giáo, kết hợp với các dạng áo giao lĩnh, tứ thân đối khâm, vân kiên, dải trang sức anh lạc, thậm chí phối với tràng hạt có thể là một trong những bộ Lễ phục của hậu phi nhà Lê Trung Hưng.

2. Tiện phục

Dựa vào các pho tượng Hoàng hậu Trường Lạc (chùa Huy Văn), Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (chùa Bút Tháp), tranh chân dung Nhụ nhân Bùi Thị Giác thế kỷ XVIII và các bức tranh mệnh phụ An Nam trong *Hoàng Thanh chúc cố đồ*, có thể thấy vào ngày thường, trang phục của các bà hậu phi, mệnh phụ thời Lê Trung Hưng, phần lớn vẫn là dạng áo giao lĩnh, áo tứ thân thụng tay, có thể còn có một lớp áo Sam mỏng mặc choàng ra

ngoài. Ngoài ra, một số hình tượng công chúa, mệnh phụ thể hiện trên các pho tượng thờ tại chùa Phổ Minh, Quán Sứ, Thổ Hà v.v. có niên đại thế kỷ XVII, XVIII đều mặc một loại váy dài quây ngang ực, được thắt lại bằng dải lụa ở dưới ngực, ngoài cùng khoác áo đối khâm, hầu hết đều xoa tóc theo tục để tóc thời Lê Trung Hưng. Các dạng trang phục thể hiện trên các pho tượng này nhiều khả năng đều được tả thực.



1. Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (chùa Bút Tháp, Bắc Ninh); 2. Công chúa Mạc Ngọc Lâm, chùa Phổ Minh, Nam Định. (Ảnh: TQĐ).



Công chúa Lê Thị Ngọc Quyển (chùa Bút Tháp, Bắc Ninh); Phu nhân Quận công Nguyễn Thế Mỹ (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ (chùa Bút Tháp); Chiêu nghi Lê Thị Ngọc Hoàn; Hoàng hậu Ngọc Bạch; Hoàng hậu người Hà Lan (chùa Mật Sơn, Thanh Hóa).

IV. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI



Quan võ triều Lê Trung Hưng trong tranh của Jean-Baptiste Tavernier (1605 - 1689).

Vị quan võ đánh số 1 được chú thích: *Đại thần của Vương quốc Đông Kinh*; vị quan võ được đánh số 4 được chú thích: *Quan võ hoặc sĩ quan chiến tranh?* Theo quy chế Triều phục của võ quan thời Lê Trung Hưng, xếp theo thứ hạng tôn ti, lần lượt gồm: mũ Phốc Đầu, nón son bạc đính hồng mao, nón son son đính hồng mao, mũ Thanh Cát, mũ Đa La. Vậy nên vị “*Đại thần của Vương quốc Đông Kinh*” và hai vị võ quan trong tranh hẳn đội nón son bạc đính hồng mao. (Trong các hình vẽ trên, Bỏ từ trên ngực áo các quan đều bị che khuất).

dụ nói: “*Những thứ áo Giáp, mũ Trụ là để khí thế quân đội thêm trang nghiêm.*”⁽¹⁾ Song cũng như thời Lý, Trần, Hồ, Giáp Trụ thời Lê chỉ còn lại danh xưng, không có miêu tả cụ thể về kiểu dáng, trang sức. Theo *Thanh triều văn hiến thông khảo*, binh chế triều Lê Trung Hưng “*coi áo Đa La Ni kết hợp với mũ là Khôi Giáp* (tức Giáp Trụ).”⁽²⁾ Một số pho tượng quân sĩ tại lăng Dinh Hương (Bắc Giang) và phù điêu gỗ chùa Cói (Vĩnh Phúc) thế kỷ XVI, đều đội mũ Trụ hợp vành kết hợp với áo giao lĩnh, có thể là khái niệm Khôi Giáp mà *Văn hiến thông khảo* của nhà Thanh ghi nhận.

Tuy nhiên, theo quy chế binh dụng chép trong *Lê triều hội điển*, “*trước kia, tất cả trấn thủ các xứ và các chợ trong kinh đều phải nộp 100 tấm da trâu để may quân phục, đồng thời phải nộp kèm mỗi bộ da trâu*

Thời Lê Trung Hưng, mũ Phốc Đầu và các dạng nón son vẫn được duy trì làm mũ Triều phục, Thường phục dành cho các chức quan võ cấp cao. Các biến thể của mũ Đinh Tụ, Tứ Phương Bình Đỉnh được quy định làm quân trang cho các chức quan võ cấp thấp và binh lính. Phần trên, chúng tôi đã lần lượt trình bày quy chế của các loại mũ Phốc Đầu, Thanh Cát, Đa La. Ở phần này, chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày quy chế cụ thể của các dạng nón son và thử lần tìm diện mạo trang phục Giáp Trụ áp dụng cho một số đội quân đặc biệt của triều đình.

1. Giáp Trụ 甲冑

Lê Thánh Tông từng ra chỉ



Quan võ triều Lê Trung Hưng xõa tóc, đội nón son chóp đính hồng mao. (*Những khu truyền giáo của cha Marini*).

có một số quy chế Giáp Trụ riêng biệt áp dụng đối với một số hạng tướng tá khác nhau.

2. Nón son 漆笠

Quy chế Triều phục dành cho ban võ của triều Lê Trung Hưng kế thừa quy chế Triều phục năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông, quy định: các quan võ tứ, ngũ phẩm đội nón bạc, lục phẩm trở xuống đội nón son⁽²⁾. So sánh quy chế năm 1661, 1721 và 1725 chép trong *Cương mục* và *Loại chí*, có thể thấy khái niệm nón son son, nón son bạc đồng nhất với khái niệm nón son, nón bạc. Ngoài ra, *Lê triều thiện chính điển lệ* và *Cương mục* đều cho biết, trên chóp của hai loại nón này còn được đính hồng mao⁽³⁾.

1. (Việt) *Lê triều hội điển*. Tr.98.

2. (Việt) *Toàn thư* - Mục tháng 10 năm 1500. Nguyên văn: 四品至五品, 冠武用銀笠, 文用幘頭無飾[...]. 六品以下, 冠武用朱笠, 文用幘頭無飾 “*Tứ phẩm tới Ngũ phẩm, mũ thì quan võ dùng Nón bạc, quan văn dùng mũ Phốc Đầu không trang sức [...] Lục phẩm trở xuống, mũ thì quan võ dùng nón son, quan văn dùng mũ Phốc Đầu không trang sức.*” (Việt) *Cương mục* - Mục tháng 11 năm 1725. Nguyên văn: 四五品, 武銀笠, 文幘頭鑰飾. 六品以下, 武朱笠, 文幘頭無飾, 法官獬豸 “*Tứ, ngũ phẩm, quan võ dùng nón bạc, quan văn dùng mũ Phốc Đầu sức thau. Lục phẩm trở xuống, quan võ dùng nón son, quan văn dùng mũ Phốc Đầu không trang sức. Pháp quan đội mũ Giải Trãi.*”

3. (Việt) *Cương mục* - Mục tháng 6 năm 1661. Nguyên văn: 銀笠頂綴紅毛, 朱笠頂綴紅毛

1. (Việt) *Toàn thư* - Mục ngày 9.4.1496. Nguyên văn: 上諭天下官員百姓等: 甲冑之屬, 所以壯軍容

2. (Trung) *Thanh triều văn hiến thông khảo* - Q.296 - *Từ duệ tử* - An Nam. Nguyên văn: 兵制以哆囉呢加帽謂之盔甲

QUY CHẾ NÓN SON
ÁP DỤNG CHO BAN VÕ TRIỀU LÊ TRUNG HUNG

	Năm 1661 (theo <i>Cương mục</i>)		Năm 1721 (theo <i>Loại chí</i>)	
<i>Loại nón</i>	<i>Nón son bạc đỉnh hồng mao</i>	<i>Nón son son đỉnh hồng mao</i>	<i>Nón son bạc đỉnh hồng mao</i>	<i>Nón son son đỉnh hồng mao</i>
Đối tượng và trang phục đi kèm	Hoàng tử, vương tử phong đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, đề lĩnh gia phong quận công	Tam phẩm, tứ phẩm gia phong tước hầu	Hoàng tử, vương tử chức đô hiệu kiểm, đề đốc, đề lĩnh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công	Đô chỉ huy sứ, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thiêm sự, chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thiêm sự, tổng tri, đồng tổng tri, thiêm tổng tri tước hầu
	<i>Trang phục:</i> Áo đỏ - Bồ tử Sư tử - Thao kép râu ngọc - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo đỏ - Bồ tử Voi - Thao đơn - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo đỏ - Bồ tử Sư tử - Thao kép râu ngọc - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo giao lĩnh đỏ - Bồ tử Voi - Thao đơn
	Nhị phẩm gia phong tước hầu	Ngũ, lục, thất phẩm	Đô hiệu kiểm, đề đốc, đề lĩnh, tham đốc, đô vệ sự tước quận công	Đô lễ, trấn điện quân tướng quân, lực sĩ hiệu úy, thiên hộ, quản lãnh, đô úy, trung úy, lang tướng, bách hộ, đề hạt, tả hữu tiền hậu lang tướng, võ úy, vệ úy (chánh - phó không phân biệt)
	<i>Trang phục:</i> Áo đỏ - Bồ tử Voi - Dây thao đơn - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo đỏ không đỉnh Bồ tử - Dây thao đơn - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo đỏ - Bồ tử Hổ báo - Thao kép - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo giao lĩnh đỏ không có Bồ tử - Thao đơn. Chức trấn điện cầm kiếm và dùi đồng, còn lại cầm kiếm
			Đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, phó đô đốc, lãnh thự vệ, tả hữu hiệu điểm tước hầu	
			<i>Trang phục:</i> Áo đỏ - Bồ tử Voi - Thao đơn - Cầm kiếm	

Lê triều hội điển còn ghi nhận loại nón son dành cho tạo sĩ, võ cử nhân là “nón son son, hai diềm che tai viền thau. Mỗi chiếc chuẩn cho 8 mạch, 3 lạng hồng mao”⁽¹⁾ tương tự quy chế mũ Phốc Đầu của tiến sĩ ban văn.

3. Các dạng trang phục khác

Sử sách chính thống thường chỉ tập trung mô tả quy chế áo mao của bá quan văn võ cấp cao, hiếm khi nhắc tới quân trang của một số hạng lính “tiểu tốt”. *Loại chí, Lê triều hội điển, Lê triều chiếu lệnh thiện chính* là những cuốn sách ghi chép tỉ mỉ nhất về quy chế trang phục của bá quan triều Lê Trung Hưng, song cũng không nhắc tới những loại nón phổ biến vào thời Lê sơ như nón Thủy Ma, nón da, nón ngà trắng v.v. Tương tự, *Hội điển* của triều Nguyễn cũng không đề cập tới quy chế cụ thể của những dạng nón được áp dụng làm quân trang đương thời. Trong khi đó, khó có thể phủ nhận rằng việc sử dụng nón làm quân trang đã được kế thừa muộn nhất là từ thời Lê sơ tới thời Nguyễn.

Riêng loại nón áp dụng cho binh lính thời Lê Trung Hưng, chúng ta chỉ tìm thấy vài dòng ghi chép ít ỏi của Phạm Đình Hổ qua *Vũ trung tùy bút*. Ông cho biết: “*Quân lính đội Trạo lạp, tục gọi là nón chèo vành [...] Đến như hai vùng Thanh Nghệ thì người ta đều đội Viên Cơ lạp (viên cơ: cái sọt tròn), tục gọi là nón Nghệ [...] Đến khoảng năm Nhâm Dần, Quý*



Nón thủy thủ (Người trên tàu buôn đội nón này, hoặc khi trời nắng mưa dùng để che đầu), nón mực đồng (Nón này làm bằng lá bông. Lá này mọc nhiều trong Thanh) như chiếc sọt (*Kỹ thuật của người An Nam*); Quan võ (*Tranh cổ Việt Nam*); Quan võ Tonkin (Jean-Baptiste Tavernier); Lính cầm cờ (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

1. (Việt) *Lê triều hội điển* (A.52). Nguyên văn: 硃漆笠，兩耳繞綸



Một số dạng mũ Trụ thể hiện trên các pho tượng tướng sĩ thời Lê Trung Hưng.

Mão (1782-1783) quân Tam phủ làm loạn, cạy công làm cần, nhiều người đội nón Viên Cơ để lẫn với lính, dần chuyển thành tục [...] Đến năm Bình Ngô (1786) trong nước có biến, lại bỏ Viên Cơ đội Cầu Diện [...] nón Trạo không còn thấy nữa.”⁽¹⁾ Như vậy, quân lính thời Lê Trung Hưng ngoài một số loại mũ như Đa La, Thanh Cát, còn sử dụng nón làm quân trang. Nón quân trang ít nhất có nón Trạo và nón Viên Cơ, nhưng từ năm 1786 trở về sau, các loại nón này dần bị loại bỏ. Một số tranh vẽ võ quan, binh lính triều Lê Trung Hưng xuất hiện một số dạng nón mũ, song danh xưng và quy chế cụ thể

của các loại nón mũ này hiện vẫn chưa có tư liệu văn tự để có thể đối chiếu.

Ngoài ra, đối với quân trang của một số hạng lính cấp thấp, ngoài bộ khinh trang mình trần đóng khố như hình tượng lính Giao Chỉ vẽ trong *Boxer Codex* năm 1590, Phạm Đình Hổ qua câu chuyện *Người nông phu lên kinh* còn cho biết: “Một tên lính đội **Trách màu đỏ**, tục gọi là **Kê Quan cân** (mũ mào gà), tay cầm kiếm, là người quen cũ, thấy nông phu liền mừng rỡ, cởi Trách đội cho anh ta.”⁽²⁾ *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển* (Tr.119) định nghĩa: “Phương ngôn của Dương Hùng

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyển thượng - Lạp. Nguyên văn: 軍士帶掉笠俗名嫩掉榮[...]至如清又二處，通戴圓箕笠俗名嫩又[...]壬寅癸卯年，三府兵亂，挾功肆行，人多戴圓箕笠以混之，輾轉成俗。丙午年國變，復捨圓箕笠而笏面[...]掉笠不復見矣

2. (Việt) *Tang thương ngẫu lục* - Thượng sách - Như kinh nông phu. Nguyên văn: 一卒赤幘 俗名雞冠巾 而執劍，其故人也，見農夫驚喜，脫幘戴之

(thời Hán) viết: ‘Khăn phủ lên búi tóc gọi là khăn Trách [...] Loại khăn này vốn được sử dụng trong dân gian, cuối thời Tây Hán sang hèn đều sử dụng, người bình dân không đội mũ, quý tộc đội mũ thì đội lên trên Trách [...] Đến thời Hán Văn Đế kiểu dáng khăn Trách được thay đổi như nói rộng vành khăn, gia thêm hai diềm che tai, đồng thời che đỉnh đầu.’[...] Hậu Hán thư - Dư phục chí hạ viết: ‘Đến thời Hiếu Văn liền chỉnh vành khăn cao lên, cho thêm diềm che tai, đôn khăn lên làm vòm mũ, chạm vào phía sau thì thu lại, quần thần trên dưới sang hèn đều đội [...] **Đám võ lại thường đội Trách màu đỏ**, cho được uy nghiêm.’” Chúng ta chưa rõ loại Trách màu đỏ trông như mào gà tại Việt Nam rốt cuộc có hình dạng cụ thể ra sao, song ít nhất đây cũng là một trong những dạng quân trang của hạng lính “tiểu tốt” thời Lê Trung Hưng.



Tượng tướng sĩ tại lăng Thái phi Nguyễn Thị Ngọc Diễm, làng Đa Bút, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa. (Ảnh: TQĐ).



Hình tượng binh lính trên chạm khắc gỗ (*Le Đình*) và tượng lính canh lăng Đình Hương (Bắc Giang) đội mũ Trụ, mặc áo giao lĩnh. (Ảnh: TQĐ).

V. TRANG PHỤC DÂN GIAN

1. Y phục

Nếu coi áo dài cổ đứng cài khuy là quốc phục của triều Nguyễn thì áo giao lĩnh - tràng vật hẳn phải là quốc phục của triều Lê. Đây là dạng trang phục từng được sử dụng rộng rãi trên toàn cõi Á Đông.

Vào năm 1681, Jean Baptiste Tavernier mô tả cách ăn mặc của người Việt *trang trọng và đơn giản*. Đó là một cái áo dài đến gót chân, *gần giống áo dài của Nhật Bản*, đàn ông và đàn bà ăn mặc giống nhau không phân biệt. Áo dài họ mặc được thắt ở khoảng giữa thân bằng một cái thắt lưng lụa, đeo đồ vàng, bạc đánh rất đẹp.⁽¹⁾ Loại áo dài gần giống kimono của người Nhật, được đàn ông và đàn bà Đại Việt thời Lê sử dụng rộng rãi chính là áo giao lĩnh. Qua sắc lệnh của triều đình Lê Trịnh yêu cầu nhân dân vùng Thuận Hóa, vốn nhất loạt đổi mặc áo dài cổ đứng từ năm 1744, phải đổi lại y phục, có thể thấy kiểu áo giao lĩnh và áo cổ tròn trong quan niệm của triều đình nhà Lê chính là dạng áo “quốc tục”. Lê Quý Đôn cho biết: “Mùa xuân năm Bính Dần, đặt Trấn phủ Nha



Áo Tứ Diên cổ tròn thời Trần và áo giao lĩnh tràng vật thể hiện trong bức tranh *Giảng học đồ* thế kỷ XVIII. (Cục bộ. Bảo tàng Lịch sử).

môn (ở Thuận Hóa). Bắt đầu từ tháng 7, tuyên rõ dụ rằng: Y phục bản quốc (chỉ y phục nhà Lê) có chế độ riêng, địa phương này trước đây cũng tuân theo quốc tục. Nay cung vâng Thượng đức, dẹp yên biên phương, trong ngoài thống nhất, chính trị và phong tục cũng nên như một.



Người Giao Chỉ (Đàng Ngoài) và người Quảng Nam (Đàng Trong) trong *Boxer Codex* (năm 1590).

1. *Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài* (1681). Tr.43.



Áo giao lĩnh, còn gọi là trực lĩnh (cổ thẳng), đại lĩnh (cổ lớn), trường lĩnh (cổ dài). Một số chiếc áo giao lĩnh thời Lê Trung Hưng khai quật tại vườn đào Nhật Tân (Ảnh: GS.TS. Nguyễn Lân Cường cung cấp).

Các loại quần áo kiểu Khách còn thấy phải đổi theo thể chế quốc tục [...] Đàn ông, đàn bà mặc áo trực lĩnh ngắn tay (tức áo giao lĩnh với chiều dài ống tay áo chấm đến cổ tay), ống tay áo rộng hẹp cho được tùy tiện. Áo thì từ hai bên nách trở xuống đều nên may khép lại, không được để mở, không được chiết eo. Riêng đàn ông nếu muốn mặc áo cổ tròn hẹp tay để tiện làm việc cũng được. Lễ phục dùng áo trực lĩnh ống tay dài, hoặc may bằng vải Thanh Cát, hoặc vải thâm, hoặc vải trắng tùy nghi.”⁽¹⁾ Trịnh Hoài Đức cũng cho biết, trước khi diễn ra cuộc cải cách y phục Đàng Trong năm 1744, người Việt tại thành Gia Định vẫn tuân theo tập tục cũ của Giao Chỉ, người dân xỏa tóc đi chân đất, nam nữ đều dùng áo trực lĩnh ngắn tay, áo may khép lại hai bên nách, không có quần, đàn ông dùng một khổ vải quấn quanh eo, đến dưới mông thì bó lại thắt vào vùng rốn, gọi là cái khố, đàn bà có loại váy quây không gấp nếp, đội nón lớn⁽²⁾. Qua lời ghi nhận của Lê Quý Đôn và Trịnh Hoài Đức, có thể thấy loại áo giao lĩnh sử dụng rộng rãi đương thời không chiết eo và cũng không xẻ vạt quá cao như loại áo dài kiểu Khách, tiền thân của dạng áo dài năm thân. Mặt khác, nam giới thường dân người Việt thường chỉ đóng khố, mặc trùm áo giao lĩnh ra bên ngoài, nhất là ở những vùng đất quanh năm nóng bức. Kiểu cách trang phục này chúng ta còn tìm thấy trong mô tả của quan nhà Thanh, Lý Tiên Căn, “đàn ông đàn bà đều mặc áo cổ lớn,

1. (Việt) *Phủ biên tạp lục*. Phong tục. Nguyên văn: 丙寅春，設鎮撫衙門。七月始，曉以本國衣服自有制度，本地方從前亦維遵用國俗，茲恭奉上德，寧輯邊方，中外混同，政俗所當齊一。諸見存常服客樣衣裙，應改從國俗體製[...]男婦直領短袖衣，其袖口或濶或狹隨意所便。其衣自兩腋以下並須合縫，不許開折。維男人或欲著圓領狹袖衣以便作事亦咱。禮服用直領長袖衣，或青吉布，或緇布，或白布隨宜。

2. (Việt) *Gia Định thành thông chí* - Phong tục. Nguyên văn: 惟我越之人循習交趾舊俗[...]庶被髮跣足，男女皆直領短袖衣，合縫兩腋，無裙袴。男用布一股，纏腰至尻下裹勒之臍，名之曰褲。女有無摺圍裙，戴大笠。

không phân biệt, không có quần, đàn bà có váy quây không gấp nếp”⁽¹⁾, hay thậm chí có thể truy lên đến thời Trần Hồ qua *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ* và bức *Giao Chỉ quốc* trong *Tam tài đồ hội*.



Tranh thờ thế kỷ XVIII tại đình Ngoại, Thanh Liệt, Hà Nội. (Ảnh: TQĐ).

Ngoài kiểu áo giao lĩnh, cổ tròn thì các dạng áo tứ thân, váy đụp, yếm và khố đều là những kiểu trang phục truyền thống, cố cựu đã hiện diện từ thời Lý - Trần và tiếp tục được kế thừa vào thời Lê - Nguyễn. Jerome Richard miêu tả người Việt Đàng Ngoài năm 1778, cho biết: “Những người phụ nữ nói chung ăn mặc khá khiêm nhã. Họ mặc một chiếc váy dài và một hoặc nhiều áo cùng kiểu như của nam giới nhưng chúng ngắn hơn. Họ buộc quanh ngực một chiếc yếm là một mảnh vải hoặc một mảnh lụa có hình trái tim, dùng để làm đẹp cho họ [...] Những người giàu hoặc có phẩm tước mặc đồ lót cực rộng và dài, áo ngủ có tay hẹp và ngắn cùng kiểu với áo dài bên trong và bên ngoài của họ [...] Quần áo của dân Đàng Ngoài đa dạng về màu sắc. Thông thường nhất là màu trắng. Có nghĩa là màu sắc tự nhiên của lụa hoặc của vải. Màu đen phù hợp với những người được trọng vọng nhất.”⁽²⁾ Thanh triều văn hiến thông khảo cũng có ghi nhận tương tự: “Đàn ông đàn bà đều xõa tóc, đi đất. Quần áo hoặc làm bằng vải hoặc làm bằng lụa, phần lớn dùng sắc trắng. Đàn ông dùng vải thắt lưng, sau đó luôn xuống dưới hông

1. (Trung) *An Nam truyện*, *An Nam tạp ký*, *An Nam du ký* – An Nam tạp ký: 男女衣皆大領，無分別，無裙庫。女有無摺圍裙

2. *Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài*. Dẫn theo *Tuyển tập tư liệu phương Tây*. Tr.214-216.



Một số tranh chân dung thời Lê Trung Hưng. 1. Kiến trung hầu Trịnh Đình Kiên (1715 - 1786) (Nhà thờ họ Trịnh tại Thành Công, Hà Nội); 2. Tham Tụng Nguyễn Quý Đức (1648 - 1720); 3. Thượng thư Nguyễn Quý Kính (1693 - 1766) (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); 4. Quốc Uy công Nguyễn Phúc Thuần (1653 - 1675) (Nhà thờ Quốc Uy công tại làng Dạ Lê, huyện Hương Thủy, Huế).

trở ra phía trước thất bực lại. Đàn bà dùng vải lụa che ngực.”⁽¹⁾ v.v. Các ghi chép, mô tả này hoàn toàn khớp với những bức vẽ người Giao Chỉ, Quảng Nam trong *Boxer Codex* (1590).



1. Người Việt thời Lê Trung Hưng trong *Hoàng Thanh chức công đồ*; 2. Ông sư, ông quan, ông Tú bình văn, Nữ quan nghênh hôn trong *Kỹ thuật của người An Nam*. Bức vẽ người An Nam trong *Hoàng Thanh chức công đồ* được chú thích: “đàn ông đội mũ có trắng lớn, hình như cái vạc úp, mặc áo trường lĩnh thụng, tay cầm quạt chuối, xỏ giày mà đi. Người nghèo thì mặc áo ngắn, đi chân đất, cầm củ cây cày. Phụ nữ quý tộc xõa tóc, không cài trâm, tai đeo kim hoàn [...] Phụ nữ lấy khổ vải che đầu, áo dài vạt dài, đi giày lộ gót, gấp nhau thì lấy trấu cau làm lễ, giới các việc thêu thùa, bép núc”.

nón rộng vành, đỉnh phẳng như tấm ván.⁽²⁾ Song Nishikawa Joken, tác giả của *Hoa Di thông thương khảo*, lại có ghi nhận hoàn toàn trái ngược với William Dampier. Ông cho biết khoảng những năm 1645, người Việt “hễ đi bộ thì ắt đội nón”⁽³⁾. Và theo ghi nhận của Phạm Đình Hổ có thể thấy đến cuối thời Lê Trung Hưng, các dạng nón đã hết sức phong phú và phổ biến trong dân gian Việt Nam. Trong đó có nhiều

1. (Trung) Thanh triều văn hiến thông khảo - Q.296 - *Tứ duệ tứ - An Nam*. Nguyên văn: 男女皆披髮，跣足，衣裳或布或絹，多用白色。男子以布束腰，從尻下穿前繫裹。婦女以布絹上掩胸乳
2. *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*. Tr.61.
3. (Nhật) Tăng bộ Hoa Di thông thương khảo - Q.3 - Giao Chỉ. Tr.11. Nguyên văn: 步行スルニ必笠ヲ著ル

Ngoài ra, về phục sức che đầu đặc trưng của người Việt phải kể đến nón. Vào thời Lý, Chu Khứ Phi miêu tả người Việt hay đội loại nón như hình vỏ ốc, gọi là Loa lập. Vào thời Lê sơ, qua ghi nhận của Toàn thư, nón Thủy Ma, nón màu trắng ngà, nón sơn v.v. là các dạng nón quân trang. Đến đầu thời Lê Trung Hưng, năm 1688, theo mô tả của William Dampier, người Việt ông ta nhìn thấy lúc ông ta nhìn thấy lúc này thường để đầu trần, không mấy khi đội nón mũ, ngoại trừ khi trời mưa; chỉ có những người dân chài và thợ thuyền mới thường xuyên đội

dạng nón vẫn được kế thừa vào thời Nguyễn, được khắc họa trong *Kỹ thuật của người An Nam*. Phạm Đình Hổ kể lại: “Hồi tôi tám chín tuổi (khoảng năm 1776-1777), thấy người già đội Ngoan Xác lập (ngoan xác: mai của con giải), tục gọi là nón màu giải (nón có màu tựa màu con giải) hoặc đội nón Tam Giang. Con cái nhà quan và các học trò ở trường Giám thì đội Phương Đẩu đại lập (phương đẩu: cái đẩu vuông), tục gọi là nón lá. Họ hàng nhà quan mà cao tuổi thì đội Cổ Châu lập, tục gọi là nón dâu, trung niên hoặc trẻ tuổi thì đội Liên Diệp lập, tục gọi là nón lá sen. Đàn ông, đàn bà, sĩ thứ trong kinh thành đều đội Cổ Châu lập, đội Tiểu Liên Diệp lập, tục gọi là nón nhỏ khuôn. Đàn ông đàn bà thôn quê đội Xuân Lôi tiểu lập, tục gọi là nón sọ nhỏ. Quân lính đội Trạo lập, tục gọi là nón chèo vành. Người hầu hạ và vợ con quân lính đội Viên Đẩu lập (viên đẩu: cái đẩu tròn), tục gọi là nón khùa. Nhà sư và đạo sĩ đội Cầu Diện lập (cầu: cái lơ bát cá), tục gọi là nón mặt lơ. Người có tang đội Xuân Lôi đại lập, tục gọi là nón cạp. Người để tang một năm trở xuống đội Cổ Châu lập, buộc thêm quai mây. Riêng nhà quyền thế có tang thì đội Cầu Diện lập để phân biệt. Đến như hai vùng Thanh Nghệ thì người ta đều đội Viên Cơ lập (viên cơ: cái sọt tròn), tục gọi là nón Nghệ. Người Mán Nùng ở ngoại trấn đều đội Tiêm Quang Đẩu Nhược lập, hình như nón khùa mà chớp nhọn, làm bằng vỏ măng nứa, là khác với người tứ chiếng. Đến khoảng năm Nhâm Dần, Quý Mão (1782-1783) quân Tam phủ làm loạn, cây công làm càn, nhiều người đội nón Viên



MỘT SỐ LOẠI NÓN TRONG KỸ THUẬT CỦA NGƯỜI AN NAM

1. Nón Trung kỳ; Nón này người Trung kỳ đội; Nón nhà hiếu. 2. Nón tiểu phụ; 3. Người nhà quê đội nón này; 4. Nón sơn. Nhiều nho sĩ và thương nhân đội. Bên trong làm bằng lá, bên ngoài dùng lá tre tết lại, rồi sức bằng sơn. 5. Nón đàn bà, tục gọi là ba tấm; 6. Nón đình phụ, đàn ông nhà nghèo đội nón này để che mưa nắng. 7. Nón Bắc Ninh, dài làm bằng vải xanh; 8. Nón hôn lễ, ngày xưa đón dâu thì dùng, nay đã thay đổi; 9. Nón nhà sư. Người có tang cũng dùng.

Cơ để lẫn với lính, dần chuyển thành tục. Đến năm Bình Ngô (1786) trong nước có biến, lại bỏ Viên Cơ đội Cầu Diện, người để tang một năm trở xuống, buộc quai sợi trắng để phân biệt. Ở thôn quê thì phồng theo dáng nón Ngoan Xác mà hạ thấp phần trên xuống, gọi là Toan Bì lạp, tục gọi là nón vỏ búa. Thanh thoảng có người đội Xuân Lôi tiểu lạp, còn những nón như nón Ngoan Xác, Tam Giang, Phương Đẩu, Cổ Châu, Liên Diệp và Trạo lạp thì không thấy nữa.”⁽¹⁾



Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài năm 1778 (Jerome Richard) cho biết: Dân chúng không mặc quần áo cho trẻ con khi chúng dưới 6, 7 tuổi. Một vài người khoác lên chúng một cái áo chỉ dài đến rốn. Đa phần bọn trẻ con xứ này hoàn toàn trần truồng.

2. Kiểu tóc

Sau lệnh cấm cạo trọc đối với những người không phải sư sãi vào năm 1470, thói tục cạo trọc trong dân gian đã dần biến mất. Theo Jean-Baptiste, vào năm 1642, người Việt lúc này “cho rằng để đầu trọc là một hành động xúc phạm đến danh dự, và chỉ có những kẻ phạm tội hình sự, khi bị bắt mới bị cạo trọc đầu”. Riêng tục cắt tóc ngắn ít nhất vẫn tiếp tục được người Việt duy trì đến tận năm 1513 với ghi nhận của sứ thần nhà Minh, Phan Hy Tăng. Chúng ta hiện chưa rõ tục cắt tóc ngắn chính thức biến mất vào năm nào, chỉ biết hơn 80 năm sau, năm 1621, sau khi nhà Lê Trung Hưng thành lập, Christophoro Borri ghi nhận người Việt “để tóc xõa và rủ xuống vai, có người để tóc dài chấm đất, càng dài càng

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Lạp. Nguyên văn: 余八九歲時見老者多戴電殼笠俗名嫩牟解或三江笠俗名嫩三江。官家子與監校諸生戴方斗大笠俗名嫩羅。官家內眷年高者帶古洲笠俗名嫩兜。中年及少者戴蓮葉笠俗名嫩羅蓮。京城士庶男婦通戴古洲笠、戴小蓮葉笠俗名嫩汝困。村邑男婦戴春雷小笠俗名嫩壽乳。軍士帶掉笠俗名嫩掉榮。廝養及軍人婦女戴圓斗笠俗名嫩手古。僧道戴筍面笠俗名嫩末蘆。喪家戴春雷大笠俗名嫩及。期功以下戴古洲笠加藤綬。維權門勢戶喪者戴筍面笠以自別。至如清又二處，通戴圓箕笠俗名嫩叉。外鎮蠻僮通戴尖光斗笠笠形如嫩古麻尖頂濫朋補芒女與四政不同。壬寅癸卯年，三府兵亂，挾功肆行，人多戴圓箕笠以混之，輾轉成俗。丙午年國變，復捨圓箕笠而筍面，有功期系思服者以素綬別之。在村塢則做電殼之制而殺其上，謂之酸皮笠俗名嫩補拍。其戴春雷小笠者間或有之而電殼、三江、方斗、古洲、蓮葉、掉笠不復見矣

được coi là đẹp”⁽¹⁾. Và hơn 100 năm sau, năm 1792, người Việt vùng Đàng Trong quan niệm “để tóc ngắn không những bị coi như dấu hiệu của sự thô tục, mà còn là biểu thị của sự thoái hóa”⁽²⁾

Như vậy, quan niệm về mái tóc của người Việt thời Lê sơ đã thay đổi so với người thời Trần, và cũng hoàn toàn khác biệt so với người thời Lê Trung Hưng. Vào thời Lê Trung Hưng, theo Alexandre de Rhodes, triều đình nhà Lê đã “ra lệnh từ nay dân Đàng Ngoài không kết tóc bọc trong lưới trên đầu như người Tàu, và để tỏ ra độc lập, họ bỏ tóc dài tỏa trên vai”.⁽³⁾ Cha Marini cũng ghi nhận “dưới thời Bắc thuộc (chỉ thời thuộc Minh), cả đàn ông và phụ nữ đều để tóc búi cao nhưng khi thoát khỏi ách đô hộ, họ thả tóc xuống và đi chân



Ca nương cầm đàn đáy thế kỷ XVIII. (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam; Đình Ngoại, Thanh Liệt, Hà Nội. Ảnh: TQĐ).



Cảnh dạy học thời Lê Trung Hưng (Giảng học đồ, thế kỷ XVIII, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam) và thời Nguyễn.

trần như là biểu tượng của sự tự do.”⁽⁴⁾

Nghĩa là triều đình cấm dân gian búi tóc thất Vọng cân như phong tục của người Minh. Lúc này, người Việt hầu hết đều để tóc dài, buông xõa trên vai.

Chúng ta có thể kiểm chứng tục xõa tóc qua một loạt tư liệu tranh tượng thời Lê Trung Hưng, cũng như vô số những ghi chép của các nhà du hành, sứ thần ngoại quốc mô tả dung mạo người Việt thế kỷ XVII, XVIII, như năm 1621, Christophoro Borri ghi nhận “Họ cũng để tóc dài như đàn bà, cho xõa tóc tới gót

1. *Xứ Đàng Trong năm 1621*. Tr. 54.

2. *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*. Tr. 83.

3. *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*. Tr.4.

4. Dẫn theo *Những lời khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam*. Tr.58.

chân và cũng đội nón”; năm 1685 Samuel Baron mô tả “*Bất luận nam hay nữ đều để mái tóc dài thông xuống.*”⁽¹⁾ Năm 1688, William Dampier cũng miêu tả: “*Tóc họ đen, dài và rất dày, để xõa xuống tận vai [...] Răng họ đen hết mức họ có thể làm được, vì họ coi đây là một lối trang điểm cao quý.*”⁽²⁾ Lý Tiên Căn (1621-1690) người thời Thanh cho biết: “*Người nước ấy xõa tóc, dùng sáp thơm chải tóc nên không bị bung, đi đất, song chân không có bụi bẩn, chùng bởi đất đều là cát sạch.*”⁽³⁾ Năm 1691, triều thần Mân Ám trả lời vua Triều Tiên Túc Tông về phong tục của người Việt, đáp rằng: “*Bất kể người sang kẻ hèn đều buông xõa mái tóc, nhai trầu cau luôn miệng, đối đáp với khách cũng không ngừng, răng đều đen như son. Tính cách của họ đại để kênh kiệu đứng dung nhưng khi gặp gỡ giao tiếp cũng rất biết lễ nghĩa, khiêm nhường.*”⁽⁴⁾



Chân dung các giáo sĩ người Việt năm 1688, vẽ bởi Carlo Maratta. (Dẫn theo *Siam and the Vatican in the seventeenth century*).

Vì chuộng buông xõa mái tóc dài, không ít vị quan nhà Lê khi vào châu đều xõa tóc đội mũ, hoặc búi một phần tóc, phần còn lại buông xõa. Kiểu tóc này ta có thể kiểm chứng qua bức tranh *Phủ chúa Trịnh*

1. *Mô tả vương quốc Đàng Ngoài*. Tr.108.
2. *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*. Tr.59.
3. (Trung) *An Nam truyện*, *An Nam tạp ký*, *An nam ký du - An Nam tạp ký*. Tr.1. Nguyên văn: 其人被髮，以香蠟梳之，故不散。跣足，足無塵垢，以地皆淨沙也
4. (Hàn) *Triều Tiên vương triều thực lục - Túc Tông - Q.23 - Mục ngày Ất Dậu mùng 5 tháng 12 năm thứ 17 triều vua Túc Tông*. Nguyên văn: 無論尊卑，盡被頭髮，恒嚼檳榔，對客不輟，牙齒皆黑。若着漆然，其儀形，大抵標輕而接待之際，頗知禮讓

của Samuel Baron, bức *Triều phục bá quan văn võ tại vương phủ* của Jean Baptiste Tavernier, hình quan văn quan võ trong *Những khu truyền giáo* của cha Marini, qua mô tả của sứ thần Han Tae Dong năm 1713: “*Mũ Ô Sa, áo cổ tròn, đai thắt,*



Tranh chân dung Phùng Khắc Khoan thờ tại nhà thờ họ Phùng, Thạch Thất, Hà Nội.

phẩm trật đại để như chế độ nước ta, duy có việc xõa tóc buông ra phía sau rồi đội mũ lên là hiếm thấy mà thôi”⁽¹⁾, qua mô tả của sứ thần Seo Ho Su năm 1713: “*Quan An Nam búi tóc, buông xõa phần còn lại ra sau, rồi mới đội mũ Ô Sa*”⁽²⁾. Thậm chí Phùng Khắc Khoan khi vào châu vua Minh đã búi tóc theo phong tục của thiên triều, song ngay sau khi về sứ quán ông lập tức rũ bỏ ngay. Sứ thần Triều Tiên Lý Toái Quang miêu tả: “*Ông tuy rất già nhưng sức lực còn khỏe, thường đọc sách viết lách không ngừng. Gặp ngày triều hội vào châu cửa khuyết thì búi tóc đội mũ, nhất nhất noi theo phục sức của thiên triều, nhưng nom sắc mặt ông có vẻ nhàn nhó khó chịu, vừa về là cởi bỏ ngay. Cả đoàn hai mươi ba người đều xõa tóc. Người cao sang thì sơn răng, kẻ hạ tiện thì mặc áo ngắn đi đất, dù vào mùa đông vẫn đi đất, không xỏ tất dài. Chùng phong tục của họ là vậy.*”⁽³⁾

Tuy có thói quen buông xõa tóc dài, những khi cần gọn gàng thuận tiện, một cách hết sức tự nhiên, người Việt lại búi một búi tóc sau đầu. Khoảng những năm 1695, nhà sư Thích Đại Sán mô tả những người Việt Đàng Trong ở trên thuyền đều “*cởi trần xõa tóc, dùng mảnh vải quấn*

1. (Hàn) *Yên hành lục - Hàn Thái Đông - Lương thế Yên hành lục*. Tr.233. Dẫn theo Cát Triệu Quang. *Đại Minh y quan kim hà tại. Sử học nguyệt san*. Kỳ 10 - 2005. Nguyên văn: 皂帽團領品帶大盖如制，而唯是披髮垂後加帽于上，為駭見耳
2. (Hàn) *Yên hành ký - Q.2*. Tr.459. Dẫn theo Cát Triệu Quang. *Đại Minh y quan kim hà tại, Sử học nguyệt san*. Kỳ 10 - 2005. Nguyên văn: 束髮垂后，戴烏紗帽
3. (Hàn) *Chi Phong tiên sinh tập - Q.8 - An Nam quốc sứ thần xướng họa văn đáp lục - Hậu*. Nguyên văn: 其人雖甚老，精力尚健，常讀書寫冊不休。若值朝會詣闕則束髮著巾帽，一依天朝服飾。而觀其色，頗有蹙頞不堪之狀，既還即脫去。一行凡二十三人皆被髮。貴人則涅齒，下人則短衣跣足，雖冬月赤脚無袴襪。蓋其俗然也。 Một số bản dịch hiện nay dịch “bị phát” là “búi tóc”. Cách dịch như vậy hoàn toàn sai lạc. “Bị phát” 被髮, “phi phát” 披髮 đều có nghĩa là xõa tóc.



1-2. Tượng Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung (chùa Cầu Đông, Hà Nội); 3-4. Tượng chùa Bút Tháp, Bắc Ninh (Ảnh: TQĐ); 5. Vị chánh sứ mặc Măng bào màu trắng, phủ khăn điều, đứng đầu đoàn công sứ Đại Việt thời Lê Trung Hưng trong *Vạn quốc lai triều đồ* (họa phẩm thời Càn Long. Bảo tàng Cổ cung Bắc Kinh. Ảnh: Hồ Như Ý); 6. Mệnh phụ An Nam (Hoàng Thanh chức cống đồ).

che phía trước, gián hoặc cũng có người búi tóc chuy kể để tiện làm lụng, răng đều đen [...] Một thuyền tiếp đến có vị quan cũng xoa tóc đi chân đất”⁽¹⁾.

Với mái tóc dài buông xõa, nhà giàu quý tộc thời Lê Trung Hưng thường dùng một vuông vải lớn phủ lên đầu, tương tự các quan triều Trần qua mô tả của Trần Cương Trung, hay truy xa hơn là lối thủ sức của vua Lý Nhân Tông trong miêu tả của Lê Tắc “dùng lụa đỏ phủ lên đầu, giắt kiếm bước lên Cửu trùng đài”⁽²⁾. Lối dùng khăn phủ mang đậm âm hưởng Phật giáo này xuất hiện khá nhiều qua tranh tượng thời Lê Trung Hưng, và được minh chứng qua miêu tả của sứ thần Triều Tiên Lý Toái Quang về Chánh sứ Đại Việt Phùng Khắc Khoan: “Sứ thần họ Phùng, tên Khắc Khoan, hiệu là Nghị Trai, tuổi hơn bảy mươi, hình dong rất lạ, son răng xõa tóc, áo dài tay thụng, dùng cả khổ vải đen phủ lên đầu như kiểu khăn nhà sư, để cho một nửa khổ rủ ra đằng sau quá vai.”⁽³⁾ Hoàng Thanh chức cống đồ cũng mô tả: “Đàn bà giàu sang xoa tóc, không cài trâm,

tai đeo kim hoàn [...] Đàn bà dùng khăn phủ đầu, áo dài, vạt dài, đi

giày lộ gót, gặp nhau đãi trầu cau, giỏi các việc thuê thùa nấu nướng.”⁽¹⁾ Alexandre de Rhodes cũng ghi nhận phụ nữ Việt những năm 1625-1645 dùng the làm khăn trùm đầu⁽²⁾.

Ngoài ra, qua một số sử liệu và tranh ảnh cho thấy không ít nam giới người Việt xoa tóc, đồng thời cạo một vành tóc tròn trên thóp. Giải thích ý nghĩa của việc cạo tóc này, hiện có bốn nhóm quan điểm sau:

A. Cạo tóc khi có tang, nên thời kỳ có tang gọi là thời tang tóc. Tác giả sách *Son cư tập thuật* cho biết tục người Hán ở Việt Nam cuối thời Lê, vào ngày thành phục, các con đều cạo đầu, bố chết mẹ còn thì cạo một nửa. Đến khi ngũ phục, xem mối quan hệ thân hay sơ mà cạo tóc nhiều hay ít. Nay đất kinh kỳ cũng có người theo tục này, gọi là Tang tóc⁽³⁾. Jean-Baptiste Tavernier cho biết, vào năm 1681, “vua mới (tức thái tử nối ngôi, con vua đã quá cố) cắt tóc, đầu đội mũ rom”⁽⁴⁾ Cha sứ Marini cho biết, vào khoảng những năm 1646 - 1658, khi có tang, người Việt “cắt tóc để tỏ lòng tôn kính”⁽⁵⁾ Tuy nhiên ghi nhận của *Son cư tập thuật*, Jean Baptiste Tavernier và cha Marini (cắt hoặc cạo tóc khi có tang) lại mâu thuẫn với ghi nhận của Alexandre de Rhodes (ngày thường cạo tóc, khi có tang thì không cạo). Alexandre de Rhodes cho biết “về cách để tang thì có sự khác nhau và kỳ dị về áo mặc; cách thông thường và chung cho mọi người là tóc. Phái nam không có tang thì để tóc phía trước cắt nửa vòng tròn trên trán, khi có tang thì để tóc dài xuống tới mắt, khá vương. Trái lại phái nữ có tang thì cắt một phần



Người Đông Kinh (Hà Nội) trong *Hải ngoại chư đảo đồ thuyết*.

1. (Trung) *Hải ngoại kỳ sự* - Q.1. Tr.12. Nguyên văn: 裸體披髮，以布縑纏掩其前，間有椎髻便操作者，侏黑齒[...]繼來一舟，有官，亦披髮跣足

2. (Trung) *An Nam chí lược* - Cổ tích - Cửu trùng đài. Nguyên văn: 王以紅帛帕頭，佩劍登臺

3. (Hàn) *Chi Phong tiên sinh tập* - Q.8 - An Nam quốc sứ thần xướng họa vấn đáp lục - Hậu. Nguyên văn: 使臣姓馮名克寬，自號毅齋，年踰七十，形貌甚怪，涅齒被髮，長衣闊袖，用縑布全幅蓋頭如僧巾樣，以其半垂後過肩焉

1. (Trung) Hoàng Thanh chức cống đồ - An Nam quốc. Tr.15-17. Nguyên văn: 貴家婦人披髮，不髻，耳帶金環[...]婦女以帕蒙首，長衣長裾，納履露踵，相見以檳榔為禮，善紡績烹飪之事

2. *Từ điển Việt - Bồ - La*. Mục từ The. Tr.218

3. (Việt) *Son cư tập thuật* - Q.2 - *Man lạp phong tục*. Nguyên văn: 成服日諸子盡髻其頭，父死母存則髻其半。至於五服，以服之輕重為髻髮之多寡。今中土亦有循是俗者，謂之髮喪 Thành phục chỉ tang phục thân quyến mặc sau khi người chết được nhập liệm.

4. *Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài* (1681). Tr.85

5. Dẫn theo *Những lời khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam*. Tr.82

tóc không cho dài ra, suốt ba năm tang nếu là người góa bụa thì cấm và bị phạt nặng nếu tái giá trong thời gian này, gọi là thời tang tóc”⁽¹⁾, “để tang cha hay mẹ chết, trong thời kỳ đó, đàn ông không cạo tóc ở phía trên và phía trước đầu”⁽²⁾.

B. Cạo tóc là tập tục lưu hành tại vùng Đàng Trong. Theo Terajima Ryōan, tác giả *Hòa Hán tam tài đồ hội*: “Người Giao Chỉ (Đàng Trong) đàn ông thì cạo tóc ở vùng huyết Bách Hội [...] Đông Kinh tức là kinh đô của Giao Chỉ. Họ vốn là anh em, tới thời con cháu giao tranh nên Giao Chỉ và Đông Kinh phân làm hai nước. Ranh giới hai nước có ngọn núi tên gọi Kê Mâu (có lẽ chỉ núi Đâu Mâu,



Người Đông Kinh và Giao Chỉ trong *Hòa Hán tam tài đồ hội*.



Người Đông Kinh (Hà Nội) trong *Vạn quốc nhân vật đồ thuyết* (1720) và *Tăng bổ Hoa di thông thương khảo* (1708).

phân chia vùng Đàng Trong – Đàng Ngoài thời Trịnh Nguyễn phân tranh) [...]Người Đông Kinh (Đàng Ngoài) cũng giống người Giao Chỉ, song không cạo tóc ở đỉnh đầu mà lại búi tóc”⁽³⁾. Nishikawa Jyoken, tác giả *Hoa Di thông thương khảo* cho biết, vào những năm 1695 “(Người Đàng Trong) trang phục khác với người Đường ngày nay (người Mãn Thanh), nhưng lại giống kiểu trang phục thời Minh. Sắc mặt họ hơi đen. Đầu tóc giống nam giới Nhật Bản, họ cạo một ít tóc ở vùng Bách Hội như

1. *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*. Tr.53
2. *Từ điển Việt – Bồ - La*. Mục từ Tang tóc. Tr. 211. Bản dịch tiếng Việt dịch từ “radunt” (nguyên tác) là cắt, ở đây chúng tôi sửa lại thành từ cạo.
3. (Nhật) *Hòa Hán tam tài đồ hội* – Q.13 – Dị quốc nhân vật – Giao Chỉ, Đông Kinh. Tr.30. Nguyên văn: 男則剃百會[...]東京, 即交趾之都府也。本為兄弟, 至子孫相爭, 交趾與東京分為二國。二國之界, 有山, 名岐夜牟[...]其人物與交趾同, 但不剃頂而束髮

kiểu tóc Sakayaki (kiểu tóc này có thể đối chứng qua hình ảnh người Giao Chỉ trong *Hòa Hán tam tài đồ hội* và bức tranh chân dung Quốc uy công Nguyễn Phúc Thuần (1653 - 1675). TQĐ chú) [...] Người Đông Kinh lại giống Trung Hoa hơn người Giao Chỉ, song không cạo tóc ở vùng trán, mà búi tóc lại, tục cạo tóc ở vùng trán gần đây cũng nhiều. Răng thì cũng đen như người Giao Chỉ.”⁽¹⁾ Tuy nhiên, theo ghi nhận của Alexandre de Rhodes và hình vẽ trong *Boxer Codex* do người Philipines thực hiện năm 1590, người Đông Kinh trong *Vạn*



Người Đông Kinh trong *Vạn quốc nhân vật đồ* (1645).

quốc nhân vật đồ (1645), rõ ràng từ những năm 1590 – 1645 vùng Đàng Ngoài đã lưu hành tục cạo tóc này.

C. Cạo tóc theo tục của người Thanh. Tác giả *Nam sử tư ký* và *Lão song thô lục*, những người sống đầu thời Nguyễn cho rằng triều đình nhà Lê phải xin nhà Thanh cho cạo một nửa mái tóc:

“Thanh Thế tổ lên ngôi,



Người Hội An năm 1609 trong *Chu án thuyên hội quyenn*.

đặt niên hiệu Thuận Trị (tại vị 1643—1661), thống nhất thiên hạ, thay đổi y phục Trung Quốc. Phụ lão Trung Quốc đến cửa khuyết, xin lưu lại một nắm tóc để làm vết tích. Nước Nam ta xin cạo một nửa, gọi là khoái giới cạo”⁽²⁾ (‘khoái’ theo Từ điển Việt – Bồ -La nghĩa là ‘đỉnh đầu’). Đây là

1. (Nhật) *Tăng bổ Hoa Di thông thương khảo* – Q.3 – Giao Chỉ, Đông Kinh. Tr.11 – Tr.14. Nguyên văn: 人物衣服今ノ唐人ノ形トハ別也, 明朝ノ時ノ形ニ似タリ。人ノ顔色少シ黒ク, 頭日本ノ男子ニ似テ少ク百會ニサカヤキヲ剃タリ... 人物交趾ヨリハ又中華ニ似タリ但シ月額無ク(俗近代ハ月額ヲ剃タリモ多ト云リ) 髪ヲ束ス齒ハ交趾ト同ク黒シ
2. (Việt) *Nam sử tư ký* – Chân Tông Thuận hoàng đế. Nguyên văn: 世祖即位, 紀元順治, 天下一統, 改易中國衣服, 又有薙髮令。中國父老詣闕, 乞留一握髮以為迹。我南國乞半薙, 號曰 介

quan niệm sai lầm. Bởi tư liệu cho thấy tục cạo tóc đã xuất hiện tại Việt Nam trước khi nhà Thanh thành lập. Bên cạnh đó, các sách như *Lịch đại danh thần sự trạng*, *Nhân vật chí*, *Công dư tiếp ký*, *Danh thần danh nho truyện* ký đều chép: Khi người Thanh vào làm chủ Trung Hoa, sai sứ mang chiếu thư đến nước ta, lệnh cho quốc dân đều phải cạo tóc, bề trên lấy làm lo, lệnh cho ông Nguyễn Đăng Cảo đến cửa quan nghênh đón, ông bèn làm bài *Giải chur hầu hoặc văn* để nói rõ ý tứ, người Thanh mới thôi⁽¹⁾.



Quân tượng ở Hội An trong *Chu án thuyền hội quyển* (1609).

Tuy nhiên, sau khi người Thanh giao thương với người Việt, quả nhiên đã có không ít người Việt cạo tóc bắt chước người Thanh, khiến triều đình nhà Lê phải nhiều lần ra lệnh: “*Thương nhân phương Bắc qua lại nước ta, quốc dân có nhiều kẻ bắt chước họ, bèn nghiêm sức cho người phương Bắc nhập tịch vào nước ta, từ ngôn ngữ đến y phục, nhất nhất phải noi theo quốc tục*”⁽²⁾; “*Năm 1696, Phủ Liêu lại vâng mệnh truyền rằng: phạm các xã dân ở giáp địa giới ngoại quốc, từ ngôn ngữ đến ăn mặc và cư xử đều nên tuân theo dáng vẻ lễ lối và phong tục nước ta, nếu cạo trọc đầu thì cũng nên bớt lại một mảng tóc, chứ không được cạo bậy bắt chước tiếng nói và quần áo của người ngoại quốc. Kể nào vi phạm thì cũng cho phép quan trấn phủ điều tra trừng trị*”, năm 1727 lại truyền rằng “*con trai trong nước ta, hễ ai cạo tóc cũng nên theo phong tục nước nhà, để lại cái chỏm để tỏ ra phân biệt. Kể nào vi phạm thì cho phép quan lưu thủ hoặc quan đề lãnh phạt ngay 10 trượng*.”⁽³⁾

1. (Việt) *Công dư tiếp ký* – Danh thần - Nguyễn Đăng Cảo ký. Nguyên văn: 時清人入帝中華，發使齋詔往我國，令國人皆薙髮。上以爲憂，命公往關上迎接。公乃作解諸侯惑文以誦之，清人乃止

2. (Việt) *Việt sử* - Q.3 – Huyền Tông, Gia Tông. Tr. 41. Nguyên văn: 清帝中國薙髮短衣，一守滿洲故習。宋明衣冠禮俗爲之蕩然。北商往來我國，國人多有效之。乃嚴飭北人籍我國者，言語衣服一遵國俗
Sách *Cương mục* thời Nguyễn cũng có ghi chép tương tự, song có một vài chữ xuất nhập (自清入帝中國薙髮短衣，一守滿洲故習。宋明衣冠禮俗爲之蕩然。北商往來日久，國人亦有效之者。乃嚴飭諸北人籍我國者，言語衣服一遵國俗)

3. (Việt) *Lịch triều tạp ký*. Tr. 245, 243.



Binh lính Giao Chỉ trong *Boxer Codex* (1590).

Với những chứng cứ hiện có, chỉ có nhóm quan điểm thứ tư cho rằng việc cạo một phần tóc được thực hiện trong quân đội, nhằm phân biệt quân lính với dân thường, không tồn tại mâu thuẫn. Trong các quan điểm còn lại, chúng tôi nghiêng về quan điểm cho rằng, một bộ phận người Việt cạo tóc khi có tang, do đó thời kỳ có tang được gọi là thời tang tóc.

Ngoài ra cần lưu ý thêm rằng, trong khi triều thần nhà Lê là Lê Quỳnh thà chết không chịu cạo tóc thì Quốc Uy công Nguyễn Phúc Thuần ở Đàng Trong lại cạo tóc tương tự kiểu kayasaki của người Nhật. Triều thần Lê Quỳnh sau khi bị Phúc Khang An dụ cạo tóc đã



Người Hội An (*Chu án thuyền hội quyển*).

1. (Trung) *An Nam kỷ du*. Nguyên văn: 男成丁，符於定額宜編伍者則官剃其額上髮寸許以別於民焉

tức giận trả lời: “*Bọn ta đâu có thể chặt, chứ tóc không thể cạo, da có thể lột, chứ y phục không thể thay!*”⁽¹⁾ Đến năm Gia Long thứ 3 (năm 1804), Lê Quỳnh được thả về nước, sau đó thường xõa tóc, mặc áo cừu, du ngoạn ở chùa Đại Đồng, Hải Dương. Tác giả *Vân nang tiểu sử* ca ngợi, mười mấy năm trời ở Trung Quốc mệnh mông, xõa tóc rũ áo dài duy chỉ có một mình ông mà thôi⁽²⁾. Điều đó chứng tỏ, so với Đàng Ngoài, tục cạo tóc được đón nhận và lưu hành rộng rãi hơn ở vùng Đàng Trong, trước khi diễn ra cuộc cải cách về đầu tóc trang phục thời chúa Nguyễn Phúc Khoát.

Bên cạnh đó, với riêng kiểu tóc của phụ nữ, Phạm Đình Hổ còn cho biết: “*Phụ nữ nước ta (cuối Lê đầu Nguyễn) chỉ dùng khăn là giấu tóc, gặp bậc tôn trưởng thì xõa tóc để tỏ lòng tôn kính*”⁽³⁾. Dựa vào ghi nhận của Phạm Đình Hổ, đối chiếu với pho tượng thị nữ chùa Dâu (Bắc Ninh), có thể thấy vào cuối thời Lê, tục dùng lụa bọc tóc vấn quanh

đầu đã định hình và phổ biến trong một bộ phận phụ nữ Việt. Riêng việc xõa tóc để tỏ lòng tôn kính, Jerome Richard năm 1778 cũng ghi nhận: “*Nam giới và phụ nữ thường búi tóc cao và gắn vào đó một cái nơ phía sau đầu. Nhưng khi họ xuất hiện trước bề trên, họ lại để xõa tóc tỏ ý tôn*



Chân dung Quốc Uy công Nguyễn Phúc Thuần.



Tượng thị nữ chùa Dâu (Bắc Ninh).

1. (Việt) *Hoàng Lê nhất thống chí* – Đệ thập tam hồi. Nguyên văn: 我輩頭可斷，發不可雉，皮可削，服不可易也。Mục tháng 4 năm 1789 trong *Cương mục* cũng có ghi chép tương tự.
2. (Việt) *Vân nang tiểu sử* - Trường phái hầu. Nguyên văn: 嘉隆三年，清皇許公奉出帝襪回國，公全髮以歸寧。後公常於本縣大同寺遊玩，披裘散髮[……]雲史氏曰：遂使十數年間，茫茫中朝而散髮垂衣，惟公一人而已
3. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyển thượng – Quan lễ. Nguyên văn: 婦人古有冠髮，我國只用羅巾斂髮，其見尊長則散垂為敬

kính”⁽¹⁾. Cha Marini ở Đàng Ngoài vào giai đoạn 1646 - 1658 cho biết: “*Họ buông xõa tóc xuống vai để thể hiện phẩm giá và sự kính trọng. Khi xuất hiện trước mặt nhà vua hoặc người đức cao vọng trọng, nếu đang buộc tóc thì họ phải nhanh chóng thả tóc ra. Nếu không, họ sẽ bị quan cắt tóc*”⁽²⁾. Thanh triều văn hiến thông khảo cũng ghi nhận: “*Yết kiến bậc tôn quý thì quỳ gối lạy ba lạy. Ngẫu nhiên gặp ắt buông nón xõa tóc, không làm như vậy là bất kính.*”⁽³⁾



Trang phục của vũ công thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn.

1. *Nguồn tư liệu thư tịch phương Tây với tiến trình lịch sử Thăng Long Hà Nội*. Tr.216
2. Dẫn theo *Những lễ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam*. Tr.63
3. (Trung) *Thanh triều văn hiến thông khảo* - Q.296 - Tử duệ tứ. Tr. 7450. Nguyên văn: 謁尊貴跪膝三拜，偶相見必脫笠披髮，非是則為不敬

CẢI CÁCH Y PHỤC ĐÀNG TRONG NĂM 1744 -
SỰ RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH PHỔ CẬP CỦA ÁO DÀI NĂM THÂN

Kể từ năm 1545, sau khi xin vào trấn thủ vùng Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng cùng con cháu ông không ngừng mở mang bờ cõi, phát triển Đàng Trong, từng bước độc lập với chính quyền Đàng Ngoài của chúa Trịnh. Đến đời thứ 8, Hiếu Quốc công Nguyễn Phúc Khoát tự xưng vương, thực thi các sắc lệnh thay đổi triều nghi phẩm phục trong cung đình và quần áo trong dân gian, nhằm xóa bỏ “*thói tục hủ lậu*” của Đàng Ngoài, biến Đàng Trong trở thành một nước có văn hiến áo mũ rực rỡ. Sự kiện cải cách trang phục thời Vũ vương là một cuộc cải cách quan trọng, có ảnh hưởng sâu rộng tới trang phục cũng như phong tục của người Việt Đàng Trong cũng như người Việt triều Nguyễn về sau.

Lê Quý Đôn cho biết: “*Năm thứ 5 niên hiệu Cảnh Hưng (1744), Hiếu Quốc công nhân lời sấm truyền của người Nghệ An rằng tám đời quay về trung đô, liền nghĩ từ thời Đoan Quốc công đến mình đã vừa đúng tám đời, bèn xưng vương, sai lấy thể chế áo mũ trong sách Tam tài đồ hội làm mô thức, lệnh cho các quan võ từ chương dinh đến cai đội, quan văn từ quân bộ đến chiêm hậu, huấn đạo đều tuân theo kiểu dáng màu sắc quy định, áo đều dùng đoạn màu, người sang dùng Mãng bào có thêu hoa văn sóng nước, mũ trang sức bằng vàng bạc. Lại lệnh cho trai gái hai Xứ (Thuận Hóa, Quảng Nam) đổi dùng quần áo Bắc quốc để tỏ sự thay đổi. Đến phụ nữ đều mặc áo ngắn hẹp tay giống áo nam giới thì Bắc quốc*



Kim ấn truyền quốc của nhà Nguyễn.
“Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn
chi bảo” (Kim ngọc bảo tự).



Ghi chép về cải cách y phục thời
chúa Nguyễn Phúc Khoát trong
sách Gia Định thành thông chí
(Tr.369) của Trịnh Hoài Đức.

*không như vậy. Hơn ba mươi năm, người ta
đều quen, quên cả tục cũ.*”⁽¹⁾

Đại Việt sử ký tục biên chép: “*Lại nhân
có người truyền đọc câu sấm rằng tám đời
quay về trung đô, chúa bèn đổi phong tục, đổi
y phục, hạ lệnh cho quan dân hai xứ Thuận
Quảng đều ăn mặc theo thể chế nhà Minh,
để cả nước cùng đổi mới. Duy niên hiệu vẫn
theo Cảnh Hưng, chưa đặt niên hiệu riêng.*”⁽²⁾

Trịnh Hoài Đức cho biết: “*Năm Mậu
Ngọ, Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế nguyên
niên, cải định sắc phục, quan phục của văn
võ bá quan tham chiếu các đời Hán Đường
đến chế độ Đại Minh và kiểu dáng của chế
độ mới (chỉ nhà Thanh) như trang phục của các
phẩm quan dựa theo hội điển ban hành ngày nay, văn chất đã đủ đầy.
Trang phục nhà của đồ dùng trong dân gian đại để như thể chế Đại
Minh, xóa hết thói tục hủ lậu của Bắc Hà, trở thành một nước áo mũ
văn hiến!*”⁽³⁾

Theo Bùi Dương Lịch, “*Chúa Nguyễn nhiều đời được thừa hưởng
thái bình, đến đời Hiếu Vũ vương thời cường thịnh, dùng y phục Bắc
triều, lại học cả kiểu cách ca múa của Bắc triều nữa.*”⁽⁴⁾

Đại Nam thực lục chép: “*Chúa cho rằng lời sấm có nói tám đời trở lại
trung đô, bèn đổi y phục, thay phong tục, cùng dân đổi mới; châm chiếu
chế độ các đời, định Triều phục văn võ, văn từ quân bộ đến chiêm hậu,
huấn đạo; võ từ chương dinh đến cai đội, mũ sức vàng bạc, áo dùng Mãng
bào hoặc gấm đoạn theo cấp bậc. Thế là văn vật một phen đổi mới.*”⁽⁵⁾

1. (Việt) *Phủ biên tạp lục*. Nguyên văn: 景興五年甲子, 曉國公因父安人傳言, 識云: 八世還中都。以自端國公至已適當八代, 乃稱王, 號取《三才圖繪》中冠服體製為体式, 令武自掌營至該隊, 文自管部至占候、訓導各依彩樣, 衣皆用綵緞。貴者用蟒袍水波, 其帽飾以金銀。又令二處男女改用北國衣裳帶裙, 以示變易。至使婦女皆窄袖短衣如男裝, 則北國所無也。三十餘年, 人皆慣習, 忘其本俗

2. (Việt) *Đại Việt sử ký tục biên*. Tr.201.

3. (Việt) *Gia Định thành thông chí*. Tr.369. Nguyên văn: 世宗孝武皇帝戊午元年, 改定色服, 其文武官服, 參酌漢唐歷代至大明製度及新制式樣, 如今官製品服會典頒行者, 文質兼備, 其士庶服舍器用, 略如大明體制, 盡除北河陋習, 為衣冠文獻之邦矣

4. (Việt) *Lê quý dật sử*. Tr.27.

5. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Tập I. Tr.153.

Giáo sĩ Jean Koffler, người Tiệp ở Đàng Trong từ năm 1740 đến năm 1755, trong *Lịch sử xứ Đàng Trong* cho biết: “*Chúa bắt bỏ lối quần áo thô bỉ của người Đàng Ngoài mà chằm chước theo lối quần áo của người Tàu.*”⁽¹⁾

Đặc biệt, *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* ghi nhận: “*Chúa cho rằng lời sấm cổ có nói tám đời quay lại trung đô, tính từ thời Thái Tổ đến nay vừa đúng con số ấy, bèn thay y phục, đổi phong tục, cùng dân đổi mới, bắt đầu hạ lệnh cho nam nữ sĩ thứ trong nước, đều mặc áo nhu bào, mặc quần, vấn khăn, tục gọi quần chân áo chít bắt đầu từ đây. Trang phục nhà của đồ dùng hơi giống thể chế Minh Thanh, thay đổi hết thói cũ hủ lậu của Bắc Hà, thay đổi quan phục tham khảo chế độ của các triều đại Trung Quốc, chế ra phẩm phục Thường triều, Đại triều, lấy làm mô thức, ban hành trong nước, văn chất đủ vẻ, trở thành nước áo mũ văn vật vậy!*”⁽²⁾



Phụ nữ thời Nguyễn năm 1918 mặc áo năm thân. (Ảnh: Albert Kahn).



Nhà văn Lỗ Tấn, Trung Quốc mặc áo trường quái.

Tổng hợp các ghi chép trên có thể thấy, cải cách năm 1744 là một cuộc cải cách lớn về y phục cung đình và dân gian diễn ra trên toàn cõi Đàng Trong. Nguồn tham khảo chính để đặt định y phục là các sách *Hội điển* ghi chép điển chương



Tại cung đình, trong khi các quan nhà Lê xã tóc, đi dắt vào châu vua (phân biệt với người Minh) thì từ cải cách năm 1744 về sau, quan nhà Nguyễn đều búi tóc, thắt Vồng cân, đi hia theo quy chế của nhà Minh (phân biệt với quan nhà Lê và người Thanh). 1. Người Giao Chi trong *Tam tài đồ hội* (Thế kỷ XV); 2. Người dân Việt trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ* (Thế kỷ XIV); 3. Lính cầm nghi trượng (Thế kỷ XVIII); 4. Người Đàng Ngoài trong *Boxer Codex* (Thế kỷ XVI); 5. Lính Đàng Trong (Thế kỷ XIX); 6. Lính đội thời Nguyễn trong *Hoàng phái sắc phục tự thiên tử chí tôn thất* (Thế kỷ XIX); 7. Đi đánh bông trong *Kỹ thuật của người An Nam* (Thế kỷ XX); 8. Quan nhà Lê vào châu vua vẽ bởi Samuel Baron (Thế kỷ XVII).

chế độ của các triều đại Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh, đặc biệt là *Tam tài đồ hội* của Vương Kỳ thời Minh. Năm 1744 cũng là thời điểm đánh dấu sự xuất hiện của *quần chân áo chít*, bộ trang phục ban đầu áp dụng tại hai vùng Thuận Hóa, Quảng Nam, về sau được phổ biến rộng rãi trong toàn quốc, từng bước trở thành quốc phục của triều Nguyễn. Như vậy, “*lời tương truyền Chánh Lộc Khê Hầu (Đào Duy Từ) trong khi bày mưu định kế chống cự với họ Trịnh, đã khuyên chúa Hy Tông bắt dân thay đổi tập tục cho khác hẳn dân Bắc, như bỏ nón thượng, đội nón chóp, bỏ quần màu đen mặc quần màu nâu, đàn bà bỏ áo bốn thân bày yếm mà mặc áo năm thân gài khuy, bỏ tóc bao mà búi tóc, bỏ váy để mặc quần*”⁽¹⁾, mà Phan Khoang ghi lại trong *Việt sử: xứ Đàng Trong 1558-1777* đã nhầm lẫn thời điểm diễn ra cuộc cải cách y phục trọng đại này.

Tuy nhiên, nếu chỉ trong một thời gian ngắn người dân Thuận Hóa, Quảng Nam đều đã mặc quen quen cả tục cũ, thì phụ nữ Bắc Hà nói chung, tầng lớp dân nghèo nói riêng, đã phải mất rất nhiều thời gian mới có thể quen được với dạng trang phục mới này. Thậm chí sau khi đã mặc áo dài năm thân, đàn bà Bắc Kỳ theo thói quen mặc áo tứ thân, giao lĩnh trước đây, thường không cài khuy ở cổ áo, để lộ cổ yếm mặc lót trong. Chính sự bảo thủ với trang phục cổ cự là nguyên nhân chính dẫn đến những sắc lệnh cấm đoán y phục gắt gao dưới triều vua Minh Mạng, mà câu ca dao “*Tháng Tám có chiếu vua ra/ Cấm quần không*

1. Dẫn theo Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hóa sử cương*. Quan hải tùng thư. 1938. Tr.121.

2. (Việt) *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* - Q.8. Tr.3. Nguyên văn: 上以古識有云：八世還中都，邇自太祖至此，正值其數。乃改衣服易風俗，與民更。始下令國內士庶男女並著襦袍，穿裳，繼巾俗号裙襖襖始此。衣服廬舍器用略如明清體製，尽革北河舊俗習，改定官服參酌中國歷代制度乃製常朝、大朝諸品服，示為式，頒行國中，文質兼備，蔚然為衣冠文物之邦矣

1. *Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777*. Tr.615.

Quốc sử di biên ghi nhận các sắc lệnh thống nhất y phục trong toàn quốc lần lượt được triều đình Minh Mạng ban ra vào các năm 1828, 1829, 1830, 1832, 1837, 1842. Trong đó, tháng 5 năm 1830, “*Bắc thành Phó tổng trấn Phan Văn Thúy lại nêu rõ điều cấm về quần áo. Cấm đàn ông đội mũ dài, mũ Bình Thiên, mũ*



“Chú Khách mặc áo dài” (Kỹ thuật của người An Nam); Đàn ông và đàn bà Nam kỳ năm 1859 (Việt Nam qua tranh khắc Pháp).

Yến Vĩ, áo trường lĩnh (túc giao lĩnh) thụng tay và đóng khố quanh eo đùi. Đàn bà không được dùng vải, lụa ngắn quần đầu, không được dùng thắt lưng to, nhỏ và mặc quần không đáy.”⁽¹⁾ Tháng 10 năm 1832 triều đình lại ban lệnh cấm quần áo ở Bắc thành: “*Phụ nữ không được đội khăn vuông và thắt lưng. Ai trái lệnh đeo gông một tháng.*”⁽²⁾ Tháng 1 năm 1842, triều đình tiếp tục ra lệnh cấm áo quần Bắc Hà. “*Quan tỉnh Hà Ninh cho rằng: xa giá ra Bắc, mà Bắc Kỳ quần áo chưa được nhất tề, bèn nhắc lại lệnh nghiêm cấm trước, bắt nhân dân Bắc Kỳ đều theo thể chế Nam Kỳ mà may mặc.*”⁽³⁾

Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục còn cho biết một trong những sắc lệnh của vua Minh Mạng là “*cấm đàn ông đóng khố, đàn bà không được mặc váy kiêu áo tứ thân; nhất*



Bé gái tập ăn trầu. (Ảnh: Albert Kahn).

著交領下用圓裳者，其美惡不亦顯然易見乎

1. (Việt) *Quốc sử di biên* - Tập trung. Tr.87a. Nguyên văn: 二十一日，副總鎮潘文翠再飾衣服條禁：男人不得用長帽、平天帽、燕尾帽長領闊袖衣及纏腰腿袴。婦人不得用短市帛纏頭、大小腰帶及無底裙
2. (Việt) *Quốc sử di biên* - Tập trung. Tr.104b. Nguyên văn: 冬十月復申北城衣裙之禁：婦人不得被方巾及腰帶，違者杖一百，枷絞一個月
3. (Việt) *Quốc sử di biên* - Tập hạ. Tr.17a. Nguyên văn: 春正月，復申北圻衣裙之禁：河寧省官以車駕北巡而北圻衣裙猶有未齊，乃申嚴前禁，一依南圻体制裁縫



Người Việt thời Lê Trung Hưng trong *Hoàng Thanh chúc công đồ*, *Hải ngoại chư đảo đồ thuyết* và *Boxer Codex*.

đáy người ta hải hùng” là một trong những minh chứng được lưu lại trong ký ức dân gian. Ngoài ra, theo ghi nhận của *Hội điển*, *Đại Nam thực lục*, *Quốc sử di biên*, *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục*, nội dung của các lệnh cấm y phục thời Minh Mạng bao gồm lệnh cấm áo tứ thân, áo giao lĩnh, khố, váy thắt lưng và các dạng khăn, mũ Tiệp phục của người thời Lê Trung Hưng như mũ Mã Vĩ, mũ Bình Định, khăn vuông, khăn bọc tóc v.v. Đặc biệt, áo tứ thân, váy đụp và khố bị vua Minh Mạng coi là các dạng trang phục xấu xí, hủ lậu, cần phải cải cách triệt để. Song, sau thời Minh Mạng, chúng ta không thấy có các chính sách cấm đoán y phục thêm nữa. Đây chính là nguyên nhân khiến các dạng khăn khố, váy đụp vẫn tiếp tục được sử dụng cho đến đầu thế kỷ XX.

Đại Nam thực lục ghi lời vua Gia Long bàn với các quan về phong tục vào tháng 12 năm 1802 cho biết: “*Dân Bắc Hà kiểu quần áo cũng không đẹp. Phải nên một phen sửa định mới có thể đồng nhất phong tục. Nhưng sửa đổi phong tục cũng phải dần dần.*”⁽¹⁾

Hội điển ghi lời dụ của vua Minh Mạng năm 1837 cho biết: “*Trước đây từ sông Gianh trở ra ngoài, y phục vẫn noi theo thói tục hủ lậu, nay đặc biệt chỉ dụ, lệnh phải thay đổi theo cách ăn mặc từ Quảng Bình trở vào trong để đồng nhất phong tục [...] Từ Quảng Bình trở vào Nam, quần áo mũ mào nhất nhất noi theo chế độ Hán Minh, trang phục tề chỉnh, so với tục cũ của người miền Bắc, đàn ông đóng khố, đàn bà mặc áo giao lĩnh, dưới mặc thường tròn, đẹp xấu chẳng phải rõ ràng dễ thấy sao?*”⁽²⁾

1. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Tập 1. Tr.539.

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.64. Nguyên văn: 十八年諭：前以靈江以外衣服尚仍陋俗，特諭令改從廣平以裏用示同風[...]況廣平以南一從漢明之制，冠服衣袴似此齊整視之，北人舊俗男子帶褲，婦人衣

loạt đều dùng quần chân và áo năm thân theo lệnh của Hiếu Võ Hoàng Đế năm xưa ở Thuận Hóa."⁽¹⁾



Chân dung Phan Thanh Giản.

Bên cạnh các cấm lệnh y phục cổ cụ của người miền Bắc, nhà Nguyễn còn ban bố sắc lệnh thống nhất trang phục nam nữ trong toàn quốc, yêu cầu người Bắc Hà phải nhất loạt sử dụng lối trang phục chuẩn mực của người miền trong: quần chân, áo chít. Qua một số truyện Nôm như *Quan Âm Thị Kính*: “*Quần chân áo chít dịu dàng/ Giả hình nam tử ai tường căn nguyên*”⁽²⁾, hay truyện *Nữ tú tài*: “*Quần chân áo chít cài khuy/ Trá hình làm đấng nam nhi, học hành*”⁽³⁾, có thể thấy quần chân áo chít khi mới bắt đầu áp dụng chỉ có nam giới tuân thủ. Về sau, do những sắc lệnh về y phục

ngày một gắt gao, phụ nữ Bắc Hà mới dần dần thuận theo.

Quần chân chỉ loại quần có hai ống chân phân biệt với loại quần không đáy, chiếc váy cổ cụ của phụ nữ Việt trước kia; áo chít còn được gọi là áo năm thân, chỉ loại áo được may bằng năm khổ vải (vạt trước hai khổ, vạt sau hai khổ, thân bên phải dôi ra một khổ ngắn, tổng cộng năm khổ, gọi là năm thân), phân biệt với các dạng áo được may bằng bốn khổ vải như áo tứ thân, áo giao lĩnh. Đây chính là dạng áo phổ biến ở Đàng Trong qua mô tả của Chapman năm 1778: “*Đàn ông và phụ nữ Nam Hà đều mặc những bộ đồ được thiết kế theo cách giống nhau. Đây là những bộ đồ khiêm tốn nhất mà tôi từng được thấy, chúng chỉ gồm một áo dài thả lỏng, cổ nhỏ cài cúc, bắt chéo trên ngực, trông không khác gì một chiếc áo dài ngủ,*



Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu. (Ảnh: Albert Kahn).

1. (Việt) *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* - Q.11. Tr.75. Nguyên văn: 禁男人不得帶袴, 女人不得被裳兼四身之衣, 並用裙 (衣真) 與五身之衣以從孝武帝昔年在順化之令

2. *Quốc văn trích diễm*. Tr.172.

3. *Việt Nam thi văn hợp tuyển*. Tr.365.

ống tay áo rất dài và rộng, phủ kín cả hai bàn tay.”⁽¹⁾ Đồng thời đó cũng chính là tiền thân của chiếc áo dài cổ đứng cài khuy hẹp tay, được coi như quốc phục của Việt Nam vào thời Nguyễn. Ngoài ra, Lê Quý Đôn cho biết khi áp dụng vào Đàng Trong, đa số nam nữ đều mặc áo hẹp tay. Song thực tế cho thấy, trước thế kỷ XX, áo dài hẹp tay phần lớn lưu hành trong dân gian, quan lại và quý tộc có nhiều người vẫn chuộng mặc áo thụng tay.

Như vậy, dạng áo cổ đứng cài khuy kết hợp với quần hai ống là dạng trang phục được phổ biến tại vùng Đàng Trong Việt Nam từ năm 1744. Chỉ sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, đặc biệt dưới triều vua Minh Mạng, bộ trang phục này mới từng bước thay thế các dạng trang phục cổ cụ của Đàng Ngoài, trở thành trang phục chung cho đàn ông và đàn bà, thường được gọi với cái tên ngắn gọn là Áo dài.



Áo năm thân sa kép tiện phục của Hoàng thái tử và Công chúa triều Nguyễn (Báu vật triều Nguyễn).

1. *Relation d'un voyage en Cochinchine en 1778*. Tr.61.



CHƯƠNG IV. TRANG PHỤC THỜI TÂY SƠN



Hơn ba chục năm, sau cải cách lễ nghi phẩm phục diễn ra trên toàn cõi Đàng Trong, anh em Tây Sơn khởi nghĩa. Qua những ghi chép mô tả các dạng trang phục, mũ mào của vua quan Tây Sơn, từ việc chít khăn vào ngày thường tới việc sử dụng các loại mũ Xung Thiên, Ô Sa, Phốc Đầu, Văn Công, các dạng Long bào, Măng bào, Bồ phục v.v. vào các ngày triều hạ, có thể bước đầu nhận định, phẩm phục triều Tây Sơn đã chịu ảnh hưởng từ cải cách của chúa Nguyễn Phúc Khoát, có nhiều nét tương đồng với quy chế áo mũ của triều Nguyễn Gia Long về sau.

I. Trang phục cung đình

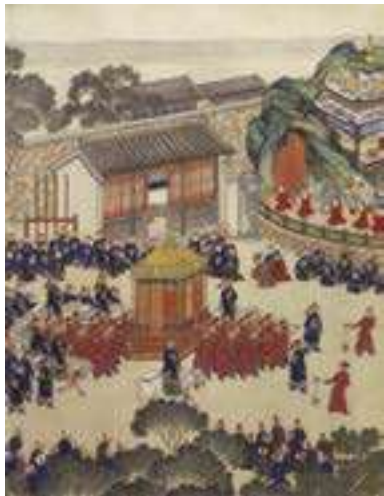
Đối với trang phục của triều đình Nguyễn Nhạc (ở ngôi từ năm 1778 đến năm 1793), qua miêu tả của Chapman, có thể thấy trong những buổi thiết triều, Thái Đức đế Nguyễn Nhạc đội mũ Xung Thiên đính trang sức bằng vàng và bảo thạch, mặc Long bào màu vàng sẫm; bá quan trong triều đội những chiếc mũ được trang sức bằng vàng bạc, mặc Măng bào, đeo đai lưng. Chapman cho biết: “Nhà vua mặc một chiếc áo



Tượng vua Quang Trung chùa Bộc (Hà Nội) và hai vị triều thần phối hưởng đều đội mũ Xung Thiên, Bồ phục Kỳ Lân, theo mô típ tạo tượng Tk XVIII. (Ảnh: TQĐ).

dài bằng lụa vàng đậm, thêu những con rồng và những ký hiệu bằng chỉ vàng. Ông đội một chiếc mũ chật, phía sau nhô lên, phía trước trang trí những đồ châu báu - nổi bật lên trên những đồ châu báu là một viên đá lớn lơ lửng trên không, cách phần phía trước mũ này 135 mm và được giữ

vững bằng một sợi dây vàng xuyên qua. Mỗi lần đầu của nhà vua cử động là mỗi lần viên đá này rung rung và sáng rực lên. Phần lớn các vị quan đều mặc áo dài lụa có màu sắc khác nhau, thêu hình những con rồng, mũ họ đội được trang trí bằng những bông hoa bằng vàng hoặc mạ vàng. Họ đeo đai lưng, một vài người mặc áo dài rộng hơn màu hồng điều có khuy móc bằng vàng và được trang trí mã não hồng đính vào cùng thứ kim loại. Bề ngoài của họ nom thực sự đẹp mắt và dù còn thiếu rất nhiều vẻ uy nghi, lộng lẫy như các hoàng thân phượng Đông khác, khung cảnh vẫn khiến ta có cảm giác một vị vua quyền lực được quần thần bao quanh đang hiện diện.” Trang phục của binh lính thì “muời hai lính gác, mặc đồ da màu xanh lơ, đội một thứ như là mũ cát (casque: mũ bảo hiểm) bọc giấy sơn được trang trí bằng những bông hoa và những họa tiết bằng sắt trắng sạm đen, giống trên chuôi kiếm và bao kiếm của họ.”⁽¹⁾



Càn Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ. (China: The Three Emperors 1662 - 1795).

Đối với trang phục của vua Quang Trung Nguyễn Huệ (ở ngôi từ năm 1788 đến năm 1792), Thanh thực lục cho biết, “loại đai thắt quốc vương nước ấy dùng trong nước là đai nền đỏ, nay muốn gia ban đai nền vàng để tỏ rõ sự biệt đãi”⁽²⁾, đồng thời cho biết “Nguyễn Quang Bình (chỉ người đóng giả vua Quang Trung sang nhà Thanh) về nước, khi qua Quảng Đông, từng nói thích Mãng bào nội địa vì vẻ hoa mỹ, bình sinh chưa từng thấy bao giờ, liền mua mấy tấm ở kinh đô, lại đặt mua ở Hồ Bắc, Hán Khẩu đem về. Nay quốc vương ấy lại gửi dạng thức sang, xin dệt

Mãng bào giao long, để làm trang phục triều hội”⁽³⁾ Tưởng loại Mãng bào Quang Trung yêu thích là dạng áo kiểu Mãn, Càn Long đã rất mừng, nói “nếu quốc vương này quả có ý đó, trẫm ắt đặc biệt gia ơn, ban cho Lễ phục. Không những ban cho mũ đính đá bảo thạch màu đỏ, áo Mã quái

1. Relation d'un voyage en Cochinchine en 1778. Tr.30 và 27.

2. (Trung) Thanh thực lục - Cao Tông thực lục - Q.1349. Tr. 32 - 34. Nguyên văn: 惟該國王在國所繫之帶係屬紅鞋，今欲加賞金黃鞋帶，以昭優異

3. (Trung) Thanh thực lục - Cao Tông thực lục - Q.1349. Tr. 32 - 34. Nguyên văn: 阮光平等回國過粵時，曾言愛內地蟒袍華美，為生平所未見，在京購買數件，又於湖北漢口置買帶回。今該國王復呈寄式樣，請織交龍蟒袍，以為朝議之服



Mũ Ngũ lương Kim quan của Triều Tiên. (Bảo tàng Cổ cung Quốc lập Seoul).

thêu bốn rồng ổ, còn cho theo phục sắc của A Ca, thưởng Mãng bào vàng kim, để tỏ rõ sự biệt đãi”⁽¹⁾, nhưng vua quan nhà Thanh đều không ngờ “dạng thức Mãng bào Nguyễn Quang Bình gửi sang là dạng áo cổ tròn theo quy chế Hán”⁽²⁾. Tuy nhiên, xuất phát từ tình cảm đặc biệt dành cho Quang Trung, Càn Long không những không khiển trách mà còn tự nhủ rằng: “Trẫm biết tục nước ấy xưa nay theo quy chế Hán, y phục đầu tóc đều không

thể thay đổi được”⁽³⁾ Qua Càn Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ, có thể thấy hình tượng vua Quang Trung giả xuất hiện trong tranh đội mũ Xung Thiên đính trang sức bằng vàng ở trán mũ, mặc Long bào màu đỏ thêu hoa văn rồng mây, sóng nước theo dạng thức bào phục thịnh hành tại Trung Quốc và Việt Nam vào thế kỷ XVII, XVIII.

Tận mắt gặp gỡ sứ thần Tây Sơn và vị vua Quang Trung được đóng thế, các sứ thần Triều Tiên có những miêu tả như sau:

Seo Ho Su (Từ Hạo Tu) cho biết: “Ban triều hạ ở điện Thái Hòa và ban tế lễ ở đàn Tịch Nguyệt mới thấy cái gọi là Bản phục. (Bản phục) thì quốc vương đầu chít Vồng cân, đội Thắt Lương Kim quan, mình mặc Long bào màu đỏ, thắt đai bạch ngọc. Tụng thần (bề tôi đi theo - TQĐ chú) cũng chít Vồng cân, đội mũ Ngũ Lương quan màu đen, mặc Mãng bào, về màu sắc có kẻ mặc màu xanh, có kẻ mặc màu tím, thắt đai vàng, hoa văn trên áo bào văn vện quái lạ”⁽⁴⁾.

Yu Deok Gong (Liễu Đắc Cung) ghi nhận: “Vua tôi Quang Bình

1. (Trung) Thanh thực lục - Cao Tông thực lục - Q.1349. Tr. 32 - 34. Nguyên văn: 該國王若果實有此意，朕必格外加恩，錫之章服。不但照親王品級給予紅寶石帽頂、四團龍褂，並當如阿哥服色，賞給金黃蟒袍，朋示優異

2. (Trung) Thanh thực lục - Cao Tông thực lục - Q.1349. Tr. 32 - 34. Nguyên văn: 阮光平寄來蟒袍式樣，系漢制圓領

3. (Trung) Thanh thực lục - Cao Tông thực lục - Q.1349. Tr. 32 - 34. Nguyên văn: 朕意其國俗向沿漢制，衣服及蓄髮斷不可改

4. (Hàn) Yên hành ký. Nguyên văn: 太和殿賀班，夕月壇祭班，始見其所謂本服，則王頭匝網巾，戴七梁金冠，身穿緋色龍袍，束白玉帶，從臣亦匝網巾，戴五梁烏帽，穿蟒袍而色或用青，或用紫，束金帶，袍文駁雜詭怪



Phan Huy Ích mặc áo dài năm thân gài khuy. (Chinh phụ ngâm bị khảo).

như vậy, ngày mười ba, yến lễ tại Thái Hòa điện, sẽ dùng nghi lễ cũ của nước tôi vào triều tham. Đến ngày mười ba lại có vị Đại Tư Mã nằm ốm ở sứ quán mới vào chầu, đứng trên Phan Huy Ích. Ba người bồng chốc thay đổi cách ăn mặc trước đây. Mũ Phốc đầu, đai vàng, áo bào hoặc đỏ hoặc biếc, có hoa văn rồng, mãng; riêng hai lá phúc hậu sau áo quá cao, khi khấu đầu thì nhô lên hai vai, tựa như hai chiếc sừng. Vồng cân tết bằng tơ, kết lưới quá thưa, lại không thắt chặt”⁽¹⁾.

Kim Jeong Jong (Kim Chính Trung) mô tả: “Quan An Nam búi tóc cao dùng Vồng cân, bào phục vào chầu và đai sừng rất giống với nước ta, vả lại còn đội mũ gọi là mũ Văn Công.”⁽²⁾

Theo mô tả của sứ thần Triều Tiên Seo Hao Su (Từ Hạo Tu), thì vào các buổi triều hạ, tế lễ, vua Quang Trung giả còn đội Thất Lương quan kết hợp với Long bào màu đỏ; các quan tùy tông đội Ngũ Lương quan kết hợp với Mãng bào. Lương quan là loại mũ Triều phục (kết hợp với áo màu đỏ) kiêm Tế phục (kết hợp với áo màu đen hoặc xanh) theo quy chế Tống Minh,

1. (Hàn) *Loan dương lục* - Q.1. Nguyên văn: 光平君臣俱著滿洲衣帽[...]其從臣吏部尚書潘輝益、工部尚書灝澤侯武輝瑨二人，軀材短小，顏色焦枯，齒疏而黑。其餘從人亦皆瑣瑣。以此觀之，光平其國之傑然者也[...]其君偶問本國使臣曰：日本國遠近。使臣答之。其君欲復言則輝益等睨眼而禁之。殊可駭也[...]滿洲衣帽渠頗有羞愧之心。自言歸國則不然，十三日太和殿宴禮，當以本國舊儀入參。及至十三日，又有所謂大司馬者，臥病館裡始入參，班立在輝益之上。三人所著頓改前觀，襖頭、金帶，其袍或紅或碧，有蟒龍文。但袍耳過高，叩頭時突出兩肩之上，儼然雙角。網巾以絲結之，其網太疏，又不能緊裹

2. (Hàn) *Yên hành lục tuyển tập - Thượng sách*. Tr.573. Dẫn theo *Sử học nguyệt san*. Kỳ 10 - 2005. Nguyên văn: 安南高髻網布，朝袍角帶，與我國恰似，且所著帽謂之文公冠

chúng tôi đã trình bày tại phần khảo về Triều phục của bá quan nhà Lý. Lương quan phối với Long bào, Mãng bào là sự kết hợp độc đáo, có lẽ chỉ xuất hiện ở triều đình Tây Sơn. Đây có thể chính là quy chế phẩm phục mới theo ghi nhận của tờ *Chiếu lên ngôi* của vua Quang Trung “áo mũ vào chầu nhất nhất tuân theo quy chế mới”.

Bên cạnh đó, các dạng áo mũ của vua quan Tây Sơn được đề cập trong ghi chép của sứ thần Triều Tiên như Phốc Đầu, Ô Sa, Văn Công, Mãng bào, Long bào, Vồng cân v.v. đều là những dạng phục sức được sử dụng trong triều đình nhà Nguyễn. Điều đó chứng tỏ, quy chế phẩm phục của triều Tây Sơn được đặt định trên cơ sở quy chế áo mào triều chúa Nguyễn Phúc Khoát, sau cải cách năm 1744. Ví như việc sử dụng Vồng cân, trong khi các quan triều Lê Trung Hưng đều xõa tóc, thì sau cải cách năm 1744, quan lại Đàng Trong búi tóc, thắt Vồng cân theo quy chế của nhà Minh. Mũ Văn Công thì tiếp tục được áp dụng làm mũ Thường phục



Càn Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ. “An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình [...] đến Kinh cung chúc vạn thọ, ở đây trông ngóng” (China: The Three Emperors 1662 - 1795).

của quan văn nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn. Ngoài ra, hình tượng các quan Tây Sơn thể hiện trong *Càn Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ* và *Nguyễn Huệ khiển điệt Nguyễn Quang Hiển nhập cần tứ yến chi đồ* đều mặc Bồ phục, đội mũ Ô Sa, tương tự các quan Triều Tiên. Riêng vị quan dẫn đầu sứ đoàn, Nguyễn Quang Hiển, mặc Bồ phục màu tía, đội mũ Xung Thiên, trước trán mũ đính quả cầu đỏ. Theo quy chế triều Lê Nguyễn, chỉ có vua chúa mới được đội mũ Xung Thiên. Như vậy có thể cải cách triều phục của triều đình Tây Sơn còn bao gồm việc áp dụng mũ

Xung Thiên đối với một số vị vương công đại thần.

Về quân trang của triều Tây Sơn Nguyễn Huệ, Bùi Dương Lịch cho biết “*Tây Sơn cho quân mặc áo màu, phần nhiều là màu đỏ tía, trên đỉnh nón, mũ đính lông chiên đỏ, lại thường mặc áo gấm màu*”⁽¹⁾; Minh đô sử miêu tả Nguyễn Huệ “*Văn*



Nguyễn Huệ khiến điệt Nguyễn Quang Hiến nhập cảnh từ yến chi đồ (Cục bộ).

Huệ mặc áo ngân giáp (áo giáp bạc), đầu đội mào thêu đỏ.”⁽²⁾ Kết hợp với ghi chép của sử thần Triều Tiên và bức vẽ vua Quang Trung giả mặc Long bào màu đỏ, chúng tôi đồng tình với quan điểm của Tạ Chí Đại Trường, khi ông cho rằng trong phong trào Tây Sơn có cả một hệ thống tổ chức mang tính tôn giáo. Nguyễn Nhạc được loan tin có gươm thiêng, được xưng tụng là Thượng sư; Nguyễn Lữ cũng mang danh Đại Pháp sư toàn Đàng Trong, vậy nên quan quân Tây Sơn mang màu đỏ thần thánh lên lá cờ, lên sắc mũ áo⁽³⁾.

Tóm lại, quy chế áo mũ phẩm phục của triều Tây Sơn về cơ bản có nhiều nét tương đồng với quy chế áo mũ triều Nguyễn. Riêng sự kết hợp giữa Lương quan với Long bào, Mãng bào, mũ Xung Thiên với Bồ phục là những biến cách độc đáo, chỉ xuất hiện ở triều đình Quang Trung.

II. Trang phục dân gian

Sau cải cách y phục của chúa Nguyễn Phúc Khoát, quần chân áo chít dần trở thành dạng trang phục truyền thống của toàn Đàng Trong, bất kể là vùng đất của dòng dõi chúa Nguyễn hay vùng đất của anh em Tây Sơn. Như chúng tôi đã đề cập, Chapman mô tả trang phục dân gian Đàng Trong dưới sự cai trị của Nguyễn Nhạc năm 1778 cho biết, đàn ông và phụ nữ Nam Hà đều mặc cùng một loại áo cổ nhỏ cài cúc bắt chéo trên ngực. Còn John Barrow miêu tả trang phục vùng Gia Định và Nam bộ năm 1792 cho biết: “*Y phục của người dân Nam*



Viên quan cấp thấp ở vịnh Đà Nẵng (Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà).

y phục nữ giới, nếu có là một chiếc áo khoác và đôi ống quần dài. Một số người chít khăn quần đầu, có hình dáng giống như chiếc khăn xếp của người Hồi giáo. Một số khác đội nón, mũ có hình dáng khác nhau và làm bằng những chất liệu khác nhau.”⁽¹⁾

Vào ngày thường, quân dân Tây Sơn cũng mặc áo chít cài khuy, vấn khăn cao trên đầu theo tục của người Đàng Trong. Theo mô tả của Chapman năm 1778 thì Nguyễn Nhạc sau khi cởi bỏ quần áo thiết triều thì “*mặc áo lụa ngắn đơn giản với những chiếc cúc*



Người Việt Đàng Trong (Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà).

kim cương, quần quanh đầu một mảnh lụa đỏ như một chiếc khăn.”⁽²⁾ Nguyễn Huệ khi ra Bắc xin cưới công chúa Ngọc Hân, cừu thần nhà Lê

1. (Việt) *Lê quý dật sử*. Tr.77.

2. Dẫn theo *Những khám phá về hoàng đế Quang Trung*. Tr.181.

3. *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802*. Tr.474.

1. *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà* (1792-1793). Tr.76 và Tr.83.

2. *Relation d'un voyage en Cochinchine en 1778*. Tr.32.

Trần Danh Ấn vốn căm ghét quân Tây Sơn đã mô tả Quang Trung đội chiếc khăn Trương Giác chất cao trên đầu. Trương Giác là thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân thời Hán, còn gọi là giặc khăn vàng. Vậy nên chúng tôi cho rằng loại khăn Quang Trung Nguyễn Huệ vấn trên đầu đương thời là khăn màu vàng⁽¹⁾, được quấn rối, “chất cao” trên đầu. Với bản tính khoan hòa, gần gũi với dân chúng, Quang Trung Nguyễn Huệ khi lên ngôi tại Thăng Long đã tôn trọng phong tục của nhân dân hai miền Nam Bắc, cho phép “*y phục dân gian Nam Hà, Bắc Hà đều được theo phong tục của mỗi miền, chỉ có áo mũ vào châu của bá quan thì nhất nhất tuân theo chế độ mới.*”⁽²⁾

Tuy nhiên, cũng cần phải nói rằng, trong cách nhìn khắt khe của không ít sĩ phu nhà Lê đương thời, trang phục của người Nam Hà nói chung, của quân Tây Sơn nói riêng bị coi là loại trang phục khác thường, thậm chí là sự phá bỏ truyền thống áo mũ có tự ngàn đời của Đại Việt. Năm 1786, quân Tây Sơn tiến ra Bắc, danh sĩ nhà Lê là Bùi Dương Lịch (1757-1828) sau khi vào thành Thăng Long trông thấy quân Tây Sơn liền cảm khái: “*Trong ngoài thành khi nghe và thấy quân Tây Sơn đều kinh hãi. Họ nói năng, ăn mặc hoàn toàn dị lạ [...] Áo mũ ngàn xưa thành ra cát bụi.*”⁽³⁾

Ngô Thì Đạo (1732-1802) vốn một lòng trung thành với nhà Lê, bất hợp tác với Tây Sơn, đã tự than rằng: “*Sống chẳng gặp thời, chết chẳng xong/ Như cục thịt thừa giữa đất trời thật đáng giận/ Nhìn cảnh non sông từng gạt nước mắt [...] Trông áo mũ lại xót xa Trường Lăng nhà Hán.*”⁽⁴⁾



Lính Đàng Trong (Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà).

1. (Việt) *Tàn Ông di cáo phụ tạp lục - Tây Sơn hành*. A.2157. Nguyên văn: 衣裳爛語休离[...]頂上高堆張角巾

2. (Việt) *Hàn các anh hoa - Túc vị chiếu*. VHc.00893. Nguyên văn: 南河北河民間衣服并許從俗, 惟朝衣朝冠一遵新製

3. (Việt) *Lê quý dật sử*. Tr.70. Nguyên văn: 城外城中駭見聞, 言殊服異一般新[...]千古衣冠成土子.

4. (Việt) *Tuyển tập Ngô gia văn phái*. Tập 1. Tr.500. Nguyên văn: 生不逢時死未能, 乾坤疣贅最堪憎, 山河對景曾揮涕[...]衣冠重感漢長陵



CHƯƠNG V. TRANG PHỤC THỜI NGUYỄN



Vai trò của nhà nước và hệ tư tưởng chính trị luôn có những tác động trực tiếp, mang tính chi phối tới toàn bộ đời sống văn hóa, xã hội. Vận động trong các hình thái xã hội khác nhau, thực thể văn hóa luôn có sự kế thừa và biến dị. Triều Nguyễn, triều đại phong kiến quân chủ cuối cùng trong lịch sử Việt Nam, đánh dấu sự thay đổi to



Cửu đỉnh đặt ở trước sân Thế miếu trong Hoàng thành Huế. (Ảnh: TQĐ)

lớn về mặt nhận thức của người Việt sau khi tiếp xúc văn hóa Pháp. Song trước khi văn hóa, tư tưởng Pháp được dịp gây ảnh hưởng mạnh mẽ lên đời sống của người Việt, dưới sự trị vì của các vị vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Việt Nam vẫn là quốc gia Nho giáo kiên quyết gìn giữ truyền thống đến tận cùng. Lúc này do văn hóa Đông Tây xung đột, bản thân nhà Thanh lại có nguồn gốc Mãn, cho nên nhà Nguyễn đã tự nhận là triều đại kế thừa tính chính thống của văn minh Trung Hoa. Bởi vậy như nhà sử học Nhật Bản, Yamamoto Tatsuro nhận xét: *“Người Việt Nam vẫn hết sức tự tin cho rằng họ đã lưu giữ được trọn vẹn truyền thống cổ của Trung Quốc, đồng thời là người bảo vệ cho tư tưởng Hoa di không kém gì Trung Quốc.”*⁽¹⁾

Xuất phát từ sự *tự tin* và *tự tôn* về văn hiến, vua Minh Mạng từng

1. *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc*. Tr.543.



Long bào của nhà Nguyễn, nhà Thanh, nhà Minh và Triều Tiên.

sách.”⁽¹⁾ Vì vậy, chúng ta khó có thể phủ nhận một số ảnh hưởng của các dạng áo mũ cùng họa tiết trang trí có nguồn gốc Mãn Thanh trong trang phục của vua tôi triều Nguyễn. Chỉ riêng áo mũ Lễ phục mới được châm chước từ nguồn tham khảo chính là trang phục Tống - Minh.

Bên cạnh đó, do quan niệm văn hóa, tín ngưỡng của phương Tây hoàn toàn khác biệt với truyền thống của người Việt, các vị vua đầu triều Nguyễn đều một mực bài xích, thậm chí coi người phương Tây là man di, cần phải thận trọng đề phòng. Như tháng 6 năm 1804, vua Gia Long nói: “Tiên vương kinh dinh việc nước, không để Hạ lẫn với di, đó thực là cái ý đề phòng từ lúc việc còn nhỏ. Người Hồng mao gian xảo trí trá, không phải nòi giống ta, lòng ắt dị biệt, chớ có để cho ở lại, nên ban thưởng hậu hĩnh rồi xua đi”⁽²⁾ Vua Minh Mạng cũng có nhận định tương tự: “Người Tây dương bản tính gian trá kiêu ngạo, phải chăng nay được ơn cứu tuất nên bỗng chốc cải hóa được cái tục di rợ của họ?”⁽³⁾

Trước bối cảnh như vậy, khi đặt định chế độ áo mũ phẩm phục,

1. *Cổ luật Việt Nam. Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*. Tr.173-174.

2. (Việt) *Đại Nam thực lục - Chính biên - Đế nhất kỷ - Q.24*. Nguyên văn: 帝曰：先王經理天下，夏不雜夷，此誠防微杜漸之意。紅毛人狡而詐，非我族類，其心必異，不可聽其居留，厚賜而遣之。

3. *Minh Mạng chính yếu*. Tập VI. *Phụ lục Hán văn*. Tr.CCCXIV.31b. Nguyên văn: 赤毛嘗聞其與諸國往來辭多驕蹇，惟與我國交際則一於敬信而已；Tr.CCCXXV.37a. Nguyên văn: 洋人素性點傲，不謂今蒙恩恤，亦能頓化夷俗。



Đại Nam nhất thống toàn đồ

“Phía Bắc giáp ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam của Trung châu; phía Tây không chế các tộc man di, tiếp với các nước Nam Chương, Miến Điện; phía Đông trông ra bể lớn, ôm bọc các đảo; phía Nam cũng chạm tới biển, vòng qua phía Tây Nam sát vách Xiêm La, các thuộc quốc còn lại và tộc man di khác nhau nội phụ đều đủ cả, thật là một đại quốc sừng sững giữa trời đất” (Lý Văn Phức. Biện di luận).

dùng, điển lễ của người Thanh đã mất, chắc sẽ bắt chước ta mà sửa lại cho đúng. So với Bắc triều, ta càng vẻ vang vậy. Nhưng lòng trẫm cũng chưa dám cho là điều hay nhất, vì thờ trời cốt ở thực tâm chứ không phải ở văn vẻ.”⁽²⁾

Tuy nhiên, đặt trong nhân quan Nho giáo đương thời, mặc dù hết sức tự tin về tính chính thống, song vua quan triều Nguyễn vẫn phải công nhận văn hóa nhà Thanh đạt được nhiều thành tựu và có nhiều điều đáng học hỏi. Nếu như quan chế thời Gia Long còn gìn giữ một phần quan chế nhà Lê Trung Hưng thì đến thời Minh Mạng lại được phỏng theo quan chế của nhà Thanh. Ngay bộ *Hoàng Việt luật lệ* phần lớn được tham khảo từ sách luật của nhà Thanh, như chính lời vua Gia Long nói: “Các đời Hán, Đường, Tống, Minh của Bắc triều, sách luật lệnh đời nào cũng có sửa đổi và hoàn bị nhất là đời Thanh. Trẫm bèn sai các quan trong triều chuẩn theo pháp điển luật lệ của các triều, tham khảo thêm luật lệnh đời Hồng Đức và của nhà Thanh [...] rồi biên tập lại thành

1. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đế nhị kỷ. Q.159. (Tập 4). *Cần Long nhà Thanh làm thơ rất nhiều, ta xem ra, đều là những bài đi thẳng vào tình cảnh, chẳng cần những lời phù phiếm gọt giũa, song có nhiều chữ còn thô [...]* Các bài ta làm chỉ tả tình, tả cảnh mà dùng chữ chẳng đến nỗi quê kệch như thế.

2. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr.CCLXV-4a. Nguyên văn: 衰冕肇自軒轅，而三代鮮有行者 [...] 北朝自清以來亦已久廢。今舉行之，清人典禮既失，亦將於我取正。視之北朝，更有光焉。然朕心未敢以為盡善。蓋事天以寔不以文。

ngoài việc kế thừa một phần quy chế thời Lê Trung Hưng và thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, triều đình nhà Nguyễn vẫn tiếp tục tham khảo chế độ trang phục của các triều đại Trung Hoa là nhà Tống, nhà Minh và nhà Thanh, trong đó, trang phục Tống - Minh là nguồn tham khảo chính thống. Từ thời vua Đồng Khánh, Khải Định về sau, trang phục trong triều đã không còn được tuân thủ nghiêm ngặt như trước; quân phục của nhà vua dần dần cũng chịu ảnh hưởng kiểu cách quân phục phương Tây, việc đi giày Tây trong triều cũng ngày một thịnh hành. Đặc biệt dưới triều vua Bảo Đại, lần đầu tiên vua cho phép bá quan không cần mặc các bộ Triều phục, Thường phục khi vào chầu, chỉ cần mặc bộ lễ phục giản tiện là áo the, khăn xếp.

Đặt trong nhân quan phong kiến đương thời, triều đình nhà Nguyễn bất luận thế nào cũng đã sở hữu một nền văn hiến áo mào có bề dày truyền thống và những cách tân đặc sắc, tự tin sánh ngang với các quốc gia Nho giáo như Trung Quốc, Triều Tiên, khiến Khâm sứ nhà Thanh là Lao Sùng Quang phải công nhận: *“Gần gũi Trung Hạ, tôn sùng Nho giáo, yêu chuộng thi thư, cùng được coi là đất thanh danh văn vật, ắt phải nói đến hai nước Triều Tiên và Việt Nam.”*⁽¹⁾

I. TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ

1. Lễ phục

Tương tự như các vị hoàng đế Đại Việt trước đây, các vua nhà Nguyễn cũng có tư tưởng Đế vương, làm bá chủ toàn cõi phương Nam. Đặc biệt sau khi sở hữu một quốc thổ rộng lớn chưa từng có trong lịch sử mà như lời triều thần Lý Văn Phức, Việt Nam lúc này là *“một đại quốc sừng sững giữa vòm trời đất”*, vua Minh Mạng đã cho khôi phục quy chế áo Cống mũ Miện, vốn bị phế bỏ từ thời Lê Trung Hưng, để đánh dấu vị thế của thiên tử phương Nam có quyền độc lập tế trời.

Theo *Hội điển*, các vua nhà Nguyễn có hai loại Lễ phục, gồm Lễ phục Cống Miện sử dụng trong lễ tế Giao và Lễ phục Xuân Thu sử dụng trong các dịp tế lễ tại Tông Miếu.

1. (Việt) *Tập mĩ thi văn - Nam quốc phong nhĩ thống biên tự*. Nguyên văn: 密邇中夏,崇儒術好詩書,共推為聲名文物之邦,必稱朝鮮、越南二國

a. Cống Miện 衰冕

Thời các chúa Nguyễn cát cứ Đàng Trong, vào dịp tế lễ, chúa đội *“mũ Xung Thiên làm bằng sa, mặc đạo bào (giao lĩnh) màu huyền, đi giày mát, không xỏ tất.”*⁽¹⁾ Sau khi vua Gia Long thống nhất lãnh thổ, tháng 2 năm 1807, vua mới bắt đầu định đại lễ Nam Giao, *“vào ngày tế, vua đội mũ Cửu Long, mặc Hoàng bào, đai ngọc, xiêm vàng, lên đàn làm lễ.”*⁽²⁾ Minh Mạng chính yếu cũng cho biết từ năm 1830 trở về trước, khi tế Giao, vua chỉ đội mũ Cửu Long, mặc Hoàng bào, đai ngọc như khi làm lễ tế Hưởng ở Tông miếu⁽³⁾.

Mũ Cửu Long được nhắc đến ở đây là mũ Cửu Long Thông Thiên, tên gọi khác của mũ Xung Thiên triều Nguyễn. Như vậy Lễ phục tế Giao thời vua Gia Long vẫn tuân theo quy chế thời Lê Trung Hưng. Năm 1830 là thời điểm triều đình vua Minh Mạng khôi phục quy chế Cống Miện. Theo đó quy chế Lễ phục tế trời dành cho hoàng đế được quy định là mũ Miện 12 lưu và áo Cống 12 chương, cụ thể được *Hội điển* cho biết:

“Mũ Miện tế Giao trên vuông dưới tròn, đỉnh hai chữ Vạn Thọ bằng vàng hoặc hai chữ Thiên Địa bằng vàng, 12 hình rồng mây, 6 hình ngọn lửa, 2 thùy văn, 4 nhiễu tường, 1 hoa sen, 1 đóa mây, 1 liên đằng chạy viền quanh thành mũ, 256 hạt vàng, 2 cúc, 2 khuyên. Mặt trước và sau có 24 dải lưu, hai bên phải trái mỗi bên 1 dải lưu, đều khâu chuỗi bằng san hô, trân châu, pha lê và các hạt vàng, tổng cộng 300 hạt. Xung quanh có mạng kim tuyến đính kết với 400 hạt vàng ngọc. Trâm khảm trân châu nối với dây thùy anh làm bằng tơ vàng. Phàm là mắt rồng



Vua Khải Định mặc Cống Miện. Đàn tế Nam Giao tại Huế.

1. (Trung) *Hải ngoại ký sử* - Q.2. Nguyên văn: 王戴冲天翅纱帽, 玄道袍, 剪绒凉鞋, 不袜
2. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đế nhất kỷ. Tập 1. Tr.692.
3. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr. CCLXIV-3b. Nguyên văn: 向用九龍冠、黃袍、玉帶如廟饗禮



1. Áo lót thêu hoa văn chữ Á của vua Triều Tiên (còn gọi áo Trung đơn); 2. Thường và Kế y của vua quan triều Nguyễn (BAVH).

dùng trầu bóng màu vàng, trắng, đỏ. Phía dưới kết lưới, thùy anh và móc bạc 4 chiếc, cúc vàng 7 hạt.

Ngọc bội hai dải. Mỗi dải có 1 ngọc trắng hình con doi, 1 ngọc trắng hình vuông, 1 ngọc trắng hình tròn, 2 ngọc trắng hình bán nguyệt, 1 ngọc trắng hình khánh, xâu chuỗi với các hạt vân mẫu, san hô, hổ phách màu đen, mỗi loại hơn 200 hạt, 1 móc câu vàng.

Cách đối một chiếc, bọc tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, kết với 1 miếng ngọc trắng hình vuông, 6 miếng ngọc trắng hình chiếc mộc, bên ngoài

đăng, hồi văn, sóng nước vân vân. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam, lót sa Nam mát bóng màu vàng chính sắc. **Kế y** (áo lót cổ tròn gắn với thường) may bằng lụa trắng.

Tế tất một chiếc, làm bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, lót lụa màu đỏ, thêu chương Sơn, Long, hình mây và các hình hỏa lưu. 4 đường biên may liền đoạn gấm lan can thuần bạc hoa mai màu bảo lam xen với đoạn Bát ti bóng màu hoa xích (đỏ hoa). Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng, 4 móc vàng, 4 cúc vàng.

Đại thụ một chiếc, làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh, lót lụa màu vàng, thêu hình rồng mây, sóng nước và các hình cổ đồ. Bên trên may liền một miếng (ngọc trắng) hình bán nguyệt với đoạn Bát ti bóng màu hoa xích, thêu các hình rồng mây xen với hình lan can kim tuyến. Đường biên may liền đoạn gấm lan can thuần bạc hoa mai màu bảo lam. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam kết với dây nhung xâu ngọc các màu. 1 dải thùy anh, 2 dải thùy lưu xen



Ngọc bội kết hợp với Cốn phục của vua triều Nguyễn (BAVH); 2. Tạp bội đồ (Tam tài đồ hội).

đều khảm các hạt trân châu nhỏ. **Võng cân** sức 4 khuyên vàng.”⁽¹⁾

Theo ghi nhận của *Hội điển*, *Đại Nam thực lục* và hình vẽ trong BAVH, mũ Miện dành cho Hoàng đế triều Nguyễn là loại mũ Miện 12 lưu (phía trước 12 lưu, phía sau 12 lưu), khớp với các nguyên tắc của mũ Miện dành cho thiên tử theo Chu lễ. Tuy nhiên, như chính lời vua Minh Mạng nói “*Cốn Miện có từ thời Hiên Viên [...] trẫm nay noi theo phép xưa mà thêm bớt*”⁽²⁾, dây sung nhĩ gắn ở hai bên thái dương mũ được đổi thành hai dải lưu, dây hoàng màu đỏ son được đổi thành dây thùy anh làm bằng tơ vàng, cùng lối trang trí trên đỉnh miện bản và quanh thân mũ đều có thể coi là những nét đặc sắc chỉ xuất hiện ở mũ Miện của triều Nguyễn.

Mũ Miện của hoàng đế nhà Nguyễn trong BAVH (1915) và mũ Miện phục chế (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam; mũ phục chế thiếu dây thùy anh).

Kết hợp với loại mũ Miện 12 lưu là bộ Cốn phục 12 chương, phối với các phục sức như ngọc khuê, ngọc bội, Đại thụ, Tế tất, Cách đối, Đại đối v.v. Cụ thể:

Áo Cốn may bằng sa mát bóng thuần chỉ, màu thiên thanh, thêu 6 chương: Nhật, Nguyệt, Tinh thần, Sơn, Long, Hoa trùng. Dải thùy lưu (chỉ dải vải buộc áo của áo giao lĩnh, tính chất như cúc) thêu hình rồng mây, hoặc may bằng sa mát bóng thuần chỉ màu tuyết bạch. Ống tay áo thêu hình rồng mây. Cổ áo may bằng đoạn Bát ti bóng màu quan lục. **Áo lót trong** may bằng lụa màu trắng thêu hoa văn chữ Á 亞 (tức chương Phát), dải thùy lưu thêu hình rồng mây, sóng nước.

Thường may bằng sa mát bóng thuần chỉ màu vàng chính sắc, thêu các chương: Tảo, Hỏa, Phấn mẽ, Phủ, Phát, Tông di (Thường 6 chương kết hợp với áo Cốn 6 chương, tổng cộng 12 chương) và các hình cổ đồ, bát bảo, liên

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.5,6. Nguyên văn: 郊祀冕冠製用上下方圓，釘萬壽金字二，或天地字二，金龍雲形十二，火焰六，垂文二，遶牆四，蓮花、雲朵、遶圈邊、連藤各一，金粒二百五十六粒，、圈各二。前後面冕旒二十四，左右垂旒各一並串結珊瑚、珍珠、玻璃、金粒該三百粒。四面金綫網文結金玉四百粒。玉簪嵌以珍珠，結黃絲垂纓。凡龍眼嵌細小珍珠粒。網巾飾金圈四

2. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr.CCLXV-4a.



Hia áp dụng cho Cồn phục, Triều phục và Thường phục của vua triều Nguyễn. (Báu vật triều Nguyễn).

Hia thân làm bằng tơ Bát ti màu thâm, thêu rồng mây, liên đằng, ngọn lửa và hồi văn kim tuyến, xen kẽ gắn kết với gương tây; phía dưới làm bằng tơ lông vũ màu vàng, thêu đính các loại hạt trân châu, san hô nhỏ, hình rồng, mỗi loại 2 thứ và các hình cổ đồ, xen kẽ gắn với gương tây, đính 3 chiếc kim bông, mỗi chiếc khảm 1 hạt hỏa tề, 2 hạt kim cang lót đoạn Bát ti màu đỏ.”⁽¹⁾

Đối chiếu tư liệu văn tự và tư liệu hình ảnh tương quan, có thể thấy trang phục Cồn

đều bọc vàng, 6 chân cúc, 2 hình lá vàng tía, 2 khuy kép bạc.

Đại đới làm bằng đoạn Bát ti bóng màu bảo lam, bên trong lót trầu bóng màu hoa xích, hai đầu khâu chuỗi với các hạng châu ngọc, cả thấy 392 hạt, 10 dải thùy anh kim tuyến.

Bit tất giống như Triều phục (thân làm bằng tơ Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tơ Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, phía trên gắn với hộ tất).



Một trong những chiếc tất của vua Khải Định (Ảnh: Trịnh Bách).

1. (Việt) *Hội điển* - Quyển 78. Tr.6-8. Nguyên văn: 袞衣製用天青純綫光素涼紗，繡日、月、星辰、山、龍、花蟲，垂旒繡龍雲樣，或製用雪白純綫光素涼紗。袖口繡龍雲。領子官綠光素八絲緞。繡亞字裏白色帛。垂旒繡龍雲、水波。裳製用正黃純綫光素涼紗，繡藻、火、粉米、黼、黻、尊彝並古圖、八寶、連藤、迴文、水波等樣。緣寶藍純金蓮花一項錦，裏正黃南素涼紗。繼衣白色帛。玉佩二，結白玉螭蝠形各一，方樣各一，圓樣各一，半月樣各二，磬形各一，串結雲母、珊瑚、玄珀各二百餘粒，金鈎各一。革帶一，包正黃光素八絲，結白玉方樣一片，盾樣六片，外各包黃金腳六，紫金葉形二，銀夾版二。蔽膝一，正黃光素八絲，裏赤色帛，繡山龍雲並石榴等樣，四邊鑲寶藍梅花純銀欄杆錦緞間花赤光素八絲緞，緣純金蓮花一項錦，金鈎、金鈕各四。大綬一，天青光素八絲緞，裏黃色帛，繡龍雲、水波並古圖等樣，上鑲花赤光素八絲緞半月樣一片繡龍雲樣上間金綫欄杆，邊鑲寶藍梅花純銀欄杆錦緞，緣寶藍純金蓮花一項錦結各色玉，綫絨垂纓一。左右垂旒二間用黃赤白各色素紬。下結網文垂纓，銀鈎四，金鈕七粒。大帶寶藍光素八絲緞，裏花赤素紬，兩端串結各項珠玉三百九十二粒並金綫垂纓十條。襪與大朝同。靴身烏八絲繡龍雲、連藤、火焰並金綫迴文間結洋鏡子，下黃羽絲繡小珍珠、珊瑚各項粒龍形各二並古圖等樣間結洋鏡子，釘金盆各三嵌火齊各一，金剛粒各二，裏赤色八絲緞。

Miện của Hoàng đế triều Nguyễn tuy phần lớn tham khảo từ quy chế Tống - Minh, song đã xuất hiện rất nhiều biến dị, đặc biệt là việc sử dụng đại đới vắt ngang vai và sự kết hợp giữa thường và Kế y cổ tròn. Riêng đại đới, theo quy chế Tống Minh, là dải đai bằng lụa trắng dùng để thắt lưng, kết hợp với đai da - cách đới. Song như BAVH mô tả, vào thời Nguyễn, “Đại đới là dải khăn mảnh vắt qua vai, vượt qua ngực, mỗi đầu đều có diềm bản rộng bằng lụa nạm ngọc nhiều màu và rủ xuống thật thấp.”⁽¹⁾



1. Vua Khải Định mặc trang phục Cồn Miện, song thay vì thắt Tề tất ở phía trước, ông lại thắt Đại Thụ vốn là phục sức che phía sau. Cách phối hợp như vậy không hợp quy chế. Phải chăng đây là một trong những kiểu “ăn vận không phải lối” của vua Khải Định như lời công kích của Phan Chu Trinh. (Thất điều trần. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 66); 2. Trang phục Cồn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn (Phục dựng).

1. BAVH. 1915. Tr. 75-76.



Trang phục Côn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn (BAVH) 1.2.3.4. Mũ Miện 12 lưu. (1. Miện bản nhìn từ trên xuống; 2 - 3. Mũ Miện nhìn trực diện và trắc diện; 4. Dây thùy anh màu vàng gắn trâm ngọc); 5. Khuê (còn gọi là Trần khuê, hốt). 6. Hia. 7. Đại đới. 8. Cách đới. 9. Bội. 10. Tạp bội. 11. Tiểu thụ. 12. Côn phục 12 chương (mặt trước và mặt sau): A. Áo xanh đen 6 chương (a. Nguyệt; b. Nhật; c. Tinh thìn; d. Sơn; e. Long; f. Hoa trùng). B. Thường 6 chương. C. Tề tất (thêu 2 chương Sơn và Long, 1 hình rồng bay lên và 1 hình rồng bay xuống). D. Đại thụ.



Một số phục sức trong bộ Côn phục của hoàng đế nhà Minh (*Tam tài đồ hội*). 1. Áo Côn màu huyền; 2. Áo lót Trung đơn; 3. Thường màu đỏ nhạt; 4. Tề tất; 5. Cách đới; 6. Đại đới; 7. Thụ; 8. Tạp bội. Quy chế Côn Miện của nhà Minh được sửa đổi nhiều lần. Quy chế Côn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn nhiều khả năng được tham khảo trực tiếp từ quy chế trong *Tam tài đồ hội*.



Hiện vật áo Côn của vua Khải Định triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách), Hiếu Minh thiên hoàng Nhật Bản (*Mỹ thuật Nhật Bản*) và Thuận Tông hoàng đế thời Đại Hàn đế quốc (*Phục sức*).

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ CỐN MIỆN 12 LƯU 12
CHƯƠNG CỦA HOÀNG ĐẾ NHÀ NGUYỄN VIỆT NAM VỚI NHÀ TỐNG
VÀ NHÀ MINH TRUNG QUỐC
 (theo *Đại Nam hội điển sự lệ*, *Tống sử* và *Minh hội điển*)

Quy chế của nhà Nguyễn	Quy chế của nhà Tống	Quy chế của nhà Minh
-Mũ Miện 12 lưu, sung nhĩ được thay bằng 2 dải lưu, dây hoàng được thay bằng dây thùy anh làm bằng tơ vàng	-Mũ Miện 12 lưu, thân mũ Thông Thiên gia miện bản, dây hoàng màu đỏ son	-Mũ Miện 12 lưu, thân mũ dạng ống gia miện bản, dây hoàng màu đỏ son
-Áo Cống màu xanh, thêu 6 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Hoa trùng	-Áo Cống màu xanh, thêu 7 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Trĩ (Hoa trùng), Hổ dữ (Tông di)	-Áo Cống màu huyền, thêu 6 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Hoa trùng
-Thường màu vàng, thêu 6 chương Tảo, Hỏa, Phấn mẽ, Tông di, Phủ, Phát và các hình cổ đồ, bát bảo...	-Thường màu đỏ, thêu 5 chương Tảo, Hỏa, Phấn mẽ, Phủ, Phát	-Thường màu vàng, thêu 6 chương Tảo, Hỏa, Tông di, Phấn mẽ, Phủ, Phát
-Áo Trung đơn may bằng lụa trắng, thêu 12 chương Phát	-Áo Trung đơn may bằng lụa trắng	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, cổ áo thêu 13 chương Phát
-Tế tất màu vàng viền lam, thêu Sơn, Long, 1 rồng bay lên, 1 rồng bay xuống, hình mây và các hình hỏa lựu	-Tế tất màu đỏ, thêu 1 con rồng bay lên, 1 con rồng bay xuống, giữa là mây, sức ngọc quý	-Tế tất màu đỏ, thêu 4 chương Tảo, Phấn mẽ, Phủ, Phát
-Đại thụ thêu hình rồng mây sóng nước, xâu các loại ngọc	-Đại thụ 6 màu đỉnh 3 tiểu thụ kết 3 ngọc hoàn	Đại thụ 6 màu đỉnh 3 tiểu thụ kết 3 ngọc hoàn
-Ngọc bội 2 dải, gồm các loại ngọc hành, cư, xung nha, hoàng...	-Ngọc bội 2 dải, làm bằng ngọc trắng trở rồng	-Ngọc bội 2 dải, gồm các loại ngọc hành, cư, vũ, xung nha, hoàng...
-Cách đới đỉnh ngọc trắng, bọc vàng	-Cách đới trở rồng phượng bằng vàng	-Cách đới đỉnh ngọc
-Tất phía trên gắn hộ tất, thân màu lam, phía dưới màu trắng, dát vàng, hia màu thâm thêu rồng mây	-Tất đỏ, giày Tích đỏ	-Tất đỏ, giày Tích đỏ

b. Xuân Thu 春秋冠

Tế Tông miếu cũng là một trong những lễ tiết quan trọng trong văn hóa cung đình. Vào dịp tế lễ này, vua nhà Trần sử dụng Lễ phục Quyển Vân, vua nhà Lê sử dụng Lễ phục Bình Đỉnh, các vua nhà Nguyễn muôn nhất vào thời vua Gia Long đã có Lễ phục Xuân Thu. *Đại Nam thực lục* cho biết: “*Buổi hôm trước ngày hết tang một năm, vua (chỉ vua Gia Long) bỏ áo tang, nội giám đem cất đi. Đến ngày đó, bàn thờ bày đặt như nghi thức tế điện lớn. Vua mặc đồ trắng, đội mũ Xuân Thu bằng sa trắng, áo giao lĩnh bằng sa trắng, thường bằng lụa trắng, giày và bút tất trắng, đến trước bàn thờ làm lễ [...] Tế điện lớn, tế cửu ngu, tế tốt khốc đồ mặc cũng theo như thế [...] Còn tế Luyện, tế Tường và tế Đàm thì sau ngày tốt khốc mới cử hành. Tế Luyện vua mặc Lễ phục, đội mũ Xuân Thu bằng sa thâm, áo giao lĩnh bằng sa thâm, thường bằng lụa màu biếc lót lụa trắng, giày và bút tất đen. Tế Tường và tế Đàm vua mặc đồ màu, mũ Xuân Thu bằng nhiều thâm, áo giao lĩnh bằng sa đoạn màu bảo lam, thường bằng sa biếc lót trắng, bút tất lam, giày đen.*”⁽¹⁾. Vào thời Gia Long, quy chế Lễ phục Xuân Thu có sự phân biệt tùy theo quy mô của buổi tế. Ít nhất có ba dạng Lễ phục Xuân Thu áp dụng cho thiên tử trong các dịp tế Đại Điện, tế Cửu Ngu, tế tốt khốc, tế Luyện, tế Tường, tế Đàm. Vào thời vua Minh Mạng, quy chế Lễ phục Xuân Thu được giản hóa, thống nhất là mũ Xuân Thu màu đen kết hợp với áo giao lĩnh màu thiên thanh (màu huyền).

Năm 1821, vua Minh Mạng nói với Thượng thư Bộ Lễ Phạm Đăng Hưng: “*Trong ngày kỵ liệt thánh, hoàng khảo ta đội mũ Xuân Thu, mặc*



Mũ Xuân Thu của quan võ Tứ phẩm (BAVH); Vua Gia Long đội mũ Xuân Thu dưới nét vẽ của người Pháp. (Ảnh phục chế).

1. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đề nhất kỷ. Tập 1. Tr.896.

áo giao lĩnh, tự có điển tắc. Trẫm nên theo lễ của hoàng khảo thờ liệt thánh để thờ hoàng khảo.”⁽¹⁾ Đồng thời quy định:

“Mũ Lễ phục là **mũ Xuân Thu**, làm bằng sa trầu màu đen, đính 1 bông hoa bạc, khảm một hạt pha lê lấp lánh. **Võng cân** một chiếc, sức bốn khuyên bạc. **Áo giao lĩnh** làm bằng sa mát thuần chỉ, màu thiên thanh, áo lót làm bằng sa mát thuần chỉ màu tuyết bạch, đều thêu hoa văn rồng mây, sóng nước. Hoặc áo làm bằng đoạn Bát ti bóng thuần chỉ lai lộ, màu thiên thanh, thêu rồng mây, bên trong lót lĩnh 12 hoa mẫu đơn chéo màu ngọc lam. Cổ áo và hai dải thùy lưu đều dùng màu sắc gốc (của áo). **Thường** làm bằng sa mát thêu hoa nhỏ, màu ngọc lam, viền làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh. Kề y làm bằng lụa sống.

Bít tất có thân làm bằng tơ Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tơ Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, bên trong lót lụa màu đỏ. **Hia** có thân hia làm bằng tơ Bát ti màu thâm, bên trong lót lĩnh bóng màu bảo lam.”⁽²⁾

2. Triều phục

Từ tháng 5 năm 1806 thời vua Gia Long, các buổi châu Đại triều, Thường triều được quy định: “Mỗi tháng lấy ngày mồng một và ngày rằm đặt Đại triều ở điện Thái Hòa, quan từ lục phẩm trở lên mặc áo mũ Đại triều vào lạy châu; những ngày mồng 5, 10, 20, 25 đặt Thường triều ở điện Cần Chánh, quan từ tứ phẩm trở lên mặc áo mũ Thường triều vào lạy châu. Các thành và dinh trấn đến ngày mồng một và ngày rằm đều bái vọng ở Hành cung.”⁽³⁾ Minh Mạng chính yếu cũng có ghi chép tương tự, đồng thời cho biết, “phàm gặp tháng nhuận đều miễn cả Đại triều



Vua Đồng Khánh thắt Võng Cân, đội mũ Cửu Long Thông Thiên.

1. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.11. Tr.CCX -15b.

2. (Việt) *Hội điển* - Quyển 78. Tr.4-5. Nguyên văn: 禮服春秋冠製用黑色縐紗，釘銀花一嵌晶光玻璃一粒。網巾一，飾銀圈四。交領衣製用天青純綫涼紗，裏衣雪白純綫涼紗並織龍雲、水波。或製天青來路純綫光素八絲緞織龍雲樣，裏玉藍十二斜牡丹綾。領子、垂旒用本色。裳用玉藍細花涼紗，綠（謬文，該為緣）天青光素八絲緞。繼衣生絹。襪身寶藍光素八絲，中間雪白光素八絲，下雪白洋布鑲純金蓮花一項錦間金綫欄杆。裏白色帛，上結護膝官綠光素八絲，緣純金蓮花一項錦，裏藍帛。靴身烏八絲，裏寶藍光素綾

3. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đệ nhất kỷ. Tập 1. Tr.666

và Thường triều.”⁽¹⁾ Như vậy, vào thời Nguyễn, Triều phục hay còn gọi là trang phục Đại triều chỉ trang phục mặc vào ngày rằm, mồng một và một số dịp lễ tết nhất định; Thường phục là trang phục mặc vào các ngày châu thường mồng 5, 10, 20, 25.

a. Mũ Cửu Long Thông Thiên 九龍通天冠

Hội điển, *Hội điển tục biên*, *Đại Nam điển lệ* toát yếu, *Đại Nam thực lục* đều ghi nhận, vào các buổi Đại triều, hoàng đế mặc Hoàng bào, đội mũ Cửu Long Thông Thiên. Loại mũ Triều phục này ở một số sách như *Minh Mạng chính yếu*, *Đại Nam thực lục* còn được gọi tắt là mũ Cửu Long, trong dân gian quen gọi là mũ Xung Thiên. *Nam phương danh vật bị khảo* thời Nguyễn giải thích:

“Mũ Xung Thiên, mũ Đại triều của thiên tử ngày nay, như mũ Phốc Đầu, hai cánh chuồn chĩa lên trời.”⁽²⁾ Riêng từ “Thông Thiên”, *Chỉ Nam ngọc âm* giải thích “*Thông Thiên quan hiệu* (gọi là) *Triều Thiên*.”⁽³⁾ Từ điển Việt - Bồ - La của Alexandre de Rhodes định nghĩa: “*Mũ Triều Thiên là vương miện (mũ của vua)*.” Các cứ liệu trên chứng tỏ vào thời Lê -Nguyễn, loại mũ tương tự mũ Phốc Đầu có hai cánh chuồn hướng lên trời, ngoài tên gọi mũ Xung Thiên, còn được gọi là mũ Triều Thiên và Thông Thiên. Riêng loại mũ Thông Thiên có những búi mây cuộn tròn ở đỉnh mũ, nhà Trần gọi là mũ Quyển Vân, nhà Lê Trung Hưng gọi là mũ Tam Sơn.

Đối với quy chế mũ Cửu Long Thông Thiên, *Hội điển* cho biết, “mũ Đại triều Cửu Long Thông Thiên đính 31 hình rồng vàng, 30 hình ngọn lửa; phía trước và sau đều có 1 bác sơn, 1 hoành long, hốt bọc pha lê lấp lánh và hốt thông thiên mỗi thứ 2 chiếc; 1 liên đăng, 1 nhiễu tường, 1 đóa hoa hình tròn, 30 đóa mây đều kết bằng chỉ; các hạng ngọc dùng để khảm sức như hỏa tề, kim cang, trân châu gồm 140 hạt, mắt mỗi con rồng đều khảm 1 hạt trân châu nhỏ.”⁽⁴⁾ Trước khi đội mũ, vua còn thắt



Mũ Cửu Long Thông Thiên thể hiện trên tượng kim thân của vua Khải Định (Lăng Khải Định. Ảnh: TQĐ).

1. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.11. Tr.CCXVIII-19b.

2. (Việt) *Nam phương danh vật bị khảo* - Thượng - Q.31 - *Phục dụng môn*. Nguyên văn: 衝天冠：今天子大朝冠，如幞頭，兩翅衝天

3. (Việt) *Chỉ Nam ngọc âm*. Tr.120

4. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.1-2. Nguyên văn: 大朝冠九龍通天釘黃金龍形三十一，火焰三十，前後博山各一，橫龍一，包晶光玻璃竝通天笏各二，連藤、遶牆各一，圓樣花朵一，雲朵三十竝線結嵌



Chân dung vua Đồng Khánh (1864 - 1889) mặc Triều phục. Ngực áo bào thêu 2 chữ Vạn Thọ theo lối chữ Triện. (Báu vật triều Nguyễn).

Mặt trước và sau đều có hai chữ Vạn Thọ, ba hình rồng. Hai ống tay áo và hai cánh đều có một hình rồng. Các hoa văn san hô, hỏa lưu đều khâu chuỗi bằng các hạt ngọc châu nhỏ. Cổ áo may bằng đoạn Bát ti bóng màu tuyết bạch. Thùy lưu hai dải (chỉ hai dải thắt nhỏ ở nách áo, có chức năng như cúc) đều thêu hình rồng mây.

Thường làm bằng sa mát bóng màu hoa xích, thêu hình các hình rồng ổ, sóng nước, cổ đồ, bát bảo; phía dưới nối với hình hồi văn, liên đăng, lan can màu hoa xích, gấm đoạn lót lụa màu đỏ, gấm hạng nhất thêu hoa sen thuần vàng màu lục lam. Kế y làm bằng lụa sống.

Đai làm bằng đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc may xen với tơ màu xích vĩ, đính 18 miếng sừng tê hình mộc dài, bên ngoài bọc vàng, khảm 92 hạt trân châu.

Bít tất có thân làm bằng tơ Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tơ Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, phía trên gắn hộ tất.



Vua Thành Thái, vua Bảo Đại và vua Khải Định mặc Triều phục.



Mũ Cửu Long Thông Thiên của các vua nhà Nguyễn. (Phục chế. Bảo tàng Lịch sử). *Bác sơn*: trang sức hình bán nguyệt chạy vòng trên trán mũ. *Hốt bọc pha lê lấp lánh*: trang sức đính chéo 2 bên Bác Sơn. *Nhiều Tương*: trang sức đính giữa trán mũ. *Hoành long*: hộc cắm cánh chuồn hình đầu rồng nằm ngang ở gáy mũ. *Hốt Thông Thiên*: hai cánh chuồn vươn ra từ Hoành Long, lờ ra hơi cong gập.

“Võng cân sức 4 khuyên vàng.” Như vậy có thể thấy, loại mũ Triều phục của Hoàng đế nhà Nguyễn có nguồn gốc là mũ Xung Thiên của vua Lê chúa Trịnh, song được sức lên vô số trang sức bằng vàng và đá quý, đồng thời được đặt tên mới, gọi là mũ Cửu Long Thông Thiên. Qua một số ảnh chụp các vị vua Đồng Khánh, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại, có thể thấy lối trang sức trên mũ Cửu Long của các vị vua này không hoàn toàn đồng nhất. Đặc biệt, hai cánh mũ Xung Thiên thể hiện trên pho tượng kim thân của vua Khải Định có dạng cong tròn hơi hướng về phía trước, trùng khớp với hình dạng cánh mũ Xung Thiên của vua Quang Trung giả thể hiện trong bức tranh *Cần Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ*. Dạng cánh mũ này nên được coi là quy chế chung nhất của dạng mũ Xung Thiên triều Lê Nguyễn hay chỉ là vài trường hợp đặc biệt? Với cứ liệu hiện có chúng tôi thiên về khả năng thứ nhất, song chúng tôi cho rằng, dạng cánh mũ Xung Thiên này có lẽ chỉ được sử dụng từ thời chúa Nguyễn Phúc Khoát trở về sau. Ngoài ra, áo mào của vua quan nhà Nguyễn về cơ bản bám sát quy chế của *Hội điển*,

nhưng trên thực tế vẫn có sự gia giảm, đặc biệt là áo mào của nhà vua.

b. Bào phục

Kết hợp với mũ Cửu Long Thông Thiên là bộ Bào phục bao gồm Hoàng bào, đai ngọc, xiêm y, hộ tất, bít tất và hia.

Trong đó, *áo bào làm bằng sa đoạn màu vàng chính sắc, thêu các hình rồng mây, sóng nước lớn nhỏ và 4 chữ Phúc Thọ, áo sa dày thêu hoa Tứ hữu (mai, lan, cúc, trúc) hoặc loại trùu màu hoa xích thêu hoa Tứ hữu; hai cánh (tức hai cánh phụ hậu ở lưng áo) dùng đoạn Bát ti bóng màu bảo lam.*



Đầu thắt Vồng Càn, chân “buộc hộ tất”. (Kỹ thuật của người An Nam).

nhà Nguyễn lúc này được đính thêm một lớp lót bằng lụa trắng đôi ra phía ngoài, đại để mô phỏng cổ áo giao lĩnh trước đây.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.2-3. Nguyên văn: 黃袍製用正黃色紗緞，繡大小龍雲、水波並福壽四字樣。裏四友辰花密紗或四友花赤紬。兩翼寶藍光素八絲緞，前後面萬壽字各二，龍形各三。兩袖兩翼龍形各一並珊瑚、火榴均串結以細小珠玉粒。領子雪白光素八絲緞，垂旒二並繡龍雲。裳製用花赤純綫光素涼紗，織圓龍、水波、古圖、八寶樣，下繼迴文、連藤、花赤欄杆錦緞。裏赤色帛，綠藍純金蓮花一項錦。繼衣生絹。帶用金正黃光素八絲緞，間縫赤羽絲，釘犀角長方盾樣該十八片，外包黃金嵌珍珠九十二粒。襪身寶藍光素八絲，中間雪白光素八絲，下雪白洋布鑲純金蓮花一項錦間金綫欄杆。上結護膝正黃光素八絲繡龍雲、水波並金綫迴文，綠寶藍純金一項錦。裏赤素紬。靴身烏八絲繡金綫龍雲、水波、花樣。裏赤八絲

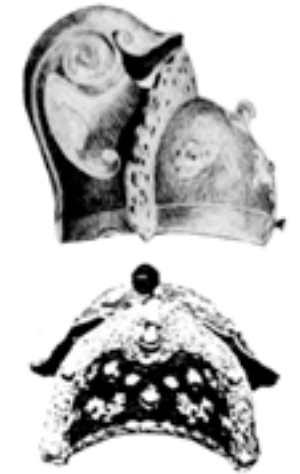
Hộ tất làm bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, thêu hình rồng mây, sóng nước, tất cả đều dùng kim tuyến theo kiểu hồi văn, viền gấm hạng nhất thuần vàng màu bảo lam, bên trong lót trùu đỏ bóng. Hia có thân hia làm bằng tơ Bát ti màu thâm, thêu các hình rồng mây, sóng nước, hoa bằng kim tuyến, bên trong lót tơ Bát ti màu đỏ⁽¹⁾.

Qua mô tả của *Hội điển*, kết hợp với tư liệu ảnh triều Nguyễn, có thể thấy Long bào của các vị vua triều Nguyễn kế thừa kiểu dáng trang trí Long bào thời Lê Trung Hưng. Đặc trưng của lối bào phục này là hoa văn Long vân đại hội và hai cánh áo phú hậu ở lưng áo. Sự biến cách lớn nhất của Long bào, Mãng bào triều Nguyễn nằm ở hoa văn trang trí rồng, mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, san hô, hỏa lựu và lan can, mang lại cảm giác cầu kỳ và ngọc mắt.

Ngoài ra, từ thời Lê - Trịnh trở về trước, áo giao lĩnh là dạng áo phổ biến, sử dụng trong cung đình và dân gian, cho nên một bộ Bào phục thông thường bao gồm áo Trung Đơn cổ giao lĩnh mặc lót bên trong, áo đoàn lĩnh cổ tròn mặc ra bên ngoài. Vào thời Nguyễn, triều đình đã phế bỏ kiểu áo giao lĩnh sử dụng trong ngày thường, thay vào đó là loại áo dài năm thân cổ đứng cài khuy. Cổ áo bào của vua quan

3. Thường phục

Hội điển cho biết mũ Thường triều của các vị vua nhà Nguyễn là Cửu Long Đường Càn, song không đề cập quy chế cụ thể. Riêng mũ Triều phục Thất Long Đường Càn của hoàng thái tử được mô tả “*trang sức bằng vàng và ngọc châu.*” Sau khi khảo sát một số ảnh chân dung các vị vua triều Nguyễn, chúng tôi phát hiện thấy ngoài mũ Cửu Long Thông Thiên, các vua nhà Nguyễn còn đội một loại mũ có phần gáy nhô cao, chòm khum tròn chùm về phía trước, choãi sang hai bên thành hình chữ Bát 八. Chúng tôi cho rằng, loại mũ xuất hiện trong các ảnh chân dung vua Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái là mũ Cửu Long Đường Càn, loại mũ xuất hiện trong ảnh chân dung Thái tử Bảo Đại và Thái tử Bảo Long là mũ Thất Long Đường Càn. Ngoài ra, theo tờ châu bản số 163 – 165 Khải Định quyển số 1, có thể thấy mũ Cửu Long Đường Càn còn được gọi tắt là Đường Càn. Tờ châu phê này cho



Mũ Cửu Long Đường Càn thể hiện trên tranh chân dung vua Tự Đức và vua Thành Thái.

biết: “*Chiếu theo lệ của quốc triều hàng năm gặp các tết Đoan Dương, Đông chí thì đặt nghi lễ Thường triều tại điện Càn Chánh, xin hoàng thượng đội Đường Càn, mặc Long bào, cầm ngọc khuê.*”⁽¹⁾

Kết hợp với Đường Càn là Long bào, song cần lưu ý rằng Long bào Thường triều có bố cục hoa văn trang trí khác với



Vua Thành Thái, Đồng Khánh mặc Thường phục.

Long bào Đại triều. Quy chế cụ thể được *Hội điển* mô tả: “*Áo bào làm bằng sa mát bóng thuần chỉ, màu vàng chính sắc, bên trong lót cùng màu, thêu rồng ổ lớn và các hình cổ đồ, bát bảo, sóng nước; mắt rồng đều khảm hạt hổ phách màu huyền, còn lại đều khâu chuỗi các hạt châu*

1. Nguyên văn: 炤國朝週年恭遇端陽、冬至諸令節例有設常朝儀于勤政殿，奉皇上御唐巾、龍袍，執玉圭

ngọc nhỏ. Hai mặt áo và hai ống tay áo đều **xâu chuỗi các hạt châu ngọc làm thành hình mỹ tự** (chỉ các chữ có nghĩa đẹp như Phúc, Thọ v.v.). Cổ áo **lót đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc thêu hình rồng mây**. Hai dải thùy lưu đều **thêu hình rồng mây**. Thường dùng sa mát bóng thuần chỉ màu hoa xích, thêu hình rồng ổ, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, cành hoa v.v. phía dưới nối với hình hồi văn, liên đằng, lan can màu hoa xích, gấm đoạn lót lụa màu đỏ, gấm hạng nhất thêu hoa sen thuần vàng màu bảo lam. Kế y làm bằng lụa sống. Bít tất có thân làm bằng tơ Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tơ Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, lót sa, trều bóng màu đỏ. Hia giống hia Đại triều⁽¹⁾.



Vua Thành Thái mặc lễ phục Tịch Điền và vua Duy Tân mặc Thường phục.

phục các vua nhà Nguyễn sử dụng trong ngày lễ Tịch điền. Trang phục sử dụng khi cày ruộng Tịch điền của vua chúa Đại Việt trước đây hầu



Vua Khải Định đội mũ Triều phục, song lại mặc áo bào Thường phục.

Hội điển còn cho biết, khi cày ruộng Tịch điền, “vua đội mũ Cửu Long Đường Cân, Long bào hẹp tay màu vàng, đai hia giống như trang phục duyệt binh (tức quân phục).”⁽²⁾ Chúng tôi cho rằng, trang phục thể hiện trong bức ảnh chân dung vua Thành Thái (mũ Cửu Long Đường Cân kết hợp với áo bào hẹp tay, xẻ bốn vạt, đai loan) chính là trang

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.3-4. Nguyên văn: 常朝冠用九龍唐巾。袍用正黃色純綫光素涼紗，裏本色，繡大圓龍竝古圖、八寶、水波。龍眼各嵌玄珀，餘均串結細小珠玉粒。兩面兩袖串結珠玉作美字。領子裏正黃光素八絲緞，繡龍雲樣，垂旒二竝繡龍雲。裳用花赤純綫光素涼紗織圓龍、水波竝古圖、八寶、花枝等樣，下繼迴文、連藤、花赤欄杆錦緞。裏赤帛，緣寶藍純金蓮花一項錦。繼衣生絹。襪身寶藍光素八絲，中間雪白光素八絲，下雪白洋布鑲金蓮花一項錦間金綫欄杆。裏赤素綢紗。靴與大朝同

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.10. Nguyên văn: 耕藉奉御九龍唐巾黃色狹袖龍袍。其帶靴與閱兵同

như không có sử liệu đề cập, ngoại trừ thông tin ghi lại trong tấm bia *Đại Việt Lam sơn Dụ lăng bi* cho biết vua Lê Hiến Tông mặc áo Cổn, đội mũ Miện có dây hoàng màu đỏ son. Cổn Miện cũng là Lễ phục Tịch điền của các vua triều Hán – Đường, khác với quy chế Lễ phục Tịch điền thời Tống – Minh là mũ Thông Thiên kết hợp với áo bào đỏ.

4. Quân phục

Vào thời vua Minh Mạng, quân phục hay trang phục nhà vua sử dụng khi duyệt binh được quy định là mũ võ Đại Long kết hợp với Hoàng bào hẹp tay có Vân kiên liên cổ màu xanh thẫm. Song với mô tả của *Hội điển*, chúng ta cũng chỉ biết “**Mũ võ Đại Long được làm bằng tơ lông vũ màu đen, lót đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc, lan can kim tuyến của Tây dương, đính 4 hình rồng vàng, 1 hình ngọn lửa, 2 hình rồng mây, 1 hình mây, mắt rồng khảm trân châu, còn lại đều sức châu ngọc. Thùy anh dùng lan can kim tuyến của Tây dương.**”⁽¹⁾ Còn như hình dáng cụ thể của loại mũ này ra sao, hiện chúng tôi chưa có tư liệu tranh ảnh để có thể xác thực. Riêng bào phục kết hợp với mũ võ Đại Long, hiện vẫn còn hiện vật đối chiếu, về cơ bản khớp với mô tả của *Hội điển*:



Quân phục của vua triều Nguyễn hẹp tay, vân kiên liên cổ. (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: Philippe Trương).

“**Áo bào hẹp tay làm bằng sa mát bóng thuần chỉ màu vàng chính sắc, thêu rồng mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, lót trều màu hoa xích thêu mẫu đơn, bướm bướm. Viên gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam, đều xâu chuỗi các hạt trân châu, san hô nhỏ. Vân kiên liên cổ áo làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh, thêu rồng mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo. Áo ngắn Mã quái hai chiếc, làm bằng tơ Bát ti màu thẫm, thêu hình rồng mây, sóng nước, hình con dơi, ngọn lửa. Thường**

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.8. Nguyên văn: 閱兵奉御大龍武冠，製用黑色羽絲，裏正黃光素八絲緞，西洋金綫欄杆，釘金龍形四、火焰一、龍雲二、雲樣一、龍眼嵌珍珠，餘竝飾珠玉，垂纓用西洋金綫欄杆

kép may bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, thêu đôi phượng và các hình liên đăng, hồi văn. Dưới gấu làm bằng tơ Bát ti bóng màu hoa xích, thêu rồng mây, sóng nước, liên đăng, hồi văn, lót trều màu hoa xích thêu hình mẫu đơn, bướm bướm. Bốn bên may liền tơ Bát ti bóng màu ngọc lam. Viên gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam gắn trều màu đỏ thêu mẫu đơn, bướm bướm. Thuyền anh, long bài vàng ba mặt đều làm bằng vàng, hình chiếc mộc rồng mây, xung quanh sợi nhiều tuyến khảm các loại ngọc hỏa tề, trân châu, kim cương, san hô hơn 300 hạt, hơn 50 dải thuyền anh kim tuyến. Đai loan một chiếc, lan can kim tuyến Tây dương khảm 1 hạt kim cương hình phương đình. Xung quanh khảm hạt kim cương, bên ngoài bọc vàng, khuy kép, chân cúc khâu chuỗi trân châu, san hô, thanh liễu hình hoa 9 đóa. Hia có thân làm bằng tơ Bát ti màu thâm may xen với tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, lót tơ Bát ti bóng màu hoa xích.”⁽¹⁾



Quân phục của vua Khải Định và Thái tử Bảo Long (1936-2007).



Vua Minh Trị Nhật Bản (1852-1912), vua Khải Định Việt Nam (1885 - 1925), vua Phổ Nghi Trung Quốc (1906-1967), vua Cao Tông Triều Tiên (1852-1919) mặc Quân phục.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.8-10. Nguyên văn: 狹袖袍製用正黃純綫光素涼紗，繡龍雲、水波、古圖、八寶，裏牡丹蝶赤花紬，緣寶藍純金蓮花一項錦，均串結細小珍珠、珊瑚粒。雲肩連領子用天青光素八絲緞，繡龍雲、水波、古圖、八寶。馬褂（謬文，該為褂）二用烏八絲，繡龍雲、水波、蝙蝠、火焰。夾裳用正黃光素八絲，繡雙鳳並連藤、迴文等樣。下花赤光素八絲，繡龍雲、水波並連藤、迴文。裏牡丹蝶赤花紬。四邊鑲玉藍光素八絲。緣寶藍純金蓮花一項錦，結牡丹蝶赤色紬。垂纓金龍牌三，面各金製。龍雲盾樣，周圍邊綫，嵌火齊、珍珠、金剛、珊瑚各項玉三百餘粒，金綫垂纓五十餘條。鸞帶一，西洋金綫欄杆嵌金剛粒，方亭樣一，四圍嵌金剛粒，外包黃金夾夾版 腳串結珍珠、珊瑚、青柳花樣該九朵。靴身烏八絲間縫正黃光素八絲，裏花赤光素八絲

Ngoài ra, vào thời vua Khải Định, phần lớn các loại trang phục của vua đều do vua tự vẽ kiểu, thiết kế, ngay trang phục Cổ Miện tế trời cũng “bị phá cách” bằng cách mặc đại thụ ở phía sau lên phía trước thay cho tế tất. Đặc biệt phải kể đến việc vua kết hợp áo bào hẹp tay, xẻ 4 vạt sử dụng trong dịp cày ruộng Tịch điền với bộ quân phục châu Âu, đồng thời phối với nón hoặc khăn xếp, tạo ra một trong những loại quân trang “vô tiền khoáng hậu”. Đặt trong bối cảnh đương thời, khi vua nhà Thanh, Triều Tiên, Nhật Bản đều du nhập và rập khuôn theo mẫu quân phục phương Tây thì chính phong cách “pha trộn”, phá vỡ truyền thống thể hiện trên quân trang của vua Khải Định lại là nét đặc sắc của riêng ông và riêng triều đại ông trị vì. Tuy nhiên, ngoài bộ quân phục phá cách, vua Khải Định vẫn có bộ quân trang chuẩn mực theo đúng dạng thức của phương Tây. Đến thời vua Bảo Đại, chúng ta không còn thấy sự phá cách, “pha trộn” này thêm nữa.

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Quy chế Triều phục và Thường phục của bá quan triều Nguyễn được đặt định vào năm 1804 thời vua Gia Long. Năm 1831, vua Minh Mạng định ra quy chế Tế phục Cổ Miện dành cho hoàng tử, vương công và các quan nhất, nhị, tam phẩm. Năm 1845 thời vua Thiệu Trị, quy chế Triều phục được sửa đổi, chủ yếu ở quy chế trang sức trên mũ Phốc Đầu.

1. Lễ phục

1.1. Lễ phục tế Giao

Ngay từ thời Xuân Thu tại Trung Quốc, Cổ Miện đã được quy định là trang phục đại lễ dành cho thiên tử nhà Chu, vua chư hầu và một số vị đại thần. Chế độ Cổ Miện của nước ta muộn nhất được đặt định vào triều Đinh, được kế thừa qua các triều đại Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ và tuyệt tích vào thời thuộc Minh. Đến thời vua Lê Thái Tông, quy chế Cổ



Ngũ 敵, nhạc khí sử dụng khi tế Giao áp dụng theo Chu lễ. Ngũ của nhà Thanh (Bảo tàng Cổ cung Bắc Kinh), Ngũ của nhà Nguyễn (BAVH) và Ngũ của Hàn Quốc (Bảo tàng Cổ cung quốc lập Seoul). (Ảnh: TQĐ).



Cổ Miện 9 lưu 9 chương của Vương công triều Nguyễn (BAVH); 1. Mũ Miện 9 lưu; 2. Bác sơn vàng; 3. Hốt ngà; 4. Áo Cổn; 5. Tê tất màu đỏ mặc lên trên thường màu đỏ nhạt; 6. Đại thụ màu đỏ nhạt, phía dưới nối với các tua ngũ sắc. 7. Ngọc bội. 8. Chương Phù trên thường. 9. Chương Phát hình chữ Á trên thường.

a. Cổ Miện 9 lưu 9 chương

九旒九章袞冕

Theo quy chế Lễ phục tế Giao năm 1830, trang phục Cổ Miện áp dụng cho hoàng tử và vương công triều Nguyễn là mũ Miện 9 lưu, Cổ phục 9 chương. Quy chế mũ Miện 9 lưu được quy định: *Mũ làm bằng loại lông đuôi ngựa tết vòng ngoài, phía trên chụp ván gỗ (mộc bản) làm cốt, phía trước tròn, phía sau vuông, bên ngoài bọc bằng đoạn tơ lót lĩnh màu đỏ. Trước sau đều có 9 dây lưu, mỗi lưu làm bằng dây tảo ngũ sắc, 9 tẩu, khâu 9 ngọc. Trâm ngà dẫn dây hoàng màu huyền, rủ xuống dây khoáng màu xanh, sung nhĩ chốt ngọc trấn màu trắng, tua ở dây hoàng màu son. Xung quanh miện bản viền vàng, trổ hoa văn mây rủ. Mũ sức 1 bác sơn vàng, 2 hoa vàng, 4 giao long vàng, 4 sợi kim tuyến, ở lỗ cài trâm (nữ) cũng sức bằng vàng.”⁽¹⁾* Trên thực tế, thân mũ Miện của hoàng tử, vương công và các quan triều Nguyễn rất gần gũi với dáng mũ Phốc Đầu. Cũng chính vì có hình dạng mũ Phốc Đầu cho nên ở phần đỉnh mũ giao với miện bản vẫn có thể đính thêm trang sức bác sơn.

Kết hợp với mũ Miện 9 lưu là Cổ phục 9 chương. Trong đó:

“Áo 5 chương may bằng đoạn màu xanh đen, thêu chương Long ở vai, chương Sơn ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở hai ống tay áo. Cổ áo màu như màu áo (màu gốc).

Thường 4 chương làm bằng đoạn màu đỏ nhạt (Huân thường), thêu các

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.19. Nguyên văn: 南郊大禮，皇子諸公冕服，冠用馬尾輪結，上覆木版為質，前圓後方，表用絲緞，裏赤綾，前後各九旒。每旒五彩縹，九就，貫玉九。牙簪導玄紘，垂青纁。充耳承以玉瑱用白色，朱紘纓。其覆版周圍繞金，刻垂雲文。冠飾金博山一，金花二，金蛟四，金綫四，貫簪處亦飾以金



Quy chế mũ Miện 12 lưu của thiên tử nhà Chu (Choe Kye Sun. *Trung Quốc lịch đại đế vương Miện phục nghiên cứu*) 1. Lưu (còn gọi là Ngọc Tảo); 2. Tảo (dây tơ ngũ sắc); 3. Ngọc châu; 4. Tẩu; 5. (Ngọc) Hành; 6. Đám; 7. Thấu Khoáng hoặc (Ngọc) Trân; 8. Sung Nhĩ; 9. Hoành (Chu tổ: dây son); 10. Nữ; 11. Kê (Trâm ngọc); 12. Võ (cùng chất liệu, cùng màu với Diên); 13. Diên (còn gọi Miện Bản. 1 thước 6 tấc x 8 tấc. Một đầu tròn, một đầu vuông, viền màu son).

Tiên, khi đặt định điển chương chế độ đều tham khảo những quy chế cổ điển, cơ bản của Trung Quốc, trên cơ sở đó tự tạo ra một nền văn hiến riêng biệt. Đơn cử như trang phục Cổ Miện, một bộ Cổ phục dành cho thiên tử phải thêu đủ 12 chương, một chiếc mũ Miện dành cho thiên tử phải có đủ 12 lưu. Bộ Cổ Miện của vua nhà Nguyễn có thể thấy qua các tư liệu tranh ảnh đều khớp với những quy chế cổ điển này, song các hoa văn, trang sức hay sự kết hợp các dạng phục sức đều có nhiều nét đặc sắc riêng biệt, không lẫn với bất kỳ vương triều nào của Trung Quốc hay Nhật Bản, Triều Tiên. Quy chế Cổ Miện dành cho hoàng tử, vương công và bá quan nhà Nguyễn cũng tương tự như vậy.

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 十二月，初製文廟袞冕服。政府阮輝潤上言：聖人萬世帝王之師，向來文廟循用司寇冕服，非所以示崇重。乃命改用袞冕之服。文廟用王者服自此始 “*Bắt đầu chế trang phục Cổ Miện thờ ở Văn Miếu. Nguyễn Huy Nhuận, viên quan giữ việc trong chính phủ dâng lời nói: “Đấng thánh nhân là thầy của đế vương muôn đời, thế mà từ trước đến nay phẩm phục thờ ở Văn Miếu vẫn dùng Miện phục của quan tư khấu, như thế không phải tỏ lòng tôn sùng’. Bèn hạ lệnh đổi dùng trang phục Cổ Miện. Dùng trang phục của đế vương thờ ở Văn Miếu, bắt đầu từ đây.”*

chương Tảo, Phấn mẽ, Phủ, Phất, mỗi chương hai hình, phía trước 3 bức, phía sau 4 bức, các hình xen kẽ nhau.

Cổ áo Trung đơn sa trắng thêu 9 hoa văn chương Phất.

Tế tất làm bằng đoạn màu đỏ nhạt, thêu hai chương Hỏa và Sơn, bên trên có 2 chiếc móc bằng thau mạ vàng.

Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành (hình chiếc khánh), 2 ngọc cư (hình chữ nhật), các loại ngọc hoàng (hình bán nguyệt), xung nha (hình răng) trở lên đều dùng đồng mạ vàng, từ ngọc hành trở xuống thắt với năm dây chập xâu với trân châu chất liệu ngọc (ngọc liệu châu), phía trên có móc thau mạ vàng.



Gia Hưng vương mặc Cồn Miện 9 lưu 9 chương. (Ảnh: Trịnh Bách cung cấp).



Cồn Miện 9 lưu 9 chương. Tế tất và đại thụ đều thêu hai chương Hỏa và Sơn. (BAVH).

Đại thụ phía trên làm bằng đoạn màu đỏ nhạt, thêu hai chương Hỏa, Sơn; phía dưới nối với các tua ngũ sắc.

Đại đối phía trong màu son phía ngoài màu lục, nối với cách đối màu đỏ nhạt, 6 miếng đai hình vuông, quả trám sức phía trước, bề mặt đều khảm đồi mồi, viền vàng.

Võng cân, hia, bít tất đều như Triều phục.”⁽¹⁾

1. (Việt) *Hội điển* - Quyển 78. Tr.20-21. Nguyên văn: 衣五章，用青色緞，繡龍在肩，山在背，火、花蟲、尊彝在兩袖各三，本色領。裳四章，用纁色緞，繡藻、粉米、黼、黻各二，前三幅，後四幅，各相屬。白沙中草（謬文。該為白紗中單）青領，繡黻文九。蔽膝纁色緞，繡火、山二章，上有鍍金鉤二。佩玉二，各珩一，琚二。璜、衝牙以上均用銅質鍍金，自珩而下，繫組五貫以玉料珠，上有鍍金鉤。大綬上用纁色緞繡火、山二章，其下繼以彩色垂纓。大帶裏表朱綠，綠革帶纁色，前飾方扁六，均面瑇瑁繞金。網巾並鞞鞞均依朝服



Vương công triều Nguyễn bồi tế mặc Cồn Miện 9 lưu 9 chương. (BAVH).



Cồn phục 9 chương của vua Triều Tiên. Long ở 2 vai, Sơn ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở ống tay áo. (Hàn Quốc phục chế).

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ CỐN MIỆN 9 LƯU 9 CHƯƠNG CỦA
HOÀNG TỬ NHÀ NGUYỄN VIỆT NAM VỚI NHÀ MINH TRUNG QUỐC
(theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Minh hội điển*)

	Quy chế của nhà Nguyễn Việt Nam	Quy chế của nhà Minh Trung Quốc
Hoàng tử, vương công	-Mũ Miện: Miện bản trước tròn, sau vuông, phía trước và sau đều 9 lưu, mỗi lưu làm bằng tảo ngũ sắc, 9 tụ, râu 9 ngọc; trâm ngà, dây hoàng màu huyền đỉnh tua màu đỏ; dây khoáng màu xanh, sung nhĩ chốt ngọc trấn màu trắng	-Mũ Miện: Miện bản trước tròn, sau vuông, phía trước và sau đều 9 lưu, mỗi lưu làm bằng tảo ngũ sắc, 9 tụ, râu 9 ngọc ngũ sắc xen kẽ; trâm ngọc, ngọc hành, dây đám màu huyền, dây khoáng màu xanh, sung nhĩ dùng ngọc xanh, dây hoàng màu đỏ, ngọc trấn màu trắng
	-Cổn phục màu xanh, thêu 5 chương Sơn, Long, Hoa trùng, Tông di, Hỏa; Long ở 2 vai, Sơn ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở ống tay áo; cổ áo cùng màu với màu áo	-Cổn phục đen huyền, thêu 5 chương Sơn, Long, Hoa trùng, Tông di, Hỏa; Long ở hai vai, Sơn ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở ống tay áo; cổ áo cùng màu với màu áo
	-Thường màu đỏ nhạt: thêu 4 chương Tảo, Phấn mễ, Phủ, Phất, mỗi chương 2 hình	-Thường màu đỏ nhạt: thêu 4 chương Tảo, Phấn mễ, Phủ, Phất, mỗi chương 2 hình
	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, thêu 9 chương Phất	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, cổ áo màu xanh, thêu 11 chương Phất
	-Tế tất màu đỏ nhạt, thêu 2 chương Hỏa và Sơn	-Tế tất màu đỏ nhạt, thêu 4 chương Tảo, Phấn mễ, Phủ, Phất
	-Đại thụ phía trên thêu hai chương Hỏa, Sơn, phía dưới nối với tua ngũ sắc	-Đại thụ 4 màu đỉnh tiểu thụ 3 màu kết 2 ngọc hoàn ở giữa
	-Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành, 2 ngọc cư; các loại ngọc hoàng, xung nha trở lên đều dùng đồng mạ vàng; từ ngọc hành trở xuống thắt với năm dây chập râu với trâm châu chất liệu ngọc, phía trên có móc thau mạ vàng	-Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành, 1 ngọc vũ, 1 ngọc cư, 1 xung nha, 2 ngọc hoàng, dưới ngọc vũ rủ 1 ngọc hoa, 2 ngọc đích; từ ngọc hành trở xuống, thắt với 5 tua, râu ngọc châu; phía trên có móc vàng
	-Cách đối màu đỏ nhạt, viền vàng	-Cách đối có móc vàng
	-Tất phía trên gắn hộ tất, may bằng gấm, hia đầu vuông màu đen	-Tất trắng, giày Tích đỏ

b. *Cổn Miện 6 lưu 5 chương, 4 lưu 3 chương*
六旒五章及四旒三章袞冕

Theo quy chế Cổn Miện của nhà Minh, Hoàng đế mặc Cổn Miện 12 lưu 12 chương, hoàng tử, vương công mặc Cổn Miện 9 lưu 9 chương, quận vương mặc Cổn Miện 7 lưu 7 chương, bá quan văn võ từ nhất phẩm trở xuống đều mặc Triều phục Lương Quan làm lễ, không được mặc Cổn Miện.



Cổn Miện 6 Lưu 5 Chương và 4 Lưu 3 Chương của các quan triều Nguyễn. (BAVH).

Tuy nhiên, theo quy chế của nhà Nguyễn, các quan từ chính nhị phẩm trở lên được mặc Cổn Miện 6 lưu 5 chương, các quan văn tòng nhị phẩm và chính tam phẩm được mặc Cổn Miện 4 lưu 3 chương⁽¹⁾. Đây lại là quy chế Thuế Miện và Hy Miện áp dụng cho các quan nhà Tống. *Tống sử* ghi nhận: “*Thuế Miện 6 lưu, áo 3 chương, thêu Hồ dữu di (tức Tông di), Tảo, Phấn mễ. Thường 2 chương, thêu Phủ, Phất [...] các chức thị lang của sáu bộ được mặc; Hy Miện 4 lưu, áo 1 chương, thêu Phấn mễ. Thường 2 chương, thêu Phủ, Phất [...] Các chức quang lộc khanh, giám sát ngự sử, độc sách quan, cử sách quan, phân hiến quan trở lên được mặc.*”⁽²⁾

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.48-50. Nguyên văn: 郊壇執事冕服正二品以上冕冠前後各六旒，每旒五彩綵，六就，貫用玉料珠六。其覆版周圍繞銅，刻垂雲文鍍金。冠飾金博山，上金蛟各二，金綫一，貫簪處亦飾以金，餘均依皇子諸公冕制。青衣三章，繡粉米二在肩、一在背，藻、尊彝在兩袖各三，本色領。纁裳二章，繡黼黻各二。白沙中草青領繡黻文七。蔽膝竝大綬均繡山一章。玉佩貫以三彩草珠，餘均依皇子諸公佩綬體制。大綬表裏白羅在腰無緣，其垂處緣綠。帶纁色，前飾方扁六，均面嵌瑋瑁，繞銅鍍金。文班從二品、正三品，冕冠前後各四旒。每旒五彩綵，四就，貫二彩草珠四，均依正二品制，惟省金蛟二。青衣一章，繡粉米二在肩、一在背，又在兩袖各二，本色領。纁裳二章，繡黼黻各二。中草竝蔽膝、玉佩、大綬、大帶均依正二品之制

2. (Trung) *Tống sử*. Q.152 Chí. Đề nhất bách ngũ. *Dư phục Từ*. Nguyên văn: 衮冕：六玉，三采，衣三章，繪虎雉彝、藻、粉米；裳二章，綉黼、黻[……]六部侍郎以上服之；絺冕：四玉，二采，朱、

Như vậy, một cách tổng quan có thể thấy quy chế Cống Miện của nhà Nguyễn đã tham khảo từ hai nguồn chính là quy chế nhà Tống và nhà Minh, khớp với lời nhận định có phần khoa trương của triều thần Lý Văn Phức “*Đại rộng mũ cao, ấy y phục Tống Minh vậy.*” Trong đó, Cống Miện 9 lưu 9 chương được tham khảo từ quy chế Minh, còn Cống Miện 6 lưu 5 chương và 4 lưu 3 chương được tham khảo từ quy chế Tống. Dĩ nhiên, như chúng tôi đã đề cập, toàn bộ kiểu dáng hoa văn, trang sức, cũng như sự kết hợp giữa các phục sức (Thường, Kế y, đại thụ, tế tất, đại đới v.v.) trong bộ Cống phục của Việt Nam không rập khuôn theo tỉ lệ 1:1 so với quy chế cổ của Trung Quốc. Tình hình này cũng xảy ra tương tự ở Triều Tiên. So sánh sự bố trí hoa văn Họa, Hoa trùng, Tông di trên áo Cống 9 chương của vua Triều Tiên với áo Cống 9 chương của vương công triều Nguyễn, có thể thấy được sự đại đồng tiểu dị này.



Cống Miện 4 lưu 3 chương của Quan văn Tông Nhị phẩm và Chính Tam phẩm. (Phục dựng. Tranh: Lý Tiệp).

绿。衣一章繪粉米，裳二章，綉黼、黻[...]
光禄卿、监察御史、读册官、举册官、分献官以上服之



Trang phục Hoàng đế và Hoàng thân triều Nguyễn mặc khi tế Giao do Nguyễn Văn Nhân vẽ năm 1902 (*Hoàng phái sắc phục tự thiên tử chí tôn thất*) chỉ là dạng trang phục vẽ theo trí tưởng tượng của họa sĩ. Có lẽ do Nguyễn Văn Nhân chưa được chứng kiến lễ tế Nam Giao để tận mắt thấy Cống Miện.

QUY CHẾ CỐNG MIỆN CỦA CÁC QUAN NHÀ NGUYỄN
(theo *Hội điển*)

Cống Miện 6 lưu 5 chương Các quan chính nhị phẩm trở lên	Cống Miện 4 lưu 3 chương Quan văn tông nhị phẩm và Chính tam phẩm
Mũ Miện trước và sau đều có 6 lưu, mỗi lưu 5 dây thái tảo, 6 trụ, xâu bởi 6 hạt châu chất liệu ngọc; xung quanh miện bản quần đồng khắc hoa văn mây rủ; mũ mạ vàng sức bác sơn vàng, 2 giao long vàng, 1 kim tuyến, ở chỗ cài trâm cũng sức bằng vàng, còn lại đều theo quy chế Miện phục của hoàng tử và vương công	Mũ Miện phía trước và sau đều 4 lưu, mỗi lưu 5 thái tảo, 4 trụ, xâu 4 viên ngọc châu thái thảo, còn lại đều theo quy chế của quan chính nhị phẩm; riêng lược bỏ đi 2 hình giao long vàng
Áo xanh 3 chương thêu Phấn mẽ 2 hình ở vai 1 hình ở lưng; Tảo, Tông di ở hai tay áo, mỗi chương 3 hình; cổ áo như màu áo	Áo xanh 1 chương thêu Phấn mẽ 2 hình ở vai, 1 hình ở lưng, ở hai ống tay áo cũng lại thêu mỗi bên 2 hình;
Thường màu đỏ nhạt 2 chương, thêu Phủ, Phất mỗi chương 2 hình; cổ áo Trung Đơn làm bằng sa trắng thêu 7 hình Phất	Thường màu đỏ nhạt 2 chương, thêu 2 hình Phủ và 2 hình Phất
Tế tất và đại thụ đều thêu chương Sơn. Đại thụ trong và ngoài đều làm bằng là trắng, ở phần eo không có viền, ở chỗ rủ xuống viền màu lục. Ngọc bội xâu bởi 3 viên ngọc châu thái thảo, còn lại đều theo quy chế bội, thụ của hoàng tử và các vương công. Đại màu đỏ nhạt, mặt trước sức 6 miếng gồm hình vuông lẫn hình quả trám, bề mặt đều khảm đôi mỗi, viền đồng mạ vàng	

1.2. Lễ phục Tịch điền

Tịch điền là một trong những buổi lễ quan trọng của các nước nông nghiệp. Ít nhất từ năm 987, vua Lê Đại Hành đã “*lần đầu cày ruộng Tịch điền*”. Tuy nhiên, do sự khuất lấp của sử liệu, chúng ta hiện không thể biết được loại trang phục sử dụng vào dịp lễ Tịch điền của vua quan các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Hậu Lê. Song chúng tôi ngờ rằng, Lễ phục Tịch điền của các triều đại trước đây có lẽ không nằm ngoài các bộ Triều phục và Thường phục, có chăng xuất hiện một vài biến cách nhỏ tương tự như quy chế của triều Nguyễn.



Thường phục và Triều phục của các quan triều Nguyễn. (BAVH).

Đối với quy chế Lễ phục Tịch điền của vua quan triều Nguyễn, *Hội điển* ghi nhận, Lễ phục của hoàng đế là mũ Cửu Long Đường Cân kết hợp với Long bào hẹp tay màu vàng. Năm 1827, Lễ phục Tịch điền của các quan văn võ chấp sự được quy định là “*áo Thái bào hẹp tay màu lam. Quan võ đội mũ Hồ Đầu, quan văn đội mũ Văn Công, mũ Xuân Thu. Bát, cửu phẩm đội Anh Cân, áo Thái y hẹp tay. Đại lưng lụa màu lam*”⁽¹⁾; năm 1849, Lễ phục Tịch điền của hoàng tử và các vương công được quy định là “*mũ Kim Quan, áo Thái bào hẹp tay màu đỏ.*”⁽²⁾ Trong đó, mũ Cửu Long Đường Cân, mũ Hồ Đầu, Văn Công, Xuân Thu, Anh Cân là mũ Thường phục của vua và văn võ bá quan; mũ Kim Quan là mũ Triều phục của hoàng tử và thân vương. Có điều, khác với quy chế Thường phục Bồ tử, Lễ phục Tịch điền của vua quan nhà Nguyễn là sự kết hợp giữa mũ Thường phục và các loại áo Thái bào, Thái y hẹp tay, tức loại áo được thêu hoa văn sắc sỡ, tương tự như áo bào Triều phục.

Quy chế cụ thể của các loại mũ Hồ Đầu, Văn Công, Xuân Thu, Anh Cân, Kim Quan chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày ở phần sau.

2. Triều phục

Theo quy chế Triều phục năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông, bá quan nhất loạt đội mũ Phốc Đầu kết hợp với Bồ phục. Vào thời Nguyễn, mũ Phốc Đầu vẫn được áp dụng làm mũ Triều phục cho văn võ bá quan, song được phân làm ba loại: mũ Phốc Đầu dáng tròn dành cho quan văn, mũ Phốc Đầu dáng vuông dành cho quan võ và mũ Phốc Đầu đính thêm 2 sừng bạc gọi là mũ Giải Trãi áp dụng cho Pháp quan (các quan thực thi pháp luật và ngự sử). Mũ Triều phục của hoàng thân, thân vương nhà Nguyễn chủ yếu có ba loại: mũ Bình Đỉnh, mũ Kim Quan và mũ Phốc Đầu vuông.

Ngoài ra, vào thời Nguyễn, quy chế Bồ tử Triều phục thời Lê Trung Hưng được thay đổi, quay trở lại làm Thường phục như quy chế triều Lê sơ và triều Minh. Song đối với các chức quan lục phẩm, thất phẩm, áo bào Triều phục vẫn sử dụng Bồ phục kết hợp với mũ Phốc Đầu. Riêng áo bào Triều phục của các quan từ nhất phẩm đến ngũ phẩm lần lượt được phân biệt là các loại Mãng bào (*còn gọi là áo bào Tứ linh, thêu hình long, lân, quy, phượng*), Giao bào (*áo bào giao long*) và Hoa bào (*áo bào hoa*).

a. Thất Long Đường Cân 七龍唐巾

Năm 1811, Triều phục của hoàng thái tử được quy định, “*mũ dùng Thất Long Đường Cân sức vàng và ngọc châu. Áo bào rồng ổ màu đỏ sẫm. Thường thêu rồng 5 móng. Đại sức vàng trở rồng.*”⁽¹⁾ Loại mũ Triều phục Thất Long Đường Cân của hoàng thái tử có kiểu dáng tương tự mũ Thường triều Cửu Long Đường Cân của hoàng đế, song số lượng trang sức trên mũ có sự giản. Bức ảnh vua Bảo Đại



Vua Bảo Đại khi còn là Hoàng thái tử và Hoàng thái tử Bảo Long mặc Triều phục.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.48. Nguyên văn: 明命八年議準文武官充耜田從耕執事藍色狹袖彩袍。武官虎頭帽，文官公、春秋帽。八九品英巾狹袖彩衣，藍帛腰帶

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.19. Nguyên văn: 耜田從耕皇子諸公品服，冠用金冠，袍用赤色狹袖彩袍

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.17. Nguyên văn: 皇太子大朝品服冠用唐巾七龍金珠飾。袍用盤龍袍大赤色。裳繡五爪龍。帶金飾雕龍



Long bào cổ tròn, màu đỏ sẫm (Đại Xích) của vua Đồng Khánh khi còn làm Hoàng Thái tử.

khi còn là Hoàng thái tử và bức ảnh Hoàng thái tử Bảo Long trong lễ tấn phong đều thể hiện bộ Triều phục này.

b. Bình Đỉnh (Bình Thiên) 平頂冠

Năm 1816, Triều phục của các vị hoàng tử, hoàng tôn, công tử được quy định, “*mũ dùng mũ Bình Thiên sức vàng và ngọc châu. Áo bào dùng Mãng bào cổ tròn, màu đỏ sẫm. Thường thêu rồng 4 móng. Đai sức vàng rồng 4 móng.*”⁽¹⁾ Tuy nhiên 16 năm sau, vua Minh Mạng ra lời dụ, quy định đổi tên mũ Bình Thiên thành mũ Bình Đỉnh vì cho rằng tên Bình Thiên là tên nôm na không được điển nhã, vả lại hai chữ Bình Thiên cũng không phải từ dành cho phận bề tôi⁽²⁾, đồng thời quy định, mũ Bình Đỉnh là mũ Triều phục áp dụng cho hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân vương, quận vương, thân công, quận công.



Tuy Lý vương Miên Trinh và Hoàng Hóa Quận vương Miên Triện đội mũ Bình Đỉnh (BAVH).

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.19. Nguyên văn: 嘉隆十五年議準皇子大朝冠用平天冠金珠飾。袍用盤領蟒袍大赤色。裳繡四爪龍。帶金飾四爪龍。 Tr.36. Nguyên văn: 嘉隆十五年議準皇孫、公子大朝冠用平頂冠金珠飾
2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.21. Nguyên văn: 論向來皇子諸公所戴之冠俗稱為平天冠，頗平天二字非臣子之所應有，殊覺未雅。茲著名為平頂冠

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC BÌNH ĐỈNH NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân vương, quận vương	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân công, quốc công
Mũ Bình Đỉnh	6 hoa vàng, 6 rồng, (?) giao long, 24 vân khí, 10 ngọn lửa, 4 nhiều tuyến, 4 hình cổ đồ và 4 thùy văn, đỉnh mũ trở 2 hình long vân, bao đỉnh trở 4 hình long vân, 28 biên bao	4 hoa vàng, 4 rồng, 2 giao long, 24 vân khí, 10 ngọn lửa, 4 nhiều tuyến, 2 hình cổ đồ và 2 thùy văn, đỉnh mũ trở 2 hình long vân, bao đỉnh trở 4 hình long vân, 28 biên bao
Áo bào	Áo bào Đại vân màu đỏ sẫm làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim	Áo bào Tứ linh màu đại xích làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim
Đai	Trước sau có 18 miếng, bề mặt trở hình mãng khảm vàng, các miếng đai đều bọc vàng	Phải trái trước sau 18 miếng; đai của thân công bề mặt trở hình kỳ lân khảm vàng, đều bọc vàng; đai của quốc công miếng chính giữa ở phía trước trở hình kỳ lân khảm vàng, 4 miếng hình dẹt ở bên phải và trái bề mặt trở hình hoa khảm vàng, 13 miếng còn lại bề mặt khảm gương, các miếng đai xen kẽ nhau, đều bọc vàng
Thường	Làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình kỳ lân	



Mũ Kim quan. 1. Mũ trong chân dung Tùng thiện vương Miên Thẩm (mũi tên đỏ: Bức Sơn vàng); 2, 4. Mũ lưu giữ tại Bảo tàng Quân sự Pháp (Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền); 3. Mũ lưu giữ tại BTLSVN (Ảnh: TQĐ). Đồ giải: 1.Hậu xích; 2. Hồ kỷ; 3. Hồ Nhĩ; 4. Giao long; 5. Vân khí; 6. Hoa; 7. Thùy văn.

c. Kim Quan 金冠

Theo *Hội điển*, mũ Kim Quan kết hợp với áo bào Tứ linh màu đỏ là Triều phục của hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công, hương công, huyện hầu và hương hầu.



Tùng Thiện vương Miên Thẩm (1819 - 1870), đội mũ Kim Quan; Quốc cữu triều Nguyễn làm chủ hôn trong đám cưới của công chúa, đội mũ Kim quan. (BAVH).

QUY CHẾ MŨ KIM QUAN NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công	Hoàng tử, hoàng thân được phong hương công, huyện hầu, hương hầu
Mũ Kim Quan	Sức 2 bác sơn vàng, phía trước và sau 3 hoa vàng, phía trước 4 giao long vàng, trên đỉnh 2 hình mây, 1 hậu xỉ (cánh sau), 1 hổ kỳ (bờm hổ), 2 hổ nhĩ (tai hổ), 6 vân khí, đỉnh mũ trở 1 thủy văn, 4 ngọn lửa, đều kết chuỗi hạt giả chu	Sức 2 bác sơn vàng, trước và sau 2 hoa vàng, còn lại giống hoàng tử, thân vương được phong huyện công
Áo bào	Áo bào Tứ linh màu hoa xích làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim	
Dai	Miếng chính giữa ở phía trước trở hình kỳ lân khảm vàng, 17 miếng còn lại bề mặt khảm gương, đều bọc vàng	
Thường	Làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình kỳ lân	

d. Phốc Đầu 幞頭冠

Mũ Phốc Đầu được áp dụng rộng rãi làm mũ Triều phục cho bá quan văn võ và một số vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất triều Nguyễn. Trong đó, mũ Phốc Đầu tròn được quy định là mũ Triều phục của quan văn, mũ Phốc Đầu vuông là mũ Triều phục của quan võ (ngoại trừ quan bát, cửu phẩm)⁽¹⁾, đồng thời cũng là mũ Triều phục của các vị tôn thất được phong tước *thân vương, quận vương, thân công, quốc công, quận công, huyện công, hương công, huyện hầu, hương hầu, các vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất* được phong tước *kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy, phụng quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang*⁽²⁾. Ngoài ra, loại mũ Phốc Đầu được đính hai sừng bạc ở trang sức bác sơn, gọi là mũ Giải Trãi, là mũ Triều phục của đô ngự sử, phó đô ngự sử và các chức khoa đạo chương ấn⁽³⁾.

Quy chế Triều phục Phốc Đầu của bá quan triều Nguyễn được đặt định lần đầu tiên vào năm 1804 thời vua Gia Long, được chỉnh sửa vào năm 1845 thời vua Thiệu Trị. Quy chế năm 1845, về cơ bản tương tự quy chế



Mũ Phốc Đầu tròn, mũ Phốc Đầu vuông, mũ Giải Trãi. (BAVH).



Hiện vật mũ Phốc Đầu vuông của quan võ Nhất phẩm triều Nguyễn (bộ sưu tập cá nhân).
Trang sức: 1. Bác sơn (còn gọi là khóa kiêu); 2. Hoa; 3. Giao long; 4. Ngạch tường; 5. Khóa gián (còn gọi là hổ); 6. Như ý; 7. Nhiễu tuyến.



Trang sức mũ Phốc Đầu. 1. Bác sơn vàng – khóa kiêu vàng; 2. Cánh chuồn viền bạc vàng, đầu sức vàng, bề mặt đính giao long vàng; 3. Giao long vàng; 4. Khóa gián vàng – Hổ vàng.

1. (Việt) *Đại Nam điển lệ toát yếu*. Nguyên văn: 文大朝冠自一品至七品均用圓幞頭，武用方幞
2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.25-31.
3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.56-57.

năm 1804, song tên gọi của một số loại trang sức và số lượng trang sức trên mũ có sự thay đổi. Như thời Gia Long, trang sức bạc sơn được gọi là khóa kiều, hốt (trang sức trên mũ) được gọi là khóa giản v.v. Ngoài ra, từ năm 1845 trở về sau, chỉ có các quan từ lục phẩm trở lên mới được mặc Triều phục.

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ TRANG SỨC MŨ PHỐC ĐẦU
NĂM 1804 VÀ NĂM 1845
(theo Hội điển)

Bá quan	Quy chế năm 1804	Quy chế năm 1845	
<i>Trên nhất phẩm (Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh)</i>	<i>-Phốc Đầu tròn:</i> 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc vàng, sức giao long vàng <i>-Phốc Đầu vuông:</i> 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng 5 phân; còn lại như trên	<i>Tôn thất được phong tước thân vương, quận vương</i>	1 bạc sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân trở hình giao long, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng, bề mặt sức giao long vàng vờn ngọc châu, đầu cánh chuồn đều sức vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng
		<i>Tôn thất được phong tước thân công, quốc công</i>	Như trên, riêng ngạch tường cao 3 phân trở hình hoa; hai cánh chuồn sức giao long vàng, đầu cánh chuồn không sức vàng là khác biệt
		<i>Tôn thất được phong tước quận công, huyện công</i>	Như tôn thất được phong tước thân công, quốc công, nhưng không có ngạch tường
		<i>Tôn thất được phong hương công, huyện hầu, hương hầu</i>	So với tôn thất được phong tước quận công, mũ Phốc Đầu vuông lược đi 1 hoa vàng phía sau, mặt mũ lược trang sức giao long vàng

		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh</i>	1 bác sơn bạc, 2 khóa giản vàng, trước sau 1 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc; 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc
		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy</i>	1 bác sơn bạc, 2 khóa giản bạc, trước sau 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bạc; 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc
		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang</i>	Trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc.
<i>Chính tông nhất phẩm</i>	<i>-Chính nhất phẩm:</i> như quan trên nhất phẩm (1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc vàng, sức giao long vàng) <i>-Tông nhất phẩm:</i> 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 5 phân, còn lại như quan trên nhất phẩm	<i>-Chính nhất phẩm:</i> 1 bác sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân, phía ngoài trở hình giao long; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng, bề mặt sức giao long bốn ngọc bằng vàng, đầu cánh chuồn đều sức vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng <i>-Tông nhất phẩm:</i> như chính nhất phẩm; riêng ngạch tường cao 3 phân, trở hình hoa; mặt mũ không có ngọc châu; đầu hai cánh chuồn không sức vàng	
<i>Chính tông nhị phẩm</i>	1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc vàng, sức giao long vàng	<i>-Chính nhị phẩm:</i> 1 bác sơn vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng, bề mặt sức giao long vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng <i>-Tông nhị phẩm:</i> như chính nhị phẩm; riêng bỏ trang sức giao long ở mặt mũ	
<i>Chính tông tam phẩm</i>	1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và mặt sau; hai cánh chuồn viền bạc vàng	<i>-Chính tam phẩm:</i> 1 bác sơn vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước phía sau đều có 1 hoa vàng; 2 giao long vàng; 2 cánh chuồn viền bạc vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng <i>-Tông tam phẩm:</i> như chính tam phẩm; riêng bỏ 2 giao long vàng	

Chính tòng tứ phẩm	1 khóa kiểu bạc, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc vàng	1 bác sơn bạc; 2 khóa giản vàng; phía trước và sau đều 1 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng; 2 như ý bạc; 2 nhiều tuyến bạc
Chính tòng ngũ phẩm	1 khóa kiểu bạc, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc bạc	1 bác sơn bạc; 2 khóa giản bạc; phía trước và sau đều 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bạc bạc; 2 như ý bạc; 2 nhiều tuyến bạc
Chính tòng lục phẩm	Hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bạc bạc	Phía trước, sau đều có 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bạc bạc; 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc
Chính tòng thất phẩm	Hoa bạc trước sau đều 1 bông, hai cánh chuồn viền trơn	

e. Bào phục

Quy chế Triều phục mũ Phốc Đầu kết hợp với Bồ phục thời Lê Trung Hưng vẫn tiếp tục được áp dụng đối với các chức quan ngũ, lục phẩm triều Nguyễn. Bên cạnh đó, quy chế triều Nguyễn quy định: các quan nhất, nhị, tam phẩm mặc Măng bào; quan tứ phẩm theo quy chế năm 1804 mặc Hoa bào, từ năm 1845 trở về sau đổi sang mặc Giao bào.

Về sắc phục của áo bào Đại Triều, theo *Hội điển*, quy chế năm 1804 quy định, áo bào Triều phục dành cho các quan trên nhất phẩm là Măng bào cổ tròn màu tía, từ nhất phẩm trở xuống, các màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy nghi. Quy chế này được sửa đổi vào năm 1845, lúc này các quan từ Tam phẩm trở lên đều mặc Măng bào, trong đó quan trên nhất phẩm mặc màu tía, quan chính nhất phẩm mặc màu cổ đồng, tòng nhất phẩm mặc màu thiên thanh, chính nhị phẩm mặc màu cam bích, tòng nhị phẩm mặc màu quan lục, chính tam phẩm mặc màu bảo lam, tòng tam phẩm màu ngọc lam. Quan tứ phẩm mặc Giao



Quan ngũ phẩm triều Nguyễn mặc Triều phục. (Ảnh: Nguyễn Giang).



Võng cân, lưới bọc tóc, đai, hốt, Hia. (BAVH).

bào màu quan lục. Quan ngũ phẩm mặc Bồ phục Vân nhạn màu bảo lam, áo bào làm bằng trầu thù hoa. Quan lục phẩm mặc Bồ phục Bạch nhạn màu ngọc lam, áo làm bằng trầu bóng không thù hoa.

Nam phương danh vật bị khảo chép: “Măng bào là áo Đại triều của các quan từ tam phẩm trở lên, thù hình măng. Quan chính nhất phẩm màu đồng hồng, tòng nhất phẩm màu xanh, chính nhị phẩm màu biếc, tòng nhị phẩm màu lục, chính tam phẩm màu bảo lam, tòng tam phẩm màu ngọc lam. Giao bào là áo Đại triều của quan tứ phẩm, thù hình giao long. Lam bào là áo Đại triều của quan ngũ phẩm và lục phẩm, áo của quan ngũ phẩm thù thêm hoa. Hoa bào là áo vua ban cho các vị tam khôi. Lục bào là áo vua ban cho tiến sĩ.”⁽¹⁾

Tại Trung Quốc, Măng bào xuất hiện từ thời Minh, được gọi là Măng y hoặc Măng phục, nếu không được vua đặc ban, bá quan không được sử dụng. Vào thời Thanh, Măng bào được sử dụng làm Lễ phục cho hoàng tử, thân vương và văn võ bá quan, phần nhiều được dùng trong các dịp lễ tết lớn như lễ Vạn Thọ, Tết Thượng Nguyên và Tết Nguyên Đán v.v.

Khâm định Đại Thanh hội điển cho biết: “Măng bào, màu lam và màu thạch thanh cho được tùy nghi sử dụng, viền vàng. Thân vương, quận vương thường dùng áo bào thù 9 hình măng.



Măng bào rồng mây sóng nước dành cho Hoàng tử triều Thanh (*Thanh Hội Điển*).

1. (Việt) *Nam phương danh vật bị khảo* - Thượng - Phục dụng môn. Nguyên văn: 蟒袍: 今三品以上大朝衣繡蟒。正一銅紅，從一青，正二碧，從二綠，正三寶藍，從三玉藍。蛟袍: 今四品以上朝衣繡蛟。藍袍: 今大品以上朝衣，五品加花。花袍: 今三魁賜衣。綠袍: 今進士賜衣



Mặt trước và mặt sau của Mãng bào và Hoa bào triều Nguyễn. (BAVH).

móng. Quan văn võ thất, bát, cửu phẩm, quan vị nhập lưu dùng áo bào thêu 5 hình mãng bốn móng. Vạt áo, tôn thất, thân vương trở xuống đều xẻ bốn vạt, bá quan văn võ chỉ xẻ hai vạt trước sau.”⁽¹⁾ Tại Việt Nam, quy chế Mãng bào được áp dụng làm Triều phục cho bá quan văn võ Đàng Trong kể từ năm 1744 sau cải cách của chúa Nguyễn Phúc Khoát. *Đại Nam thực lục* ghi: “Chúa [...] châm chước chế độ các đời, định Triều phục văn võ. Văn từ quần bộ đến chiêm hậu, huấn đạo, võ từ chương dinh đến cai đội, mũ sức vàng bạc, áo dùng Mãng bào hoặc gấm đoạn theo cấp bậc.”⁽²⁾ Lê Quý Đôn cũng ghi nhận sau cải cách này, các quan Đàng Trong “dùng Mãng bào thủy ba (hoa văn sóng nước), mũ mào dùng vàng bạc trang sức”⁽³⁾.

Mãng bào triều Nguyễn nhìn chung



1. Mãng bào (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: TQĐ); 2. Mãng bào màu tía của quan Chính nhất phẩm và Bồ phục Vân nhạn của quan ngũ phẩm (Bảo tàng Quân sự Pháp. Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền).

1. (Trung) *Khâm định Đại Thanh hội điển* - Q.47. Nguyên văn: 蟒袍，藍及石青諸色隨所用，片金緣。親王、郡王，通繡九蟒。貝勒以下至文武三品官、郡君額駙、奉國將軍、一等侍衛，皆九蟒四爪。文武四五六品官、奉恩將軍、縣君額駙、二等侍衛以下，八蟒四爪。文武七八九品、未入流官，五蟒四爪。裾，宗室親王以下皆四開，文武官前後開

2. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Tập I. Tr.153.

3. (Việt) *Phủ biên tạp lục*. Nguyên văn: 貴者用蟒袍水波，其帽飾以金銀

đã tham khảo bố cục rồng mây, sóng nước của Mãng bào Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh. Tuy nhiên, Mãng bào của bá quan triều Nguyễn còn được thêu hình phượng, kỳ lân và rùa, đồng thời có tên gọi là áo bào Tứ linh. Năm 1832 vua Minh Mạng ra chỉ dụ, “xưa nay áo bào của quan tam phẩm trở lên, tục gọi là áo bào Tứ linh, có hình rồng nằm trong số đó [...] cách gọi như vậy đều không phù hợp, bởi hình phượng, lân, rùa chỉ là hình phụ họa mà thôi, chỉ cần gọi Mãng bào là được.”⁽¹⁾ Mặt khác, trên lưng áo bào triều Nguyễn còn bảo lưu hai cánh lá phú hậu thời Minh (nhà Lê Trung Hưng cũng mô phỏng dạng thức này), phụ kiện này không xuất hiện trên áo bào của các quan nhà Thanh Trung Quốc.

Ngoài ra, khác với quy chế áo mào thời Lê Trung Hưng, bất kể Cống phục, Lễ phục, Triều phục hay Thường phục của vua quan triều Nguyễn đều phối với thường - Kế y, một dạng xiêm áo mặc lót bên trong



Các quan võ mặc Triều phục; Một trong ba vị Tam khôi triều Nguyễn mặc áo Hoa bào, cài hoa bạc trên mũ. Quan nhị phẩm mặc Mãng bào và quan tứ phẩm mặc Giao bào. (Ảnh: Albert Kahn).



Xiêm - thường của quan triều Nguyễn.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.50. Nguyên văn: 諭向來三品以上袍俗呼四靈袍則龍在其中[...]均屬不合。鳳、麟、龜係是附和，只須名為蟒袍



Hiện vật Măng bào triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách).



Hiện vật Măng bào (Ảnh: Philippe Trương), Giao bào triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách).



Hoàng phái sắc phục tự thiên tử chí tôn thất (Nguyễn Văn Nhân vẽ năm 1902). Ảnh 1: Hoàng đế, thái giám, hiệp lĩnh thị vệ mặc Triều phục. Ảnh 2: Quan văn Chính nhất phẩm mặc Triều phục Phúc Đầu - Mãng bào.

Ảnh 3: Hoàng thân mặc Triều phục mũ Kim Quan - Mãng bào. Ảnh 4: Quan văn Chính, Tòng Ngũ phẩm mặc Triều phục Phúc Đầu - Hoa bào (Theo *Hội điển* và tư liệu ảnh chụp chúng tôi có, quan Ngũ phẩm không mặc Hoa bào mà mặc Bô phục. Hoa bào chỉ dành cho các vị đỗ Tam khôi).

áo bào. Tuy nhiên, thường của vua quan nhà Nguyễn khác với loại thường Tiên phục được sử dụng phổ biến thời Lý - Trần. Thường thời Lý - Trần là loại váy quây màu đen gấp nếp, còn thường thời Nguyễn gắn với áo cộc tay cổ tròn, đồng thời được thêu lên vô số hoa văn mây nước, cổ đồ, bát bảo và linh thú. Đây có thể coi là quy chế trang phục mặt lót độc đáo của riêng triều Nguyễn.



Bá quan nhà Nguyễn trong buổi chầu Thường triều.

3. Thường phục

Quy chế Triều phục của bá quan nhà Nguyễn được đặt định dựa trên hai nguồn tham khảo chính là quy chế Bồ phục của triều Lê Trung Hưng và kiểu dáng Măng bào của Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu

Thanh. Còn trong quy chế Thường phục, triều đình nhà Nguyễn tiếp tục kết hợp quy chế Bồ phục của triều Lê Trung Hưng với quy chế Bồ phục của nhà Minh, song song với việc đặt định một số dạng mũ mào độc đáo như mũ Văn Công, Hồ Đầu, Đông Pha, Xuân Thu v.v. Đặc biệt, Bồ phục của nhà Lê và nhà Minh là dạng áo bào đoàn lĩnh cổ tròn gắn Bồ tử, nhà Nguyễn đã kế thừa một phần quy chế này áp dụng làm Triều phục cho các quan ngũ, lục, thất phẩm. Quy chế Thường phục lại quy định Bồ Tử đính lên áo giao lĩnh.

3.1. Quy chế mũ mào

a. Mũ Văn Công 文公冠

Mũ Văn Công là mũ Thường phục áp dụng cho quan văn nhất, nhị, tam phẩm, trang sức toàn bằng vàng, có hai dải Anh sức hoa vàng khảm ngọc châu⁽¹⁾. Đây cũng



Mũ Văn Công (BAVH); Quan văn mặc Thường phục Văn Công. (Việt Nam qua tranh khắc).

1. (Việt) Đại Nam điển lệ toát yếu. Nguyên văn: 文以下至三品同常朝冠, 文用文公, 絕金飭。兩纓飭金

chính là loại mũ được các quan triều Tây Sơn sử dụng từ thế kỷ XVIII qua lời ghi nhận của văn thần Triều Tiên Kim Chính Trung.

Kết hợp với mũ Văn Công là Bồ phục giao lĩnh. Trong đó, áo giao lĩnh được làm bằng sa, đoạn, các màu xanh, lục, lam, đen được tùy nghi, riêng cổ áo trắng⁽¹⁾. Bồ tử dành cho quan nhất, nhị phẩm là Tiên hạc, Bồ tử của quan tam phẩm là Cẩm kê. Thường, hia và tất tương tự quy chế Đại triều.



Mũ Đông Pha, Văn Tú Tài (BAVH).
Quan văn Lục phẩm đội mũ Đông Pha.

b. Mũ Đông Pha, Văn Tú Tài, Phong Cân 東坡巾、文秀才巾、風巾

Nam phương danh vật bị khảo chỉ rõ: “Mũ Đông Pha là mũ Thường triều của quan văn lục phẩm trở lên, mũ Văn Tú Tài là mũ Thường triều của quan văn cử phẩm trở lên.”⁽²⁾ Theo Hội điển, mũ Văn Tú Tài còn được áp dụng làm mũ Thường phục cho quan võ tòng thất phẩm, tòng bát phẩm và tòng cử phẩm (quan võ thất phẩm trở xuống chỉ đặt tòng, không đặt chính).

Quan văn chưa nhập lưu được quy định đội mũ Phong Cân. Đây cũng chính là mũ Lễ phục của dân gian, áp dụng cho thứ dân sau khi tròn 20 tuổi, có tính chất tương tự như loại mũ Ô Sa đơn dạng của triều Lê Trung Hưng. Quốc sử di biên ghi nhận, “văn giai chưa nhập lưu, sĩ tử thi đỗ, hoặc mãn đại nhiều học, hoặc sáu năm nhiều học, mũ dùng Phong Cân, trước sau mũ thêu hoa bạc đều một cái, mặc theo “thân phận” mình, áo giao lĩnh, sa đoạn các sắc xanh, lục, lam, đen, không Bồ tử. Thứ dân chưa làm



“Làm mũ Tú Tài” (Kỹ thuật của người An Nam).

花, 嵌珠. (Việt) Nam phương danh vật bị khảo. Nguyên văn: 文公帽: 今文三品以上常朝冠
1. (Việt) Hội điển - Q.78 - Văn võ quan phục. Nguyên văn: 衣一品至三品並用白領交領紗緞, 青綠藍黑隨用
2. (Việt) Nam phương danh vật bị khảo. Nguyên văn: 東坡巾今文六品以上常朝冠。文秀才巾今文九品以上常朝冠



Các chức sắc trong làng mặc Lễ phục Phong Cầm, Quan văn Ngũ phẩm mặc Thường triều phục Đông Pha. (Ảnh: Albert Kahn).

quan: phàm có việc nghi lễ gia quan, mũ dùng Phong Cầm sắc đen, không thêu hoa, áo dùng áo giao lĩnh màu thâm, giày, tất đều màu đen."⁽¹⁾ Loại mũ Phong Cầm trong dân gian vẫn được gọi là mũ Tú Tài. Đại Nam quốc âm tự vị định nghĩa mũ Tú tài cũng là mào gia lễ.



Các sĩ tử tại trường thi Nam Định đội mũ Phong Cầm, mặc áo giao lĩnh. Hội điển cho biết Lễ phục của dân gian là mũ Phong Cầm kết hợp với áo giao lĩnh, giày tất đều màu thâm đen. Quốc Sử di biên còn ghi nhận mũ Phong Cầm, áo giao lĩnh là trang phục dùng trong lễ Gia Quan dành cho nam giới khi tròn 20 tuổi.

Đối chiếu mô tả của sử liệu với tư liệu tranh ảnh đầu thế kỷ XX, đặc biệt là hình vẽ mũ Đông Pha, Văn Tú Tài của Tôn Thất Sa trong BAVH, có thể thấy trên thực tế mũ Đông Pha, Văn Tú Tài, Phong Cầm đều có kiểu dáng tương tự, được phân biệt bởi quy chế trang sức và một số chi tiết nhỏ ở kết cấu mũ. Do mũ Phong Cầm, mũ Tú Tài được quy định là mũ Lễ phục của dân gian, nên vẫn được duy trì đến ngày hôm nay, với tư cách là mũ tế sử dụng trong các dịp tế lễ hội hè của người Việt. Có điều, mũ tế

1. (Việt) Quốc sử di biên. 1821. Tập trung 16a. Nguyên văn: 未入流士子試中或滿代饒學或六年饒學，冠用風巾，前後飾銀線花各一，衣用本色，交領紗緞青綠藍黑諸色，無補子。庶民未入仕，凡有加冠儀禮事務，冠用風巾烏色，無紋飾，衣用交領黑色，鞋襪全用黑色

hiện nay có chiều hướng khoa trương sắc sỡ, thiếu những nét tinh tế và vẻ điển nhã của Phong Cầm ngày xưa.

QUY CHẾ MŨ THƯỜNG PHỤC
CỦA BÁ QUAN NHÀ NGUYỄN (1804)
(theo Hội điển)

	Quan văn	Quan võ
Trên nhất phẩm	Văn Công: sức toàn vàng, hai dải thùy anh trang sức kim hoa khảm ngọc châu	Hổ Đầu: sức toàn vàng
Nhất phẩm	Văn Công: sức toàn vàng	Hổ Đầu
Nhị phẩm	Văn Công	Hổ Đầu
Tam phẩm	Văn Công	Hổ Đầu
Tứ phẩm	Đông Pha: Hoa vàng ở mặt trước và sau, các trang sức như hoa, giao long đều dùng bạc	Xuân Thu
Ngũ phẩm	Đông Pha: phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Xuân Thu
Lục phẩm	Đông Pha: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Xuân Thu (Quan võ thất phẩm trở xuống chỉ đặt tông, không đặt chính)
Thất phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc	Tông thất phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính thất phẩm
Bát phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, sau 1 hoa bạc	Tông bát phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính bát phẩm
Cửu phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc	Tông cửu phẩm đội Văn Tú Tài như chính cửu phẩm
Chưa nhập lưu	Phong Cầm: trước sau đều sức 1 sợi bạc	Anh Cầm: trước sau đều sức 1 sợi bạc

c. Mũ Hổ Đầu 虎頭冠

Vào tháng 2 năm 2011, một pho tượng võ tướng làm bằng đất nung, đội mũ hình đầu hổ, mặc áo giáp đã được phát hiện tại xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi⁽¹⁾. Loại mũ thể hiện trên pho tượng

1. “Quảng Ngãi: Tìm thấy một pho tượng quý”. Báo Sài Gòn Giải phóng Online. Bài đăng ngày 17/03/2011.



Các võ quan triều Nguyễn đội mũ Hồ Đầu, mặc áo Măng lan.

này về cơ bản khớp với loại mũ trên tượng ngói thời Trần. Cần lưu ý rằng, vào năm 1756, chúa Nguyễn Phúc Khoát lần đầu tiên lệnh cho ba quân tướng sĩ Đàng Trong đội Hồ Thủ Đầu mạo, hay còn gọi là Hồ Đầu mạo⁽¹⁾. Giữa hai loại mũ thể hiện trên hai pho tượng không đồng đại này chưa chắc đã có mối quan hệ kế thừa trực tiếp, song có thể đều được mô phỏng theo quy chế Hồ quan thời Đường. Tuy nhiên, có thể khẳng định, mũ Hồ quan thời Đường không có mối liên hệ về mặt tạo hình với mũ Hồ Đầu (Hồ Đầu quan) của các võ quan triều Nguyễn.

Vào thời Nguyễn, từ năm 1804, mũ Hồ Đầu kết hợp với Bỏ phục Kỳ lân, Bạch trạch, Sư tử được quy định là Thường phục của quan võ nhất, nhị, tam phẩm. Năm 1845, vua Thiệu Trị phê chuẩn cho các quan võ giữ các chức thống quản, cai quản các quân doanh cho đến chương phủ đô thống, thống chế, chương vệ, vệ úy, phó vệ úy đều được đội mũ Hồ Đầu kết hợp với áo Măng lan⁽²⁾.

Áo Măng lan là dạng áo hẹp tay, có lối thêu sức tương tự như Măng bào, song chiều dài vạt áo và ống tay áo đều ngắn hơn Măng bào. *Hội điển* cho biết: “*Trước đây áo hẹp tay của quan viên thị vệ được gọi là áo Long Chấn, như vậy không phù hợp [...] nay gọi áo hẹp tay là Măng lan mới phải. Từ rày không được gọi theo cách gọi trước kia để làm rõ danh phận.*”⁽³⁾

1. (Việt) *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* - Q.8. Tr.14. Nguyên văn: (阮世宗福潤) 戊寅二十年 (1756) 初令三軍著虎首頭帽虎頭帽

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.57. Nguyên văn: 議準各軍營衛統管、該管等員奉有官給虎頭冠、蟒襴衣以備扈侍

3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.50. Nguyên văn: 侍衛官員窄袖衣呼為龍震衣均屬不合[...]其窄袖衣名為蟒襴方是。嗣後不得仍前稱呼以召名分



1. Quan võ tam phẩm đội mũ Hồ Đầu, mặc Bỏ phục;
2. Mũ Hồ Đầu (BAVH).



Bỏ từ Kỳ lân của triều Nguyễn (*Silken threads - A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*).



Thường phục mũ Hồ Đầu, Bỏ phục Kỳ lân, áo giao lĩnh cổ trắng của quan võ nhất phẩm triều Nguyễn (Phục dựng. Tranh: Lý Tiệp).

QUY CHẾ MŨ HỔ ĐẦU, ÁO MÃNG LAN
DÀNH CHO CÁC CHỨC QUAN CAI QUẢN,
THỐNG QUẢN QUÂN DOANH VỆ NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

	Mũ Hổ Đầu	Áo Mãng Lan	Đai
<i>Thống quản</i>	Bác son vàng, mặt trước và sau 3 hoa vàng, 2 giao long, 1 hổ kỳ, 2 cổ đồ, 2 thùy văn, biên bao, nhiều tuyến	Màu tử đàn, may bằng đoạn ngũ sắc gia kim, áo song khai, thường kép	Đai của các quan võ miếng chính giữa phía trước sức vàng, trở hoa; các miếng ống phải trái dùng mai đôi mỗi bọc vàng xen kẽ bọc bạc, không cần mạ
<i>Cai quản</i>	1 hoa vàng phía trước, còn lại như thống quản	Màu tương sẫm	
<i>Chưởng phủ đô thống</i>	Thêm 2 hình ngọn lửa vàng	Màu tử đàn	
<i>Thống chế, chưởng vệ</i>	Mũ sức vàng	Màu mộc xích	
<i>Vệ úy</i>	Lược bớt 2 giao long vàng ở mặt trước mũ	Màu tương sẫm	
<i>Phó vệ úy</i>	Lược bớt 2 giao long vàng và 1 hoa vàng	Màu bảo lam và màu thiên thanh	

d. Mũ Xuân Thu 春秋冠

Mũ Xuân Thu vừa là mũ Lễ phục của Hoàng đế, vừa là mũ Thường phục của các quan võ tứ, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn. Theo *Hội điển*, mũ Xuân Thu kết hợp với Bổ phục còn là Thường phục của các vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất được phong tước thân vương, quận vương, thân công, quốc công, kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh v.v.

Tuy nhiên, dựa trên một số tư liệu ảnh chụp cung đình triều Nguyễn đầu thế kỷ XX, chúng tôi nhận thấy đối tượng sử dụng mũ Xuân Thu còn có một số ngạch quan thị vệ, thậm chí là đội trưởng đội nhạc công (?). Do thiếu tư liệu văn tự đối chiếu nên



Mũ Xuân Thu (BAVH); Người đứng đầu đội Nhạc công đội mũ Xuân Thu.

chúng tôi hiện chưa thể làm rõ được thân phận của những người đội mũ Xuân Thu trong một số bức ảnh này. Song dù sao, mũ Xuân Thu cũng là một loại mũ hết sức đặc biệt bởi tính phổ dụng của nó trong cung đình nhà Nguyễn, khi vừa là mũ Lễ phục của vua, đồng thời cũng là mũ Thường phục của một số hoàng thân và các chức quan nhỏ.

QUY CHẾ THƯỜNG PHỤC XUÂN THU
CỦA HOÀNG THÂN VÀ CÁC QUAN VÔ TỬ, NGŨ,
LỤC PHẨM TRIỀU NGUYỄN
(theo *Hội điển*)

	Mũ Xuân Thu	Áo giao lĩnh	Bổ tử	Thường
<i>Hoàng tử, hoàng thân, tôn thất được phong tước thân vương - quận vương - thân công - quốc công; quận công - huyện công; hương công - huyện hầu - hương hầu</i>	Sức toàn vàng	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Kỳ lân Bạch trạch Sư tử	Nền vàng
<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh</i>	Sức vàng bạc đan xen, phía trước và sau đều có 1 hoa vàng, các trang sức hoa, giao long đều dùng chất liệu bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hổ	Nền đỏ

<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy</i>	Phía trước 2 hoa, 2 giao long, phía sau 1 hoa, 2 giao long đều bằng bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Báo	Nền đỏ
<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang</i>	Phía trước 1 hoa, 2 giao long, phía sau 1 hoa đều bằng bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hùng	Nền đỏ
<i>Công tử được tứ phong tước đình hầu, quan võ tứ phẩm</i>	Phía trước và sau đều 1 hoa vàng, trang sức hoa, giao long còn lại đều dùng bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hổ	Công tử: lục Quan: đỏ
<i>Quan võ ngũ phẩm</i>	Phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Báo	Nền đỏ
<i>Quan võ lục phẩm</i>	Phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hùng	Nền đỏ

3.2. Quy chế Bồi phục

Qua so sánh quy chế Bồi tử của nhà Minh, nhà Lê Trung Hưng và nhà Nguyễn, có thể thấy quy chế của nhà Nguyễn về cơ bản kế thừa quy chế của nhà Lê Trung Hưng, đồng thời tham khảo thêm một phần quy chế của nhà Minh. Tuy nhiên dạng áo đoàn lĩnh cổ tròn trong quy chế Bồi phục của nhà Minh và nhà Lê đã được nhà Nguyễn thay thế bởi dạng

áo giao lĩnh. Phẩm cấp của bá quan ngoài việc được phân biệt ở hình dạng Bồi tử còn được phân biệt ở màu sắc của cổ áo. Trong đó, cổ áo giao lĩnh của các quan nhất, nhị, tam phẩm màu trắng; cổ áo của các chức quan còn lại có màu sắc giống màu áo gốc. Áo màu xanh, lục, lam, đen được sử dụng tùy nghi⁽¹⁾.



Lễ bộ đường (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).



Một số hiện vật Bồi tử của Việt Nam: 1. Bạch nhàn (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam); 2. Vân nhạn (Bảo tàng Quân sự Pháp. Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền); 3. Khê xích (Ảnh: Trịnh Bách); 4. Tiên hạc (*Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*).

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Nguyên văn: 衣一品至三品並用白領交領紗緞青綠藍黑隨用[...]正從四品 [...]衣本色領交領紗緞青綠藍黑隨用[...]正從八品 [...]衣本色交領紗緞青綠藍黑隨用.

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ BỐ TỬ
CỦA NHÀ MINH, NHÀ LÊ TRUNG HUNG VÀ NHÀ NGUYỄN
 (theo *Minh thực lục, Toàn thư* và *Hội điển*)

	Minh		Lê Trung Hưng		Nguyễn	
	<i>Hoàng tử, vương công: Kỳ lân, Bạch trạch</i>		<i>Hoàng tử, hoàng thân: Kỳ lân</i>		<i>Hoàng thái tử: Rồng 5 móng Hoàng tử: Rồng 4 móng</i>	
	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>
<i>Nhất phẩm</i>	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Kỳ lân
<i>Nhị phẩm</i>	Cầm kê	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Bạch trạch
<i>Tam phẩm</i>	Khổng tước	Hổ báo	Cầm kê	Bạch trạch	Cầm kê	Sư tử
<i>Tứ phẩm</i>	Vân nhạn	Hổ báo	Khổng tước	Hổ	Khổng tước	Hổ
<i>Ngũ phẩm</i>	Bạch nhàn	Hùng bi	Vân nhạn	Báo	Vân nhạn	Báo
<i>Lục phẩm</i>	Lộ tư	Bưư	Bạch nhàn	Tượng	Bạch nhàn	Hùng (gấu)
<i>Thất phẩm</i>	Khê xích	Bưư	Bạch nhàn	Tượng	Lộ tư	Bưư
<i>Bát phẩm</i>	Hoàng ly	Tê ngưư	Bạch nhàn	Tượng	Khê xích	Hải mã
<i>Cửu phẩm</i>	Am thuần	Hải mã	Bạch nhàn	Tượng	Liêu thuần	Tê ngưư
<i>Pháp quan</i>	Giải trãi					
<i>Chưa nhập lưu</i>	Luyện tước				Không dùng Bồ Tử	

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ BỐ TỬ
CỦA NHÀ THANH, NHÀ TRIỀU TIÊN VÀ LƯU CẦU
 (theo *Thanh sử cảo, Triều Tiên Đoan Tông thực lục, Cầu dương kỷ sự*)

	NHÀ THANH		NHÀ TRIỀU TIÊN		LƯU CẦU
	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>	<i>Quan văn</i>
<i>Nhất phẩm</i>	Tiên hạc	Kỳ lân	Khổng tước	Hổ báo	Cầm kê
<i>Nhị phẩm</i>	Cầm kê	Sư tử	Vân nhạn	Hổ báo	Cầm kê
<i>Tam phẩm</i>	Khổng tước	Báo	Bạch nhàn	Hùng báo	Khổng tước
<i>Tứ phẩm</i>	Vân nhạn	Hổ			Vân nhạn
<i>Ngũ phẩm</i>	Bạch nhàn	Hùng			<i>Sau năm 1609, quan chế của Lưu Cầu không đặt các chức quan võ, quân đội cũng bị giải thể</i>
<i>Lục phẩm</i>	Lộ tư	Bưư			
<i>Thất phẩm</i>	Khê xích	Tê ngưư			
<i>Bát phẩm</i>	Am thuần	Tê ngưư			
<i>Cửu phẩm</i>	Luyện tước	Hải mã			
<i>Pháp quan:</i> Giải trãi					

QUAN PHỤC CỦA TIẾN SĨ
 (theo *Hội điển*)

Năm		Tiến sĩ			
		<i>Đệ nhất giáp, đệ nhất danh</i>	<i>Đệ nhất giáp, đệ nhị danh, đệ tam danh</i>	<i>Đệ nhị giáp</i>	<i>Đệ tam giáp</i>
1822	<i>Mũ</i>	Áo mũ như quan lục phẩm	Văn Tú Tài		
	<i>Y phục</i>		1 áo giao lĩnh may bằng sa Nam, 1 thường may bằng sa Nam, 1 vòng cân, 1 hia		
1838	<i>Mũ</i>	Áo mũ như quan lục phẩm	Ô Sa (mặt trước, sau đều đính 1 hoa bạc)		
	<i>Y phục</i>		Áo bào làm bằng sa, đoạn trơn (không văn sứt) màu lam, lục; Bồ tử thêu hình mây; thường làm bằng sa Nam, miếng Bồ tử thêu 2 bên cùng thêu hình mây; đai bọc đồng; vòng cân, hia.		
1840	<i>Mũ</i>	Ô Sa (1 hoa vàng phía trước, 1 hoa bạc phía sau; bác sơn bạc, 2 cánh viền bạc)	Ô Sa (1 hoa bạc mạ vàng phía trước, 1 hoa bạc phía sau, 2 cánh viền bạc)	Ô Sa (phía trước và sau đều 1 hoa bạc, 2 cánh viền bạc)	Ô Sa (phía trước và sau đều 1 hoa bạc, 2 cánh không viền bạc)

	Y phục	-Áo bào màu lục may bằng đoạn Bát ti Đại Hoa, đai bọc đoạn Xích vũ, 1 miếng phía trước bọc bạc mạ vàng, 2 miếng bọc bạc, đều mặt đôi mỗi, 7 miếng còn lại bọc đồng, mặt sừng đen; thường may bằng sa, đoạn tản hoa màu lam; Bổ tử nền đỏ thêu Bạch nhân; vòng cân, hia, hốt gỗ -Riêng đệ tam giáp: Bổ tử nền đỏ thêu Lộ tư; đai sức sừng đen, 3 miếng bọc bạc, 7 miếng bọc đồng; còn lại như trên		
1847	Bổ tử	Vân nhạn	Bạch nhân	Lộ tư

Quan phục của cử nhân (1807)
và võ cử nhân (1846)

	Cử nhân văn	Cử nhân võ
Mũ	Văn Tú Tài (mặt trước, sau đều đính 1 hoa bạc)	Viên Đỉnh (đỉnh tròn, màu đen, làm bằng linh Nam trơn, trước sức hoa bạc, trên đỉnh mũ 1 hồ lô bạc)
Y phục	Áo giao lĩnh may bằng vải màu; Vòng cân, hia. (năm 1825 đổi chất liệu may áo thành sa Nam lót lụa trắng, thêm 1 thường, còn lại như năm 1807)	Áo Mã Đề làm bằng trùu Nam Đại Hoa màu bảo lam lót vải đỏ; Bổ tử tròn màu xích trĩ; mặt trước và sau áo thêu chữ Võ Cử

Quan phục của học trò Quốc Tử Giám (1823) và tôn sinh (1827)

	Học trò Quốc Tử Giám	Tôn sinh
Mũ	Văn Tú Tài (làm bằng la sa, mặt trước đính 1 hoa bạc)	Tứ Phương Bình Định
Y phục	Áo giao lĩnh may bằng sa Nam lót lụa trắng; thường lụa, quần màu xanh; Vòng cân, hia	Áo giao lĩnh may bằng sa Hoa thật màu bảo lam lót lụa trắng; thường may bằng trùu; Vòng cân, hia

III. TRANG PHỤC HẬU PHI



Hoa văn loan ô thêu trên áo của hậu phi triều Nguyễn (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế. Ảnh: TQĐ).

Trước thời Nguyễn, chim phượng không chỉ là hình tượng ngầm ví với hậu phi, mệnh phụ mà còn được áp dụng làm trang sức trên vật dụng của vua chúa, vương hầu, nhằm định rõ trật tự tôn ti, như năm 1254 thời vua Trần Thái Tông, quy chế xe kiệu được quy định: “*Từ tông thất đến các quan ngũ phẩm đều được ngồi kiệu, ngựa, võng. Tông thất thì dùng kiệu đầu chim phượng, sơn son. Tướng quốc dùng kiệu đầu chim anh vũ, lông tía sơn đen. Tam phẩm trở lên dùng kiệu đầu mây, lông xanh. Tứ phẩm đến lục phẩm kiệu đầu bằng*”⁽¹⁾ Quy chế Lễ phục của bá quan triều Trần quy định chỉ có tước hầu, minh tự mới được mặc áo thêu hình Phượng cá. Vào cuối thời Lê sơ, *Toàn thư* cho biết Mạc Đăng Dung sử dụng lông phượng dát vàng. Vào thời Nguyễn, hình tượng chim Phượng còn được thêu lên Triều phục của các quan trên Tứ phẩm.

Riêng với quy chế Lễ phục hậu cung, triều Nguyễn quy định: hoàng thái hậu và hoàng hậu đội mũ Cửu Phượng, trưởng công chúa đội mũ Thất Phượng, công chúa đội mũ Ngũ Phượng. Cung tần thuộc nhất, nhị, tam giai, tùy theo cấp bậc được dùng các trang sức Kim ước phát (bó tóc bằng vàng) bát phượng, thất phượng, ngũ phượng, tam phượng và nhất phượng. Việc hoàng thái hậu, hoàng hậu đội mũ Cửu Phượng tương tự việc hoàng đế đội mũ Cửu Long. Bối Cửu, số 9, được coi là số dương lớn nhất, tượng trưng cho ngôi vị chí tôn, vĩnh cửu.

1. Triều phục

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 夏五月，定宗室文武百官輿服驂從有差。自宗室至五品官皆得轎、馬、紙鴉。宗室則鳳頭轎朱漆，相國則鸚鵡轎黑漆紫盖，三品以上雲頭青盖，四品至六品平頭轎…

1.1. Cửu Phượng 九鳳冠

Mũ Cửu Phượng và Phượng bào là Triều phục dành riêng cho hoàng thái hậu và hoàng hậu triều Nguyễn. Trong đó, mũ Cửu Phượng của hoàng hậu có *thân mũ làm bằng lông mã vĩ, trùm búi tóc, sức 9 hình phượng múa rồng bay, khảm 9 chiếc lạp bồn, 1 miếng vân hoa bó tóc, 1 miếng bác sơn, 12 cành hoa bướm, 4 đóa hoa sức trâu,*



Hoàng hậu Nam Phương và Hoàng Thái hậu Đoan Huy.

2 cành hốt phía trước, 1 vòng liên đằng bọc tóc, 4 đóa hoa mai, 2 đoạn hoa liên đằng trang sức chân tóc, 1 miếng khóa (kiểu) phía sau, pho hình phượng vàng nạm một đoạn chỉ, 4 thân trâu bạch kim đều khâu chuỗi thùy anh, 198 hạt trân châu cỡ nhỏ, khảm 235 hạt pha lê các loại. Ngạch cân làm bằng đoạn Bát ti màu thiên thanh lót lĩnh Đại tào màu vàng chính sắc sức 4 khuyển vàng, 1 dải thao tơ. Mũ Cửu Phượng dành cho hoàng thái hậu tương tự mũ của hoàng hậu, song việc khâu ngọc châu, khảm gương được tùy ý⁽¹⁾.

Đối chiếu tư liệu hình ảnh xuất hiện hình tượng mũ Phượng thể hiện trong các bức ảnh hoàng hậu, công chúa triều Nguyễn, có thể thấy đỉnh mũ trùm búi tóc ở mũ Cửu Phượng trong *Kỹ thuật của người An Nam* có phần khoa trương, song kiểu dáng tương đối thống nhất. Tuy nhiên chúng tôi chưa thể xác định được các khái niệm lạp bồn, vân hoa bó tóc v.v. cụ thể chỉ những chi



“Mũ Thái hậu và Hoàng hậu dùng trang sức chín phượng ngậm sách, vàng ngọc đan xen”, “Hải của Thái Hậu, Hoàng hậu là hải thêu Phượng” (*Kỹ thuật của người An Nam*).

1. (Việt) *Hội điển*. Q.78. Tr.11 – 13. Nguyên văn: 皇后冠服: 九鳳冠身用馬尾毛披髻頂, 竝飾黃金搖龍翔鳳各九形, 嵌粒盆九口, 雲花約髮一片, 博山一片, 蝴蝶辰花十二枝, 飾簪花四朵, 前笏二枝包髮連藤一周, 梅花四朵, 飾髮際連藤花二段, 後邊跨一片, 鋪金鳳形鑲綫一段, 白金簪莖四竝串結垂纓, 小項珍珠一百九十八粒, 嵌各項玻璃二百三十五粒。額巾天青素八絲緞, 裏正黃大曹綾竝飾黃金圈四件, 絲條一條[...]. 皇太后冠服: 九鳳冠一頂。黃金帶一圍與黃后冠帶同, 惟串珠, 嵌鏡隨用

tiết trang sức nào. Riêng với miêu tả của *Hội điển* về ngạch cân, có thể thấy đây là khăn cố định búi tóc của hoàng hậu, tương tự vồng cân của vua quan triều Nguyễn.

Kết hợp với mũ Cửu Phượng là Phượng bào. Phượng bào của hoàng hậu được làm bằng đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc thêu phượng hoa tròn, sóng nước, lót trầu phượng hoa màu hoa xích. Cổ áo làm bằng lĩnh bóng Lai lộ màu tuyết bạch.

Thường làm bằng đoạn Bát ti màu tuyết bạch, thêu Phượng hoa tròn xen vàng, lót dải lụa Cao bộ màu tuyết bạch. Đai vàng, thân đai dùng tre thuộc bọc đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc, đều sức vàng, 18 miếng vuông dẹt đều lót mặt gương, khảm hoa vàng trở rồng, 2 chiếc móc vàng. Hải làm bằng tơ lông vũ màu đỏ, viền thêu phượng. Bít tất làm bằng lĩnh Nam bóng màu tuyết bạch.



Trâm Phượng bằng vàng thời chúa Nguyễn (Ảnh: Vũ Kim Lộc).

bóng màu hoa xích, viền cổ bít tất có hai dây thao làm bằng trầu bóng màu hoa xích. Hải làm bằng tơ lông vũ màu vàng chính sắc thêu phượng xen kẻ kết san hô, trân châu, gương của Tây dương.⁽¹⁾



Bác sơn vàng trên mũ của mệnh phụ. (Ảnh: Vũ Kim Lộc).

Phượng bào của hoàng thái hậu được làm bằng sa mát màu vàng chính sắc, thêu chữ Thọ ngũ sắc gia kim, hoa, sóng nước xen kẻ kết san hô, gương, lót trầu màu hoa xích và sa mát thêu Hoa. Thường làm bằng đoạn Bát ti bóng màu hoa xích thêu phượng ổ, hoa, sóng nước, xen kẻ kết gương Tây. Viền đoạn gấm nền vàng liên đằng, lót sa Hoàng quế, nối liền với áo lụa trắng. Bít tất làm bằng lĩnh bóng màu tuyết bạch, lót trầu

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.11-13. Nguyên văn: 皇后冠服: 黃袍正黃素八絲緞, 繡團鳳花水波, 裏花



Lễ phục của Phò Mã, Công chúa và Hậu phi triều Nguyễn
(Hoàng phái sắc phục tự thiên tử chí tôn thất).



Tiên cung Hoàng Thái hậu, thân mẫu của vua Khải Định
(Ảnh: Trịnh Bách).



Phượng bào phục chế (*Báu vật triều Nguyễn*); Hài thù rồng phượng triều Nguyễn (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế).

1.2. Thất Phượng, Ngũ Phượng 七鳳冠、五鳳冠

Theo quy chế Triều phục năm 1808, các công chúa đều được đội mũ Thất Phượng, mặc Phượng bào màu đỏ sẫm. Từ năm 1845 trở về sau, chỉ có trưởng công chúa tiếp tục sử dụng mũ Thất Phượng, các vị công chúa còn lại chỉ được đội mũ Ngũ Phượng, mặc Phượng bào màu hoa xích. Các loại Phượng bào dành cho công chúa đều được may bằng đoạn Bát ti, thêu hoa văn phượng ổ, kết hợp với thường màu tuyết bạch, đi hài thù phượng⁽¹⁾.

赤四則鳳花紬。領雪白來路光素綾。裳雪白間金團鳳花八絲緞，裏并腰帶雪白高步帛金。帶身熟沙竹包正黃素八絲緞，均飾黃金方扁各樣十八片，竝裏鏡面，嵌金花鏤空金鈎二件。鞋用赤羽絲緣繡鳳。襪用雪白南素綾[……]皇太后冠服：袍用正黃涼紗織五彩加金壽字、辰花、水波間結珊瑚、洋鏡子，裏花赤紬花涼紗。裳用花赤素八絲緞，繡團鳳、辰花、水波間結洋鏡子。綠（譯文，該為綠）連藤金地錦緞，裏黃桂紗連白絹片衣。襪雪白光素綾，裏花赤素紬，襲繡綻並花赤素紬二條。鞋正黃羽絲，繡鳳間結珊瑚、珍珠、洋鏡子

1. (Việt) *Hội điển*. Q.78. Tr.33-34. Nguyên văn: (嘉隆)七年議準公主冠服七鳳冠[……]明命五年奏準製給長公主冠服七鳳冠[……]紹治五年議準製給公主冠服五鳳冠



Phượng ổ trên áo bào của quý phi triều Nguyễn (Nguyên mẫu. Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế).

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA CÔNG CHÚA TRIỀU NGUYỄN
NĂM 1808, 1824, 1833 VÀ 1845
(theo *Hội điển*)

Năm	Nội dung	Trưởng công chúa	Công chúa
1808	Mũ	Mũ Thất Phượng , khóa kiểu vàng nặng 4 lạng vàng	
	Y phục	Áo bào nữ màu đỏ thêu hình loan phượng; 1 chiếc đai; 1 chiếc váy đại triều màu trắng dệt hình phượng ổ; 1 đôi hia, 1 đôi tất	
1824	Mũ	Mũ Thất Phượng , thân mũ làm bằng lông mã vĩ trùm búi tóc, sức vàng 85 tuổi, 2 chiếc khóa kiểu vàng, 1 chiếc sức chân tóc, 7 hình phượng bay, 4 miếng cổ đồ, 2 đóa hoa mai, 4 đóa hoa cúc, 7 đóa hoa mạn, 4 trăm hoa, 1 vòng sức quanh đỉnh đầu, 1 vòng sức quanh viền mũ, đều đính với một miếng tuyến khóa trở hình phượng, 2 miếng khóa bản, 1 bộ trăm bạch kim xâu 120 hạt giả châu khảm 230 hạt pha lê	
	Y phục	Áo bào may bằng đoạn Bát ti bóng màu hoa xích thêu hình phượng ổ; thường may bằng đoạn Bát ti màu tuyết bạch thêu hình phượng ổ ngũ sắc xen kim tuyến; đai: thân đai làm bằng tre thuộc bọc đoạn Bát ti bóng màu hoa xích, sức 18 miếng các hình vuông dệt bằng vàng, bề mặt trở cổ đồ, vân phượng lót mặt kính; 1 đôi Kim ước phát; 1 đôi tất may bằng lĩnh Bát ti màu tuyết bạch; 1 đôi hài làm bằng tơ Xích vũ thêu phượng	

1833	Mũ		Mũ Thất Phượng Áo bào nữ may bằng đoạn Bát ti màu hoa xích thêu hình phượng ổ ngũ sắc gia kim; 1 thường nữ may bằng đoạn Bát ti màu tuyết bạch thêu hình phượng ổ ngũ sắc xen kim tuyến; 1 đai vàng, 1 đôi hia, tất
	Y phục		
1845	Mũ		Mũ Ngũ Phượng , 1 chiếc mặt gạch sứ vàng, bạch kim, trân châu, san hô
	Y phục		
			Áo bào nữ may bằng đoạn Bát ti màu hoa xích thêu hình phượng ổ ngũ sắc xen kim tuyến; đai sức vàng và bạch kim

2. Thường phục

Theo *Hội điển*, áo Nhật Bình là Triều phục dành cho cung tần nhất, nhị, tam, tứ giai và là Thường phục của hoàng hậu, công chúa. Áo Nhật Bình có nguyên mẫu là dạng áo Phi Phong thời Minh, là loại áo xẻ cổ, có dạng đối khâm, cổ áo to bản tạo thành hình chữ nhật ở trước ngực, dưới ức có dải vải buộc hai vạt áo. Thường phục Nhật Bình được đặt định vào năm 1807 thời vua Gia Long và được duy trì cho đến cuối thời Nguyễn. Song quy chế mũ mào kết hợp với loại trang phục này không ổn định. Như quy chế năm 1807 quy định từ hoàng hậu đến cung tần tứ giai nhất loạt sử dụng Kim ước phát phối với áo Nhật Bình, đến năm 1846 thời vua Thiệu Trị, Kim ước phát được thay thế bằng một loại thủ sức có tên Kim phượng. Cung tần tam giai, tứ giai và ngũ giai còn được phân biệt bởi số lượng trâm cài.

Kiểu dáng cụ thể của Kim ước phát và Kim phượng, chúng tôi chưa thể khảo được. Song tư liệu tranh ảnh đầu thế kỷ XX cho thấy bất kể



Công chúa triều Nguyễn.

hoàng hậu, công chúa hay cung tần đều vấn khăn vành, mặc áo Nhật Bình, chứng tỏ quy chế trang phục của hậu phi triều Nguyễn đến thời vua Đồng Khánh, Khải Định vẫn được sửa đổi.

Khăn vành, còn gọi khăn vành dây, là một khổ vải dài hơn chục mét, khổ rộng 30cm, được vấn gấp nếp thành hình chữ Nhân 人 ở giữa trán, sau đó quấn nhiều vòng quanh đầu, có khi lên tới 20, 30 vòng. Loại khăn này vào cuối thời Nguyễn được kết hợp với áo Nhật Bình, áp dụng làm Thường phục của hoàng thái hậu, hoàng hậu và Triều phục của mệnh phụ, cung tần, phần lớn có màu xanh lam. Sau này, khăn vành dần được phổ biến trong dân gian, được phụ nữ Việt Nam sử dụng trong các dịp lễ nghi trang trọng.



Hoàng Thái hậu Đản Huy, Trưởng công chúa con vua Đồng Khánh, Hoàng hậu Nam Phương.



Phục dựng lối trang điểm của hậu phi triều Nguyễn trong dịp đại lễ; Trưởng công chúa con vua Dục Đức. (Ảnh: Trịnh Bách).



Áo Nhật Bình thêu Phượng ổ, Loạn ổ (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế).

QUY CHẾ LỄ PHỤC CỦA HẬU PHI NĂM 1807
(theo *Hội điển*)

Nội dung	Hoàng hậu	Công chúa	Cung tần nhị giai	Cung tần tam giai	Cung tần tứ giai
Mũ	2 chiếc Cửu long Kim ước phát, 1 chiếc Cửu phượng Kim ước phát, 8 trăm phượng	1 chiếc Thất phượng Kim ước phát, 12 trăm hoa	1 chiếc Ngũ phượng Kim ước phát, 10 trăm hoa	1 chiếc Tam phượng Kim ước phát, 8 trăm hoa	1 chiếc Nhất phượng Kim ước phát, 8 trăm hoa
Y phục	1 áo bào làm bằng sa sồi vàng thêu 20 hình rồng phượng, loan, trĩ, 1 thường làm bằng tơ Bát ti màu trắng thêu rồng phượng	1 áo Nhật Bình may bằng sa sồi đỏ, thêu hình phượng ổ	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu xích đào thêu loan ổ, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan ổ	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu tím chính sắc thêu phượng ổ, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan ổ	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu tím nhạt, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan
(Thiệu Trị 6-1846) Cung tần nhất nhị giai: mũ Kim phượng đều có 3 bậc son, riêng nhất giai 8 phượng, nhị giai 7 phượng; tam giai trên búi tóc cài trăm phượng; tứ giai, ngũ giai trên búi tóc không cài trăm để tỏ sự phân biệt					

IV. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

Từ thời chúa Nguyễn, trang phục quân đội và dân gian Đàng Trong đã trải qua một cuộc biến cách lớn. Đến thời Nguyễn, chúng ta không còn thấy sự xuất hiện của bộ quân trang Giáp trụ, thay vào đó, quan viên ban võ phần đông đội mũ Hồ Đầu, mặc Măng Lan. Binh lính cũng không còn cưỡi trần đóng khố như thời Lê Trung Hưng.



Binh lính thời Minh Mạng
(Việt Nam qua tranh khắc Pháp).



1. Nón Kê Mao, lính kinh kỳ đội; 2. Nón Kỳ binh; 3. Nón lính Tập; 4. Đội Binh; 5. Áo lính An Nam; 6. Lính Tập khố xanh. (*Kỹ thuật của người An Nam*).

Năm 1835, Thái Đình Lan mô tả: “Lính cấp dịch ở tỉnh gọi là tỉnh binh, đội nón nứa, nón nhỏ chỉ đủ che đầu, quét sơn màu vàng, chỏm cắm lông gà, áo dùm loại dệt len màu đỏ, viền màu lục, ống tay màu lục. Lính ở phủ, huyện gọi là phủ binh, huyện binh, đội nón quét sơn màu lục, màu đen, cắm lông gà, áo dùm vải đen, viền đỏ, ống tay màu đỏ.”⁽¹⁾ Những dòng mô tả của Thái Đình Lan hoàn toàn khớp với những bức vẽ binh lính Việt Nam do một số người phương Tây khắc họa. Ngoài ra, qua tranh ảnh đầu thế kỷ XX với những hình vẽ mô tả

1. (Trung) *Hải Nam tạp trí* - Việt Nam kỷ lược. Nguyên văn: 給役在省者曰省兵，戴竹笠笠小僅可蔽首，塗金色，上插雞羽，衣用紅色嚶吱，綠綠綠袖；在府、縣者曰府兵、縣兵，笠塗綠色、黑色，插雞羽，衣用黑布，紅綠紅袖

khá chi tiết trang phục của một số hạng quân binh như lính cấm vệ, lính kỵ binh hoàng gia, lính thị vệ, lính thủy quân, lính pháo thủ, lính bắn súng thần công, lính hầu trong cung, lính hầu đèn v.v. do Viện Viễn Đông Bác



Áo thị vệ (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế), áo lính, áo của đội nghi vệ (Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam).

Cổ (EFEO) thực hiện, có thể thấy binh lính triều Nguyễn tuyệt đại đa số đều đội nón, đi đất. Sự phân biệt giữa các hạng binh lính chủ yếu nằm ở kiểu dáng nón mào. Riêng áo mặc phần nhiều là loại áo song khai⁽¹⁾, cài khuy, xẻ vạt trước và sau, vai áo có viền mây bao quanh, gọi là vân kiên.

Ngoài ra, từ sau khi chiếm đóng Nam kỳ, Bắc kỳ, người Pháp thành lập đơn vị quân bản xứ để phụ trợ cho quân chính quy của Pháp, gọi là lính Tập. Lính Tập còn được gọi là lính khố đỏ, lính khố xanh, bởi bộ quân trang đặc trưng của hạng lính này là nón dẹp, quần áo chèn, đặc biệt là dải thắt lưng buộc ở bụng có một đầu buông xuống che phần hạ bộ, trông tương tự như chiếc khố.



Châu bản triều Nguyễn
(Thành Thái quyển số 43, tờ số 8 – 9)

Niên đại: Ngày 16 tháng 3 nhuận năm Thành Thái thứ 10 (1898)
Nội dung: Thị vệ xứ tâu xin may quần áo cho binh lính hộ giá. Vua Thành Thái đích thân thiết kế kiểu áo nón mới và chuẩn cho may mặc.
Châu phê: 1. “Loại nón quân trang này trông chưa được nhã, áo quân trang thì không tiện cưỡi ngựa. Nay chuẩn cho làm theo kiểu mới”; 2. “Sống nón dùng sắt nạm bạc. Nón dùng màu đen”; 3. “Áo quân trang dài một thước hai tấc năm phân, màu lục, viền đỏ. Bên trong mặc áo vải trắng. Dải lưng dùng màu lục”; 4. “Nón của võ lại cũng chiếu theo kiểu này. Tùy theo chức tước mà đính (tên chức) vào trước nón. Hình tròn trước ngực áo quân trang (của võ lại) chiếu theo hình Bồ tử mà thêu vào.”

1. Đại Nam quốc âm tự vị định nghĩa: Áo song khai là áo xẻ vạt trước, vạt sau.

TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI TRIỀU NGUYỄN
(theo *Quân lực Việt Nam dưới các triều đại phong kiến*, bản sao của EFEO)



V. TRANG PHỤC DÂN GIAN

1. Y phục

Triều Nguyễn là triều đại quân chủ cuối cùng của Việt Nam, triều đại lưu lại nhiều ấn tượng mặc định và những ảnh hưởng lâu dài trong quan niệm của người Việt hiện đại về phong tục tập quán của ông cha, trong đó có quan niệm về trang phục. Tuy nhiên, văn hiến áo mũ của mỗi một triều đại đều có sự kế thừa, biến dị so với quy chế áo mũ của triều đại liền kề. Khoảng cách giữa các triều đại càng xa, sự biến dị theo đó càng lớn. Ngay trang phục trong dân gian, mặc dù có tính bảo thủ và ít biến cách như trang phục cung đình, song so với thời Lý, Trần, trang phục dân gian thời Lê, Nguyễn cũng đã có nhiều thay đổi. Đặc biệt phải kể đến việc phổ biến áo dài cổ đứng cài khuy, phết bỏ áo giao lĩnh trong dân gian mang tính cưỡng ép dưới thời vua Minh Mạng.

Loại trang phục phổ biến nhất trong cung đình và dân gian Việt Nam thời Nguyễn hiển nhiên là bộ quần chân áo chít. Song theo ghi nhận của Thái Đình Lan thì vào năm 1835 thời vua Minh Mạng, nam giới người Việt ở Trung, Nam kỳ thường mặc áo chít màu đen cài khuy hẹp tay kết hợp với quần nhiều褶. Ông cho biết “(họ) đều dùng lụa đen vấn đầu, mặc áo đen ống tay hẹp, quần may bằng lĩnh đỏ, đi chân đất. Quan viên Việt Nam ra ngoài cũng đều đi đất, áo không phân mùa nóng mùa lạnh, mùa đông vẫn mặc áo lụa mỏng. Người sang hay dùng hai màu lam, đen, vấn khăn quanh đầu cũng như vậy, quần đều màu đỏ.”⁽¹⁾ Riêng loại quần chân áo chít của nữ giới, theo Phan Kế Bính, trong khoảng những năm 1910-1915, quần thì phần nhiều mặc quần sồi, quần lĩnh thâm, đôi khi cũng có người mặc quần nhiều褶.⁽²⁾ Nhất Thanh ghi lại “khoảng từ 1910 trở đi có những mẹ Tây bạo dạn bắt đầu



Cụ ông đội khăn xếp, áo the. (Hình ảnh Hà Nội).

mặc quần trắng. Những con nhà tử tế gia giáo không bao giờ lấy Tây, dù Tây có giàu, sang trọng đến mấy. Cho nên bận quần trắng là tự tố cáo làm nghề lấy Tây. Trái lại, từ giữa thế kỷ XIX, đàn bà xứ Huế khá giả đôi chút đều mặc quần trắng, họ là vợ con những công chức các sở thuộc tòa khâm sứ, các cơ quan thuộc sáu bộ của triều đình [...] Nếp sống rảnh rỗi cảnh vẻ, cho nên y phục sang trọng quý phái. Còn dân lao động ăn mặc lem luốc thì không mặc quần trắng. Tuy nhiên sau đó quần trắng đã dần dà đắc dụng với nữ giới, ban đầu còn rút rè, sau đó khắp nơi đều ưa chuộng.”⁽¹⁾ Như vậy sự kết hợp giữa áo dài năm thân và quần màu trắng hẳn chỉ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX trở về sau, trước đó người Việt hầu hết đều mặc quần màu thâm hoặc màu đỏ.

Có điều, sau những phong trào cải lương nêu cao tinh thần đoạn tuyệt lạc hậu, hướng tới văn minh từ cuối thế kỷ XIX, song song với việc cắt bỏ búi tóc, để răng trắng, không ít nam nữ người Việt, đặc biệt là giới trí thức Tây học đã dần đổi sang mặc trang phục châu Âu. Trang phục của nữ giới lúc này cũng trải qua những đợt biến cách về kiểu dáng nhằm lược bớt sự lụng thụng của loại áo truyền thống trước đây. Những cải cách kiểu dáng áo dài nữ tiêu biểu phải kể đến áo dài Le Mur của họa sĩ Cát Tường năm 1930 và áo dài Lê Phổ



Thầy khóa mặc Âu phục (Hình ảnh Hà Nội); Thiếu nữ mặc áo dài sau khi đã cách tân.



1. Vợ chồng nông dân – áo to, váy đụp; 2. Ông cháu ăn xin; 3. Ông già mặc áo cộc (loại áo có vạt trước khép chồm lên gần nửa vạt bên phải, năm khuy cài khuyết tết vải với hai dải bờ chèo buộc phía dưới, khoảng năm 1970 còn ít người Thuận Quảng ưa mặc. Đất lề quê thói. Tr. 218); 4. Người đàn bà quảy gánh, chít khăn vuông đội nón ba tầm.

1. (Trung) *Hải Nam tạp trước*. Nguyên văn: 皆烏縐縐頭，穿窄袖黑衣，紅綾褲，赤兩腳。越南官員出入皆赤腳，衣不分寒暑。冬月猶著輕羅。貴者多用藍黑二色，縐頭亦然，褲俱紅色

2. *Việt Nam phong tục*. Tr. 324.

1. *Đất lề quê thói*. Tr. 212.



Người Đàng Trong năm 1794 được vẽ trong *An Nam quốc giang phiêu lưu phong tục tả sinh đồ*. (Tô Lan cung cấp).

tên tuổi nhưng cũng góp phần cải sửa, giúp cho cái áo dài mang hình dáng hiện nay”, cùng nhận định “ông Cát Tường chê áo Việt Nam lòe xòe, lụng thụng, không “mỹ thuật”, nhưng tôi lại thấy áo tứ thân, áo giao lĩnh cũng như áo dài đều đẹp cả, mỗi cái một vẻ. Nhân tâm tùy thích, khó mà tranh cãi.”⁽¹⁾

Đối với tầng lớp dân nghèo, sử gia Trần Trọng Kim cho biết: “Cách ăn mặc thì chỉ có đồ vải đồ nâu, người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng cái khố, có đi đâu mới mặc cái quần vải dài đến đầu gối. Người sung túc mới có vài cái áo nâu đen và vài cái quần hoặc nhuộm nâu, hoặc để trắng”⁽²⁾. Phụ nữ Bắc kỳ vẫn mặc áo tứ thân, váy đụp, vẫn sử

của họa sĩ Lê Phổ năm 1934. Ông Cát Tường phát biểu trên tờ *Phong hóa* về chiếc áo dài nữ kiểu cũ cho biết: “Y phục của các bạn gái, tôi xem thấy có nhiều điều bất tiện mà lại không có vẻ chi là mỹ thuật. Tuy rằng vài năm gần đây cũng có một vài phần sửa đổi [...] chẳng qua chỉ ở mấy cái màu sắc sặc sỡ, mấy thứ hàng lạ nước ngoài [...] còn thì vẫn kiểu áo lòe xòe ấy, vẫn cái quần lụng thụng đen ngòm ấy. Hoặc giả cũng có người ưa mặc quần trắng song tiếc rằng số đó vẫn rất ít [...] Cần sửa đổi dần: trước hết phải hợp với khí hậu xứ ta, với thời tiết các mùa, với công việc, với khuôn khổ, mực thước của thân hình mỗi bạn. Sau nữa phải gọn gàng, giản dị, mạnh mẽ và có vẻ mỹ thuật và lịch sự.” Chúng tôi đồng tình với quan điểm của bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh khi cho rằng ông Cát Tường “chỉ là một mắt xích trong chuỗi dài những người không để lại



“Phụ nữ Gia Định búi tóc”; “Trẻ con vấn khăn”; “Soi gương đội khăn”; “Búi tóc”.
(Kỹ thuật của người An Nam).

dụng các loại thắt lưng lớn nhỏ, thắt lại ở trước bụng, thoát khỏi những cấm lệnh khắt khe dưới triều vua Minh Mạng.

Ngoài ra, có một số ý kiến cho rằng vào đầu thế kỷ XIX, trong giới phong lưu nho nhã đã sử dụng loại áo bà ba, loại áo có nguồn gốc từ đảo Penang ở Malaysia, nơi có tộc người Bà Ba sinh sống⁽¹⁾. Dựa vào một số bức họa trong *An Nam quốc giang phiêu lưu phong tục tả sinh đồ* do người Nhật Bản vẽ vào năm 1794 tại vùng Đàng Trong, có thể thấy ngay từ cuối thế kỷ XVIII, loại áo vạt ngắn không bầu, xẻ giữa, cài bằng cúc đã xuất hiện tại vùng Đàng Trong Việt Nam. Nhiều khả năng đây chính là tiền thân của loại áo bà ba. Tuy nhiên, nguồn gốc của loại áo này có phải xuất phát từ đảo Pengnang Malaysia hay không, hiện chưa có tư liệu nào có thể khẳng định được.

2. Kiểu tóc

Sau một loạt sắc lệnh cấm sử dụng các loại mũ Tiện phục triều Lê ban bố vào thời vua Minh Mạng trong khoảng từ năm 1828 đến năm 1842, nam giới người Việt trong toàn quốc hầu hết đều búi tóc vấn khăn theo phong tục Đàng Trong. Ban đầu, các loại khăn lượt, khăn nhiễu, khăn thâm của đàn ông được quần rỗi,



Cụ già đội khăn xếp khoảng năm 1945.
(Hình ảnh Hà Nội).

1. Áo dài xưa nay. (http://chimviet.free.fr/quehuong/chquynh/chqyn_aodaixuanay.htm).

2. Việt Nam sử lược. Tr.537.

1. Diện áo bà ba đón khách Tây. Dẫn theo Tạp chí Hồn Việt. Tr.31.



Mũ Ni. (Việt Nam qua tranh khắc Pháp; Kỹ thuật của người An Nam).

Trong khi đó, phụ nữ Đàng Ngoài vẫn vấn khăn thâm, lượt, nhiều, đội thêm khăn vuông mở quạ bằng vải nâu hoặc xuyên, bắt chập lệnh cấm “đàn bà không được dùng vải, lụa ngắn quần đầu”, “không được đội khăn vuông”. Khác với phụ nữ Đàng Ngoài, “tại Trung kỳ, Nam kỳ, đàn bà búi tóc bịt khăn vuông, không vấn khăn như người Bắc”⁽²⁾, “đàn bà Đàng Trong ưa để đầu trần với búi tóc, hoặc bịt đầu bằng một khăn vuông gấp chéo đôi, buộc nút xuống dưới cằm”⁽³⁾.

Ngoài ra, người cao tuổi thời Lê Nguyễn còn đội một loại mũ, gọi là mũ Ni, vốn là đồ đội của giới tăng lữ. Việt Nam tự điển năm 1954 định nghĩa: “Mũ Ni, mũ của ông già đội, phía sau có diềm che kín cả tai và gáy.” Loại mũ này ngay từ thời Lê Trung Hưng đã được Alexandre de Rhodes ghi nhận: “Mũ Ni, mũ của các vị sư [...] Mũ che tai dài tới vai. Những người khác cũng dùng mũ này trong trời lạnh.”⁽⁴⁾

Về nón đội, Phan Kế Bính cho biết đàn ông thường đội nón dứa, nón sơn, nón lông; đàn bà thường đội nón bẻ, nón lòng chảo⁽⁵⁾. Nhất Thanh giải thích: “Nón đan

về sau được quần xếp nếp đều đặn, chít theo kiểu chữ Nhất 一, hoặc chữ Nhân 人 ở giữa trán. Khoảng năm 1920, 1930, người Việt mới chế ra loại khăn xếp, khâu dán liền những vành nếp lại, chỉ việc đặt chụp lên đầu cho nhanh chóng và thuận tiện.”⁽¹⁾



Phụ nữ thời Nguyễn vấn tóc đuôi gà bằng lụa trắng, đội nón Nghê, mặc yếm trắng, áo năm thân cổ đứng cài khuy.

1. Đất lề quê thói. Tr.223.
2. Việt Nam phong tục. Tr.324.
3. Đất lề quê thói. Tr.223.
4. Từ điển Việt - Bồ - La. Tr. 171.
5. Việt Nam phong tục. Tr.324.

bằng nan giang, quét sơn dầu trên mặt cho khỏi thấm nước mưa gọi là nón sơn. Nón lợp bằng lá dứa rất mỏng, nhẹ, quai lụa bạch, đội trông ra vẻ hào hoa phong nhã. Quan liêu ưa đội nón lông, lông cánh chim lợp hai đợt, trên đỉnh có chóp bằng bạc chạm trổ, hay bằng đôi môi vàng vành bạc.”⁽¹⁾ Loại nón bẻ của đàn bà mà Phan Kế Bính nhắc tới chỉ các loại nón ba tầm, nón Nghê, nón quai thao v.v. được sử dụng thường xuyên vào đầu thế kỷ XX.



Xe sợi. (Ảnh: Albert Kahn).



Một gia đình thượng lưu ở Huế. (BAVH).

1. Đất lề quê thói. Tr.224.

LỜI KẾT

Trước khi có sự phân định nghiêm ngặt về địa chính trị, các cộng đồng dân cư chung sống trên cùng khu vực địa lý thường có sự giao lưu, chia sẻ, ảnh hưởng lẫn nhau về ngôn ngữ, phong tục v.v., một cách tự nhiên. Với tính chất hỗn dung, việc xác định phần lõi “thuần chủng” của bất kỳ nền văn hóa nào cũng cần nhiều thời gian và những chứng lý khoa học liên ngành.

Văn minh Trung Quốc không tự nhiên có sẵn; dung nạp trong đó chắc chắn có không ít thành tố văn hóa mang nguồn gốc Đông Di, Bách Việt. Song kể từ khi bộ máy chính quyền phong kiến Trung Quốc hình thành, đi kèm với chính sách đồng hóa “*dùng Hạ biến di*”, văn minh Trung Quốc từng bước thâm nhập và gây ảnh hưởng sâu rộng tới các vùng đất, quốc gia xung quanh nó, trong đó có Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản. Trong khi Nhật Bản với vị trí địa lý quốc đảo, nhiều lần phái các đoàn *khiển Đường sứ* chủ động học tập, du nhập văn minh Đường, Việt Nam và Triều Tiên lại có quốc thổ gắn liền với đại lục Trung Quốc, đều từng hứng chịu những chính sách đồng hóa văn hóa. Sau khi giành được độc lập, với quan niệm văn minh Trung Quốc là thước đo tiến bộ, Việt Nam và Triều Tiên lại nhiều lần chủ động mô phỏng điển chương văn hiến của triều đình Trung Quốc. Chính vì vậy, trong nhiều trường hợp, những nét văn hóa tưởng như chỉ có ở Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản lại thường tìm thấy sự tương đồng hoặc tương cận của nó tại Trung Quốc.

Khoảng 100 năm trở lại đây, sau khi chủ nghĩa quốc gia, tư tưởng dân tộc được dịp lớn mạnh, Nhật Bản thừa nhận và tự hào cho rằng, họ học tập văn minh Trung Hoa, đồng thời đẩy lên một tầm cao mới, còn Hàn Quốc và Việt Nam lại diễn ra các cuộc tranh cãi về vấn đề “bản quyền” của các thành tố văn hóa vốn được coi là có nguồn gốc Trung Hoa. Có thể điểm qua việc ông Kim Định, Hà Văn Thùy chứng minh

Nho giáo mang nguồn gốc Việt, chân núi Thái Sơn từng là địa bàn cư trú của dân tộc Việt, Kinh Dịch là phát minh của người Lạc Việt v.v., tương tự trường hợp ông Ban Mun Ki, Kang Sang Won chứng minh chữ Hán là phát minh của người Hàn Quốc, sau đó dấy lên một loạt các bài viết tuyên bố người Hàn là chủ thể sáng tạo ra Đông y, Kinh Dịch, la bàn, thậm chí Khổng Tử, Tôn Trung Sơn là người Hàn Quốc v.v. Những nghiên cứu cổ sử dạng này, đều chịu sự chi phối của tinh thần dân tộc, còn nặng tính tư biện, suy diễn, thiếu chứng cứ khoa học xác tín. Bên cạnh đó, đứng ở góc độ “trung tâm” để soi chiếu các nước xung quanh, không ít học giả Trung Quốc lại có tâm thái, giọng điệu của nước lớn, coi văn hóa Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản chỉ đơn giản là sự khúc xạ của văn minh Trung Hoa, thiếu cái nhìn tôn trọng, khách quan đối với văn hóa, lịch sử của các quốc gia này. Đây là hai thái độ cực đoan trong việc nghiên cứu, đối sánh văn hóa, cần được nhìn nhận và phê bình một cách nghiêm túc.

Được xác định giới hạn nghiên cứu nằm trong giai đoạn 1009 - 1945, giai đoạn ít nhiều còn sử liệu, hiện vật ấn chứng, *Ngàn năm áo mũ* thể hiện một góc nhìn lịch sử, tư tưởng, mỹ thuật Việt Nam thông qua dòng chảy biến thiên của văn hóa trang phục; đồng thời làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt giữa trang phục Việt Nam so với trang phục của các nước đồng văn, đặc biệt là Trung Quốc. Từ kết quả nghiên cứu này, cách ăn mặc, lối sống của người Việt trong khoảng 1000 năm trở lại đây đã bước đầu sáng tỏ. Đây sẽ là tiền đề cho việc nghiên cứu phong tục, lối sống của người Việt trong quá khứ xa xưa hơn, nhằm từng bước tìm ra cái lõi “bản sắc” trong văn hóa Việt Nam.

Mỗi thời đều có giá trị quan, thẩm mỹ quan riêng. Mọi lời khen chê, đánh giá chỉ mang tính nhất thời. Cuốn sách bạn đọc cầm trên tay được viết nên bằng sự tôn trọng sự thật của ngàn năm áo mũ người Việt, không có đánh giá đúng sai, hay dở. Với tư cách là tác giả, tôi hy vọng bạn đọc có cái nhìn công tâm, bình tĩnh đối với văn hóa trang phục Việt Nam nói riêng, văn hóa cung đình Việt Nam nói chung, đặc biệt đối với những thành tố văn hóa Trung Hoa dung chứa trong văn hóa Việt.

Hà Nội, cuối xuân năm Quý Tị 2013.

Trần Quang Đức

PHỤ LỤC

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1661
(theo *Lê triều thiện chính điển lệ* và
Lê triều chiếu lệnh thiện chính, ký hiệu A.257)

Chức tước		Chầu vua			
		Mũ	Áo	Bổ tử	Đai, Thao
Hoàng tử, vương tử	<i>Hoàng tử, vương tử được phong quốc công</i>	Dương Đường	Tía	Kỳ lân	Đai kỳ thạch (đá quý) bọc vàng
	<i>Hoàng tử, vương tử phong chức tam thái, tam thiếu gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Tía	Tam thái: Kỳ lân; Tam thiếu: Bạch trạch	Đai bọc vàng
	<i>Hoàng tử, vương tử phong tả hữu đô đốc gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai tê giác bọc bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử phong đô đốc đồng tri, đô đốc kiêm sự gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai tê giác bọc bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử phong đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, đề lĩnh gia phong quận công</i>	Nón sơn bạc, đỉnh hồng mao	Đỏ	Sư tử	Dây thao kép, râu ngọc, cầm kiếm
	<i>Hoàng tử, vương tử phong quận công</i>	Ô Sa	Đỏ	Hổ	Dây thao kép, râu ngọc
	<i>Hoàng tử, vương tử chưa được phong</i>	Lương Cản đen	Áo the đen		

Quan võ	<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đại sừng tê bịt bạc
	<i>Tòng nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đại sừng tê bịt bạc
	<i>Chính nhị phẩm, tòng nhị phẩm gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đại đôi môi
	<i>Chính nhị phẩm, tòng nhị phẩm gia phong tước hầu</i>	Nón bạc đỉnh hồng mao	Đỏ	Tượng	Dây thao đơn, đeo kiếm
	<i>Tam phẩm, tứ phẩm gia phong tước hầu</i>	Nón son son đỉnh hồng mao	Đỏ	Tượng	Dây thao đơn, đeo kiếm
	<i>Ngũ, lục, thất phẩm</i>	Nón son son đỉnh hồng mao	Đỏ		Dây thao đơn, đeo kiếm
Quan văn	<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Tía	Tiên hạc	Đại sừng tê bọc bạc
	<i>Nhị phẩm; quan đô ngự sử hàm chính tam phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Tiên hạc Đô Ngự sử: Giải trãi	Đại sừng tê bọc bạc
	<i>Tam phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Cầm kê	Đại đôi môi
	<i>Tứ phẩm; quan thị độc kiêm đô ngự sử hàm ngũ phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Khổng tước Đô Ngự sử: Giải trãi	Đại đôi môi
	<i>Ngũ phẩm; quan thị thư, thị chế hàm lục phẩm; quan đề hình, ngự sử hàm thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Khổng tước Đề hình, Ngự sử: Giải trãi	Đại đôi môi
	<i>Lục phẩm và lục khoa đô cấp sự trung hàm chính thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh	Vân nhạn	Đại kỳ lam huơng
	<i>Thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh	Bạch hạc	Đại tốc huơng

	<i>Bát phẩm và các chức đồng tri phủ hàm thất phẩm; tri huyện, tri châu hàm tòng thất phẩm, tự ban, huấn đạo hàm cửu phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh đen	Tiêu liêu	Đại sừng trâu bọc thau
	<i>Cửu phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh đen	Tiêu liêu	Đại sừng trâu bọc thau

**QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BẢ QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1721
(theo *Loại chí*)**

Chầu vua					
Chức tước		Mũ	Áo	Bổ tử	Đại, Thao
Hoàng tử,	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức tam thái, tam thiếu mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Tía	Tam thái: Kỳ lân; Tam thiếu: Bạch trạch. Thêu bằng kim tuyến	-Đại đỉnh kỳ thạch bịt vàng -Hia, bít tắt
	<i>Các chức tam thái, tam thiếu có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	-Tam thái: Bạch trạch; Tam thiếu: Sư tử	-Đại đỉnh sừng tê bịt bạc -Hia, bít tắt
quan võ	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đại đỉnh sừng tê bịt bạc -Hia, bít tắt
	<i>Các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đại đỉnh sừng tê bịt bạc -Hia, bít tắt
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đại đỉnh sừng tê bịt bạc -Hia, bít tắt



	<i>Các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đại đỉnh đôi môi bịt bạc -Hia, bít tất
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô hiệu kiểm, đề đốc, đề lĩnh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Nón chóp bạc, đỉnh hồng mao	Áo trực lĩnh, lót toàn thân, màu đỏ	Sư tử	-Dây thao kép râu hạt ngọc -Đeo gươm
	<i>đô hiệu kiểm, đề đốc, đề lĩnh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Nón chóp bạc, đỉnh hồng mao	Áo trực lĩnh, lót toàn thân, màu đỏ	Hổ báo	-Dây thao kép - Đeo gươm
	<i>Hoàng tử, vương tử có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo trực lĩnh, màu đỏ	Hổ báo	-Dây thao kép râu hạt ngọc -Đeo gươm
	<i>Các chức cai quản, cai đội có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo trực lĩnh, màu đỏ	Tượng	-Dây thao kép - Đeo gươm
	<i>Các chức đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, phó đô đốc, lãnh thụ vệ, tả hữu hiệu điểm mà có tước hầu</i>	Nón chóp bạc, đỉnh hồng mao	Áo trực lĩnh, lót toàn thân, màu đỏ	Tượng Thêu bằng tơ	-Dây thao đơn. - Đeo gươm
	<i>Các chức đô chỉ huy sứ, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thêm sự, chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thêm sự, tổng tri, đồng tổng tri, thêm tổng tri mà có tước hầu</i>	Nón sơn son	Áo trực lĩnh, màu đỏ	Tượng	-Dây thao đơn. Đeo gươm



	<i>Các chức đô lễ, trấn điện quân tướng quân, lực sĩ hiệu úy, thiên hộ, quản lãnh, phó đô lễ, chánh đô úy, phó thiên hộ, trung úy, lang tướng, phó quản lãnh, bách hộ, đề hạt, phó trung úy, phó lang tướng, phó quản lãnh, tả hữu tiền hậu lang tướng, đô úy, chánh võ úy, phó đề hạt, tả hữu tiền hậu phó lang tướng, phó võ úy, vệ úy, phó đô úy, phó trung úy</i>	Nón sơn son, chóp đỉnh hồng mao	Áo trực lĩnh, màu đỏ		-Dây thao đơn. -Chức trấn điện cầm kiếm và dùi đồng. -Còn lại cầm roi và kiếm
	<i>Cai đội, phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đã dự trông coi quân lĩnh mà chưa có chức tước</i>	Mũ Thanh Cát	Áo Thanh Cát không lót		-Cầm gươm
	<i>Các chức làm việc ở ngoài như đô tổng binh sứ, tổng binh đồng tri, tổng binh thêm sự</i>	Khi có lễ Biểu (trước khi dâng lễ mừng lên vua chúa, chọn ngày làm lễ dâng biểu), lễ Bài (những ngày lễ chính đán, lễ sinh nhật của vua chúa, các nha môn có làm lễ bái vọng)			
		Phốc Đầu	Có tước: áo đỏ; chưa có tước: áo xanh, lục	Tượng	-Đại đỉnh gỗ kỳ lam hương bịt thau. -Hia, bít tất bằng lá
Quan văn	<i>Tam thái, tam thiếu</i>	Phốc Đầu	Tía	Tiên hạc	-Đại đỉnh sừng tê bịt bạc. Hia, bít tất
	<i>Thượng thư, ngự sử</i>	Giải Trãi	Đỏ	-Thượng thư: Tiên hạc. Ngự sử: Giải trãi	- Đại đỉnh sừng tê bịt bạc. Hia, bít tất
	<i>Tả hữu thị lang</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sa kê	- Đại đỉnh đôi môi bịt bạc. Hia, bít tất



<i>Các chức thừa chỉ, phó đô ngự sử, thừa chính sứ, đại học sĩ, tế tửu, thị độc, thêm đô</i>	Phốc Đầu. -Ngự sử: Giải Trãi	-Có tước: đỏ. -Chưa có tước: xanh, lục.	Khổng tước. -Ngự sử: Giải trãi	-Đại đỉnh đôi môi bịt bạc. Hia, bít tất
<i>Các chức tự khanh, tham chính, phủ doãn, học sĩ, tư nghiệp, thị giảng, thị thư, hiệu thư, đô khoa, thị chế, đề hình</i>	Phốc Đầu. -Đề hình: Giải Trãi	Như trên	Khổng tước. -Đề hình: Giải trãi	-Đại đỉnh gỗ kỳ lam hương bịt thau. Hia, bít tất
<i>Các chức cấp sự, hiến sứ</i>	-Cấp sự: Phốc Đầu. -Hiến sứ: Giải Trãi	Như trên	-Cấp sự: Văn nhận. -Hiến sứ: Giải trãi	Đại đỉnh gỗ kỳ lam hương. Hia, bít tất
<i>Các chức hàn lâm hiệu lý, hiệu thảo, giám sát ngự sử các đạo</i>	-Hàn lâm: Phốc Đầu. -Cai đạo: Giải Trãi	Như trên	Hàn lâm: Bạch nhân. Cai đạo: Giải Trãi	Đại đỉnh gỗ kỳ lam hương. Hia, bít tất
<i>Các chức thông chính sứ, thêm sự, kinh lịch</i>	-Thường thì y phục cũng như Hàn lâm hiệu lý. Nếu thông chính sứ có dự bằng vàng thì y phục như tự khanh và đô khoa			
<i>Các chức thông chính sứ, tham nghị, lang trung, thiếu thêm sự, hiến phó, thiếu khanh, thiếu doãn, trung thư xá nhân, tư thiên lệnh, phó đoán sự, viên ngoại lang, thông chính thừa, tri phủ và những chức tự khanh, thiếu khanh làm việc ở ngoài</i>	-Phốc Đầu. -Riêng hiến phó: Giải Trãi	Dùng màu xanh, màu lục	Anh vũ (vết)	-Đại đỉnh sừng trâu bịt thau. -Hia, bít tất



<i>Các chức tu soạn, giáo thụ, học chính, cấp môn sứ, đồng tri phủ, tư vụ, chiếu giám, điển thư, trị trung, thông phán, lục sự, điển thư, đài chiếu, giám bạ, tư thiên giám thừa, tả mặc hữu mặc, cấp môn phó sứ, tri huyện, tri châu, huyện thừa, ngũ quan chính, chính tự, đồng tri châu, đô quan, điển bạ, tư ban, huấn đạo</i>	-Phốc Đầu	Dùng màu xanh màu đen	Thuần am. (Liêu thuần)	Đại đỉnh sừng trâu bịt thau. Hia, bít tất
<i>Các thái y viện đại sứ, viện sứ, ngự y, nghiệm biện, lương y chánh, khán chẩn, lương y phó, thái quan thự chánh, đồng văn nhã nhạc thự chánh, thừa dụ cục cục chánh, giáo phường ty chánh, tư thần lang</i>	-Phốc Đầu	-Áo màu xanh, màu đen	Thuần am (Liêu thuần)	Đại đỉnh sừng trâu bịt thau. -Hia, bít tất
<i>Các chức trưởng sử, bình sự, thông sự, chánh phó tư nghị, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri bạ, đô sự, tri sự, điển sự, chủ bạ, xã mục, ngục thừa, các hàng thuộc viên tạp lưu</i>	Ô Sa đơn dạng	Áo Thanh Cát có lót		
<i>Những người tôn thất thực thụ các chức lãng chánh, lãng phó, lãng thừa</i>	Phốc Đầu	-Có tước: màu đỏ; chưa tước màu xanh, lục	Văn nhận	Đại đỉnh đôi môi bịt bạc. -Hia, bít tất

Nội quan	Các chức nội giám, tổng thái giám, đô thái giám, chuông giám mà có tước quận công	Phốc Đầu	Màu đỏ	Hổ báo	Đai đỉnh đôi mỗi bịt bạc. -Hia, bít tắt
	Các chức thái giám, thiêm thái giám, tham chuông giám, tham tri giám, đồng tri giám	Phốc Đầu	Có tước: màu đỏ; chưa tước: màu lục	Vân nhạn	-Đai đỉnh đôi mỗi bịt bạc. -Hia, bít tắt
	Các chức tả hữu thái giám, tả hữu giám thừa, tả hữu đề điểm	Phốc Đầu	Có tước: màu đỏ; chưa tước: màu xanh, lục, đen	Bạch nhàn	-Đai đỉnh gỗ kỳ lam hương bịt thau. -Hia, bít tắt
	Các chức phụng ngự, giám bạ	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không phú hậu		

**QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HUNG NĂM 1725**
(theo *Cương mục*)

Phẩm cấp	Quan văn				Quan võ			
	Mũ	Đai	Bổ tử	Phục sắc	Mũ	Đai	Bổ tử	Phục sắc
<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ	Tiên hạc	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ	Bạch trạch	Đỏ

<i>Nhị phẩm</i>	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ	Tiên hạc	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc lĩnh là đỏ	Bạch trạch	Đỏ
<i>Tam phẩm</i>	Phốc Đầu sức bạc	Đai đôi mỗi sức bạc	Cầm kê	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai đôi mỗi sức bạc	Sư tử	Đỏ
<i>Tứ phẩm</i>	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai đôi mỗi sức thau bọc đoạn thâm	Khổng tước	Lục	Nón bạc	Thắt dải đai màu tía	Hổ	Lục
<i>Ngũ phẩm</i>	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai đôi mỗi sức thau bọc đoạn thâm	Vân nhạn	Lục	Nón bạc	Thắt dải đai màu tía	Báo	Lục
<i>Lục phẩm trở xuống</i>	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai tốc hương viên thau bọc đoạn thâm	Bạch nhàn	Xanh	Nón son	Thắt dải đai màu xanh	Tượng	Xanh
<i>Pháp quan đội mũ Giải Trãi, Bồ tử Giải trãi</i>								

**QUY CHẾ THỊ PHỤC CHẦU CHÚA CỦA BÁ QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HUNG NĂM 1721**
(theo *Loại chí*)

Chầu chúa			
Chức tước	Mũ	Áo	Đai, Thao
<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức tam thái, tam thiếu mà có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo Thanh Cát, có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc

Hoàng tử, vương tử, quan võ	<i>Các chức tam thái, tam thiếu có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự mà có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự mà có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô hiệu kiểm, đề đốc, đề linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo Thanh Cát có phú hậu	-Dây thao kép xâu hạt ngọc. -Cầm gươm
	<i>Các chức đô hiệu kiểm, đề đốc, đề linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát	-Dây thao kép. -Cầm gươm
	<i>Hoàng tử, vương tử có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo trực lĩnh, màu đỏ, Bô tử hổ báo	-Dây thao kép xâu hạt ngọc. -Đeo gươm
	<i>Các chức cai quản, cai đội có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	-Dây thao kép. -Cầm gươm
	<i>Các chức đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, phó đô đốc, lãnh thự vệ, tả hữu hiệu điểm mà có tước hầu.</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	-Dây thao đơn. -Cầm gươm
	<i>Các chức đô chỉ huy sứ, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thêm sự, chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thêm sự, tổng tri, đồng tổng tri, thêm tổng tri mà có tước hầu</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót	-Dây thao đơn. -Cầm gươm

	<i>Các chức đô lễ, trấn điện quân tướng quân, lục sĩ hiệu úy, thiên hộ, quân lãnh, phó đô lễ, chánh đô úy, phó thiên hộ, trung úy, lang tướng, phó quân lãnh, bách hộ, đề hạt, phó trung úy, phó lang tướng, phó quân lãnh, tả hữu tiền hậu lang tướng, đô úy, chánh vô úy, phó đề hạt, tả hữu tiền hậu phó lang tướng, phó vô úy, vệ úy, phó đô úy, phó trung úy</i>	Mũ Thanh Cát	Áo Thanh Cát có lót	
	<i>Cai đội, phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đã dự trông coi quân lính mà chưa có chức tước</i>	Mũ Thanh Cát	Áo Thanh Cát không lót	Cầm gươm
	<i>Các chức làm việc ở ngoài như đô tổng binh sứ, tổng binh đồng tri, tổng binh thêm sự</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
Quan văn	<i>Tam thái, tam thiếu</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Thượng thư, ngự sử</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
	<i>Tả hữu thị lang</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	<i>Các chức thừa chỉ, phó đô ngự sử, thừa chính sứ, đại học sĩ, tế tửu, thị độc, thêm đô</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	<i>Các chức tự khanh, tham chính, phủ doãn, học sĩ, tư nghiệp, thị giảng, thị thư, hiệu thư, đô khoa, thị chế, đề hình</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
	<i>Các chức cấp sự, hiến sứ</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép

Các chức hàn lâm hiệu lý, hiệu thảo, giám sát ngự sử các đạo	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
Các chức thông chính sứ, thêm sự, kinh lịch	-Thường thì y phục cũng như hàn lâm hiệu lý. -Nếu thông chính sứ có dự bằng vàng thì y phục như tự khanh và đô khoa		
Các chức thông chính sứ, tham nghị, lang trung, thiếu thêm sự, hiển phó, thiếu khanh, thiếu doãn, trung thư xá nhân, tư thiên lệnh, phó đoán sự, viên ngoại lang, thông chính thừa, tri phủ và những chức tự khanh, thiếu khanh làm việc ở ngoài	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	Dây thao đơn
Các chức tu soạn, giáo thụ, học chính, cấp môn sứ, đồng tri phủ, tư vụ, chiếu giám, điển thư, trị trung, thông phán, lục sự, điển thư, đài chiếu, giám bạ, tư thiên giám thừa, tả mặc hữu mặc, cấp môn phó sứ, tri huyện, tri châu, huyện thừa, ngũ quan chính, chính tự, đồng tri châu, đô quan, điển bạ, tư ban, huấn đạo	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót	Dây thao đơn
Các thái y viện đại sứ, viện sứ, ngự y, nghiệm biện, lương y chánh, khán chẩn, lương y phó, thái quan thự chánh, đồng văn nhã nhạc thự chánh, thừa dụ cục cục chánh, giáo phường ty chánh, tư thần lang	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót	

	Các chức trưởng sử, bình sự, thông sự, chánh phó tư nghị, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri bạ, đồ sự, tri sự, điển sự, chủ bạ, xã mục, ngục thừa, và các hàng thuộc viên tạp lưu	Ô Sa đơn dạng	Áo Thanh Cát có lót	
Nội quan	Những người tôn thất thực thụ các chức lãg chánh, lãg phó, lãg thừa	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép râu hạt ngọc
	Các chức nội giám, tổng thái giám, đô thái giám, chương giám mà có tước quận công	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép râu hạt ngọc
	Các chức thái giám, thêm thái giám, tham chương giám, tham tri giám, đồng tri giám	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
	Các chức tả hữu thái giám, tả hữu giám thừa, tả hữu đề điểm	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	Dây thao đơn
	Các chức phụng ngự, giám bạ	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	
Chức tước		Áo mũ		
Các chức xá nhân, án lại, tướng thần lại, lệnh sử, nội thư tả thì từ cai ty, cai hợp, thủ hợp trở lên, thị nội văn chức thì từ nho sinh trúng thức, giám sinh trở lên		-Khi châu hầu làm việc thì dùng mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu		
Ở Trung thư sảnh, các chức hoa văn học sinh, án lại, xá nhân, tướng thần lại, lệnh sử, thư tả, nội thư tả; ở các văn nha môn thì các chức đô lại, đề lại, điển lại, thông lại		-Khi châu hầu làm việc thì dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát không lót -Ở trong làng thì cho dùng mũ Ô Sa, áo Thanh Cát có lót, dây thao đơn; áo mặc thường cho dùng các thứ the, là, vải, lụa		
Những nho sinh trúng thức, giám sinh, nho sinh, xã chánh, xã sử, xã tư, sinh đồ, quan viên tử tôn, nhiều nam		-Dùng mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát với áo ngắn lót, không có phú hậu, dây thao đơn		

<i>Hoàng tử, vương tử chưa có chức tước</i>	-Khi vào hầu ở nội cung thì dùng mũ Lương Cân, áo sa đen -Thường phục dùng các thứ gấm vóc có hoa màu
<i>Hoàng tử, vương tử từ chức tả hữu đô đốc, có tước quận công trở lên</i>	-Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có phú hậu và không lót. -Thường phục dùng các thứ gấm vóc có hoa màu.
<i>Hoàng tử, vương tử từ chức đô đốc đồng tri có tước quận công trở xuống</i>	-Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có phú hậu và có lót
<i>Con cháu các quan văn võ, được phong ấm trở lên</i>	-Khi vào hầu làm việc thì con cháu quan văn dùng mũ Ô Sa đơn dạng, con cháu quan võ dùng mũ Thanh Cát, đều dùng áo Thanh Cát có lót
<i>Dân gian thì từ các chức sắc trở xuống</i>	-Y phục đều dùng các thứ gai, the, vải, lụa, không có lót

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ NGUYỄN NĂM 1804
(theo Hội điển)

Phẩm trật	Ban văn			Ban võ		
	Mũ	Y, thường, Bồi tử	Đai, hia, tất	Mũ	Y, thường, Bồi tử	Đai, hia
Trên nhất phẩm (Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh)	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiểu vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, sức giao long vàng	-Măng bào cổ tròn, màu tía -Thường thêu Tiên hạc xen hoa, màu đỏ	-Đai: sức toàn vàng, mặt trước và sau đều trở một hình rồng bốn móng; còn lại trở Tiên hạc, nền đỏ -Hia đầu vuông màu đen -Bít tất viền gấm	Phốc Đầu vuông, 1 khóa kiểu vàng, 2 hốt vàng cao 5 phân; còn lại như quan văn	-Như ban văn; thường thêu Kỳ lân	-Như ban văn; đai trở Kỳ lân

Chính tông nhất phẩm	Phốc Đầu tròn, mũ của quan chính nhất phẩm như trên. mũ của quan tông nhất phẩm 1 khóa kiểu vàng, 2 hốt vàng cao 5 phân, còn lại như trên	-Măng bào cổ tròn, các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường thêu Tiên hạc xen hoa, màu đỏ	Như trên	Phốc Đầu vuông	-Như ban văn; thường thêu Kỳ lân	-Như ban văn; đai trở Kỳ lân
Chính tông nhị phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiểu vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, sức giao long vàng	Như trên	-Đai: sức toàn vàng, mặt trước và sau đai đều trở hình Tiên hạc; còn lại, trở hình hoa, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	Như ban văn; thường thêu Bạch trạch	-Như ban văn; đai trở Bạch trạch
Chính tông tam phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiểu vàng, hoa vàng ở mặt trước và mặt sau; hai cánh chuồn viền bọc vàng	Như trên	Đai: sức toàn vàng, bề mặt vàng không chạm trở, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	Như ban văn; thường thêu Sư tử	Như ban văn

Chính Tông tứ phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khỏa kiều bạc, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viên bạc vàng	-Hoa bào cổ tròn (thêu hoa), các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường: làm bằng sa, đoạn; màu xanh, lục tùy nghi; nền hoa tròn, màu đỏ, thêu Khổng tước viên gấm	Đai: mặt đôi môi, hai viên dài của ba miếng đôi mỗi phía trước bọc vàng, còn lại đều bọc bạc, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	-Chính tứ phẩm: áo Giao bào (thêu giao long) cổ tròn -Tông tứ phẩm: áo Hoa bào (thêu hoa) cổ tròn, các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi	Như ban văn
Chính tông ngũ phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khỏa kiều bạc, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viên bạc bạc	-Áo bào cổ tròn làm bằng sa, đoạn, đính Bồ tử thêu Vân nhạn, nền đỏ; các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi	Đai: mặt đôi môi bọc bạc, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	-Áo bào như ban văn ngũ phẩm, Bồ tử thêu Báo -Thường thêu Báo	Như ban văn
Chính tông lục phẩm	Phốc Đầu tròn, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viên bạc bạc	Như trên, Bồ tử thêu Bạch nhân	Đai: ba miếng phía trước mặt đôi môi, còn lại là sừng đen, đều bọc bạc, nền đai đỏ	Phốc Đầu vuông	-Áo bào như ban văn lục phẩm, Bồ tử thêu Hùng -Thường thêu Hùng	Như ban văn

Chính tông thất phẩm	Phốc Đầu tròn, hoa bạc trước sau đều 1 bông, hai cánh chuồn viên tron	Như trên, Bồ tử thêu Lộ tư; tông thất phẩm Bồ tử thêu Lộ tư nền xanh -Thường: làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục tùy nghi; phần màu thái lục hai bên thường không thêu hoa tròn.	-Đai: mặt sừng đen bọc bạc, nền đỏ - Bít tất: màu thái lục	
-------------------------------	--	--	--	--

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN VĂN VÕ
TRIỀU NGUYỄN NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

Ban văn			Ban võ		
Quan văn đội mũ Phốc Đầu tròn, quan võ đội mũ Phốc Đầu vuông, thân đai đều dùng tre thuộc (thực sa trúc) bọc đoạn màu xích vũ.					
Mũ	Y, thường, Bổ tử	Đai, hia, tất	Mũ	Y, thường, Bổ tử	Đai, hia

Phốc Đầu tròn, 1 bác son vàng, 1 ngách tường vàng cao 4 phân, phía ngoài trở hình giao long; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng, bề mặt sức giao long bốn ngọc bằng vàng, đầu cánh chuồn đều sức vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào màu cổ đồng, may bằng đoạn Bát ti thêu hình Tứ linh, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu hoa xích ngũ sắc gia vàng, thêu hình Tiên hạc	-Đai: tổng cộng 18 miếng đai phía trước sau, phải trái, vuông dài, dẹt; 2 móc bạc; miếng chính giữa phía trước và hai miếng hình quả trám ở hai bên phải trái đều khảm vàng, trở hình hoa, các miếng còn lại bề mặt khảm đôi môi, đều bạc bạc	Phốc Đầu vuông (Tuy Hội điển không ghi chép cụ thể, song tranh ảnh thế kỉ XX cho thấy, quy chế mũ Phốc Đầu năm 1845 của quan võ tương tự như quan văn, song sự gia giảm như quy chế năm 1804)	Như quan văn nhất phẩm; thường thêu hình Kỳ lân	
Phốc Đầu tròn, trang sức như chính chất phẩm, riêng ngách tường cao 3 phân, trở hình hoa; mặt mũ không có ngọc châu; đầu hai cánh chuồn không sức vàng	-Áo bào màu thiên thanh dùng đoạn Bát ti thêu hình Tứ linh, tơ ngũ sắc gia vàng -Thường như quan chính nhất phẩm	Đai: 13 miếng phía trước và hai bên phải trái đều bạc tử kim; 5 miếng phía sau bạc; mặt đai khảm đôi môi	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn tòng nhất phẩm		
Phốc Đầu tròn, 1 bác son vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bạc vàng, bề mặt sức giao long vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào màu cam bích, dùng đoạn Bát ti thêu Tứ linh, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường như quan chính nhất phẩm	-Đai: trong 13 miếng phía trước và hai bên phải trái có 7 miếng nằm trong bạc tử kim, 6 miếng bạc, so le; 5 miếng phía sau bạc; tất cả đều khảm đôi môi lên bề mặt	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn chính nhị phẩm	-Như quan văn chính nhị phẩm -Thường thêu hình Bạch trạch	-Như quan văn chính nhị phẩm

Phốc Đầu tròn, trang sức như chính nhị phẩm, riêng mũ bỏ trang sức giao long ở mặt cánh chuồn	-Áo bào như chính nhị phẩm, riêng dùng màu quan lục -Thường như quan chính nhị phẩm	-Đai: Miếng vuông phía trước và hai miếng hình quả trám ở hai bên phải trái đều bạc tử kim, 14 miếng còn lại bạc, bề mặt khảm đôi môi	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn tòng nhị phẩm	-Như quan văn tòng nhị phẩm -Thường thêu hình Bạch trạch	Như quan văn tòng nhị phẩm
Phốc Đầu tròn, 1 bác son vàng, 2 khóa giản vàng, phía trước phía sau đều có 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, 2 cánh chuồn viền bạc vàng, 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào như quan nhị phẩm. Riêng dùng màu bảo lam -Thường như quan nhị phẩm, riêng dùng màu xích mộc, thêu hình Cẩm kê	-Đai: 18 miếng đều bạc, bạc, mặt khảm đôi môi	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn chính tam phẩm	-Như quan văn chính tam phẩm -Thường thêu hình Sư tử	Như quan văn chính tam phẩm
Phốc Đầu tròn, trang sức như chính tam phẩm, riêng bỏ 2 giao long vàng	-Áo bào như chính tam phẩm, riêng dùng màu ngọc lam -Thường như quan chính tam phẩm	Đai: Như quan chính tam phẩm, mặt khảm sừng Bạch hoa	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn tòng tam phẩm	Như quan văn tòng tam phẩm; Thường thêu Sư tử	Như quan văn tòng tam phẩm
Phốc Đầu tròn, 1 bác son bạc, 2 khóa giản vàng, phía trước và sau đều 1 hoa vàng, hai cánh chuồn viền bạc vàng, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào dùng trầu thêu giao long màu quan lục, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu bảo lam ngũ sắc gia vàng, thêu hình Khổng tước	Đai: 13 miếng phía trước và hai bên phải trái bạc; 5 miếng phía sau bạc đồng; tất cả đều khảm sừng hoa (hoa giác)	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn tứ phẩm	Như quan văn tứ phẩm; Thường thêu hình Hổ	Như quan văn tứ phẩm

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA MỘT SỐ VỊ HOÀNG TỬ, HOÀNG THÂN,
TÔN THẤT NHÀ NGUYỄN NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

Phốc Đầu tròn, trang sức như quan tứ phẩm, nhưng các trang sức toàn bằng bạc	-Áo bào dùng trầu thù hoa màu bảo lam, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu quan lục ngũ sắc gia vàng -Bổ tử dùng đoạn màu xích vũ, thêu Vân nhạn	-Đại: 9 miếng phía trước và hai bên trái phải bọc bạc và đồng xen kẽ; 3 miếng phía sau bọc đồng; tất cả đều khảm sừng hoa	Phốc Đầu vuông, trang sức như quan văn ngũ phẩm	-Như quan văn tứ phẩm -Bổ tử thêu hình Báo	Như quan văn tứ phẩm
Phốc Đầu tròn, phía trước, sau đều có 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào dùng trầu bóng màu ngọc lam -Thường dùng sa Tố màu quan lục. -Bổ tử dùng đoạn màu xích vũ, thêu hình Bạch nhàn	-Đại: miếng chính giữa phía trước bọc bạc, 9 miếng còn lại bọc đồng; tất cả đều khảm sừng hoa			
Đô ngự sử, phó đô ngự sử và các chức khoa đạo chương ấn vốn cấp cho mũ Giải Trãi có hai sừng bạc thì (nay) đổi 2 khóa giản vàng thành 2 giao long bằng vàng và bạc					

	<i>Mũ</i>	<i>Y, thường, Bổ tử</i>	<i>Đại</i>
Tôn thất được phong tước thân vương, quận vương	Phốc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân trở hình giao long, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng. Hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt sức giao long vàng vờn ngọc châu, đầu cánh chuồn đều sức vàng, 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tứ linh màu chân lan làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình Kỳ lân	-Đại miếng chính giữa ở phía trước và 2 miếng hình dẹt ở hai bên phải trái, bề mặt đều trở hình hoa khảm vàng, còn lại bề mặt khảm mai đôi mỗi, đều bọc vàng tử kim
Tôn thất được phong tước thân công, quốc công	Phốc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 3 phân trở hình hoa, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng, 2 cánh chuồn viền bọc vàng, 2 giao long vàng, 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tứ linh màu chân lan làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình Kỳ lân	-Đại 13 miếng phía trước và hai bên phải trái bọc vàng tử kim, 5 miếng phía sau bọc bạc, bề mặt đều khảm mai đôi mỗi
Tôn thất được phong tước quận công, huyện công	Phốc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng, 2 cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt sức giao long vàng, 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tứ linh màu tử đàn làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu Bạch trạch	Đại 13 miếng phía trước và hai bên phải trái có 7 miếng bọc vàng tử kim, 6 miếng bọc bạc, xen kẽ. 5 miếng phía sau bọc bạc, bề mặt đều khảm mai đôi mỗi

QUY CHẾ THƯỜNG PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ NGUYỄN
(theo *Hội điển*)

Tôn thất được phong hương công, huyên hầu, hương hầu	Phốc Đầu vương, so với tôn thất được phong tước quận công, mũ Phốc Đầu vương lược đi 1 hoa vàng phía sau, mặt mũ lược trang sức giao long vàng	-Áo bào Tứ linh màu đà xích -Thường làm bằng sa mát màu mộc xích thêu Sư tử	Đai 18 miếng đều bạc bạc
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh	Phốc Đầu vương, 1 bác sơn bạc, 2 khóa giản vàng, trước sau 1 hoa vàng, hai cánh chuồn viền bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo Giao bào màu giáng chu làm bằng trầu ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu quan lục thêu Hổ.	Đai 13 miếng phía trước và hai bên phải trái bạc bạc. 5 miếng phía sau bạc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy	Phốc Đầu vương, 1 bác sơn bạc, 2 khóa giản bạc, trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo Hoa bào màu tương làm bằng trầu ngũ sắc gia kim -Thường làm bằng sa Tế hoa màu quan lục -Bổ tử làm bằng tơ vũ ti đỏ, thêu Báo	Đai 9 miếng phía trước và hai bên phải trái bạc bạc và đồng xen kẽ, 3 miếng phía sau bạc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang	Phốc Đầu vương, trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào màu tương đậm thêu 2 hoa ổ, làm bằng đoạn Bát ti -Thường làm bằng sa Tế hoa màu quan lục. -Bổ tử làm bằng tơ vũ ty đỏ, thêu gấu	Đai 1 miếng chính giữa phía trước bạc, 9 miếng còn lại bạc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác

	Quan văn		Quan võ		Y, thường
	Mũ	Bổ tử	Mũ	Bổ tử	
Trên nhất phẩm	Văn Công: sức toàn bằng vàng, hai dải thùy anh trang sức kim hoa khảm ngọc châu	Tiên hạc, hoa	Hổ Đầu: sức toàn bằng vàng	Kỳ lân	-Áo giao lĩnh cổ trắng, làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường nền dát vàng
Nhất phẩm	Văn Công: sức toàn bằng vàng	Tiên hạc	Hổ Đầu	Kỳ lân	Như trên
Nhị phẩm	Văn Công	Tiên hạc	Hổ Đầu	Bạch trạch	Như trên
Tam phẩm	Văn Công	Cầm kê	Hổ Đầu	Sư tử	Như trên
Tứ phẩm	Đông Pha: hoa vàng ở mặt trước và sau, các trang sức như phụ như hoa, giao long đều dùng bạc	Khổng tước	Xuân Thu	Hổ	-Áo giao lĩnh, màu cổ áo như màu áo, làm bằng sa, đoạn; các màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi -Thường nền đỏ
Ngũ phẩm	Đông Pha: phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Vân nhạn	Xuân Thu	Báo	Như trên
Lục phẩm	Đông Pha: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Bạch nhạn	Xuân Thu (Quan võ từ thất phẩm trở xuống chỉ đặt tòng, không đặt chính)	Hùng	Như trên

TIỂU TỪ ĐIỂN TRANG PHỤC VIỆT NAM



Thất phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc	Lộ tư (chính: nền đỏ, tòng: nền xanh)	Tòng thất phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính thất phẩm	Bưu tòng: nền xanh	-Áo như trên -Thường: làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục tùy nghi; phần màu thái lục hai bên thường không thêu hoa tròn
Bát phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, sau 1 hoa bạc	Kê xích	Tòng bát phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính bát phẩm	Hải mã	-Áo giao lĩnh màu gốc bằng sa, đoạn; màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi. -Thường: Như trên
Cửu phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc	Liêu thuần nền xanh	Tòng cửu phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính cửu phẩm	Tê ngư	Như trên
Chưa nhập lưu	Phong Cầm: trước sau đều sức 1 sợi bạc		Tuy Cầm: trước sau đều sức 1 sợi bạc		Áo giao lĩnh màu gốc bằng sa, đoạn; màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi

Anh Cầm: mũ của quan võ chưa nhập lưu triều Nguyễn.

Áo bà ba: loại áo vạt ngắn không bâu, xẻ giữa, cài bằng cúc, phổ biến ở Nam Bộ.

Áo chít: Xem Áo (dài) năm thân.

Áo Cừu: một trong những loại áo tránh rét của giới trung lưu, quý tộc. Ở Việt Nam, áo Cừu bên ngoài là da, bên trong là lông, được làm bằng lông cáo (Hồ Cừu) hoặc lông chồn (Điêu Cừu).

Áo (dài) năm thân: chỉ loại áo may bằng năm khổ vải (vạt trước hai khổ, vạt sau hai khổ, thân bên phải dôi ra một khổ ngắn nữa), phân biệt với các dạng áo được may bằng bốn khổ vải như áo tứ thân, áo giao lĩnh.

Bàn long: chỉ hoa văn rồng tròn (rồng ổ) thêu trên áo bào.

Bao Cầm: mũ Thường triều của vương, hầu để tóc ngắn thời Trần.

Bao Đỉnh: mũ Tiệp phục của các vị văn nhân, quan lại quý tộc thời Lê Trung Hưng, kiểu dáng tròn, đỉnh phẳng, cao khoảng một thước, làm bằng lông đuôi ngựa, nên còn gọi là Mã vĩ Bao Đỉnh.

Bào phục: hay áo bào, chỉ loại trang phục mặc khi thiết triều của vua quan phong kiến.

Bát bảo: tám dạng hoa văn thêu trên áo bào của vua quan nhà Nguyễn.

Bát Tiên: loại mũ trang trọng của văn

nhân, nho sĩ và đàn ông thường dân thời Lê Trung Hưng, làm bằng đoạn màu huyền hoặc sa the, đỉnh phẳng, trên may cánh hoa cúc mấy lớp đùm lên nhau, quanh mũ gấp nếp, dải dây buộc ngang trán, buông phần thừa ra sau gáy và hai tai có diềm rủ, gần tương tự mũ Bao Đỉnh.

Bình Đỉnh: loại mũ đỉnh phẳng nói chung. Vào thời Lê Trung Hưng, danh xưng Bình Đỉnh đặc chỉ loại mũ tế của vua chúa và các quan. Đến thời Nguyễn, từ năm 1816, danh xưng này chỉ loại mũ Đại triều của các hoàng tử, hoàng thân được ban tước thân vương, quận vương, thân công, quận công.

Bình Thiên: 1. tên gọi khác của mũ Miện. 2. tên gọi khác của loại mũ Triều phục Bình Đỉnh của hoàng tử, hoàng thân được ban tước thân vương, quận vương, thân công, quận công triều Nguyễn. Xem: Miện, Bình Đỉnh.

Bổ phục: chỉ Bào phục gắn Bồ tử.

Bổ tử: còn gọi là Hung bối, chỉ vuông vải thêu hình chim thú gắn ở trước ngực và sau lưng áo bào, dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan. Quy chế trang phục Thường triều Hung bối - Bồ tử định hình vào thời vua Minh Thái Tổ - Trung Quốc, được áp dụng vào triều đình Việt Nam từ năm 1471.

Bội: còn gọi là thùy bội, chỉ dải ngọc đeo hai bên hông, được gắn kết bằng các loại ngọc có hình thù khác nhau.

Bồn Hoa: loại mũ Thường phục áp dụng cho thị vệ nhân thuộc ngạch Tụng quan của nhà Trần.

Búc Càn: loại mũ trang trọng của văn nhân, nho sĩ và đàn ông thường dân thời Lê Trung Hưng, có kiểu dáng tương tự mũ ni, song hai bên mang tai có hai dải thắt, thắt lại ở sau đầu.

Cách đội: đai da nói chung, hình tròn, trên đai được gắn các miếng trang sức hình vuông, hình tròn hoặc hình quả trám. Đai thường to rộng, chỉ mang tính trang sức.

Cao Sơn: mũ Thường phục của các quan văn từ nhất phẩm đến lục phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396, mũ Thường phục của văn võ bá quan, giáo thụ Quốc Tử Giám và giáo viên ở các lộ, huyện thời Lê sơ từ năm 1434 đến năm 1437.

Cân hoàn: loại trang sức hình tròn được đính vào hai bên mũ Toàn Hoa thời Trần.

Chiết Xung: mũ Thường phục của các quan võ từ nhất phẩm đến lục phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Chương: các hoa văn thêu trên Lễ phục Cốn Miện, tượng trưng cho trời đất vạn vật, gồm Nhật (mặt trời), Nguyệt (mặt trăng), Tinh thìn (sao), Sơn (núi), Long (rồng), Hoa trùng (chim trĩ), Tông di (cốc ở tông miếu, có hình hổ và khỉ), Tảo (rong), Hỏa (lửa), Phấn mễ (gạo), Phủ (riêu), Phất (chữ Á 亞).

Cổ đồ: tên gọi của một số dạng hoa văn thêu trên áo bào của vua quan nhà Nguyễn.

Cổ kiềng: Xem: Đoàn lĩnh.

Cốn: còn gọi là Long Cốn, hoặc Cốn Long y, loại áo trong Lễ phục Cốn Miện, thường có màu xanh sẫm hoặc màu huyền,

cổ áo giao lĩnh, thêu các hoa văn Phũ, Phất, Sơn, Hỏa... Riêng áo Cốn của vua được thêu hoa văn Nhật, Nguyệt ở hai vai, Long ở hai ống tay áo.

Cốn Miện: tên gọi tắt của bộ Lễ phục áo Cốn, mũ Miện, là trang phục dành riêng cho đế vương và vương công đại thần sử dụng trong các dịp đại lễ như tế trời đất, lễ lên ngôi v.v., vào thời vua Lê Hiến Tông còn được sử dụng làm Lễ phục khi vua cày tịch điền. Bộ Lễ phục này bị phế bỏ vào thời Lê Trung Hưng và được khôi phục vào thời vua Minh Mạng triều Nguyễn. Vào thời Nguyễn, Cốn Miện chỉ được sử dụng trong dịp tế Nam Giao.

Cốn phục: tên gọi chung của áo Cốn và tất cả phục sức đi kèm như thường, tế tất, đai đối, cách đối, bội, thụ v.v.

Công phục: 1.vốn đồng nghĩa với khái niệm Thường phục, tức trang phục mặc vào những buổi thường triều ngày 5, 10, 20, 25, từ thế kỷ XV trở về sau chỉ loại trang phục vua quan mặc vào những buổi chầu mỏng một và ngày rằm. 2. chỉ loại trang phục trang trọng của nho sĩ và dân thường.

Củng Thân: loại mũ Triều phục dành cho các vị vương, hầu, minh tự thời Lý - Trần, phẩm trật được phân biệt bởi số bậc và số trang sức ong bướm trên mũ.

Cửu Long: Xem Cửu Long Thông Thiên.

Cửu Long Đường Càn: còn gọi là Đường Càn, loại mũ Thường phục của hoàng đế triều Nguyễn, mũ có phần gáy nhô cao, chòm khum tròn chòm về phía trước, choãi sang hai bên thành hình chữ Bát 八. Xem: Đường Càn.

Cửu Long Thông Thiên: còn được gọi là mũ Cửu Long, hoặc mũ Xung Thiên, mũ Triều phục của hoàng đế triều Nguyễn, có kiểu dáng tương tự mũ Xung Thiên triều Lê, riêng quy chế trang sức trên mũ có sự khác biệt.

Dương Đường: 1. một trong những dạng hoa văn hình hoa thời Trần, Lê. 2. mũ Triều phục của Nội quan thời Trần, phẩm trật của các quan được phân biệt dựa vào số hình ong bướm sức trên mũ. 3. mũ Triều phục của hoàng tử, vương tử được phong tước quốc công triều Lê Trung Hưng, kiểu dáng như mũ Phốc Đầu, duy phía sau cao hơn, hai cánh chuồn có khi được nạm vàng.

Đa La: còn gọi là Đa La Ni, hay La Đà Ni, đều chỉ cùng một loại vải gai, phần lớn có màu xanh và đỏ. Vào thời Lê Trung Hưng, loại mũ Đinh Tự được làm từ chất liệu vải gai này được gọi là mũ Đa La.

Đai: thứ phục sức đeo ngang lưng bên ngoài áo bào, được gắn các miếng trang sức hình tròn, hình quả trám làm bằng kim loại hoặc đồi mồi..., được xỏ qua hai dây thắt đôi ra từ nách áo, ôm lấy người, thường chỉ mang tính trang sức

Đai đối: 1. đai thắt lưng, có hai dải to bản buông xuống dưới chân, còn gọi là thân. 2. dải lụa màu xanh trong Cốn phục của vua quan triều Nguyễn; một đầu dải lụa được thắt ở đai da phía trước, sau đó vòng qua vai, cố định lại ở phần đai sau lưng. Xem: Thân.

Đầu Mâu: còn gọi là mũ Trụ, bảo vệ phần đầu của binh sĩ khỏi giáo mác, vì hình dạng giống chiếc mâu, một loại nỏ thời cổ

của Trung Quốc nên gọi là Đầu Mâu.

Đinh Tự: còn gọi là mũ Nhục, loại mũ có kiểu dáng chữ Đinh 丁 nằm ngang, trán mũ thẳng, cong tròn dần khi tới đỉnh, vươn ra sau gáy. Đây là loại mũ Thường phục của các quan văn võ nhà Trần kể từ năm 1301, và là dạng mũ được sử dụng rộng rãi trong quân đội và dân gian thời Lê Trung Hưng.

Đoàn lĩnh: cũng gọi là viên lĩnh, nôm na gọi là áo cổ kiềng, chỉ loại áo cổ tròn, gài cúc bên vai phải. Vào thời Lê, Nguyễn, áo đoàn lĩnh chỉ được dùng trong những buổi Đại triều.

Đông Pha: mũ Thường phục áp dụng cho quan văn tứ, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn, lá phủ phía sau mũ được lượn theo hình sóng, gáy mũ đính hai dải anh rú xuống lưng.

Đường Càn: 1. loại mũ Tiện phục được làm bằng the đen, tương tự kiểu dáng mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn có cốt làm bằng cật mây, buông ra sau, choãi sang hai bên thành hình chữ Bát 八. 2. loại mũ Thường phục của vua và là mũ Triều phục của hoàng thái tử nhà Nguyễn, mũ có phần gáy nhô cao, chòm khum tròn chòm về phía trước, choãi sang hai bên thành hình chữ Bát 八.

Giác Đinh: mũ Thường phục của các vị có tước cao mà không có chức trong triều đình Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Giải Trãi: mũ của pháp quan các triều Lý, Lê, Nguyễn. Giải trãi tương truyền là linh thú một sừng, bản tính ngay thẳng, thường được tạo hình tương tự kỳ lân. Ngay từ thời Hán, triều đình Trung Quốc

đã mô phỏng sừng giải trâu chế ra loại mũ áp dụng cho các quan thực thi pháp luật, nhằm nhấn gởi ý niệm về lương tri và sự công bằng. Triều đình nhà Lý, Lê, Nguyễn Việt Nam đều áp dụng mũ Giải Trâu cho các vị pháp quan, tuy nhiên kiểu dáng mũ mỗi thời mỗi khác biệt, thời Lý mũ này có kiểu dáng Lương Quan, còn thời Nguyễn có kiểu dáng Phốc Đầu.

Giao bào: tên loại áo bào được thêu các hình giao long dạng tròn thời Nguyễn.

Giao linh: cũng gọi là trực linh, trường linh, nôm na gọi là áo tràng vạt, chỉ loại áo cổ bất chéo trước ngực, như loại áo tràng của các nhà sư chúng ta vẫn thấy hiện nay.

Giáp Minh Quang: loại áo giáp hoàn bị vào thời Đường với đặc trưng là hai tấm hộ tâm hình tròn trước ngực và hai miếng trang sức hình đầu hổ gắn hai bên vai.

Giáp Trụ: tên gọi chung của áo Giáp và mũ Trụ. Xem: Đầu Mâu.

Giày Tích: loại giày có hai lớp đế, lớp trên làm bằng gai hoặc da, lớp dưới làm bằng gỗ. Giày Tích vốn là loại giày thời Hán, về sau chỉ còn được sử dụng vào những dịp đại lễ. Từ năm 1396 đến 1404, triều đình Trần - Hồ quy định văn võ bá quan từ lục phẩm trở lên đều được đi giày Tích trong các buổi Thường triều. Vào thời Lê sơ, triều đình nhà Lê vẫn thường thưởng giày Tích cho công thần.

Hổ Đầu: mũ Thường phục áp dụng cho quan võ nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn.

Hổ Quan: loại mũ làm bằng sắt, có hình đầu hổ, xuất hiện tại Trung Quốc vào thời Tùy Đường - Ngũ Đại, từ thời Tống trở về

sau không thấy nữa, tại Việt Nam hiện chỉ thấy qua tấm ngói có niên đại thời Trần.

Hoa bào: tên loại áo bào được thêu các hình hoa tròn thời Nguyễn.

Hoành: tên gọi của một loại dây trên mũ Miện giữ mũ cố định trên đầu, một đầu dây buộc trâm ngọc cài trên mũ, sau đó vòng qua cầm vắt lên đầu kia của trâm. Trâm dùng để cố định búi tóc. Vào thời Nguyễn, dây hoành được thay thế bằng dây thùy anh. Xem: Thùy anh.

Hốt: miếng ngà (hoặc gỗ, tre) hình chữ nhật, các quan cầm ở tay trong các buổi đại lễ, thiết triều, tính chất tương tự ngọc khuê. Xem: Ngọc khuê.

Hung bối. Xem: Bổng tử.

Kế y: loại áo trắng cổ tròn cộc tay, kết hợp với thường, được mặc lót bên trong Lễ phục, Triều phục và Thường phục của vua quan, quý tộc triều Nguyễn.

Khăn xếp: khăn vấn tóc của đàn ông được quấn xếp nếp đều đặn, chít theo kiểu chữ Nhất 一, hoặc chữ Nhân 人 ở giữa trán. Khoảng năm 1920, 1930, người Việt mới chế ra loại khăn khâu dán liền những vành nếp lại, chỉ việc đặt chụp lên đầu cho nhanh chóng và thuận tiện, gọi là khăn xếp.

Khố: đồ mặc phía dưới của đàn ông, có khi chỉ chiếc quần hai ống, cũng có khi chỉ dạng khăn quấn quanh eo và đùi che hạ bộ.

Khuốc Phi: mũ Thường phục của quan ngự sử đời thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Kim Quan: loại mũ Triều phục của hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công, hương công, huyện

hầu và hương hầu triều Nguyễn, thường kết hợp với áo bào Tứ linh màu đỏ.

Lễ phục: chỉ loại trang phục vua quan mặc vào các buổi cúng tế, lễ tiết, cũng có khi được gọi là Tế phục.

Long bào: loại áo bào thêu hình rồng của vua chúa nói chung.

Lương Cản: 1. loại mũ thời vua Lê Thánh Tông, được làm bằng lông đuôi ngựa, tên mũ có nghĩa là “mũ mát” vì thường được sử dụng vào mùa hè. 2. loại mũ đội khi vào chầu của hoàng tử, vương tử chưa được phong tước theo quy chế năm 1661. 3. loại mũ Thị phục chầu chúa của các quan văn theo quy chế năm 1721.

Lương Quan: còn gọi là mũ Tiến Hiên, có các viên lương trang sức chạy dọc trên thân mũ, số viên lương được dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan.

Lưu: 1. tên gọi của các chuỗi ngọc châu đính ở hai đầu Miện bản trên mũ Miện. Số lưu được quy định dựa vào thân phận của người đội mũ, như mũ của hoàng đế có 12 lưu, mũ của vương công có 9 lưu. 2. tên của loại dải thắt Bào phục của vua và hoàng hậu triều Nguyễn.

Mã quái: loại áo cổ tròn cộc tay, mở ngực, cài bằng cúc, mặc lót bên trong.

Mãng bào. Xem: Tứ linh bào.

Mãng lan: dạng áo hẹp tay, có lối thêu sức tương tự như Mãng bào, song chiều dài vạt áo và ống tay áo đều ngắn hơn Mãng bào, được áp dụng cho một số vị quan võ triều Nguyễn.

Miến: còn gọi là mũ Lưu Miện, mũ Bình Thiên, có ván úp hình chữ nhật, đính các

dây ngọc rủ ở phía trước và phía sau, gọi là lưu. Xem: Lưu.

Miến bản: còn gọi là diên, ván úp hình vuông (hoặc chữ nhật) trên mũ Miện.

Mũ Nhục. Xem: Đinh Trụ.

Mũ Trụ. Xem: Đầu Mâu.

Ngọc khuê: miếng ngọc hình chữ nhật, nhọn đầu, vua và đại thần cầm ở tay trong các buổi đại lễ, tính chất tương tự hốt. Xem: Hốt.

Ngư đại: loại phục sức đeo trên đai của các quan văn. Ở Trung Quốc vào thời Đường, Ngư đại có dạng phù hiệu mang hình con cá, đựng trong túi, dùng như thẻ bài để ra vào đại nội. Đến thời Tống, Ngư đại không còn được đựng trong túi mà dùng vàng bạc trực tiếp chế thành hình con cá đeo ở đai, chỉ mang tính trang sức, tỏ sự cao sang vinh hiển. Ngư đại xuất hiện tại Việt Nam muộn nhất là vào năm 798, bị phế bỏ vào thời Lê sơ.

Nhật Bình: áo Triều phục dành cho cung tần nhất, nhị, tam, tứ giai và là Thường phục của hoàng thái hậu, hoàng hậu, công chúa triều Nguyễn. Đây là loại áo xẻ cổ, có dạng đối khâm, cổ áo to bản tạo thành hình chữ nhật ở trước ngực, dưới ức có dải vải buộc hai vạt áo.

Ô Sa: mũ dành cho quan văn, có hai tầng, thân tròn, hai cánh chuồn tròn và to bản. Mũ này vốn được chế ra dựa trên kiểu dáng mũ Phốc Đầu. Xem: Phốc Đầu.

Phong Cản: còn gọi là mũ Tú Tài, loại mũ áp dụng cho quan văn chưa nhập lưu và là mũ Lễ phục của dân gian, kiểu dáng tương tự mũ Văn Tú Tài, song không có

trang sức, không thêu hoa, màu đen tuyền. Xem: Đông Pha, Văn Tú Tài.

Phốc Đầu: loại mũ hai tầng, tầng sau nhô cao hơn tầng trước, là nơi chứa búi tóc, gáy mũ đính hai cánh chuồn nằm ngang. Mũ Phốc Đầu thời Tống có dáng vuông vức. Nhà Minh về sau dựa theo kiểu dáng mũ Phốc Đầu thời Tống chế ra một dạng mũ tròn, hai cánh chuồn tròn, to bản, gọi là mũ Ô Sa. Mũ Phốc Đầu được du nhập vào Việt Nam từ năm 1059, áp dụng làm mũ Thường phục của bá quan, đến thời Trần bị phế bỏ, tái du nhập vào triều Lê sơ. Đến thời Nguyễn, nhà Nguyễn quy định mũ Phốc Đầu vuông là loại mũ dành cho quan võ, mũ Phốc Đầu tròn (Ô Sa) dành cho quan văn. Mũ Phốc Đầu của Việt Nam hầu hết đều được gắn các trang sức bằng kim loại.

Phủ Dung: một loại mũ của vua nhà Trần theo ghi nhận của Lê Tắc, nhiều khả năng là mũ Thường triều, thường được biết đến là mũ của Đạo giáo, có hình dạng bông sen, chụp vào búi tóc.

Phủ hậu: hai cánh dôi ra từ hai bên sườn áo bào theo quy chế của nhà Minh, được áp dụng vào triều đình Lê Trung Hưng và triều Nguyễn.

Phượng tâm khúc lĩnh: dạng phục sức làm bằng lụa trắng, hình tròn để đeo vào cổ, chính giữa có một đoạn lụa dôi xuống hình vuông, thường được phối với Lễ phục của vua và các quan đại thần, ít nhất còn được sử dụng đến thời Trần. Nhà Nguyễn không sử dụng loại phục sức này.

Phượng Thắt: mũ Thường phục của tôn thất thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Phượng bào: áo bào thêu hình chim phượng của hậu phi triều Nguyễn nói chung.

Phượng ngư tú phục: dạng áo bào Triều phục của tước hầu, minh tự thời Trần, trên áo thêu hoa văn phượng cá.

Phượng Quan: mũ Triều phục của hậu phi triều Nguyễn, ngôi thứ được phân biệt bởi số lượng trang sức phượng múa rồng bay trên mũ. Mũ có chín hình phượng múa rồng bay được gọi là Cửu Phượng Quan, có bảy hình gọi là Thất Phượng Quan...

Quần: từ chỉ chung các loại váy, bao gồm cả thường. Tuy nhiên, từ cuối thời Nguyễn, khái niệm quần được dùng để chỉ loại đồ mặc phía dưới, có hai ống chân. Xem: Khố, Quần chân.

Quần chân: chỉ loại quần có hai ống chân phân biệt với loại quần không đáy, là chiếc váy cổ cụp của phụ nữ Việt xưa kia.

Quyển Vân: tên gọi khác của mũ Thông Thiên, loại mũ có chóp uốn cong ngả về phía sau, trông như áng mây cuộn, thân mũ có các viên lương được đính các hạt ngọc châu. Đây là loại mũ Triều phục của vua Tống. Qua ghi chép của Lê Tắc, các vua nhà Trần cũng sử dụng mũ Quyển Vân, có lẽ khi áp dụng vào Việt Nam, loại mũ này cũng được sử dụng trong các buổi Đại triều.

Song khai: loại áo xẻ vạt trước, vạt sau, trang phục thông dụng của binh lính triều Nguyễn.

Tam Sơn: loại mũ có những múi hình mây uốn cong ở chóp mũ, có ngọc châu đính dọc các viên lương tương tự mũ Quyển Vân Thông Thiên, có trang sức hình

tam sơn (ba ngọn núi) đính ở giữa trán mũ.

Tế tất: vuông vải hình chữ nhật che phía trước hạ thể, một trong những phụ kiện của Lễ phục Cổ Miện.

Thái bào: tên gọi chung của các loại áo bào được thêu hoa văn sắc sỡ.

Thái Cổ: mũ Thường phục của các quan văn võ chính thất phẩm, bát phẩm, cửu phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Thanh Cát: 1. loại vải Cát thường có màu xanh đen, ngoài ra còn được nhuộm thành các màu hỏa minh, vi minh và màu quỳ. 2. loại áo Tế phục của vua chúa, Thường phục của quan lại, đồng thời cũng là Tiệm phục của quan dân triều Lê Trung Hưng, sự khu biệt dựa trên màu sắc áo. 3. loại mũ của một số hạng binh lính cấp thấp, của thường dân triều Lê Trung Hưng, có kiểu dáng tương tự mũ Đinh Tự, cũng là loại mũ các quan đội khi nước có quốc tang.

Thao: 1. loại dây tết dùng để treo vào nón (nón quai thao). 2. loại dây tết dùng để thắt lưng, được sử dụng rộng rãi vào thời Lê Trung Hưng.

Thân: tên gọi khác của đai dới, một dạng đai thắt lưng, có hai dải to bản buông xuống dưới chân.

Thất Long Đường Cản: loại mũ Triều phục của hoàng thái tử triều Nguyễn, có kiểu dáng tương tự mũ Cửu Long Đường Cản của hoàng đế, song số lượng trang sức trên mũ có sự gia giảm. Xem: Đường Cản.

Thiên Hà dới: dải lụa trang sức vắt ngang miện bản trên mũ Miện của đế vương.

Thị phục: trang phục bá quan sử dụng khi vào chầu chúa Trịnh.

Thông Thiên: tên gọi khác của mũ Quyển Vân vào thời Trần, mũ Triều Thiên vào thời Lê, và mũ Xung Thiên vào thời Nguyễn. Xem: Quyển Vân, Triều Thiên, Xung Thiên.

Thụ: còn gọi tổ thụ, dải tết bằng các sợi tơ thắt ở sau lưng, gồm đại thụ, dải tết kín hình chữ nhật, và tiểu thụ, dải tết thưa, nằm trên đại thụ.

Thường: một dạng váy quây, quây ra ngoài chiếc quần hai ống, loại trang phục này phổ biến trong dân gian Việt Nam vào thời Lý - Trần. Đến thời Nguyễn, thường còn được gọi là xiêm, trang phục được quy định sử dụng trong những buổi lễ, thiết triều, áp dụng đối với vua quan và hoàng tộc, những người có danh vị và phẩm trật. Xem: Xiêm.

Thường phục: trang phục mặc vào những buổi Thường triều, các ngày mồng 5, 10, 20, 25.

Thùy anh: tên gọi khác của dây hoành trên mũ Miện dành cho hoàng đế triều Nguyễn, được làm bằng tơ vàng, thắt ở cằm, có tua hình hạt bột rủ xuống. Xem: Hoành.

Thủy ba: hoa văn sóng nước trên áo bào triều Lê - Nguyễn.

Tiệm phục: trang phục vua quan mặc vào ngày thường, những lúc không phải thiết triều.

Tiêu kim tử phục: dạng áo bào Triều phục màu tía nạm vàng của tước vương thời Trần.

Toàn Hoa: loại mũ áp dụng cho ngạch Tụng quan của nhà Trần, có hai kim hoàn đính ở hai bên mũ, vải nhung màu tía pha

biếc làm thành sáu tua, đính vào đai ngang ở sau mũ. Từ năm 1396 đến hết triều Hồ, mũ Toàn Hoa được áp dụng làm mũ Thường phục của các quan văn võ tông thất phẩm.

Tràng vạt. Xem: Giao lĩnh.

Triều phục: loại trang phục vua quan mặc vào các buổi lễ nhỏ, song vào thời Nguyễn, được đồng nhất với Công phục, chỉ loại trang phục mặc vào buổi Đại triều ngày rằm và mồng một.

Triều Thiên: 1. mũ Thường triều của các vương, hầu để tóc dài thời Trần; 2. tên gọi khác của mũ Xung Thiên thời Lê, loại mũ có kiểu dáng tương tự mũ Phốc Đầu, hai cánh chuồn hơi gấp, hướng lên trời.

Trục lĩnh: 1. tên gọi khác của áo giao lĩnh; 2. chỉ loại áo cổ thẳng nói chung, bao gồm cả áo giao lĩnh, tứ thân, Nhật Bình. Xem: Giao lĩnh.

Trung đơn: áo lót trong màu trắng, kiểu giao lĩnh, cổ áo thường được thêu các hoa văn Phũ.

Trung Tĩn: loại mũ Tiện phục của các chức quan đội khi nhàn hạ, không phải vào triều theo quy chế của nhà Minh, Trung Quốc. Tại Việt Nam, hiện chỉ thấy loại mũ này được thể hiện trên pho tượng hoàng tử Lê Đình Tứ chùa Bút Tháp, Bắc Ninh.

Trường lĩnh. Xem: Giao lĩnh.

Tứ thân: loại áo xẻ tà hai bên sườn, có hai vạt kiểu đối khâm, cổ áo có viền chạy thẳng xuống dưới, dài quá gối. Loại áo tứ thân thời Nguyễn thường thấy là loại áo hẹp tay, tuy nhiên từ thời Lê trở về trước, ống tay áo rộng hẹp đều được tùy nghi sử dụng.

Tứ Diên: loại áo cổ tròn, từ phần ức trở xuống xẻ tà, được may bằng bốn khổ vải, thường có màu đen, được sử dụng phổ biến trong cung đình và dân gian Việt Nam thời Lý - Trần.

Tứ linh bào: còn gọi là Mãng bào, áo bào Triều phục của các quan nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn, trên áo được thêu bốn loài linh thú long, ly, quy, phượng.

Tứ Phương Bình Định: mũ của nho sinh, tú tài thời Minh Trung Quốc và của các tôn sinh quý tộc của nhà Nguyễn Việt Nam. Loại mũ này làm bằng the, bốn bên vuông vức, trên rộng dưới hẹp.

Tứ Phương Bình Định: loại mũ quân trang áp dụng cho Thập đạo quân thời vua Đinh Tiên Hoàng, được duy trì đến thời Lê Trung Hưng. Loại mũ này làm bằng da, đỉnh phẳng, bốn bên vuông vức được khâu ráp lại, trên hẹp dưới rộng.

Tử tu gián bích: dải vải nhung màu tía pha biếc được gắn ở sau mũ Thường phục của các quan nhà Trần. Ở mũ của Tụng quan, dải vải này được phân làm sáu tua, gắn ở đai ngang sau mũ.

Văn Công: mũ Thường phục áp dụng cho quan văn nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn, trang sức toàn bằng vàng, có hai dải anh sức hoa vàng khảm ngọc châu.

Văn Tú Tài: mũ Thường phục áp dụng cho các quan văn võ thất, bát, cửu phẩm triều Nguyễn, kiểu dáng tương tự mũ Đông Pha, riêng lá phủ phía sau mũ phẳng là khác biệt. Xem: Đông Pha.

Vĩ Dịch: Lễ phục tôn quý nhất trong sáu loại trang phục của hậu phi, tương đương

với trang phục Cổ Miện của hoàng đế, màu đen huyền hoặc xanh sẫm, thêu hoa văn chim trĩ.

Viên lĩnh. Xem: Đoàn lĩnh.

Viễn Du: mũ Thường phục của các vị vương hầu thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Võ Đại Long: loại mũ quân phục của các vị vua đầu triều Nguyễn, được kết hợp với Long bào hẹp tay.

Võng cán: dạng lưới bọc quanh đầu để cố định tóc được áp dụng vào triều đình Đảng Trong từ năm 1744 và tiếp tục sử dụng trong cung đình triều Nguyễn.

Xiêm: vốn chỉ tế tất, vuông vải hình chữ nhật che trước hạ thể, vào thời Nguyễn được dùng để chỉ thường. Xem: Thường, Tế tất.

Xuân Thu: 1. loại mũ Lễ phục của hoàng đế triều Nguyễn sử dụng khi tế lễ tại tông miếu; 2. loại mũ Thường phục của các quan võ tứ, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn.

Xung Thiên: dạng mũ có kiểu dáng như mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn hướng lên trời. Đây là loại mũ Thường phục của các vua thời Lê sơ, và là mũ Triều phục của vua Lê, chúa Trịnh, cũng như vua chúa nhà Nguyễn. Quy chế trang sức trên mũ ở mỗi thời mỗi khác.

Yến Vĩ: mũ Tiện phục của các quan võ triều Lê Trung Hưng, thân hình lục lăng, sau mũ có một lá phủ tương tự hình đuôi én nên còn được gọi là mũ Đơn Diệp (lá đơn), hoặc mũ đuôi én.

THƯ MỤC SÁCH TRÍCH DẪN



A. Tư liệu Việt Nam:

An Nam phong tục sách (安南風俗冊). Mai Viên Đoàn Triển. Nxb Hà Nội. 2008.

Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế. Tập 1. Thái Công Nguyên chủ biên. Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế. 1997

Bị khảo (備攷). Phạm Đình Hổ. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.956.

Bản rập họa tiết mỹ thuật cổ Việt Nam. Viện Mỹ thuật. Nxb Mỹ Thuật. 2000

Các thể văn chữ Hán Việt Nam. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Nxb KHXH. 2010

Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa (指南玉音

解義). Trần Xuân Ngọc Lan phiên âm và chú giải. Nxb KHXH. 1985.

Chu nguyên tạp vịnh thảo (周原雜詠草). Lý Văn Phức. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: VHV.1146

Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ. Viện Sử học. Nxb Giáo Dục Việt Nam. 2009

Cổ vật Thăng Long Hà Nội. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Hà Nội. 2010.

Công dư tiện ký (公餘捷記). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.44

Công hạ ký văn (公暇記聞). Trương



Quốc Dụng. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1499

Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục (堊史略編大越阮朝實錄). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.1676.

Du hiên tùng bút (輶軒叢筆). Bùi Văn Dị. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.801

Đại Nam điển lệ toát yếu (大南典例撮要). Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. 1993.

Đại Nam thực lục (大南實錄). Viện sử học. Nxb Giáo Dục. 2007; Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2772/ 32 ; A.2772/27.

Đại Nam quốc âm tự vị (大南國音詞彙). Huỳnh Tịnh Của. Nxb Trẻ. 1998.

Đại Việt thông sử (大越通史). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1389.

Đại Việt sử ký tiền biên (大越史記前編). Thư viện Viện Sử học. KH: BK2.

Đại Việt sử ký tục biên (大越史記續編). Viện nghiên cứu Hán Nôm. Nxb Văn Hóa Thông Tin. 2011.

Đại Việt sử ký toàn thư (大越史記全書). Viện KHXH Việt Nam. Nxb KHXH. 1998.

Đất lề quê thói (Phong tục Việt Nam). Nhất Thanh. Cơ sở Ấn loát Đường Sáng. 1970.

Đồng Khánh Khải Định chính yếu (同慶啓定政要). Nguyễn Văn Nguyên dịch. NXB Thời đại. 2010.

Gia Định thành thông chí (嘉定城通志). Trịnh Hoài Đức. Nxb Giáo Dục. 1999.

Hình ảnh Hà Nội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nxb Hà Nội. 2010.

Hoàng Lê nhất thống chí (皇黎一統志). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.883

Hồn Việt. Số 3. Tháng 6 năm 2006.

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ (欽定大南會典事例). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: VHv.1681/13

Khâm định Việt sử thông giám cương mục (欽定越史通鑿綱目). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.591.

Kim ngọc bảo tỷ. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. 2010.

Lão song thô lục (老窗粗錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2818

Lịch đại danh thần sự trạng (歷代名臣事狀). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.246

Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam. Nxb Từ điển Bách Khoa. 2009

Lê quý dật sử (黎季逸史). Bùi Dương Lịch. Nxb KHXH. 1987.

Lê Quý Đôn toàn tập (Tập I. *Phủ biên tạp lục* 撫邊雜錄; Tập II. *Kiến văn tiểu lục* 見聞小錄; Tập III. *Đại Việt thông sử* 大越通史). Nxb KHXH. 1977 – 1978.

Lê triều chiếu lệnh thiện chính (黎朝詔令善政). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.257.

Lê triều hội điển (黎朝會典). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.52.

Một số văn bản Điển chế và Pháp luật Việt Nam. Tập II. Từ thế kỷ XV đến XVIII. Nxb KHXH. 2009.

Lịch triều hiến chương loại chí (歷朝憲章類誌). Phan Huy Chú. Nxb KHXH. 1992. (Viện nghiên cứu Hán Nôm, KH: A.1551/4)

Lịch triều tạp ký (歷朝雜記). Ngô Cao Lãng. Nxb KHXH. 1975.

Lược sử mỹ thuật Việt Nam. Trịnh Quang Vũ. Nxb Từ điển Bách Khoa. 2009.

Mạnh Tử quốc văn giải thích (孟子國文

解釋). Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Tùng Văn Nguyễn Đôn Phục dịch. Trung Bắc Tân Văn. 1932.

Minh Mạng chính yếu (明命政要). Nxb Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên. 1974.

Mỹ thuật thời Trần. Nguyễn Đức Nùng chủ biên. Nxb Văn hóa. 1977.

Nam phương danh vật bị khảo (南方名物備考). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.43

Nam sử tư ký (南史私記). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2207

Nhật dụng thường đàm (日用常談). Phạm Đình Hổ. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.1726.

Những khám phá về hoàng đế Quang Trung. Đỗ Bảng. Nxb Thuận Hóa. 1994.

Nghiên cứu lịch sử. Số 66. 1964.

Nghiên cứu tôn giáo. Số 4. 2006.

Ngô Thì Nhậm toàn tập. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học. Nxb Văn Học. 2001.

Ô châu cận lục (烏州近錄). Dương Văn An. Nxb Giáo Dục Việt Nam. 2009.

Quân lực Việt Nam dưới các triều đại phong kiến (Từ Thượng cổ đến Cận kim). Phạm Văn Sơn. Bộ Tổng Tham mưu QL/VNCH. 1971

Quốc sử di biên 國史遺編. Phan Thúc Trục. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1045.

Quốc văn trích diễm. Dương Quảng Hàm. Nxb Trẻ. 2004

Sơn cư tạp thuật (山居雜述). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.822

Tang thương ngẫu lục (桑滄偶錄). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.89.

Tập mĩ thi văn (集美詩文). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2987

Thế giới di sản. Hội Di sản Văn hóa Việt Nam. Số 7. Năm 2009.

Thiền Tông khóa hư ngữ lục (禪宗課虛語錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. Bản AB.268.

Thông báo Hán Nôm học. Viện nghiên cứu Hán Nôm. 2009.

Thơ chữ Hán của vua Lê Thánh Tông. Nxb Văn Học. 2003.

Thơ văn Lý Trần. Tập 1 - 1977. Tập 2 - 1988. Tập 3 - 1978. Nxb KHXH

Toàn Việt thi lục (全越詩錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1262.

Tuyển tập Ngô gia văn phái. Trần Thị Băng Thanh, Lại Văn Hùng chủ biên. Nxb Hà Nội. 2010.

Từ điển tiếng Việt. Hoàng Phê. Trung tâm từ điển Vietlex. 2007

Từ điển Văn học (bộ mới). Đỗ Đức Huệ, Nguyễn Huệ Chi chủ biên. Nxb Thế Giới. 2004.

Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc. Chu Quang Trứ. Nxb Mỹ Thuật. 2001.

Trang phục Thăng Long Hà Nội. Đoàn Thị Tình. Nxb Hà Nội. 2010.

Trang phục triều Lê Trịnh. Trịnh Quang Vũ. Nxb Từ điển Bách Khoa. 2008.

Trang phục Việt Nam. Đoàn Thị Tình. Nxb Mỹ Thuật. 2006.

Ức Trai di tập (抑齋遺集). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: VHv.1772/2-3

Văn hoá Phùng Nguyên. GS.TS Hán Văn Khẩn. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 2005.

Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 1. Từ Bắc thuộc đến thời Lý. École française d'Extrême-Orient & Viện nghiên cứu Hán

Nôm. 1998; Tập 2. Thời Trần (1226-1400) Tập thượng. National Chung Cheng University và Viện nghiên cứu Hán Nôm. 2002. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: Vt 00349.

Vân Đài loại ngữ (雲臺類語). Lê Quý Đôn. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.118.

Vân Nang tiểu sử (雲囊小史). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.872

Việt Nam phong tục. Phan Kế Bính. Nxb Văn Học. 2006.

Việt Nam sử lược. Trần Trọng Kim. Nxb Văn Học. 2008.

Việt Nam thi văn hợp tuyển. Dương Quảng Hàm. Nxb Trẻ. 2005.

Việt Nam tự điển. Hội Khai Trí Tiến Đức. 1954.

Việt Nam văn hóa sử cương. Đào Duy Anh. Quan Hải Tùng Thư. 1938.

Việt sử (越史). Tập Hiền viện. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.279

Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777 (tái bản). Phan Khoang. Nxb Văn Học. 2001.

Việt sử lược (越史略). Trần Quốc Vượng dịch. Nxb Thuận Hóa. Huế. 2005

Vũ trung tùy bút (雨中隨筆). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1297

B. Tư liệu Trung Quốc:

An Nam chí lược (安南志略). (Nguyên) Lê Tắc 黎崱. Viện Đại học Huế - Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam. Huế. 1961; Trung Hoa thư cục. 2000; Internet Archive (archive.org).

An Nam chí nguyên (安南志原). (Minh) Cao Hùng Trưng 高雄徵. Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

An Nam lai uy đồ sách (安南來威圖冊). (Minh) Lương Thiên Tích 梁天錫. *Duệ Thừa*. Quyển hạ. Quốc lập Trung ương Đồ thư quán. 1981. (裔乘. 卷下. 國立中央圖書館)

An Nam truyện – An Nam tạp ký – An nam ký du (安南傳, 安南雜記, 安南紀游). Vương Vân Ngũ chủ biên. Thương Vụ Ấn thư quán. 1937. (王雲五主編. 商務印書館)

Cẩm tú văn chương. Cao Xuân Minh. Thượng Hải Thư họa Xuất bản xã. 2005. (錦綉文章. 高春明. 上海书画出版社)

Chân Lạp phong thổ ký (真臘風土記). (Nguyên) Châu Đạt Quan 周達觀. Nxb Văn Nghệ. HCM. 2007

Chấn trạch tập (震澤集). (Minh) Vương Ngao 王鏊. Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

Chí Chính tập (至正集). (Nguyên) Hứa Hữu Nhậm 許有壬. Internet Archive (archive.org)

Chiến quốc sách (戰國策). Trung Hoa Thư cục. 2009.

Chuyết canh lục (輟耕錄). (Minh) Đào Tông Nghi 陶宗儀. Internet Archive (archive.org)

Chư Phiên chí (諸番志). (Tống) Triệu Nhữ Thích 趙汝适. Trung Hoa Thư cục. 1996.

Chức tú trân phẩm. Triệu Phong. Hương Cảng Nghệ Sa Đường. 1994. (织绣珍品. 赵丰. 香港艺纱堂)

Cố cung đồ tượng tuyển túy. Quốc lập Cố cung Bác vật viện. 1971. (故宮圖像選粹. 國立故宮博物館)

Cổ đại Hán ngữ từ điển. Trần Phục Hoa chủ biên. Thương Vụ Ấn Thư quán. 2002. (古代汉语词典. 陈复华主编. 商务印书馆)

Cựu Đường thư (舊唐書). (Hậu Tấn) Lưu Hú 劉昫. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Đài Loan Đông Á văn minh nghiên cứu học khan. Quyển 3. Kỳ 2. Tháng 12 năm 2006. (臺灣東亞文明研究學刊. 第3卷. 第2期)

Đại Minh y quan phục nguyên nghiên cứu hệ liệt. Minh triều Lương Quan phục nguyên suy trắc. (大明衣冠复原研究系列. 明朝梁冠复原推测. 撷芳主人) (mingyiguan.org)

Đảo Di chí lược (島夷志略). (Nguyên) Uông Đại Uyên 汪大淵. Trung Hoa thư cục. 1981.

Đồ hội bảo giám (圖繪寶鑑). (Nguyên) Hạ Văn Ngạn 夏文彥. Internet Archive (archive.org)

Đông lý văn tập (東里文集). (Minh) Dương Sĩ Kỳ 楊士奇. Internet Archive (archive.org)

Giới Am lão nhân mạn bút (戒庵老人漫筆). (Minh) Lý Hủ 李詡. Trung Hoa Thư cục. 1997.

Hải ngoại kỷ sự (海外紀事). (Thanh) Đại Sán 大汕. Trung Hoa thư cục. 2000.

Hán Đường phương chí tập dật. Lưu Vĩ Nghi. Bắc Kinh Đồ thư quán Xuất bản xã. 1997. (汉唐方志辑佚. 刘纬毅. 北京图书馆出版社).

Hiện đại Hán ngữ từ điển. Bản thứ 5. Thương Vụ Ấn Thư quán. 2005. (现代汉语词典. 第五版. 商务印书馆).

Hoàng Thanh chúc cống đồ (皇清職貢圖). Internet Archive (archive.org).

Kiên hồ tập. (堅瓠集) Internet Archive (archive.org).

Ký lục vịnh biên (記錄彙編). (Minh). Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

Khang Hy tự điển. (zdic.net).

Lễ ký. Bắc Kinh đại học Xuất bản xã. 1999. (十三经注疏礼记正义. 北京大学出版社)

Liêu Ninh tỉnh bác vật quán tàng – Thư họa trước lục – Hội họa quyển. Dương Nhân Khải chủ biên. Liêu Ninh Mỹ thuật Xuất bản xã. 1999. (辽宁省博物馆藏·书画著录·绘画卷. 杨仁恺 主编. 辽宁美术出版社)

Liễu Hà Đông tập (柳河東集). (Đường) Liễu Tông Nguyên 柳宗元. Internet Archive (archive.org).

Lĩnh biểu lục dị (嶺表錄異). (Đường) Lưu Tuân 劉恂. Vương Vân Ngũ chủ biên. Thương Vụ Ấn thư quán. 1936. (王雲五主編. 商務印書館).

Lĩnh ngoại đại đáp (嶺外代答). (Tống) Chu Khứ Phi 周去非. Trung Hoa Thư cục. 1999

Long chi nguyên. Dương Tịnh Vinh, Lưu Chí Hùng. Trung Quốc Thư điểm. 2008. (龍之原. 杨静荣, 刘志雄. 中国书店. 2008).

Luận Hành (論衡). (Hán) Vương Sung 王充. (guoxue.com)

Man thư (蠻書). (Đường) Phàn Xước 樊綽. (archive.org)

Minh sử (明史). Quốc Học võng (guoxue.com)

Minh thực lục loại soạn. Thiệp ngoại sử liệu quyển (明實錄類纂. 涉外史料卷). Vũ Hán Xuất bản xã. 1991. (武漢出版社)

Minh thực lục (明實錄). Trung ương Nghiên cứu viện. Lịch sử ngôn ngữ nghiên cứu sở hiệu ấn. 1962. (中央研究院歷史語言

研究所校印 - 1962年版) (ishare.iask.sina.com.cn)

Minh Thái tổ văn tập (明太祖文集). (Minh) Diêu Sĩ Quán 姚士觀. Internet Archive (archive.org)

Mộng Khê bút đàm (夢溪筆談). (Tống) Thẩm Quát 沈括. Trung Hoa Thư cục. 2009.

Nam Tề thư (南齊書). (Lương) Tiêu Tử Hiển 蕭子顯. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Nam sử (南史). (Đường) Lý Diên Thọ 李延壽 (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Nguyên sử (元史). (Minh) Tống Liêm 宋濂. Tập 15 (quyển 194 đến quyển 210). Trung Hoa Thư cục. 1975.

Nguyên thi kỷ sự (元詩紀事). (Thanh) Trần Diên 陳衍. Thượng Hải cổ tịch Xuất bản xã. 1987.

Tòng chu biên khản Trung Quốc. Phúc Đán đại học Văn sử Nghiên cứu viện biên. Trung Hoa Thư cục. 2009. (从周边看中国. 复旦大学文史研究院编. 中华书局)

Son cư tân ngữ (山居新語). (Nguyên) Dương Vũ 楊瑀. Internet Archive (archive.org).

Sử ký (史記). (Hán) Tư Mã Thiên 司馬遷. Trung Hoa Thư cục. 2006.

Sử học nguyệt san. Kỳ 10. 2005 (史学月刊. 第十期)

Tam lễ đồ (三禮圖). (Tống) Nhiếp Sùng Nghĩa 聶崇義. Internet Archive (archive.org).

Tam quốc chí (三國志). (Tấn) Trần Thọ 陳壽. Quốc Học võng (guoxue.com)

Tam tài đồ hội (三才圖會). (Minh)

Vương Kỳ 王圻. Thượng Hải Cổ tịch Xuất bản xã. 1988. (上海古籍出版社)

Tạp chí Tử Cấm Thành. Kỳ 131. Tháng 4 năm 2005. (紫禁城. 第131期)

Tạp chí Thu Tàng Gia, kỳ 8, 2009. (收藏家. 第8期)

Tạp chí Văn Sử Triết. Kỳ 5. 2006. (文史哲. 第5期)

Tây Hồ du lãm chí dư (西湖遊覽志餘). (Minh) Điền Nhữ Thành 田汝成. Internet Archive (archive.org)

Tề dân yếu thuật trực tị sách dẫn. Lưu Điện Tước, Trần Phương Chính, Hà Chí Hoa chủ biên. Trung văn đại học Xuất bản xã. 2001. (齐民要术逐字索引. 刘殿爵, 陈方正, 何志华主编. 中文大学出版社)

Tế Ninh văn vật trân phẩm. Tế Ninh thị Văn Vật cục biên soạn. Văn Vật Xuất bản xã. 2010. (济宁文物珍品. 济宁市文物局编. 文物出版社)

Thanh sử đồ điển. Cố cung Bác vật viện biên soạn. Tử Cấm Thành Xuất bản xã. 2002. (清史图典. 故宫博物院编. 紫禁城出版社)

Thanh triều văn hiến thông khảo (清朝文献通考). Trung Hoa Thư cục. 1936.

Thích Danh (釋名). (Hán) Lưu Hy 劉熙. (china-culture.jlmpc.cn)

Thù vực chu tư lục (殊域周咨錄). (Minh) Nghiêm Tông Giản 嚴從簡. Trung Hoa Thư cục. 1993.

Toàn cầu hóa hạ Minh sử nghiên cứu chi tân thị dã luận văn tập. Đài Bắc Đông Ngô đại học Lịch sử học hệ. 2007 (全球化下明史研究之新視野論文集(三). 臺北東吳大學歷史學系)

Tống hội yếu tập cảo (宋會要輯稿).

Thượng Hải Đại Đông Thư cục. 1935. (上海大東書局)

Tống Sử (宋史). (Nguyên) Thoát Thoát 脫脫. Trung Hoa Thư cục. Tập 40. 1975.

Tùy thư (隋書). (Đường) Ngụy Trung 魏徵. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Trang Tử (莊子). (Xuân Thu) Trang Chu 莊周. Tôn Thông Hải 孫通海 dịch chú. Trung Hoa thư cục. 2008.

Triển lãm văn vật folklore Đông Nam Á Phi - Việt - Thái - Ấn. Quốc lập lịch sử bác vật quán. 2007 (菲越泰印: 東南亞民俗文物展. 國立歷史博物館)

Trịnh Khai Dương tạp trú (鄭開陽雜著). (Minh) Trịnh Nhượng Tăng 鄭若曾. Internet Archive (archive.org)

Trúc Giản tập (竹澗集). (Minh) Phan Hy Tăng 潘希曾. Internet Archive (archive.org)

Trung Quốc cổ dư phục luận tông (Tăng đính bản). Lục Cơ. Văn Vật Xuất bản xã. 2001. (中国古輿服論丛(增订本). 孙机. 文物出版社)

Trung Quốc cổ đại quân nhung phục sức. Lưu Vĩnh Hoa. Thượng Hải cổ tịch Xuất bản xã. 2003. (中国古代军戎服饰. 刘永华. 上海古籍出版社)

Trung Quốc lịch đại y quan phục sức chế. Trần Mậu Đồng. Bách Hoa Văn Nghệ Xuất bản xã. 2005. (中国历代衣冠服饰制. 陈茂同. 百花文艺出版社)

Trung Quốc lịch đại phục sức sử. Viên Kiệt Anh. Cao Đẳng Giáo Dục Xuất bản xã. 1994. (中国历代服饰史. 袁杰英. 高等教育出版社)

Trung Quốc long bào. Hoàng Năng Phúc, Trần Quyên Quyên. Ly Giang Xuất

bản xã. 2006. (中國龍袍. 黄能馥, 陈娟娟. 漓江出版社)

Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển. Chu Tấn, Cao Xuân Minh. Thượng Hải Từ thư Xuất bản xã. 1996. (中国衣冠服饰大辞典. 周汛, 高春明编著. 上海辞书出版社)

Trung Quốc phục sức thông sử. Hoàng Năng Phúc. Trung Quốc Phương chức Xuất bản xã. 2007. (中国服饰通史. 黄能馥. 中国纺织出版社)

Trung Quốc phục trang sử. Hoàng Năng Phúc, Trần Quyên Quyên. Trung Quốc Lữ du Xuất bản xã. 1995. (中国服装史. 黄能馥, 陈娟娟. 中国旅游出版社)

Trùng Khánh Bác vật quán quán tàng văn vật đồ sách. Vương Xuyên Bình chủ biên. Văn Vật Xuất bản xã. 2011. (重庆中国三峡博物馆—重庆博物馆馆藏文物图册. 王川平主编. 文物出版社)

Văn hiến thông khảo (文獻通攷). (Nguyên) Mã Đoan Lâm 馬端臨. Trung Hoa Thư cục. 1986.

Việt kiều thư (越嶠書). (Minh) Lý Văn Phụng 李文鳳. *Tứ khối toàn thư tồn mục tùng thư*. Tề Lỗ thư xã. 1996. (四庫全書存目叢書. 齊魯書社)

C. Tư liệu Hàn Quốc:

Chi Phong tiên sinh tập (芝峯先生集 지봉선생집). Lý Toái Quang (李睟光 이수광). DB of Korean classics (db.itkc.or.kr)

Phục sức. Yehwa yeoja daehak chulbanbo. 1995. (服飾. 梨花女子大學校 博物館 特別展圖錄(23). 梨花女子大學出版部. 1995)

Hàn Quốc phục sức sử. An Myeong

Suk, Kim Yong Seo. Ye Hak sa. 2006. (한국복식사. 안명숙, 김용서. 예학사)

Ích trai loạn cảo (益齋亂稿 익재란고). Lý Tề Hiền (李齊賢 이제현). DB of Korean classics (db.itkc.or.kr)

Nghiên Kinh Trai toàn tập (研經齋全集 연경재전집). Thành Hải Ứng (成海應 성해응). DB of Korean classics (db.itkc.or.kr).

Quốc triều ngũ lễ nghi (國朝五禮儀 국조오례의). Thân Thúc Chu (申叔舟 신숙주). Viện nghiên cứu Hàn Quốc học Khuê Chương Các Đại học Seoul. KH:奎 1136-v.1-6. (서울대학교 규장각 한국학연구원. 청구기호:奎 1136-v.1-6.)

Trang phục của nước ta thời Joseon qua tranh nhân vật. Kwon O Chang. Hyeon Am sa. 1998. (인물화로 보는 조선시대 우리 옷. 권오창. 현암사)

Triều Tiên vương triều thực lục (朝鮮王朝實錄 조선왕조실록). (sillok.history.go.kr/main/main.jsp)

Trung Quốc lịch đại đế vương Miện phục nghiên cứu. Choe Kye Sun. Đông Hoa đại học xuất bản xã. 2007. (中国历代帝王冕服研究. 崔圭顺. 东华大学出版社)

D. Tư liệu Nhật Bản:

Cầu dương ký sự (球陽記事). Trịnh Bình Triết (郑秉哲). Thư viện Đại học Tsukuba (筑波大学図書館). (ishare.iask.sina.com.cn)

Chu ấn thuyền hội quyển. Bảo tàng quốc lập Kyushu. 2009. (朱印船絵巻一海のむこうのずっとむこう. 九州国立博物館)

Đông phương học. Kỳ 23. (東方学. 第23期)

Hải ngoại chư đảo đồ thuyết (海外諸島圖説). The Kyushu University Museum.

(record.museum.kyushu-u.ac.jp)

Hòa Hán tam tài đồ hội (和漢三才圖會). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)

Hoàng Thanh chúc cống đồ (皇清職貢図). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)

Lịch sử quan hệ Việt Nam Trung Quốc. Yamamoto Tatsuro. Yamakawa Xuất bản xã. 1975. (山本達郎. ベトナム中国関係史. 山川出版社)

Mỹ thuật Nhật Bản. Số 26. Shibundo. 1968. (日本の美術. 第26号. 至文堂)

Tăng bổ Hoa Di thông thương khảo (増補華夷通商考). Nishikawa Joken (西川如見). (ishare.iask.sina.com.cn)

Thế Giới nhân vật đồ quyển (世界人物図巻). Thư viện Văn nghệ Đại học Kyushu Nhật Bản. KH: 国史17-123. (九州大学文系合同図書室蔵. 番号国史17-123) The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)

Tranh Ogoe thời xa xưa - Hội họa Lưu Cầu sống lại. Satou Fumihiko. Sakuhinsha. 2003. (遥かなる御後絵——甦る琉球絵画. 佐藤文彦. 作品社)

Vạn quốc nhân vật đồ (万国人物図). Thư viện Nagasaki thuộc huyện Nagasaki. (長崎県立長崎図書館). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)

Vạn quốc nhân vật đồ thuyết (万国人物図説). Nishikawa Jyoken 西川如見. The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)

E. Tư liệu phương Tây:

Bulletin des Amis du Vieux Huế (Những người bạn cố đô Huế). 1916

China: The Three Emperors (Ba hoàng đế Trung Hoa) 1662 – 1795. Evelyn Rawski, Jessica Rawson. Royal Academy Books. 2006.

Des Photographes en Indochine Tonkin, Annam, Cochinchine, Cambodge et Laos Au XIX Siècle (Các nhiếp ảnh gia ở Đông Dương: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Campuchia và Lào, thế kỷ XIX). Musée national des Arts Asiatiques Guimet. 2001.

Kỹ thuật của người An Nam. Henri Oger. Nxb Thế Giới. 2009.

Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài. Alexandre de Rhodes. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp HCM. 1994.

Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688. William Dampier. Nxb Thế Giới. 2007.

Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792-1793. John Barrow. Nxb Thế Giới. 2008.

Những lữ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam. Mario Sica. Nxb Thế Giới. 2013.

Silken Threads: A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam (Chỉ

tor: Lịch sử nghề thêu ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam). Young Yang Chung. Harry N. Abrams. 2005.

Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài (1681). Jean-Baptiste Tavernier. Nxb Thế Giới. 2007.

Tư liệu các công ty Đông Ấn Hà Lan và Anh về Kẻ Chợ - Đàng Ngoài thế kỷ XVII. Hoàng Anh Tuấn biên soạn. Nxb Hà Nội. 2010.

Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập tư liệu phương Tây. PGS.TS. Nguyễn Thừa Hỷ chủ biên. Nxb Hà Nội. 2010.

Từ điển Việt - Bồ - La. Alexandre de Rhodes. Nxb KHXH. 1991.

Vietnam and the Chinese model (Việt Nam và mô hình Trung Hoa). Alexander Barton Woodside. Harvard University Press. 1971.

Việt Nam trong quá khứ qua tranh khắc Pháp. Nguyễn Khắc Cần, Nguyễn Ngọc Điệp. Nxb Văn hóa Dân tộc. 1997.

Villages et villageois au Tonkin: 1915-1920 (Làng và cư dân ở làng tại Bắc Kỳ: 1915-1920). Léon Busy. Collections Albert Kahn, 1986.

Xứ Đàng Trong năm 1621. Cristophoro Borri. Nxb thành phố HCM. 1998.



NGÀN NĂM ÁO MŨ
LỊCH SỬ TRANG PHỤC VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 1009-1945

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập	Đông Vinh
Thiết kế bìa	Tạ Quốc Kỳ Nam
Trình bày	Mai Mai
Sửa bản in	Phạm Thủy

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

46 Trần Hưng Đạo - Hà Nội
Tel: 04 38253841 | Fax: 04 38269578
E-mail: thegioi@hn.vnn.vn
Website: www.thegioipublishers.com.vn

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: nhanambook@vnn.vn
<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034
Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 1.000 cuốn, khổ 17x25cm tại Công ty CP In Viễn Đông. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 226-2013/CXB/01-05/ThG và quyết định xuất bản số 40/2013/QĐ-ThG của Nhà xuất bản Thế Giới ngày 16.04.2013. In xong và nộp lưu chiểu năm 2013.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhà Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.



"Có lẽ đây là một trong những tập tài liệu văn hóa, lịch sử trang phục được nghiên cứu sâu và được biên soạn kỹ nhất ở Việt Nam, nếu không nói là quốc tế, cho đến nay".

TRẦN QUANG ĐỨC

"Trên quần chúng mình vẫn sẵn hình mẫu được đào tạo cẩn thận, trong đó luôn một số người thuộc loại kết hợp với tâm huyết của một người hiểu cổ xưa đã làm được điều người trước muốn mà chưa làm được".

DINH THANH HIỀN

Ngàn năm áo mũ là một nghiên cứu công phu và đầy tham vọng của Trần Quang Đức, dựng lại bức tranh trang phục Việt Nam trong cung đình và ngoài dân gian trong khoảng một nghìn năm từ thời Lý đến thời Nguyễn (1009-1945).

Trang phục cung đình luôn được quy định nghiêm ngặt và có nhiều đổi thay qua các triều đại. **Ngàn năm áo mũ** lý giải nguyên do và phân tích mức độ mở phóng trong sáng. Trưng Hoa trong quy chế trang phục của các triều đại Việt Nam, mô tả chi tiết, đi từ nhiều dạng trang phục như bộ Lễ phục, Cẩn Miện của các vị hoàng đế, các bà Triều phục, Thường phục, Lương quan, Công, Thận, Di Sa, Bồi phục của bá quan, hay Lễ phục Văn Địch, Phương quan của hoàng hậu và quý tộc. Trong khi đó trang phục dân gian không biến động nhiều, phổ biến là kiểu áo giao lĩnh, tứ thân, hay áo tứ thân có mấn đồng khố của dân ông và yếm, váy gấm sen của dân bà tồn tại qua hàng trăm năm lịch sử. Sự lên vua Minh Mạng cấm "quần không đáy" là một biến cố lớn lao, để rồi chiếc Áo dài năm thân đã vào đời sống dân gian và bây giờ trở thành trang phục quan trọng bậc nhất của người Việt.

Có thể nói, **Ngàn năm áo mũ** bù đắp phần nào vào khoảng trống minh mẫn của lịch sử trang phục Việt Nam nói riêng, lịch sử văn hóa Việt Nam nói chung. Cùng với những ý nghĩa chính trị xã hội sâu rộng, đây thực sự là một nghiên cứu quan trọng về cổ giá trị lâu dài.



TRẦN QUANG ĐỨC

NGÀN NĂM ÁO MŨ

TRẦN QUANG ĐỨC

NGÀN NĂM ÁO MŨ

LỊCH SỬ TRANG PHỤC VIỆT NAM
GIẢI THOẠN 1009 - 1945



TRẦN QUANG ĐỨC

Sinh năm 1985 tại Hải Phòng. Năm 2004, khi đang là sinh viên năm thứ nhất Đại học Quốc gia Hà Nội, anh đạt giải nhất cuộc thi Cầu Hiền Nguyễn thứ 3 - dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hán trên toàn thế giới. Năm 2009, anh tốt nghiệp tại Đại học Bắc Kinh Trung Quốc. Từ năm 2010 đến 2012, trong khi công tác tại phòng Tư thư thuộc Công ty Văn hóa Truyền thông Nhà Nam, anh tập trung nghiên cứu văn hóa trang phục Việt và với cuốn sách **Ngàn năm áo mũ**. Hiện anh là nghiên cứu viên thuộc Viện Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam.

Trần Quang Đức đồng thời là dịch giả của các tác phẩm: *Trà Kinh* (2008), *Chuyện tình giai nhân* (2011) và *Trưởng An loan* (2012).

TRẦN QUANG ĐỨC

NGÀN NĂM AO MŨ

TRẦN QUANG ĐỨC

NGÀN NĂM AO MŨ

LỊCH SỬ TRẠNG TRẠI VIỆT NAM
GIẢI ĐOẠN 1029 - 1945



TRẦN QUANG ĐỨC

Sinh năm 1985 tại Hải Phòng.
Năm 2004, khi đang là sinh viên năm thứ nhất Đại học Quốc gia Hà Nội, anh đạt giải nhất cuộc thi Câu hỏi - Nghị luận thứ 3 - dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hán trên toàn thế giới. Năm 2009, anh tốt nghiệp tại Đại học Bắc Kinh Trung Quốc. Từ năm 2010 đến 2012, anh làm công tác tại phòng Tư thư thuộc Công ty Văn hóa Truyền thông Nhà Nam, anh tập trung nghiên cứu văn hóa trung phục Việt và viết cuốn sách *Ngàn năm áo mũ*. Hiện anh là nghiên cứu viên thuộc Viện Nghiên cứu Văn học Việt Nam.

Trần Quang Đức đồng thời là dịch giả của các tác phẩm: *Trở kinh* (2008), *Chuyến tình giới nhân* (2011) và *Trường An loan* (2012).